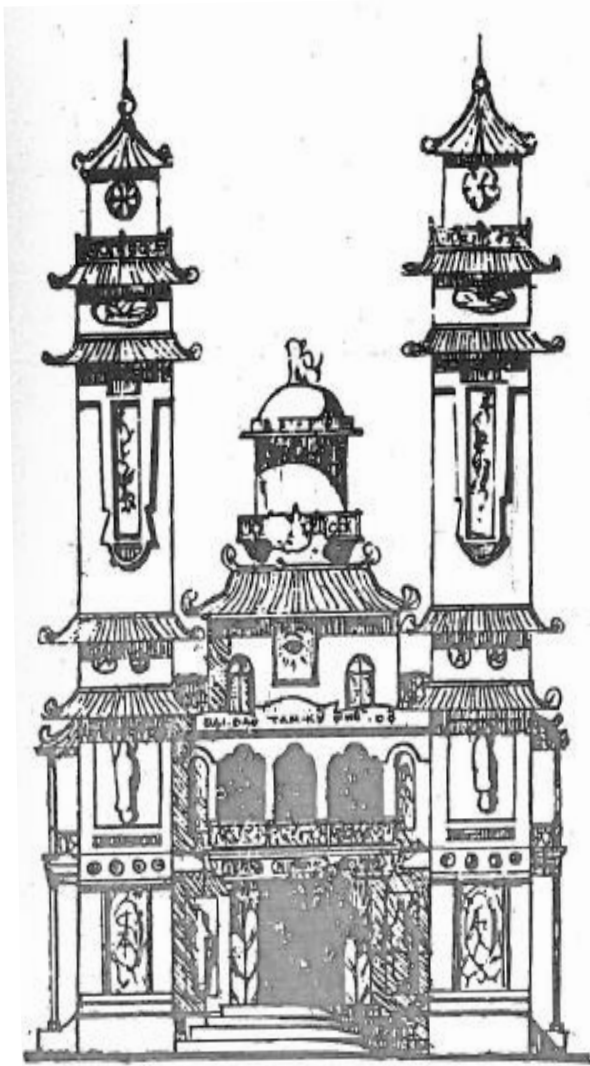


**TÌM HIỂU
ĐẠO CAO ĐÀI**



MẶT TIỀN THÁNH ĐƯỜNG
(Hình của Toà Thánh)

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
Năm Đạo 64

TÌM HIỂU
ĐẠO CAO ĐÀI

QUYỂN I

Lược Sử - Luật Pháp - Tổ Chức - Toà Thánh

Soạn giả:
ĐỖ VĂN LÝ

CAO ĐÀI GIÁO VIỆT NAM HẢI NGOẠI
25591 Phillips Road
Perris, California 92370 – USA
1989

Copyright © ALL RIGHTS RESERVED by

Cao Dai Temple Overseas
25591 Phillips Road
Perris, California 92370
U.S.A

First Edition 1989

Volume I

Library of Congress Catalog Card Number:
89-90993

Chí thành chí kính Tạ Thiên Ân

ĐỨC THƯỢNG ĐẾ

CHA CHUNG NHÂN LOẠI

đã thương mà chọn Đất Nước Dân Tộc Việt-Nam

Kính ái Ghi Ân

Đức DIÊU TRÌ KIM MẪU

MẸ CHUNG TINH THẦN

đã thương mà mang ĐẠO xuống trần gian
tại Việt-Nam

Kính Dâng

CHƯ PHẬT TIÊN THÁNH THẦN

Đã dày công xây dựng Tín Đồ Cao Đài Việt-Nam

Kính Tặng

CHƯ TIÊN KHAI TIÊN BỒI

đã khai sơn phá thạch hình thành

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

Kính Tặng

CHƯ ĐẠO TÂM ĐẠO HỮU

đã, đang, và sẽ đại hoài bão cho QUỐC ĐẠO
thành tựu và ĐẠI ĐẠO hoằng dương ra Năm
Châu Bốn Biển

Thành Tâm

HÒI HƯỚNG CÔNG QUẢ

cho hai họ ĐỖ HOÀNG đã đại chí
giúp tôi hành đạo

LỜI MỞ ĐẦU

Soạn bộ "Tìm Hiểu Đạo Cao Đài" là để đáp ứng nhu cầu của Cơ Đạo ở hải ngoại trong giai đoạn đặc biệt này, tựa trên những tài liệu hiện có, và trên những kinh nghiệm đã thu lượm được trước kia khi còn hành đạo, theo lệnh của Ông Trên, trên toàn cả miền Nam nước Việt, từ Thừa Thiên đến Bạc Liêu, Cà Mau. Nội dung rất là tổng quát và đại lược để giúp cho Đồng Đạo nói chung, và cho thế hệ trẻ sắp tiến lên nói riêng, có một ý niệm căn bản, để rồi từ đó tra cứu bổ túc thêm nữa, hầu cùng nhau trong ý thức GIỮ ĐẠO NHÀ, tiếp tay trong ngoài để tạo những điều kiện thuận lợi cho QUỐC ĐẠO được thực hiện với tất cả những gì cao đẹp đã hằng nung nấu trong tâm tư của chúng ta lâu nay, và đặc biệt từ ngày bị bức bách xa Toà Thánh, Hội Thánh, Thánh Thất, Thánh Tịnh, lìa khỏi quê hương xứ sở mến yêu của chúng ta.

Mong những hàng giản dị trong sách sẽ mang lại và gọi lại trong tâm hồn Độc Giả những Nhân, Nghĩa, Tình, những kỷ niệm vui buồn nhân tình thế thái, những hương vị của cái gì quốc hồn quốc túy mà nay hãy còn vấn vương trong lòng của những ai đại hoài bảo, thương Đạo, thương Đồng Bào, thương Quê Hương Đất Tổ. Nhưng hơn hết, tôi ước mong nó sẽ mang lại một đức tin mãnh liệt và trọn vẹn hơn nữa.

Cái gì cần thiết và hữu ích cho Cao Đài là cần thiết và hữu ích cho Dân Tộc và Đất Nước Việt.

Tôi chân thành cảm tạ Chư Vị đã có lòng gửi cho những tài liệu tham khảo quý giá và những lời khích lệ thân tình: Diệu Long, Diệu Thê, Bạch Tuyết, Thính Thiện Hứa Thị An, Đỗ Ánh Nguyệt, Hoàng

Đình Giang, Lê Tấn Tĩnh, Chon Tâm, Đặng Văn Thử, Sol Sanders, G.S. Chiang Kuo Sin, Michael Antonovich, G.S. Shirley Kahlert, L.S. Lê Tất Hào, L.S. Dr. Massimo Introvigne, Nguyễn Văn Hoàng, Christiane Nguyễn, Dr. James Amstrong... và chư vị khác nữa mà bảng danh sách rất dài không thể nào ghi hết được trên trang giấy hạn hẹp này.

Tôi cũng không thể quên được chư Đạo Hữu G.S. Lê Như Lễ, Nguyễn Bửu Tài, Phạm Hoàng Sang đã bỏ công, của, thời giờ trong bao tháng qua để hình thành quyển sách này: đánh máy, đánh dấu, trình bày, chụp hình, vẽ hình, ấn loát, v.v... Trong mỗi chữ, mỗi dấu, mỗi trang, tôi thấy được sự tận tụy, nỗ lực thành, và lòng Thương Thầy Mến Đạo, Thương Yêu Dân Tộc Đất Nước, của người Đồng Đạo tin tưởng và thiết tha. Tôi rất cảm kích.

Cuối cùng nhưng rất thấm thía và an ủi nhứt là những trợ lực về tất cả phương diện vật chất cũng như tinh thần và trí thức của người bạn đời - Đạo tỷ Bạch Hiền - và các con trong gia đình - Rahul, Rani, Asok, Raja, Merdeka, Bruce - đã sẵn sàng trong bất cứ giờ phút nào cần đến.

Toàn cả nội dung trong quyển sách này, tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Ngày 4 tháng 4 năm 1988

Nhằm ngày Vía Đức Quan Thế Âm Bồ Tát

Minh Lý Đỗ Vạn Lý

1921 Beloit Avenue

West Los Angeles, California 90025

U.S.A

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU

Phần Một

KHÁI QUÁT

1

Phần Hai GIAI ĐOẠN LẬP ĐẠO

Tiết I	Thời Kỳ Hà Tiên	17
Tiết II	Thời Kỳ Phú Quốc	19
Tiết III	Người Đệ Tử Đầu Tiên của Tiên Ông	20
Tiết IV	Hiện Tượng Thiên Nhân	23
Tiết V	Xung Danh Cao Đài Tiên Ông	24
Tiết VI	Cảnh Bồng Lai	25
Tiết VII	Phong Trào Xây Bàn tại Sài Gòn	28
Tiết VIII	Đức A Ồ A	35
Tiết IX	Đức Diêu Trì Kim Mẫu - Hội Yến Diêu Trì	42
Tiết X	Vọng Thiên Cầu Đạo - Đức Cao Đài Thượng Đế	50
Tiết XI	Ngọc Hoàng Thượng Đế Kim Viết Cao Đài Tiên Ông	58
Tiết XII	Đức Cao Đài độ ông Lê Văn Trung	64
Tiết XIII	Nhóm Phò Loan Gặp Nhóm Ân Tu	68
Tiết XIV	Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Ra Đời	72
Tiết XV	Vía Đức Cao Đài Thượng Đế	74
Tiết XVI	Phong trào Thâu Tín Đồ	78
Tiết XVII	Ông Ngô Văn Chiêu Không Nhận Phẩm Giáo Tông	83

Phần Ba

GIAI ĐOẠN KHAI ĐẠO

Tiết I	Khai Tịch Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ	87
	A. Đơn Khai Tịch Đạo	89
	B. Thành Phần Ký Tên	92
	C. Thái Độ Chánh Quyền Thuộc Địa	93
	D. Phong Trào Phổ Độ	96
	1. Nhóm Thứ Nhất	97
	2. Nhóm Thứ Nhì	97
	3. Nhóm Thứ Ba	97
	E. Thượng Đế Trực Tiếp Thâu Môn Đệ	98
	F. Ý Nghĩa Ngày Khai Tịch Đạo	103
Tiết II	Khánh Thành Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ	108
	A. Thánh Thất Gò Kén	108
	B. Chuẩn Bị Trước Ngày Đại Hội	113
	C. Ba Ngày Đại Hội	119
	1. Ngày Thứ Nhất	119
	2. Ngày Thứ Nhì	120
	3. Ngày Thứ Ba	126
	D. Kết Quả Ngày Đại Hội - Một Vài Sự Việc	127
	1. Đại Úy Paul Monet	127
	2. Việc Quĩ Nhập Tràng	131
	3. Thiên Phục Đạo Phục	135
	4. Nhân Sự	139

Phần Bốn

GIAI ĐOẠN THÀNH ĐẠO

Tiết I	Pháp Chánh Truyền Cứu Trùng Đài	141
Tiết II	Lập Luật Đạo	145
	A. Soạn Thảo Dự Luật	145
	B. Hội Thánh Cải Luật	150
	C. Tân Luật Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ	156
	1. Đạo Pháp	156
	2. Thế Luật	164

	3. Tịnh Thất	167
Tiết III	Pháp Chánh Truyền Hiệp Thiên Đài	168
Tiết IV	Lập Tịch Đạo	173
	A. Nam Phái	173
	B. Nữ Phái	175

Phần Năm

GIAI ĐOẠN HÀNH ĐẠO

Tiết I	Lập Toà Thánh Tây Ninh	179
	A. Hoà Thượng Như Nhãn Đồi Chùa	179
	B. Trà Chùa - Chọn Thánh Địa Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ	181
	C. Di Chuyển Thánh Thất Gò Kén Về Long Thành	184
	D. Xây Cát Tổ Đình Đại Đạo	186
	E. Công Cuộc Xây Cát Bị Ngưng Trệ	194
Tiết II	Lập Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ	202
	A. Bát Quái Đài	203
	B. Cửu Trùng Đài	204
	1. Nhiệm Vụ	204
	2. Tổ Chức Cửu Trùng Đài Nam Phái	206
	a. Tổ Chức Cửu Viện - Toà Nội	210
	Chánh	
	b. Tổ Chức Văn Phòng Mỗi Viện	213
	c. Tổ Chức Văn Phòng Chánh Phối	213
	Sư	
	d. Tổ Chức Hành Chánh Địa Phương	213
	e. Tổ Chức Cơ Quan Phổ Tế	216
	3. Tổ Chức Cửu Trùng Đài Nữ Phái	216
	a. Thành Phần Chức Sắc	216
	b. Nữ Đầu Sư Đường	220
	C. Hiệp Thiên Đài	220
	1. Nhiệm Vụ	221

	a. Nhiệm Vụ Phàm Trần	221
	b. Nhiệm Vụ Thiêng Liêng	221
	2. Tổ Chức	221
	a. Chức Sắc	223
	b. Thập Nhị Thời Quân	224
	c. Thập Nhị Bảo Quân	226
	3. Những Cơ Quan Khác Trong Hiệp Thiên Đài	228
	a. Cơ Quan Hành Chánh	229
	b. Cơ Quan Phước Thiện	229
	c. Toà Đạo	231
	d. Cơ Quan Phổ Tế	232
	e. Ban Thế Đạo	232
	f. Bộ Pháp Chánh	234
	g. Đại Đạo Thanh Niên	241
	h. Đoàn Hướng Đạo Cao Đài	241
	D. Đối Chiếu Các Phẩm Trong Ba Cơ Quan: Cửu Trùng, Hiệp Thiên, Phước Thiện	242
Tiết III	Đại Hội - Quyền Chí Tôn, Quyền Vạn Linh	243
	A. Thượng Hội	244
	B. Hội Thánh	244
	C. Hội Nhơn Sanh	244
Tiết IV	Hình Phạt	245
	A. Phạm Pháp	245
	B. Phạm Luật	246
Tiết V	Thánh Địa Đại Đạo Tại Tây Ninh	247
	A. Ngoại Ô Thánh Địa	254
	B. Nội Ô Thánh địa	255
Tiết VI	Đền Thánh (Thánh Đường)	258
	A. Vị Trí của Thánh Đường	258
	B. Ngoại Diện của Đền Thánh	259
	1. Bát Quái Đài	260
	2. Cửu Trùng Đài	260

3. Hiệp Thiên Đài	260
C. Nội Tâm của Đền Thánh	262
1. Hiệp Thiên Đài	262
2. Cửu Trùng Đài	263
3. Bát Quái Đài	267
Tiết VII. Một Số Hình Tượng Và Long Vị	268
A. Ngoài Đền Thánh	269
1. Lô Âm Cổ Đài	269
2. Bạch Ngọc Chung Đài	269
3. Giỏ Lam	269
4. Hồ Lô	269
5. Đúc Di Lạc	269
6. Cổ Pháp	271
a. Quyển Xuân Thu	271
b. Cây Phất Chủ và Long Tu Phiến	272
c. Bình Bát Vu	273
7. Nhân Nghĩa	273
8. Tám Khuôn Hình Trước Bao Lơn	273
a. Hạ Võ Trị Thủy	273
b. Vua Nghiêu Tim Hiền	274
c. Thoại Hứa và Hữu Sào	275
d. Phạm Lãi và Tây Thi	275
e. Khương Thượng và Võ Kiệt	275
f. Bá Nha Tử Kỳ	276
g. Sào Phủ Hứa Do	277
h. Châu Mãi Thần	277
9. Ông Thiện Ông ác	278
10. Càn Công Bình	279
11. Rồng và Bông Sen	280
12. Khuôn Hình Tam Giác-Thiên	282
Nhãn- Tia Sáng	
a. Khuôn Tam Giác	282
b. Thiên Nhãn	282
c. Mười Sáu Tia Sáng	282
13. Bông Sen, Ngó Sen, Gương Sen, Lá Sen	282
14. Dây, Trái, Lá Nho	282
15. Long Mã Phụ Đờ	283

16. Tam Thể Phật	289
a. Phật Brahma	289
b. Phật Shiva	290
c. Phật Krishna	290
B. Ở trong Đền Thánh	291
1. Thất Đầu Xà	291
2. Chử Khí	291
3. Cửu Phẩm và Các Rồng	291
4. Cột Rồng	292
5. Rồng Nhiều Màu	292
6. Rồng Há Miệng	292
7. Quả Địa Cầu	293
8. Hai Đài Thuyết Pháp - Sáu Chia	297
trong Miệng Rồng	
9. Tứ Linh	298
a. Lân	298
b. Qui	298
c. Phụng	300
d. Long	301
10. Bát Tiên	302
a. Lý Thiết Quả	302
b. Hớn Chung Ly	302
c. Lâm Thế Hoà	304
d. Trương Quả Lão	304
e. Hà Tiên Cô	304
f. Lữ Đồng Tân	304
g. Hàn Tương Tử	304
h. Tào Quốc Cự	304
11. Thất Thánh	305
a. Lý Tinh, Kim Tra, Mộc Tra, Na	305
Tra	
b. Dương Tiên	306
c. Lôi Chân Tử	306
d. Vi Hộ	306
12. Giáo Chủ Tam Giáo	306
a. Tây Phương Giáo Chủ	306
b. Thái Thượng Đạo Tổ	313
c. Khổng Thánh Tiên Sư	317
13. Đức Hồng Quân Lão Tổ	323

14. Ngũ Chi Đại Đạo	323
a. Nhơn Đạo	323
b. Thần Đạo	323
c. Thành Đạo	324
d. Tiên Đạo	324
e. Phật Đạo	324
15. Tam Trấn Oai Nghiêm	324
a. Lý Thái Bạch Kim Tinh	324
b. Thường Cư Nam Hải Quan Âm	329
Như Lai	
c. Quan Thánh Đế Quân	336
16. Hình Tam Thánh	343
17. Bát Bửu	344

Phần Sáu

CHIA CHI LẬP PHÁI

Tiết I	Các Chi Phái Trong Đạo	345
	1. Bạch Y Liên Đoàn Chơn Lý	350
	2. Cao Thượng Bửu Toà	350
	3. Cầu Kho	355
	4. Chiếu Minh Tam Thanh	355
	5. Ban Chính Đạo	356
	6. Liên Giao Chi Phái	357
	7. Minh Chơn Đạo	358
	8. Minh Chơn Lý	358
	9. Toà Thánh Nhi Giang	360
	10. Nữ Chung Hoà	360
	11. Cơ Quan Qui Thống	360
	12. Tam Kỳ Nguyên Nguyên Bản Bản	360
	13. Hội Thánh Tam Quan	361
	14. Tây Tông Vô Cực Tông	361
	15. Toà Thánh Thiên Khai Huỳnh Đạo	362
	16. Thông Thiên Đài	362
	17. Tiên Thiên	362
	18. Toà Thánh Tiền Giang	363
	19. Nhóm Tịnh Luyện	363
	20. Toà Thánh Tây Ninh	363

	21. Trung Hoà Học Phái	364
	22. Cơ Quan Truyền Giáo Trung Việt	365
	23. Nhóm Tuyệt Cốc	365
Tiết II	Hoạt Động Thống Nhất	368
	A. Các Tổ Chức Thống Nhất	369
	1. Cao Đài Đại Đạo Liên Đoàn	369
	2. Liên Hoà Tổng Hội - Mười Hai Hội	370
	Long Vân	
	a. Long Vân Nhất Kỳ	370
	b. Long Vân Nhì Kỳ	371
	c. Long Vân Tam Kỳ	371
	d. Long Vân Tứ Kỳ	371
	e. Long Vân Ngũ Kỳ	371
	f. Long Vân Lục Kỳ	371
	g. Long Vân Thất Kỳ	371
	h. Long Vân Bát Kỳ	371
	i. Long Vân Cửu Kỳ	371
	j. Long Vân Thập Kỳ	371
	k. Long Vân Thập Nhất Kỳ	371
	l. Long Vân Thập Nhị Kỳ	371
	3. Cơ Quan Cao Đài Hiệp Nhất	371
	4. Cơ Quan Cao Đài Qui Nhất	371
	5. Cơ Quan Cao Đài Thống Nhất	372
	B. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài	372
	Giáo Việt Nam	
	C. Tại Sao Không Thống Nhất Được?	380
Tiết III	Hậu Quả Của Chia Chi Lập Phái	385
Tiết IV	Những Kinh Sách Quý Báu Ở Trên Ân Ban	395
	TỔNG KẾT LUẬN	405
	PHỤ CHƯƠNG	
	Pháp Chánh Truyền Chú Giải	409

Cửu Trùng Đài Nam Phái	411
Cửu Trùng Đài Nữ Phái	436
Luật Công Cử	442
Hiệp Thiên Đài	445
Sơ Lược về Soạn Giả	457

*TỪ ĐÂY, TRONG NƯỚC NAM DUY CÓ
MỘT ĐẠO CHON THẬT LÀ ĐẠO THẦY
ĐÃ ĐẾN LẬP CHO CÁC CON GỌI LÀ
"QUỐC ĐẠO", HIẾU À!*

Ngọc Hoàng Thượng Đế

*NGÀY KIA, CÓ MỘT NƯỚC TRONG
VÒNG NÔ LỆ VÌ TA MÀ LÀM CHỦ
NHON LOẠI.*

Ngọc Hoàng Thượng Đế

Phần Một

KHÁI QUÁT

Phản chiếu hồi quang các biến chuyển đã xảy ra trong sáu mươi năm qua, từ ngày Đức Chí Tôn giáng trần thân nhận người môn đệ đầu tiên tại Hà Tiên, Phú Quốc, vào năm 1920 D.L. cho đến ngày nay, chúng ta có thể tìm thấy trong việc thành lập nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ tại Việt Nam một kế hoạch tổ chức có lớp lang thứ tự rõ rệt dường như được trù liệu từ lâu, và một công trình vĩ đại, vừa gian lao vừa tế nhị. Các diễn tiến là một chuỗi hành động liên hoàn với nhau để thực hiện một mục phiêu duy nhất: Lập nền Đại Đạo với cứu cánh là phổ độ chín mươi hai ức nguyên nhân nói riêng, và toàn thể quần sanh nói chung.

Lịch sử Đại Đạo chỉ có Một, khởi điểm từ năm 1920 D.L., như cổ Hộ Pháp Phạm Công Tắc về đàn sau này có nói:

... toàn Đạo phải ý thức và nhớ rằng cội Bồ Đề của Đức Thích Ca Mâu Ni hay Động Đá Máng Cỏ của Đức Chúa Jesus, cũng thế ngày nay là Dương Đông Phú Quốc hay Vĩnh Nguyên Tự. Từ cái Động Đá, từ Máng Cỏ mới có Toà Thánh Vatican ngày nay. Từ cội Bồ Đề mới có Linh Sơn Tháp. Từ gộp đá Dương Đông, Phú Quốc đến Vĩnh Nguyên Tự mới có Toà Thánh Tây Ninh ngày nay.¹

Đại Đạo có Một. Lịch Sử Đại Đạo có Một. Thế thì trục lịch sử của nền Đại Đạo cũng có Một mà thôi, khởi điểm từ Hà Tiên Phú Quốc vào năm 1920 như đã nói trên, cho đến "thất ức niên dư",² qua thời gian và không gian, luôn luôn tiếp diễn không ngừng nghỉ. Hơn nữa, Đại Đạo chỉ khai Một lần mà thôi.

Đứng về khía cạnh tổ chức mà xét thì lịch sử Đại Đạo có thể chia ra làm năm giai đoạn: Lập Đạo, Khai Đạo, Thành

¹ Hộ Pháp Phạm Công Tắc, Đàn Cơ tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, Tuất thời, mùng 1 tháng 10 năm Tân Hợi (ngày 18 tháng 11 năm 1971), Sài Gòn.

² Ưc là mười vạn, 100,000.

Đạo, Hành Đạo tại Thánh Địa Việt Nam, và Hoằng Đạo ra Năm Châu Bốn Biển. Chúng ta có thể toát yếu năm giai đoạn như sau:

- 1) Giai đoạn Lập Đạo là thời kỳ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế giáng trần khởi sự tạo những gì hữu hình cần thiết để tổ chức Cơ Đại Đạo tại thế này, đặc biệt là những nhân sự đầu não tất yếu. Có thể nói đây là giai đoạn chuẩn bị.
- 2) Giai đoạn Khai Đạo (1925 - 1926) là thời kỳ hợp thức hoá theo luật đời gọi là Khai Tịch Đạo và cáo tri cho toàn thể nhân loại thế giới được biết là Đạo Trời đã khai mở tại quả địa cầu này gọi là Khai Minh Đại Đạo, dành cho tất cả nhơn sanh, và Thiên phong một số chức sắc nòng cốt cho cơ Đạo.
- 3) Giai đoạn Thành Đạo (1926) là thời kỳ lập và ban hành Luật Đại Đạo gọi là Tân Luật Pháp Chánh Truyền cho nhơn sanh tựa vào đó làm khuôn viên mẫu mực để tu hành, đặt để trách nhiệm cho mỗi thành phần trong nền Tân Tôn Giáo. Nói chung là lập cơ cấu tổ chức của nền Đại Đạo cho nhơn sanh.
- 4) Giai đoạn Hành Đạo (1926 trở đi) là thời kỳ kiện toàn cơ cấu nội bộ, xây dựng và bổ túc nhân sự hữu trách các cấp, thực hành Tôn Chỉ và Luật Pháp Đạo, hữu hình hoá Thánh Thể Đức Chí Tôn để thực hành lý Đạo: Thiên Nhơn Hiệp Nhứt, phổ tế tại Việt Nam để tạo bề thế làm bàn đạp cho giai đoạn tới. Hành đạo chú trọng vào Thánh Địa Việt Nam. Giai đoạn này có thể gọi là giai đoạn Cao Đài Giáo Việt Nam của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.
- 5) Giai đoạn Hoằng Khai Đại Đạo sẽ là thời kỳ hành đạo một cách đại qui mô và trọn vẹn để thực hiện Thiên ý là tận độ nhơn sanh, lấy Việt Nam làm mẫu để hữu nghĩa hoá danh xưng " Tam Kỳ Phổ Độ". Đây có thể nói là thời kỳ Hiệp Ngũ Châu: Đại Đồng Huynh Đệ, Đại Đồng Tôn Giáo, Đại Đồng Thế Giới, để thực hiện Đại

Nguyên của Đức Chí Tôn là phục hồi cựu vị cho chín mươi hai ức nguyên nhân còn đang rải rác trên quả địa cầu này, và mở Đại Hội Long Hoa tại Việt Nam để tận độ sanh linh mà chuyển đời Minh Đức Tân Dân.

Giai đoạn này là giai đoạn Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ trong nghĩa vĩ đại, sâu rộng vô tiền khoáng hậu trong lịch sử nhân loại, mà hiện giờ Cơ Cao Đài Giáo Việt Nam Hải Ngoại đang tìm phương cách để tạo những điều kiện thuận lợi cho chương trình này ở tương lai. Nước Việt Nam là nước được Thượng Đế chọn. Dân tộc Việt Nam đã được Thượng Đế chọn để giao phó cho sứ mạng thiêng liêng đó, thì tất cả tín đồ Cao Đài người Việt Nam phải gánh chịu trách nhiệm đó, đặc biệt là tín đồ Cao Đài ở hải ngoại.

Trong những trang tới đây, chúng ta sẽ đề cập đến bốn giai đoạn đầu nêu trên đây một cách đại để vì khuôn khổ hạn hẹp của tập sách này, dành phần Hoàng Khai Đại Đạo ở nước nhà và ra nước ngoài cho một cuộc khảo cứu khác ở tương lai.

Nhưng trước khi xét đến những điểm chánh trong bốn giai đoạn đó, chúng tôi cảm thấy cần phải ghi một vài phần giáo lý căn bản mà chúng tôi có ý muốn nhấn mạnh và lưu ý chư độc giả. Những điểm ấy là: Giáo Chủ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là ai? Tại sao Thượng Đế khai Đạo trong lúc này? Cứu độ quần sanh khắp cả hoàn vũ này? v.v... Tại sao Thượng Đế lại khai Đại Đạo ở Việt Nam, chọn nước này làm Thánh Địa cho Đại Đạo, chọn dân tộc Việt Nam để giao cho sứ mạng hoàng khai Đại Đạo

1) Giáo Chủ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là ai?

Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế mà người đời thường gọi là Ông Trời, hoặc Ông Thiên, hoặc Thượng Đế, hay Thiên Chúa đối với người Ki Tô Giáo, và người trong Đạo Cao Đài

gọi là Thầy, Đại Từ Phụ, Chí Tôn, và hằng niệm danh là "Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ tát Ma Ha Tát" khi cúng kiếng, là Giáo Chủ duy nhất của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Ngài giáng trần, đích thân khai lập Đại Đạo tại Việt Nam, trực tiếp thu nhận môn đồ, và gây dựng một số mười hai người phàm trong những ngày sơ khai lập Đạo. Mười hai người phàm này được trong Đạo gọi là Chư Tiên Khai, là Tông Đồ của Thượng Đế, và gồm có quý ông: Ngô Văn Chiêu, Vương Quang Kỳ, Lê Văn Trung, Nguyễn Văn Hoài, Đoàn Văn Bản, Cao Hoài Sang, Lý Trọng Quý, Lê Văn Giảng, Nguyễn Trung Hậu, Trương Hữu Đức, Phạm Công Tắc, Cao Quỳnh Cư, theo thứ tự trước sao trong một bài thơ được Thượng Đế ân ban cho chư vị.³

Những vị này và các chức sắc chức việc khác trong Đạo là những vị được Thượng Đế giao trách nhiệm diu dắt tín đồ, có sứ mạng thể Thiên hành hoá, và thường được người trong Đạo gọi là Anh Lớn. Thượng Đế gọi chư vị này và tất cả các tín đồ bằng "con", và xưng là "Thầy" đối với tất cả ai ai.

Thượng Đế đã xác nhận rằng:

*... Thầy nhất định đến chính mình Thầy dạy dỗ
các con mà thôi, chớ không chịu giao Chánh Giáo cho
tay phàm nữa.⁴*

và trong một đàn khác cũng dạy rất rõ như sau:

*... Tên là cái giả triền miên muôn đời
Xuống lên, lên xuống luân hồi
Đến tên Ngọc Đế mấy hồi đổi thay
Khi xưng Giáo Chủ Cao Đài
Khi xưng Thiên Chúa, khi khai Di Đà
Lắm hồi Bồ Tát Ma Ha*

³ Xem Phần Hai Tiết XV trang 74 (bài Chiêu Kỳ Trung...) Sự thật là mười ba vị, vì có hai ông Sang: Cao Hoài và Võ Văn hầu đàn hôm ấy, nhưng chắc Đức Chí Tôn muốn dùng con số mười hai, là số đặc biệt dành cho Chí Tôn, nên gộp hai ông Sang lại làm một.

⁴ *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển và Tân Luật Pháp Chánh Truyền*, Tòa Thánh Tây Ninh, 1972, trang 16.

Bao lần Không Mạnh, cũng Già này đây.

mà Thượng Đế là ai?

*Chính ngôi Thái Cực vốn là Ta
Mượn tiếng Cao Đài xuống Thứ Ba
Thích, Đạo, Gia Tô tay chường quản
Thương dân xuống thế độ lần ba.*

Thượng Đế giáng trần để làm gì?

*Thầy sắp cuộc dinh hoàn tái tạo
Dụng huyền linh Đại Đạo vận hành
Quyền Thầy hiệp cả vạn sanh
Đông, Tây, kim cổ lập thành tương lai
Trước xây đắp Cao Đài Thánh Đức
Dựng Nam Bang làm mục phóng khai
Dân Nam sứ mạng Cao Đài
Năm châu bốn bể hoà hài từ đây
Mọi việc đều có Thầy làm chủ
Phóng phát rồi tái tụ qui nguyên
Tiến trình đều có cơ duyên
Tùy thời xử thế pháp quyền biến thông.*

Vậy, không có một người phạm nào làm Giáo Chủ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Chỉ có Thượng Đế làm Giáo Chủ mà thôi cho đến thất ức niên dư. Và Đức Thượng Đế cũng là Tạo Hoá Càn Khôn Vũ Trụ vạn linh sanh chúng, và cũng là nguồn ngọn thi của các tôn giáo và tín ngưỡng: Hồi giáo, Không Giáo, Lão Giáo, Phật Giáo, Thiên Chúa Giáo v.v... Cũng vì thế cho nên Cao Đài Giáo là các tôn giáo ấy nay được Thượng Đế qui nhứt lại, cũng nằm trong và cùng một thể với Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Và giáo lý Cao Đài là giáo lý chọn truyền nguyên thi của các tôn giáo ghi trên nay đã bị thất kỳ truyền được Thượng Đế phục hưng lại, cộng với những gì thiêng liêng chư Phật

Tiên Thánh Thần giáng trần giáo đạo kỳ này, nên cũng được gọi là giáo lý Đại Đạo.

2) Tại sao Thượng Đế khai Đạo trong lúc này?

Từ ngàn năm xưa, mỗi lần nhơn sanh lâm than đồ thán, xã hội điêu linh, là một lần Đạo khai để cứu độ. Kỳ này cũng thế, nhưng có phần khốc liệt hơn nữa, vì đây đã đến thời kỳ tái tạo dinh hoàn, tam nguơn mặt kiếp. Cũng vì thế mà Thượng Đế phải giá lâm nơi trần gian này để có thể dùng những quyền năng tối thượng mà vận chuyển thế thời. Chỉ có Thượng Đế mới làm được mà thôi. và sau đây là những lý chánh mà Thượng Đế đã dạy:

a) *Vốn từ trước là Thầy lập ra Ngũ Chi Đại Đạo là Nhơn Đạo, Thần Đạo, Thánh Đạo, Tiên Đạo, Phật Đạo. Tuy theo phong hoá của nhơn loại mà gây Chánh Giáo là vì khi trước là Càn vô đức khán, Khôn vô đức duyệt thì nhơn loại duy có hành đạo nơi tư phương mình mà thôi.*

Còn nay thì nhơn loại đã hiệp đồng, Càn Khôn dĩ tận thức, thì lại bị nhiều Đạo ấy mà nhơn loại nghịch lẫn nhau. nên thầy mới nhứt định qui nguyên phục nhứt. Lại nữa, trước Thầy lại giao Chánh Giáo cho tay phàm, càng ngày lại càng xa Thánh Giáo mà làm ra phàm giáo. Thầy lấy làm đau đớn hằng ngày trót mười ngàn năm, nhơn loại phải sa vào nơi tội lỗi, mặt kiếp chôn A Tỳ.⁵

b) *Thầy lập Đạo tại xứ Nam này nhằm thời kỳ cuối cùng của nhơn loại. Các con ôi! Vách tường sắp đổ, nạn khổ hầu kề. Thầy há nỡ điềm nhiên toạ để xem cho bày con sắp phải tận vong tiêu diệt sao? Thế nên, Thầy không nại gian khổ nhọc nhằn đem mới Đạo mà cứu vớt các con trong hồi khẩn cấp này.*

... đến Hạ Nguơn sự tranh đấu càng ngày càng ráo riết, dữ tợn, góm ghê, thì nhơn loại lại chê sức mạnh mà

⁵ *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển và Tân Luật Pháp Chánh Truyền*, Toà Thánh Tây Ninh, 1972, trang 16.

dùng não cân, nên bày ra chước quỷ muru tà, kế sâu bẫy độc, thiệt là khốc liệt phi thường... Càng tranh đấu lắm lại càng ác liệt lắm nên tranh đấu thét phải đến ngay thời kỳ tiêu diệt. Bởi đó hiện tại là Mạt Kiếp. Còn Hạ Nguơn này là Nguơn Điều Tàn...

Nhưng hết loạn là tới trị, vong tất phục hưng, nên Nguơn Tiêu Diệt sẽ bước đến Nguơn Bảo Tồn là Nguơn Đạo Đức Phục Hưng, để sắp lại như đời Thượng Cổ.

Vậy nhơn loại bước qua thời kỳ này là thời kỳ qui nhứt thống, đại luân hồi của Thiên Địa đó. Mà nay đã đúng số nhứt định của Tạo Đoan, đã tới nguơn cuối cùng của Thiên Địa, vì tính ra thì đã mười hai vạn chín ngàn sáu trăm năm, nên đã tới thời kỳ tạo Thiên lập Địa một lần nữa.⁶

- c) Đức Thượng Đế không những nghĩ đến tất cả nhơn loại như một tập thể mà lại còn nghĩ đến những cá nhân con người nữa:

Vì ở thế gian cũng có người lành kẻ dữ, đũa hiền lương đạo đức, chuộng tinh thần, ham ích chung, còn đũa lại hung ác bạo tàn, mê vật chất, mến tình đời mà xa đàng Thiên Đạo. Thầy thấy vậy, không lẽ để các con, cả lành lẫn dữ, chung chịu trong cơ biến đổi của cuộc tang thương, nên giáng thể lập Chơn Đạo, khai Chơn Giáo Đại Học Đường là Minh Đức Tân Dân chỉ ư chỉ thiện.⁷

- d) Không những thời kỳ cuối cùng của nhân loại hầu kè, nhân sanh vì vật chất, vì đam mê tử sắc khí tài mà mất cả cang thường đạo lý, mà lại còn vì những nền Chánh Giáo nay đã thất chơn truyền, sa vào âm thịnh sắc tướng, mê tín dị đoan. Đức Thượng Đế dạy:

Ba nền Chánh Giáo (Nho, Thích, Đạo) đã nghiêng chinh, nhơn loại thấy chuộng hữu hình, không còn vô vi

⁶ Đại Thừa Chơn Giáo, Cao Đài Đại Đạo Chiếu Minh, 1950, trang 394 - 396.

⁷ Đại Thừa Chơn Giáo, Cao Đài Đại Đạo Chiếu Minh, 1950, trang 188.

thâm viễn. Nay đã đến thời kỳ tuần hoàn giáp mới, nên Đạo Trời vận chuyển mà phổ hoá sanh linh.

Tam Giáo xưa kia lập Đạo, lúc ban sơ truyền bá có diệu lý quang minh, bắt từ chỗ vô vi khẩu thọ tương truyền, lần lần thì trở ra hữu hình mà Đạo mâu thất chánh, tâm pháp sai lạc, ấy là cơ Đạo đến thời kỳ cuối cùng của Tam Giáo thất chơn truyền diệu pháp.⁸

Riêng về phân Phật Giáo, Đức Thích Ca Như Lai giảng đàn có khuyến cáo chư sơn:

Vốn từ Lục Tổ thì Phật Giáo đã bị bế lại, cho nên tu hữu công mà thành thì bất thành. Chánh pháp bị nơi Thần Tú⁹ làm cho ra mất Chánh Giáo, lập riêng pháp luật buộc mỗi Đạo Thiên.

Ta vì luật lệnh Thiên mạng đã ra, cho nên cam để vậy, làm cho Phật Tông thất chánh có trên ba ngàn năm nay. Vì Tam Kỳ Phổ Độ, Thiên Địa hoàng khai, nơi Tây Phương Cực Lạc và Ngọc Hư Cung mật chiếu đã truyền siêu rỗi chúng sanh. Trong Phật Tông Nguyên Lý đã cho hiểu trước đến buổi hôm nay rồi. Tại Tăng Đồ không kiểm chơn lý mà hiểu.

Lắm kẻ đã chịu khổ hạnh hành Đạo... Ôi! Thương thay! Công có công, mà thưởng chưa hề có thưởng. Vì vậy mà Ta rất đau lòng.

Ta đến chẳng phải cứu một mình chư Tăng mà thôi, vì trong thế, hiếm bậc Thần Thánh Tiên Phật phải đoạ hồng trần, Ta đương lo cứu vớt.

Chư Tăng, chư chúng sanh hữu căn, hữu kiếp, đặng gặp kỳ Phổ Độ này là lần chót, phải rán sức tu hành, đừng mơ mộng hoài trông giá luật. Chư Sơn đắc đạo cùng chẳng là do nơi mình hành đạo. Phép hành đạo Phật Giáo dường như ra sai hết, tương tự như gần biến Tả Đạo Bàng Môn. Kỳ truyền đã thất. Chư Sơn chưa hề

⁸ Đại Thừa Chơn Giáo, Cao Đài Đại Đạo Chiếu Minh, 1950, trang 60.

⁹ Thần Tú (Shin Hsiu) ra đời hồi đời Lục Tổ (712 D.L.)

biết cái sai ấy tại nơi nào, cứ ôm theo luật Thần Tú thì đương mong mỏi về Tây Phương mà cửa Tây Phương vẫn cứ bị đóng, thì cơ thành Chánh quả do nơi nào mà biết chắc vậy.

Ta đã đến với huyền diệu này, thì từ đây chẳng dặng nói Phật giả vô ngôn nữa.¹⁰

Bên Thiên Chúa Giáo thì Thượng Đế phán rằng:

Chúa Cứu Thế đã đến với các con. Người đã phải chịu đổ máu Thánh để chuộc tội cho loài người. Trong hai ngàn năm vắng mặt Người, các con đã làm gì hữu ích? Các con truyền bá Đạo Người nhưng chính các con cũng không hiểu chi cả. Các con lại làm sai lạc bản chất tôn chỉ của nền Thánh Giáo. Nhon loại phải chịu đau khổ vì sự biến thể của các Thánh Tông Đồ... Giáo lý ấy đáng lẽ phải đem lại hoà bình và tương ái cho loại người, nhưng trái lại nó gây mầm chia rẽ và chiến tranh. Bởi thế nên nay chính Thầy phải đến để đem lại cho các con nền hoà bình đã từng hứa hẹn.¹¹

Thánh Đạo của Chúa Cứu Thế (vì sự hiểu lầm) làm tăng gia dục vọng của kẻ mạnh đối với người yếu, và giúp giáo cho bọn trên hiếp dưới.¹²

3) Tại sao Thượng Đế lại khai Đại Đạo ở Việt Nam, chọn nước này làm Thánh Địa cho Đại Đạo, chọn dân tộc Việt Nam để giao cho sứ mạng Đạo?

Đức Thượng Đế giáng trần chính mình khai lập Đại Đạo, làm Giáo Chủ Cơ Đạo, tổ chức cơ cấu Đạo, thâm nhận và xây dựng môn đồ, v.v... với cứu cánh độ rỗi quần sanh, thì chỉ có Thượng Đế mới giải được trọn nghĩa cái Thiên ý vì sao chọn đất nước

¹⁰ *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển và Tân Luật Pháp Chánh Truyền*, Toà Thánh Tây Ninh, 1972, trang 19 – 20.

¹¹ *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển và Tân Luật Pháp Chánh Truyền*, Toà Thánh Tây Ninh, 1972, trang 107.

¹² *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển và Tân Luật Pháp Chánh Truyền*, Toà Thánh Tây Ninh, 1972, trang 108.

và dân tộc Việt trong tất cả các đất nước và dân tộc ở thế gian này. Mà đây là một vấn đề hết sức quan trọng đối với người Việt nói chung, và còn hơn nữa đối với những người Đại Đạo về sau này.

Trong sáu mươi năm qua, Thượng Đế đã giảng dạy rất nhiều qua những đàn cơ rải rác cùng khắp miền Nam xứ Việt, nhưng vì tình trạng chinh chiến cũng như tình trạng bất đồng trong nội bộ cơ Đạo mà làm cho việc sưu tập và hệ thống hoá hết sức phức tạp, không thể thực hiện như mong ước. Dù sao, dưới đây là một vài lẽ lượm lặt được:

- a) *Các con là dân tộc Việt, cũng như các dân tộc khác, sanh trưởng tại quả địa cầu này. Tình thương Tạo Hoá cũng ban đồng cho các con cũng như các con khác, nhưng dân tộc các con đã đau khổ quá nhiều. Non sông tổ quốc các con đã bị dày xéo lâu đời, nhưng các con được trội hơn chúng về đức tin, về lòng đạo đức, ngưỡng mộ Thượng Đế và các Đấng trọn lành. Tình thương các con không thiếu, lòng hiếu hoà các con có thừa, do đó dân tộc các con mới hạnh ngộ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Trên bốn mươi năm rồi Thầy đem giống Đạo đến gieo trên mảnh đất hiền hoà nhưng đau khổ này để các con chung nhau vun xới, tưới nước bón phân, để hạt giống đó sớm nảy mầm đâm tược, đơm bông kết quả. Chỉ có giống này mới cứu đời vạn linh trong thời kỳ mạt kiếp này, mà trước tiên là cứu dân tộc các con.*

... Thầy và chư Phật Tiên Thánh vì thương giống con ngoan nhưng thiệt thòi vì đau khổ nên đến trần gian và nơi mảnh đất này, muốn cứu chúng nó ra khỏi vòng đau khổ. Nếu chúng nó không thiết tha hưởng ứng và tự cứu thì Thầy đâu đủ quyền pháp mầu nhiệm cũng không biết làm sao!¹³

- b) *Thầy đến đặng nhắc các con rằng ngày tận tuyệt đã hầu gần, Quỷ Vương sắp đến. Thánh ngôn các Đạo đã*

¹³ *Thánh Giáo Sưu Tập 1968 - 1969, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, 1969, trang 77.*

khai từ thuở tạo Thiên không đủ kèm thúc nhơn sanh đặng trọn lành. Đòi càng ngày càng trở nên hung bạo, nhơn loại giết lẫn nhau, cả hoàn cầu giặc giã bịnh chương biến sanh, thiên tai rập đến.

Ấy là các điều Thầy đã nói tiên tri rằng: Ngày tận thế đã đến. Thầy đã tạo Thánh Đạo trọn đủ Pháp Luật. Thầy đến chỉ độ kẻ vô Đạo,¹⁴ chớ không phải sửa Đạo.¹⁵

- c) ... *Thầy đến lập cho các con một nền Chơn Đạo, tức là mọi sự chi dối trá là chẳng phải của Thầy. Thầy đến mà chủ ý để dạy cả nhơn sanh đặng hoà bình, chớ chẳng phải đến giục thêm nghịch lẫn nhau.*

Thầy lại thường nói rằng xứ sang trọng vinh hiển của các con chẳng phải nơi thế giới này. Thầy lại đến lập trong nước các con một nền Chơn Đạo đủ tư cách độ rồi chúng sanh.

Các con và cả dân tộc các con vì nơi Đạo mà đặng đoạt đến phẩm vị cao thượng. Cái phẩm vị đó nơi đâu mà có?

Là bởi đạo đức của các con. Đạo đức thắng hung bạo là thường tình, các con hằng thấy sự đời thường vậy.¹⁶

- d) ... *Nước Nam có một chủ mà thôi, là Thầy. Từ trước vì nhiều Đạo trong nước mà chẳng một Đạo nào chơn chánh làm mạnh quốc dân, nên nước phải yếu, dân phải hèn.*

Dân tộc các con duy biết làm tớ, chứ chưa làm chủ. Thầy vì thấy lẽ công bình thiêng liêng ấy mới giáng trần lập Đạo tại Nam phương, tức là thay mặt Càn Khôn Thế Giới mà qui chánh truyền nhơn loại. Trong mối Đạo Thầy đã lập thì hằng nói tiên tri rằng: Ngày

¹⁴ Kẻ vô Đạo là kẻ vào Đạo.

¹⁵ Hương Hiếu, *Đạo Sĩ II*, 1968, trang 125 (mimeographed).

¹⁶ Hương Hiếu, *Đạo Sĩ II*, 1968, trang 178.

*kia có một nước trong vòng nô lệ, vì Ta mà làm chủ
nhơn loại.¹⁷*

e) *Thầy đã lập Đạo nơi cõi Nam này là để ban thưởng một
nước từ thuở đến giờ hằng bị lăm con thạnh nộ của
Thầy. Thầy lại tha thứ, lại còn đến ban thưởng một
cách vinh diệu. Từ tạo Thiên lập Địa chưa nước nào
dưới quả Địa Cầu 68 này dựng vậy, cốt để ban thưởng
các con, thì các con hưởng phần hơn đã đáng, lẽ nào
Thầy lại để phần nhiều cho các con nước khác hay
sao?¹⁸*

f) *Thầy mừng lũ con yếu đuối của Thầy. Cái nạn của con
hầu mãn. Thầy đến lập một nền Chánh Đạo này tại cõi
Đông Dương là cốt làm cho kẻ bị hiếp đáp dựng mạnh
mẽ, kẻ hiền lương làm thầy kẻ hung bạo. Ấy là lẽ công
bình thiêng liêng của Tạo Hoá, hết phạt tới thưởng là
thường lệ.*

*Các con thoát dựng khỏi nơi u ám là bởi đạo đức. Các
con sẽ dựng trọng kính cũng bởi đạo đức. Thầy bồi đắp
một sự ghét bỏ các con gần trên một trăm thế kỷ. Vậy
các con phải chung hiệp cùng nhau. Thầy ban ơn...¹⁹*

g) *Sau cùng nhưng hết sức quan trọng cho dân tộc đất
nước Việt Nam là Thượng Đế chinh mình ban một hồng ân
vô cùng đặc biệt, vô tiền khoáng hậu trong lịch sử nhơn loại:
một Quốc Đạo.*

*Thầy nhập ba chi²⁰ lại làm một là chủ ý qui tụ các con
trong Đạo Thầy lại làm một nhà. Thầy làm Cha
Chưởng Quân, hiểu à! Từ đây, trong nước Nam duy có
một Đạo chơn thật là Đạo Thầy đã đến lập cho các con
gọi là 'Quốc Đạo', hiểu à!*

*Thầy phải buộc các con hiệp chung trí mà lo vào đó,
nghe à! Từ đây, các con sẽ cực nhọc hơn, và Thầy phân
phát phận sự cho mỗi đứa vì chẳng vậy các con sanh*

¹⁷ Hương Hiếu, *Đạo Sử II*, 1968, trang 242.

¹⁸ Hương Hiếu, *Đạo Sử I*, 1968, trang 115.

¹⁹ Hương Hiếu, *Đạo Sử II*, 1968, trang 248 – 249.

²⁰ Ba chi là Thích Giáo, Đạo Giáo, Nho Giáo.

*nạnh nhau, tựa hồ chia phe phân phái là điều đại tội trước mặt Thầy vậy, nghe à!*²¹

4) Cao Đài Giáo Việt Nam:

Danh từ 'Đại Đạo' đã được giải nghĩa rất nhiều, và cũng được phổ biến rất sâu rộng, nhưng lại ít được phổ thông hơn danh từ 'Cao Đài' trong danh xưng 'Cao Đài Giáo Việt Nam'. Trái lại, danh xưng 'Cao Đài Giáo Việt Nam' lại không được phổ thông bằng danh xưng 'Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ', dù rằng hai danh xưng đã được Ôn Trên xử dụng từ ngày khai Đạo. Mãi đến thập niên 60, Đức Chí Tôn mới dùng danh xưng 'Cao Đài Giáo Việt Nam' một cách qui mô và rộng rãi qua sắc lệnh lập 'Cơ Quan Phổ thông Giáo Lý - Cao Đài Giáo Việt Nam',²² một tổ chức Đạo mà được cho là tổ chức chót được phép lập thành. Thật thế, sau đó rồi không còn có một tổ chức Đạo nào khác nữa được phép của Ôn Trên để lập ra trước khi miền Nam bị đại nạn vào cuối tháng Tư năm 1975.

Vậy 'Cao Đài Giáo Việt Nam' là gì?

Sau đây là lời giải của Đức Đại Tiên Ngô Văn Chiêu:

CAO ĐÀI, chỗ Thiên Nhơn hiệp nhưt
 Tá danh hầu cứu vớt vạn linh
 Trong con thay xác đổi hình
 Hạ Nguơn Mạt Kiếp phục sinh tánh lành.
GIÁO, tôn giáo lập thành của Đạo
 Khi hoàn cầu điên đảo họa tai
 Trần gian ló bóng CAO ĐÀI
 Đông Tây Nam Bắc hồng khai chơn truyền.

²¹ Thánh Ngôn Hiệp Tuyển và Tân Luật Pháp Chánh Truyền, Toà Thánh Tây Ninh, 1972, trang 39.

²² Danh xưng của Cơ Quan này phải viết thành hai phần: (a) Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý; (b) Cao Đài Giáo Việt Nam. Giấy tờ của Cơ Quan này thường ghi phần (a) ở trên và phần (b) ở dưới, xuống hàng. Ý nghĩa của nó được rõ ràng như thế.

Kìa Chánh Giáo Phật, Tiên, Gia, Lão
Khai sanh môn lập Đạo nơi nơi
Đều do nguyên lý của Trời
Thác sanh cõi thể cứu đời độ dân.
Cảm ứng trước mở đường Chánh Đạo
Khi người còn hoài bão thiên lương
Thiện cảm trực ứng thương từng
Ác cảm tạo nghiệp sa chân luân hồi.
Biển trần khổ giam người trần tục
Bến mê đồ câu thức mê ngon
Vì chung rời bỏ tánh chơn
Mạnh đành hiếp yếu không phân dữ lành.
Đấng Thượng Đế vì tình Tạo Hoá
Chiết linh quang xuống ngã hồng trần
Mượn nơi chí trọng cát lân
Hi sinh phá cấp gieo mầm từ bi
Chịu khổ hạnh bỏ đề tịnh toạ
Dem huyền thân tức xá kim thân
Tây Phương giải thoát ngon quần
Nghìn năm lịch sử trọn phần Thế Tôn.
Muốn cứu vãn quốc hồn dân tộc
Lập nền nhân Khổng học Nho gia
Mở đường Trung Thứ dung hoà
Đại Đồng chánh nghĩa nước nhà trị an.
Dem diệu pháp huy hoàng Đại Đạo
Dùng quyền năng trọng bảo nguyên nhân
Vì chung sa chốn biển trần
Không còn linh tánh mất phần thiện tâm.
Quên đức cả Cao Thâm sanh hoá
Chẳng kính vì gây hoạ Tây Âu
Muốn cho thiên hạ đảo đầu
Chiết thân xuống thế ngộ hầu cứu nguy.

Dem giọt máu đổ vì nhơn loại
Chuộc tội người chẳng trái luật công
Lập nên Thánh Chúa Đại Đồng
Biểu dương Thiên Luật chí công trị vì.
Đó cảm ứng từ bi dung thứ
Đây công bình nắm giữ nguyên nhân
Mở toan các cửa nơi trần
Khai minh Đại Đạo độ lần chúng sanh.
Nay Trung Ương sắc huỳnh Mò Kỳ
Rún Năm Châu Bốn Bể là đây
Cũng nơi vạn pháp phô bày
Tam Tông qui lập Cao đài chọn tông.
Hiểu mọi lẽ phổ thông giáo lý
Cùng tận tường cơ chỉ pháp môn
Là đem lại kiếp sanh tồn
Trong vòng nhân loại dập dồn nạn tai.
Cùng gặp gỡ Cao Đài Đại Đạo
Hoà lý chân cõi thảo hữu hình
Đừng vì sắc phái âm thanh
Đừng vì mặc cảm chia tình đó đây.
Nặng xu hướng rồi gây ảnh hưởng
Để tôn thờ sắc tướng hiện thân
Quên tình Đạo ở tinh thần
Đạo thành cũng tại nguyên nhân hợp đồng.
Nay Bản Đạo vì lòng mến Đạo
Dem công tâm chỉ giáo đạo tâm
Cùng nhau tìm hiểu lý thâm
Là phương cứu cánh đọa trầm ngày nay.²³

²³ Thánh Giáo Sư Tập 1966 - 1967, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, 1967, trang 41 – 43.

Cao Đài Giáo là tổng hợp những gì chọn truyền và thuần túy của Tam Giáo: Thích, Tiên, Nho, với tôn chỉ là qui nguyên Tam Giáo, và phục nhứt Ngũ Chi Đại Đạo: Phật Đạo, Tiên Đạo, Thánh Đạo, Thần Đạo, và Nhơn Đạo. Việt Nam là Thánh Địa, và Tây Ninh ở miền Nam xứ Việt là Toà Thánh và Tổ Đình của Đại Đạo.

Sứ mạng của Cao Đài Giáo là làm cho các tôn giáo hiện hữu trên thế giới ý thức rằng tất cả tôn giáo đều phát xuất nguyên căn nơi Thượng Đế, với trọng trách là phổ độ quần sanh, và vì thế cho nên phải chung tay hợp sức với nhau để hành tròn Thiên ý, chứ chẳng nên giành giật chống báng nhau. Cũng còn phải làm cho toàn nhơn sanh ở năm châu bốn bể am tường rằng Thượng Đế là cha chung của vạn linh sanh chúng, là Tạo Hoá Càn Khôn Vũ Trụ, và vì thế cho nên chỉ có MỘT cha chung, MỘT nhân loại, MỘT gia đình huynh đệ, MỘT thế giới, MỘT tôn giáo, MỘT Giáo Chủ Cha Trời, và như thế phải thương yêu hoà hiệp, giúp đỡ, chia sẻ với nhau.

Cứu cánh của Cao Đài Giáo là đặt nền móng để lập thành Đại Đạo để tận độ chín mươi hai ức nguyên nhân đang còn rải rác ở các nơi trên thế giới, và cả sanh linh quần chúng vượt khỏi bành xe luân hồi hầu trở về cõi trường tồn thiêng liêng hằng sống, cũng như lập nơi cõi Trung Thiên này một Thiên Đàng để cho nhơn loại được hưởng một thế giới an bình thanh lạc. Tận độ bao trùm từ thai bào, người đang sống, đến cả vong linh đã quá vãng, bất phân thời gian và không gian.

Để đi đến cứu cánh đó, Cao Đài Giáo áp dụng những phương pháp do Thượng Đế ấn định cho kỳ Tam Nguơn Mặt Thế này: Tân Luật Pháp Chánh Truyền, Phổ Độ (Tu Phước), và Vô Vi (Tu Huệ), với Giới Luật dành cho tất cả các phương diện của đời sống con người, uyển chuyển tùy theo văn hoá của mỗi địa phương.

Cá nhân con người là trung tâm của sự tu hành: tự độ để độ tha, được diu dắt bởi một Hội Thánh gồm có một số nhứt định chức sắc, chức việc do tín đồ bầu lên hoặc do Thiêng Liêng Thiên phong, với ba Đài là Cửu Trùng Đài, Hiệp Thiên Đài, và Bát Quái Đài. Toà Thánh đặt tại Tây Ninh, Nam Việt Nam.

Cao Đài Giáo có một nhiệm kỳ hành đạo kéo dài tới 'thất ức niên dư', mỗi 'ức' là mười vạn, mỗi vạn là mười ngàn năm.

Phần Hai

GIAI ĐOẠN LẬP ĐẠO

Tiết I: Thời kỳ Hà Tiên (1920)

Người miền Nam đất Việt, ai ai cũng nghe đến Hà Tiên, một tỉnh ở miền duyên hải thuộc phía Tây Nam Việt, một nơi nổi tiếng là danh lam thắng cảnh, non nước hữu tình. Kìa là ngôi mộ người xưa Mạc Cửu. Đây là núi Láng trông thẳng ra biển cả trùng dương. Núi Thạch Động thì sừng sững giữa trời như người chiến sĩ canh chừng hải khẩu. Rồi xa xa có núi đá Vụng, núi Đại Tô Châu và Tiêu Tô Châu ngó thẳng ra Đông Hồ. Rồi xa nữa, mập mờ ngoài khơi, lồ dạng núi Mũi Nai, Hòn Chông v.v... Thật là một cảnh vừa nên thơ lại vừa huyền bí, với rất nhiều thạch động, nhưng không kém phần hùng dũng. Bốn bề bát ngát trùng dương, trời xanh mây trắng, lòng người lâng lâng thoát tục.

Thoát tục! Thật đúng thế. Ở miền Nam đất Việt, chỉ có Hà Tiên là sớm có đàn phù cơ thỉnh Tiên:

*Văng vẳng nhận kêu bạn giữa thu
Rằng Trời cùng Đất vẫn xa mù
Non Tây ngoảnh lại đường gai góc
Gắng chí cho thành bực trượng phu.²⁴*

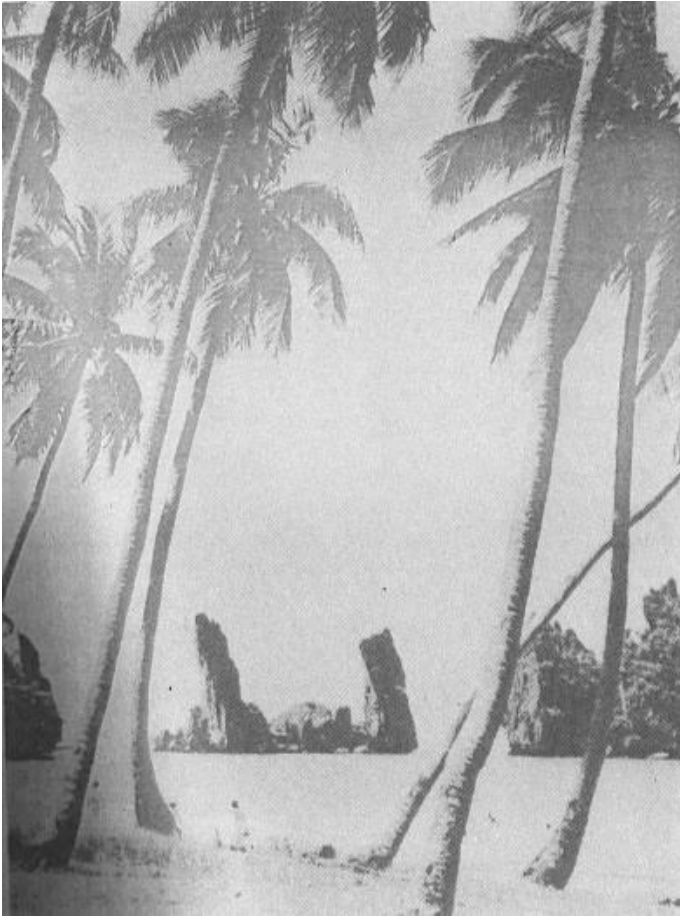
Đó là một bài thi của Tiên Cô Ngô Kim Liên giáng cơ tại Thạch Động hiến cho ông Ngô Văn Chiêu, Quan Phủ trấn nhậm tại tỉnh này.

Quan Phủ Chiêu là người rất tin thần huyền, nên khi nào có dịp thì hay đến Thạch Động để lập đàn cầu Tiên. Nhưng đây không phải là lần đầu tiên trong đời Quan Phủ lập đàn. Khi còn ở Sài Gòn, Quan Phủ đã nhiều lần đi hầu đàn cơ, và đã chứng kiến được những gì huyền diệu của thế giới vô hình. Nay được dời đi trấn nhậm một nơi có vẻ vừa thơ mộng vừa

²⁴ *Lịch Sử Quan Phủ Ngô Văn Chiêu*, Cao Đài Đại Đạo Chiếu Minh, 1962, trang 25.

huyền bí, nên Quan Phủ rất mừng, cảm thấy ước mong được tự mình lập đàn cơ sắp được thực hiện. Nhưng rồi, công việc đa đoan, Quan Phủ chưa kịp thực hiện được ước vọng thầm kín của mình thì lại được lệnh dời đi một nơi khác. Ngày 26 tháng 10 năm 1920, Quan Phủ được bổ nhiệm đi trấn hải đảo Phú Quốc, một nơi không mấy xa Hà Tiên.

Quan Phủ Chiêu trấn nhậm Hà Tiên được tám tháng.



Một cảnh ở Hà Tiên

Tiết II: Thời kỳ Phú Quốc (1920 - 1925)

Phú Quốc là một hải đảo cũng thuộc miền Nam nước Việt, nằm trong vịnh Thái Lan, cũng có nhiều danh lam thắng cảnh, cũng tĩn mịch, trời nước mênh mông, núi non chón chỡ, cây cối rậm rạp. Nếu ở Hà Tiên có những thạch động u huyền thì ở Phú Quốc có những chùa rất danh tiếng, mà nổi tiếng nhất là chùa Sùng Hưng, chùa Quảng Tế, chùa Quan Âm. Ba cảnh chùa... thật xứng đáng là một danh lam bậc nhứt của hải đảo mà du khách đến viếng thăm một lần chắc không thể nào quên được. Cả ba chùa đều ở trên núi Dương Đông: chùa Sùng Hưng ở dưới, chùa Quảng Tế ở giữa, và chùa Quan Âm trên cùng.

Chùa Sùng Hưng là ngôi chùa Nghĩa Tự và Hưng Nhân Tự trước kia được sửa lại làm một ... Chùa Quảng Tế kiến trúc thật đẹp, có vẻ cổ kính, nhưng chùa Quan Âm lại hơn về phong cảnh u tịch.²⁵

Đông Hồ, một thi sĩ có tiếng trước kia ở nước nhà, có tả cảnh chùa Quan Âm như sau:

“Chùa cất trên tuyệt đỉnh, trước mặt thì có núi cao bình án, sau lưng thì có biển rộng hoành triều, rất được thế non nước. Tường đá rào tre quanh co, các thứ nhàn hoa cỏ thụ, u ảo thanh tịnh vô cùng.”²⁶

Quan Phủ Chiêu được thuyên chuyển từ Hà Tiên, một nơi tĩn mịch u huyền, thơ mộng, đến một nơi cũng trời xanh nước biếc, biển cả mênh mông, cỏ cây rậm rạp, u nhàn tĩn mịch, xa cách phồn hoa đô hội, thật đúng với ước vọng của mình, một người có tâm trạng lánh trần thoát tục, vui sống với thiên nhiên tạo vật, tu tâm dưỡng tánh, cũng cùng một tâm hồn của rất nhiều người bản xứ:

Nghêu ngao nay chích mai đàm

Một bầu trời đất vui thăm ai hay.

²⁵ Đinh Văn Khả, *Đại Lễ Đức Chí Tôn*, 1975, trang 10 (mimeographed).

²⁶ *Thăm Đảo Phú Quốc*, Báo Nam Phong số 124, 1927, trang 545.

Tại đảo Phú Quốc,²⁷ cảnh chùa Quan Âm làm cho Quan Phủ hết sức mãn nguyện. Hơn nữa nơi đây cũng đã thường lập đàn cơ cầu Tiên, dường như các sự việc đều được một bàn tay vô hình sắp đặt sẵn sàng cho Quan Phủ.

Tương truyền rằng trước khi Quan Phủ Chiêu đến trấn nhậm thì việc cầu Tiên thường gặp nhiều khó khăn, nhiều khi lại còn bị ma quỷ nhập đàn phá khuấy. Nhưng sau khi Quan Phủ đến rồi thì việc lập đàn cơ thành ra rất dễ dàng và mau chóng. Ma quỷ cũng chẳng còn nhập đàn phá khuấy nữa. Việc này thường làm cho những vị thường đến hầu đàn lưu ý, bàn tán thì thầm với nhau, và càng thêm kính trọng Quan Phủ.

Tiết III: Người đệ tử đầu tiên của Tiên Ông

Như trên đã ghi, Quan Phủ Ngô Văn Chiêu nay được duyên may gặp điều kiện và tình cảnh vô cùng thuận lợi cho những điều mơ ước thâm kín của mình nên nắm ngay cơ hội hiếm có này mà khởi sự lập đàn cơ thỉnh Tiên. Một hôm, có một Tiên Ông nhập đàn, không chịu xưng danh, nhưng bảo Quan Phủ phải chịu làm đệ tử thì Ngài sẽ dạy cho cách thức tu hành, và cũng khuyên Quan Phủ từ đây ngưng tụng kinh Minh Thánh như Ngài đã làm hằng đêm.

Vốn đã sẵn lòng tin tưởng Thần Huyền, và cũng hằng nuôi ước vọng tìm Minh Sư học Đạo, nay được cơ hội ngàn năm một thuở, nên mừng quá nhận lời ngay, và ngưng tụng kinh Minh Thánh từ đấy. Một ngày nọ, Tiên Ông giáng cơ bảo Quan Phủ phải ăn chay mười ngày mỗi tháng. Nghe như thế Quan Phủ liền nghĩ bụng rằng “mình đương làm quan, nay người này mời, mai người khác thỉnh, nếu chịu ăn chay mười ngày mà sau rồi quên ăn mặn thì có tội với Trời Phật. Nhưng nếu theo lời dạy mà được kết quả gì thì cũng ráng mà ăn. Nếu

²⁷ Đảo Phú Quốc nổi tiếng ở miền Nam về nước mắm rất ngon, gọi là nước mắm Phú Quốc. Đảo này trước kia được một người Trung Hoa tên là Mạc Cửu khai khẩn. Khi Chúa Nguyễn Phúc Ánh lập quốc chống quân Tây Sơn thì dùng đảo này làm một cứ điểm quan trọng. Sau này, Vua Gia Long cũng dùng nơi này để làm nơi ẩn trú, và làm căn cứ địa để khôi phục cơ đồ và thống nhất nước Việt Nam.

ăn mười ngày rồi mà khi chết còn phải chịu luân hồi thì thà là ăn hai ngày còn hơn, miễn là mình tu nhơn tích đức, chẳng làm trái với lương tâm thì thôi”. Trong trí, Quan Phủ định để có dịp cầu Tiên Ông giáng, rồi sẽ bạch lại như vậy.

Cách ít lâu, có người thợ mộc ở gần đó, có chuyện muốn cầu Tiên, đến mời Quan Phủ chứng đàn dùm. Tiên Ông giáng cơ. Quan Phủ chưa kịp bạch chi thì cơ viết: "Chiêu, tam niên trường trai". Thấy vậy, Quan Phủ rất bối rối, vì Ông chưa chịu ăn chay mười ngày mà nay Tiên Ông lại bảo trường chay ba năm. Quan Phủ mới bạch rằng:

"Bạch Tiên Ông, Tiên Ông đã dạy thì đệ tử phải vâng. Song xin Tiên Ông phải bảo hộ đệ tử, chú trường chay ba năm lâu quá, chẳng biết đệ tử có chịu nổi hay không. Và xin Tiên Ông bảo lãnh nếu đệ tử vung theo lời dạy thì phải có chứng quả chi mới được."

Tiên Ông bảo cứ việc làm theo lời dạy, sau rồi sẽ hiểu rõ.

Quan Phủ Chiêu khởi sự trường chay, học Đạo kể từ đây, ngày mùng 8 tháng 2 năm 1921, nhằm mùng 1 Tết Tân Dậu.²⁸ Quan Phủ thọ pháp từ ngày đó qua những đàn riêng biệt dành riêng cho việc này. Quan Phủ thật sự bắt đầu học Đạo, hành pháp và tu từ ngày đó.

Quan Phủ Ngô Văn Chiêu là người đệ tử đầu tiên của Tiên Ông, mà mãi sau này mới biết ra được là Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế.

²⁸ *Lịch Sử Quan Phủ Ngô Văn Chiêu*, Cao Đài Đại Đạo Chiếu Minh, 1962, trang 25.



Ngài Ngô Văn Chiêu
(Ảnh của Chiêu Minh Tam Thanh)

Tiết IV: Hiện tượng Thiên Nhân (1921)

Nay trở lại lúc mà Tiên Ông thu nhận Quan Phủ làm đệ tử đầu tiên, dạy bảo phải chay lạt, và hứa sẽ dạy Đạo, nhưng chưa dạy cách thờ phượng cúng kiến như thế nào. Một hôm nọ, trong một đàn cơ, Tiên Ông dạy phải tìm một dấu hiệu chi riêng biệt để thờ thì Quan Phủ chọn dấu hiệu Thập Tự.

"Tiên Ông nói chữ Thập cũng được, song đó là dấu hiệu riêng của một nền Đạo đã có rồi. Phải suy nghĩ mà tìm cho ra. Có Tiên Ông giúp sức. Ngài xin huân lại một tuần lễ để có ngày giờ suy nghiệm. Mãn tuần Ngài tìm cũng chưa ra."²⁹

"Thế rồi một hôm, có lẽ vào hạ tuần tháng Ba năm Tân Dậu (khoảng Mars-April, 1921?), Ngài đứng ngồi trên võng ở mái hiên sau dinh quận đường Phú Quốc, bỗng Ngài thấy hiện ra trước mắt Ngài, cách đó vài ba thước tây một CON MẮT thật lớn, rất tinh thần, hào quang chói sáng như mặt trời. Ngài sợ hãi lấy tay bịt mắt lại chẳng dám nhìn, nhưng CON MẮT vẫn chói ngời hào quang hơn nữa. Ngài bèn chấp tay vái rằng:

"Bach Tiên Ông! Đệ tử biết rõ huyền diệu của Tiên Ông rồi. Xin Tiên Ông đừng làm vậy, đệ tử sợ lắm. Như Tiên Ông bảo thờ vậy thì xin cho biến mất tức thì."

Ngài khấn xong CON MẮT lu dần rồi biến mất. Tuy thế Ngài cũng chưa thiệt tin nên chưa tạo THIÊN NHÂN theo sự xuất hiện mà thờ. Cách vài ngày sau nữa, Ngài lại thấy y như lần trước. Ngài cũng xin tạo THIÊN NHÂN để thờ thì CON MẮT biến mất."³⁰

Từ đây mới phát nguyên sự tích thờ THIÊN NHÂN trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, mà ý nghĩa trọn vẹn của nó đến nay vẫn chưa được Ôn Trên giảng dạy. Đức Thượng Đế chỉ dạy rằng:

*Nhân thị chủ Tâm
Lưỡng quang chủ tế*

²⁹ *Lịch Sử Quan Phủ Ngô Văn Chiêu*, Cao Đài Đại Đạo Chiếu Minh, 1962, trang 30.

³⁰ *Đông Tân, Lịch Sử Đạo Cao Đài*, quyển I, trang 72.

*Quang thị Thân
Thần thị Thiên
Thiên giả, Ngã giả.*

*Thần là nhiệm khuyết của cơ mẫu nhiệm từ ngày Đạo bị
bế. Lập Tam Kỳ Phổ Độ nay duy Thầy cho Thần hiệp
Tinh Khí đặng hiệp đủ Tam Bửu là cơ mẫu nhiệm siêu
phàm nhập Thánh.³¹*

Tiết V: Xưng danh Cao Đài Tiên Ông (1921)

Sau khi thấy hiện tượng Thiên Nhân hai lần, Quan Phủ khởi sự thượng THIÊN NHÂN để thờ, và trong một đàn cơ tại Quan Âm Tự, được dạy gọi Tiên Ông bằng Thầy. Tiên Ông cũng xưng danh lần đầu tiên là CAO ĐÀI TIÊN ÔNG ĐẠI BỒ TÁT MA HA TÁT. Kể từ đó, Quan Phủ rất chuyên cần tu hành. Sau khi thấy trì trai giữ giới được và tu hành tăng tiến, Quan Phủ mới đại nguyện với Đức Cao Đài là "Nếu độ cho Ngài thành Đạo thì Ngài sẽ lo độ lại chúng sanh tùy theo phước đức của mỗi người."³²

Đức Cao Đài thường khen Ngài trong việc tu hành, và một hôm có bảo:

*Thầy đã hứa với chư Tiên, chư Phật rằng Thầy sẽ đem
đệ tử về. Ngày nay, đệ tử gặp đặng chơn truyền cũng
nên đền ơn chư Tiên, chư Phật vì đã có công hộ độ.*

Quan Phủ bạch:

*Bạch Thầy, đệ tử ở chốn phàm trần này biết lấy chi mà
đền ơn chư Tiên chư Phật cho xứng đáng. Vậy đệ tử xin
dâng chư Tiên, chư Phật một tiệc rượu Champagne,
chẳng biết được hay không? Xin Thầy dạy cho đệ tử rõ.*

Đức Cao Đài bèn trả lời:

³¹ Đồng Tân, *Lịch Sử Đạo Cao Đài*, quyển I, trang 74.

³² Đồng Tân, *Lịch Sử Đạo Cao Đài*, quyển I, trang 75.

*Tự nơi lòng đệ tử.*³³

Tiết VI: Cảnh Bồng Lai, Thánh Tượng Thiên Nhân (1924)

Sau khi hành pháp được ba năm thì một hôm Tiên Ông dạy:

*Ba năm lao khổ độ nhứt nhơn,
Mắt Thầy xem rõ lòng dạ chắc
Thương vì con trẻ hầy còn thơ
Gắng chí tâm phương biết Đạo mầu.*

Tiên Ông thường khen Quan Phủ tu kỹ, Đạo phát, lắm công phu. Và để ban thưởng, Tiên Ông một hôm hỏi Quan Phủ muốn chi sẽ ban cho. Quan Phủ mới bạch:

*Bạch Thầy, nghe rằng cảnh Bồng Lai xinh đẹp vô cùng.
Thầy có thể nào cho đệ tử thấy cảnh ấy không?*

Cơ gỗ một cái mạnh chớ không trả lời chi. Cách ít lâu sau, một buổi chiều kia, nhằm lối cuối tháng Giêng năm Giáp Tý (tháng 2 năm 1924), Ngài ra hứng mát ngoài mé biển. Ngài trèo lên một đỉnh đá ngoài Dinh Cậu,³⁴ ngòi ngó mông ra biển, thấy biệt mù trời nước một màu, sóng dợn ba đào. Bồng chốc, Ngài thấy lần lần từ chỗ trời nước giáp mối nhau, lộ ra một cảnh chẳng biết là cảnh gì mà xinh đẹp vô cùng, không thể tả được; cảnh này vừa khuất đi thì một cảnh khác lại lộ ra, cảnh nào cũng như cảnh nào đẹp vô cùng làm Ngài mê man tinh thần, không còn biết mình đang ngồi ở chôn phàm trần. Ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác, Ngài không thể nói ra lời, để rồi sau cùng Ngài thấy một cảnh lạ thường hơn tất cả là một cảnh mà ở trên có một Thiên Nhân sộ ngay xuống một hàng có Nhứt

³³ *Lịch Sử Quan Phủ Ngó Văn Chiêu*, Cao Đài Đại Đạo Chiếu Minh, 1962, trang 33.

³⁴ Năm 1967, người viết mấy hàng này có dịp ra hành Đạo tại Dương Đông (Phú Quốc), nơi Quan Phủ phò cơ học Đạo, và có đến ngay chỗ Quan Phủ ngồi hóng mát thấy cảnh Bồng Lai. Nơi đây hầy còn cây dương, nay đã lên rất cao, mà người ta nói đã có từ đời Quan Phủ.

Nguyệt Tinh chói rạng rực rỡ. Được chừng mười lăm phút thì cảnh ấy lu lần lần rồi tan biến mất.



THIÊN NHÃN
(Ảnh của Chiếu Minh Tam Thanh)

Ngài trở lại thực tại, thấy mình vẫn ngồi trên đỉnh đá, cũng trời, cũng nước, cũng non, nhưng không hiểu gì cả. Mãi tới một đàn cơ sau này, Tiên Ông mới cho biết đó là cảnh Bồng Lai mà Ngài đã nguyện ước được thấy.

Đến chùng Ngài được đổi về Sài Gòn, Ngài nhờ người đệ tử cấp nhứt của Ngài là ông Đốc Học Thới vẽ lại cảnh Thiên Nhân đã thấy để thờ,³⁵ và đó là Thiên Nhân chơn truyền mà Cơ Cao Đài Giáo Việt Nam Hải Ngoại đang thờ.

Từ ngày thấy được cảnh Bồng Lai, Quan Phủ lại gia tâm tu hành, gắn bó hơn nữa. Và đến ngày 30 tháng 7 năm 1924, Quan Phủ được lệnh đổi về Sài Gòn. Trước khi rời đảo Phú Quốc, Đức Cao Đài có cho Ngài một bài trường thiên sau đây:

*Kín trong rồi lại kín ngoài
Đường xa phong cảnh thương lòng để vui
Công đầu chịu cực đừng lui
Thiên Tào thẳng thưởng đạo mùi ngọt ngon
Ba năm lòng sáng như son
Trèo non xuống biển vuông tròn công phu
Chớ phiền mỗi một lòng tu
Trăng kia mây vệt Đường Ngu gặp hiền
Mục toan vụ thấy thanh Thiên
Các đào rõ biết mối truyền chánh tông
Giờ này Thầy điểm thâm công
Ngày sau con sẽ cõi rồng về nguyên³⁶
Ngoài trong sạch tợ bạch liên
Khá lòng gìn giữ mối giềng chớ xao*

³⁵ *Lịch Sử Quan Phủ Ngô Văn Chiêu*, Cao Đài Đại Đạo Chiếu Minh, 1962, trang 33 và kế tiếp.

³⁶ *Lịch Sử Quan Phủ Ngô Văn Chiêu*, Cao Đài Đại Đạo Chiếu Minh, 1962, trang 73.

Cõi rồng về nguyên là lời Đức Chí Tôn tiên tri cho biết trước Quan Phủ sau này sẽ đắc đạo, và sẽ bỏ xác phàm trên dòng sông Cửu Long (chín con rồng), và sự việc này có xảy ra đúng như thế.

*Chiêu chiêu nguyệt thấu thanh thao
 Trên đầu cũng có Thiên Tào xét xem
 Thấm mùi con biết lân nem
 Đè hồ con uống Thầy xem ân cần
 Đạo luyện khắc kỷ phục thân
 Chiêu con khá giữ Thầy phân cạn lời.*

Về tới Sài Gòn, giữa cảnh phồn hoa náo nhiệt, nhưng Quan Phủ vẫn tiếp tục tu luyện, như khi còn ở Phú Quốc, không thay đổi chút nào. Mỗi ngày hai buổi đi làm cho chính quyền Pháp thuộc, về nhà đóng cửa tu tâm dưỡng tánh, ít có giao thiệp với ai trừ ra một vài người bạn rất thân mà thôi. Chỉ có những người bạn rất thân này biết và giữ kín đời tu hành của Ngài, đúng như ý mong muốn của Ngài, và cũng đúng như lời dạy của Tiên Ông.

Tiết VII: Phong trào xây bàn tại Sài Gòn (1925)

Được biết rằng vào năm 1852 có một hội nghị về Thần Linh Học,³⁷ họp tại Cleveland, tiểu bang Ohio (Hoa Kỳ). Thần Linh Học là một môn học về sự linh thông giữa thế giới hữu hình và vô hình, nghĩa là giữa người sống và người đã chết rồi. Khi hội nghị đó họp rồi thì Thần Linh Học tràn sang Âu Châu nói chung, nước Pháp nói riêng. Tại nước Pháp, một bác sĩ y khoa tên Allan Kardec rất hoạt động về môn này và đã cho xuất bản hai quyển sách có tiếng trong thời đó là: *Le Livre Des Esprits* (Sách về Thần Linh) và *Le Livre Des Mediums* (Sách Về Đồng Tử) khởi mầm cho nhiều sách báo khác đua nhau ra đời thảo luận khá rộng rãi về môn học này. Sau nước Mỹ thì có nước Pháp rất thịnh hành về môn Thần Linh Học.

Chắc có lẽ những sách vở báo chí này nhập sang vào thuộc địa Đông Dương, và tạo cho giới trí thức Việt Nam nói chung, và Sài Gòn nói riêng, một không khí hiếu kỳ, quật khởi một phong trào khá lan rộng vào khoảng năm 1925.

³⁷ Thần Linh Học là Spiritism.

Thật thế, vào khoảng năm đó tại Sài Gòn có ba công chức người Việt đang làm việc trong các văn phòng chính quyền thuộc địa Pháp: quý ông Cao Quỳnh Cư trong văn phòng Sở Hoả Xa, ông Phạm Công Tắc trong văn phòng Sở Thương Chánh, và ông Cao Hoài Sang là cháu của ông Cư. Ba ông vốn có tâm hồn phong nhã, thường đêm gặp nhau, làm thi vịnh phú, đờn ca. Cô nhạc và Đường Thi lúc ấy rất thịnh hành ở Việt Nam. Những cuộc chơi giải trí tao nhã đó lần lần đưa các ông đến ý nghĩ học hỏi và giao cảm với giới vô hình bên kia thế giới. Có tâm hồn Việt nào mà không ham mộ, không muốn được giao cảm với các tiền nhân thi sĩ như Nguyễn Bình Khiêm, Ôn Như Hầu, bà Huyện Thanh Quan v.v...? Nên ba ông rất thích thú sáng kiến đó, và ông Cao Quỳnh Cư đề xướng ý nghĩ xây bàn. Hai ông Sang và Tắc hưởng ứng nhiệt liệt. Theo Tiền Khai Hương Hiếu³⁸ thì ba ông rất hăng say, liền mang bàn ra trước hiên nhà xây bàn ngay đêm hôm ấy. Ấy là đêm mùng 5 tháng 6 năm Ất Sửu (25 tháng 7, 1925), ở dãy phố Hàng Dừa, nay gần chợ Thái Bình, Sài Gòn, tại tư thất ông Cao Hoài Sang, cách một căn phố nhà ở của ông Phạm Công Tắc.

Ba ông ngồi vào chưa mấy phút thì bàn chuyển động một cách nhẹ nhàng mạnh mẽ dường như hâm hờ lắm, nhưng viết ra rất lộn xộn; khi thì viết tiếng Việt, khi thì tiếng Pháp, khi thì tiếng Anh, cũng không có nghĩa lý trọn vẹn chi cả, cho có cảm tưởng rằng dường như có rất nhiều vong linh tranh nhau nhập vào và dành nhau nói chuyện. Ba ông cầu từ 9 giờ tối cho tới 2 giờ sáng ngày hôm sau, nhưng không thu được kết quả nào tốt đẹp. Dù thế ba ông cũng không bỏ cuộc và qua đêm sau cũng tiếp tục xây bàn nữa. Tính hiếu kỳ đã nổi dậy và kích thích ba ông rất nhiều.

Lần này, mùng 6 tháng 6 năm Ất Sửu (26 tháng 7, 1925), với đức tánh kiên nhẫn ba ông tiếp được bài thi sau đây:

*Ly trần tuổi đã quá năm mươi,
Mi mới vừa lên ước dặm mươi.
Tổng mển lời khuyên bên mộ chếp,
Tình thương câu dặn gắng tâm đời.*

³⁸ Hương Hiếu, *Đạo Sĩ I*, 1968, trang 2 – 3.

*Bên màn đời lúc trêu hôn phách,
Cõi thọ nhiều phen dựng thành thoi.
Xót nỗi vợ hiền còn lụn cùm,
Gặp nhau nhẩn nhủ một đôi lời.*

Cao Quỳnh Tuân (Thiên Đình)



Chiếc bàn đầu tiên dùng trong việc Xây Bàn
(Ảnh của bà Nữ Đầu Sư Hương Hiếu)

Đàn gõ rất rõ ràng minh bạch, không lộn xộn như đêm trước. Bài thi Đường Luật rất chững chạc, lời nói thâm thúy và quá hiển hích đối với ông Cao Quỳnh Cư, và cùng một lúc mang lại một sự hào hứng và ngạc nhiên cho cả hai vị kia. Ba ông đều cảm phục văn chương lưu loát và ý nghĩa thâm tình của bài thi, và tỏ vẻ cảm xúc bùi ngùi. Ông Cao Quỳnh Cư lên tiếng: "Thưa Thầy, ngày mai con định nấu một mâm cơm cúng, con kính thỉnh Thầy về chứng lòng thảo của con." Bàn liền gõ hai cái, nghĩa là chấp nhận lời cầu của ông Cư. Sự việc đã quá rõ ràng đối với hai ông Sang và Tắc là cụ Cao Quỳnh Tuân là thân phụ của ông Cư đã ly trần 25 năm về trước, khi ông Cư hãy còn chừng mười tuổi. Ông Cư gọi thân phụ bằng Thầy cũng như một số gia đình tôn cô ở miền Nam xứ Việt.

Buổi xây bàn kế tiếp được tổ chức bốn ngày sau, vào đêm mùng 10 tháng 6 năm Ất Sửu (30 tháng 7, 1925), lần này tại nhà ông Cao Hoài Sang và gặt hái được nhiều kết quả như ý mong mỏi: Có vong linh cô Đoàn Ngọc Quế nhập đàn và cho bài thi sau đây:

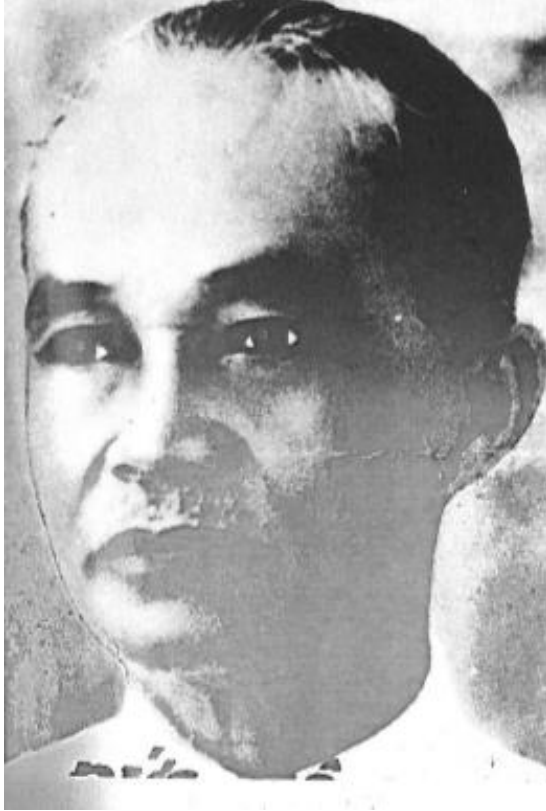
*Nỗi mình tâm sự tỏ cùng ai,
Mạng bạc còn xuân uổng sắc tài.
Những ngỡ trao thân vào ngọc các,
Nào dè phải nợ xuống tuyền đài.
Dưỡng sinh cam lỗi tình sông núi,
Tơ tóc thôi rồi nghĩa trúc mai,
Dồn dập tương tư oằn một gánh,
Nỗi mình tâm sự tỏ cùng ai.*

Ba ông Cư, Sang, Tắc trong lúc hân hoan hứng thú liền xuất khẩu họa vận bài thi trên của cô Quế.

Ông Phạm Công Tắc:

*Ngẩn bút hòa thi tử phạm ai,
Trời xanh vội lấp nữ anh tài.
Tình thâm một gánh còn dương thế,
Oan nặng ngàn thu xuống dạ đài.
Để thảm xuân đường như ác xế,*

*Gieo thương lữ khách ngóng tin mai.
Hiềm vì chưa rõ đầu đuôi thế
Ngẩn bút hòa thi tửu phạt ai.*



Ngài Phạm Công Tác
(Ảnh của Tòa Thánh)

Ông Cao Hoài Sang:

*Nửa chừng xuân gãy tử thân ai,
Nông nổi nghề thay tiếc bấy tài.
Ngọc thốt dăm bì trang tuần kiệt,
Vàng rơi nghiêng chạnh khách chương đài.*

*Những ngò duyên thâm trao phòng bích,
Hay nổi xương tàn xử giâu mai.
Một giải đồng tâm bao thuở nổi,
Nửa chùng xuân gãy tử thân ai.*

Ông Cao Quỳnh Cư:

*Rằng liễu khóc oanh có mấy ai,
Mộ người quốc sắc đáng thiên tài.
Nhìn văn độ phẩm hàng khuê các,
Xót bạn tri âm cõi dạ đài.
Ngàn dặm hoa trôi sầu cụm trước,
Một mỏ cỏ loạn ủ nhành mai.
Cửu tuyền hôn Quế linh xin chứng,
Rằng liễu khóc oanh có mấy ai.*

Ba ông đều phục tài của người khuất mặt, nhưng nghi là cô dấu tên, và lần tìm phanh manh mối, nên sau này mới biết được tên thật của cô là Vương Thị Lễ mà cô Quế cũng xác nhận như thế.³⁹ Vốn là hạng người hào hoa phong nhã, vả lại còn phục tài văn chương của cô, nên ba ông này ra ý nghĩ kết nghĩa anh em. Cô Quế bằng lòng ngay. Ông Cư cao niên nhứt được gọi là Trương Ca. Ông Tác là Nhị Ca, và ông Sang là Tam Ca. Còn cô Quế là Tiểu Muội.

Chắc có lẽ ba ông này rất mãn nguyện và hào hứng: những ước vọng của mình đã đạt thành: nhờ xây bàn mà được thông linh với bên kia thế giới, và hơn nữa được giao cảm với các vong linh ở cõi vô hình. Tưởng rằng có mấy ai ở thế gian này được hưởng cái thú thi thơ xướng họa, kết nghĩa huynh muội với người khuất mặt! Ba ông càng say mê sung sướng nên ngày nào đi làm việc cũng trông mong hết giờ làm để tới về xây bàn. Không những văn chương của cô Quế lưu loát nhẹ nhàng như gió thoảng mây bay, mà lại còn một vài khi cô cũng thổ lộ cho biết một vài Thiên Cơ và huyền bí ở thế giới thần linh.

³⁹ Đồng Tân, *Lịch Sử Đạo Cao Đài*, quyển II, trang 32.

Dù rằng thế nhưng ba ông cũng còn hơi dè dặt, muốn thật chắc những lời cô Quế nói là đúng, nên có đi trắc kiểm một vài sự việc ở trần khi cô hãy còn sanh tiền như quê quán xứ sở của cô trước kia. Và ba ông được thoả mãn là những gì cô Quế nói đều là đúng sự thật, nên ba ông rất phấn khởi, hớn hở, và tin chắc hơn.



Cô Vương Thị Lễ

(Ảnh trích từ quyển *Lịch Sử Đạo Cao Đài* của Đồng Tân)

Tiếng đồn cô Vương Thị Lễ, tức cô Quế, về cơ rất linh hiển bay khắp cùng Sài Gòn Chợ Lớn đến tai hai người quen cô khi cô còn sanh tiền. Hai người quen này mới tìm đến xem hư thiệt. Cô Lễ nhập đàn và ba ông Cư, Tắc, Sang hỏi:

- Tứ Muội có biết hai ông khách này không?

Cơ gở:

- *Đào Nguyên lạc lối buổi vong Hưng*

Nguyên, Hưng là tên của hai ông khách. Khi hai ông khách thấy nói trùng tên mình, hai ông tay thì thắp hương và miệng thì khấn:

- *Đốt nén hương xin tỏ Lễ mừng*

Lễ là tên của cô Vương Thị Lễ. Bàn liền gở:

- *Tri kỷ còn nhiều ngày gặp gỡ*

Hai ông Nguyên, Hưng liền ráp câu chót:

- *Chạnh lòng nhớ đến buổi thanh xuân.*

Mấy câu vắn đáp trên đúc kết lại thành bài thơ tứ tuyệt sau đây:

Đào Nguyên lạc lối buổi vong Hưng

Đốt nén hương xin tỏ Lễ mừng

Tri kỷ còn nhiều ngày gặp gỡ

Chạnh lòng nhớ đến buổi thanh xuân.

Từ ngày cô Vương Thị Lễ nhập đàn, việc xây bàn trở thành linh diệu. Vong linh của thân nhân hoặc bạn hữu các vị hầu đàn, anh hùng liệt sĩ trước kia, các Đấng Thiêng Liêng ... giảng đàn khá thường, cho những bài thơ rất hay, nhiều khi đượm mùi đạo lý, và luôn luôn trang nghiêm thanh thoát. Ba ông Cư, Tắc, Sang không còn ngờ vực gì về thế giới vô hình. Hơn nữa, tâm thần của ba ông này cũng dường như đã hướng về các vong linh, các Đấng Thiêng Liêng với một niềm tin sâu sắc và kính trọng. Việc xây bàn nhờ thế mà trở nên trang nghiêm hơn, và thành khẩn hơn, nhưng vẫn còn là một món chơi giải trí như trước kia.

Tiết VIII: Đức A Ẳ Ậ (1925)

Trong bầu không khí trang nghiêm và thành khẩn đó, một hôm vào hạ tuần tháng 7 năm Ất Sửu (1926), ba ông lập

đàn cơ như thường lệ. Ba ông mới vừa để tay vào bàn thì bàn chuyển ngay lập tức. Bà Cao Quỳnh Cư hỏi danh xưng thì được trả lời: "A Ẳ Ẳ" và cho một bài thơ:

*Ớt cay cay ớt gặm mà cay,
Muối mặn ba năm muối mặn dai.
Túng lú đi chơi nên tấp lại,
Ăn bòn chẳng chịu tấp theo ai.*

Thấy bài thơ như thế, ba ông chẳng hiểu chi cả, nhưng nhận thấy rằng danh xưng này là bút hiệu chứ chẳng phải tên thật. Tính tò mò thúc đẩy, các ông gạn hỏi thì bàn lại gõ "A Ẳ Ẳ", ám ý cho ba ông biết rằng không muốn trả lời gì thêm nữa, và cũng không muốn xưng tên gì khác nữa. Thấy thế, ông Cư liền hỏi tuổi được bao nhiêu, thì bàn gõ lia lịa không ngưng, có đến ba bốn trăm cái cho đến khi các ông không còn đếm được nữa mới thôi. Rồi bàn gõ rằng: "Muốn cho Bàn Đạo đến thường, xin chư vị nạp lấy mấy lời yêu cầu của Bàn Đạo như sau đây: Một là đừng kiếm biết Bàn Đạo là ai; hai là đừng hỏi đến quốc sự; ba là đừng hỏi đến Thiên Cơ".

Các ông nghe thế, lấy làm lạ không biết đối phó làm sao nên cũng đồng ý, nhưng bên trong thầm cảm thấy lời yêu cầu của ông A Ẳ Ẳ có cái chi hư hư thiệt thiệt, khó hiểu, huyền bí. Và "các ông nghĩ có lẽ Ông này làm chức chi cao lắm trên thượng giới",⁴⁰ vì nếu chức Ông không cao thì Ông giấu tên làm chi, mà lại thấu quốc sự cũng như biết Thiên Cơ. Dù thế các ông cũng hứa chịu nhận mấy lời yêu cầu đó. Để giữ lời hứa ấy, các ông chỉ giới hạn các việc han hỏi trong ngành văn chương thi phú mà thôi và cũng kính trọng Ông A Ẳ Ẳ như các Đấng khác đã giáng đàn trước kia vậy, dù trong lòng vẫn áy náy, ngờ ngờ vực vực về cái vẻ bí mật của Ông A Ẳ Ẳ.

Với tâm tư đó, các ông rất thận trọng trong những vấn đề đề cập với Ông A Ẳ Ẳ, chỉ mang ra hỏi những việc khúc chiết trong văn học. Điển hình là việc ông Nguyễn Trung Hậu

⁴⁰ Đồng Tân, *Lịch Sử Đạo Cao Đài*, quyển II, trang 40.

nhờ Ông A Ẵ Ầ đối đùm cho những câu đối mà từ trước tới giờ chưa ai đối được. Ông Hậu nói:

- Tôi còn nhớ hai câu đối thuở nay chưa ai đối được, xin đem ra nhờ Ngài đối chơi cho vui.

Ông A Ẵ Ầ bèn đáp lời rất khiêm tốn:

- Bần Đạo xin hầu đối. Nhưng nếu đối ra không chững, quý vị chớ cười, và niệm tình Bần Đạo mà chấn chỉnh lại cho.

Ông Hậu đọc:

- *Ngôi yên ngựa đùng bò con ghé*

Ông A Ẵ Ầ liền đối ngay lập tức, không do dự chi cả:

- *Cởi lưng trâu chó khỉ thẳng tề*

Chưa chịu, ông Hậu đọc luôn:

- *Ngựa chạy mang lạc*

Cũng như trước, Ông A Ẵ Ầ tức thì đối:

- *Cò bay le bè*

Hiện giờ chúng tôi không có tài liệu để biết coi ông Hậu sau khi đối như thế thì nghĩ sao? Có phục tài Ông A Ẵ Ầ chăng? Hoặc giả chưa hoàn toàn tin Thần Tiên? Vì xưa nay ai cũng biết ông Hậu là một thi gia nổi tiếng trong làng văn hiện thời và ít khi phục ai lắm. Chúng tôi chỉ được biết là, theo Tiền Khai Hương Hiếu thì năm 1925 ông Nguyễn Trung Hậu nghe đồn ông Tắc, ông Cư, ông Sang xây bàn có vong về cho thi hay lắm, đồn tới tai ông. Bữa nọ, ông Nguyễn Trung Hậu đến nhà ông Cao Quỳnh Cư, ý muốn xem coi thiệt giả. Ông đến đó hầu đàn, Ông A Ẵ Ầ giáng đàn gõ bàn cho ông Nguyễn Trung Hậu một bài thi dưới đây:

***Thuần** văn chất **Đức** với tài cao*

Tên tuổi làng thơ đã đứng vào

Non nước muốn nêu danh tuấn kiệt

Đến hồi búa Việt giục cờ Mao.

"Không ai biết biệt hiệu của ông Nguyễn Trung Hậu là Thuần Đức, cho nên ông mới chịu nhập môn".⁴¹

Tiếp theo ý của ông Hậu, quý vị khác cũng vừa thử tài vừa tìm hiểu ông A Ẫ Ẫ hơn nữa, lấy văn chương thi phú ra làm đề tài, lấy cổ điển trong văn hoá Trung Hoa ra làm câu hỏi, hoặc lấy những giáo lý Phật học, Khổng học trong các bài thơ của các Đấng vừa cho ra làm câu chất vấn. Nhưng đâu đâu ông A Ẫ Ẫ cũng giải nghĩa rất rõ ràng minh bạch, rất mạch lạc thông suốt từ đầu chí cuối, rất tài tình và rất dễ hiểu.

Sự việc ấy làm cho ba ông Cư, Tắc, Sang hết sức ngạc nhiên và càng thêm khâm phục kiến thức sâu rộng của Ông A Ẫ Ẫ. Từ đây về sau ba ông luôn luôn nhờ Ông A Ẫ Ẫ giải cho bất cứ những gì các ông không hiểu nổi trong nền văn chương, và lấy đó như là lời giải tối hậu cho các ông.

Bề ngoài ba ông có vẻ như bình tĩnh, nhưng trong lòng vẫn bán tính bán nghi, có cảm tưởng chắc Ông A Ẫ Ẫ là một đấng vô hình lớn lắm, đầy đủ tài nghệ, thần thông quảng đại, hô phong hoán vũ như các vị Đại Tiên hoặc các vị Phật mà các ông thường đọc trong truyện Trung Hoa. Các vị Phật Tiên này cũng xưng "Bản Đạo" như Ông A Ẫ Ẫ vậy. Ba ông vẫn thắc mắc mãi tại sao Ông A Ẫ Ẫ lại không cho hỏi về lai lịch, quốc sự hoặc Thiên cơ, đặc biệt là quốc sự. Vì quốc sự là những gì thâm kín trong tâm khảm các ông. Nếu không vì lẽ thâm kín này thì chưa chắc các ông đã ưu ái đến việc xây bàn nhiều như thế. Xây bàn là để tìm một sự hướng dẫn, những lời mách bảo của Thần Minh thấy những chuyện vị lai quá khứ. Ba ông "vốn ... chất chứa nội tâm nổi cảm hờn vì nước nhà bị đô hộ, ba vị này muốn thử xây bàn mời vong linh những người quá vãng để cầu hỏi về vận mạng tương lai của tổ quốc"⁴² ... Cái đêm mà ba ông ngậm ngùi xúc động hơn hết là đêm mùng 10 tháng 11 năm 1925, Đức Tả Quân Lê Văn Duyệt nhập đàn cho bài thi như sau:

⁴¹ Hương Hiếu, *Đạo Sĩ I*, 1968, trang 22.

⁴² Hương Hiếu, *Đạo Sĩ I*, 1968, trang 3.

Bài I

*Đã ghè phen phần can qua
Thuộc đại trách ai nhượng nghiệp nhà
Trăm họ than van nơi bệ lại
Ba kỳ uất ức phép Tây tà
Xa thơ biến gậy rời vương thất
Nam đánh hầu thay sáng quốc gia
Ách nước nạn dân gần muốn mãi
Hết hồi áp chế tới khi hoà.*

Bài II

*Khi hoà tuy có chí đồng tình
Vận nước nên hư cũng bởi mình
Tội giặc lắm người xô vũ trụ
Lòng trung mấy kẻ xót hơn sinh
Đường dài chó nệ ngàn công gắng
Bước nhọc đừng nao một dạ thìn
Đồ sộ giang sơn xưa phải sạch
Trong vào tua vện nổi đỉnh ninh.*

Ông Cao Hoài Sang bạch với Đức Tả Quân:

“Trong tình thế hiện tại, các nhóm Cần Vương đất Việt có nên hợp nhau đứng dậy làm cách mạng để thoát ách nô lệ chăng?”

Đức Ngài trả lời bằng bài thi sau đây:

*Mạnh yếu hai đảng đã hiển nhiên
Đôi mươi năm nữa nước nhà yên
Dần lòng ẩn nhẫn xem thời thế
Đừng vội gây nên cuộc đảo huyền.⁴³*

⁴³ Hương Hiếu, *Đạo Sĩ I*, 1968, trang 4.



Ngài Cao Hoài Sang
(Ảnh của Cao Xuân Phong)

Những bài như trên đánh trúng chỗ yếu điểm của tâm hồn ba ông khiến cho cả ba đều ngây ngất trong niềm vui sướng.⁴⁴ Ba ông là những người thương nước thương dân một cách chơn thành đậm đà thấm thía, là những thành phần ái quốc can trường thiết thạch, nuôi mộng “đứng dậy làm cách mạng” để giải phóng đất nước dân tộc ra khỏi vòng nô lệ của Pháp thuộc. Đây là thành phần trung lưu trong xã hội Việt Nam đầy trung can nghĩa khí, đầy dạ tín thành, tiêu biểu trung thực cho tâm hồn dân tộc Việt được thấm nhuần bởi lý tưởng thanh cao của Khổng giáo – tâm hồn của những con người dám hi sinh cho lý tưởng của kẻ sĩ: “Không thành công cũng thành nhơn”, hoặc “Thà làm quý nước Nam chứ không làm vương đất Bắc”. Nhưng đây cũng là những tâm hồn rất tin tưởng nơi Trời Đất, quan niệm rất mãnh liệt rằng “Hoàng Thiên bất phụ hảo tâm nhơn”.

Đức A Ồ Ồ rất am tường tâm tạng của Tam Vị Tiên Khai Đại Đạo này, nên tuân tự vận chuyển các khía cạnh tâm lý đời đạo, cang nhu, ấm lạnh để lần lần tạo cho ba ông một niềm tin mãnh liệt hơn nữa vào Thần Huyền là Đức A Ồ Ồ. Đức A Ồ Ồ đã thành công vì càng ngày ba ông càng tỏ ra tập trung niềm tin vào một điểm tựa duy nhất cho lý tưởng của ba ông là Đức A Ồ Ồ, mà đến giờ phút này ba ông đều cho là một Đấng vô hình rất lớn, rất cao, rất trọng, và có nhiều huyền pháp. Cũng rất lý thú mà thấy sau này ba ông lại nhờ đến Đức A Ồ Ồ để biết Đức Cao Đài là ai!

Khi thấy ba ông được chuyển đến mức độ tin tưởng đó rồi, thì Đức A Ồ Ồ mở cửa Đạo, và rất nhẹ nhàng nhưng cứng rắn, ấn ba ông vào Đạo. Vào khoảng thượng tuần tháng Tám năm Ất Sửu (tháng 9 năm 1925) Đức A Ồ Ồ giảng cơ dạy ba ông phải thiết một lễ chay để thỉnh Đức Diêu Trì Kim Mẫu.

Diêu Trì Kim Mẫu! Lại một danh xưng mới lạ khác nữa, rất lạ mà các ông chưa từng nghe đến, nhưng lại càng kích thích tính hiếu kỳ của ba ông.

⁴⁴ Hương Hiếu, *Đạo Sĩ I*, 1968, trang 2.

Cũng nên ghi thêm nơi đây rằng trong giai đoạn này cũng có rất nhiều vong linh, các Đấng vô hình giáng cơ cho những bài thơ rất sâu sắc, như Lý Thái Bạch, Đỗ Phủ, v.v...

Tiết IX: Đức Diêu Trì Kim Mẫu. Hội Yến Diêu Trì (1925)

Cũng nên trở lại một khoảng thời gian, vào cuối tháng 7 năm Ất Sửu (1925), ba ông Cư, Tắc, Sang có ngõ ý với cô Vương Thị Lễ rằng:

- *Em còn chị nào nữa biết làm thơ, em mời giùm, nói ba anh em Qua có lòng ngưỡng mộ học làm thơ. Xin cầu khẩn quý Cô đến dạy ba anh em Qua làm thơ.*

Cô Vương Thị Lễ trả lời:

- *Có chị Hón Liên Bạch, Lục Nương, và Nhứt Nương làm thơ hay lắm.*

Ba ông nghe thế rất thích thú, và có ý mời quý Cô đến đêm Rằm Trung Thu, trăng thanh gió mát để thưởng nguyệt ngâm thơ. Cô Lễ liền bảo: "Ba anh muốn cầu thì ngày đó phải ăn chay, cầu mới được". Ba ông cũng đồng ý khứng chịu.

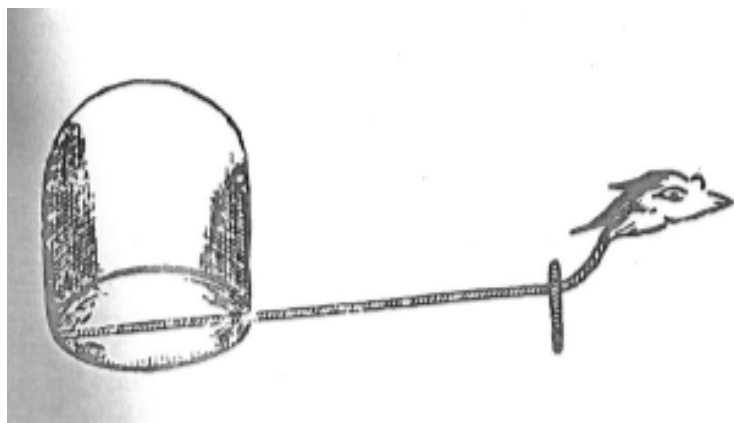
Nhưng ít ngày sau đó, đêm mùng 8 tháng 8 năm Ất Sửu (24 tháng 9 năm 1925), Đức A Ầ Ầ giáng cơ dạy ba ông nên thiết một lễ chay vào đêm Rằm tháng 8 Âm lịch để thỉnh Đức Diêu Trì Kim Mẫu và Cửu Vị Tiên Nương. Được lệnh như thế ba ông cảm thấy sung sướng vô cùng, vì thấy mình càng ngày càng được đi sâu vào thế giới Thần Tiên, nhưng cũng vẫn còn băng khuâng không biết Đức Diêu Trì Kim Mẫu và Cửu Vị Tiên Nương là ai. Nên ngày hôm sau ba ông xây bàn để hỏi cô Vương Thị Lễ.

Cô Lễ lai đàn và tiết lộ rằng cô vốn thiết là vị Tiên thứ bảy (Thất Nương) trong cung Diêu Trì. Cung này do Đức Diêu Trì Kim Mẫu chưởng quản. Dưới Đức Diêu Trì Kim Mẫu có chín vị Tiên (Cửu Vị Tiên Nương), mà cô là một trong chín Tiên Nương ấy. Đồng thời cô cũng cho ba ông biết tên quý Tiên Nương khác trong Diêu Trì Cung. Nghe được như thế các

ông rất mừng, và khấn khoản cô chỉ cách thức cầu Đức Diêu Trì Kim Mẫu. Thất Nương, tức cô Lễ, bảo các ông phải trai giới ba ngày, và phải tìm cho được một Ngọc Cơ mới cầu Đức Diêu Trì Kim Mẫu được.

Các ông không hiểu Ngọc Cơ là chi, nên cũng được Thất Nương chỉ dẫn cho biết những gì cần thiết. Cuối cùng, Thất Nương cũng bảo ba ông mỗi vị nên làm một bài thơ sẵn để mừng Đức Diêu Trì Kim Mẫu. Ba ông đều làm y lời Thất Nương chỉ dẫn.

Ba ngày trước ngày Rằm, tức là ngày 12 tháng 8 Âm lịch, ba ông khởi sự trai giới đúng như lời chỉ dẫn của Thất Nương. Còn Ngọc Cơ các ông không biết làm thế nào mà tìm ra được. May thay, ba ông lại gặp được ông Phan Văn Tý có một Ngọc Cơ, và vui lòng cho ba ông mượn đúng vào cơ hội này. Ba ông rất vui mừng thấy những chi khó khăn đều được duyên may đưa tới để được tự nhiên giải quyết một cách bất ngờ, dường như có một bàn tay vô hình sắp xếp cho vậy. Các ông nôn nóng cho mau đến ngày Rằm để cầu Tiên, hầu biết thêm những điều mới lạ của thế giới Thần Tiên.



Đại Ngọc Cơ
(Ảnh của Toà Thánh)

Đêm ngày 14 tháng 8 Âm lịch (1 tháng 9 năm 1925), nhà ông Cao Quỳnh Cư dọn dẹp kang trang, tinh khiết. Cả ngày ông Cư không rước khách bất cứ ai, xông trầm hương liên tiếp trọn ngày, bông hoa chung bầy màu sắc rực rỡ. Ngay giữa nhà có dọn một bàn dài, rải bông chung quanh. Phía trong bàn có đặt một bộ đồ trà có chín cái tách dành riêng cho Cửu Vị Tiên Nương. Giữa bàn, phía ngoài bộ đồ trà là các đĩa trái cây tươi, trông rất lịch sự. Chung quanh bàn có chín cái ghế. Thật sự là một buổi tiệc chay linh đình trân trọng.

Đêm đến ba ông vọng bàn hương án, thành tâm cầu khấn, và thắp hương 10 giờ cho đến Tý thời. Các ông tắm gội tinh khiết, mặc quốc phục chính tề, lên nhang đèn, quỳ lạy cầu khấn rất thành kính. Đầu chừng 5 phút sau thì Đức Diêu Trì Kim Mẫu và Cửu Vị Tiên Nương giáng đàn. Chư Đấng Thiêng Liêng chào mừng ba ông. Vốn biết ba ông rất sành chơi đàn và thích thú văn chương, nên mời ba ông đàn hiến lễ, và mỗi vị đọc bài thơ của mình sáng tác để dâng Đức Diêu Trì. Nghi lễ xong xuôi, ba ông được mời cùng ngồi chung vui buổi tiệc. Ban đầu ba ông không dám vô lễ, nhưng được Cửu Vị Tiên Nương ân cần quá nên các ông phải sắp thêm ghế sau ghế của các vị Tiên Nương, xá ba xá, bước vào an vị. Bà Cao Quỳnh Cư hầu lễ tiếp chư Tiên. Trước nhất, bà gấp những cúng phẩm vào chén dành riêng cho Đức Diêu Trì trên bàn hương án, rồi sau đó tuần tự gấp vào chén chư Tiên Nương. Bà trình trọng hầu lễ từng vị Tiên một.

Thật sự có mười cái chén tất cả: chín cái dành cho Cửu Vị Tiên Nương, và một cái nữa đặt trên bàn hương án dành riêng cho Đức Diêu Trì Kim Mẫu.

Sau chừng nửa giờ, ông Cư tái lập đàn, được Đức Diêu Trì và các vị Tiên Nương giáng đàn, ngỏ lời cảm tạ và hứa rằng: "Từ đây có Ngọc Cơ rồi thì tiện cho Diêu Trì Cung đến dạy việc". Đàn hôm nay có chừng ấy, rồi chư Thiêng Liêng thăng.

Đêm đó, Rằm tháng 8 Âm lịch được gọi là Vía Đức Diêu Trì, và tiệc đó được gọi là Hội Yến Diêu Trì, mà nay Toà Thánh tại Tây Ninh còn giữ lệ hàng năm. Ngày này là một

ngày rất quan trọng về phương diện độ nhơn sanh đạt Đạo tại thế gian này, một sự việc chưa từng có trong lịch sử nhân loại.

Theo Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc thì:

Từ khi Đạo bị bế, Ngọc Hư Cung bác luật, Cực Lạc Thế Giới thì đóng cửa, nên chúng sanh toàn cả càn khôn vũ trụ có tu mà thành thì rất ít, bởi phương pháp khó khăn lắm. Muốn đạt Pháp thì không phải dễ... Có Pháp định cho các chơn hồn về nơi Diêu Trì Cung hưởng được Hội Yến Bản Đào tức nhiên hưởng được Hội Yến Diêu Trì, ăn được quả đào tiên, uống được tiên tửu (thì) mới nhập cảnh thiêng liêng hằng sống, gọi là nhập tịch. Ôi thôi! Từ thử đến giờ ai đặng hưởng, nếu có đặng hưởng cũng một phần rất ít.

Giờ phút này Đức Chí Tôn quyết định tận độ con cái của Ngài về nơi Kim Bàn Phật Mẫu đặng hưởng đặc ân thiêng liêng của Đức Chí Tôn.

Đức Chí Tôn buộc Phật Mẫu phải đến tại thế gian này để bí pháp Hội Yến Diêu Trì tại cửa Đạo này cho con cái của Ngài giải thoát. Ấy là Bí Pháp Thiêng Liêng duy có tay Ngài định pháp ấy mới đặng. Hôm nay là ngày Phật Mẫu đem Bí Pháp đặng giải thoát chúng sanh, tận độ toàn vạn linh sanh chúng. Ngài để tại mặt thế này trong cửa Đạo này mà thôi. Hôm nay ngày lễ của Ngài mà cũng là ngày trọng hệ trong cửa Đạo. Xin toàn cả con cái của Ngài nhớ và để nơi tâm mình, bởi thế nên năm nào Bản Đạo cũng để ý đến lễ của Ngài hơn hết. Từ tạo Thiên lập Địa đến giờ chưa có ai hưởng được thời kỳ này. Ngài đến tại mặt địa cầu 68 này đặng tận độ con cái của Ngài.

Chúng ta phải chiêm ngưỡng ơn vô biên vô tận của Ngài. Chúng ta phải chiêm nghiệm lễ này để làm một niệm cảm ơn Đức Chí Tôn và Phật Mẫu. Ấy là Bí Pháp của chúng ta đó vậy.⁴⁵

⁴⁵ Hương Hiếu, *Đạo Sĩ I*, 1968, trang 10 -11.

Cũng nên xem *Đông Tân, Lịch Sử Đạo Cao Đài*, quyển II, trang 45 - 57.

Ngày Rằm tháng 8 năm Ất Sửu là ngày lễ Đức Diêu Trì Kim Mẫu đầu tiên, và cũng là Hội Yến Diêu Trì đầu tiên trong lịch sử Đại Đạo.

Trong cái cảnh huyền huyền diệu diệu siêu khoa học của Bí Pháp Đạo mâu, người viết mấy hàng này cảm thấy thiếu sót nếu không ghi lại một giai đoạn giao cảm giữa kẻ Tiên người tục đã xảy ra trong kỳ đàn cơ sau Hội Yến Diêu Trì này. Trong giờ lịch sử của cơ Bí Pháp được mang xuống tận thế gian để tận độ quần linh, Lục Nương có mời tam vị Tiên Khai Cơ, Tắc, Sang hoạ thơ.

Lục Nương khởi đầu:

*Trót đã đa mang cái nợ đời
Gánh đời nặng lắm khách đời ơi!*

Ông Cao Quỳnh Cư:

*Oằn vai Thần Đạo non sông vác
Chịu kiếp trần ai gió bụi đời.*

Ông Phạm Công Tắc:

*Thương hải tang điền xem lắm lúc
Công danh phú quý nhắm trò chơi.*

Ông Cao Hoài Sang:

*Ở đời mới hẳn rằng đời khổ
Khổ một đời năm dễ khổ đời.*

Lục Nương:

*Ở thế sao chê tiếng thế buồn?
Buồn vui hai lẽ lấy chi đong.*

Ông Cao Quỳnh Cư:

*Cân đai tuế nguyệt trêu hồn bướm
Tên tuổi phong ba lắm bụi hồng.*

Ông Phạm Công Tắc:

*Chiếc bách đập dồn dòng bách thủy
Phồn hoa mờ mịt giấc huyền lương.*

Ông Cao Hoài Sang:

*Bờ dương chừ đặng phong trần rảnh
Quáy gánh thơ đàn dạo bốn phương.*

Từ khi giao cảm được với giới vô hình cõi thượng, chưa một lần nào ba ông Cự, Tắc, Sang được hội ngộ với nhiều vị Tiên như thế, nên cảm thấy hết sức hoan hỉ, tinh thần thoải mái thoát tục, và tâm sự rất cởi mở. Hơn lúc nào hết, các ông thấy hai thế giới hữu hình và vô hình không xa nhau, mà lại rất gần nhau. Dù thế, ông Cao Quỳnh Cự vẫn còn một thắc mắc, một hồ nghi, nên ông cũng nhân cơ hội gần gũi Lục Nương hỏi Lục Nương có biết cô Đoàn Ngọc Quế là ai chẳng. Không do dự, Lục Nương trả lời:

- *Tứ muội của ba anh là Thất Nương đó. Để em nhường lời cho Thất Nương.*

Thất Nương nhập đàn liền nói:

- *Em chào ba anh. Vì sợ anh biết em Thất Nương trong Cửu Vị Tiên Nương hầu Đức Diêu Trì Nương, ba anh sẽ không dám thân mật với em thì làm sao em lo tròn nhiệm vụ Thiên Định giao phó. Nên em phải mượn tên kỹ nữ Đoàn Ngọc Quế giao tiếp với ba anh. Đừng giận em nghe!*

Ông Cao Hoài Sang trả lời:

- *Cô là Tiên. Chúng tôi là phàm. Vì không biết nên mới nhận cô là Tứ Muội. Xin cô tha lỗi.*

Thất Nương đáp:

- Sau này khi ngộ Đạo, Thiên Phẩm ba anh còn cao hơn em nhiều. Chừng đó chỉ sợ em không xứng đáng làm Tử Muội của ba anh.⁴⁶

Cũng trong lúc này, Lục Nương có cho bài thơ sau đây:

*Im lìm cây cỏ vẫn in màu,
Mờ một vườn Xuân điểm sắc thu.
Gió dậy xao trời mây cuốn ngọc,
Sương lòng ướt đất liễu đeo châu.
Ngựa vàng ruổi vó thoi đưa sáng,
Thỏ ngọc trau gương đậm vẻ lâu.
Non nước đều hui xuân vắng Chúa,
Nhìn quê cảnh ủa giục cơn sầu.*

Sau này ba ông có nhờ Đức A Ằ Ằ giảng cho câu thứ 5 và thứ 6 trong bài thi trên.⁴⁷

Từ ngày hôm ấy trở đi, Cửu Vị Tiên Nương và các Đấng Vô Hình khác thường nhập đàn cho nhiều bài thơ rất hay. Văn chương thật là lưu loát. Ý thơ thật là thoát tục. Cũng có nhiều chỗ ba ông không hiểu nổi nên thường nhờ đến Đức A Ằ Ằ hoặc Cửu Vị Tiên Nương giải nghĩa dùm. Nay ba ông hết sức vui mừng vì đã được gần Thượng Giới Vô Hình, và được chiếu cố rất chu đáo.

Đến ngày 20 tháng 10 năm 1925, vào Tý thời (12 giờ khuya), Đức Diêu Trì lai đàn dạy:

... Chào tam vị Đạo hữu

Phải tu tâm dưỡng tánh, phòng ngừa sau đặng qui vị.

Đàn hôm ấy chỉ có bấy nhiêu lời thôi. Lời của Đức Diêu Trì rất ngắn, dạy rất rõ ràng và cứng rắn. Vốn vẹn chỉ có mấy chữ, đọc lên như một cái lệnh, nhưng cái lệnh chan chứa bao nhiêu tình thương hữu ích cho tương lai mình. Nhưng tam vị rất phân vân,

⁴⁶ *Hội Yến Diêu Trì*, Đạc San Hội Yến Diêu Trì, Châu Đạo Long Khánh, Toà Thánh Tây Ninh, 1970, trang 13 -14.

⁴⁷ Hương Hiếu, *Đạo Sĩ I*, 1968, trang 7.

không hiểu qui vị là gì. Đức Diêu Trì còn dạy phải "tu tâm dưỡng tánh", mà tu làm sao? Ba ông không hiểu, phân vân, bàn bàn tính tính. Thì ngay vào lúc hoang mang đó, Đức A Ẳ A Ẳ giáng đàn bảo với ba ông như thế này:

Tôi nói lỡ Thiên Cơ, trên Ngọc Hư bắt tội, xin tam vị Đạo hữu cầu trên Ngọc Hư Cung tha tội tôi. Nếu không lo cầu giùm thì tôi sẽ bị phạt.

Xem đàn cơ rồi, ba ông rất nên lo lắng, sợ Đức A Ẳ A Ẳ vì mình mà phải bị phạt. Ba ông liền vọng bàn hương án, cầu Diêu Trì Cung. Còn ông Cao Quỳnh Cư thì làm một bài thơ. Xong xuôi, ba ông quỳ trước bàn hương án đọc:

*Vái van xin quý Cửu Thiên Nương
Tâu với Ngọc Hư tỏ ngọn nguồn
Vì nghĩa ... mang trọng tội
Nghĩ tình Đồng Đạo để tình thương.⁴⁸*

Ba ông Cư, Tắc, Sang tỏ ra thương Đức A Ẳ A Ẳ lắm, và thiết tha van vái cầu nhờ Cửu Vị Tiên Nương giúp tâu Ngọc Hư Cung dùm vì tình "Đồng Đạo". Đức Diêu Trì gọi ba ông bằng "Đạo hữu", và nay ba ông cũng đồng ý nhận "tình Đồng Đạo" với Đức A Ẳ A Ẳ. Chư Thiêng Liêng đã thành công trong việc đưa ba ông vào cửa Đạo, và với cái tâm lý đó, bao nhiêu tình thâm cũng được biểu lộ một cách đương nhiên. Từ đây, những gì ấp ủ từ lâu trong tiềm thức của các ông sẽ được bộc lộ một cách tự nhiên qua lời nói, thái độ, cử chỉ. Chắc chắn Đức A Ẳ A Ẳ đã ghi nhận việc này với bao nhiêu vui mừng hoan hỉ, và cảm thấy thời giờ đã đến để tiến thêm một bước nữa trong việc xây dựng ba ông để chuẩn bị lập cơ Đạo ở thế gian trong tương lai. Còn ba ông Cư, Tắc, Sang cứ vẫn kính mến, thương yêu, và tin tưởng nơi Đức A Ẳ A Ẳ, không nghi ngờ một mảy mai gì về Thiên ý đang được sắp bày và dành riêng cho ba ông trong đường Đạo ở ngày mai. Mà sự thật, ở thế gian này, trong thời kỳ đó, có một người phạm nào, luôn cả ông Ngô Văn Chiêu, biết được những gì Trời Đất đang sắp xếp cho thế gian này?

⁴⁸ Hương Hiếu, *Đạo Sĩ I*, 1968, trang 17.

Luôn cả chư Thiêng Liêng, dù có biết cũng chẳng dám lậu, vì đó là Thiên Cơ. Thất Nương Tiên Cô cũng phải xưng danh là Đoàn Ngọc Quế! Và chí đến Thượng Đế cũng chỉ xưng là A Ẳ Ẳ mà thôi!

Tiết X: Vọng Thiên Cầu Đạo - Đức Cao Đài Thượng Đế (1925 - 1926)

Trong bầu không khí hoan hỉ vui đẹp đó, ba ông Cư, Tắc, Sang vẫn miệt mài trong việc lập đàn cơ, đêm này qua đêm khác, không một ý gì khác hơn là cầu mong chư Thiêng Liêng nhập đàn. Các ông cứ cầu khẩn. Trời Đất vẫn vận chuyên xây vắn....

Cũng như thường lệ, đêm 27 tháng 10, các ông lập đàn. Hôm nay Đức Diêu Trì Kim Mẫu giáng đàn, dạy ba ông:

Mừng Một ngày, tam vị Đạo hữu vọng Thiên cầu Đạo.

Sau khi Đức Diêu Trì thăng rồi, ba ông bàn thảo mãi nhưng cũng không hiểu "Cầu Đạo" là gì, và phải làm sao. Rồi lại còn có việc "Vọng Thiên" nữa? Đây là hoàn toàn những việc mới mẻ, chưa từng nghe và cũng chưa từng thấy bao giờ. Chỉ còn có một cách là hỏi chư vị Tiên Nương mới được.

Đêm hôm sau, ba ông cầu Thất Nương vấn ý. Thất Nương giáng cơ, các ông hỏi:

- *Cầu Đạo là gì? Thất Nương dạy dùm.*

Thất Nương bảo:

- *Không phải phận sự của em, xin hỏi ông A Ẳ Ẳ.*

Ngày hôm sau, ba ông lại cầu cơ, có các Đấng Thiêng Liêng lai đàn. Ba ông cũng hỏi như tối hôm qua, thì các Đấng đều trả lời y như nhau là "không phải phận sự của tôi, xin hỏi ông A Ẳ Ẳ". Trong lúc đang hoang mang lo nghĩ thì đêm 30 tháng 10 năm Ất Sửu (15 tháng 12 năm 1925) Đức A Ẳ Ẳ giáng đàn dạy ba ông:

Ngày mùng một tháng 11 này, tam vị phải vọng Thiên cầu Đạo. Tắm gội cho tinh khiết, ra quì giữa trời, cầm chín cây nhang mà vái rằng: Ba tôi là Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang, vọng bái CAO ĐÀI THƯỢNG ĐẾ ban ơn đủ phúc lành cho ba tôi cải tà quì chánh.

Việc trước kia mới vừa được giảng dạy thì nay lại thêm một danh từ mới nữa là: CAO ĐÀI THƯỢNG ĐẾ. Thượng Đế thì biết rồi, nhưng còn Cao Đài Thượng Đế là ai nữa? Ba ông thật không hiểu, và còn áy náy trong lòng rằng mình có làm việc chi "tà" đâu mà phải "quì chánh". Dù rằng ba ông không phải người theo một tôn giáo nào, trừ ra ông Phạm Công Tắc là người theo Công Giáo, nhưng tất cả đều cảm thấy rằng từ hồi nào đến giờ vẫn tin tưởng Trời Phật, không có làm chi "tà" cả. Dù thế, nay ba ông đã tôn kính, khâm phục, thương mến Đức A Ồ A Ồ thì Ngài bảo sao, ba ông không còn bàn tán thiệt hơn gì nữa, và làm theo y vậy. Trong thâm tâm, ba ông rất nghi chắc rằng Cao Đài Thượng Đế còn phải cao hơn, lớn hơn, tài hơn ... Đức A Ồ A Ồ nữa! Ba ông vừa mừng vừa lo.

Thế là sáng ngày mùng một tháng 11, nhằm ngày 16 tháng 12 năm 1925, ông Cao Quỳnh Cư lo đi mượn Đại Ngọc Cơ của ông Tý ở ngang nhà, ở đường Bourdais. Đến tối hôm ấy, ba ông tắm gội tinh khiết, áo dài khăn đóng, đặt một bàn nhỏ ở giữa sân gần mé lộ, quì chống tay lên bàn, mỗi vị cầm chín cây nhang, van vái đúng như Đức A Ồ A Ồ đã dạy.

Trong lúc ba ông quì van vái thì người đi tới đi lui qua lại trên lề đường bu lại xem coi ba ông cúng kiến chi mà quì ngoài sân giữa trời như vậy. Kê qua người lại dập dìu, kê đi bộ chơi tối, kê xem hát về, ai ai cũng dừng chân lại coi ba ông, nhưng ba ông vẫn thản nhiên tĩnh tâm mặc niệm, chân quì, tay chấp, đầu cúi van vái cầu khẩn, như không có một ai chung quanh mình cả. Trong lúc ba ông đang chí thành chí kính cầu khẩn thì bỗng đâu có người bạn là ông Bồng Dinh đến vịn vào cạnh bàn chỗ ba ông đang quì mà ngâm thơ. Thấy thế người đi ngoài đường lại càng bu đông thêm, kê nói qua, người nói lại, xàm xì to nhỏ ngó ngó cười cười. Nhưng ba ông dường như không để ý chi cả, vẫn một dạ âm thầm cầu khẩn, hướng tâm

về cõi Thượng, van vái mãi cho đến khi chín cây nhang tàn hết mới thôi.

Ba ông đã chứng tỏ rất tin tưởng, có thể nói trọn vẹn, nơi Đức A Ẳ Ẳ mới kèm chế nổi sự ngưỡng nghịu trước con mắt đông người như thế này. Ba ông chắc phải có một tâm tư gì rất nặng trong lòng, một ý đồ gì trọng đại trong đầu óc, một cái gì to hơn, mạnh hơn, cao hơn, một cái gì hơn cái thường tình của những người đang đi dạo phố ngoài đường, hoặc đứng chung quanh xầm xì to nhỏ bàn tán phê bình chỉ trích. Thật thế, như đã nói trước kia, ba ông là những nhà ái quốc thuần túy, thương dân thương nước, mong muốn được một cái gì hỗ trợ để giúp cho đất nước dân tộc được tự do độc lập, ra khỏi cảnh lầm than khổ cực của thực dân ngoại bang. Ai cười, ai chê, ai ngạo cũng mặc, miễn là dân tộc đất nước mình được ra khỏi vòng nô lệ, được có một tương lai vinh quang rực rỡ là được rồi. Tất cả tư tưởng của ba ông đều được tập trung vào việc đó. Chắc là thế.

Khi nhang tàn hết rồi, ba ông trở vào trong nhà, thiết đàn cầu Thiên Liêng, và Đức Cao Đài Thượng Đế giá lâm ban bài thơ sau đây:

*Vọng niệm phân thù sự sự phi,
Cả Lý Thiên tâm thường thế nhĩ.
Thiên tâm tu hướng cá trung cầu,
Quân vấn thiên tâm mạc tri tường.*

Đức Cao Đài Thượng Đế giáng, chỉ cho một bài thơ tứ tuyệt thế thôi, rồi thăng, không có chi thêm nữa. Mà bài thơ lại hoàn toàn bằng chữ Nho, mắc quá, các ông không thể nào hiểu nổi. Ba ông cùng bàn với nhau phải nhờ đến Đức A Ẳ Ẳ, cầu thỉnh Ngài dẫn giải dùm cho. Đức A Ẳ Ẳ giáng và giải rằng:

*Đức Cao Đài Thượng Đế muốn nói tam vị chưa đủ đức
tin về Ngài nên hỏi gạn lại. Tam vị phải nghĩ cho thấu.*

Rồi Đức A Ẳ Ẳ cho một bài thơ sau đây:

*Cứ níu theo phang Đức Thượng Hoàng,
Tự nhiên tu tánh đặng bình an.*

*Nguyệt hoa căn tội tua xa lánh,
Vịn lấy nhành dương hưởng đạo nhân.*

Một lần nữa, ba ông cũng chưa hiểu hết bài thơ của Đức Cao Đài Thượng Đế ân ban. Các ông hãy còn vẩn lóng mình rất nhiều, thấy rằng mình rất tin tưởng nơi Đức A Ồ A, nơi các Đấng Thiêng Liêng ở cõi giới vô hình, và rất tin nơi Trời Đất. Còn việc tu hành thì các ông, cũng như tất cả ai đương thời đó, nghĩ rằng phải cạo đầu, mặc áo nâu, bỏ vợ lìa con, vào chùa, lánh việc đời, quên đất nước dân tộc, quê hương xứ sở ... Các ông không khi nào nghĩ như thế được, và cũng chưa bao giờ nghĩ như thế. Ba ông vẫn thắc mắc.

Tâm trạng của ba ông, cũng như tâm trạng của bao nhiêu người trí thức đồng bào đương thời trong lớp người này là: Làm cách mạng giải ách nô lệ cho đất nước dân tộc là trên hết, là lẽ sống của đời họ. Vì chưa chắc thành công với sức người đồng bào của mình, nên ba ông mới cầu khẩn và sẵn sàng tựa vào sự diu dắt hộ độ của các Đấng Vô Hình làm những huyền diệu giúp ba ông và dân tộc mình. Ba ông là những nhà ái quốc chân thành thiết tha với tiền đồ tự do, độc lập của đất nước, và cũng là gương mẫu cho tâm linh người Việt đương thời là hoàn toàn tin tưởng nơi khí thiêng đất nước, nơi Tổ Tiên, Tiên Nhân, Thần Thánh Tiên Phật Trời Đất. Ba ông rất mãnh liệt tin tưởng rằng "Hoàng Thiên bất phụ hảo tâm nhơn".

Mà nay Đức Cao Đài Thượng Đế còn hỏi gạn lại về đức tin của các ông, và bảo phải tu hành. Ba ông thật chưa được mãn nguyện với những lời dẫn giải trên, và định phải cầu Đức A Ồ A nữa mà hỏi lại cho thật rõ ràng, ráo rớt về bài thơ của Đức Cao Đài Thượng Đế.

Ngày mồng 2 tháng 11 năm Ất Sửu (17 tháng 2 năm 1925), ba ông lập đàn nữa, và Đức A Ồ A cũng giáng đàn, và kỳ này giải nghĩa từng chữ một trong bài thơ như thế này:

*Cầu ước, phân thừa, việc việc, chẳng phải
Nơi, lẽ, Trời, lòng, thương, thế, nhịn
Trời, lòng, tua, ngó theo, nơi, giữa, khẩn*

Bây, hỏi, Trời, lòng, chẳng, biết, rõ

Nghĩa xuôi:

*Việc cầu ước đều chẳng phải,
Mọi lẽ do lòng Trời phải đợi lệnh,
Lòng Trời tựa ngó theo mỗi việc đều cầu khẩn.
Bây hỏi lương tâm chưa rõ sao?
(Lòng Trời: Conscience)*

Lời giảng nghĩa bài thơ tứ tuyệt cho các ông thất vọng một phần nào, nhưng cũng ý thức được gần như tuyệt đối lời dạy: "mọi lẽ do lòng Trời, phải đợi lệnh" của Đức Cao Đài Thượng Đế; không "thiên thời" thì làm thế nào thành công được? Nghĩ như thế nên ba ông đành phải chịu vậy. Hơn nữa, lời dạy của Đức Cao Đài Thượng Đế dường như quá ư nghiêm khắc, như một cái lệnh của Bề Trên, của một người thầy, hoặc của người cha, hoặc của một ông vua. Chưa biết chắc Đức Cao Đài Thượng Đế là ai, phẩm vị ở Thượng giới ra thế nào, nhưng qua lời lẽ trong bài thi ân ban này thì có một vài phần làm cho các ông rất lưu tâm. Thí dụ như những "việc cầu ước" thầm kín trong tâm tư các ông, Đức Cao Đài Thượng Đế đều thấu đáo cả, chí đến "lòng Trời", ý định của Trời về những việc cầu ước đó Ngài cũng biết nữa, và bảo phải đợi "lệnh".

Trong bài thơ trên cũng có danh từ "bây" được dùng để nói với các ông, một danh từ có mấy ai trong thời kỳ đó dám dùng với các ông, cả đến người Pháp trong chánh quyền thuộc địa, tuy rằng các ông là Phụ Tá trong các văn phòng. Trong trường hợp mà danh từ này người cha trong gia đình có dùng đối với con cái thì chỉ dùng khi hờn giận, rầy la mà thôi. Hơn nữa, từ ngày các ông giao tiếp được với chư Đấng ở giới vô hình, chẳng có một Đấng nào gọi các ông như thế; Đức A Ấ Ấ thì khi nào cũng hết sức khiêm tốn, nhã nhặn, và dịu ngọt. Thế mà ...

Nghĩ thế, các ông chắc Cao Đài Thượng Đế phải là một Đấng hết sức uy quyền, trọng đại, thần thông quảng đại, huyền phép vô song, một phẩm vị ở Thượng Giới vô cùng cao trọng, có lẽ còn hơn Đức A Ấ Ấ nữa, chớ chẳng không!

Các ông rất phân vân, nghi nghi ngờ ngờ, không chắc chắn, nhưng trong lòng vẫn hết sức tin tưởng Thiêng Liêng. Các ông đành phải vâng lời Đức Cao Đài Thượng Đế, dù sao đi nữa, đó là "lòng Trời", và một lòng ước ao mong vọng một ngày nào đó Trời Đất sẽ "cho lịnh". Nhưng cái bối cảnh của các tâm tư các ông là: Cao Đài Thượng Đế là ai ở Thượng Giới?

Với tâm tư nghi vấn đó, các ông tiếp tục lập đàn, và chư Đấng Thiêng Liêng vẫn tiếp tục giáng đàn, phần nhiều dạy Đạo, khuyên các ông tu tâm dưỡng tánh. Rồi một hôm, Đức A Ầ Ầ giáng đàn có bảo với ba ông: "Nếu muốn cho Ta tận tâm truyền Đạo, thầy đều phải kính Ta bằng Thầy cho tiện bề đối đãi".

Vốn sẵn lòng tin tưởng, trọng kính, khâm phục, và hơn hết là thương Đức A Ầ Ầ, nên ba ông bằng lòng ngay, vâng lời lập tức. Từ đây các ông gọi Đức A Ầ Ầ bằng "Thầy", và Đức A Ầ Ầ gọi ba ông bằng "con". Tình thầy trò đã được thực hiện, diễn ra giữa Thiêng Liêng với người phàm tục, một sự thật mà ai nếu chưa được mắt thấy tai nghe sẽ cho là chỉ có thể có trong sự tưởng tượng của trẻ con, hoặc được đọc ở các truyện thần thoại ngàn năm về trước. Thật là hi hữu ở thế kỷ hai mươi này! Thật là phi thường ở thời đại khoa học này!

Nếu không hi hữu, không phi thường thì có thể nào những người trí thức như các ông Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang chịu nhận Thầy, chịu làm đệ tử, một cách sẵn sàng và đương nhiên như thế? Sự thật là sự việc ngày hôm nay đâu phải là một việc xảy ra lẻ loi, đơn độc, mà là một sự việc xảy ra sau cùng của một chuỗi biến chuyển bắt nguồn từ ngày khởi sự xây bàn. Nhưng cũng phải công nhận rằng phải có những tâm hồn hi hữu, phi thường mới tiếp nhận và xác định được những gì hi hữu, phi thường duyên may đưa đến trong những giờ phút lịch sử của thời đại.

Ngày hôm nay, chúng ta bao nhiêu triệu người đang hưởng được cái ân huệ của Thiêng Liêng đã ân ban cho đất nước và dân tộc Việt, kính yêu gọi chư vị ấy là Chư Anh Lớn Tiên Khai Đại Đạo cũng không phải là quá đáng vậy. Cái duyên của Chư Tiên Khai này là cái phước của chúng ta đó.

Đi sâu vào tâm khảm của tam vị lúc ấy, chúng ta thấy chư vị đã "vọng Thiên cầu Đạo", gặp được "Thầy" nhận làm "đệ tử", và chịu "truyền Đạo" cho. Nói một cách khác chư vị đã VÀO ĐẠO RỒI vậy, đã NHẬP MÔN CẦU ĐẠO RỒI vậy! Mà cái Đạo Thầy hứa truyền cho là cái Đạo gì? Cái Đạo mà chư vị đã vào là cái Đạo gì? Chư vị có hiểu chi chằng mà vào một cách sẵn sàng và đương nhiên như thế? Tâm tư, quan niệm của chư vị lúc ấy là những gì? Tại sao hành động như thế, mà chư vị là những người có ăn học, có óc phán đoán, có tâm hồn nghiêm chỉnh?

Chúng ta hiện giờ không có những tài liệu gì để tựa vào để trả lời những câu hỏi đó. Dù sao, chúng ta có thể đoán rằng chư vị là những tâm hồn chơn thành thương nước thương dân, thương một cách nồng nàn, tha thiết, sẵn sàng làm những gì có thể làm được để "giải ách nô lệ" cho dân tộc. tấm lòng hi sinh đó và kinh nghiệm của bao lần thất bại trước kia của những nhà cách mạng chống thực dân, đã làm cho chư vị đặt niềm tin tưởng của mình vào một cái gì siêu phàm để đạt được kỳ vọng duy nhất của đời mình. Tâm tư này được Quan Phủ Ngô Văn Chiêu thổ lộ ra sau khi đắc vị Đại Tiên bằng những lời đầy nuối tiếc:

Thuở sanh tiền Bàn Đạo quyết xuất thế để tìm đến bực siêu đẳng pháp môn, hầu giúp vào cơ Đại Đạo để cứu cánh dân tộc trong khi còn đô hộ. Nhưng ước vọng chẳng được hoàn toàn, vì Thiên số dĩ định, nên chưa đoạt đến mục đích, đã vô tình rời bỏ anh em ... Đó chẳng phải Bàn Đạo có tâm, cũng bởi kiếp nạn chúng sanh, nên chịu nhiều cảnh chia ly từ đời đến Đạo, chớ điều xuất thế hay nhập thế của Bàn Đạo đều là một lòng trung kiên khai Đạo, vì nước non dân tộc, vì chí hướng quảng độ quần sanh.⁴⁹

Trên một bình diện khác, ông Phạm Công Tắc, sau này khi Cơ Đạo đã thành và đã được Thiên phong là Hộ Pháp, có nói đại ý rằng khi Đức Chí Tôn dạy là cho Việt Nam một quốc đạo, thì

⁴⁹ Thánh Giáo Sơ Tập 1966 - 1967, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, 1967, trang 41 - 43.

ông Tắc cũng vì hai chữ "quốc đạo" mà phé đời, hiến dâng cả cuộc đời của mình cho đại cuộc đó. Hai tâm tư: "siêu đẳng pháp môn" hoặc "quốc đạo" của Thượng Đế ân ban cho dân tộc đất nước Việt Nam đối với ông, cũng như đối với những vị khác Cao Quỳnh Cư và Cao Hoài Sang, cũng cùng một nghĩa, một hướng, một chiều mà thôi. Cái nghĩa đó, cái hướng đó, cái chiều đó, hay nói thật đúng ra cũng là tâm tư của toàn dân Việt.

Chắc đó là thâm ý của ba ông Cư, Tắc, Sang, nhưng ý Trời chưa chắc hẳn là thế. Mà ý Trời, người phạm làm sao thấu nổi? Thật thế, trong những ngày phôi thai đó, Thiên định chưa phô bày chi cả. Cả đến Đức A A A là ai, Đức Cao Đài Thượng Đế là ai, cũng chưa hiểu thấu kia mà. Mãi sau này, xét lại các biến chuyển đã xảy ra rồi, mới biết được ra rằng Thiên ý là thấu nhận và xây dựng một số nhân sự cần yếu cho việc thiết lập một tôn giáo trong những ngày sắp tới. Lập Đạo phải là một đại sự, và các việc khác là tiểu sự. Một khi đại sự thành thì các tiểu sự đều được sắp xếp an bài.

Đức Cao Đài Thượng Đế đã thành công rất mỹ mãn trong việc vận dụng tính say mê văn chương thi phú, tinh thần yêu dân yêu nước tha thiết, đức tin tưởng Trời Phật Tiên Thánh Thần sẵn có của ba ông, và chuyển tâm đưa các ông vào cửa Đạo một cách hết sức êm dịu và thông suốt. Thật là một bài học chuyển lòng người hết sức tế nhị, ngoạn mục và lý thú.

Đến nay, Cao Đài Thượng Đế được tất cả bốn nhân sự quan trọng nhứt cho tổ chức Cơ Đạo: Quý ông Chiêu, Cư, Tắc, Sang. Đến đây cũng chấm dứt giai đoạn thật phôi thai của Cơ Đạo: Giai đoạn xây bản. Với việc sử dụng Đại Ngọc Cơ, giai đoạn Lập Đàn Cơ bắt đầu, khai sanh một kỷ nguyên mới gọi là Huyền Cơ Diệu Bút được Ôn Trên áp dụng để thiết lập nền tôn giáo: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Đây là một việc hết sức mới lạ chưa từng có trong lịch sử khai Đạo cận đại.

Tiết XI: Ngọc Hoàng Thượng Đế Kim Viết Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát Giáo Đạo Nam Phương (1925)

Từ ngày nhận Đức A Ồ A làm "Thầy" và được "truyền Đạo". tam vị Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang đều chăm lo lập đàn cầu Thầy dạy Đạo, một sinh hoạt dường như thành thông lệ. Nhưng đến đêm 24 rạng 25 tháng 12 năm 1925, chư vị cầu mãi mà Thầy không giảng. Các ông cũng kiên tâm cầu mãi rất lâu sau thì Thất Nương lai đàn và bảo: "Rất vui mừng!"

Tam vị cầu Thầy không được, mà Thất Nương lại bảo "rất vui mừng", là vui mừng thế nào? Tam vị không hiểu tại sao, ngạc nhiên bèn hỏi:

- Mừng việc chi?

Thất Nương trả lời:

- *Đêm nay là đêm kỷ niệm của Thầy giảng sinh hai ngàn năm trước mà khai Thánh giáo nơi miền Thái Tây. Giờ này Thầy đương hội chư Phật Tiên Thánh Thần dự lễ nên không đến đặng cùng anh. Vậy nay anh nên cầu nguyện cho cả bá tánh trong đêm lành này, rồi nghỉ. Bữa khác, Thầy sẽ đến dạy việc cần yếu.*

Đọc đi đọc lại những lời dạy trên, tam vị Cư, Tắc, Sang nửa mừng nửa sợ, và tỏ vẻ suy tư rất nhiều, và nghĩ chắc Thầy mình, Đức A Ồ A, chắc làm "chức chi cao lắm" ở trên Thượng Giới. Trong những lời dạy trên, các ông thấy Đức A Ồ A không những là Thầy của mình, mà lại còn là Thầy của Thất Nương. Hơn thế nữa, Thầy lại còn "hội chư Phật Tiên Thánh Thần" để kỷ niệm hai ngàn năm Thầy lập Thánh giáo bên Âu Châu. Phẩm vị của Thầy cao quá! Ba ông đâm ra hoài nghi: Phải chăng Thầy là Ông Trời?

Các ông tự hỏi các ông, rồi cảm thấy càng thêm sợ, và cũng không biết rồi đây phải cư xử thế nào cho đủ lễ, vì Thầy quá cao, quá lớn, quá trọng, quá quyền uy bao trùm cả "bá tánh", luôn cả Phật Tiên Thánh Thần. Sợ nhưng cũng mừng.

Mừng là được phước duyên có Đấng Cao Cả như thế làm Thầy truyền Đạo cho, chẳng khác nào trường hợp của những người hồi thời kỳ trước kia được Thần Tiên dạy Đạo, truyền những phép thần thông, hô phong hoán vũ, mà các ông thường đọc trong truyện Trung Hoa. Cũng mừng sẽ được có cơ hội biết thêm nữa về thế giới vô hình, những gì huyền bí siêu phàm. Tam vị nôn nóng đến đêm để cầu Thầy, và lần này trang nghiêm hơn nữa, và hết sức thận trọng trong nghi lễ. Đức A A A giáng đàn cũng như thường lệ, và dạy:

A A A

Cao Đài đã hiểu lòng của ba đệ tử, Ngài đã ban đầy ân cho mỗi người. Đêm nay phải vui mừng, vì là ngày của Thượng Đế xuống trần dạy Đạo bên Thái Tây (Europe).

Ta rất vui lòng thấy ba đệ tử kính mến Ta như vậy. Nhà này sẽ đầy ân Ta.

Ngày giờ gần đến, đợi lệnh, Ta sẽ làm cho thấy huyền diệu đấng kính mến Ta hơn nữa.

THI:

*Muôn kiếp có TA nắm chủ quyền
Vui lòng tu niệm hưởng ân Thiên
Đạo mầu rưới khắp nơi trần thế
Ngàn tuổi muôn tên giữ trọn biên.*

Đức A A A cũng dạy ba đệ tử rằng trước 1 giờ khuya này phải cầu nguyện cùng Ngài và nên coi ngày này là một ngày vui. Ngài cũng có cho thêm một bài thơ nữa:

THI

*Trước vốn thương sau cũng thương
Một lòng nhơn đức giữ cho tròn
Trọng ơn Thượng Đế tuông ròi rộng
Sum họp ngày sau cũng một trường.*

Nhị vị Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc chắc Thầy là Ông Trời, nên nhân cơ hội này hỏi Đức A Ắ Ắ có phải là Đức Cao Đài Thượng Đế chăng, thì Ngài trả lời:

Trước vẫn biếng nhác lười, không tìm biết danh Đại Tiên, sao nay còn hỏi? Hai con chưa thông thạo đạo đức cho lắm, Thầy phải dần ý nói sau sẽ rõ, vì hai con còn cần dùng người chỉ dẫn các con. Mọi việc đều do nơi Thầy, con đừng lo lắng.

Đức Cao Đài còn giảng dạy thêm:

Bấy lâu Thầy vẫn tá danh A Ắ Ắ là cốt để điều dắt các con vào đường đạo đức, hầu chẳng bao lâu các con phải ra giúp Thầy khai Đạo.

Các con coi Thầy khiêm nhượng là dường nào chưa? Các con nên bắt chước Thầy trong mỗi mùng thì mới xứng đáng là người có Đạo.

Đức Cao Đài chắc thấy được nổi nao núng trong lòng đệ tử bởi sự tiết lộ vừa rồi nên liền trấn an với những lời sau đây:

Từ buổi hồng môn, Nhứt Khí Hư Vô phân Lương Nghi, sanh Tứ Tượng, chia Bát Quái, rồi biến hoá Nhứt Nguyệt Tinh Tú mà tạo thành Càn Khôn Thế Giới. Trong khi Khí Hư Vô phân Lương Nghi thì Dương Khí thăng lên biến ra Ngài, Âm Khí hạ xuống biến ra Kim Mẫu Nương Nương.⁵⁰

Và cũng trong đêm này, Đức Cao Đài hỏi ba ông Cư, Tắc, Sang rằng:

- *Thầy muốn dùng các con mà khai Đạo, các con dám lãnh trọng nhậm này chăng?*

Các ông bạch:

- *Bạch Thầy, trong các con, từ bé chí trưởng, chẳng thông đạo lý, chỉ duy nhờ Đức Chí Tôn dạy bảo bấy*

⁵⁰ Đồng Tân, *Lịch Sử Đạo Cao Đài*, quyển II, trang 63.

lâu, thì sự biết chưa đặng trong muôn một, e chẳng xứng mà lãnh trách nhiệm lớn lao ấy.

Đức Cao Đài bảo:

- *Chi chi có Thầy gần bên các con, miễn là các con khứng chịu gắng để trọn tác lòng thì chẳng hề chi.⁵¹*

Các ông vâng lời chịu nhận trách nhiệm và xin Ngài "chỉ bảo cách thức thờ Ngài. Ngài lại dạy các ông phải đến ông Phủ Chiêu là người có thờ Ngài đã lâu rồi, lại còn dặn các ông chùng nào đi phải đem Ngọc Cơ theo đặng Ngài giảng dạy trong cách thờ phượng...⁵²

Thế là chính trong đêm lễ Chúa Giáng Sinh năm 1925, Đức A Ǻ Ǻ giáng cơ cho biết Ngài là Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế lấy tá danh là Cao Đài để dạy Đạo tại Nam Phương và xưng danh một cách đầy đủ là *Ngọc Hoàng Thượng Đế viết Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát Giáo Đạo Nam Phương*. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử cận đại, Đức Chí Tôn hạ trần đích thân lập Đạo và xưng danh như thế.

Nay ba ông Cư, Tắc, Sang không còn nghi ngờ gì nữa, biết chắc Thầy của mình là Trời, là Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế mà người Á Châu vẫn thường gọi và thờ kính. Ba ông trong lòng rất lấy làm e ngại và buồn tiếc vì đã không đủ lễ hơn nữa đối với Ngài từ trước đến giờ. Trong lúc hồi tiếc ba ông liền lập đàn cơ cầu Thất Nương, và các ông trách:

Anh trách sao em không nói thật Đức A Ǻ Ǻ là Ông Trời. Em thấy ba anh cũng như mù mà em cứ gạt hoài.

Thất Nương trả lời:

Trời là Trời. Em là em. Em rõ biết nhưng không dám lậu. Nay ba anh đặng vậy, em mừng.⁵³

Tin Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế giáng trần đồn khắp các nơi một cách mau chóng như điện chớp, khởi sự với giới trí thức.

⁵¹ Đồng Tân, *Lịch Sử Đạo Cao Đài*, quyển II, trang 63 – 64.

⁵² Đồng Tân, *Lịch Sử Đạo Cao Đài*, quyển II, trang 64.

⁵³ Hương Hiếu, *Đạo Sử I*, 1968, trang 38.

Họ bàn tán rất xôn xao giữa họ với nhau trong tinh thần kín đáo, vì đang ở trong tình trạng thuộc địa của nước Pháp. Dù thế, tiếng đồn đến tai người bạn của ông Cao Quỳnh Cư là ông Phủ Chi, một người theo đạo Thiên Chúa (Công giáo). Người này đến nhà ông Cư và nói với ông Cư rằng ông muốn thử cơ vì ông không tin lắm:

Xin ông cho tôi để thử trên bàn cầu cơ hình Đức Chúa Jesus và một cây thánh giá. Nếu Đức Cao Đài thật là Thượng Đế thì mới giáng cơ, bằng là quỷ vương thấy hai bấu ấy tự nhiên phải tránh.

Ông Cư bằng lòng ngay, rồi cùng ông Tắc ngồi lại lập đàn. Cơ vẫn lên như thường, như chẳng có việc chi cả, và thánh Pierre (Peter) giáng đàn cho bài thơ sau đây:

THI

*Thiên Đàng giữ cửa góc Trời Tây,
Truyền Đạo cho dân biết mặt Thầy.
Cứu chuộc đã hai nghìn tuổi lẻ,
Cao Đài phó thác đất diu bầy.*

Liên đó Đức Cao Đài giáng dạy:

*Con hiểu Jesus là ai chẳng? Trước Ta đã đổ máu cho
loài người vì thương yêu, nay Ta đến cứu loài người
cũng vì thương yêu. Bấy đủ thương yêu Ta đường ấy
chẳng? Ta cần bậy ăn năn để cứu chúng bậy.⁵⁴*

Ba ông nay rất tin tưởng nơi Thầy mình là Thượng Đế, nhưng đức tin ấy chắc chắn chẳng khác nào đức tin của người bán xứ trong hồi ấy, chưa ý thức đúng mức độ quan trọng của một chương trình vĩ đại của Cơ Đạo mà Ôn Trên đang chủ trương. Thật thế, trong thời kỳ phôi thai của một nền tôn giáo tóm thâu cả các tôn giáo hiện hữu trên thế giới cùng cả thế giới quần linh quá ư trọng thể này, có mấy ai thấu nổi, dù rằng ba ông Cư, Tắc, Sang đã hiểu cái ân oai quyền pháp của Đức Cao Đài. Còn những vai trò quá to tát mà Đức Thượng Đế đang sắp xếp cho

⁵⁴ Đồng Tân, *Lịch Sử Đạo Cao Đài*, quyển II, trang 65.

ba ông trong một Cơ Đạo mà chưa một ai từng được kinh nghiệm ở thế gian này thì làm sao ba ông am tường cho nổi. Cái mà ba ông biết chắc được là những gì Thầy mình bảo chắc chắn không phải những việc tầm thường, khó cho người trần thế tưởng tượng được. Các ông càng thêm dè dặt nghiêm chỉnh và cố gắng. Nhưng các việc hãy còn mới mẻ quá đối với lịch sử mà các ông đã học, đã đọc, đã hiểu, nên càng kích thích tính hiếu kỳ của các ông. Tưởng như các việc hãy còn được tiếp diễn như trước, nên ba ông lập đàn rất thường cầu Phật này Tiên nọ Thánh kia, luôn cả Diêu Trì Cung để học thêm văn chương thi phú, để hỏi thêm nữa về Thượng Giới, để thỏa mãn lòng hiếu kỳ của mình. Chắc có lẽ đó không đúng lắm với ý của Ông Trên, nên ngày 2 tháng 1 năm 1926 Đức Cao Đài giảng đàn bắt đầu dạy Đạo:

Cư, Tắc, hai con đừng lấy làm việc chơi nhé. Thầy dạy hai con một điều: Nhất nhất đều đợi lệnh Thầy, chẳng nên lấy tư riêng mà phán đoán, nghe ... Từ đây Thầy khởi sự dạy Đạo cho.

Vài ngày sau đó, ngày 4 tháng 1, lại dạy thêm thật rõ ràng hơn nữa, chắc có lẽ tình Thầy Trò và đệ tử phàm chưa thông suốt:

Thầy đã nói A Ồ Ồ là Thầy, còn Cung Diêu Trì là Cung Diêu Trì. Các Đấng đều có cả. Ấy là những Đấng Thầy sai xuống dạy dỗ mấy con. Đừng triệu thường, vì mỗi người đều có phận sự. Chư Phật Tiên Thánh Thần đều có cả, song đừng triệu về mà chơi, kỳ dư có điều chi học hỏi.

Sau những lời chỉ giáo và nghiêm răn đó, ông Cư, Tắc, Sang, Hậu, Đức ... tự ý thức thêm nữa uy quyền của Đức Cao Đài, cùng một ít về tổ chức ở Thượng Giới. Bây giờ các ông mới thật sự cảm thấy một phần nào cái tầm quan trọng của chương trình Đạo mà Thượng Đế đã nói với các ông. Từ nay, các ông trở thành trịnh trọng, cẩn thận, trang nghiêm, và hết sức kính cẩn đối với Thầy.

Các ông đã được ghép vào khuôn viên mẫu mực của nghi lễ Thầy - Trò, một luật giới quan trọng trong Giáo Lý Cao Đài mà người tín đồ Cao Đài không thể nào hời hợt được. Đức Cao Đài đã dạy Đạo một cách thực tế rồi đó vậy.

Tiết XII: Đức Cao Đài độ ông Lê Văn Trung

Từ ngày đó, chư vị Tiên Khai này họp nhau lập đàn học Đạo theo lệnh của Đức Cao Đài. Việc tu học này lần lần được trở thành như một sinh hoạt thường xuyên của các ông, và Ôn Trên cũng thường giáng đàn chỉ dạy, hướng dẫn lần lần. Các việc được tiến triển một cách bình thường, nhưng vào đêm mùng 5 tháng 12 năm Ất Sửu (28 tháng 1 năm 1926) một khác biệt đã xảy ra: Thành linh Đức Cao Đài ra lệnh cho hai ông Cư, Tắc mang Ngọc Cơ lập đàn tại nhà ông Lê Văn Trung, một nhân vật danh tiếng ở Sài Gòn mà các ông đã nghe danh nhưng chưa từng gặp một lần nào.

Ông Lê Văn Trung là ai?

Ông là người làng Phước Lâm, tổng Phước Điền Trung, hạt Chợ Lớn, miền Nam nước Việt. Sinh năm 1875, gốc người đồng quê ruộng rẫy, thành phần trung lưu trong xã hội. Học xong Trung học tại Sài Gòn, ông thi đậu vào ngạch công chức chính quyền thuộc địa Nam Kỳ (Secrétaire du Gouvernement de Cochinchine). Sau ít lâu ông vào chính trường và đắc cử Hội Đồng Quản Hạt Nam Kỳ (Conseiller Colonial de Cochinchine), rồi năm 1906 đắc nhiệm Nghị Viên Hội Đồng Tư Vấn Chính Phủ Thuộc Địa Đông Dương (Membre du Conseil du Gouvernement de l'Indochine), được tặng thưởng Đệ Ngũ Đẳng Bắc Đẩu Bội Tinh (Chevalier de la Légion d'Honneur).⁵⁵

Trong thời kỳ đó, ông Lê Văn Trung có bề thế xã hội và giao tiếp rất lớn rộng. Ông là Thành Viên Hội Đồng Chính Phủ Thuộc Địa Đông Dương, Nghị Viên Hội Đồng Tư Vấn Chính Phủ Thuộc Địa Nam Việt, một chức vụ có ảnh hưởng toàn cả Đông Dương nói chung, và Nam Việt nói riêng. Với Bắc Đẩu Bội Tinh, ông có những quyền thế đặc biệt với chính phủ Pháp và rất được trọng vọng trong xã hội Pháp quốc. Như thế, ảnh hưởng uy tín quyền thế của ông rất lớn, thứ nhất là ở Nam Việt nói chung và Sài Gòn nói riêng, không những đối với dân chúng

⁵⁵ Xem Tiểu Sử Đức Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhựt, Toà Thánh Tây Ninh, 1973.

Việt mà lại còn đối với chính quyền thuộc địa vào thời kỳ đó. Trong chư Tiên Khai gồm ông Ngô Văn Chiêu, Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang, Nguyễn Trung Hậu, Nguyễn Ngọc Tương, Nguyễn Hữu Đắc v.v... chỉ có ông Trung và Hoài là có quyền thế nhứt đương thời, nhưng ông Hoài sau này rồi cũng bị thất cử.

Cá nhân ông Trung là một tâm hồn hào hoa phong nhã, phong lưu quăng đại, cang trực hào khí, có phong độ bất khuất, khảng khái. Ông là người dám ăn dám nói, có những tư tưởng cấp tiến, mang hoài bão xây dựng, muốn đưa đất nước dân tộc Việt lên hàng các nước tiên tiến. Ông là một nhân vật chân thành yêu nước mến dân, một nhà ái quốc can trường thiết thạch. Cũng vì lẽ đó mà ông ra làm chính trị, ra tranh cử để nói lên tiếng nói của người dân uất ức, đau khổ, tủ nhục vì bị đè nén, đàn áp, nô lệ, mà ông đã thấy tận mắt, nghe tận tai, mà ông đã chứng kiến và kinh nghiệm từ ngày lọt lòng mẹ. Ông lớn lên trong những khổ nhục đó; cái đau khổ, làm than, uất ức của người dân Việt là của chính ông. Đây hẳn là một trường hợp điển hình của đau khổ là mẹ của ý thức.

Ông Nghị Viên Lê Văn Trung, cũng như bao người Việt sinh trưởng ở thôn quê ruộng rẫy miền Nam, là người rất tin tưởng Trời Đất, các Đấng Trọn Lành. Nên khi nghe Đức Thượng Đế giáng trần lập Đạo, đàn cơ rất linh hiển, ông liền tìm cách đến hầu đàn để hiểu biết thêm chơn giả của tiếng đồn. Ông đi hầu đàn nhiều lần tại nhà ông Vương Quan Kỳ, đàn Chợ Gạo chẳng hạn,⁵⁶ và ông đã thấy huyền diệu cơ bút, Ông chắc đây là chánh đạo, và tiếng đồn thật không ngoa. Sẵn có đức tin, nên lòng đã rắp cầu Đạo. Trong lúc chờ có dịp để cầu Đạo thì hai ông Cư, Tắc đến thăm. Ông Nghị Viên Trung mừng thấy tình cờ được duyên may gặp hai ông Cư, Tắc. Sau khi trà nước, giới thiệu quen nhau, hai ông Cư, Tắc liền trình bày lý do đến nhà, có mang Ngọc Cơ theo để lập đàn cơ tại nhà ông Nghị Viên theo lệnh dạy của Thượng Đế. Nghe được như thế, ông Trung hết sức mừng; thật là hết sức đúng lúc, đúng

⁵⁶ Đàn Chợ Gạo tại nhà ông Vạn, Ngã Ba Bà Kế (Chợ Lớn) nay không còn dấu tích nữa. Trong nhà này thờ Đức Quan Thánh, giữ đạo Minh Lý. Thường các ông Nguyễn Hữu Lợi, Nguyễn Văn Đắc đến đây cầu đàn.

chỗ, đúng hoàn cảnh. Ông Nghị Viên nhận lời ngay, rất hoan hỉ và rất hoan nghinh lệnh ấy. Ông cấp tốc cho sắp xếp để thiết lập đàn cơ.

Đức Cao Đài giáng đàn và cho biết trước đây không lâu lắm, nơi Đàn Chợ Gạo, Ngài đã ra lệnh cho Đức Lý Thái Bạch xây dựng và diu đất ông Nghị Viên vào cửa Đạo. Đức Cao Đài phán:

Trung, nhứt tâm nghe con. Sống cũng nơi Thầy, thác cũng nơi Thầy. Thành cũng nơi Thầy mà đọa cũng nơi Thầy. Con lấy sự sáng suốt của con mà suy lấy.

Ông Nghị Viên, trước đó mắt đã gần như mù, và Đức Cao Đài đã làm phép huyền diệu nên mắt sáng trở lại cho đến ngày ông qui tiên. Độ được ông Nghị Viên Trung, Đức Cao Đài đã thêm được một đệ tử rất quan trọng cho công việc lập Đạo về sau này. Ông Lê Văn Trung là một Đại Nguyên Căn.

Hồi tưởng lại những sự việc đã qua nơi Đàn Chợ Gạo, sau khi Ôn Trên độ ông Trung rồi thì Đàn Chợ Gạo được lệnh bẻ cơ. Có phải chăng là Đàn ấy được lệnh lập lên để độ một Đại Nguyên Căn, và khi việc ấy đã hoàn tất thì sự ích lợi của nó cũng không còn nữa. Đây là ý kiến của một số đồng đồng Đạo hồi lúc ấy; nay nghĩ lại cũng không phải không có lý vậy.

Đến ngày 11 tháng 1 năm 1926, Ông Lê Văn Trung đến nhà ông Cao Quỳnh Cư "hầu Đức Chí Tôn để nhập môn cầu Đạo".⁵⁷ Đức Cao Đài cho bài tứ tuyệt sau đây:

*Già trí đừng lo trí chẳng già,
Lương tâm mình biết hỏi chi xa.
Thềm đầu Trời ngó lòng nhơn đạo,
Hư thiệt rồi đây cũng biết mà.*

Kể từ đây, ông Trung gia nhập vào nhóm các ông Cư, Tắc, Sang, Đức, Hậu ... mà phò loan độ nhơn sanh và học lần lần để xả thân hành đạo. Ông từ quan, bỏ hết những tập tục thường

⁵⁷ Hương Hiếu, *Đạo Sĩ I*, 1968, trang 37.

tình, hướng thượng, hướng thiện, tu tâm sửa tánh, với một ý chí và một niềm tin tưởng ít ai bì kịp. Và ông duy trì thái độ đó cho đến khi nhắm mắt lia trần. Thật là hiếm vậy! Thật đáng là một kẻ sĩ!



Ngài Lê Văn Trung
(Ảnh của Toà Thánh)

Tiết XIII: Nhóm Phò Loan gặp Nhóm Ân Tu

Đến đây, thấy cũng nên nhắc lại việc Quan Phủ Ngô Văn Chiêu sau khi được đổi về Sài Gòn vẫn tiếp tục chuyên cần hành pháp một cách rất kín đáo như lệnh của Đức Cao Đài đã dạy. Quan Phủ Chiêu không biết nhóm ông Trung và nhóm ông Trung cũng không biết Quan Phủ Chiêu tu hành thế nào. Hai bên chỉ nghe danh nhau trong quan trường mà thôi.

Cũng nhắc lại khi Đức Cao Đài chỉ cách thờ phượng cho đệ tử ở nhóm Xây Bàn, dạy họa Thiên Nhân để thờ. Khi lệnh ấy vừa ra thì các đệ tử rất phân vân, ái ngại. Thờ Thiên Nhân thật là một chuyện mới lạ chưa từng thấy ở nước Việt, và từ trước đến giờ người Việt chỉ thờ tượng Phật, tượng Thánh, tượng Thần, chứ chưa thấy thờ Con Mắt bao giờ. Biết lòng của đệ tử bất an bất định, Đức Cao Đài dạy quý ông Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc đến tìm ông Ngô Văn Chiêu để ông này chỉ giúp dùm cho.

Tuân lệnh Đức Cao Đài, ba ông tìm đến nhà ông Chiêu và trình bày lý do việc viếng thăm này. Quan Phủ Chiêu rất vui mừng gặp được ba ông, và sẵn sàng dẫn giải cách thờ Thiên Nhân và cho biết việc thờ như thế là chính lý vì chính ông đã được lệnh thờ như thế đã lâu rồi.

Hai bên gặp nhau và đương nhiên nhận nhau ngay: Cùng MỘT Thầy, cùng thờ MỘT Thánh Tượng Thiên Nhân, vừa ngạc nhiên vừa hoan hỉ được xum vầy không vì một con may mà vì hảo ý của Thầy, vì Thiên định: Đồng Đạo, Đồng Sư, Đồng Tình Huynh Đệ. Thật là hi hữu! Ôn Trên đã sắp đặt an bài từ mấy năm qua. Thật là một cuộc trùng phùng hi hữu của những người môn đệ trong MỘT Đạo, của MỘT Thầy. "Cùng MỘT Đạo như con MỘT Cha." Thật là hoan hỉ, thật là vui mừng! Tất cả đều về dưới một mái nhà. Và kể từ đó thành hình Cơ Cao Đài Giáo. Đến cuối năm Ất Sửu (1926), số đệ tử của Đức Cao Đài đầu được là mười hai vị. Mười hai đúng con số của Thượng Đế, một số đặc biệt trong Đại Đạo.

Nhóm của Nghị Viên Lê Văn Trung được trong Đạo gọi là Nhóm Xây Bàn hay Nhóm Phò Loan. Còn nhóm của ông

Phủ Chiêu được gọi là Nhóm Vô Vi hay Nhóm Ân Tu. Hai nhóm hợp lại là trọn vẹn hai phần tu hành trong Đạo Cao Đài: Phần Phô Độ hay Ngoại Giáo Công Truyền, và phần Tịnh Luyện hay Nội Giáo Tâm Truyền. Đây là Cao Đài Giáo Việt Nam trọn vẹn trên hai bình diện Tôn giáo và Đạo.

Sau khi hai nhóm hợp lại thành MỘT rồi thì ông Phủ Chiêu chỉ dẫn cách thức lập đàn cầu Tiên và cũng bắt đầu sử dụng bài "Thúc Cơ"⁵⁸ mà ông được chỉ dạy từ khi còn ở Phú Quốc. Cùng một lúc, ông cũng chỉ vẽ thêm các chi tiết trên tượng Thiên Nhân để làm mẫu chung mà thờ Thượng Đế. Những gì ông Phủ chỉ dẫn đều được đồng đạo nghe theo và áp dụng đúng y. Chư vị đều kính mến, trọng nể Quan Phủ Chiêu như người đồng môn đã nhập môn trước hết, đã kinh nghiệm nhiều, đã học những gì chư vị chưa hề học đến. Quan Phủ Chiêu được tất cả coi như người Anh lãnh đạo. Và thật thế, kỳ đàn cơ lập ngay sau đó theo cách thức mới, tại nhà ông Cao Quỳnh Cư, tất cả đồng môn đều mời Quan Phủ chứng đàn và Quan Phủ Chiêu cũng hoan hỉ nhận lời. Đây là một cử chỉ tương kính tương trọng tương ái; một cảnh gia đình đồng môn Anh Lớn Em Nhỏ sum họp vui vầy, quý mến thuận thảo với nhau làm đẹp lòng Đức Cao Đài rất nhiều. Ngài rất hài lòng, giáng đàn và dạy:

Thầy vui vì các con thuận hoà cùng nhau. Thầy muốn cho các con như vậy hoài. Ấy là một lễ hiến cho Thầy rất trân trọng.

Trong bầu không khí đầm ấm vui đẹp đó, chư Thiêng Liêng giáng đàn dẫn dạy cách thức cúng kiến thờ phượng, và tập các ông tụng kinh. Tất cả cái chi cũng phải chỉ bày cho, vì tất cả đều mới mẻ chưa từng có từ trước đến giờ. Đây là một nền tôn giáo hoàn toàn mới lạ đối với người Việt, do chính mình Thượng Đế lập thành.

Chư vị học tập rất siêng năng cần mẫn, và lấy làm thích thú. Khi nào làm đúng thì Thượng Đế khen không tiếc lời, nung chí, khích lệ: *Hay, hay lắm đó ba con!* Ba con đây chắc là quý ông Cư, Tắc, Sang. Ba ông không biết Thầy khen việc chi

⁵⁸ Đồng Tân, *Lịch Sử Đạo Cao Đài*, quyển II, trang 80.

nên bạch hỏi thì Thầy trả lời: *Tụng kinh, con. Nếu giỏi, học thêm mới đặng.*⁵⁹ Được khen, các ông càng tập dượt: nào giọng tụng các kinh, nào cách bái lạy, nào cách thức qui, nào cách thức lên đèn thấp nhang. v.v... Thượng Đế dạy chư vị từng ly từng tí như người cha dạy con đầy thương yêu âu yếm nhẫn nại ... một tình, một cảnh, một việc, một cứu cánh, nhưng hai giới: Thầy Trời, đệ tử phạm tục. Thật đúng là Thiên Nhơn Hiệp Nhứt.

Trong lúc Thiên Liêng dạy dỗ diu dắt các ông Chiêu, Trung, Cư, Tắc, Sang v.v... thì dường như có những con mắt dòm ngó với ít nhiều ganh tị vị kỷ tranh giành. Dường như trong bầu không khí đậm ấm vui vẻ đó có hơi phưởng phất một cái gì bất hạnh ở ngày mai, mà Thượng Đế cũng thấu hiểu và xa gần cho biết trước. Trong kỳ đàn ngày 21 tháng 1 năm 1926, Đức Cao Đài có than:

*Mặt nhứt hỏi mô thấy xẻ hai,
Có thương mới biết Đấng Cao Đài.
Cũng con cũng cái đồng môn đệ,
Bụng muốn phân chia hỏi bởi ai.*

Phân chia! Một ý nghĩ quá tiêu cực trong buổi trùng phùng đầu tiên, trong một bầu không khí thuận hoà đậm ấm, vui vẻ hân hoan như thế này. Thật là một việc những người có tâm trạng bình thường không thể nào nghĩ đến được, tưởng đến được, trừ ra có một hậu ý bất hảo nào đó. Cái ý niệm tiêu cực mới vừa phát khởi, làm sao người trần thế này hiểu thấu được trong những giờ hạnh ngộ thiêng liêng như thế này mà ai cũng tưởng nhau là tri âm tri kỷ, linh sơn cốt nhục. Nhưng ai đó có biết chẳng dù mới phát sanh đi nữa, dù kín đáo đến đâu đi nữa, Trời đã biết rồi, Đất đã biết rồi, và lương tâm mình cũng đã biết rồi!

Hỏi bởi ai? Trời hỏi người trần thế là Trời đã trả lời cho người trần thế rồi đó: *Cũng con cũng cái, đồng môn đệ, bụng muốn phân chia ...*, đúng như câu phương ngôn của người Pháp hằng nói: "On n'est trahi que par ses amis".⁶⁰ Nhưng đây còn

⁵⁹ Đồng Tân, *Lịch Sử Đạo Cao Đài*, quyển II, trang 84.

⁶⁰ Dịch ra tiếng Việt: "Chỉ có bạn mình phản bội mình."

đau buồn hơn nữa, vì người có ý chia rẽ không phải là bạn mà là huynh đệ trong gia đình. Thật đoạn trường vậy! Ai nở nào đành đoạn như thế!

Ông Trên có dạy rằng chuyển nước ra bạc, chuyển núi ra vàng, có chi là khó, còn chuyển nhơn tâm, phàm tâm dục vọng thật là nan giải. Nhưng Thượng Đế vẫn chuyển cái phàm tâm đó để chuyển việc đời theo Thiên ý. Trời muốn thì làm sao người trần thế, dù mưu mô đến đâu, dù tài ba đến đâu, cũng không thể ngăn chặn được. Huống hồ gì đây là mối Đạo của Thượng Đế.

Vài ngày sau, vào ngày 23 tháng 5, Đức Cao Đài giảng cơ dạy cho những ai rõ:

THI:

*Chín Trời mười Phật cũng là Ta,
Truyền Đạo chia ra nhánh nhóc mà;
Hiệp một chủ quyền tay nắm giữ,
Thánh Tiên Phật Đạo vốn như nhà.*

Với hai bài thơ trên, Ông Trên đã tiết lộ cái tánh phàm hay chia rẽ vị kỷ của trần thế nói chung, và của Việt Nam nói riêng, mà Thượng Đế muốn sửa chữa, thay thế bằng tình thương và đức tính hiệp hoà trong chương trình Đại Đạo là Phục Nhứt Ngũ Chi. Thượng Đế cũng cảnh cáo cho nhơn sanh hiểu rằng trong nguon này Thượng Đế nắm chủ quyền tất cả Tam Giáo Ngũ Chi Đại Đạo.

Sự chia rẽ nội bộ giữa người trong cuộc đã thành một sự thật, dù chưa được rõ rệt cho lắm. Nhưng rồi với thời gian, sự nứt rạn đó càng thấy rõ rệt hơn. Dù tình trạng nội bộ có phần âm ỉ bất an, việc Đạo vẫn tiến hành. Chư vị môn đệ, nhứt là trong nhóm Phò Loan, xin phép Đức Chí Tôn đi độ một số trí thức quen biết như quý ông Tương, Kim chẳng hạn. Đức Cao Đài đồng ý và dạy: *Thầy cho các con đi, Thầy sẽ đến.*

Từ đó, các ông đệ thêm được một số nhân vật nữa mà sau này cũng có tay giúp vào việc thành lập cơ Đạo được thuận tiện hơn.

Tiết XIV: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ ra đời (1926)

Các môn đệ Đức Cao Đài, đặc biệt là tam vị Cư, Tắc, Sang, mỗi ngày chuyên cần học tập và rất nên tăng tiến trong sự tu hành. Các sinh hoạt Đạo đều trôi chảy đều đều, không có chi trắc trở bất bình thường, cho đến gần cuối năm thì một hôm "Đức Chí Tôn lại dạy ba ông phải ăn chay trước ba ngày đăng chí đêm 30 tháng Chạp năm Bính Dần mỗi người thắp ba cây nhang, ra quỳ nơi ngoài trời, thành tâm khấn vái 'Vọng Thiên Cầu Đạo' và thề rằng nếu chẳng tận tâm lo vun đắp nền Đạo thì Ngũ Lôi tru diệt".

Đến ngày đã định ba ông sau khi khấn vái ngoài trời xong rồi vào nhà trong phò loan cầu Đức Cao Đài. Ngài lâm đàn và dạy:

Thầy cho các con hiểu rằng buổi tạo thiên lập địa, Thầy sanh ra loài người nhằm giờ Dần. Vậy từ đây Thầy dùng các con làm tay chơn mà gây dựng nền Chánh Giáo. Lại cũng kể ngày này là ngày phát khởi nguồn Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Còn Thầy thì tá danh Cao Đài Tiên Ông Đại Bộ Tát Ma Ha Tát, trong danh hiệu ấy gồm thâu cả Nho, Thích, Đạo.⁶¹

Ngoài ra các ông cũng được linh hạp lại đông đủ trước giờ giao thừa để đi chúc Tết cho nhau. Các ông cũng được linh hể đi đến đâu thì phải mang Ngọc Cơ theo để Thầy dạy Đạo. Ông Chiêu làm Pháp Đàn, ông Cư, Tắc Phò Loan, ông Hậu làm Độc Giả, ông Tuyết Tân Thành làm Điển Ký. Các ông đi từ nhà này đến nhà kia theo thứ tự như sau: ông Sang, Cư, Kỳ, Giảng, Hậu, Hoài, Tắc, Bản, Đắc, Trung, Quý. "Sau khi đi vừa hết nhà các ông trên thì đã 12 giờ khuya. Các ông vội trở về nhà ông Lê Văn Trung để lập đàn giao thừa. Tái cầu, Đức Chí Tôn dạy:

Chư đệ tử nghe:

CHIÊU buổi trước hứa lời truyền Đạo cứu vớt chúng sanh. Nay phải y lời mà làm chủ diu dắt cả môn đệ Ta vào đường đạo đức, đến buổi chúng nó lập thành,

⁶¹ Huệ Chương, *Đại Đạo Truy Nguyên*, trang 23.

chẳng nên thối trút. Phải thay mặt cho Ta mà dạy dỗ chúng nó.

- Ông Chiêu nói: *Qua đến 1933 thì Đạo mới lập thành.*

- *Phải.*

TRUNG, KỶ, HOÀI, ba con phải lo thay mặt cho Chiêu mà đi độ người. Nghe và tuân theo.

BẢN, SANG, GIẢNG, QUÍ lo dọn mình đạo đức đặng truyền bá cho chúng sanh. Nghe và tuân theo.

ĐẮC, con phải hiệp một vào đây đặng giúp đỡ Trung. Nghe và tuân theo.

- Ông Đắc thưa: *Thưa Thầy, mắc lo vun tròn Hội Minh Lý.*

- Đức Cao Đài trả lời: *Cũng một gốc. Tuỳ ý con định. Sau chớ trách Thầy.*

ĐỨC, tập cơ, HẬU, tập cơ. Sau theo mấy anh con đặng độ người. Nghe và tuân theo.⁶²

Tất cả chư vị đều tuân lệnh Thượng Đế dạy, trừ ông Đắc thoái thoát. Lời ông Đắc bạch và mấy lời trả lời cùng khuyến cáo của Đức Chí Tôn phải là một ánh sáng cho chúng ta đang tìm hiểu hiện tình trong nội bộ của nền tôn giáo này. Kể từ đây, đệ tử của Đức Thượng Đế khởi sự hành đạo theo sự phân công và diu dắt của Ôn Trên, với một vị đầu đàn ở trần thế là ông Ngô Văn Chiêu. Có thể nói đây là một bước đầu quan trọng cho các nề nếp và tổ chức của cơ Đạo về sau này.

Vai trò của ông Chiêu thật là trọng đại trong tổ chức về cả hai mặt đời và đạo. Tính cách trọng đại đó càng thêm trọng đại khi Thượng Đế dạy ông *chẳng nên thối trút và phải thay mặt cho Ta*. Đây là lệnh của Thượng Đế. Quan Phủ nghĩ sao?

Tương lai sẽ trả lời.

⁶² Đồng Tân, *Lịch Sử Đạo Cao Đài*, quyển II, trang 89 - 92.

Tiết XV: Lễ Vía Đức Cao Đài Thượng Đế

Ăn Tết xong, kế đến ngày Vía Trời, mùng 9 tháng Giêng âm lịch. Ông Phủ Vương Quan Kỳ thiết đàn tại nhà ông, số 80 đường Lagrandière Sài Gòn, nay là đường Gia Long, có mời đủ các đệ tử Đức Cao Đài hầu đàn. Đức Cao Đài giáng cơ cho bài thành giáo sau đây:

THI:

*Bừu toà thơ thới trở thêm hoa
Mấy nhánh rồi sau cũng một nhà
Chung hiệp ráng vun nền đạo đức
Bền lòng son sắt đến cùng Ta.*

*Cái nhánh các con là nhánh chính mình Thầy làm chủ,
sau các con sẽ hiểu. Thầy vui, muốn các con thuận hoà
nhau hoà, ấy là lễ hiến cho Thầy rất là trân trọng.
Phải chung lo cho danh Đạo Thầy.*

*Đạo Thầy tức là các con. Các con tức là Thầy. Phải
làm cho nhau đặng thế lực. Đừng ganh gổ nghe! Các
con giữ phận làm tùy ý Thầy muốn. Ngày kia sẽ rõ ý
muốn của Thầy.*

Đàn này ông Phủ Chiêu làm Pháp Đàn như thường lệ. Trong bầu không khí vui vẻ tung bừng ấm áp của mùa xuân, ông Phủ Chiêu xin Đức Cao Đài lấy tên những người hiện diện cho một bài thơ để làm kỷ niệm. Đức Cao Đài liền ân ban bài thơ mà nay không một người tin đồ Cao Đài nào không biết:

*CHIÊU KỶ TRUNG độ dẫn HOÀI sanh,
BẢN Đạo khai SANG QUÍ GLÁNG thành.
HẬU ĐỨC TẮC CƯ thiên địa cảnh,
HUỒN MINH MÃN đáo thủ đài danh.*

Đức Cao Đài còn phán thêm: Huồn, Minh, Mãn, sau sẽ rõ...

Bài thi trên dịch ra nôm như sau:

Phất cờ lên không trung để dẫn nhơn sanh (luôn cả thai nhi cũng độ)

Bản Đạo đã được mở ra thật rõ ràng

Người có đức độ sau này sẽ được ở cảnh trời

Sau hết người thông minh sáng suốt sẽ trở về giữ cái đài nêu danh chói rạng.⁶³

Những chữ viết hoa là tên của những vị hiện diện hầu đàn hôm đó, theo thứ tự trong bài thơ: Ngô Văn Chiêu, Vương Quan Kỳ, Lê Văn Trung, Nguyễn Văn Hoài, Đoàn Văn Bản, Cao Hoài Sang, Lý Trọng Quý, Lê Văn Giảng, Nguyễn Trung Hậu, Trương Hữu Đức, Phạm Công Tắc, Cao Quỳnh Cư. Những chữ viết hoa ở câu chót là tên của những vị khác cũng có mặt hôm ấy.

Có tất cả 12 vị. Có nhiều tài liệu khác ghi 13 vị, vì có hai ông Sang: Cao Hoài Sang và Võ Văn Sang. Theo thiên ý thì số hiện diện hôm ấy có hơn 13 vị, phải là 16 vị tất cả, kể luôn ông Võ Văn Sang và ba ông Hườn, Minh, Mẫn. Ông Trên nhập hai tên ông Sang lại thành một, nhưng số 12 vẫn là số đặc biệt của Đức Chí Tôn, cũng như 12 vị Tông Đồ vậy. Ông Cao Hoài Sang là người có mặt trong cơ Đạo từ ngày sơ khởi và rất trung kiên, một lòng một dạ theo Thầy.

Đến đây, thiết tưởng cũng nên toát yếu lại những thành quả đã đạt được trong một năm qua để chuẩn bị thành lập cơ Đạo của Đức Cao Đài và ngẫm lại những phương cách hành sự của Ngài.

Trước kia Mạnh Tử dường như có dạy rằng khi muốn làm việc chi thì trước hết phải làm mấy việc sau đây: định nghĩa việc mình muốn làm, lập chương trình, phải có phương tiện tài chánh, và phải tìm được nhân sự cần thiết. Trong việc lập cơ Chánh Giáo tại thế gian này, những điều kiện cần thiết

⁶³ Đinh Văn Khả, *Đại Lễ Đức Chí Tôn*, 1975, trang 21 (mimeographed).

nhứt trong bốn điều trên là điều kiện nhân sự và tái chánh. Vấn đề nhân sự vẫn là vấn đề gay go nhứt, cần phải giải quyết trước hết. Và trong số nhân sự đó, người cầm đầu đứng mũi chịu sào hội đủ điều kiện về kiến thức cũng như nhân cách và đức độ để điều khiển, điều hành cùng làm những sáng kiến cần thiết cho sự phát triển cho sự tiến triển và thành đạt của chương trình, có thể nói không có không được (sine qua non). Người đó đại diện cho Thượng Đế ở thế gian này nên cần phải hết sức đặc biệt. Chắc cũng vì thế cho nên chính Thượng Đế phải chịu nhọc nhằn cực khổ "ba năm để độ nhứt nhơn". Thật là một việc phi thường, không thể tưởng tượng được. Quan Phủ Chiêu là một điều kiện cần thiết, không có không được, tất yếu dù rằng không phải tất trọn.

Kế đến phải là những nhân sự tất yếu khác để cùng ông Chiêu lập thành một bộ phận nòng cốt cho Cơ Đạo. Cũng vì thế cho nên chúng ta thấy sau khi xây dựng ông Chiêu rồi thì Đức Chí Tôn để trọn thời giờ để xây dựng những phần nhân sự kế tiếp như quý ông Cư, Tắc, Sang, Trung, ... Không có chư vị này thì ông Chiêu khó hoàn thành sứ mạng, và ngược lại, không có ông Chiêu thì sự việc cũng khó trôi chảy được. Vì thế cho nên số 12 của Đức Thượng Đế thật là quá trọng hệ.

Trên nguyên tắc, cái chi khởi sự đứng và trôi chảy thì sẽ có kết quả tốt đẹp. Cơ Đạo Tam Kỳ Phổ Độ như một tổ chức vĩ đại qui mô vô tiền khoáng hậu ở thế gian này có được trôi chảy thông suốt hay chẳng ở tương lai là cũng tùy theo cái buổi sơ khai này, tùy theo nhân sự đầu tiên này. Giai đoạn này có tạo được cho giai đoạn kế tiếp một nền móng vững chải, một nề nếp gương mẫu trong hành sự cũng như trong tinh thần và tư tưởng, tạo được cái đà tiến đều đều hay chẳng là do cái tài, cái đức, cái hạnh, cái đại hùng đại lực, cái đại chí, và đặc biệt hơn hết là cái đồng tâm nhứt trí của những vị khai sơn phá thạch này.

Vai trò quá trọng đại và nặng nề là của tất cả chư vị, nhưng đặc biệt hơn hết là của ông Ngô Văn Chiêu là người được chính Đức Thượng Đế xây dựng và chọn lựa để làm chủ *điều dắt cả môn đệ Ta vào được đạo đức ... phải thay mặt Ta mà dạy dỗ chúng nó*. Thật là một trách nhiệm tối cao tối đại chưa

từng thấy trong lịch sử nhân loại. Có phải "Thiên nhưt Nhưt, Địa nhưt Chiêu" chăng?

Đạo Cao Đài do Thượng Đế lập ra ở trần gian này là một việc phi thường nên cần phải có một người phàm phi thường hướng dẫn. Ấy là lẽ tự nhiên. Nhưng người phàm, dù Trời có giúp đỡ đi nữa, có được phi thường hay chăng cũng phải do tài đức của người trước đã. Đức từ bi bác ái của Thượng Đế thật vô biên vô lượng, nhưng trong vòng vô minh của trần tục này con người khó chủ động cá nhân mình được một cách hoàn toàn. Nghiệp quả của cá nhân cũng như của tập thể thật quá nặng nề, và các cám dỗ cũng có một sức mạnh phi thường. Chư vị Tiên Khai Đại Đạo cũng như dân tộc Việt có tránh được cái nghiệp quả đó chăng?

Đây xin trở lại vấn đề nhân sự. Sau khi thân được 12 vị Tông Đồ, Thượng Đế tiếp tục tìm thêm và xây dựng những nhân vật quan trọng khác, "những người có địa vị ngoài đời như quý ông Đốc Phủ Lê Bá Trang, Tri Phủ Nguyễn Ngọc Tương, Lê Văn Hào, Mạc Văn Nghĩa, ông bà Huyện Nguyễn Ngọc Thơ; cả nhà tu Minh Sư như quý ông Lê Văn Lịch, Trần Đạo Quang, Nguyễn Văn Tương, Nguyễn Văn Kinh; ba vị Yết Ma Luật, Nhung, Giồng. Ngoài ra còn các ông Ngô Tường Vân (Thông Phán), Nguyễn Văn Đạt (Nghiệp Chủ), Ngô Văn Kim (Đại Hương Cầm), Huỳnh Văn Giới (Thông Phán), Võ Văn Tường (Công Chức Thông Ngôn), Trần Văn Tạ (Đội Sở Tuần Cảnh), Huỳnh Văn Tuất (Nghiệp Chủ), Nguyễn Văn Chức (Cai Tổng), Lại Văn Hành (Hương Cầm), Nguyễn Văn Lai (Nghị Viên), Nguyễn Văn Trò (Giáo Viên), Nguyễn Văn Hương (Giáo Viên), Tuyết Tân Thành (Thương Gia), Trần Văn Đỗ (Thương Gia), Võ Văn Kính (Giáo Viên), Phạm Văn Ti (Giáo Viên), Huỳnh Văn Của (Công Chức, Sở Thương Chánh), Trần Văn Long (Công Chức, Sở Hoả Xa), Trần Văn Học (Công Chức Sở Hoả Xa), v.v...⁶⁴

Cũng trong giai đoạn này Đức Cao Đài qui tụ được Năm Chi Phật Giáo: Minh Đường, Minh Sư, Minh Tân, Minh

⁶⁴ Đồng Tân, *Lịch Sử Đạo Cao Đài*, quyển II, trang 101 - 102.

Thiện, Minh Lý của chư vị Lê Văn Lịch, Trần Đạo Quang, Lê Minh Khá, mà người trong Đạo thường hiểu lầm là Ngũ Chi Phục Nhứt.

Tiết XVI: Phong trào thâm tín đồ, lập hạ tầng cơ sở

Như ta đã thấy trên, nay Thượng Đế đã có được một số nhân sự đầu não cũng như nhân sự cần thiết khác có thể gọi là tạm đủ trong giai đoạn phôi thai này. Một vài việc căn bản cho cơ Đạo cũng được đại để phân công. Danh xưng của nền tôn giáo của Đức Thượng Đế cũng được đặt để xong là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Đại Ngọc Cơ cũng đã có. Như thế thì nên móng cũng đã khá vững rồi. Thượng Đế cho bắt tay vào đạo sự chính là phổ độ Nhơn sanh lập tức, nôn nóng sợ *Đạo khai trễ một ngày hại cho Nhơn sanh một ngày*, bèn ra lệnh cho tổ chức một số địa điểm để Thượng Đế giáo Đạo và trực tiếp thâm nhận tín đồ trong đại chúng. Việc phổ độ Nhơn sanh được thực hiện khá thuận lợi nhờ những mối giao thiệp sẵn có của chư vị Tiền Khai ở toàn cả miền Nam nước Việt. Mỗi đêm, quý ông Cao Quỳnh Cư, Cao Hoài Sang, Phạm Công Tắc, Nguyễn Trung Hậu, Trương Hữu Đức, Trần Duy Nghĩa, Cao Quỳnh Diêu, Trương Văn Trảng, Ca Minh Chương, Phạm Văn Tươi, Phạm Tấn Đãi, Nguyễn Văn Kim, Võ Văn Nguyên, Huỳnh Văn Mai, rất bận rộn phò loan lập đàn cơ các nơi trong và ngoài đô thành Sài Gòn. Có tất cả sáu đàn được Thượng Đế dạy lập thường xuyên:

1) Đàn Cầu Kho. Chứng Đàn: ông Vương Quan Kỳ. Phò Loan: Quý ông Nguyễn Trung Hậu và Trương Hữu Đức. Trợ giúp có quý ông: Đoàn Văn Bán, Huỳnh Văn Giới, Lê Văn Giảng, Nguyễn Văn Tường, Ngô Tường Vân, Nguyễn Văn Mùi, Nguyễn Văn Đạt, Nguyễn Văn Kính v.v... Đàn này là một trong những đàn được nổi tiếng nhất và được nhiều người biết.

2) Đàn Chợ Lớn tại nhà ông Lê Văn Trung. Chứng Đàn: Quý ông Lê Văn Trung và Lê Bá Trang. Phò Loan: Quý ông Cao Quỳnh Diêu và Cao Hoài Sang.

3) Đàn Tân Kim tại Cần Giuộc, tại nhà ông Nguyễn Văn Lai. Chứng Đàn: Quý ông Nguyễn Ngọc Tương và Lê Văn Lịch. Phò Loan: Quý ông Ca Minh Chương, Phạm Văn Tươi. Trợ Tá: Quý ông Phạm Văn Tiếp, Nguyễn Văn Nhơn, Phạm Văn Ti, Võ Văn Kính.

4) Đàn Lộc Giang (Chợ Lớn) tại chùa Phước Long của ông Yết Ma Giồng. Chứng Đàn: Quý ông Yết Ma Giồng và Mạc Văn Nghĩa. Phò Loan: Quý ông Trần Duy Nghĩa, Trương Văn Tràng.

5) Đàn Tân Định (Sàigòn) tại nhà ông Nguyễn Ngọc Thơ. Phò Loan: Quý ông Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc.

6) Đàn Thủ Đức (Gia Định) tại nhà ông Ngô Văn Điều. Chứng Đàn: ông Ngô Văn Điều. Phò Loan: Quý ông Huỳnh Văn Mai và Võ Văn Nguyên.⁶⁵

Ngoài ra sáu đàn đó, còn có một đàn chữa bệnh lập tại nhà ông Trần Văn Tạ do chính tay ông và ông Trần Văn Hoàng chăm lo. Đàn này có rất nhiều huyền diệu: bệnh đau nan y đến đâu chỉ cho uống nước lạnh và niệm danh Đức Chí Tôn "Nam Mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát" là khỏi ngay. Tiếng đồn xa gần, ai ai đều biết nên tìm đến rất đông. Trong các bệnh cũng phải kể cả bệnh thần kinh mất trí là một bệnh rất nan giải ở nước nhà trong thời kỳ đó.

Các đàn đều được lập tại tư gia nào hoặc ở chùa nào có duyên với Đại Đạo, vì cơ Đạo hãy còn mới quá nên chưa có nơi riêng biệt của mình. Như ta đã thấy các tư gia ấy là nhà của môn đệ. Các đàn đều mở cửa cho bất cứ ai muốn hầu thì tự nhiên vào hầu, "giàu, nghèo, quý, tiện, xem bằng như nhau". Ai muốn nhập môn thì vào quì trước bàn cơ mà cầu nguyện. Đức Chí Tôn ban cho mỗi người một bài thơ, thường thường bốn câu, khen, chê, khuyến nhủ, tùy hoàn cảnh của mỗi người, hoặc nói rõ tâm sự, ưu tư của người đó, và cũng tùy duyên phận mà được thấu nhận: có người bị từ khước vì những lẽ Ôn Trên dạy mà chỉ người đó hiểu mà thôi. Nhưng việc từ khước có thể là ngoại lệ, nên số người bị từ khước rất rất ít.

⁶⁵ Đòng Tân, *Lịch Sử Đạo Cao Đài*, quyển II, trang 132 - 133.

Đàn cơ công cộng thật là huyền diệu, linh hiển, nên người này nói người kia đồn, làm phong trào đàn cơ mỗi đêm trở thành náo nhiệt sôi nổi như sóng cồn. Hồi ấy chưa có truyền hình truyền thanh địa phương và các báo chí hằng ngày, nhưng dân chúng rỉ tai nhau, truyền bá bằng mồm vô cùng đặc lực và nhanh chóng. Người đến xin nhập môn cầu Đạo nhiều thật nhiều: học thức cũng như dân giả.

Dù thế, cũng có khá nhiều người chưa tin những đàn đó là của Trời Đất, và cho đó là của ma quỷ. Có nhiều người chưa tin nổi, thứ nhất là những nhà trí thức hoặc có ăn học tân cựu chút ít, cho đó là dị đoan mê tín huyền hoặc. Sau đây là một vài trường hợp được người trong Đạo thường nhắc đến:

1) Trường hợp ông Thầy Gòng. Có ông Thầy Gòng theo tín ngưỡng gọi là Mẹ Sanh. Ông nghe người ta đồn nhiều quá về sự linh diệu của đàn cơ. Ông ta không tin có Thiêng Liêng hạ trần dạy Đạo, và cho đó là "tà điển", là ma quỷ. Ông ý mình là Thầy Gòng, dao chém không đứt. Ông định tâm đến thử chơn giả thế nào.

Ông đến một đàn cơ nọ. Khi cơ vừa chuyển, ông làm bầm trong mồm: "Hừ, tà điển ma quái". Tức thì cơ viết tên ông lên cầm cơ. Được dịp may đề thử, ông thích thú lắm và lên liền, cầm cơ ngay không ngần ngại gì cả, và cũng không lẽ bái chi hết. Khi tay ông vừa mới cầm đến cần cơ thì cơ tức thì quay vun vút, ngoài sức điều khiển của ông. Tay thì quay vù vù, còn miệng thì cười ha hả như điên như dại không ngừng nghỉ được. Cơ quay một hồi thật lâu. Ông cười cho đến đổi lữ người ra mà cơ vẫn quay và ông vẫn phải cười. Cứ như thế mà cười một hồi lâu. Cơ ngừng. Ông sợ quá bèn liền quì xuống bạch với Ôn Trên xin bỏ "Đạo Mẹ Sanh", và xin nhập môn cầu Đạo ngay tại nơi đó. Ông được thấu nhận.

2) Trường hợp ông Đới Sở Liêm Phòng của Chính Quyền Thuộc Địa. Ông này có phận sự theo dõi đàn cơ Cầu Kho (Sài Gòn). Ông trà trộn trong đám đông những vị đến hầu đàn đề dò la xem xét hầu báo cáo với Chính Quyền Thuộc Địa. Trong lúc thừa hành phận sự, ông cũng thấy rất nhiều người tin tưởng Trời Đất, thật lòng thành tâm cầu Đạo. Ông Đới này không tin lắm, nghi nghi ngờ ngờ cho rằng những người này

tin nhảm. Nên ông muốn thử coi có thật Thượng Đế, Phật, Tiên giáng trần hay chẳng.

Một hôm ông làm một bài thơ, để trong bao thơ dấu kín trong túi áo tây của ông, mà ông không cho một ai biết. Rồi ông cũng đến hầu đàn, quì trước bàn cơ, miệng vái lạy thầm có ý không cho một ai nghe ông nói những gì. Liền theo đó, cơ chuyên cho ông bài thơ sau đây:

*Đáp đặng bài thơ thật Ngọc Hoàng
Đời cùng Tiên Phật giáng trần gian
Giác mê sanh chúng về đường chánh
Độ tận toàn linh chính Ngọc Hoàng.*

Cơ vừa chấm dứt, người ta thấy ông Đội phủ phục lạy ba lạy trước bàn cơ và đại ngôn xin làm đệ tử. Ông được thâu nhận. Sau khi bãi đàn, có người hỏi ông thì ông thú thật rằng ông đã dấu kín một bài thơ trong túi áo tây của ông thử thách Ôn Trên hoạ bài thơ đó. Và ông liền lấy bài thơ trong túi áo ra cho tất cả những người hầu đàn xem:

*Uất ức nên đây vấn Ngọc Hoàng
Có đâu Tiên Phật giáng trần gian
Bày trò mê tín lừa dân chúng
Đáp đặng thơ đây mới Ngọc Hoàng.*

Bài thơ được Ngọc Hoàng hoạ nguyên vận khiến cho ông biết rõ chơn thật, và ông đã cầu Đạo nhập môn. Cũng nhờ việc này mà tin đồn Cao Đài mới xác nhận được là Chính Quyền Thuộc Địa nghi ngờ và cho người theo dõi.

3) Trường hợp một nhân viên mật thám. Chính Quyền Thuộc Địa Pháp khi nào cũng cho người theo dõi hành động của những người Cao Đài. Trong mấy người mật thám này có những ông Nguyễn Văn Tường, Trần Văn Tạ, và ông Quản Báo. Hầu như toàn hết những vị này, sau nhiều lần chứng kiến huyền diệu của Thiêng Liêng, đều nhập môn cầu Đạo. Chỉ có ông Quản Báo thì không chịu nhập môn, nhưng cũng không

khi nào báo cáo bất lợi cho cơ Đạo. Sau đây là một trường hợp Ôn Trên che chở cho tín đồ Cao Đài:

Một hôm có một đàn cơ được lệnh lập ở trên tầng lầu nhứt của một tư gia được rất đông người đến tham dự. Vì biết Chính Quyền Thuộc Địa theo dõi nên người nhà và tất cả người đến hầu đàn đều rất dè dặt. Nhưng vì người đến hầu đàn quá đông nên có dè dặt đến đâu đi nữa cũng không qua khỏi con mắt điều hâu của nhân viên mật thám. Khi tất cả vào nhà rồi, ngay trước khi khai đàn, cửa nhà đều được đóng kín lại hết. Ôn Trên giảng đàn dạy Đạo rất lâu cho đến khuya mới hết, mà không có một chuyện chi xảy ra cả. Chủ nhà mừng lắm, và đưa tiền đồng đạo ra về. Khi xuống lầu thì thấy hai người mật thám nằm ngủ li bì, đang ngáy pho pho, dường như mê man bất tỉnh. Các người đều nhẹ nhẹ bước ra về, để cho cả hai người mật thám ngủ yên mãi cho đến sáng mới tỉnh dậy.

Trên đây chỉ là một mẫu chuyện để dẫn chứng. Thường thường cơ huyền diệu được diễn ra bằng nhiều cách. Tiếc rằng hồi ấy không có ghi chép lại những chuyện lý thú đó. Mong rằng một ngày nào đó có một vị để thì giờ sưu tầm lại những chuyện huyền diệu to nhỏ để lưu lại cho ngày sau. Khi chúng tôi còn ở nước nhà hành đạo ở toàn cả miền Nam, hễ đến địa phương nào cũng nghe được nhiều mẫu chuyện rất lý thú. Từ Thừa Thiên Đà Nẵng đến tận Bạc Liêu Cà Mau, không có một nơi nào mà không có huyền diệu Ôn Trên làm để giúp đỡ nhơn sanh. Nhờ thế mà phong trào phổ độ trở nên rần rần rộ rộ, đâu đâu cũng bàn tán sôi nổi, từ thành thị đến thôn quê. Người nhập môn cầu Đạo càng ngày càng đông, có nơi mỗi kỳ đàn có hàng vài trăm người. Có nơi khác như miền Cần Giuộc, Cần Đước thì có kỳ đàn người nhập môn lên đến chục ngàn.⁶⁶ Tính đến cuối năm Bính Dần (1926), trong vòng một năm, con số người nhập môn Cao Đài lên đến "hơn bốn muôn sanh linh", mỗi muôn là một trăm ngàn người.⁶⁷ Thật là ngoài sức tưởng tượng của Chính Quyền Thuộc Địa và các tôn giáo bạn hiện giờ trong nước. Được như thế là nhờ oai linh huyền lực của Thượng Đế, mà không Phật, Tiên, Thánh, Thần nào làm nổi.

⁶⁶ Nguyễn Trung Hậu, *Đại Đạo Căn Nguyên* trang 22.

⁶⁷ Hương Hiếu, *Đạo Sĩ II*, 1968, trang 205.

Có lẽ những gì chứa đựng trong sự dạy dỗ của nền tôn giáo đã đánh trúng ngay vào cái yếu điểm tinh thần, hoặc cái gì tha thiết nhất trong tâm khảm, hoặc cái tâm lý tin tưởng thần linh của nhơn sanh người Việt.

Tiết XVII: Ông Ngô Văn Chiêu không nhận phẩm Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

Trong khi phong trào độ rỗi nhơn sanh được thành công rực rỡ thì nội bộ cơ Đạo khởi sự có một vài "bất đồng quan điểm" của chư vị lãnh đạo.

Như ta đã thấy trước kia, Thượng Đế có dạy ba vị *Trung, Kỳ, Hoài ... phải lo thay mặt cho Chiêu mà đi độ người* trong chương trình phổ độ. Vì thế cho nên chúng ta không thấy ông Chiêu hoạt động nhiều như chư vị khác, được ấn dật hoàn toàn tứ thời công phu tịnh luyện cho đến ngày có lệnh của Đức Chí Tôn giao phó cho ông trọng trách Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Sắc lệnh do một đàn cơ ông Cư, Tắc phò loan. Đạo phục của vị Giáo Tông đầu tiên này được Thượng Đế chỉ vẽ cho bà Cao Quỳnh Cư may sấm, gồm có mũ, đai phục, tiểu phục, giày ... Sắc lệnh được hai ông Cư, Tắc thừa lệnh Thượng Đế mang đến cho ông Chiêu. Nhưng vì một lẽ nào đó, ông Chiêu không chịu nhận sắc lệnh trên, ám ý không nhận phẩm vị Giáo Tông.

Một sự việc vô phúc đã xảy ra cho nền tôn giáo ngay lúc phôi thai, gây ra bao nhiêu dao động và hoang mang. Nhân sự trọng yếu và cần thiết nhất cho tổ chức, mà Thượng Đế đã dày công xây dựng, nay đã khước từ một phẩm vị cao nhất trong Đạo, một vai trò quá ư tế nhị và quan trọng mà không một người thứ nhì có thể thay được.

Sử gia Cao Đài tùy theo chi phái của mình cũng như mỗi cảm tình riêng của mình đối với Quan Phủ Ngô Văn Chiêu mà đưa ra những lý lẽ do lý luận của cá nhân mình. Sự thật của cuộc đại biến này, không một ai trong nền tôn giáo biết thật đích xác được. Mãi cho đến ngày mùng 1 tháng 3 năm Bính Ngọ (ngày 22 tháng 3 năm 1966), nghĩa là 40 năm sau ngày

Quan Phủ qui tiên, mới được tự chính Ngài nói cho biết trong một đàn cơ:

Chư hiền đệ hiền muội! Thuở sanh tiền Bản Đạo quyết xuất thế để tìm đến bực siêu đẳng pháp môn, hầu giúp vào cơ Đại Đạo để cứu cánh dân tộc trong khi còn đò hộ. Nhưng ước vọng chẳng được hoàn toàn, vì Thiên số dĩ định, nên chưa đoạt đến mục đích đã vô tình rời bỏ anh em, nên để lại một ảnh hưởng rất lớn cho phái Chiếu Minh là kỳ thân độc thiện. Đó chẳng phải Bản Đạo cố tâm, cũng bởi kiếp nạn chúng sanh, nên chịu nhiều cảnh chia ly từ đời đến Đạo, chớ điều xuất thế hay nhập thế của Bản Đạo đều là một lòng trung kiên khai Đạo, vì nước non dân tộc, vì chí hướng quang độ quần sanh. Đến ngày nay, những giáo lý của Bản Đạo còn rơi lại một công trình dở dang thiếu sót. Nên hiện tình Bản Đạo cũng trông vào hướng đạo hiện tại và tương lai nối tiếp công nghiệp của Tiên Bối đã qua, hầu thanh minh cho tâm lòng của Đệ Huỳnh Tiên Bối và Bản Đạo. Điều ấy rất mong.⁶⁸

Cũng vì thế cho nên từ ngày khai Đạo cho đến ngày nay, Cao Đài Giáo Việt Nam không có Giáo Tông. Sau ông Chiêu từ khước phẩm vị Giáo Tông, nên Cao Đài Giáo Việt Nam chỉ có một Quyền Giáo Tông mà thôi. Ấy là ông Lê Văn Trung. Thật là vô phúc bất hạnh cho nền tôn giáo và cho đất nước dân tộc Việt! Cũng bởi cái kiếp nạn chúng sanh, nên chịu nhiều cảnh chia ly từ đời đến Đạo ..., và cảnh chia ly đó có bao trùm cả cuộc chia ly của người Việt vượt biên cuối tháng Tư năm 1975 hay chăng?

Đến ngày 14 tháng 3 năm Bính Dần (ngày 24 tháng 4 năm 1926) ông Ngô Văn Chiêu tách rời ra khỏi hàng ngũ phổ độ, mang theo ông những vị sau đây: Nguyễn Văn Hoài, Lý Trọng Quý, Võ Văn Sang. Và cũng từ đây nảy sanh ra chi Chiếu Minh Tam Thanh, một chi đầu tiên trong cơ Đạo. Cơ

⁶⁸ *Thánh Giáo Sư Tập 1966 - 1967*, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, 1967, trang 41 - 43.

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ bắt đầu nứt rạn cho mãi đến ngày nay, không phương cứu chữa.

Số tín đồ theo chi Chiêu Minh cho đến ngày nay có chừng hai trăm vị. Còn số tín đồ bên Phổ Độ có chừng ba triệu, nhưng bị chia rẽ ra từng manh múng.

Phần Ba

GIAI ĐOẠN KHAI ĐẠO

Tiết I: Khai Tịch Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ (1926)

Như trước kia đã nói, sau khi Đức Thượng Đế cho biết Thiên ý là lập Đạo tại thế trong đàn cơ Giao Thừa Tết, Tý thời mừng 1 tháng Giêng năm Bính Dần (1926), và sau khi Thượng Đế cho cơ Đạo lấy danh là "Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ" thì số tín đồ nhập môn câu Đạo vụt tăng lên một cách phi thường làm cho ai cũng quá ngạc nhiên, làm cho Chính Quyền Thuộc Địa lo ngại, và cũng làm cho các đệ tử có địa vị cao cấp và quan trọng trong Chính Quyền Thuộc Địa lo ngại không ít.

Trong số đệ tử lãnh đạo lúc đó có những vị quyền cao chức trọng như Nghị Viên, Đốc Phủ, Tri Phủ, Quận Trưởng, Hội Đồng Quản Hạt, Công Tư Chức, Thương Gia, Điền Chủ, Giáo Học, v.v.... Họ là những phần tử am tường luật pháp của Chính Quyền Thuộc Địa đối với dân đô hộ như thế nào. Họ biết rõ những vụ bắt bớ, giam cầm, tra tấn tàn nhẫn dành cho những người nào bị tình nghi chống chế độ thuộc địa, hoặc những nhóm mà chính quyền cho là "Hội Kín". Những vị lãnh đạo đó cũng biết những nhà ái quốc luôn luôn bị theo dõi, canh chừng rình rập, đe dọa, mua chuộc, và tù đày. Mà các nhà lãnh đạo tinh thần Cao Đài trong hội đó, người nào cũng là những nhà trí thức, đạo đức, nặng tình dân tộc, dù rằng ít khi nào thốt ra lời. Trong thâm tâm của quý vị đều mong cho nước nhà được độc lập tự do, sớm ra khỏi vòng nô lệ của ngoại bang.

Dù rằng thế, nay chư Tiên Khai đã là môn đồ của Đức Thượng Đế, đã cùng đồng ý đứng ra giúp Thầy lập Đạo, đã tin tưởng hoàn toàn nơi Thượng Đế, nên cũng lo âu cho tương lai cơ Đạo của Thầy; chánh sách đô hộ bất chấp tự do tín ngưỡng, nguyện vọng của người dân bị trị, và không lưu tâm đến những gì Ki Tô giáo hằng dạy. Chư vị Tiên Khai chắc có lẽ ưu tư, thảo luận khá nhiều, và cũng đồng ý khi có dịp sẽ bạch lên Thượng Đế xin phép khai báo nền tôn giáo này với Chính

Quyền Thuộc Địa để tránh khỏi tình trạng bị liệt vào cái tội "Hội Kín", hầu các sinh hoạt Đạo khỏi bị ghép vào vòng phi pháp.

Chắc những ưu tư lo ngại của các Ngài đã "động điện". Đường như thông cảm mỗi ưu tư của đệ tử, nỗi ưu ái của các Ngài đến tiền đồ cơ Đạo, Đức Thượng Đế giáng đàn ngày 22 tháng 8 năm Bính Dần (27 tháng 9 năm 1926) tại nhà ông Nguyễn Văn Tương, hẻm đường Gallieni, nay là đại lộ Trần Hưng Đạo, có dạy: *Thầy là Chúa Tể Càn Khôn mà còn phải đi xin phép ai? Nhưng vì các con sợ quá nên Thầy phải chịu lòng, và ra lệnh cho ông Lê Văn Trung soạn thảo tờ Khai Tịch Đạo.*

Tuân lệnh Thầy, ông Trung soạn thảo đơn Khai Đạo, và mang ra thảo luận với tất cả đồng đạo. Sau khi nội dung được tất cả đồng ý, ông liền trình bản tiếng Pháp lên Thượng Đế duyệt xét. Duyệt khán xong, Đức Chí Tôn để lời phê cũng bằng tiếng Pháp như sau: *Aucune allusion sur mon compte, mais enfin* Dịch ra: *Không có gì đề cập đến Ta, nhưng mà thôi* Đoạn Đức Chí Tôn dạy ông Trung ngày mai là 23 tháng 8 năm Bính Dần (28 tháng 9 năm 1926) phải đích thân mang tờ Khai Tịch Đạo nạp với Thống Đốc Nam Kỳ hồi ấy là ông Le Fol. Để cho ông Trung được an tâm, và để cho tất cả thấy huyền diệu của Thầy, Đức Chí Tôn có cho biết trước rằng Thống Đốc Le Fol đã được bố hoá và sẽ tiếp đơn ông Trung một cách niềm nở và vui vẻ. Đúng vậy, sự việc xảy ra đúng như lời Đức Chí Tôn đã dạy: Thống Đốc Le Fol tiếp đón ông Trung một cách niềm nở và đầy đủ nghi lễ. Thống Đốc "ghi nhận" tờ Khai Tịch Đạo.

"Ghi nhận" theo nghĩa hành chánh là đã nhận được và ghi vào sổ, chứ không có nghĩa là cho phép hành sự. Dịch ra Anh ngữ: to take note of hoặc to acknowledge receipt of.

Mãi đến mười ba năm sau là năm 1939, Chính Phủ Thuộc Địa tại Pháp quốc mới chính thức công nhận nền tôn giáo này để cho hành đạo. Như ta đã thấy, dù chưa được cho phép đi nữa, cơ Đạo vẫn sinh hoạt công khai như thường, rần rần rộ rộ ở miền Nam. Thế mới biết cái uy lực huyền diệu của Thượng Đế.

A) Đơn Khai Tịch Đạo

Đơn Khai Tịch Đạo là một bản văn kiện lịch sử, một tài liệu căn bản cho người phàm thế, tưởng cũng nên ghi lại đây để học hỏi:

Kính cùng Thống Đốc Nam Kỳ

Sài Gòn

Chúng tôi đồng ý ký tên dưới đây kính cho Quan Lớn rõ:

Vốn từ trước, tại cõi Đông Pháp có ba nền tôn giáo là Thích Giáo, Lão Giáo, và Khổng Giáo. Tiền nhon chúng tôi sùng bái cả ba Đạo ấy, lại nhờ đó theo tôn chỉ quý báu của các Chương Giáo truyền lại mới được an cư lạc nghiệp. Trong sử còn ghi lại câu: "Gia vô bế hộ, lộ bất thập di", chỉ nghĩa là con người thuở ấy an nhàn cho đến đôi ban đêm ngủ không đóng cửa nhà, còn ngoài đường thấy của rơi không ai thềm lượm.

Nhưng buồn thay cho đời thái bình phải mất vì mấy duyên cớ sau này:

- 1. Những người hành đạo đều phân chia ra nhiều Đạo, nhiều phái mà kích bác lẫn nhau, chớ tôn chỉ của Tam Giáo đều như một là làm lành lánh dữ, và kính thờ Đức Tạo Hoá.*
- 2. Lại canh cãi mỗi chánh truyền các Đạo ấy làm cho thất chơn truyền.*
- 3. Những dư luận phản đối nhau về tôn giáo mà ta thấy hằng ngày cũng tại bã vinh hoa và lòng tham lam của nhon loại mà ra, nên chi người An Nam bây giờ đều bỏ hết những tục lệ tận thiện tận mỹ ngày xưa.*

Thấy tình thế như vậy mà đau lòng, cho nên nhiều người An Nam, vì căn bản, vì tôn giáo, đã tìm phương thế hiệp Tam Giáo lại làm một (qui nguyên phục nhứt) gọi là đạo Cao Đài hay là Đại Đạo.

May mắn thay cho chúng sanh, Thiên tòng nơn nguyện, Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế hằng giáng đàn dạy Đạo và hiệp Tam Giáo lập Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ tại cõi Nam này.

Tam Kỳ Phổ Độ nghĩa là Đại Ân xá lần thứ ba. Những lời nói của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế giáng cơ dạy chúng tôi đều cốt để truyền bá tôn chỉ Tam Giáo.

Đạo Cao Đài dạy cho biết:

- 1. Luân lý cao thượng của Đức Khổng Phu Tử.*
- 2. Đạo Đức của Phật Giáo và Tiên Giáo là làm lành lánh dữ, thương yêu nơn loại, cư xử thuận hoà, mà lánh cuộc ly loạn giặc giã.*

Chúng tôi gởi theo đây cho Quan Lớn nghiêm xét:

- 1. Một bản sao lục Thánh ngôn của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế.*
- 2. Một bốn phiên dịch Thánh kinh.*

Chủ ý của chúng tôi là muốn làm sao cho nơn loại được cộng hưởng cuộc hoà bình như buổi trước. Được như vậy, chúng sanh sẽ thấy đặng thời kỳ mới mẽ cực kỳ hạnh phúc không thể nào tả đặng.

Chúng tôi thay mặt cho nhiều người An Nam, mà nhìn nhận sở hành của chúng tôi, và đã ký tên vào tờ Đạo Tịch ghim theo đây, đến khai cho Quan Lớn biết rằng:

Kể từ ngày nay, chúng tôi đi phổ thông Đại Đạo khắp cả hoàn cầu.

Chúng tôi xin Quan Lớn công nhận tờ Khai Đạo của chúng tôi.

Ký tên:

Bà: Lâm Ngọc Thanh, Nghiệp Chủ ở Vũng Liêm

Ông: Lê Văn Trung, Cựu Thượng Nghị Viên Thượng
Thơ Ngũ Đẳng Bắc Đẩu Bội Tinh, Chợ
Lớn

Lê Văn Lịch, Thầy Tu, làng Long An, Chợ Lớn
Nguyễn Ngọc Tương, Tri Phủ quận Cần Giuộc
Trần Đạo Quang, làng Hạnh Thông Tây, Chợ Lớn
Nguyễn Ngọc Thơ, Nghiệp Chủ, Sài Gòn
Lê Bá Trang, Đốc Phủ Sứ, Sài Gòn
Vương Quan Kỳ, Tri Phủ, Sài Gòn
Nguyễn Văn Kinh, Thầy Tu, Bình Lý thôn, Gia Định
Ngô Tường Vân, Thông Phán, Sở Tạo Tác, Sài Gòn
Nguyễn Văn Đạt, Nghiệp Chủ, Sài Gòn
Ngô Văn Kim, Điền Chủ, Đại Hương Cả, Cần Giuộc
Đoàn Văn Bản, Đốc Học trường Cầu Kho
Lê Văn Giảng, Thơ Toán, hàng Ippolito, Sài Gòn
Huỳnh Văn Giới, Thông Phán, Sở Tân Đáo, Sài Gòn
Nguyễn Văn Tường, Thông Ngôn, Sở Tuần Cảnh, Sài Gòn
Cao Quỳnh Cư, Thơ Ký, Sở Hoả Xa, Sài Gòn
Phạm Công Tác, Thơ Ký, Sở Thương Chánh, Sài Gòn
Cao Hoài Sang, Thơ Ký, Sở Thương Chánh, Sài Gòn
Nguyễn Trung Hậu, Đốc Học trường tư thực, Sài Gòn
Trương Hữu Đức, Thơ Ký, Sở Hoả Xa, Sài Gòn

Huỳnh Trung Tuất, Nghiệp Chủ, Chợ Đuôi, Sài Gòn

Nguyễn Văn Chức, Cai Tổng, Chợ Lớn

Lại Văn Hành, Hương Cả, Chợ Lớn

Nguyễn Văn Trò, Giáo Viên, Sài Gòn

Võ Văn Kính, Giáo Viên, Cần Giuộc

Phạm Văn Tý, Giáo Viên, Cần Giuộc⁶⁹

B) Thành phần ký tên Khai Tịch Đạo

Như thấy ở trên, có tất cả 28 vị ký tên vào đơn Khai Tịch Đạo, gồm có các thành phần có ảnh hưởng trong xã hội Việt Nam ngày ấy. Trong tình trạng của một xã hội tự do độc lập thì việc khai báo một tổ chức sắp được thành lập là một việc rất thường trong thủ tục hành chánh, không có chi phiền phức cả. Nhưng trong một nước bị đô hộ, bị kèm kẹp bởi một chính sách thực dân ác nghiệt tàn nhẫn như trên thế giới hồi ấy như thực dân Pháp, thì khai báo một tổ chức có tánh cách đại qui mô như đạo Cao Đài như định không phải là một việc tầm thường dưới con mắt của chính quyền địa phương. Chắc chắn rằng những ai ở dưới chế độ đó, nếu không đủ đức tin, không đủ can đảm, không thương nước thương dân đến mức độ dám hi sinh, không tin trọn vẹn nơi Thượng Đế, thì chắc không khi nào dám cho tên tuổi mình dính líu vào việc này, chứ đừng nói đến việc đặt bút ký tên vào đơn khai báo. Vì lẽ có tên trong đơn là có tên trong "Sổ Đen" của Chính Quyền Thuộc Địa, và sẽ bị tình nghi hoặc bị bắt giam tra tấn ngay.

Những vị đã đứng ký tên trong đơn này, như đã thấy ở trên, phải là những người có khí tiết, có niềm tin trọn vẹn nơi Thầy, có một tình thương dân tộc đậm đà thấm thía, tiêu biểu một cách hùng hồn cái đại hùng đại lực của quê hương xứ sở. Ghi lại bảng danh sách này là để nói lên tiếng nói cảm phục và biết ơn, và cũng để khắc cốt ghi tâm một việc làm phi thường

⁶⁹ Hương Hiếu, *Đạo Sĩ II*, 1968, trang 1 – 4.

của chư vị Tiên Khai Tiên Bồi. Cũng vì thế mà hằng năm vào ngày 23 tháng 8 âm lịch, cơ Đạo làm lễ tưởng niệm.

Đính kèm theo đơn Khai Tịch này có một bảng danh sách 247 tín đồ của nền tôn giáo làm hậu thuẫn. Như thế thì cơ Đạo lúc ấy không những có thượng tầng cơ sở, mà lại còn có hạ tầng cơ sở nữa, đủ các hạng dân: chính trị gia, thương gia, công chức, điền chủ, trí thức, giáo chức, thầy tu, thường dân, ... Dù có được công nhận hay không, tổ chức đã thành hình và có thể lực, nhân số, tài lực, cả đời lẫn đạo. Chắc Chính Quyền Thuộc Địa Sài Gòn cũng cảm thấy như thế, nhận thấy một nền tôn giáo mới đã thực sự có rồi. Thống Đốc Le Fol rất khéo léo, ghi nhận đơn Khai Tịch đạo Cao Đài, đúng theo thủ tục hành chánh, đầy đủ nghi lễ dành cho một thượng khách, không hơn không kém, dường như muốn có thời giờ thêm nữa để cứu xét tìm hiểu thêm về một vấn đề trọng hệ như thế này.

C) Thái độ của Chính Quyền Thuộc Địa

Thiết tưởng cũng nên nhắc lại là trong thời kỳ này, chánh sách của Chính Quyền Thuộc Địa là nghi kỵ các nhóm hoặc tổ chức của người dân bản xứ lập lên, cho đó là để chống lại Chính Quyền Thuộc Địa, có phương hại đến nền an ninh của chế độ. Sự thật là đúng thế: cái mâu thuẫn giữa người đô hộ và người bị đô hộ. Chứng minh là trong giai đoạn này, sau cuộc hải chiến Nhật thắng Nga vào năm 1904, và đầu Đệ Nhứt Thế Chiến, các phong trào ái quốc bùng nổ trên toàn cả lãnh thổ nước Việt: phong trào Cần Vương, phong trào Đông Du của cụ Phan Bội Châu và Kỳ Ngoại Hầu Cường Để, phong trào Tây Du của cụ Phan Châu Trinh, và bao nhiêu vụ nổi lên từ Nam chí Bắc, không kể rất nhiều nhóm khác bạo động chống Pháp từ Trung Hoa, Nhật Bản, v.v... Có thể nói trong suốt thời kỳ gần một trăm năm đô hộ của Pháp, không có một năm nào mà không có một cuộc nổi dậy, mà cao trào là vào thời kỳ này.

Chính Quyền Thuộc Địa nghi kỵ là phải, và người Việt nổi lên giành lại độc lập tự do, chống cường quyền ngoại xâm là lẽ tự nhiên, là bản phận thiêng liêng của người Việt, không làm không được. Chánh sách càng đàn áp thì áp lực chống đối càng mãnh liệt.

Đối với phong trào Cao Đài, Chính Quyền Thuộc Địa cho theo dõi, len lỏi vào các sinh hoạt, vào các buổi lễ, vào các buổi đàn cơ, và cho người thâm nhập vào hàng ngũ, vào nội bộ để lấy tin tức cần thiết. Nhưng mãi cho đến ngày nay, chưa có một lý do chi chính đáng để đàn áp. Trái lại, những nhân viên mật thám, công an, tay sai của đế quốc được phái vào các buổi họp của Cao Đài, có nhiều người trở lại nhập môn cầu Đạo, có người điềm chỉ giúp cho người Cao Đài biết những thâm ý ác độc của thực dân.

Trong tình hình khó khăn tế nhị đó, ông Lê Văn Trung phải họp gần ba trăm người tại một tư gia để bàn thảo và lập đơn Khai Tịch Đạo. Nói rõ ra là tại nhà ông Nguyễn Văn Tường, ở hẻm Galliéni, nay là đại lộ Trần Hưng Đạo, Sài Gòn. Thành phần gồm có hầu hết trí thức trong vùng Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định, mà trí thức là hạng người bị tình nghi trong xã hội Việt bấy giờ. Số người ba trăm đâu phải là số ít, lại họp ngay tại thủ đô, nơi mà Sở An Ninh của Chính Quyền Thuộc Địa hoạt động rất gắt gao. Người kém đức tin, kém cương quyết, không khi nào dám làm một việc như thế. Nhưng các ông đã nhút tâm, nhút trí, nhút quyết hành đạo đúng ngày đúng giờ như đã ưng thuận.

Nhưng một việc xảy ra rất kỳ lạ, làm cho mọi người trong cuộc rất hài lòng, thích thú. Vốn là ngay ngày hôm hội họp đó, "kể từ 5 - 6 giờ chiều, trời mưa tầm tã, mù mịt cả vòm trời cho đến khi mãn hội chur Đạo hữu ra về, quần 8 -9 giờ đêm mới dứt".⁷⁰ Chẳng những trời mưa tầm tã mà lại còn giông tố bão bùng làm cho nước ngập đầy đường, các việc giao thông xe cộ đều bị gián đoạn. Nhờ thế mà buổi họp được tiến triển một cách êm đẹp an toàn, không ai bị bắt bớ hoặc bị làm khó dễ chi cả. Người trong Đạo cho là lòng thành và đức tin của chur vị họp hôm ấy đã làm "động lòng Trời, nên làm huyền diệu để trợ giúp chur vị hoàn thành đạo sự. Thật đúng câu "Hoàng Thiên bất phụ hảo tâm nhơn".

⁷⁰ Đồng Tân, *Lịch Sử Đạo Cao Đài*, quyển II, trang 136.

Nay trở lại vấn đề ông Lê Văn Trung tuân lệnh Thượng Đế đem nộp đơn Khai Tịch Đạo cho Thống Đốc Nam Kỳ Le Fol. Thống Đốc đã nhận đơn, và đã giao cho thuộc hạ cứu xét. Chắc có lẽ Thống Đốc đã được nhiều ý kiến bất hảo của thuộc hạ trình lên làm cho ông suy tư rất nhiều vì đây là một việc rất quan trọng, có liên hệ đến nhiều thành phần ưu tú, những nhân vật có ảnh hưởng rất lớn lao về các phương diện chánh trị, xã hội, kinh tế, văn hoá, có tương quan mật thiết với chính sách của nước Pháp ở Việt Nam. Về bề rộng thì việc này có liên hệ với tất cả tầng lớp nhân dân Việt Nam và thuộc địa Đông Dương. Như chúng ta đã biết, chính sách của thực dân là áp chế, kỳ thị tôn giáo, và đồng hoá.

Như là Thống Đốc, ông Le Fol có trách nhiệm tường trình vấn đề Cao Đài Giáo về nước nhà với một đề nghị thích ứng. Vì thế cho nên ông muốn biết chính xác hơn nữa những gì thuộc hạ đã trình lên. Ông muốn biết sự thật, và muốn tìm hiểu sự thật đó, mà lương tâm ông đang đòi hỏi có lẽ vì đã được Thượng Đế bổ hoá, như đã nói trước kia.

Vốn đã sẵn biết Quan Phủ Ngô Văn Chiêu là người theo đạo Cao Đài, nên sau khi tiếp nhận tờ Khai Tịch Đạo của ông Lê Văn Trung, ông và bà Le Fol "bỏ thân đi đến tư thất của cụ Ngô Văn Chiêu để được biết rõ thêm về nền tôn giáo. Khi được cụ Ngô cho biết Đức Cao Đài Thượng Đế kỳ này giáng trần mở Đạo bằng linh điển xuyên qua sự phò loan, hai ông bà tự nguyện xin 'phò loan' để biết rõ thực hư. Cụ Ngô Văn Chiêu vui lòng chấp nhận.

Thế là ông bà Le Fol trong một thời gian ngắn đã trở thành Đồng Loan. Cụ Ngô Văn Chiêu là Pháp Đán. Khi cơ lên thì ông bà Le Fol mê man không hay biết chi cả. Cơ lay động mạnh và viết ra một bài thi bằng Pháp văn. Sau khi đàn cơ chấm dứt, hai ông bà tỉnh dậy và lấy làm lạ mà thấy trước mặt mình một bài bằng tiếng Pháp Văn cho hai ông bà biết trước rằng trong một tháng nữa hai ông bà sẽ nhận được tin buồn từ bên Pháp sang. Quả thật đúng một tháng sau, hai ông bà đang

tin ở Pháp gửi qua cho biết một người trong thân nhân đã mất."⁷¹

Thấy sự linh hiển như vậy, Thống Đốc Le Fol cảm thấy trong lòng sự chân thật trong việc ông Lê Văn Trung khai Đạo, và cũng yên tâm một phần lớn về tính chất thuần túy đạo đức của nền tôn giáo. Chúng ta không có được báo cáo và những đề nghị của Thống Đốc Le Fol trình về Tổng Trưởng Thuộc Địa Chính Phủ Pháp Quốc như thế nào, nhưng một sự kiện chúng ta biết là sau một ít lâu, ông Le Fol được triệu hồi về Pháp, và không thấy trở lại Việt Nam nữa. Như thế thì một câu hỏi: Chánh Phủ Pháp, Bộ Thuộc Địa, có hài lòng về bản phúc trình và những đề nghị của ông Le Fol chăng? Chắc có lẽ không, vì Chánh Phủ Pháp không chịu công nhận và cho phép cơ Đạo này hành đạo một cách chính thức, và những Thống Đốc kế tiếp có những thái độ không tốt đẹp gì lắm đối với đạo Cao Đài. Mãi cho đến 13 năm sau, nghĩa là vào khoảng năm 1939, Chánh Phủ Pháp mới chính thức công nhận nền tôn giáo, nhưng cũng một cách ngượng ngịu gượng ép mà thôi.

Có lẽ vì sự hiểu biết, tin tưởng, và kinh nghiệm trực tiếp đối với đạo Cao Đài, ông Le Fol giữ một thái độ ôn hoà, làm cho thuộc hạ bớt làm khó dễ cho các sinh hoạt đạo Cao Đài. Chắc chắn vị lãnh đạo tinh thần cũng thấy được như thế, nên không bỏ lỡ cơ hội tốt đẹp mà triệt để khai thác, và chư Thiêng Liêng cũng hộ trì chư vị không ít. Đúng thế, trong giai đoạn này cơ Phổ Độ tiến triển một cách vô cùng tốt đẹp, gặt hái được những kết quả quá sức tưởng tượng làm cho Chính Quyền cũng như các tôn giáo bạn đều vô cùng ngạc nhiên.

D) Phong trào phổ độ

Sau khi Khai Tịch Đạo rồi, vấn đề pháp lý cũng tạm yên, tâm tư các ông cũng được yên ổn phần nào, nên các ông bắt tay vào việc thi hành Thiên ý, chia nhau đi rải rác các nơi truyền đạo rất hăng say, theo một hệ thống khá rõ rệt được Đức Cao Đài

⁷¹ Theo lời của Đạo Trường Huệ Lương Trần Văn Quế, và được nhiều anh chị lớn xác nhận ... Cũng có nghe rằng Thống Đốc Le Fol muốn lập đàn cơ tại dinh Thống Đốc, nhưng Ôn Trên phán rằng: "Trời đâu có phải ai muốn với đi đâu thì với."

chấp thuận. Quý ông không bỏ lỡ cơ hội, và cũng thừa hành theo đúng tinh thần của Thượng Đế là *Đạo khai triển một ngày là hại cho nhân sanh*.

Các ông chia nhau thành ba nhóm:

1) Nhóm Thứ Nhất, gồm có chư vị Lê Văn Trung, Nguyễn Ngọc Thơ, Trần Đạo Quang, đảm trách các tỉnh: Vĩnh Long, Trà Vinh, Cần Thơ, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Long Xuyên, Châu Đốc, Hà Tiên, và Rạch Giá.

Phò Loan có quý ông Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc.

2) Nhóm Thứ Nhì, gồm có chư vị Lê Văn Lịch, Nguyễn Ngọc Tương, Yết Ma Luật, đảm trách các vùng Chợ Lớn, Gò Công, Tân An, Mỹ Tho, Bến Tre.

Phò Loan có quý ông Nguyễn Trung Hậu và Trương Hữu Đức.

3) Nhóm Thứ Ba, gồm có chư vị Lê Bá Trang, Vương Quan Kỳ, Yết Ma Nhung, đảm trách các vùng Tây Ninh, Thủ Dầu Một, Gia Định, Biên Hoà, Bà Rịa, Sa Đéc.

Phò Loan có quý ông Cao Quỳnh Diêu và Cao Hoài Sang.⁷²

Thêm vào ba nhóm trên còn có một Bộ Phận Giảng Đạo do một số chư vị lão thông về giáo lý đảm nhận, cũng cùng trong một mục đích phổ độ quần sanh, đi khắp các nơi, chỗ nào có người quen biết, và cũng để hỗ trợ và bổ túc cho các nhóm trên. Bộ phận này gồm có chư vị Nguyễn Văn Tương và Nguyễn Văn Kinh.

Chương trình phổ độ này mang lại những thành quả không ai có thể tưởng tượng được, làm cho Chính Quyền Thuộc Địa và các tôn giáo bạn phải sửng sốt, bắt buộc họ phải lưu tâm đến phong trào Cao Đài. Chỉ trong vòng một năm mà

⁷² Hương Hiếu, *Đạo Sĩ II*, 1968, trang 4.

số người nhập môn cầu Đạo "kê ra có mấy vạn người",⁷³ một con số khổng lồ trong thời kỳ đó.

E) Thượng Đế trực tiếp thân môn đệ

Đàn cơ và giáo lý Cao Đài dường như đã đánh trúng tâm linh của người Việt, khơi động những gì họ hằng khao khát từ bao nhiêu năm mà các tôn giáo khác không làm thoả mãn được. Thật thế, sự linh diệu của đàn cơ đã được đồn đãi truyền tụng khắp các nơi. Thêm vào đó còn có danh tiếng và uy tín của chư vị Tiên Khai, nên người đến hầu đàn ngày càng đông đảo, hoặc vì hiếu kỳ, hoặc vì có việc cầu khẩn, hoặc vì lòng tin muốn nhập môn cầu Đạo. Nhưng không phải người nào đến cầu Đạo cũng được Thượng Đế chấp nhận cho nhập môn, thân nhận làm môn đệ của Ngài.

Khi người nào muốn cầu Đạo thì đến hầu đàn, quỳ trước bàn đàn cơ, và khẩn cầu ước nguyện của mình làm thắm không cần phải lớn tiếng cho người ngoài nghe, và cũng không cần phải xưng tên họ của mình. Thượng Đế liền ban một bài thơ, thường thường là tứ tuyệt, trong ấy có khi có ghi tên của cá nhân, nhưng luôn luôn nói đến một vài điều liên hệ đến tánh tình, hoặc đời sống riêng tư, hoặc tâm tư thầm kín của người đó, hoặc khen chê tùy trường hợp. Hễ được nhận thì dưới bài thơ có ghi "Nhận", còn nếu bị từ khước thì ghi "Lui".

Sau đây là một vài trường hợp điển hình:

Ở đàn do ông Nguyễn Trung Hậu và Trương Hữu Đức phò loan, Đức Cao Đài giáng cơ tại Giồng Ông Tố, có điểm danh ông Tích:

*TÍCH đức cho con, TÍCH hỏi con!
Con còn lãng lú lắm nghe con
Con thương con cháu là thương Đạo
Đạo chẳng ở xa, ở tại con.*

⁷³ Hương Hiếu, *Đạo Sĩ II*, 1968, trang 5.

Xong đàn, ông Tích thú thật rằng ông khá khắc nghiệt với con cháu trong nhà, một việc mà người ngoài cuộc hầu đàn hôm đó chẳng ai biết.

Trong một dịp khác, ở đàn Cầu Kho, Đức Cao Đài cho bài thơ sau đây cho một bà tên là bà Bộn:

*BỘN bâng kẻ tới với người lui
Lui tới ngoài vòng tính chuyện vui
Vui Đạo chẳng vui, vui tục sự
Sự thanh sự trước đã quen mùi.*

Nghe bài thơ, ai cũng cười rộ. Sau hỏi lại bà Bộn ý Đức Thượng Đế muốn nói gì. Bà Bộn thú thật là bà vốn trước kia là người xóm làng chơi (tú bà).

Trường hợp của ông Trần Văn Vẽ bị từ khước:

*VẼ mày khéo đến hỏi xin tu
Vợ chịu sao kham với vợ ngu
Hỏi thử ăn chay thì ngán miệng
Đeo theo thịt rượu với BỐN xu.*

Trường hợp của bà Thị Nhờ được chấp nhận:

*NHỜ ai nay dặng nghiệp nhà an
Mà lại cưu cưu muốn phụ phàng
Dưa muối đã cùng nhau cực nhọc
Phải nhìn lấy mặt buổi vinh sang.
(Thâu)*

Có khi Thượng Đế cũng cho mỗi người bốn câu thơ, người này kể tiếp người kia, theo điệu Thủ Vĩ Liên Hườn, gọi tên hàng chục hoặc trăm người mỗi lần. Sau đây là một thí dụ:

Võ Văn Phẩm

*Nên hư chịu lắm rủi cùng may
Thời vận đã nên khiến đến nài
Thầy dạy một điều lo tích đức
Đức kia đầy đủ mới sanh tài.*

(Thâu)

Lâm Văn Lịch

*Sanh tài thì nghiệp cũng gây nên
Toan tính sao ra kế vững bền
Trăm tuổi chưa ai quen nét Thánh
Biết toan đem dưới thuận cùng trên.*

(Thâu)

Ngung

*Cùng trên với dưới giữ khiêm cung
Kẻ nghịch còn toan kế phục tùng
Rộng đức tánh quyền hành ắt rộng
Đứng quen thói tục mượn oai hùm.*

(Thâu)

Lê Trí Huệ

*Oai hùm ai ví Hạng Vương xưa
Hón đánh gây nên thế đón giữa
Thời đạt đầu xanh dầu chẳng toại
Bấy mười Lữ Vọng chẳng chờ trưa.*

(Thâu)

Trần Văn Chiếu

*Chờ trưa e nổi bóng trời nghiêng
Lỡ bước e đưa chẳng gặp thuyền
Thành chẳng chừng năm ba phút chót
Đợi mau qua chóng lẽ làng duyên.*

(Thâu)

Trần Văn Lý

*Lỡ làng duyên phận chớ buồn rầu
Phải có cực nên mới tước cao
Nuong dưới bá tòng chờ tuyết mãn
Non già dầu phải nhúng qua đầu.*

(Thâu)

Cao Văn Phú

*Đầu xanh chỉ khí lập danh cao
Phải ở sao ra mặt khí hào
Dựng đứng cột đồng ai đã xướng
Đánh Nam sừng sừng vững bền trao.*

(Thâu)

vân vân ...

Những bài tứ tuyệt như thế đã ban cho hàng chục, hàng trăm người ở mỗi nơi có đàn, cùng một lúc mỗi đêm, rải rác toàn cả miền Nam nước Việt. Huyền diệu này, cũng như các cuộc chữa bệnh, đặc biệt là những bệnh nan y, hoặc lãng trí, chỉ uống nước lạnh và niệm danh Đức Cao Đài thì khỏi ngay, làm cho dân chúng tin tưởng rất mãnh liệt vào tôn giáo này. Các đàn cơ thâu đạt được những kết quả phổ độ thật đáng kể. Số người cầu chữa bệnh nhiều quá, nên Đức Chí Tôn cũng cho chư vị Tiên Khai giúp thêm tay, nhưng không được kể công lao chi cả. Sau này Đức Cao Đài cho phép con bệnh được chữa bệnh tại nơi nhà mình, không cần phải đến hầu đàn nữa. Sau đây là một bài thơ cho toa thuốc:

*Bạch truật, tinh sao khả phục qui
Tứ quân tu trạch khảo trần bì
Thanh chi hữu hiệp tam phân phụ
Liên thạch cầu đa bát phạt tì.*

Cũng trong giai đoạn này, ngoài đại chúng còn có rất nhiều thành phần thượng lưu, trí thức, công tư chức, luật sư, chính trị gia, bác sĩ, kỹ sư, ... nhập môn cầu Đạo rất đông, và đóng góp vào việc Đạo rất đắc lực. Có thể nói gần hết trí thức miền Nam đều vào đạo Cao Đài, như chư vị: bà Tổng Đốc Tươi, ông bà Tổng Đốc Huỳnh Thái Thông, ông bà Trạng Sư Dương Văn Giáo, ông Đốc Phủ Nguyễn Văn Ca, ông Đốc Phủ Sứ Trần Nguyên Lượng, ông Nghị Viên Nguyễn Thế Hiển, ông Nghị Viên Cao Triều Phát, ông Nghị Viên Nguyễn Phan Long, ông Trưởng Toà Trần Quang Nghiêm, ông Tri Phủ Nguyễn Văn

Đầu, ông Tri Huyện Lê Quang Hộ, ông Tri Huyện Nguyễn Du Hoài, ông Kinh Lịch Hối, ông Nguyễn Văn Đước, ông Nương, bác sĩ Lê Văn Hoạch, bác sĩ Nguyễn Thế Vinh, Giáo Sư Trần Văn Quế, ông Cai Tổng Trương Vinh Qui, ông Cai Tổng Nguyễn Văn Minh, ông Cai Tổng Dương, thương gia Lê Văn Sanh, thương gia Lê Đình Hiền, thương gia Cư, thương gia Lê Kim Ty, Trần Văn Kiệt (văn phòng luật sư), Phan Văn Nhan (Sở Khám Đạp), Phan Trường Thọ (Dinh Hiệp Lý), Trần Văn Minh (Dinh Hiệp Lý), ông Đồi (Dinh Hiệp Lý), Hà Văn Lương (Đông Pháp Ngân Hàng), Nguyễn Văn Thiệt (Sở Hoả Xa), Nguyễn Văn Phùng (Sở Hoả Xa), Trần Văn Tân (giáo viên), Bân (giáo viên), Lataple (Sở Thương Chánh, người Pháp), Âu Tư (tu sĩ Minh Đường), Khuru Kim Ngọc (tu sĩ Minh Đường), Lê Thiện Phước (Phò Loan), Lê Thế Vĩnh (Phò Loan), Nguyễn Văn Mạnh (Phò Loan), Thái Văn Thâu (Phò Loan)⁷⁴, v.v...

Những vị Phò Loan là những vị có một học vấn đặc biệt như văn chương thi phú, Hán học ... ngoài ra sự giáo huấn thường lệ. Với thành phần trên, gồm có tất cả những nhân vật ưu tú, có uy tín, có bề thế rộng lớn trong xã hội về nhiều phương diện, nên Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đã trở thành vững chãi trên cả hai mặt: bề rộng và bề sâu trong quần chúng Việt. Dù Chính Quyền Thuộc Địa có chấp thuận hay không chấp thuận, nền tôn giáo đã trở thành một sự thật, không một ai có thể lung lay nổi. Nền tôn giáo này đã có đầy đủ nhân sự thượng tầng và hạ tầng cơ sở, có hậu thuẫn tài chánh, có hậu thuẫn chính trị Việt - Pháp, có sự tin tưởng của dân chúng, để Thượng Đế vận dụng mà đưa cơ Đạo ra cho toàn nhơn sanh được biết.

Dù có một vài việc bất hạnh trong lúc sơ khai này, nhưng vấn đề nhân sự vẫn được tiến hành một cách tốt đẹp. Nếu việc ông Ngô Văn Chiêu không xảy ra thì thật là toàn vẹn và bảo đảm. Nghĩ lại cũng đáng tiếc thật!

⁷⁴ Đồng Tân, *Lịch Sử Đạo Cao Đài*, quyển II, trang 173 - 174.

F) Ý nghĩa ngày Khai Đạo

Để kết thúc phần Khai Tịch Đạo này, thiết tưởng cũng nên ghi lại Thiên ý để làm chuẩn thẳng cho nền tảng căn bản của cơ Đại Đạo. Sau đây là Thánh giáo của Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc giảng đàn tại Nam Thành Thánh Thất, đường Nguyễn Cư Trinh (Sài Gòn), Tý thời, 28 tháng 8 Canh Tuất (22 tháng 9 năm 1970), do Bộ Phận Hiệp Thiên Đài Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam tiếp diễn:

THI:

*Trở gót đường mây để ít lời
Mừng mừng tủi tủi cố nhân ơi!
Nề xưa nếp cũ vươn hồn Đạo
Nẻo trước đường sau lấp bụi đời
Một kiếp phù sinh đâu đấy nhi
Trăm năm sứ mạng há vầy thôi
Ngọn cờ Đại Đạo trương cao vút
Kẻ ở người đi khỏi ngậm ngùi.*

Hộ Pháp Phạm Công Tắc, Quyền Thượng Tôn Quản Thế Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Chào chư hiền hữu, chào chư đệ muội đàn tiền. Vì muốn sáng tỏ Thiên Cơ trên đường hành đạo, hôm nay Bản Đạo vâng lệnh Đức Chí Tôn, và cũng thay mặt các Tiền Bối quá vãng, đến để nói rõ về ngày 23 tháng 8 và ngày Rằm tháng 10.

Nói đây không phải để cho Nam Thành Thánh Thất, mà để xây dựng tinh thần cho toàn Đạo trong hiện tại và tương lai, làm tròn sứ mạng Tam Kỳ Phổ Độ.

Ngày 23 tháng 8 là ngày Khai Tịch Đạo trên bình diện pháp lý thế đạo. Ngày lễ hôm nay đã đánh dấu một ngày trước đây đã đi vào lịch sử của văn minh nhân loại, một chứng nhân của cuộc đời, một xác nhận của văn kiện thế gian đã được ghi nhận. Chính giờ phút ấy,

một động lực đã thúc đẩy tiến đến công cuộc hoàng khai Đại Đạo Rằm tháng 10.

Hơn nữa nó cũng thể hiện một chấp nhận thực sự của con người về hiện hữu không thể chối từ được của Đại Đạo. Sự mạng cứu thế đã chính thức trải dài trên đường tối âm u thế sự. Sự mạng này hiển nhiên huy hoàng và sáng chói đến tận cuối thời gian và không gian. Dòng lịch sử của đời, dầu muốn hay không muốn, đã phải đánh dấu một bước tiến, một giá trị không ngờ. Thời gian cho đời trang điểm lên khuôn mặt của sự mạng mới, không gian sẵn sàng để thử thách mỗi bước chân của sự mạng mới.

Con người hãy hãnh diện lên, vì ánh sáng đã đến với bóng đêm. Con người hãy vui mừng lên, vì nguồn suối tươi mát đã khởi dòng giữa cuộc biến thiên nóng bỏng của đời. Nhân thế đã chấp nhận cái hờ hững để hứa hẹn một sự nồng nàn thâm thiết về sau. Thời đại mới, hãy khơi động một lối đi vững chãi, xây dựng một thế hệ mới cho đăm chồi nảy tược.

Hỡi ai đã vun phân tưới nước, đã cẩn thận, hãy cẩn thận hơn; đã siêng năng, hãy siêng năng hơn; và thánh thiện, hãy thánh thiện hơn. Thế cuộc sắp đi vào mùa đông rét buốt. Đại Đạo, một cứu cánh của Thượng Đế, đã soi rọi vào cuối ngõ âm u để dẫn đường cho nhơn sanh vững chân về Thánh Địa. Đoàn người bước trước của Dân Tộc Được Chọn đã hi sinh bằng mọi cách để Khai Tịch Đạo.

Ngày Khai Tịch Đạo là ngày gióng tiếng chuông cảnh giác để kêu gọi nhơn sanh hãy chuẩn bị tâm linh trong mùa thu, sẵn sàng trước mùa đông tiến tới. Ngày Khai Tịch Đạo 23 tháng 8 là ngày Thiên Cơ hé mở để hoà hợp với tác động của thế nhân. Tác dụng của ngày này là nhằm vào cuộc diện tận độ kỳ ba của non sông nhân loại.

Khai Tịch Đạo để ánh sáng soi các giá trị đổ vỡ của xã hội nhân loại. Có hiểu được đối tượng mới khắc phục

được đối tượng. Có rõ tha nhân mới xây dựng được tha nhân. Cái giá trị vĩ đại nhất của ngày Khai Tịch Đạo không phải là uy quyền cai trị của đạo pháp, mà trái lại chính là sự giải thoát cường quyền, khai phóng mọi buộc ràng, chèn ép của khuôn khổ ngăn cách, để khơi nguồn mạch sống tràn lan huyền diệu trên tâm linh của con người cũng như thế sự. Quyền pháp lần đầu tiên đã khai sanh vi diệu dưới ngọn đèn phàm nhân của cuộc đời, một dấu vết lịch sử phải để cho thiên hạ ngày sau nhắc nhở, cúng bái, hay thương tiếc.

Mỗi một biến cố, một hoạt động trên lịch sử đều mang mặc một mục đích để đạt đến kỳ vọng cao siêu. Những người đi sau phải thấu hiểu lòng thể hiện hoặc thâm sâu của công cuộc, ngõ hầu chông chất quyết tâm tiếp nối sứ mạng của người đã đi qua và đã nằm xuống. Đừng thiên cận quên mất, để cái giá trị đó chôn vùi với thời gian, theo những hời hợt của dòng đời.

Ngoài làm việc nghĩa, người phụng sự Thiên cơ, người vạch lối chỉ đường cho xã hội, cho nhân loại, đâu phải để cho người đi sau mình hằng năm nhắc nhở, nhớ đến và cúng tế. Nếu chỉ có bao nhiêu ấy thì cái giá trị chính đó không cao hơn gì ngọn cỏ lau tranh.

Đành rằng người tiếp nối theo sau dĩ nhiên bốn phận là nhắc nhở tôn thờ. Điều quan trọng để nhớ ơn và thể hiện tinh thần người tiếp nối phải làm thế nào để người ra đi không hờn tủi vì chưa ai biết đến cái kỳ vọng để đạt đến tiêu đề thâm diệu của tâm hồn mình qua những việc đã làm lúc hiện tiền. Đó mới chính là bốn phận của những ai đi sau.

Nhắc lại một lần nữa ở đây, hiểu hết toàn diện các sự kiện ấy, truyền bá và tiếp nối, mới là ý nghĩa của mỗi khi làm lễ kỷ niệm nào, và đừng nghĩ là dịp lễ bái, dịp trưng bày của một phẩm vị nào mà lu mờ chánh pháp của Đại Đạo.

Điều mà Bản Đạo muốn nói với toàn Đạo hôm nay là sự sáng tỏ của ngày Khai Tịch Đạo.

Bản Đạo đến với nhân sanh hôm nay là để làm cho toàn Đạo hiểu rõ ý nghĩa ngày 23 tháng 8. Có sáng tỏ được Thiên ý và nhân sự mới vững, hăng hái tiến hành trên đường thể Thiên hành hoá. Có sáng tỏ được ý nghĩa ấy mới thấy được trách vụ của người hành đạo, người hướng đạo là trọng đại. Có sáng tỏ được như vậy để tìm hiểu tất cả bề mặt lẫn bề trái của cuộc đời hầu đem Đạo cứu đời. Có sáng tỏ được như vậy để hầu đem Đạo vào đời, xây dựng đời trở nên hiền lương thiện mỹ.

Một chuỗi diễn tiến khi Chí Tôn đến Việt Nam này để khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, từ Dương Đông, Phú Quốc, từ Vĩnh Nguyên Tự đến Thánh Thất Cầu Kho nay Nam Thành Thánh Thất, đến Gò Kén rồi Tây Ninh. Mỗi một nơi đều có công trạng, một lịch sử riêng biệt của từng hạt chuỗi, nhưng đặc thù của nó vẫn là một khâu chuỗi và một dân tộc được chọn có sứ mạng trong Tam Kỳ Phổ Độ. Từ cái thai nghén đến cái khai sinh trưởng thành to rộng, không một cách khoảng nào. Để thành hình, từ cái vỏ hạt nhân đến cái mầm hạt nhân, sự sanh cây trở lá, nảy tược sanh cành, đơm hoa kết quả, mỗi một giai đoạn đều có tính cách riêng biệt của nó, nhưng trên sự diễn tiến vẫn liên tục để trưởng thành.

Thời kỳ truyền Đạo trong Tam Kỳ Phổ Độ cũng Thượng Đế đến trần gian cũng phải tạm mượn những phương tiện, tiến hành những giai đoạn để cứu rỗi nhân loại trong mạt hạ. Đại Đạo khai minh kỳ ba độ tận nhân loại trên mọi phương diện của cuộc đời. Thế nên, sứ mạng trọng đại của người hướng đạo phải được xem là cần thiết và liên tục để thực hiện mục đích tối thượng cùng hoài bão trọng đại của Chí Tôn Thượng Đế.

Hỡi ai là những hàng Thiên Phong Chức Sắc! Hỡi ai là những bậc hướng đạo độ đời! Hãy ý thức trách nhiệm của mình để đi gần lại nhau, đem tình thương hoà ái chan hoà cho nhau, đem những kinh nghiệm sống hỗ trợ cho nhau. Hãy giữ gìn quyền pháp, đạo luật. Hãy bảo tồn thanh thế của Chí Tôn. Chung nhau thị hiện

mục đích cao cả, ấy là Đạo cứu đời. Đừng chia tay xẻ cánh, đừng mượn chiếc áo Chức Sắc Thiên Phong để gửi cái ta trong đó. Được như vậy thì ngày hoà hiệp thành Đạo không phải còn xa vời.

Đây Bản Đạo trở lại vấn đề ngày 23 tháng 8. Ngày này là ngày Khai Tịch Đạo để mỗi người trong tâm thành chí thiện ý thức kết hợp thành một khối, để chuẩn bị đủ đủ kiện cho ngày Rằm tháng 10, Khai Minh Đại Đạo trước nhân loại, trước quốc tế. Hai việc làm, hai thời kỳ, có hai tác dụng. Một là hướng ngoại để xem thấy cuộc đời là đau thương, khổ lụy hầu tìm phương cứu độ. Một hướng nội để biết mục đích căn bản của Đạo và cứu cánh của Đạo để liệu sức mình hầu thể hiện cho có kết quả.

Khi còn sanh tiền, một lần Bản Đạo đã nói: 'Trong mỗi người có hai phần: một là cái ta, con người bằng nhục thể; hai là Chức Sắc Thiên Phong. Cả hai vẫn là tôi tớ của Thầy. Nhưng dầu tan xương nát thịt một kiếp sống còn tạm bợ của ta này không đâu lấy chi gọi rằng hai, duy cái hai là trách vụ Chức Sắc Thiên Phong không thi hành đúng mục đích và hoài bão đối với nhơn sanh, với hiện tình cơ Đạo. Trước mặt Thầy, tính coi tội lỗi biết mấy. Đó là bốn phận không nhất thiết phải dành riêng cho Toà Thánh Tây Ninh, mà là của tất cả Thiên Phong Chức Sắc trong Đại Đạo.

Hỡi những hàng thiện tâm hành đạo! Hỡi những bậc hướng đạo độ đời! Hãy nhìn đềm trường dày đặc mà có thấp lên ngọn đuốc soi đường. Hãy nhìn hố sâu vực thẳm mà sẵn sàng dùng chân bên bờ. Hãy nhìn dòng thủy triều đang dâng lên mà lo dọn nhà đóng bè. Hãy can đảm dũng mãnh nhận lấy trách nhiệm trước nhơn sanh để giống hồi chuông cảnh tỉnh, kéo con người trở về với cuộc đời thực tại. Hãy đem những liều thuốc thần diệu mà trị lấy chứng bệnh trầm kha của cuộc đời ly tán. Đừng yếu hèn, đừng nhút nhát, đừng trốn tránh trách nhiệm. Trước cơn bệnh đang hoành hành, thì dầu

sớm hay muộn rồi cũng chỉ còn sót lại một người cuối cùng thế thôi.

Ngày Khai Tịch Đạo tháng 8 năm nay, để nhắc nhở cho những ai đã ưu tư vì Đại Đạo, đã đồng lao cộng khổ trên quãng đường dài tế nhân độ thế kiêm điểm lại quá trình hầu tìm phương tiến tới. Một dân tộc được chọn! Một dân tộc được đặc ân trong trách nhiệm! Hãy hoan hỉ tràn ngập tâm linh để đón nhận mọi trách nhiệm. Đừng để phải hối hận nuối tiếc mà nhìn đoàn người chết khát bên bờ suối, đàn chiên chết đói trên đồng cỏ xanh, đoàn người chết đói bên vựa lúa vô tận.

Những bóng đen chập chờn bao phủ trùm lên số kiếp của mọi dân tộc. Người hướng đạo phải vượt mình lên trên mọi khuôn khổ nhỏ hẹp để quan sát toàn diện cuộc đời. Quan sát để thấy rõ chứng bệnh triền miên. Quan sát để biết tận cùng bề mặt lẫn bề trái của cuộc đời để tìm phương cứu chữa. Đó là mặc nhiên đặt mình vào cuộc đời để hướng dẫn cuộc đời từ tối tăm ra sáng lạn, từ đau khổ đến hạnh phúc, chớ không phải quan sát để vì đời rồi sa lầy vào bến mê tân khổ của cuộc đời.

Đạo có thành hay không là do người hành đạo, bực hướng đạo ý thức và triệt để thực hành đến mục phiêu của Chí Tôn đã vạch. Đạo thành là ngày muôn dân đồng hát câu tình thương, hoà ái, và tiến bộ. Có như vậy, ngày kỷ niệm Khai Tịch Đạo cùng Khai Đạo hằng năm mới đúng ý nghĩa của nó.⁷⁵

Tiết II. Khánh thành Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ (1926)

A) Thánh Thất Gò Kén

Như bài Thánh giáo trên đã dẫn giải, thì ngày Khai Tịch Đạo (23 tháng 8 âm lịch) cũng được gọi tắt là ngày Khai Đạo. Đây

⁷⁵ Đàn cơ tại Nam Thành Thánh Thất (Sàigòn), Tý thời ngày 25 tháng 8 Canh tuất (22 tháng 9 năm 1970) do Bộ Phận Hiệp Thiên Đài Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam tiếp diễn.

là một ngày rất quan trọng trong Đạo vì nền tôn giáo được chánh thức khánh thành, ra mắt với tất cả nhơn sanh ở thế giới này, theo lệnh của Thượng Đế. Đây cũng là lần đầu tiên trong lịch sử, nước Việt có một tôn giáo của mình dành cho toàn thể nhân loại, một sự việc mà Chính Quyền Thuộc Địa Pháp mấy năm sau gọi là "Project Immense" (Chương Trình Vĩ Đại), theo lời của một quan toà dự thẩm Pháp.

Đức Thượng Đế dạy chư môn đệ phải ngưng các đạo sự để tất cả thời giờ lo về đại lễ này cho kịp thời giờ đã được Thiên Liêng ấn định. Công việc rất nhiều, đặc biệt là cần phải có một nơi thích nghi cho lễ này. Tưởng cũng nên nhắc lại là sau khi Đức Thượng Đế giảng đàn Tý thời mừng một Tết Bính Dần (1926) cho phép gọi nền tôn giáo là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, thì người nhập môn cầu Đạo thật như vỡ bờ: thường dân có, thượng lưu trí thức có, bác sĩ có, luật sư có, công tư chức có, giáo viên có, nghiệp chủ có, thương gia có, chính trị gia có, hoà thượng yết ma tu sĩ có, già trẻ bé lớn, ... các tầng lớp quần chúng trong xã hội Việt. Đức Chí Tôn trực tiếp thấu môn đệ hàng vạn.

Trong số người cầu Đạo có Hoà Thượng Như Nhãn, nữ danh Nguyễn Văn Tường, pháp danh Tư Phong, hành đạo tại chùa Giác Hải ở Phú Lâm (Chợ Lớn). Hoà Thượng là người đã qui y cho bà Lâm Ngọc Thanh, một đại điền chủ ở Vũng Liêm (Bạc Liêu), và cũng qui y cho ông Tri Huyện hàm phong Nguyễn Ngọc Thơ, một nghiệp chủ giàu có ở Sài Gòn. Hai vị này sau kết duyên với nhau; Hoà Thượng Như Nhãn cũng là người đi quyền tiền các tín đồ để xây một chùa Phật gọi là Từ Lâm Tự, tục gọi là Thiền Lâm Tự (Gò Kén).

Hoà Thượng Như Nhãn được ông bà Nguyễn Ngọc Thơ giới thiệu đi hầu đàn cơ Cao Đài nhiều lần, và sau này được Đức Thượng Đế đại phong Chương Pháp phái Thái, với đạo hiệu là Chương Pháp Thiền Sư Linh Diệu Đạo Sĩ.

Hoà Thượng có tự nguyện hiến dâng chùa Từ Lâm Tự cho Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ để làm thánh thất, và cũng vì thế cho nên chùa được gọi là Thánh Thất Gò Kén hoặc Chùa Gò Kén. Ấy là vào tháng 7 năm Bính Dần (tháng 8 năm 1926).

Việc Hoà Thượng Như Nhãn hiến dâng chùa để làm thánh thất Cao Đài xây ra thật đúng lúc mà cơ Đại Đạo đang cần một nơi thờ phượng cúng kiến tươm tất hơn, đủ tiện nghi hơn, trang nghiêm hơn, vì cho đến ngày nay các đàn cơ đều được lập tại tư gia hoặc tại nơi nào mượn được. Việc này cũng xảy ra ngay sau lúc chư vị Tiên Khai mới vừa khai tịch Đạo nên lòng chư vị thấy nhẹ nhàng như cỡi truật được một cái gì nặng nề nghệt thở. Nay lại được hiến một nơi để làm thánh thất nữa thì thật là hữu hạnh. Chư vị Tiên Khai rất mừng và an lòng. Với niềm tin tưởng và hớn hờ khích lệ đó, chư vị liền chia nhau rải rác đi các nơi ở miền Nam để lập đàn cơ phổ độ nhân sanh. Việc phổ độ đang tiến hành hết sức tốt đẹp thì vào ngày 13 tháng 8 năm Bính Dần (18 tháng 9 năm 1926), Đức Chí Tôn ra lệnh chư vị phải tạm ngưng các việc phổ độ, phải trở về Sài Gòn để lo chuẩn bị tổ chức cuộc Đại Lễ Khánh Thành Cơ Đạo tại Thánh Thất Gò Kén vào ngày Rằm tháng 10 năm Bính Dần. Đức Chí Tôn dạy:

Thầy có việc nói cùng chư môn đệ. Thầy mời chư nhu xuất ngoại một chút. Một giây phút Thầy sẽ kêu vào.

Các con! Thầy đã lập thành Thánh Thất, nơi ấy là nhà chung của các con. Thầy lại qui Tam Giáo, lập Tân Luật trong Rằm tháng 10, có Đại Hội cả Tam Giáo nơi Thánh Thất, các con hay à. Sự tế tự sửa theo Tam Kỳ Phổ Độ cũng nơi ấy mà xuất hiện ra, rõ à!

Thầy nhập ba Chi lại làm một là chủ ý qui tụ các con trong Đạo Thầy lại một nhà; Thầy làm Cha Chương Quán, hiểu à! Từ đây trong nước Nam duy có một Đạo chơn thật là Đạo Thầy, Thầy đã đến lập cho các con, gọi là Quốc Đạo, hiểu à! Thầy phải buộc các con hiệp chung trí mà lo vào đó, nghe à!

Từ đây các con sẽ cực nhọc hơn, vì Thầy phân phát phận sự cho mỗi đứa, vì chẳng vậy, các con sanh nạnh nhau, tựa hồ chia phe phân phái là điều đại tội trước mặt Thầy vậy, nghe à!

Các con phải ngưng mọi việc mà chung lo trong Đại Hội.⁷⁶

Chư vị Tiền Khai y lệnh Thầy trở về Saigon để lo sắp xếp các việc. Trong các việc cần phải chuẩn bị trước nhất và khó xử nhất, vấn đề Thánh Thất Gò Kén, là nơi phải được xử dụng để làm địa điểm cho buổi Đại Hội. Vốn chùa Từ Lâm Tự đã được "hiến dâng" cho Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ mặc dầu, nhưng chủ chùa vẫn là Hoà Thượng Như Nhân. Và theo nghĩa "hiến dâng" hồi lúc đó, thì các sinh hoạt tại chùa ấy phải được chủ chùa thông qua. Chư Tiền Khai đã cảm thấy trong lòng một cái gì hơi khúc mắc cần phải điều đình với Hoà Thượng.

Vì tính cách lịch sử của giai đoạn này, chúng tôi cảm thấy cần nên ghi lại tường tận đầu đuôi sự việc để hiểu thật rõ.

Tại sao Hoà Thượng Như Nhân lập chùa Từ Lâm Tự? Mục đích chánh của Hoà Thượng là cốt để chấn hưng nền Phật Giáo đang xuống dốc hồi ấy. Muốn làm việc này, Hoà Thượng nghĩ cần phải có nhân tài, vì lẽ tạo tự thì dễ, chứ tạo Tăng thật rất khó. Trong lúc này Hoà Thượng đang tìm nhân sự có tài. Có nhiều người đến cầu Hoà Thượng nhận cho, nhưng cho đến giờ phút này, chưa có một ai được như ý mong muốn. Trong lúc Hoà Thượng đang ưu tư về vấn đề nhân sự đó, thì có phái đoàn của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đến viếng. Trong phái đoàn có người Hoà Thượng đã quen thân từ lâu như ông bà Nguyễn Ngọc Thơ. Ông Lê Văn Trung hướng dẫn phái đoàn.

Phái đoàn Cao Đài rất am tường và thấu hiểu tâm tư và mục đích của Hoà Thượng đang theo đuổi, đặc biệt là hạng nhân sự Hoà Thượng đang tìm kiếm. Rất khéo léo, ông Lê Văn Trung thanh minh rằng "tuy rằng người ngoài gán cho Cao Đài cái danh từ 'tu Tiên', chứ kỳ trung phong trào Cao Đài là phong trào chấn hưng Tam Giáo: Nho, Thích, Lão, dưới hình thức một tôn giáo mà mục đích cuối cùng là hướng dân qui thiện, tái lập đời thuần phong mỹ tục, tế thế độ nhơn". Ông Trung cũng đề cập đến việc bên Cao Đài cũng thờ Phật Thích

⁷⁶ *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển và Tân Luật Pháp Chánh Truyền*, Toà Thánh Tây Ninh, 1972, trang 39.

Ca và Phật Quan Âm. Hơn nữa, ông cũng nói rằng trong nghi lễ niệm thức Cao Đài cũng có nhiều chỗ giống như bên Phật Giáo. Chắc ông Trung cũng có ám ý trong câu chuyện cho Hoà Thượng hiểu rằng bên Cao Đài có nhiều nhân tài, đạo đức, trí thức tài ba, nhưng cần Từ Lâm Tự để làm địa điểm khánh thành nền tôn giáo, và hai bên cần giúp lẫn nhau trong việc chấn hưng phong tục và tế độ quần sanh.

Ông Trung là một chánh trị gia nổi tiếng trong thời đó, nên chắc lời nói của ông cũng như cách trình bày hấp dẫn thế nào mà Hoà Thượng rất chăm chú nghe. Lòng hơi xiêu nhưng chưa dứt khoát hẳn. Trong khi Hoà Thượng còn đang do dự, suy nghĩ nửa muốn nửa không, ông Trung liền đề nghị thiết lập đàn cơ tại nơi chùa để lãnh ý của Thiêng Liêng. Hoà Thượng bằng lòng, và một đàn được thiết lập ngay trước Đại Hùng Bửu Điện trong chùa Giác Hải (Chợ Lớn). Nhị vị Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc phò loan.

Thầy giảng cơ, xưng danh khá đặc biệt là "Thích Ca Mâu Ni Phật viết Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát Chuyển Phật Giáo Nam Phương". Kết quả là Hoà Thượng đồng ý để cho Cao Đài sử dụng chùa Từ Lâm Tự để làm Đại Lễ Khánh Thành Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Thánh giáo ấy nay hãy còn ghi trong quyển Thánh Ngôn Hiệp Tuyển và Tân Luật Pháp Chánh Truyền, trang 125, đề ngày 15 tháng 8 năm Bính Dần (21 tháng 9 năm 1926). Hoà Thượng cũng đồng ý để cho lập trai đàn ba hôm: 14, 15, 16 tháng 10 Bính Dần (ngày 18, 19, 20 tháng 11 năm 1926), dưới danh nghĩa là "Phật Giáo Chấn Hưng" hay là "Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ", dịch ra tiếng Pháp để dùng trong lúc này là: "Bouddhisme Rénové" ou "Troisième Amnestie de Dieu en Orient", và Hoà Thượng cũng đồng ý cùng ký tên thiệp mời quan khách với ông Trung.

Cũng vì tình thế khẩn trương cần phải có một nơi để làm Đại Lễ Khánh Thành mà chư vị uyển chuyển một cách ngoại giao để dịch "Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ" ra tiếng Pháp bằng "Bouddhisme Rénové", chứ thật sự chư vị biết dịch như thế là gượng ép lắm, nói một cách hết sức nhẹ nhàng và ngoại giao. Tình thế bắt buộc, và cũng vì lẽ đó nên mới có phần dịch sau là "hay là Troisième Amnestie de Dieu en Orient". Hai

phần dịch này đối chiếu nhau chẳng có ăn chung gì với nhau cả. Có lẽ phần dịch thứ nhì "Troisième Amnestie de Dieu" mới thật đúng nghĩa của "Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ".

Dù sau, việc cần thiết là được nơi làm Đại Hội. Nay được việc phái đoàn Cao Đài rất mừng; các việc được như ý muốn nhờ Đức Chí Tôn trợ tay giúp sức. Ông Trung liền làm đơn xin phép với Chính Quyền Thuộc Địa tại Sài Gòn. Giấy phép cấp và gửi cho ông Trung đề ngày 7 tháng 10 năm 1926 (mùng 3 tháng 10 Bính Dần).

Vậy Thánh Thất Gò Kén hồi ấy như thế nào?

B) Chuẩn bị trước ngày Đại Hội

Gò Kén là một vùng đất khá rộng, tọa lạc tại làng Long Thành, tỉnh Tây Ninh, gần biên giới Kampuchea, rất sầm uất, chưa được khai phá. Từ Lâm Tự được cất trên một đồi, khởi công từ đầu năm 1926, trong một cánh đồng mênh mông chừng năm mẫu tây,⁷⁷ có rừng chồi, bụi rậm, và một ít cây cỏ thụ chung quanh. Muốn đến chùa, chỉ có hai cách: hoặc dùng đường thủy, hoặc dùng đường bộ mà nay là quốc lộ Sài Gòn -Tây Ninh mà thôi. Có thể nói rằng đó là một nơi xa xôi, sơn cùng thủy tận.

Khi Hoà Thượng Như Nhân tình nguyện "hiên dăng" chùa cho Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ vào tháng 7 Bính Dần (tháng 8 năm 1926), thì chùa mới vừa xây cất xong, chưa sơn phết, sân chùa trắng xi măng, đường đi vào tận cửa chùa làm, cây cối bụi rậm chưa đốn, cỏ mọc um tùm chưa cắt. Ông Nguyễn Ngọc Thơ mới bỏ tiền ra để công quả dọn dẹp sạch sẽ ở phía ngoài, trồng bông trồng kiềng, đốn cây cắt cỏ. Ông cũng cho làm đường để cho xe hơi chạy tới cửa chùa. Ông cho xây cất nhà tịnh chung quanh, và cho sơn phết trong ngoài, trang hoàng rất tươm tất. Các việc phải làm ngày đêm để kịp ngày Đại Lễ.

Ơn Trên còn dạy ông Thơ phải xây một tượng Phật Sĩ Đạt Ta, cỡi ngựa trắng, có người hầu trung tín Xa Nặc chạy theo sau, lia bỏ điện ngọc đèn vàng, chạy vào rừng thiêng đi

⁷⁷ Mẫu Tây (hectare): 2471 acre Mỹ.

tìm chơn lý. Tượng xi măng cốt sắt, cao bằng hai hình người thiệt, và phải được đặt ngay trước chùa, ngó vào chánh môn.

On Trên giao ông Lê Văn Trung trách nhiệm đứng tên mời quan khách, công tư chức Pháp Việt, và người ngoại quốc ở tại và gần Sài Gòn, trong số ấy có Toàn Quyền Đông Dương, Thống Đốc Nam Kỳ, và nhiều công chức cao cấp, thượng lưu trí thức, chính trị gia, nghiệp chủ, thương gia, v.v..., và mở cửa rộng cho tất cả dân chúng đến xem. Đức Chí Tôn cũng để nhiều thời giờ dạy bảo rất tường tận và tỉ mỉ cách thức xếp đặt, trang hoàng, nghi thức cúng kiến, hành các lễ, làm các phép, cũng như các việc tiếp rước quan khách. Chi chi cũng được chỉ dẫn rất chu đáo, trọn vẹn, như một người cha phàm dạy các con vậy. Đức Chí Tôn dạy:

"Lễ Thánh Thất phải chia ra làm Lễ, Khách, Xuất, Thâu" cho cả ba ngày 14, 15, 16 tháng 10. Và Đức Chí Tôn không cho nhận tiền hành hương.

Các chi tiết được ghi trong bài Thánh giáo sau đây:

Ngọc Hoàng Thượng Đế viết Cao Đài Giáo Đạo Nam Phương.

Phải làm một nghi án trước điện dạy mặt vô bẫy ngại, hình vuông bốn mặt, trên như nóc chùa, kết hàng cho đẹp, nơi ấy phải kín, bốn phía ra vô có màn, Thầy giảng cơ tại án ấy. Nghe à!

Lễ Thánh Thất chia ra làm Lễ, Khách, Xuất, Thâu. Vậy thì Thầy nói về Lễ trước.

1) Việc Lễ. Thầy giao Chánh Sự cho Trang, Phó Sự cho Nhung, Phụ Sự cho Ý. Nghe à! Như Ý không chịu thì Lịch phải thế. Vậy thì Chánh Sự là Trang làm đầu. Thầy lại thêm ba vị nữa cho các con rộng dùng là Mùi, Văn, Đạt. Thầy lại hỏi thêm 12 đứa nữa, ai tình nguyện?

Lê Văn Sanh, Nguyễn Xuân Quang, Lê Thế Vinh, Trần Văn Bản, Dương Văn Hoài, ... Sơn, ... Hườn, Nguyễn Văn Mùi.

2) Về việc Khách. Khách thì Tương là Chánh Sư, Luật là Phó Sư. Thầy muốn đem Hoài vô đặng không Lịch? Voi là Phụ Sư; Lai, Sơn, Thành là giúp Thầy. Hỏi 12 đũa tình nguyện.

Giỏi, Bản, Tuất, Tiếp, Trò, Giảng, Học, Kỳ, Tường, Hòn, Kinh, Đôn.

3) Về Thâu. Thì Thơ, Như Nhân, Đạo Quang. Thầy hỏi hai đũa Châu Lục, Châu Tuất.

4) Về việc Xuất. Xuất thì Lịch, Xai, Hoà (Phủ Hoà, Càn Đước). Thầy hỏi hai đũa Kỳ, Lục ... Kiều, Vinh.

5) Nghe Hành Lễ con Trang:

Chương Pháp, Đầu Sư: Thầy định ba ngôi Chương Pháp, ba ngôi Đầu Sư đều có vị.

Phối Sư. Còn Phối Sư thì là Trang, Tương, Thơ là Chánh. Còn 33 vị nữa thì tùy theo ngày phong sau trước đứng nơi theo đó.

Giáo Sư. Rồi tới 72 Giáo Sư, cũng tùy theo ngày thọ sắc mà phân sau trước.

Giáo Hữu. Kế nữa là 3000 Giáo Hữu, cũng tùy theo Thiên phong mà đứng theo hàng ngũ Phái Thượng, Phái Thái, Phái Ngọc vậy.

Phò Loan... tiếp nối theo sau ngay chính giữa nơi bàn Hộ Pháp thì Đức, Hậu, Trang, Nghĩa.

Bên mặt thì Mạnh, Phước, Mai, Nguyên.

Bên trái thì Đãi, Kim, Tươi, Chương.

Hộ Pháp. Con lại để dựa bên bàn Hộ Pháp hai cái ghế, rồi làm hai cây phướn đề Thượng Phẩm, Thượng Sanh.

Thượng Phẩm. Bên mặt Hộ Pháp là Thượng Phẩm.

Thượng Sanh. Bên trái Hộ Pháp là Thượng Sanh.

Đưa cây Thượng Phẩm cho Mùi, cây Thượng Sanh cho Vinh, cầm hầu hai bên.

Trần Cờ Ngũ Phương. Tại Đông phương, Tây phương, Nam phương, Bắc phương. Lửa 12 đũa đồng nhi cầm cờ. Còn giữa thì giao cho Hậu, Nghĩa, Đức.

Lịch hiểu à!

Khi hành Đại Lễ cho Thầy rồi thì Lễ Sanh xướng: "Thiên Phong hoán tấy" cả thầy đều ra rửa mặt mày cho tinh sạch. Chờng xướng: "Chỉnh Túc Y Quan" thì cả thầy phải thay Thiên phục.

Lễ Sanh xướng "Lập Vị" thì đứng theo hàng ngũ cũ như trước. Hành lễ y như tại chùa Vĩnh Nguyên Tự, nghe Lịch.

Còn Nữ Phái thì đều phải mặc đồ trắng trước hành lễ.

Thiên Phong Nữ Phái thì Cư, Tắc phải vào Nghi Án phò lập Tịch Đạo phò loan cho Thầy phong Nữ Phái trước và lập Tịch Đạo luôn nữa nghe.

Trần Thần. Chờng mặc Thiên phục rồi thì Cư, con chấp bút nhang cho Thầy trần thân mỗi người và nơi mình chư Thiên Phong rồi mới hành lễ.

Nhớ biểu Nam Phái đứng chẳng hét ở giữa thì qua bên tả của Thầy, song phải phân hàng ngũ đẳng cấp chúng nó cho tử tế chớ không đặng lộn xộn.

Hành Lễ. Còn bao nhiêu môn đệ đứng tiếp theo sau. Thầy dặn hành lễ rồi thì phái biểu Lễ Sanh xướng: "Thiên Phong phò loan" đặng Thầy lập Pháp Truyền Chánh Pháp.

Cư, Tắc phải để Thiên Phục vậy phò cơ nghe.

Thầy sẽ giao nhạc cho Mỹ Ngọc, Lễ, và Nhơn.⁷⁸

Ngày hôm sau, Đức Thượng Đế lại giảng đàn nữa và chỉ dạy thêm:

Khi môn đệ mặc đồ thường vào, con cũng phải sắp đặt địa vị chúng nó.

⁷⁸ Hương Hiểu, *Đạo Sĩ II*, 1968, trang 13 - 15.

Tụng kinh hành lễ thường vừa rồi, con biểu Cư, Tắc rửa mặt, rửa tay cho tinh khiết, biểu chúng nó vào nơi Nghi Án cho Thầy phong sắc Chư Môn Đê Lục Tinh xong, kể lập Nữ Phái. Con phải giúp em con là Đường Thị, Lâm Thị, và Ca Thị lập vị bên Nữ Phái cho trang hoàng.

Chờng Thầy thắng, biểu hai đũa nhỏ ra đứng nơi bàn Hộ Pháp nơi cũ, chờng Lễ Sanh xướng: "Chỉnh Túc Y Quan" thì biểu 12 đũa Phò Loan sắp ba hàng kể đó, biểu Đạt đi.

Kể đó là Tắc, Cư, Sang đi hai bên, nữa thì ba vị Chờng Pháp (biểu Nhân theo hộ Thụ), kể nữa thì ba vị Đầu Sư (biểu Tạ theo Trung, còn Hoằng theo Thiện Minh), kể nữa ba vị Chánh Phối Sư, kể nữa Chức Sắc đủ ba đũa; ba đũa ra thay đồ Thiên Phục khi đặng nửa giờ phải đổ chuông ba hiệp, cho tới hiệp chót, biểu Lễ Sanh xướng: "Lập Vị" thì lại đi như này mà trở vào. Nhớ biểu hai đũa cầm phướn Thượng Phẩm, Thượng Sanh đi gần bên Cư, Sang.

Vào lập vị, hành Đại Lễ như buổi Vĩnh Nguyên Tự, nghe Lịch à ... là đã hết một đêm đầu.

Kể đêm sau, thì là đêm Thiên Phong cho cả chư môn đệ và là đêm các con phải thành tâm trai giới cho Thầy lập Pháp Chánh Truyền.

Đêm thứ ba, các con cũng lập vị cúng thường ngày. Xong hai đũa nhỏ mặc Thiên Phục vào Nghi Án cho Thầy giảng. Rồi việc Lễ.

Khách ... Còn việc Khách thì Tương, con phải chia 12 đũa Phụ Sự thành ba ban. Một ban bốn đũa dãi Thượng Lưu và Lang Sa, một ban dãi bộn Trung Lưu, một ban dãi bộn Hạ Lưu, song phải cắt ba vị Phó Phụ Sự ra ba ban đặng cai quản. Còn con thì lo việc tiếp các Quan Lang Sa.

Việc Phòng Trì, con cũng nên sắp đặt, nhưt là đừng khi nào khiếm lễ cùng ai hết.

Về việc Xuất: Tới việc Xuất thì ba vị chấp sự mỗi đều ký giấy tử tế cho đủ ba người mới cho xuất tiền ... cười ... Thầy làm như vậy đặng dự phòng lãng phí, nghe à!

Về việc Thâu: Còn sự Thâu, Trang con khéo tính lắm, Thầy khen và cảm ơn con, song phải lo thu xếp cho em Thơ con nó bớt tốn kém tội nghiệp, nghe con.⁷⁹

Đức Chí Tôn phân công cho môn đệ thật đủ các chi tiết, nhưng lúc đó Thánh Thất Gò Kén chưa có người về trụ trì tại đó, cũng như chưa có ai lo về nội dịch. Ngài mới ra lệnh cho chư môn đệ chánh và một số nữ phái phải về Thánh Thất:

Thầy biểu Hiếu vào nghe, Thầy mượn một chút.

Con lên kêu Nhiều (bạn ông Phạm Công Tắc) đến với con đặng Thầy dạy việc nhà ...

Hiếu, Nhiều, hai con phải sắm sửa dọn nhà về Tây Ninh. Từ đây, Cư, Tắc phải lo Đạo, các con phải đành chịu khổ cực cùng Thầy như hai đứa nó vậy mới đáng con cái Thầy. Thầy lấy làm chua xót, mà Đạo là trọng mới biết liệu sao?

- Hiếu bạch: Thưa thầy, con vâng.⁸⁰

- Nhiều, sao con? (Thầy hỏi).

- Nhiều bạch: Còn mẹ già.

-(Thầy dạy:)- Nó đi theo với con. Mặc kệ nó để đó cho Thầy. Con cứ tuân lệnh Thầy mà thôi. Thầy ban ơn cho con.

Hiếu, con phải chăm nom, gìn giữ em con, nghe.⁸¹

Tất cả chư Tiên Khai Nam Nữ đều dọn nhà về Thánh Thất để kịp ngày hành lễ. Thật là một thể hiện đức tin tuyệt đối nơi

⁷⁹ Hương Hiếu, *Đạo Sử II*, 1968, trang 15 - 17.

⁸⁰ Tiên Khai Hương Hiếu về Chùa Gò Kén nhằm ngày Khai Đạo cùng với chư Anh Lớn khác, tới Chùa đúng 5 giờ chiều ngày 14 tháng 10 năm Bính Dần (18 tháng 11 năm 1926).

⁸¹ Hương Hiếu, *Đạo Sử I*, 1968, trang 103 – 104 hay *Đạo Sử II*, 1968, trang 18.

Thầy, một lòng một dạ hi sinh cho Đạo. Một nghĩa cử các hậu tấn phải luôn tưởng nhớ, ghi tâm, đừng khi nào quên. Thương Thầy mến Đạo là thế đó!

Phân nhân sự hành đạo như thế cũng tạm xong. Còn nghi tiết cúng kiến, kinh kệ, đạo phục, Thiên phục, đại phục, tiểu phục, áo, giày, v.v... thì Đức Chí Tôn đã lần lần dạy dỗ ngay sau khi cho danh xưng nền tôn giáo, nghĩa là bắt từ đầu năm Bính Dần.⁸²

Công trình Thầy lập Đại Đạo tại thế này thật là dày, thể hiện ra cái đại từ đại bi, tình thương vô biên của người Cha đối với con cái, nhân sanh ở cõi trần này. Không có một việc gì mà Ngài không nghĩ đến, không ưu tư, không chỉ dạy. Đức Thượng Đế là một người Cha hoàn toàn: giáo huấn cho "ăn, nói, gói, xách", đời Đạo cả hai bên.

C) Ba ngày Đại Hội

Ngày giờ thâm thoát, ngày 14 tháng 10 âm lịch đã đến. Tất cả môn đệ có trách nhiệm đều về đông đủ, sẵn sàng giúp Thầy mở Đạo Nam Phương.

1) Ngày Thứ Nhứt, khai Đại Hội, đúng giờ, đúng khắc, như chương trình đã dự định; các cái đều thông suốt tốt đẹp.

Tôi đến, 14 rạng Rằm tháng 10 Bính Dần (18 tháng 11 năm 1926), Thầy giá lâm, truyền sắc như sau:

*Hào Nam Bang! Hào Nam Bang!
Tiểu Quốc tảo khai Hội Niết Bàn
Hạnh ngộ Cao Đài truyền Đại Đạo
Hào phùng Ngọc Đế ngự trần gian
Thiên ân tế chúng thiên tai tận
Nhược thiệt nhược hư vạn đại ân
Chí bửu nhơn sanh vô giá định*

⁸² Xem Tiết XIV, Phần Một.

*Năng tri giác thế Sắc cao ban.*⁸³

Dịch Nôm:

Duyên thay cho Việt Nam! Duyên thay cho Việt Nam!
Nước nhỏ này sớm khai Hội Niết Bàn (Đại Hội Long Hoa)
Có phước được gặp Đức Cao Đài truyền Đại Đạo
May duyên được Đức Ngọc Đế ngự xuống trần gian
Ban ân Trời cứu chúng sanh các thiên tai đều hết
Có thiệt có không muôn đời được bình an
Thật là của chí báu không thể nào đánh giá được
Những ai ý thức hãy rõ Sắc Lệnh của Trời ban.

Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế nay sắc lệnh rằng nước Việt Nam được chọn là nơi thiết lập Đại Hội Long Hoa, thường được gọi là Ngày Phán Xét Cuối Cùng, có duyên phước được Đức Cao Đài Ngọc Đế giáng trần tại nơi đó để truyền Đại Đạo, chuyển lập một đời thái bình an lạc cho toàn thể nhân sanh đời đời sắp tới. Đây là một hồng ân vô giá, và tất cả phải ý thức mà hưởng ứng Sắc Lệnh của Trời.

Thật là hồng phúc cho nước Việt Nam và dân tộc Việt. Nếu dân tộc đó, và nước đó biết mà hưởng ứng, ý thức được một Đại Ân Huệ, và một Đại Trách Nhiệm vì ý thức, thì thiệt là phước đức. Mong thay! Phước của Trời dành cho, thật là ngàn năm một thuở!

Sắc lệnh xong, Thượng Đế ân ban Tịch Đạo cho Nữ Phái như đã định, và một lần nữa dạy chư môn đệ "cử hành lễ theo lời dặn".⁸⁴

2) Ngày Thứ Nhì là ngày Rằm tháng 10, ngày chánh lễ đối với nhân sanh ở ngoài. Số người đến tham dự đông không thể tưởng tượng, cho đến đôi khoảnh đất năm mẫu Tây⁸⁵ của

⁸³ *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển và Tân Luật Pháp Chánh Truyền*, Toà Thánh Tây Ninh, 1972, trang 90.

⁸⁴ Hương Hiếu, *Đạo Sĩ II*, 1968, trang 19.

⁸⁵ Hơn 12 acres Mỹ.

Thánh Thất Gò Kén không đủ chỗ đứng. Người đến tham dự phải chen sát cánh nhau, chật nghẹt cả sân Thánh Thất. Người đông chưa từng thấy bất kỳ trong một buổi hội họp nào trong thời kỳ đó. Ngoài người Việt và người Pháp ra, hiện diện có người Huê Kiêu, Ấn Độ, Kampuchia, Chăm, Lào, Thượng, như là người Ta Moun, vùng núi Bà Rá (Hớn Quản), đoàn thể các tôn giáo bạn. Người Việt đến từ các nơi ở Hậu Giang Lục Tỉnh và miền Trung nước Việt. Nhưng phải nói số người rộ rịp nhất là người Kampuchia.

Người Kampuchia vượt biên giới bất chấp lệnh cấm của Hoàng Gia họ. Họ đến rất đông, lượt này đến lượt khác, không ngày nào không có. Sở dĩ có việc như thế là vì họ nghe Sãi Cả của họ báo tin có thấy Đức Phật cưỡi ngựa trắng chạy về phương Nam: "Đức Phật đã cưỡi ngựa chạy về phương Nam rồi, không còn ở xứ ta nữa!". Khi người Kampuchia nghe như thế, họ kêu nhau rần rần rộ rộ kéo nhau vượt biên giới chạy sang Tây Ninh, gần sát biên giới của nước họ. Khi họ đến Thánh Thất Gò Kén, họ thấy sừng sững giữa trời, trước ngay Thánh Thất một tượng Phật cưỡi ngựa trắng, có người hầu trung tín chạy theo chân ngựa, họ bèn la lớn lên: "Đây rồi! Đây rồi!", và ùn nhau chạy vào Thánh Thất làm lễ hàng loạt, loạt này xong đến loạt kia, cho đến người chót lễ xong mới thôi. Thật là ồn ào náo nhiệt!

Người Thượng, người Chăm cũng kéo nhau đến bằng xe trâu, xe bò, với tất cả gia đình của họ, mang theo nào là nồi niêu gạo thóc, nấu nướng, ăn ngồi dưới bóng các cây chung quanh chùa, dầm mưa dãi nắng lưu lại cho đến ngày mãn lễ mới chịu lên đường trở về quê quán.

Còn chung quanh Thánh Thất thì xe hơi đầy nghẹt hơn bốn trăm chiếc.⁸⁶ Trong thời kỳ đó mà có bốn trăm xe ô tô đến dự lễ là một việc hết sức lạ thường, một quang cảnh hiếm thấy được trong thời kỳ đó ở miền Nam xứ Việt. Chính Quyền Thuộc Địa tại Sài Gòn rất lo ngại, và các tôn giáo hết sức ngạc

⁸⁶ Theo lời Giáo Sư Trần Văn Quế (Huê Lương), người có mặt tại buổi lễ ngày hôm đó.

nhiên. Người Pháp hồi đó gọi là một "grand évènement" (một biến cố lớn lao).

Quang cảnh ở Gò Kén hôm đó là một rừng người, một rừng màu sắc: áo vàng nghệ của Phái Tri Bình Khất Thực, áo màu đà của Cổ Sơn Môn, áo màu tím và màu đen huyền của người Việt, áo dài trắng khăn đóng đen của người Cao Đài, áo tây trắng của số đông. Đông như thế mà chẳng có một việc đáng tiếc nào xảy ra; ai ai cũng đều nhã nhặn, trật tự, và hoà nhã, không một tiếng cãi cọ, la ó. Thật là lạ, là huyền diệu. Thế mới gọi là Thánh Địa.

Ngày Rằm hôm nay là ngày Hội Thánh đầu tiên của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ ra mắt nhân sanh, dân tộc Việt, và quan khách được mời. Thật ra đây chỉ là một số nhỏ Chức Sắc quan trọng nhứt đứng ra để cáo tri sự hình thành của cơ Đạo mà thôi. Những Giáo Phẩm khác của Hội Thánh sẽ được phong nhiệm sau. Những Chức Sắc đầu tiên ra mắt ngày hôm nay là: Thượng Đầu Sư Lê Văn Trung (Thượng Trung Nhựt), Ngọc Đầu Sư Lê Văn Lịch (Ngọc Lịch Nguyệt), Ngọc Chưởng Pháp Trần Đạo Quang, Chánh Phối Sư Nguyễn Ngọc Thơ (Thái Thơ Thanh), Chánh Phối Sư Nguyễn Ngọc Tương (Thượng Tương Thanh), Chánh Phối Sư Lê Bá Trang (Ngọc Trang Thanh), Giáo Sư Vương Quang Kỳ (Thượng Kỳ Thanh), và các Lễ Sanh: Đoàn Văn Bản, Nguyễn Văn Tường, Lê Văn Giảng, Lê Văn Giỏi; ban Hiệp Thiên Đài thì có chư Ngài: Hộ Pháp Phạm Công Tắc, Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư, Thượng Sanh Cao Hoài Sang.

Lễ Sanh không phải thành phần chính thức trong Hội Thánh, nhưng cũng được Thiên phong. Còn chư vị khác được trong Đạo gọi là Đại Thiên Phong Chức Sắc.

Khi làm lễ ra mắt, chư Chức Sắc Thiên Phong và Lễ Sanh đều mặc đạo phục đại lễ. Những đạo phục này rất mới lạ, với đặc sắc hoàn toàn theo văn hoá Á Châu với ý nghĩa cổ truyền của dân tộc Việt. Người Việt Nam khi thấy đạo phục Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, lòng bồi hồi hân hoan cảm thấy dường như khi được duyên may xui khiến tìm lại được cái gì quý báu nhất, thiết tha nhất, trân trọng nhất của đời mình đã thất lạc từ lâu. Cũng thấy tinh thần mình quật khởi, tâm can xúc

động đến cực điểm vì lần đầu tiên thấy văn hoá mình được mang ra công hiến để phụng sự cho nhân loại cả hoàn cầu thế giới. Người Âu Châu nói chung và người Pháp nói riêng hôm ấy cũng mục kích được tận mắt chiều sâu và chiều rộng của một nền văn minh đạo đức thường được nghe hoặc thường được đọc, nhưng chưa hề thấy áp dụng thực tiễn để giúp đời như thế nào. Sự việc ấy phải làm cho họ suy nghĩ rất nhiều, nhưng có học được bài học hay chẳng là một vấn đề khác nữa. Còn những người Á Châu khác cũng thấy phấn khởi trong lòng, vì chúng kiến được một sự tiêu biểu của một niềm tin mãnh liệt của một dân tộc đang bị đô hộ, bị cưỡng bách đồng hoá, niềm tin ở một tương lai vinh quang rực rỡ rằng văn minh nhân bản của Á Châu sẽ mang lại một ngày mai thanh bình an lạc cho nhân loại, thay thế cái văn minh vật chất của thực dân diệt chủng Tây Phương.

Chư Đại Thiên Phong Chức Sắc, trong bộ đồ đại lễ Thiên phục, ra mắt nhơn sanh giữa một cảnh tung bừng rực rỡ của một ngày lịch sử. Hàng vạn con mắt theo dõi từng chi tiết của một cuộc lễ trọng thể, vô tiền khoáng hậu, vừa mới, vừa lạ, vừa qui mô, nhưng với tánh cách hoàn toàn Việt Nam, hoàn toàn đạo đức. Ai ai cũng lấy làm lạ, lấy làm ngạc nhiên. Còn Chính Quyền Thuộc Địa lẽ tất nhiên là không bỏ lỡ cơ hội để theo dõi chặt chẽ, cho người thâm nhập lẫn lộn vào để phá khuấy, hầu tạo những điều kiện thuận lợi để tiêu diệt cái phong trào tôn giáo dân tộc đang lên này. Nếu trước kia Chính Quyền Thuộc Địa chưa làm được gì để phá hại cơ Đại Đạo thì nay phải là lúc quyết liệt hơn, vì thấy cái đà tiến mạnh, tiến mau, và đã trở thành một phong trào quốc gia đại chúng của nó.

Nhưng trong khi buổi Đại Hội đang tiến hành tốt đẹp như thế thì một việc không may xảy ra một cách quá bất ngờ, làm cho ai ai, luôn cả Chính Quyền Thuộc Địa, cũng phải hoang mang hoảng hốt. Ấy là chuyện Qui Nhập Trang. Sự việc xảy ra như sau:

Theo chư Tiên Khai có mặt hôm đó kể lại thì trước ngày Đại Hội, Đức Chí Tôn đã để rất nhiều thời giờ chỉ dẫn mọi cách thức, nghi lễ, và các phép Trấn Thần, tất cả hết sức rành mạch và tỉ mỉ. Đức Chí Tôn có giao trách nhiệm làm phép

Trần Thần để ma quỷ đừng nhập vào đàn nội phá khuấy. Ông Lê Văn Lịch, chắc có lẽ vì phóng tâm trong khi thừa hành phận sự nên sơ ý bỏ quên một hướng không trấn thần. Hậu quả là ma quỷ lợi dụng hướng bỏ trống đó nhập vào đàn trung phá bình sự trang nghiêm của buổi lễ.

Trong khi người người đang chăm chú theo dõi sự tiến hành của cuộc Đại Lễ thì bỗng nhiên ai nấy đều muốn "lên đồng",⁸⁷ gần như không còn làm chủ lấy mình được nữa. Điềm tà nhập vào cô Vương Thành Chi, con gái ông Vương Quang Kỳ, xưng là Phật Bà Quan Âm. Tà ma cũng nhập vào ông Lê Thế Vinh, và xưng là Tề Thiên Đại Thánh. Hai người này nhảy vào đàn trung nắm tay nhau nhảy múa,⁸⁸ làm cho đàn nội trở thành náo loạn, mất hết trang nghiêm. Nhiều vị hầu đàn, chư Chức Sắc, và rất nhiều tín đồ thấy thế đâm ra hoang mang, hoảng sợ, rồi lần lượt kéo nhau ra về. Đối với những người này, buổi lễ không còn linh hiển nữa.

Còn ở phía ngoài Thánh Thất, thì những người tham dự thấy thế cũng ngỡ ngác, không hiểu có chuyện gì xảy ra mà người ta bỏ ra về như thế. Nhưng rồi tiếng đồn rĩ tai nhau bay ra khắp các nơi làm cho ai ai cũng thất vọng bỏ ra về không ít. Đến chiều ngày Rằm, một số người chán nản, một số mất đức tin, cũng lui thủ ra về bỏ cuộc. Trong những vị có trách nhiệm hôm đó, chỉ còn lại quý ông Lê Văn Trung, Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Lê Văn Lịch, và Hoà Thượng Như Nhãn. Trong những quan khách người Pháp, chỉ còn lưu lại có Đại Úy Monet, một quân nhân Pháp từng sự trong Chính Quyền Thuộc Địa ở Bắc Kỳ lúc đó, thuộc môn phái Thông Linh Học Âu Châu.

Trong bầu không khí uể oải, và trước một việc lạ lùng xảy ra quá đột ngột mà không ai có thể ngờ được, chư vị có trách nhiệm phải tự hỏi 'tại sao?', và phản ứng đương nhiên là phải cầu Thầy bạch hỏi tự sự. Chư vị lập đàn, có Đại Úy Monet tham dự. Khi cơ chuyển thì Đại Úy liền làm phép cắt điện theo

⁸⁷ Theo lời Giáo Sư Trần Văn Quế (Huệ Lương), người có mặt tại buổi lễ ngày hôm đó.

⁸⁸ Theo lời Giáo Sư Trần Văn Quế (Huệ Lương), người có mặt tại buổi lễ ngày hôm đó.

cách thức của Thông Linh Học Âu Châu, ngăn không để cho Thiên điển giáng, với hậu ý là thử sự chơn giả của đàn cơ. Nhưng cơ vẫn chuyển như không có chi khác thường. Phép của Đại Úy Monet không có hiệu quả, làm cho Đại Úy phải công nhận rằng đây là huyền diệu của Thiêng Liêng. Đại Úy tiếp tục hầu đàn.

Thượng Đế giá lâm, và không để cho chư vị bạch hỏi điều chi, liền khiển trách:

Cả chư môn đệ Thầy lập phép để làm gì? Thầy dạy sắp đặt lễ ... Làm không trúng.

Tái cầu:

Thầy các con... Cười....

Thầy chẳng biết đến chùng nào Thầy dạy cho các con hiểu Thánh ý Thầy dạy.... Cười.

Thầy dạy ... Lịch nghe đây:

Phải trấn đàn từ phía góc Thánh Thất, chứ chẳng phải nơi ở giữa mà thôi. Rồi làm Đại Lễ như buổi ở tại chùa Vĩnh Nguyên Tự.

Nớ đừng phát cờ lộn nữa, nghe à.

Bời tại con nên ra đến đối, hiểu à.

Thầy dạy con một điều này nữa: Từ đây khá làm theo lời Thầy dạy, đừng biến cải, nghe à.⁸⁹

Kế đó Thượng Đế gọi Đại Úy Monet bằng tiếng Pháp:

Monet et V. Venez près d' ici. Croyez-nous qu'il est impossible à Dieu de faire ce qu'Il veut faire?⁹⁰

Dịch:

Monet và V., đến gần đây. Hai con tưởng Thượng Đế không thể làm những gì Thượng Đế muốn hay sao?

⁸⁹ Hương Hiếu, *Đạo Sĩ II*, 1968, trang 19 - 20.

⁹⁰ Đồng Tân, *Lịch Sử Đạo Cao Đài*, quyển II, trang 183.

Nhân cơ hội này, Đức Thượng Đế cũng dạy thêm Đại Úy một vài việc nữa, và giao cho một vài trách nhiệm Đạo, tỏ lòng thương của người Đại Từ Phụ.

Đức Thượng Đế cũng dạy tiếp tục hành lễ:

Thiên Phong lập vị.

Chương Pháp lập vị.

Đầu Sư toạ vị.... Khá hành lễ.

Chư môn đệ nhập nội cho nghiêm trang. Mỹ Ngọc, con phải biểu nhạc đờn đủ bầy bài.

Thầy buộc tái cầu đặng Thiên phong nghe.

Thầy ngư.⁹¹

Ý của Đức Thượng Đế là muốn các việc hành lễ phải nghiêm trang hơn nữa, và được tiếp tục như thường. Và sau khi Thiên phong một số nhỏ Chúc Sắc, Thầy dạy:

Các con nghe.

Đau dạ ôm thương dụng pháp hình

Dừng vì Cha mến tổn oai linh

Một phen thử thách đều trôi hết

Thầy buộc lập công khá hết tình.

Và ra lệnh như sau:

Đêm nay các con phải thành tâm cầu nguyện đặng ngày mai Thầy lập Pháp Chánh Truyền, nghe à.

Thầy không phong sắc cho ai hết đặng phạt tội ngã lòng.⁹²

3) Ngày Thứ Ba là ngày chót trong chương trình chính thức đã ấn định. Tuy bị khảo đảo nặng nề, cuộc lễ vẫn tiến hành theo chương trình không có chi trở ngại nữa.

⁹¹ Hương Hiếu, *Đạo Sĩ II*, 1968, trang 20.

⁹² Hương Hiếu, *Đạo Sĩ II*, 1968, trang 22.

Chánh thức là cuộc Đại Hội chấm dứt vào ngày 16, nhưng sự thật thì cuộc lễ vẫn tiếp tục kéo dài cho đến ba tháng sau. Đến ngày Rằm tháng Giêng năm Đinh Mão (1927), Thượng Đế ra lệnh buộc phải chấm dứt.

Dù rằng có Quỷ Nhập Tràng, dù rằng có những lời bài bác mỉa mai trên báo chí, dù rằng bị người ngoài cười chê nhạo báng, dù rằng nhiều vị Thiên Phong Chúc Sắc mất đức tin ngã lòng, nơi Thánh Thất người vẫn tiếp tục đến hành hương không ngớt, chập nức trong ngoài. Họ đến từng đoàn để hoặc làm lễ, hoặc để xin cầu Đạo. Việc này làm cho chư vị có trách nhiệm trong Đại Hội được an ủi, xoa dịu một phần nào, và mang lại một không khí hoan hỉ, giúp các Ngài lấy lại sự bình tĩnh, và nung đúc đức tin hơn nữa. Có lẽ số người đến Thánh Thất nhập môn cầu Đạo hàng mấy trăm mỗi ngày cho đến ngày chấm dứt Đại Hội cũng chưa ngừng, làm cho các Ngài càng tin tưởng mãnh liệt hơn nữa. Trong ba tháng, từ Rằm tháng 10 Bính Dần đến Rằm tháng Giêng Đinh Mão, số tín đồ nhập môn lên hàng vạn, phần nhiều là người Miên và người Thượng.

Sự việc này làm cho người ngoài càng hoang mang, và Chính Quyền Thuộc Địa ngạc nhiên không ít.

D) Kết quả ngày Đại Hội

Đại Hội đã thành công mỹ mãn. Dầu muốn hay không Cao Đài Giáo Việt Nam đã thành một sự hiển nhiên, bây giờ khó cho ai có thể tiêu diệt được. Đến đây đã chấm dứt một giai đoạn quan trọng trong việc thành lập Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Tương cũng nên nhận xét một vài sự việc trong giai đoạn này:

1) Việc Đại Úy Paul Monet đến dự Đại Hội, và ở lại hầu đàn sau biến sự Quỷ Nhập Tràng, phải là một hành động chính trị quan trọng của nhà cầm quyền thuộc địa đương thời đối với Cao Đài.

Như ta đã biết, Đại Úy Monet là một nhân viên quân sự cao cấp từng sự tại Bắc Việt, nay được đặc nhiệm về Sài Gòn để dự cuộc Đại Hội này. Đại Úy được chọn đặc biệt cho việc này vì bối cảnh Thông Linh Học của ông. Đặc nhiệm là phải xem xét và báo cáo bề trong của cơ Đạo này nói chung, và buổi Đại

Hội này nói riêng. Có lẽ vì những báo cáo của nhân viên Việt Nam khác từ trước tới nay, nhà cầm quyền thuộc địa chưa vừa ý lắm. Tâm ý này, chắc có lẽ chư Tiên Khai cũng am tường lắm lắm, và mong muốn cho Đại Úy thấy rõ ràng và hiểu một cách vô tư những sự thật của những gì chư vị đang làm. Sự thật đó là Đạo thành thật không phải chính trị trong cái nghĩa của thực dân đang nghĩ và nghi ngờ, mà trái lại là cái hoài bão thực hành những gì của Thượng Đế, Cha chung của nhân loài, đã dạy: Đại Đồng Huynh Đệ, Bình Đẳng, Công Bình, Từ Bi, Bác Ái, và hơn nữa phục hưng nền văn minh dân tộc mà chư vị rất hãnh diện không chịu để bị đồng hoá.

Chư Vị Tiên Khai cũng muốn Đại Úy Monet chứng kiến lòng thành thực, đức tin nơi Đạo và Thượng Đế, và hơn hết là sự quang minh chính đại các việc làm của chư vị và tín đồ Cao Đài, mong ước được Chính Quyền Thuộc Địa am tường một cách rõ ràng và chắc chắn. Vì thế cho nên chư vị rất tự nhiên để cho Đại Úy dùng những phép "ngăn điện" của Thông Linh Học của Đại Úy để thử đàn cơ, và sẵn sàng nghe những lời khuyên nhủ của Đại Úy là chẳng nên lập đàn cơ khi có rất đông người như thế đó.

Đức Thượng Đế cũng không bỏ lỡ dịp để giúp một tay cho chư vị Tiên Khai. Ngài gọi Đại Úy Monet và một người Pháp nữa tên V. nào đó, và dạy Monet như sau:

Monet! Tu es designé par Moi pour accomplir une tâche ingrate mais humanitaire. Tu relèves par tes nobles sentiments la décadence d'une race millénaire qui a sa civilisation. Tu te sacrifies pour lui donner une vraie morale. Voilà une toute faite pour ton œuvre. Lis toutes mes saintes paroles; cette doctrine sera universelle.

Si l'humanité la pratique, ce sera la paix promise pour toutes les races.

Tu feras connaître à la France que l'Annam est digne d'elle.

*Tu as assez pour ce soir.*⁹³

Dịch ra Việt Ngữ:

Monet và V. Hai con đến gần đây.

....

Monet! Thầy chỉ định con lãnh một vai trò bạc bẽo nhưng đầy nhân đạo. Con vì tâm tính cao thượng mà cứu vãn sự thoái hoá của một dân tộc kỳ cổ đã có một văn minh riêng biệt của nó. Con phải hi sinh để đem lại cho dân tộc ấy một nền đạo lý chơn chánh. Đây là một nền đạo lý đã vạch sẵn cho công nghiệp của con.

Hãy đọc các Thánh ngôn của Thầy; giáo lý của Thầy là một giáo lý dành cho cả nhân loại. Nếu nhân loại thực hành giáo lý này thì sẽ có hoà bình mà Thầy đã hứa từ lâu cho tất cả các dân tộc.

Con phải làm cho nước Pháp biết rằng nước Việt Nam xứng đáng với nước Pháp.

Thôi bấy nhiêu đó cũng đủ lắm rồi cho con tối hôm nay.

Trước khi ân ban mấy lời trên, Thượng Đế đã cho Đại Úy Monet thấy sự chơn giả của đàn cơ, và quyền lực của Ngài. Sau đó, Thượng Đế vừa xoa dịu, vừa ra lệnh, vừa đề cao cá nhân của nhân viên cao cấp trong Chính Quyền, vừa bổ nhiệm cho làm một Thiên Sứ. Những tế nhị ngoạn mục của một ngôn đôn ngoại giao tuyệt đẹp này đã đặt nhân viên cao cấp Monet vào một cái thế chẳng đặng đừng. Đã có sẵn lòng tin nơi Đấng Trọn Lành, nay lại được tận mắt thấy cái huyền diệu của Thượng Đế, chắc Monet phải viết một bản báo cáo thật khách quan hay ít nhất cũng không đến nỗi có phương hai hoặc thất thiệt về Cao Đài Giáo.

On Trên đã gọi hai người, nhưng chỉ dạy cho một mình Monet mà thôi. Không những thế mà lại còn trọng dụng nữa,

⁹³ *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển và Tân Luật Pháp Chánh Truyền*, Toà Thánh Tây Ninh, 1972, trang 46.

một Thiên Ân chưa có một người Pháp nào được hạnh hưởng như thế. Thật là hi hữu cho Monet, một hi hữu mà người phàm thường gọi là Monet có mặt đúng nơi, đúng lúc, mà người trong Phật Giáo gọi là duyên, và người Cao Đài cho là Thiên ý hoặc Ôn Trên vận chuyển.

Không phải ông V. nọ không có duyên, nhưng Đại Úy Monet là người có trách nhiệm tường trình về buổi Đại Hội này và về Cao Đài Giáo. Đại Úy là người chủ động. Ông V. phải là người chứng cho những lời Đại Úy Monet ghi xuống. Hai ông này phải phụ hoạ với nhau để cho bản tường trình được có giá trị vô tư của nó. Đức Cao Đài giúp về mặt vô vi để hai ông người Pháp hoàn thành sứ mạng với người bản xứ của hai ông là Chính Quyền Thuộc Địa Pháp ở Đông Dương.

Ta không có bản tường trình đó để coi Đại Úy Monet viết những gì, nhưng việc chúng ta biết là Chính Quyền Thuộc Địa vẫn đề cho nền tôn giáo hoạt động một cách công khai, trong toàn cả xứ Việt Nam và các nước lân cận, dù không được hoàn toàn tự do như ý muốn. Nghĩ lại trước kia, khi lập Ki Tô Giáo, đất nước thì rộng mênh mông, không người cai quản cho xuể, dân lại ít, nên đầu nền tôn giáo Ki Tô bị kỳ thị, nhưng vẫn còn có chỗ xa xôi để làm nơi an toàn hầu xây dựng cơ sở. Chứ ngày nay, lập cơ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ trong một mảnh đất bé hẹp như miền Nam xứ Việt, không nơi an toàn ẩn tránh, ngay dưới sự kềm kẹp của thực dân tàn nhẫn độc ác, kỳ thị, với chính sách đồng hoá mà Ki Tô Giáo là tôn giáo của chính thể, thì thật hết sức khó khăn, phức tạp. Lập Đạo được, và đạt được những kết quả rực rỡ như nay ta đã thấy cũng như duy trì được trong một thời gian dài hầu còn ngần chưa đầy hai năm, nhất định phải là một huyền diệu, và huyền diệu ấy chỉ có Thượng Đế làm được mà thôi.

Trong tình trạng đô hộ đương thời, mà mỗi khi có buổi hội họp nào hơn hai mươi người phải có phép của nhà cầm quyền thuộc địa, cuộc Đại Hội qui mô, vô tiền khoáng hậu, thay vì ba ngày kéo dài đến ba tháng, mỗi ngày hàng trăm người nhập môn, mà không có một cản trở nào của nhà cầm quyền, thật là một việc phi thường chưa từng thấy trong hơn nửa thế kỷ qua. Phi thường cho đến đời mà chính sách đàn áp

luôn luôn sẵn sàng của thực dân với quân đội, khí giới đạn dược, phi cơ tàu chiến, và với cả thế giới cùng một luận điệu "mạnh được yếu thua" và dân Á, Phi là những "dân hạ tiện phải được văn minh hoá", cũng chẳng dám làm gì như đã làm với các phong trào khác của dân tộc. Tại sao thế?

Tại vì, như Thượng Đế đã dạy, "đạo đức thắng bạo tàn là lẽ thường", và "tinh thần thắng vật chất", chứa đựng trong câu kinh đầu tiên được Cao Đài Thượng Đế dạy là: "Đạo gốc bởi lòng Thành, Tín, Hiệp", mà môn đệ của Thầy nói chung, và chư Tiên Khai nói riêng, đã thực hành đúng đắn, nghiêm chỉnh, vâng lời Thượng Đế một cách đương nhiên, không đắn đo, không do dự vì "tư lợi, tư quyền, tư kỷ".

Chư Tiên Khai, Đại Thiên Phong Chức Sắc, thay Thầy đề hành đạo tại thế này, đã trọn đức tin với Đức Chí Tôn mà thành tâm thiện ý hiến dâng tình thương chân thật cho nhân sanh, trong ấy có cả dân tộc nước Pháp, để tạo một thế giới Đại Đồng Huynh Đệ, trên căn bản Từ Bi, Bác Ái, Công Bình, Bình Đẳng, hầu hưởng hồng ân của Thượng Đế là an lạc, thái bình, hạnh phúc, vỡ bụng ngậm cơm. Sự thành thật của chư Tiên Khai vô cùng thành thật, thành thật cho đến đời đời mà Chính Quyền Thuộc Địa không thể nào tìm ra được cái chi bất hảo ẩn ý đối với họ để họ có thể đưa ra những lý lẽ để bách diệt như đã nhiều lần triệt để thi hành trước kia với các phong trào khác.

Đức Thượng Đế vận dụng và tận dụng sự hiện diện của Đại Úy Paul Monet trên nhiều bình diện: đức tin Thượng Đế, lòng tin chắc Cao Đài là chánh đạo, tâm lý thường tình của một công chức cao cấp trong chính quyền thống trị, để ra lệnh dạy chuyên cho Chính Quyền Pháp và dân tộc Pháp một thông điệp của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ mà nội dung chư Tiên Khai đã và đang thực thi một cách công khai và trung thực dưới sự chứng kiến của Đại Úy.

2) Việc Quý Nhập Tràng

Sau khi xảy ra vụ Quý Nhập Tràng trong ngày Rằm, Đức Chí Tôn giáng cơ khiến trách chư vị có phận sự đã làm sai những "phép" Thầy đã dạy làm, và chỉ thoáng qua nói đó là "Thầy

dùng phép thử Thánh"⁹⁴ hay là "một phen thử thách"⁹⁵. Chỉ có thể thôi, và Đức Chí Tôn tiếp tục công việc Đạo đã định trong mấy ngày kế tiếp, cho đến ngày 17 tháng 10 (21 tháng 11 năm 1926) khi lập xong Pháp Chánh Truyền, một tài liệu tối quan trọng cho cơ Đạo.

Việc Đạo cấp bách và quan trọng xong xuôi, Đức Chí Tôn mới đề cập trở lại việc Qui Nhập Trạng, và hỏi ý kiến của môn đệ. Ông Mỹ Ngọc, hồi ấy đang lo về Nhạc Lễ, có bạch:

- *Bạch Thầy, tại vài ông Thiên Phong làm chuyện lồi thối, nên mới có quỷ yêu xung nhập.*

Thầy dạy:

- *Phải, bởi cái lếu của chúng nó mà sanh việc ngày hôm nay.*

Mỹ Ngọc:

- *Bạch Thầy, trong môn đệ có nhiều người ngã lòng.*

Thầy hỏi:

- *Bất bình lắm hả?*

Mỹ Ngọc:

- *Nhưng trong Thiên Phong có vài ông thối.*

Thầy dạy:

- *Cũng có nhiều chó, sao con nói ít vậy con?*

Đức Chí Tôn cũng cho biết rằng có nhiều môn đệ "sàm biện về việc ấy"⁹⁶, và trách rất nặng lời:

Ta sẽ cho những kẻ thờ Ta với miệng lưỡi, chó chẳng phải thờ Ta với lòng dạ, biết oai quyền Ta thế nào. Ta nói thiệt, tốt hơn kẻ ấy đừng sanh ra ở thế này hơn là có sống mà đã chết. Quản chi một lũ ma hồn quỷ xác mà phải nhọc nhằn cho Ta đường này.

⁹⁴ Hương Hiếu, *Đạo Sử II*, 1968, trang 19.

⁹⁵ Hương Hiếu, *Đạo Sử II*, 1968, trang 21.

⁹⁶ Hương Hiếu, *Đạo Sử II*, 1968, trang 34.

Chúng nó dám mượn màu dối thế mà bêu dạng trước mặt Ta. Khổ cho những kẻ ấy, khổn cho những kẻ ấy.⁹⁷

... Thầy cũng muốn phạt chúng nó cách nặng nề, nhưng Thầy nghĩ lại mà thương đó chút.⁹⁸

Vì thương con dại mà Đức Đại Từ Phụ cũng tha thứ cho, nhưng cũng dễ dàng khuyên lơn những người con ngoan khác:

Các con chớ nên phiền hà chuyện Thánh Thất. Chuyện xảy ra, ấy cũng là một bước trắc trở trong đường Đạo của Thầy, ... nhưng cũng là Thiên Cơ.... Thầy phải cực lòng chiều theo ý của mỗi đứa mà vun đắp nền Đạo. Vì vậy mà nhiều sự xảy ra đều do nơi tâm chí của nhiều đứa. Thầy hằng dụng tâm chí của các con mà bố mọi điều thiết yếu trong việc đạo đức. Sự xảy ra nơi Thánh Thất, tuy là nơi mỗi Đạo chậm trễ, nhưng cũng do nơi lòng tà vạy của mỗi đứa mà ra. Duy tâm trung chánh đáng thì là làm cốt cho Tiên Thánh, còn tâm chí vạy tà là chỗ của tà quái xung nhập.

... Thầy cũng có phép răn trị kẻ vạy tà; các con duy có trông cậy nơi Thầy...⁹⁹

... Các con hiểu Thầy buồn, nhưng ấy là máy Trời đã định, chạy sao cho khỏi.

Thầy biết bao lần vì các con mà chịu nhọc nhằn. Từ khai Thiên lập Địa, Thầy cũng vì yêu mến các con mà trải bao nhiêu điều khổ hạnh, mấy lần lao lý, mấy lúc van nài nuôi nấng các con hầu lập nên nền Đạo. Cũng tưởng các con lấy đó mà làm đuốc soi mình đừng bỏ tà qui chánh.

Mấy lần vun đắp nền Đạo thầy đều cũng bị bậy hư giếng Đạo cả.¹⁰⁰

⁹⁷ Hương Hiếu, *Đạo Sĩ II*, 1968, trang 25.

⁹⁸ Hương Hiếu, *Đạo Sĩ II*, 1968, trang 35.

⁹⁹ Hương Hiếu, *Đạo Sĩ II*, 1968, trang 33 - 34.

¹⁰⁰ Hương Hiếu, *Đạo Sĩ II*, 1968, trang 35.

Đức Chí Tôn khuyên lơn răn dạy, nhưng việc Quĩ Nhập Tràng chẳng qua là Thiên cơ đã định để "thử thách" chư Thiên Phong Chức Sắc, và cũng để "thử thách" tất cả, để chư vị và nhân sanh tự mình thí nghiệm lấy đức tin của mình, để hai chữ "Công Bình" được áp dụng triệt để trong những ngày đầu của cơ Đạo. Vì lẽ Đức Thượng Đế cũng dư biết rằng:

Môn đệ của Thầy, đũa muốn bỏ đạo y, ném giếp cỏ, lột khăn tu mà mong hồi tục thế. Bởi bước Đạo gặp ghình khó tới, nên mới ra cơ đổi. Bởi còn vương bụi trần, ham mồi phú quý, mê chữ vinh sang mà ngán.¹⁰¹

Những ai đã vì việc Quĩ Nhập Tràng mà mất đức tin, ngã lòng, từ chối Đạo, thì phải chịu lấy, chứ không thể nào phiền trách Đức Chí Tôn hoặc một ai được. Chắc có lẽ đây là một cuộc thanh lọc, hoặc một bài thi chót dành cho những ai sắp bước lên phẩm vị siêu phàm mà Thượng Đế sắp sắc phong, phải vậy chăng? Câu trả lời nằm gọn trong lời Đức Chí Tôn đã dạy: "Đó là bước Đạo, đó là Thiên Cơ, các con hiểu sao được...".

Quĩ Nhập Tràng chắc có cái tác dụng đó. Chứ có thể nào mà một Đại Lễ của Thượng Đế sắc lệnh cho làm mà quĩ ma nào dám xâm nhập? Còn cái tác dụng khác nữa là để đánh lạc hướng Chính Quyền Thuộc Địa để cơ Đạo được tiến, được thành. Nếu không thế thì tại sao Chính Quyền Thuộc Địa phải để cho cơ Đạo an lành mà thành hình, củng cố, bành trướng một cách quy mô, huy hoàng, rực rỡ như thế mãi cho đến năm 1936 Chính Quyền Thuộc Địa Pháp mới có một phản ứng mạnh và quyết liệt. Chừng ấy thì cơ Đạo đã trở thành một sự thật, một việc đã rồi, khó làm chi được. Thế mà Toàn Quyền Pierre Pasquier, vì quá chóng đổi nên tân tôn giáo và thấy đó là một "Projet Immense" như họ đã bao lần báo cáo, nên nguy tạo một số tài liệu hoàn toàn bất lợi cho nền Đạo này. Toàn Quyền Pasquier tự mang việc này về Chính Phủ Pháp để vận dụng tất cả ảnh hưởng chính trị và hành chánh của ông ở tại nước Pháp để tiêu diệt phong trào Cao Đài. Nhưng khi phi cơ ông đến Marseilles thì nổ tung ở trên không, không còn ai sống sót, và tất cả hồ sơ đều bị cháy ra tro.

¹⁰¹ Hương Hiếu, *Đạo Sĩ II*, 1968, trang 35.

Chính Phủ Thuộc Địa Pháp công nhận nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ vào năm 1939, nhưng hãy còn bị nhiều nơi trong Chính Quyền chỉ trích nặng nề.

Thành lập được cơ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ một cách công khai dưới thời kỳ Pháp thuộc độc ác, tàn nhẫn nhất nhì trên thế giới lúc ấy, nhất định phải là một việc siêu phàm, không một người Việt nào trong lúc đó có thể làm được. Chỉ có Thượng Đế mới làm được, ân ban cho đất nước và dân tộc này một hồng phúc chưa từng có, trong lịch sử hơn bốn ngàn năm. Hẳn đây là một huyền diệu, mà một trong những dụng cụ của Thượng Đế là Đại Úy Paul Monet và Quý Nhập Tràng.

3) Thiên phục, Đạo phục

Trước đây, tôi có đề cập phớt qua về Đạo phục.¹⁰² Tưởng cũng nên ghi thêm nữa những gì Đức Chí Tôn sắp xếp cho nền tôn giáo này. Tất cả các cái trong cơ Đạo này đều là mới lạ: kinh kệ, thờ phượng, cúng kiến, lạy bái, niệm danh, giọng tụng kinh v.v... chỉ đến Đạo phục.

Kể từ đầu năm nay (1926), Đức Chí Tôn đã khởi sự lần lần chỉ dẫn, diu dắt môn đệ trong các phương tiện hành Đạo, để rất nhiều thời giờ và hết sức nhẫn nại như một người Cha phàm vậy. Đọc lại những lời chỉ bảo và cách dạy dỗ của Thượng Đế làm cho ta hết sức xúc động.

Trước ngày Rằm tháng Giêng năm Bính Dần, vào ngày 13 (25 tháng 2 năm 1926), Thầy bảo:

Trung vô giữa bái lễ lạy Thầy coi ... con làm lễ trùng, song mỗi gập con nhớ niệm câu chú của Thầy: Nam Mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

Trung bạch:

- Đại lễ là sao?

¹⁰² Xem Phần III, Tiết I, mục B-E.

Thượng Đế dạy:

- Đại lễ là làm lễ ba lần: lần đầu tiên dâng hương và hoa; lần giữa dâng rượu; lần chót dâng trà.

Phải chính mình con dâng các lễ ấy.

Khi bái lễ hai tay con chấp lại, song phải để tay trái ấn Tý, tay mặt giữa ra nằm dưới tay trái chụp lên.

Từ đây con phải may riêng bộ áo lễ tay rộng, cổ trịch như áo Đạo, nhưng dải gài chín mối, màu xanh da trời, khăn xanh chín lớp màu da trời....

Con mang giày gai hầu Thầy, còn nhứt nhứt đều để chân không.

Trung bạch về Thiên phục.

Thầy dạy:

- Còn đồ sắc phục, con duy để làm lễ cho Thầy mà thôi, nếu con bận nó đến nơi nào chớ Thần Thánh Tiên Phật đều phải tránh hết.

Khi Thiên phục may xong, đem lên trình Thầy thì Thầy bảo:

Trung, con mặc thử đồ đại phục mới may rồi cho Thầy xem....

Trung, con coi đẹp quá há!¹⁰³

Đọc đến đây thấy Thầy nói như thế, thật là cảm động: giống như ở trong gia đình đầm ấm, cha mẹ lo cho con cái vậy. Thật là hi hữu trong mối liên hệ Trời-Người. Nhưng thế cũng chưa hết, hãy đọc thêm mấy hàng sau đây:

Trung, Cù, Tắc, ba con lập tức lên Chiêu, biểu nó phải sắm sửa liền một bộ Thiên phục màu trắng. Trên đầu chẳng phải bịt khăn mà đội mũ trắng, có chữ "Càn" thêu bằng chỉ vàng. Dặn nó mua thứ hàng thiệt tốt.

Mũ cũng vậy. Áo cũng vậy.

¹⁰³ Hương Hiếu, *Đạo Sư I*, 1968, trang 105.

Đoạn Thầy giao công việc may Thiên phục cho Tiên Khai Hương Hiếu:

Hiếu lại phải nhọc công nữa. Thầy giao phần may sắm cho con. Con liệu cho kịp, Rằm phải có, nghe con.

Nhưng Tiên Khai có biết may mào ra làm sao, vì chưa từng thấy mào bao giờ cả. Biết thế, Thầy liền bảo:

Hiếu, lấy chén nước lạnh, Thầy vẽ kiểu mào cho con coi....

Trước ngay trán phải để chữ cung "Càn" chữ vàng, chữ Bát Quái.

Còn cái áo, con phải tái cầu Thầy trong lúc may dựng. Thầy chỉ sắp mấy cung kia trên áo.

Nhưng Tiên Khai Hương Hiếu cũng chưa nắm đủ các yếu tố, liền bạch Thầy định chỉ thước tấc của mào, và giày thứ nào v.v....

Thầy liền dạy:

Mào, bề cao ba tấc, ba phân, ba ly, thước Lang Sa. May giáp mới lại thì thế nào cho có trước một ngạnh sau một ngạnh hiệp lại có một đường xếp. Ấy là Âm Dương tương hiệp. Hiếu biết à!

Sợi dây xếp hai lại, còn bên trái có hai dải thòng xuống, một mí dài một mí vắn. Mí dài ba tấc.

Giáo Tông thì thảo hài.

Chắc có lẽ sau đàn rồi, Tiên Khai Hương Hiếu còn suy tư về các việc may sắm, thì Thầy lại giảng đàn bảo:

Con tạo đỡ một cái mào bằng giấy dựng lên cho Thầy xem....

Cười.... Dựng, phải vậy. Ba con bung lên cho Thầy chỉ hai mí giáp mới. Con coi theo cây viết mà làm theo.

Đã dặn dò như thế, nhưng Thầy lại lo sợ Tiên Khai Hương Hiếu chưa nắm vững vấn đề, nên lại tái lai cơ, bảo:

Sợi dây viền ăn liền hai bên, chớ đừng cắt rời ra, nghe con.

Con giỏi lắm, Hiếu.

Hai dải thông xuống vai ba tác bề dài, ba phân bề ngang....

Phải vậy rồi!¹⁰⁴

Nhưng trong lúc đó, có lẽ Tiên Khai Cao Quỳnh Cư nóng lòng cũng muốn giúp vào một tay chỉ dẫn cho Tiên Khai Hương Hiếu thì Thầy liền lên tiếng: "Cư, để cho Hiếu nó làm!",¹⁰⁵ chắc có lẽ với giọng đầy âu yếm!

Qua những hàng trên. chắc chúng ta cũng thấy được cái cảnh vui vậy, đầm ấm, thuận hoà Cha con, Thầy trò, Tiên tục... trong những ngày sơ khai của đại gia đình Đại Đạo.

Đến ngày Tiên Khai Hương Hiếu may xong mũo Giáo Tông, Đức Chí Tôn bảo dâng lên:

Hiếu, dâng mũo Giáo Tông may xong cho Thầy xem....

Trúng. Mà ai đội, con phỏng lật đật.¹⁰⁶

Mà ai đội, con phỏng lật đật!, mấy chữ ấy Thầy thốt ra, chắc có lẽ với một giọng không được vui lắm. Vì lẽ Thầy đã biết rằng Quan Phủ Chiêu không nhận phẩm Giáo Tông mà Thầy đã giao cho.

Dù sao, đến đây cũng nên ghi lại một lần nữa người có công nhất trong việc tạo Đạo phục, mũo, giày cho những Đại Thiên Phong Chức Sắc trong những ngày đầu của cơ Đạo là Tiên Khai Hương Hiếu, bạn đời của Tiên Khai Cao Quỳnh Cư. Bà hết sức tận tụy, công lao rất nhiều để tạo phần này cho cơ Đạo, và sẵn sàng hiến thân cho Đạo. Về phần ở trong Thánh Thất, nếu không có Tiên Khai trong lúc đó, chắc phải chật vật lắm lắm.

¹⁰⁴ Hương Hiếu, *Đạo Sử I*, 1968, trang 106 - 109.

¹⁰⁵ Hương Hiếu, *Đạo Sử I*, 1968, trang 107.

¹⁰⁶ Hương Hiếu, *Đạo Sử I*, 1968, trang 109.

Cái công ơn ấy, tưởng cũng nên ghi lại đây để luôn luôn nhớ người nữ phái đầu tiên sẵn sàng hiến thân cho Đạo, để cùng chư vị nam phái khác khai sơn phá thạch, giúp Đức Chí Tôn mở Đạo ở Nam Phương. Quý hoá thay! Đáng khâm phục thay!

4) Nhân sự

Kinh nghiệm tổ chức trong các tôn giáo đã để lại một câu phương ngôn "Tạo Tự thì dễ, tạo Tăng thì khó" hết sức chí lý, không những cho các đạo giáo mà thôi, mà lại cho các tổ chức đời cũng thế. Buổi Đại Hội khánh thành cơ Đạo đánh dấu chấm dứt một giai đoạn "tạo Tăng" rất quan trọng, tế nhị, và hết sức nhọc nhằn, đặc biệt là đối với tam vị Tiên Khai đầu tiên: Cao Quỳnh Cư, Cao Hoài Sang, Phạm Công Tắc, vì lẽ chư vị khác đã có tâm linh hướng về Đạo rồi, như khu vườn đã dọn sẵn, tam vị Tiên Khai này, gia đình đều vui vẻ ẩm cúng, con cái đều huê, sinh kế an bài vững chãi, đời sống thơ thới, vịnh phú ngâm thơ, cầm kỳ thi hoạ. Nhưng đây là bề ngoài thôi, trong lòng các ông đều nặng về đất nước dân tộc, lấy thú ca thi để đợi thời cơ đứng lên làm cách mạng đuổi quân thù, phục hồi độc lập tự do cho xứ sở non sông. Tâm trí các ông nặng trĩu có chừng ấy thôi; đây là hoài bão duy nhất của các ông trong lúc này.

Đức Thượng Đế vận dụng tất cả những cái thú, cái thích, cái vui, và luôn cả cái hoài bão duy nhất đó của các ông để lần lần chuyển các ông về đường Đạo. Thượng Đế đã thành công rất mỹ mãn, có thể nói còn thành công hơn trường hợp của ông Ngô Văn Chiêu mà Ngài đã hết sức nhọc nhằn dạy dỗ ba năm trường. Phản chiếu hồi quang, ta tự hỏi không biết cơ Đạo sẽ khai lập như thế nào, có được trôi chảy như ta đã thấy hay chăng, nếu tam vị Tiên Khai này bất thành linh đổi lòng sang ngang không chịu giúp Thầy mở Đạo? Cái bước đầu tiên nếu được thông suốt thì những bước sau sẽ được dễ dàng trôi chảy hơn. Thật đúng thế, cơ Cao Đài Giáo Việt Nam được khai lập một cách điều hoà thông suốt là cũng nhờ bước đầu trôi chảy; Thượng Đế đã tạo được những vị "Tăng" ý thức, trung kiên, như chí, với một niềm tin trọn vẹn nơi Ngài.

Tam vị Cao Quỳnh Cư, Cao Hoài Sang, Phạm Công Tắc đã nhờ Đức Chí Tôn xây dựng mà nay đã từ bỏ các cái, phé đời, hoàn toàn hiến thân cho nền tôn giáo Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, mà ngày Đại Hội khánh thành hôm nay đã đánh dấu một khúc rẽ phi thường của đời phàm tục của ba ông. Chỉ mỗi một cái giác ngộ này đã quá đầy đủ để chư vị được chiếm một địa vị duy nhất, vô nhị, trong việc khai lập nền Đại Đạo, dưới con mắt của người phàm tục như chúng ta.

Đề cập tam vị như một trường hợp chung có phần tổng quát quá chăng? Vì trong ba trường hợp thì trường hợp của ông Phạm Công Tắc là phức tạp nhất để Chí Tôn vận chuyển, vì ông Tắc trước khi gặp được Đại Đạo đã có nhập môn vào đạo Thiên Chúa rồi (Công giáo), mà sự giáo huấn về giáo lý Đạo học bên Công giáo rất kỹ càng, nghiêm chỉnh, khắc khe. Trường hợp của ông Tắc thật là đặc biệt. Còn đối với nhị vị kia, ông Sang và ông Cư, từ hồi nào vẫn thờ Ông Bà nên ít phức tạp hơn, dễ dàng hơn nhiều. Nói tóm lại, kể từ ngày hôm nay, khánh thành cơ Đại Đạo, đức tin, tâm Đạo, lòng trung kiên, niềm quyết chí, ..., nói chung là "lòng thành, tín, hiệp" được tỏ rõ ở thế gian để Đức Chí Tôn tựa vào đó mà lập thành Đạo. Nhưng đây, với Quỷ Nhập Tràng, cân đai áo mão, phẩm trật, chức tước, quyền hành..., cũng chỉ là một bài thi nữa trên đường hướng thượng, hướng thiện của những người môn đệ của Đức Thượng Đế.

Rồi đây những giai đoạn kế tiếp sẽ chứng minh việc làm, lời nói, thành tâm thiện ý của người trần thế đối với cơ Trời. Nhưng dù thế đi nữa, Đức Chí Tôn nay cũng tạm có đủ một số yếu tố để tiến hành trong việc thành lập cơ Đại Đạo ở tại Đất Nước Được Chọn - Việt Nam - ở thế gian này.

Phần Bốn

GIẢI ĐOẠN THÀNH ĐẠO

Từ ngày xảy ra vụ Quý Nhập Tràng, cơ Đại Đạo dường như bị bên ngoài nhiều người cũng như những cơ quan ngôn luận mỉa mai, rêu rúng, nhưng đại chúng thì vẫn một lòng tin tưởng, hằng ngày đều đến nhập môn cầu Đạo. Còn bên trong Thánh Thất thì các việc Đạo vẫn diễn tiến đúng như chương trình đã hoạch định, và những vấn đề trọng hệ nhất, căn bản nhất được thực hiện đều đều, không một chi trở ngại.

Đúng như chương trình đã ấn định cho ba ngày Đại Hội, ngày thứ nhì, 16 tháng 10 Bính Dần (20 tháng 11 năm 1926) là ngày Đức Thượng Đế lập Pháp Chánh Truyền, một tài liệu vô cùng quan trọng chưa từng có trong lịch sử nhân loại, mà chư Tiên Khai tựa vào để tạo lập Luật Đạo, gọi là Tân Luật Pháp Chánh Truyền.

Tiết I: Pháp Chánh Truyền Cứu Trùng Đài

Đức Chí Tôn giáng đàn truyền lệnh:

Ngọc Hoàng Thượng Đế viết Cao Đài Giáo Đạo Nam Phương.

Hỉ chư môn đệ.

Thầy mừng các con.

Chư môn đệ nghe:

Thầy lập Pháp GIÁO TÔNG, nghĩa là ANH CÁ các con, có quyền thay mặt cho Thầy mà diu dắt các con trong đường Đạo lẫn đường đời. Nó có quyền về phần xác chứ không có quyền về phần hồn. Nó đặt phép thông công cùng Tam Thập Lục Thiên và Thất Thập Nhị Địa Giới đặt cầu rỗi cho các con, nghe à.

Chư môn đệ tuân mạng.

CHƯƠNG PHÁP của ba phái là Đạo, Nho, Thích. Pháp Luật Tam Giáo tuy phân biệt nhau, song trước mặt Thầy vốn coi như MỘT vậy, thì MỘT thành BA, mà BA cũng như MỘT. Chúng nó có quyền xem xét luật lệ trước buổi thi hành, hoặc là nơi Giáo Tông truyền xuống, hay là nơi Đầu Sư dâng lên. Như hai đảng chẳng thuận thì chúng phải dâng lên cho Hộ Pháp đến Hiệp Thiên Đài cầu Thầy giáng xuống mà sửa lại, hay là tùy ý mà lập luật lại.

Vậy chúng nó có quyền xem xét kinh điển trước khi phổ thông. Như thàng có kinh luật chi làm hại phong hóa thì chúng nó phải trừ bỏ chẳng cho xuất bản.

Buộc cả tín đồ phái vừa sức mà hành sự trước mặt luật đời. Thầy khuyên các con rón xúm nhau mà giúp chúng nó.

Mỗi Chương Pháp có ấn riêng. Ba ấn phải có đủ trên mỗi luật mới đăng thi hành.

Chư môn đệ tuân mạng.

ĐẦU SƯ có quyền cai trị phần đạo và phần đời của chư môn đệ. Nó đăng quyền lập luật, song phải dâng lên cho Giáo Tông phê chuẩn. Luật lệ ấy phải xem xét một cách nghiêm ngặt, coi phải có ích cho nhân sanh chăng. Giáo Tông buộc phải giao cho Chương Pháp xét nét trước khi phê chuẩn.

Chúng nó phải tuân lệnh Giáo Tông, làm y như luật lệ Giáo Tông truyền dạy. Như thàng có luật lệ nào nghịch với sự sinh hoạt của nhân sanh thì chúng nó được phép nài xin hủy bỏ.

Thầy khuyên các con phải thương yêu giúp đỡ lấy nó. Thầy lại dặn các con như có điều chi cần yếu thì khá nài xin nơi nó.

Ba chi hơi khác, chớ quyền luật như nhau. Như luật lệ nào Giáo Tông truyền dạy mà cả ba đều ký tên không tuân mạng thì luật lệ ấy phải trả cho Giáo Tông. Giáo Tông truyền lệnh cho Chương Pháp xét nét lại.

Chúng nó có ba cái ấn riêng nhau. Mỗi tờ giấy chi chi phải có ấn mới thi hành. Nghe à.

Chư môn đệ tuân mạng.

PHỐI SƯ mỗi phái là mười hai người, cộng là ba mươi sáu người. Trong ba mươi sáu vị ấy có ba vị Chánh Phối Sư. Ba vị ấy đặng thế quyền cho Đầu Sư mà hành sự, song chẳng quyền cầu phá luật lệ, nghe à.

Chư môn đệ tuân mạng.

GIÁO SƯ có bảy mươi hai người, trong mỗi phái là hai mươi bốn người. Giáo sư là người dạy dỗ chư môn đệ trong đường đạo với đường đời. Buộc chúng nó lo lắng cho các con như anh ruột lo cho em. Chúng nó cầm sổ bộ của cả tín đồ. Chúng nó phải chăm nom về sự tang, hôn của mỗi đứa.

Như tại châu thành lớn thì mỗi đứa đặng quyền cai quản cúng tế Thầy như thế Đầu Sư và Phối Sư. Chúng nó đặng quyền dâng sớ cầu nài về luật lệ làm hại nhơn sanh, hay là cầu xin chế giảm luật lệ ấy. Chúng nó phải thân cận với mỗi môn đệ như anh em một nhà cần lo giúp đỡ, nghe à.

Chư môn đệ tuân mạng.

GIÁO HỮU là người để phổ thông chơn đạo của Thầy. Chúng nó đặng quyền xin chế giảm luật lệ Đạo. Ba ngàn Giáo Hữu chia ra đều, mỗi phái là một ngàn. Chẳng nên tăng thêm hay là giảm bớt. Chúng nó đặng phép hành lễ khi làm chủ các chùa trong mấy tỉnh nhỏ.

LỄ SANH là người có hạnh, lựa chọn trong chư môn đệ mà hành lễ. Chúng nó đặng quyền đi khai đàn cho mỗi tín đồ.

Thầy dặn các con hiểu rõ rằng Lễ Sanh là người Thầy yêu mến, chẳng nên hiếp đáp chúng nó.

Như vào đặng hàng Lễ Sanh, mới mong bước qua hàng chức sắc. Kỳ dư Thầy phong thưởng riêng, mới đi khỏi ngã ấy mà thôi, nghe à.

Chư môn đệ tuân mạng.

ĐẦU SƯ muốn lên CHUỖNG PHÁP thì nhờ ba vị công cử nhau.

PHÓI SƯ muốn lên ĐẦU SƯ thì nhờ ba mươi sáu vị kia công cử.

GIÁO SƯ muốn lên PHÓI SƯ thì nhờ bảy mươi hai vị kia xúm nhau công cử.

GIÁO HỮU muốn lên GIÁO SƯ thì nhờ ba ngàn vị kia xúm nhau công cử.

LỄ SANH muốn lên GIÁO HỮU thì nhờ cả LỄ SANH xúm nhau công cử.

MÔN ĐỆ muốn lên LỄ SANH thì nhờ cả môn đệ xúm nhau công cử.

Kỳ dư Thầy giảng cơ phong cho người nào thì mới ra khỏi luật lệ ấy mà thôi.

Còn GIÁO TÔNG thì hai phẩm CHUỖNG PHÁP và ĐẦU SƯ tranh đặng, song phải chịu cho toàn môn đệ công cử mới đặng. Kỳ dư Thầy giảng cơ ban thưởng mới ra khỏi luật lệ ấy mà thôi.

Chư môn đệ tuân mạng.¹⁰⁷

Như ta đã thấy, trên đây là một văn kiện tối quan trọng, tối cần thiết cho việc tổ chức cơ cấu Hội Thánh Cứu Trùng Đài lo phần phổ độ nhơn sanh: giáo phẩm, phân nhiệm cho mỗi thành phần, hành chánh Đạo, và cách thức công cử hoặc Thiên phong. Văn kiện này, theo lệnh của Đức Chí Tôn, cũng phải được dùng để làm kim chỉ nam cho chư vị Tiên Khai lập Tân Luật Đạo cho cơ Đại Đạo. Tất cả là Thiên Ý, là của Thượng Đế ân ban cho thế gian, một sự việc thật hi hữu, vô tiền khoáng hậu. Dân tộc Việt Nam và đất nước Việt Nam đã làm cái chi để

¹⁰⁷ Hương Hiếu, *Đạo Sử II*, 1968, trang 22 – 28.

Bài Thánh giáo này được ân ban trong hai ngày: Ngày 16 đến phẩm "Lễ Sanh là người có hạnh...", và ngày 17 tháng 10 từ phần: "Đầu Sư muốn lên Chương Pháp...". Bài Thánh giáo được cất như thế là cũng cùng một ý để thể hiện huyền diệu của Thiêng Liêng.

hạnh hưởng một đặc ân như thế? Còn nếu chưa làm được chi mà được một ân huệ như thế, chắc có lẽ Thượng Đế cũng muốn dành cho dân tộc và đất nước Việt Nam sứ mạng cao cả để giúp đỡ hơn sanh hầu xứng đáng với đặc ân ấy.

Thánh giáo lập Pháp Chánh Truyền này do quý ông Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc phò loan tiếp diễn. "Theo lời ông Nguyễn Trung Hậu thì buổi đàn này, cơ viết rất nhanh. Ông Giáo Hữu ... Sơn, điển ký chép không kịp. Ôn Trên bảo ông Hậu viết tiếp..."¹⁰⁸ Đây là một văn kiện hết sức quan trọng, mà cơ lại viết hết sức nhanh, nhanh cho đến đổi mà Điển Ký chép không kịp, là tại sao? Là vì Ôn Trên muốn cho người phàm biết rằng đây là lời châu tiếng ngọc phát xuất từ Thượng Đế dạy người trần thế, chứ không phải người phàm làm ra, và được chứng minh bằng một huyền diệu viết hết sức nhanh như thế.

Một bản Pháp Chánh Truyền này không cũng đủ làm cho nước Việt Nam một kỳ quan của thế giới. Thế mà cho đến nay chỉ có hơn ba triệu người Việt biết sơ qua mà thôi. Thật đáng tiếc!

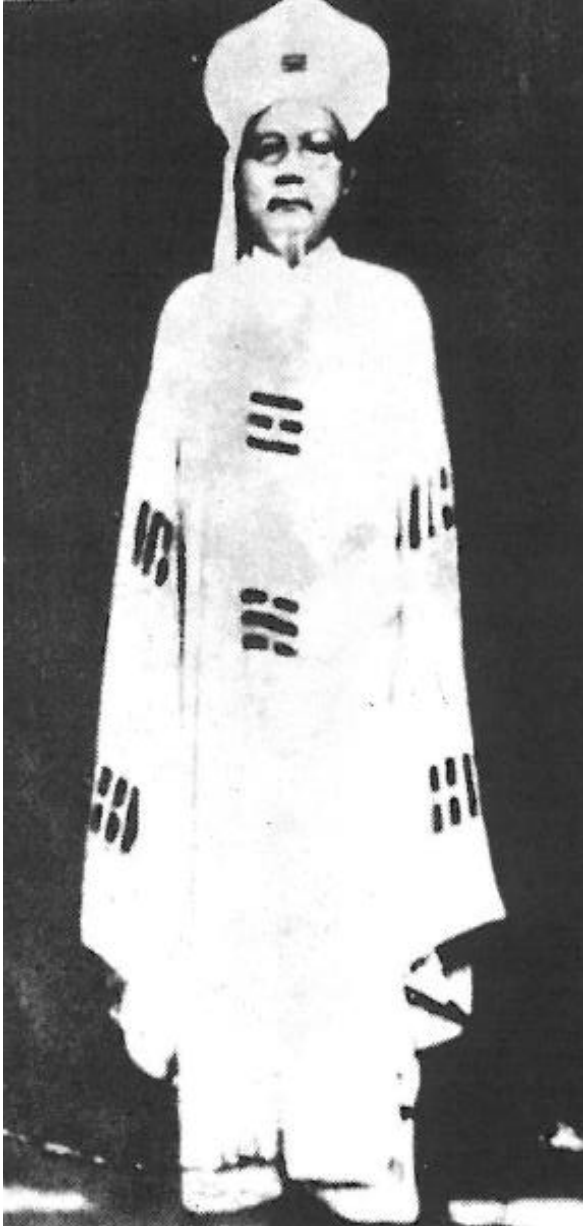
Pháp Chánh Truyền là Hiến Pháp của nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, bất di bất dịch cho đến hơn bảy trăm ngàn (700,000) năm tới.

Tiết II: Lập Luật Đạo

A) Soan thảo Dự Án Tân Luật

Luật Đạo mà chư Tiên Khai lãnh lệnh của Thượng Đế lập ra tựa theo Pháp Chánh Truyền được gọi là Luật Đạo hay Tân Luật Pháp Chánh Truyền. Gọi là Tân Luật để đối chiếu với những luật lệ cũ của các tôn giáo được thành lập trước kia gọi là Cựu Luật.

¹⁰⁸ Đồng Tân, *Lịch Sử Đạo Cao Đài*, quyển II, trang 86.



Đức Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhựt
(Ảnh của Tòa Thánh)

Tân Luật do chư Đại Thiên Phong Chức Sắc như quý ông Lê Văn Trung, Phạm Công Tắc, Nguyễn Ngọc Tương, Nguyễn Trung Hậu, Nguyễn Ngọc Thơ, v.v... vâng lệnh Ôn Trên soạn thảo căn cứ một phần vào các Thánh giáo do Đức Chí Tôn ân ban, và một phần vào Cựu Luật. Cả bộ Tân Luật, sau khi soạn thảo, được mang ra cho cả Hội Thánh thảo luận, và sau cùng được Bạch Ngọc Kinh duyệt khán, phê chuẩn, và được Đức Chí Tôn ban cơ mầu nhiệm bí mật.¹⁰⁹

Để giúp cho chư Tiên Khai soạn thảo bộ Tân Luật đó, Đức Thượng Đế giảng cơ ngày 2 tháng 11 Bính Dần (ngày 6 tháng 12 năm 1926) có dạy:

Nghe Thầy dạy:

Khởi đầu lập Luật Tu gọi là "Tịnh Thất Luật". Kế nữa, lập Luật Trị gọi là "Đạo Pháp Luật". Ba là làm luật Đời gọi là "Thế Luật".

Các con hiểu à.¹¹⁰

Rồi đến ngày 16 tháng 11 Bính Dần (ngày 20 tháng 12 năm 1926), tại Đại Đàn Chợ Lớn, Đức Chí Tôn lại dạy thêm:

Thầy các con.

Chư môn đệ nghe,

Thầy đã muốn cho hoàn toàn, phải cần có luật, mà hễ có luật thì cần phải do nơi đó mà hành đạo mới khỏi điều sơ thất đặng.

Nhiều đũa nhờ công quả chút ít mà đặng Thầy trọng dụng là cố ý để cho chúng nó đặng vui lòng mà bước tới, dè đâu đã chẳng trọng sợ nơi lệnh Thầy, lại lấy ý riêng mà làm cho lời kích bác trong Đạo. Thầy hỏi có đáng tội chăng?

Nếu Thầy chẳng lấy đức từ bi mà dịu dặt các con thì chư Thần Thánh đã phạt mấy đũa ấy nặng nề hơn nữa. Các con khá liệu mà hành đạo.¹¹¹

¹⁰⁹ Hương Hiếu, *Đạo Sĩ II*, 1968, trang 174.

¹¹⁰ Hương Hiếu, *Đạo Sĩ II*, 1968, trang 174.

Chúng ta hiện giờ không có tài liệu nào tại nơi đây cho biết Thầy muốn đề cập đến những vị nào "lấy ý riêng mà ... kích bác trong Đạo" trong việc lập luật này. Nhưng chúng ta được biết rằng trước đó vài ngày, Đức Lý Thái Bạch có ra lệnh đòi chư Thánh là Thiên Phong Chức Sắc về Thánh Thất nạp luật cho kịp ngày lễ Chúa Giáng Sinh tới. Sau đây là Thánh lệnh của Đức Lý Thái Bạch ra ngày 14 tháng 11 Bính Dần (18 tháng 12 năm 1926).

Thái Bạch.

Hì chư đạo hữu, chư đạo muội.

Thượng Trung Nhựt, hiền hữu nghe đây:

Phải viết thư cho các Thánh Thất nói rằng: buổi lập luật, phải ngưng sự phổ độ lại đôi chút, lo cho xong Tân Luật thì mới truyền bá chọn đạo rõ lý hơn.

Vậy ngày đại lễ Thánh Giáo Giáng Sanh, phải có mặt tại đây cho đủ và nạp luật cho kịp ngày ấy.

Làm lễ xong, qua ngày kế thì chư Thánh mặc Đại Phục vào Điện bái, rồi hiền hữu biểu sắp ghé vòng theo Đại Điện. Hiền hữu và Ngọc Lịch Nguyệt lên toạ bửu vị. Rồi theo chức phận chư Thánh ngồi vòng hai bên như lúc hiền hữu còn tại Thượng Nghị Viện đăng cải luật đó vậy.

Hiền hữu chương quản làm chủ hội. Mỗi vị Thánh đều đăng quyền cải lệ, nghe à.

Phải giữ phép kẻ trước người sau, tùy phiên nhau cho có lễ: Phải Thái trước, phải Ngọc giữa, phải Thượng chót.

Phải viết cho Tương và Trang nạp luật cho kịp một lượt với Thơ, nghe à.¹¹²

¹¹¹ Đồng Tân, *Lịch Sử Đạo Cao Đài*, quyển II, trang 89 - 190.

¹¹² Hương Hiếu, *Đạo Sử II*, 1968, trang 104.

Trước ngày khai hội, Đức Lý Thái Bạch lại giảng đàn vào ngày 20 tháng 11 Bính Dần (24 tháng 12 năm 1926), dạy thêm như sau:

Thái Bạch.

Đại hi! Đại hi!

Chỉnh đàn Thầy ngự.

Trung, hiền hữu nhớ mời hội từ 6 giờ mai chí 11 giờ nghỉ, từ 2 giờ tới 6 giờ nghỉ.

Tối từ 8 giờ đến 11 giờ nghỉ.

Như chưa hoàn toàn, ngày mai cũng phải vậy.

Thầy dặn, phải tuân y theo lời. Luật lệ truyền lâu dài, chư đạo hữu phải ráng cẩn thận, nghe à.

Ngày sau Đức Chí Tôn giảng đàn dạy:

NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ VIẾT CAO ĐÀI GIÁO ĐẠO NAM PHƯƠNG.

Thầy mừng các con.

Các con ơi! Nếu nói rằng Thầy đã nhiều cực nhọc từ ngày khai Đạo đến chừ, Đạo đặng phổ thông mau chóng dường này, thì đáng lẽ Thầy mừng cho các con lắm mới phải, sao Thầy lại buồn?

Các con ôi! Các con đã chịu lắm khổ não nơi biển trần này từ mười ngàn năm rồi, đã ở dưới quyền tà quái áp chế, vì vậy mà Thầy phải phé Bạch Ngọc Kinh Huỳnh Kim Khuyết giảng trần độ rồi các con. Chớ chi Thầy đến mà làm giảm bớt sự khổ não các con chẳng đặng nữa thì thôi, lẽ nào còn lập Tân Luật ràng buộc các con thêm nữa. Vì có mà Thầy buồn.

Thầy tỏ thật, cái luật lệ Thầy khiến các con hiệp chung trí mà lập thành đây, nó có ảnh hưởng về đạo đức, Thiên Phong Phật Sắc của các con, nên Thầy buộc mình cam chịu vậy. Chẳng luật lệ thì là trái phép, mà trái phép thì làm thế nào vào Bạch Ngọc Kinh cho đặng.

Vậy các con gắng làm phận sự cho hoàn toàn. Có Thái Bạch giảng cơ sửa luật.¹¹³

Đến ngày qui định là 21 tháng 11 Bính Dần (15 tháng 12 năm 1926), chư Tiên Khai khai hội, và mang các dự án luật ra để hành sự. Đến hết ngày, Đức Lý Thái Bạch giảng đàn cho ý kiến:

Thượng Trung Nhựt, hiền hữu khai hội trọn ngày chẳng có chi là hữu ích hết. Việc tán thành Tân Luật, nếu Thầy để cho Lão, nội trong hai giờ hoàn thành tất cả. Ngặt một điều là nếu Lão lập luật, chẳng một ai trong hàng đạo hữu hành đạo đặng. Vì vậy, Thầy giao trọn quyền cho chư đạo hữu lập thành, là chú ý để phần hơn lực vào đó chút ít, rồi lấy huyền diệu làm ra Thiên Lục. Ấy là một hạnh công bình đó.

Vậy Lão giao ba bộ luật hiệp một cho Thái Thơ Thanh trước, nội trong một tuần lễ phải hiệp thể nào cho ba bộ phải chung vô làm một. Qua tuần nữa, tới Thượng Tương Thanh. Kế một tuần nữa tới Ngọc Trang Thanh. Nghĩa là trong ba tuần nữa phải lập thể nào cho rồi luật lệ đem về Thánh Thất đặng cải lại nữa.¹¹⁴

B) Hội Thánh cải luật. Nghi thức tiếp nhận dự án luật.

Dự án luật soạn thảo xong phải được mang ra để Hội Thánh hội thảo gọi là "cải luật". Ngày 22 tháng 11 Bính Dần (26 tháng 12 năm 1926) Đức Lý Thái Bạch nhắc:

Trung, hiền hữu nhớ viết thư chư Thánh, ngày cải luật phải đủ mặt. Bằng ai chẳng tuân mạng, Lão trực xuất, nghe à.¹¹⁵

Đến ngày 12 tháng 12 Bính Dần (15 tháng 1 năm 1927) Đức Lý Thái Bạch lại dạy thêm:

¹¹³ Hương Hiều, *Đạo Sử II*, 1968, trang 118 - 119.

¹¹⁴ Hương Hiều, *Đạo Sử II*, 1968, trang 120 - 121.

¹¹⁵ Hương Hiều, *Đạo Sử II*, 1968, trang 121.

Chư Thánh có nghĩa là chư Thiên Phong Chức Sắc.

Thầy sẽ ngự trong lúc cải luật. Lão giáng cơ trước khi mở hội. Vậy khi chư Thánh đủ mặt, phải cầu cơ cho Lão dạy việc. Chừng Lão ngự Đại Điện thì tức cấp khai hội liền.

Hết thấy đều mặc Đại Phục trong khi cải luật, chẳng nên thay Tiểu Phục. Chư Thần Thánh Tiên Phật ngự xem, coi ra khiếm lễ vậy.

Nghe à.¹¹⁶

Đức Lý Thái Bạch thay mặt Đức Thượng Đế để giúp đỡ, dìu dắt chư Tiên Khai trong lúc này, là một Thiêng Liêng rất nghiêm khắc và trực tính, không vị nể ai. Những lệnh của Ngài phát ra đều phải được trọng tâm và thi hành. Còn Đức Thượng Đế thì rất thương con cái, luôn luôn ái ngại chư Thiên Phong để duôi mà bị quở phạt, nên nhắc chư Tiên Khai:

Trước mặt chư Thần Thánh Tiên Phật, phải cải luật cho nghiêm chỉnh. Thầy khuyên Thái Bạch cho kẻ hầu săn sóc các con.¹¹⁷

Nghiêm chỉnh trong việc cải luật là một việc, nhưng khi dự án được soạn thảo và được đồng ý với nhau rồi thì phải được trình lên tùy theo phẩm trật và cũng phải theo một nghi thức nào đó, cũng như các việc khác trong cơ Đạo Cao Đài đều có nghi tiết của nó. Vì thế cho nên Đức Lý Thái Bạch thấy cũng cần chỉ dẫn các thể cách cho chư Thiên Phong có phận sự.

Ngày 13 tháng 12 Bính Dần (16 tháng 1 năm 1927) Đức Lý Thái Bạch chỉ bày như sau:

Lão khen chư đạo hữu!

Đại hi! Đại hi!

Thượng Tương Thanh, coi Lão hành sự mà bắt chước.

Mời Chương Pháp Phái Nho.

Chư hiền hữu bình thân.

¹¹⁶ Hương Hiếu, *Đạo Sĩ II*, 1968, trang 169 - 170.

¹¹⁷ Hương Hiếu, *Đạo Sĩ II*, 1968, trang 172.

Đứng dậy, phân hai hàng.

Chưởng Pháp, Đầu Sư toạ vị.

Phối Sư Tam Phái tới trước.

Thái Thơ Thanh phải ôm bộ chủ giải các luật, Tân Luật của chư hiền hữu cải đồ.

Thơ Thanh ôm chỉ mào dâng cho Trương Thanh, rồi Trương Thanh cũng phải làm như vậy mà giao cho Trang Thanh phò.

Bái nhau.

Trang Thanh ôm luật hiệp với nhị vị hiền hữu đến dâng cho ba vị Đầu Sư. Ba vị Đầu Sư đồng đứng dậy bái mà tiếp Luật một lượt, thế nào sáu bàn tay đều có trong mấy bộ luật.

Ngay giữa.

Cả ba tiếp dâng lên Chưởng Pháp.

Hai vị Chưởng Pháp phải bái mà tiếp một lượt đội dâng lên Đại Điện.

Day vô.

Đưa lên chỉ trán nghe dạy:

Lão giao Luật này cho nhị vị Chưởng Pháp xem xét lại nữa, trong một tháng phải rồi mà giao lại cho Hộ Pháp cầu Lão sửa Luật.

Phải làm một phòng thanh tịnh mà giả làm Hiệp Thiên Đài. Thập Nhị Thời Quân phải có mặt. Thượng Phẩm, Thượng Sanh phải có mặt khi cầu Lão.

Phải tái cầu nghe dạy:

Nhị vị Chưởng Pháp đem Luật để ngay tượng Lão một đêm nay.

Đem Luật để lên rồi xuống toạ vị. Lên đầu ... để xuống.

*Chư Thiên Phong đồng lay Thầy.*¹¹⁸

Tái cầu

Thái Bạch.

Đại hi!

Thiên Điều mâu nhiệm của Đạo còn thiếu sót lắm. Cười ...

Những điều ấy chư hiền hữu biết đâu mà lập cho đặng. Hại thay! Nếu chẳng có cơ mâu nhiệm bí mật ấy thì chẳng thành Luật. Nếu chẳng thành Luật, thế nào thành Đạo. Cười ...

Lão sẽ tâu cùng Đại Từ Bi xin thêm vào Luật những điều bí mật trọng yếu ấy. Vậy chư hiền hữu cũng phải để lòng thành khẩn hiệp sức làm một với Lão mà nài xin thành Luật, nghe à! ...

*... Lão dạy để Luật nơi Đại Điện trọn đêm nay, mai hai vị Chưởng Pháp phải cầu cơ cho Lão giao lại.*¹¹⁹

Ngày sau, 14 tháng 12 Bính Dần (ngày 17 tháng 1 năm 1927), Đức Lý Thái Bạch lại dạy thêm nữa:

Lão đương quyền là Giáo Tông. Ngặt nỗi Lễ Chức chưa có đặng giao Luật lại. Vậy Lão cậy nhị vị hiền hữu Thượng Trung Nhứt và Ngọc Lịch Nguyệt thế dùm chức ấy, lên Đại Điện phò Luật đặng giao lại Hiệp Thiên Đài cho Hộ Pháp...

Hộ Pháp, Thượng Phẩm nghe dạy:

Nhiệm vụ hiền hữu lên bàn đứng theo phẩm mình đội luật lên, bái tiếp rồi Hộ Pháp bắt Ấn Tý tay mặt của Hộ Pháp mà để trên chông Luật ấy.

Còn Thượng Phẩm thì lấy cây quạt mà che trên.

¹¹⁸ Hương Hiếu, *Đạo Sĩ II*, 1968, trang 173.

¹¹⁹ Hương Hiếu, *Đạo Sĩ II*, 1968, trang 174 và 278.

Nhị vị Chưởng Pháp khi toạ vị rồi, đến Ngai bái, thì hai người phải lạy như lúc làm lễ hôm qua.

Hộ Pháp, nhớ khi đưa Luật thì nói: "Kỳ một tháng nạp lại".

Ngọc Lịch Nguyệt dạy em bắt Ấn Tý.

Khai môn cho tất cả chúng sanh xem, vì là Luật truyền thế, ai cũng như này.¹²⁰

Các việc như ta đã thấy trên, đều được chỉ dẫn rành mạch, ai làm việc chi, làm cách thức như thế nào, tất tất đều được rõ ràng, nhưng còn vấn đề Hiệp Thiên Đài thì chưa được minh bạch lắm. Đức Lý Thái Bạch sợ có sự hiểu lầm khi lập Hiệp Thiên Đài chính thức về sau này, nên đến ngày 17 tháng 12 Bính Dần (ngày 20 tháng 1 năm 1927) lại nói rõ cho chư Tiên Khai như sau:

Lão dạy lập Hiệp Thiên Đài tạm trong khi sửa Luật, chớ chánh Hiệp Thiên Đài chẳng phải như vậy:

Bề cao 9 thước mộc.

Bề dài cho tới nóc là 8 thước mộc.

Bề ngang bằng bề ngang Thánh Thất.

Phải làm thang lầu ngay Đại Điện cho Hộ Pháp đi thẳng từ Hiệp Thiên Đài vào Đại Điện, hiểu à.

Bề sâu 4 thước Lang Sa.¹²¹

Đến ngày 28 tháng 12 Bính Dần (ngày 31 tháng 1 năm 1927), chư Tiên Khai cầu Đức Lý Thái Bạch. Đức Thường Cư Nam Hải Quan Âm Như Lai giảng đàn cho biết Đức Lý Đại Tiên bị bận thuyết trình dự án Tân Luật tại Đại Hội Bạch Ngọc Kinh nên không thể giảng đàn được, và có dạy như sau:

Thường Cư Nam Hải Quan Âm Như Lai.

Hỉ chư Đạo hữu, chư Đạo muội.

¹²⁰ Hương Hiều, *Đạo Sử II*, 1968, trang 177.

¹²¹ Hương Hiều, *Đạo Sử II*, 1968, trang 187.

Hà sự cầu cơ?

Bạch Ngọc Kinh Đại Hội Cải Luật Tam Kỳ Phổ Độ. Lý Đại Tiên hữu trọng nhậm, vấn đáp Chơn Lý Tam Kỳ cứu tận chúng sanh, nhứt nhứt thường, tại bất đắc hạ trần giáng cơ chỉ giáo.

Chư Đạo hữu vật khi mạng lịnh. Chí tứ nhứt tâm niên Đại Tiên tái hiệp ... Kính lễ.¹²²

Thế thì Tân Luật Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, sau khi được chư Thánh đồng ý ở thế gian, cũng được trình trước Đại Hội ở Bạch Ngọc Kinh để được Thiêng Liêng chấp thuận cho áp dụng ở thế gian trong kỳ Tam Nguơn Mặt Thế này. Đức Lý Thái Bạch có trách nhiệm từ bi cải luật dùm cho nhơn sanh. Cái công đức này, tưởng chúng ta cũng phải biết và phải nhớ luôn luôn ghi ân; Đức Lý Đại Tiên đối với cơ Đại Đạo là một quyền hành và một công lao rất lớn, thật là một Đệ Nhứt Trần Oai Nghiêm vô cùng bác ái!

Đức Lý Đại Tiên thuyết trình mãi cho đến ngày 8 tháng 1 Đinh Mão (ngày 9 tháng 2 năm 1927), mới giáng đàn được, và dạy:

Thái Bạch.

Mừng chư Đạo hữu, chư Đạo muội, chư chúng sanh.

Đại hi! Đại hi!

Lão đã nói Đạo đã lập thành. Vậy cây có chơn chánh đã vững gốc dựng làm biểu hiệu cho cả chúng sanh dòm lấy đó mà đến nơi Bạch Ngọc Kinh.

Nghĩ mà mừng, mà hễ mừng thì lại càng thêm giận lẫn vào trong. Nhưng nhiều vị Đạo hữu chỉ lãnh chức mà chơi, chứ chưa hề hành đạo...

Thượng Trung Nhứt! Lão đã nói mà Thầy cũng đã nói trước rằng khi thành Đạo, nghĩa là khi Tân Luật phát hành, thì trong hàng môn đệ may lắm còn lại nữa phần. Trong đám Thiên Phong, nhiều kẻ e còn bị trục xuất

¹²² Hương Hiếu, *Đạo Sĩ II*, 1968, trang 204.

*thầy! Thầy vì lòng từ bi can gián Lão, bằng chẳng, Lão đã dùng hình phạt mà răn kẻ giả dối ấy.*¹²³

C) Tân Luật Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

Dự án Tân Luật đã được thảo luận, cải và đồng ý, đã được chuyển từ Cửu Trùng Đài sang Hiệp Thiên Đài, và Hiệp Thiên Đài đã dâng lên Ôn Trên. Nay đã được Ôn Trên phê chuẩn chấp thuận cho thi hành. Tương cũng nên ghi lại toàn Bộ Luật để đánh dấu một biến cố quan trọng vô tiền khoáng hậu trong lịch sử nhân loại, và cũng để chứng minh một cách hùng hồn cái phương pháp "Thiên Nhơn Hiệp Nhứt" trong Nguơn Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ này. Nếu Nhơn sanh ý thức được cái lẽ "Thiên Nhơn Hiệp Nhứt" này, và áp dụng trong đời mình thì sẽ được thanh bình an lạc. Thuận Thiên giả tồn, nghịch Thiên giả vong, trong Nguơn này sẽ chắc chắn được thấy một cách rõ ràng.

1) ĐẠO PHÁP

Phần Đạo Pháp gồm có 8 chương:

Chương I về Chức Sắc cai trị trong Đạo

Chương II về người giữ Đạo

Chương III về người lập Họ Đạo

Chương IV về Ngũ Giới Cấm

Chương V về Tứ Đại Điều Qui

Chương VI về Giáo Huấn

Chương VII về việc ban hành Luật

¹²³ Hương Hiếu, *Đạo Sĩ II*, 1968, trang 214.

Chương Một

VỀ CHỨC SẮC CAI TRỊ TRONG ĐẠO

Điều Thứ Nhất. - Trên có một phẩm GIÁO TÔNG là Anh Cả, có quyền thay mặt cho Thầy mà diu dắt cả tín đồ trên đường Đạo và đường đời. Đức GIÁO TÔNG có quyền về phần xác chứ không có quyền về phần hồn.

Đức GIÁO TÔNG đặng phép thông công cùng Tam Thập Lục Thiên và Thất Thập Nhị Địa mà cầu rỗi cho cả tín đồ.

Chư tín đồ phải tuân mạng lệnh phẩm ấy.

Điều Thứ Nhì. - Kế đó có ba vị CHƯỞNG PHÁP của ba Phái là Nho, Thích, Đạo.

Ba vị ấy có quyền xem xét luật lệ trước buổi thi hành, hoặc của Giáo Tông truyền xuống, hoặc của Đầu Sư dâng lên. Như hai đảng chẳng tuân thì phải dâng lên cho Hộ Pháp đến Hiệp Thiên Đài cầu Thầy giảng xuống mà sửa lại.

Ba vị ấy có quyền xem xét kinh điển trước khi phổ thông; như có kinh luật chi làm cho bại hoại phong hóa thì ba vị ấy phải truất bỏ chẳng cho xuất bản.

Mỗi CHƯỞNG PHÁP có ấn riêng. Ba ấn phải có đủ trên mỗi luật mới đặng thi hành.

CHƯỞNG PHÁP phải can gián sửa lỗi của Giáo Tông; nếu cả ba thấy lẽ vô đạo của Giáo Tông, có quyền đem đơn kiện nơi Toà Thánh.

Điều Thứ Ba. - Ba vị ĐẦU SƯ của ba Phái có quyền cai trị phần Đạo và phần đời của tín đồ.

Ba vị ấy đặng quyền lập luật, song phải dâng lên cho Giáo Tông phê chuẩn. Ba vị ấy phải tuân mạng lệnh Giáo Tông, làm y như luật lệ Giáo Tông truyền dạy. Như khoảng luật lệ nào nghịch với sự sinh hoạt của nhơn sanh thì ba vị ấy được nài xin hủy bỏ.

Như luật lệ nào Giáo Tông đã truyền dạy mà cả ba đều ký tên không tuân mạng thì luật lệ ấy phải trả lại cho Giáo Tông. Giáo Tông truyền lệnh cho Chương Pháp xét nét lại.

Ba vị có ba cái ấn riêng nhau; mỗi tờ giấy chỉ chỉ phải có đủ ba ấn mới thi hành.

Điều Thứ Tư. - Ba mươi sáu vị PHỐI SƯ chia ra mỗi Phái là mười hai vị. Trong ấy có ba vị CHÁNH PHỐI SƯ. Ba vị ấy đặng thế quyền cho Đầu Sư mà hành sự, song chẳng đặng quyền cầu phá luật lệ.

Điều Thứ Năm. - GIÁO SƯ có bảy mươi hai người; trong mỗi phái có hai mươi bốn người. GIÁO SƯ là người để dạy dỗ chư tín đồ trong đường Đạo và đường đời.

Buộc GIÁO SƯ lo lắng cho tín đồ như anh ruột lo cho em.

GIÁO SƯ cầm sổ bộ của cả tín đồ, phải chăm nom về sự tang hôn của mỗi người.

Như tại châu thành lớn, GIÁO SƯ đặng quyền cai quản và cúng tế Thầy như thế Đầu Sư và Phối Sư.

GIÁO SƯ đặng quyền dâng sớ cầu nài về luật lệ làm hại nhơn sanh hay là cầu chế giảm luật lệ ấy.

GIÁO SƯ phải thân cận với tín đồ như anh em một nhà cần lo giúp đỡ.

Điều Thứ Sáu. - GIÁO HỮU là người để phổ thông chơn đạo của Thầy, đặng quyền xin chế giảm luật lệ đạo, đặng làm chủ mấy cái chùa, nơi mấy tỉnh nhỏ.

Có ba ngàn GIÁO HỮU; mỗi Phái một ngàn, chẳng nên tăng thêm hay giảm bớt.

Điều Thứ Bảy. - LỄ SANH là người có hạnh, lựa chọn trong chư tín đồ mà hành lễ.

LỄ SANH đặng quyền đi khai đàn cho mỗi tín đồ.

Phải vào hàng LỄ SANH rồi mới mong bước qua hàng chức sắc.

Luật lệ lập HỘI THÁNH nay vì chiếu theo Thánh Ngôn mà đem ra.

Điều Thứ Tám. - ĐẦU SƯ muốn lên CHUỖNG PHÁP thì nhờ ba vị công cử nhau.

PHỐI SƯ muốn lên ĐẦU SƯ thì nhờ ba mươi sáu vị công cử lên.

GIÁO SƯ muốn lên PHỐI SƯ thì nhờ bảy mươi hai vị công cử nhau.

GIÁO HỮU muốn lên GIÁO SƯ thì nhờ ba ngàn vị kia xúm nhau công cử.

LỄ SANH muốn lên GIÁO HỮU thì nhờ cả LỄ SANH xúm nhau công cử.

Ngôi GIÁO TÔNG thì hai phẩm CHUỖNG PHÁP và ĐẦU SƯ tranhặng, song phải chịu toàn tín đồ công cử mới đặng. Kỳ dư Thầy giảng cơ ban thường mới ra khỏi luật lệ ấy mà thôi.

Luật lệ lập HỘI THÁNH nay vì chiếu theo Thánh Ngôn mà đem ra.¹²⁴

Chương Hai

Về Người Giữ Đạo

Điều Thứ Chín. - Muốn xin nhập môn phải có hai người đạo đức tiến dẫn đến người làm đầu trong họ. Hai người tiến dẫn phải lo lắng chỉ biểu và dìu dắt người mới cho hiểu biết đạo lý.

Điều Thứ Mười. - Mỗi Thánh Thất từ đây phải lập Minh Thệ. Còn ai mới vô Đạo, nội ngày đem tên vào sổ phải ra đứng giữa Đại Điện thề lièn.

¹²⁴ *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển và Tân Luật Pháp Chánh Truyền*, Tòa Thánh Tây Ninh, 1972, trang 143 - 245.

Buộc phải thuộc kinh và thông hiểu luật pháp của Đại Đạo truyền ra.

Điều Thứ Mười Một. - Người làm đầu trong họ hay là chức sắc thay mặt cho mình phải đến làm lễ cúng khai đàn Trấn Thần An Vị cho người mới vào Đạo.

Điều Thứ Mười Hai. - Nhập môn rồi gọi là Tín Đồ. Trong hàng Tín Đồ có hai bậc:

1) Một bậc còn ở thế, có vợ chồng, làm ăn như người thường, song buộc phải giữ trai kỳ hoặc sáu ngày hoặc mười ngày trong tháng, phải giữ Ngũ Giới Cấm, và phải tuân theo Thế Luật của Đại Đạo truyền ra. Bậc này gọi là người giữ Đạo mà thôi, vào Phẩm HẠ THỪA.

2) Một bậc đã giữ trường trai, giải sát và Tứ Đại Điều Qui, gọi là vào Phẩm THƯỢNG THỪA.

Điều Thứ Mười Ba. - Trong hàng HẠ THỪA ai giữ trai kỳ mười ngày sắp lên, được thọ truyền bửu pháp, vào Tịnh Thất có người chỉ luyện Đạo.

Điều Thứ Mười Bốn. - CHỨC SẮC cai trị trong Đạo từ bậc GIÁO HỮU sắp lên, phải chọn trong bậc THƯỢNG THỪA mà thôi.

Điều Thứ Mười Lăm. - Bậc THƯỢNG THỪA theo Đại Đạo buộc phải để râu, tóc. Ăn mặc thường, phải dùng toàn đồ vải trắng, hoặc màu theo Phái mình, song phải tùy tiện chảnh nên xa xỉ.

Chương Ba

Về Người Lập Họ Đạo

Điều Thứ Mười Sáu. - Nơi nào có đông tín đồ được chừng năm trăm người sắp lên thì được lập riêng một Họ Đạo, riêng một Thánh Thất, có một Chức Sắc làm đầu cai trị.

Điều Thứ Mười Bảy. - Sự lập Họ Đạo phải có phép Đức GIÁO TÔNG, và phải do nơi quyền Ngài.

Điều Thứ Mười Tám. - Bồn Đạo trong Họ phải tuân mạng của Chúc Sắc làm đầu trong Họ, nhứt nhứt do nơi người, chẳng đặng tự chuyên mà trái Đạo.

Điều Thứ Mười Chín. - Một tháng hai ngày Sóc Vọng, bồn đạo phải tỵ lại Thánh Thất sở tại mà làm lễ và nghe dạy. Trừ ra ai có việc được chế.

Điều Thứ Hai Mươi. - CHÚC SẮC giữ Thánh Thất mỗi ngày phải làm Tiểu Lễ bốn lần theo tứ thời: Tý, Ngọ, Mẹo, Dậu. Mỗi thời phải cúng đúng 6 giờ sáng, 12 giờ trưa, 6 giờ tối, và 12 giờ khuya.

Đỗ một hồi chuông trước khi làm lễ. Trong mấy thời này, bồn đạo muốn đến tụng kinh tùy ý.

Chương Bốn

Về Ngũ Giới Cấm

Điều Thứ Hai Mươi Một. - Hễ nhập môn rồi phải trau dồi tánh hạnh, cần giữ Ngũ Giới Cấm là:

- 1) NHỨT BẤT SÁT SANH là chẳng nên sát hại sanh vật.
- 2) NHÌ BẤT DU ĐẠO là cấm trộm cướp, lấy ngang, lường gạt của người, hoặc mượn vay không trả, hoặc chứa đồ gian, hoặc lượm lấy của rơi, hoặc sanh lòng tham của quấy, để ý hại cho người mà lợi cho mình, cờ bạc gian lận.
- 3) TAM BẤT TÀ DÂM là cấm lấy vợ người, thả theo đàn điếm, xúi giục người làm loạn luân thường, hoặc thấy sắc dậy lòng tà, hoặc lấy lời gieo tình huê nguyệt (vợ chồng không gọi là tà dâm).
- 4) TỨ BẤT TỬU NHỤC là cấm say mê rượu thịt, ăn uống quá độ, rối loạn tâm thần, làm cho não động xóm làng, hoặc miệng ước rượu ngon, bụng mơ đồ mỹ vị.

5) NGŨ BÁT VỌNG NGŨ là cấm xảo trá láo xược, gạt gẫm người, khoe mình, bày lỗi người, chuyện quấy nói phải, chuyện phải thêu dệt ra quấy, nhạo báng, chê bai, nói hành kẻ khác, xúi giục người hờn giận, kiện thưa xa cách, ăn nói lỗ mồm, thô tục, chửi rủa người; hủy báng tôn giáo; nói ra không giữ lời hứa.

Chương Năm

VỀ TỨ ĐẠI ĐIỀU QUI

Điều Thứ Hai Mười Hai: - Buộc phải trau dồi đức hạnh giữ theo Tứ Đại Điều Qui là:

- 1) Phải tuân lời dạy của Bề Trên, chẳng hỏ chịu cho bực thấp hơn điều độ. Lấy lễ hoà người. Lỡ làm lỗi phải ăn năn chịu thiệt.
- 2) Chớ khoe tài, đừng kiêu ngạo, quên mình làm nên cho người. Giúp người nên Đạo. Đừng nhớ cừ riêng. Chớ che lấp người hiền.
- 3) Bạc tiền xuất nhập phân minh, đừng mượn vay không trả. Đối với trên, đừng lòn dẽ; trên dạy dưới lấy lễ, dưới gián trên đừng thất khiêm cung.
- 4) Trước mặt sau lưng cũng đồng một bực; đừng kính trước rồi khi sau. Đừng thấy đồng đạo tranh đua ngòì mà xem không để lời hoà giải. Đừng lấy chung làm riêng, đừng vụ riêng mà bỏ việc chung. Pháp luật phải tuân, đừng lấy ý riêng mà trái trên dẽ dưới. Đừng cậy quyền mà yểm tài người.

Chương Năm

VỀ GIÁO HUẤN

Điều Thứ Hai Mười Ba: - Trong Đạo sẽ lập trường để dạy chữ và dạy Đạo.

Điều Thứ Hai Mươi Bốn. - Cách dạy và các việc sắp đặt trong trường sẽ có lập thể lệ riêng.

Điều Thứ Hai Mươi Lăm. - Sau những người có giấy tốt nghiệp của nhà trường cho mới được dự cử vào hàng Chức Sắc trong Đạo.

Chương Bảy

Về Hình Phạt

Điều Thứ Hai Mươi Sáu. - Trong bản đạo ai có phạm luật về mấy điều khoản nhẹ thì về người làm đầu trong Họ phân xử, và đặng phạt quì hương tụng kinh sám hối.

Điều Thứ Hai Mươi Bảy. - Như phạm tội trọng hay là tái phạm thì phải đệ lên cho Hội Công Đồng phán đoán.

Hội ấy, một vị Đầu Sư hay là Phối Sư Phái mình làm đầu và có hai vị Chức Sắc hai Phái kia nghị án. Hội này được quyền trực xuất.

Điều Thứ Hai Mươi Tám. - Về đường đời, bản đạo có xích mích nhau, cũng phải đến cho người làm đầu trong Họ phân giải.

Điều Thứ Hai Mươi Chín. - Chư Chức Sắc, ai có phạm luật pháp trong Đạo, thì đem trước Toà Tam Giáo phân xử.

Điều Thứ Ba Mươi. - Toà Tam Giáo có Đức Giáo Tông làm đầu, ba vị Chương Pháp nghị án. Vị Đầu Sư Phái mình về phần dâng biểu buộc tội. Một Chức Sắc Hiệp Thiên Đài làm Trạng Sư.

Điều Thứ Ba Mươi Một. - Toà này có quyền xử giáng cấp hay trực xuất.

Chương Tám

Về Việc Ban Hành Luật Pháp

Điều Thứ Ba Mươi Hai. - Trong hạn sáu tháng kể từ ngày ban hành luật pháp này, chư tín đồ phải tuân y các điều lệ.

Ngoại trừ:

1) Những người làm nghề nghiệp phạm luật cấm thì được kỳ hạn một năm phải giải nghề.

2) Những Chức Sắc chưa trưởng trai được kỳ hạn hai năm phải tập theo cho kịp.

Kỳ dư luật lệ Thầy canh cải phải tuân theo, còn bao nhiêu phải tùy Cựu Luật.¹²⁵

2) THẾ LUẬT

Phân Thế Luật gồm có 24 Điều như sau:

Người được nhập môn hành đạo phải tuân y Thế Luật như sau đây:

Điều Thứ Nhất: - Hễ thọ giáo với một Thầy thì tỉ như con một Cha phải thương yêu nhau, liên lạc nhau, giúp đỡ nhau, lấy lòng thành thật mà đối đãi nhau, dìu dắt nhau trong đường Đạo và đường đời.

Điều Thứ Hai: - Nhập Đạo rồi thì phải quên những việc oán thù nhau khi trước; phải tránh việc ganh ghét, tranh đua và kiện cáo; phải nhẫn nhịn và hoà thuận với nhau. Rủi có điều chi xích mích phải vui nghe người làm đầu trong Họ phân giải.

Điều Thứ Ba: - Phải giữ Tam Cang Ngũ Thường là nguồn cội của Nhơn Đạo: Nam thì hiếu đễ, trung tín, lễ nghĩa, liêm sĩ; Nữ thì tòng phụ, tòng phu, tòng tử, và công, dung, ngôn, hạnh.

Điều Thứ Tư: - Ra giao thiệp với đời thì phải tập và giữ tánh ôn, lương, cung, khiêm, nhường.

Điều Thứ Năm: - Đối với hàng đạo hữu, phải nuôi nấng cái tình thù tạc với nhau cho khắng khít cái dây liên lạc. Trong hàng tín đồ còn ở thế, phải nhớ hai dịp là Tang và Hôn.

¹²⁵ *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển và Tân Luật Pháp Chánh Truyền*, Tòa Thánh Tây Ninh, 1972, trang 244 - 248.

Điều Thứ Sáu: - Việc Hôn là việc rất trọng đời người. Phải chọn hôn trong người đồng đạo, trừ ra khi người ngoài ưng thuận nhập môn thì mới được kết làm giai ngẫu.

Điều Thứ Bảy: - Tám ngày trước Lễ Sinh, chủ hôn trai phải dán bố cáo nơi Thánh Thất sở tại cho trong bốn đạo hay, sau khỏi điều rắc trở.

Điều Thứ Tám: - Làm Lễ Sinh rồi, hai đảng trai và gái phải đến Thánh Thất mà cầu lễ "Chung Hôn".

Điều Thứ Chín: - Cấm người trong Đạo, từ ngày ban hành Luật này về sau, không được cưới hầu thiếp. Rủi có chích lễ giữa đường thì được chấp nối.

Thảng như phụ nữ kia không con nối hậu thì Thầy cũng rộng cho đăng phép cưới thiếp, song chính mình chánh thê đứng cưới mới đăng.

Điều Thứ Mười: - Trừ ra có ngoại tình hay là thất hiếu với công cô, vợ chồng người đạo không được bỏ nhau.

Điều Thứ Mười Một: - Con nít mới sanh phải chọn cha và mẹ đỡ đầu cho nó, phòng sau bảo hộ nó lúc rủi phải thân cô.

Điều Thứ Mười Hai: - Đứa con nít khi được một tháng sắp lên phải đem đến Thánh Thất sở tại mà xin làm lễ Tắm Thánh, và ghi vào Bộ Sanh của bốn đạo.

Điều Thứ Mười Ba: - Buộc cha mẹ con nít từ 6 tuổi chí 12 tuổi phải cho con vào trường học chữ hay là học Đạo.

Điều Thứ Mười Bốn: - Trong bốn đạo xảy có người mãn phần qui vị thì chur tín đồ trong Họ phải chung cùng đến giúp và chia buồn với tang chủ.

Mỗi Họ cũng nên lập một nghĩa địa riêng.

Điều Thứ Mười Lăm: - Người làm đầu trong Họ, khi tang chủ mời, phải đến hiệp với chur tín đồ trong Họ, làm lễ cầu siêu cho vong linh theo Tân Luật và đưa xác tới mộ phần.

Điều Thứ Mười Sáu: - Trong việc tổng chung, không nên xa xí, không nên để lâu ngày, không nên dùng đồ âm công, cử màu

sắc loè loẹt, chỉ dùng toàn đồ trắng, không nên dải đăng rần rộ mà mất sự nghiêm tịnh và mất dấu ai bi.

Điều Thứ Mười Bảy: - Trong việc cúng tế vong linh, không nên dùng hi sanh, dùng toàn đồ chay thì được phước hơn, song phải dùng Lễ Nhạc theo Tân Luật. Tang phục thì y như xưa.

Điều Thứ Mười Tám: - Việc cầu siêu cho vong linh trong tuần Cửu Cửu và đến lúc Tiểu, Đại Tường, thì do nơi Thánh Thất sở tại mà cầu lễ. Bốn đạo trong Họ, nếu có mời, phải đến cầu nguyện.

Điều Thứ Mười Chín: - Một người trong Đạo gặp tai nạn thành linh, thì Bốn Đạo trong Họ ấy tùy hỉ chung nhau, tư trợ cho qua lúc ngặt nghèo.

Điều Thứ Hai Mươi: - Kể từ ngày ban hành Luật này, người bốn đạo chẳng nên chuyên nghề gì làm cho sát sanh hại vật; chẳng được làm nghề gì mà tội phong bại tục; chẳng được soạn hay là ấn hành những truyện phong tình huê nguyệt; không được buôn bán các thứ rượu mạnh và á phiện là vật độc làm cho giảm chất con người.

Người nào đã làm lỗi rồi, hãy kiểm thế mà giải nghệ.

Điều Thứ Hai Mươi Một: - Người bốn đạo ăn mặc phải cần kiệm, tùy phận tùy duyên; cũng nên dùng đồ vải thô, và giảm bớt hàng lụa.

Điều Thứ Hai Mươi Hai: - Người nào trong Đạo phạm một hay nhiều điều răn cấm trên đây, thì mấy người khác trong bốn đạo hay biết phải khuyên giải. Nếu chẳng nghe, phải đến tố cho người làm đầu trong Họ hay cho người để lời khuyên dạy.

Điều Thứ Hai Mươi Ba: - Nếu tái phạm hoặc không bỏ nếp hư và nghiệp quấy thì phải trục xuất. Trong bốn đạo không ai được nhận nhìn là đạo hữu nữa.

Điều Thứ Hai Mươi Bốn: - Hội Công Đồng có Đầu Sư một Phái làm đầu và hai Chức Sắc hai Phái kia nghị sự phán đoán về hình trục xuất theo lời của người làm đầu trong Họ xin.

Lệnh này sẽ dán nơi Thánh Thất sở tại cho chư tín đồ rõ biết.¹²⁶

3) TỊNH THẮT

Phân Tịnh Thất có tám điều như sau:

Tịnh Thất là nhà thanh tịnh để cho các tín đồ vào mà tu luyện.

Muốn vào nhà Tịnh Thất phải tuân y những điều lệ như sau này:

Điều Thứ Nhất: - Trong hàng tín đồ, ai đã xử trọn Nhơn Đạo và giữ trai giới từ sáu tháng sắp lên thì được vào Tịnh Thất mà nhập định.

Điều Thứ Hai: - Phải có một người đạo đức hơn mình tiến dẫn, và một người đạo hữu bảo hộ.

Điều Thứ Ba: - Cấm không đặng thờ tín vãng lai với người ngoài, trừ ra thân nhân, song phải có người Tịnh Chủ xem trước.

Điều Thứ Tư: - Cấm người ngoài không được vào nhà Tịnh, chẳng luận là viên quan Chức Sắc cùng thân tộc tín đồ.

Điều Thứ Năm: - Cấm không được chuyện vãn với người ngoài, trừ ra cha mẹ và con cháu đến thăm, song cũng phải có phép người Tịnh Chủ cho.

Điều Thứ Sáu: - Nhập Tịnh Thất rồi phải tuyệt trừ thuốc và không được ăn vật chi ngoài mấy bữa cơm.

Điều Thứ Bảy: - Phải giữ cho chơn thân an tịnh, đừng xao xuyên lương tâm. Phải thuận hoà không được tiếng lớn, phải siêng năng giúp ích cho nhau và đìu dắt nhau trong đường Đạo.

Điều Thứ Tám: - Phải tuân mạng lệnh của một Tịnh Chủ, phải y theo giờ khắc sẽ định mà hành công tu luyện.¹²⁷

¹²⁶ *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển và Tân Luật Pháp Chánh Truyền*, Tòa Thánh Tây Ninh, 1972, trang 240 - 251.

¹²⁷ *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển và Tân Luật Pháp Chánh Truyền*, Tòa Thánh Tây Ninh, 1972, trang 252.

Tiết III: Pháp Chánh Truyền Hiệp Thiên Đài (1927)

Sau khi ban hành Pháp Chánh Truyền Cửu Trùng Đài, Đức Chí Tôn liền chuyển sang một vấn đề quan trọng khác. Vào ngày 12 tháng Giêng, Đinh Mão (ngày 13 tháng 2 năm 1927), Đức Chí Tôn giảng đàn ân ban Pháp Chánh Truyền Hiệp Thiên Đài, dạy:

Các con! Cả chư môn đệ khá tuân mạng:

HIỆP THIÊN ĐÀI là nơi Thầy ngự, cầm quyền thiêng liêng mới Đạo. Hễ Đạo còn thì HIỆP THIÊN ĐÀI vẫn còn.

Thầy đã nói Ngũ Chi Đại Đạo bị qui phạm là vì khi trước Thầy giao Chánh Giáo cho tay phạm càng ngày càng xa Thánh giáo mà lập ra phạm giáo, nên Thầy nhứt định đến chính mình Thầy đặng dạy dỗ cho các con mà thôi, chớ không chịu giao Chánh Giáo cho tay phạm nữa.

Lại nữa HIỆP THIÊN ĐÀI là nơi của Giáo Tông đến thông công cùng Tam Thập Lục Thiên, Tam Thiên Thế Giới, Thất Thập Nhị Địa Cầu, Thập Điện Diêm Cung mà cầu siêu cho cả nhơn loại.

Thầy đã nói sở dụng thiêng liêng, Thầy cũng nên nói sở dụng phạm trần của nó nữa.

HIỆP THIÊN ĐÀI dưới quyền HỘ PHÁP chương quản, tả có THƯỢNG SANH, hữu có THƯỢNG PHẨM. Thầy lại chọn Thập Nhị Thời Quân chia ra làm ba:

Phần của HỘ PHÁP chương quyền về pháp thì:

Hậu là BẢO PHÁP

Đức là HIẾN PHÁP

Nghĩa là KHAI PHÁP

Trang là TIẾP PHÁP

Lo bảo hộ luật đời và luật Đạo, chẳng ai qua luật mà Hiệp Thiên Đài chẳng biết.

THƯƠNG PHẨM thì quyền về phân Đạo, dưới quyền:

Chưởng là BẢO ĐẠO

Tươi là HIỂN ĐẠO

Đãi là KHAI ĐẠO

Trọng là TIẾP ĐẠO

Lo về phân Đạo nơi Tịnh Thất, mấy Thánh Thất, đều xem sóc chư môn đệ Thầy, binh vực chẳng cho ai phạm Luật đến khổ khắc cho đặng.

THƯƠNG SANH thì lo về phân đời:

BẢO THẾ thì Phước

HIỂN THẾ thì Mạnh

KHAI THẾ thì Thâu

TIẾP THẾ thì Vinh

Thầy khuyên các con lấy tánh vô tư mà hành đạo. Thầy cho các con biết rằng: Hễ trọng quyền thì ắt có trọng phạt.

Thấy ban ơn cho các con.

BẢO là giữ gìn. HIỂN là dâng. KHAI là mở (bày ra). TIẾP là rước.



Đức Cao Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư
(Ảnh của Toà Thánh)



Đức Cao Thượng Sanh Cao Hoài Sang
(Ảnh của Toà Thánh)



Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc
(Ảnh của Toà Thánh)

Tiết IV: Lập Tịch Đạo cho Nam và Nữ Phái

A) Nam Phái

Từ Ngọ thời mừng 1 tháng 7 Bính Dần (ngày 9 tháng 8 năm 1926) cho tới Sửu thời (3 giờ sáng) ngày mừng 2, Thầy giảng cơ sáu lần¹²⁸ để dạy việc cho chư đệ tử. Trong một kỳ đàn tái cầu, Thầy có dạy về việc phải nhập môn, vì nếu không nhập môn thì Phật Tiên Thánh Thần không chịu nhìn nhận là môn đồ của Đức Chí Tôn, và không hộ trì bảo vệ:

... Qui Vương đến trước Bạch Ngọc Kinh xin hành xác và thử thách các con. Thầy chẳng chịu cho hành xác. Chúng nó hiệp Tam Thập Lục Động toan hại các con, nên Thầy sai Quan Thánh và Quan Âm đến giữ các con, nhưng phần đông chưa lập Minh Thệ nên chư Thần Thánh Tiên Phật không muốn nhìn nhận.

Vì vậy, Thầy sai mấy đũa nhỏ¹²⁹ xuống đặng chung hiệp cùng con mà tức cấp lập thành, và luôn dịp phong Thiên Ân cho Trương, Kim, và Thơ ...

Tái Cầu:

Trong Tam Kỳ Phổ Độ và Qui Tam Giáo này,

Phật thì có Quan Âm

Tiên thì có Lý Thái Bạch

Thánh thì có Quan Thánh Đế Quân khai Đạo.

Vậy các con lập cho đủ ba Trấn chứng đàn. Con phải lập Bàn Ngũ Lô, như Thầy dạy lúc trước: Phải có bùa Kim Quang Tiên, còn con viết bùa Giáng Ma Xử để bàn vọng Hộ Pháp, rồi Cư chấp bút nhang cho Thầy triệu Ngũ Lô đến, rồi nó xuống đứng gần bàn Hộ Pháp với Tắc và Sang. Còn mấy đũa Phò Loan đứng vòng theo đó.

¹²⁸ Thánh Ngôn Hiệp Tuyển và Tân Luật Pháp Chánh Truyền, Tòa Thánh Tây Ninh, 1972, trang 31 - 34.

¹²⁹ Thánh Ngôn Hiệp Tuyển và Tân Luật Pháp Chánh Truyền, Tòa Thánh Tây Ninh, 1972, trang 32.

Con biểu Tương, Kim, Thơ thê y như buổi trước. Chư môn đệ thê như buổi Thiên Phong. Con phải nhớ dặn chúng nó tịnh tâm mới đặng, vì có cả chư Thần Thánh Tiên Phật chứng đàn.

Đàn dạy xong xuôi, Đức Chí Tôn ân ban Tịch Đạo như sau:

Các con nghe Tịch Đạo:

THANH ĐẠO TAM KHAI THẤT ỨC NIÊN

THỌ NHƯ ĐẤT HUYỀN¹³⁰ THẠNH HOÀ THIÊN

HƯ VÔ QUI PHỤC NHON SANH KHÍ

TẠO VẠN CỔ ĐÀN CHIẾU PHẬT DUYÊN.

THANH là Tịch các con. Vậy thì:

Tương là Thượng Tương Thanh

Kim là Thượng Kim Thanh

Thơ là Thái Thơ Thanh

Phải dùng tên ấy mà thê.

Dịch Nôm:

Đạo Tiên khai lần thứ ba kéo dài bảy ức năm

Thọ như Đất thanh như Trời

Không hư mà trở lại sanh khí con người

Lập một đàn rất cổ để dẫn độ người có duyên phần.

Theo Thánh giáo dạy ngày Rằm tháng 10 Bính Dần (ngày 19 tháng 11 năm 1926) thì mỗi một thế hệ Giáo Tông là một Tịch. Khi Đức Giáo Tông ấy qui tiên thì chư Chức Sắc Hội Thánh mới sẽ lấy Tịch kế tiếp. Còn chư Chức Sắc của thế hệ Giáo Tông trước vẫn giữ Tịch cũ. Thí dụ, thế hệ Đức Giáo Tông hiện nay là THANH. Hết thế hệ Giáo Tông này, kể từ Giáo Tông mới nhậm chức thì chư Chức Sắc mới lập thành sẽ lấy

¹³⁰ Chú thích của người đánh máy bài: Theo Tự Điển Cao Đài chữ Huyền trong nguyên bản của Đạo Trường Đỗ Vạng Lý có thể là chữ Quyển có nghĩa là tròn.

Tịch kế tiếp là ĐẠO. Những Chức Sắc cũ còn hành đạo trong Hội Thánh mới vẫn giữ Tịch cũ của mình.

Tịch là tên.

Cách sắp xếp phải như sau: Tịch Đạo để sau cùng. Chính giữa là tên đời (chứ không phải họ). Ở đầu thì ghi Phái của mình. Vậy THƯỢNG TƯỚNG THANH chỉ rằng người này tên đời là TƯỚNG, Chức Sắc đời Giáo Tông này là THANH, ở Phái THƯỢNG của Đại Đạo.

Trong Đại Đạo thường nói: Thiên Ân của ông Nguyễn Văn Tương là THƯỢNG TƯỚNG THANH.

Khi sử dụng hết Bảng Tịch Đạo mà Thượng Đế cho trên thì cầu Thượng Đế giáng đàn âm ban một Bảng Tịch Đạo khác. Và cơ Đại Đạo cứ thế mà tiến cho đến "thất ức niên dư".

Thứ tự trước sau của các Tịch phải được xử dụng theo như đã được ân ban, không được thay đổi: trước nhất là THANH, sau nhất là DUYÊN. Mỗi một chữ là một Tịch. Có tất cả hai mươi tám Tịch Nam Phái.

B) Nữ Phái

Ngày 14 tháng 10 Bính Dần (ngày 18 tháng 11 năm 1926), như đã định trong Chương Trình Khánh Thành Cơ Đạo tại Chùa Gò Kén Từ Lâm Tự, Thầy phong Tịch Đạo cho Nữ Phái như sau:

Nữ Phái nghe Thầy khai Tịch Đạo:

HƯƠNG TÂM NHỨT PHIẾN CẬN CÀN KHÔN

HUỆ ĐỨC TU CHƠN ĐỘ DẪN HỒN

NHỨT NIÊN QUAN ÂM THUYỀN BẢO MẠNG

THIÊN NIỆM ĐĂNG PHÁI THỬ SANH HỒN.

Lâm Thị: Phong Vị Giáo Sư, lấy Thiên Ân là HƯƠNG THANH.

Ca Thị: Phong Vị Phó Giáo Sư, lấy Thiên Ân là HƯƠNG CA.

Dịch Nôm:

Một tấm lòng thom gần Trời Đất
Đức sáng của người chánh tu độ dẫn hồn
Một tiếng niệm Quan Âm tánh mạng được bảo vệ
Nữ Phái được vĩnh cửu ngàn năm.

Về Nữ Phái thì Tịch Đạo để trước nữ danh. Thí dụ: Tiên Khai HƯƠNG THANH, nữ danh là Lâm Thị THANH nên Thiên Ân là HƯƠNG THANH.

Tịch Đạo Nữ Phái và Nam Phái trong Cao Đài Giáo Việt Nam phải luôn luôn sắp xếp như thế, nhưng cũng có một vài ngoại lệ. Như trường hợp của ông Trung và ông Lịch thì Đức Chí Tôn lại ân ban là THƯỢNG Trung NHỰT và NGỌC Lịch NGUYỆT. Có một vài nơi ghi rằng ông Ngô Văn Chiêu cũng được Thiên Ân là Ngô MINH Chiêu.

Sau này, cơ Cao Đài Giáo lại chia ra làm thành khá nhiều Chi Phái, và mỗi Chi Phái đều có Toà Thánh hoặc Hội Thành riêng biệt. Vì thế cho nên cũng có người Chức Sắc hoặc tín đồ được ân ban Thiên Ân hoàn toàn nằm ngoài tính cách thông thường đã được Tân Luật hoặc Ôn Trên qui định như đã ghi trên. Những Thiên Ân này của các Chi Phái đều được trong Đạo gọi là Thánh Danh.

Thánh Danh trong các Chi Phái có hai hoặc ba chữ, như Huỳnh Đức, Huệ Tâm, Thiện Thanh ... cho Nam Phái, và như Diệu Tiên, Bạch Hiên, Hồng Cẩm, ... cho Nữ Phái. Trong loại ba chữ thì như trong trường hợp Huỳnh Hoa Điệp, Thông Huyền Quang v.v... Hiện giờ không có đủ tài liệu để sưu tầm rõ ràng hơn nữa.

Thánh Danh này được sử dụng trong toàn Đạo, ngoại trừ Toà Thánh tại Tây Ninh, và người trong Đạo biết nhau qua Thánh Danh ấy, chứ ít khi dùng tên đời. Vì thế cho nên có một số người Đạo hoặc Chức Sắc trong các Chi Phái dùng Thánh Danh chung với tên đời cho được dễ biết hơn, như trường hợp Huệ Lương Trần Văn Quế; Huệ Lương là Thánh Danh, và Trần

Văn Quế là tên đời, nhưng cách xử dụng như thế này cũng ít thôi.

Thánh Danh này thường ân ban cho những ai có công với Đạo, hoặc cho những ai mà Ôn Trên giao phó cho một trọng trách nào đó. Có thể tiên đoán rằng sau này, khi Cơ Đạo được thống nhất, thì những biệt lệ này phải nhường chỗ lại cho tính cách thuần nhất mà Ôn Trên đã ban bố và ấn định.



Ngài Nữ Đầu Sư Hương Hiếu
(Ảnh của Toà Thánh)

Phần Năm

GIẢI ĐOẠN HÀNH ĐẠO

Tiết I: Lập Toà Thánh tại Tây Ninh

Sau khi dự lễ Khánh Thành Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Hoà Thượng Như Nhãn, một mặt vì cuộc biến 'Qui Nhập Tràng' ngày Rằm tháng 10 năm Bính Dần, một mặt bị áp lực nặng nề của đoàn Phật tử công kích, mĩa mai, nên mất đức tin và ngã lòng. Ông không còn tự chủ được nữa, nên ngã theo những yêu sách của Phật tử, nhứt là của nữ phái. Hoà Thượng Như Nhãn nhứt định đòi chùa lại, thay đổi ý mình trước kia đã thuận cho nhóm Cao Đài sử dụng.

Về phần Hội Thánh Cao Đài, vì thấy không còn cách nào để thương thuyết với Hoà Thượng được nữa, nên cũng vâng lệnh Ôn Trên "buộc phải giao chùa lại cho ông Như Nhãn. Đoạn mới mua một số rừng một trăm bốn mươi mẫu¹³¹ giá hai mươi lăm ngàn đồng (tiền Việt Nam hồi ấy: lời của soạn giả), tọa lạc ở làng Long Thành. Khai phá được chừng mười mẫu rồi mới cất Toà Thánh Tạm mà an bài nơi đó kể từ tháng Hai năm Đinh Mão ... Lúc bấy giờ Đạo phải trải qua nhiều lối chông gai, nhiều đường khổ hạnh. Những người chủ trương việc Đạo, nhứt là ông Cao Quỳnh Cư, đem hết dạ nhiệt thành, hết bầu tâm huyết mà sắp đặt trật tự bên trong và chống trả với phản động lực bên ngoài (đời Pháp thuộc)".¹³²

Toát yếu tình hình Đạo sự lúc đó là như thế, và sau đây chúng ta sẽ lần lượt xem lại những diễn biến xảy ra.

A) Hoà Thượng Như Nhãn đòi chùa

Như trước kia đã ghi, việc 'Qui Nhập Tràng' đã làm cho Hoà Thượng Như Nhãn và phái Thiên Lâm Tự mất đức tin. Thêm vào đó còn có luồng dư luận công chúng và báo chí mĩa mai nhạo báng luôn luôn ám ảnh chư Phật tử. Họ bàn tán sôi nổi,

¹³¹ Một mẫu Pháp bằng 2,471 acres của Mỹ; 140 mẫu Pháp bằng 34,594 mẫu Mỹ.

¹³² Hương Hiếu, *Đạo Sĩ II*, 1968, trang 6 (mimeographed).

người này nói ra, người kia nói vào, càng ngày bất lợi cho bên Cao Đài. Trong lúc đó, thập phương lại tiếp tục kéo đến Thánh Thất ngày đêm để nhập môn cầu Đạo, hành hương cúng kiến không ngớt làm cho nhóm Phật tử càng thêm bức tức.

Chính Quyền Thuộc Địa Pháp sau khi thấy thành công kỳ lạ của nền Tân Tôn Giáo Cao Đài, và việc trở lòng của nhóm Phật tử, liền nắm cơ hội này mà đổ dầu vào lửa, xúi giục phái Thiên Lâm làm áp lực đòi chùa lại, nghĩa là có ý làm cho đạo Cao Đài mất địa điểm hành đạo để phá vỡ lòng tin ngưỡng mãnh liệt đang cuộn cuộn phát khởi của người dân, cắt ngang cao trào bành trướng Cao Đài, gây thêm mâu thuẫn giữa hai tôn giáo, với hậu ý là cố tâm diệt phong trào Cao Đài khi hãy còn trong thời kỳ trướng nước.

Chánh Quyền Thuộc Địa đã thành công trong một phần nào: Hoà Thượng Như Nhân một phần mất đức tin, một phần bị áp lực trong ngoài quá nặng, một phần thấy Pháp Chánh Truyền Cao Đài không có chi giống như luật lệ phái Thiên Lâm, một phần được sự chiều cố của Chính Quyền Thuộc Địa Pháp, nên sẵn sàng ngã theo chiều gió đương thời, mà nhứt định đòi chùa lại, không để cho Hội Thánh Cao Đài sử dụng nữa.

Trong khi ấy, bên Cao Đài chưa tìm được chỗ nào để dời đi, vì sự việc xảy ra cũng hơi thành linh, nên ông Đầu Sư Thượng Trung Nhựt, mà sau này được Thiên Phong Quyền Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, thấy cần phải rán hết sức điều đình với Hoà Thượng. Ông Thượng Đầu Sư điều đình rất nhẫn nại, nói hết lời nhưng Hoà Thượng Như Nhân cũng khăng khăng đòi lấy chùa lại lập tức. Không biết làm thế nào, ông Trung mới nói: "Bạch Hoà Thượng, trước kia giữa đàn cơ có Đức Thượng Đế chứng chiếu, Hoà Thượng đã bằng lòng hợp tác với chúng tôi và đã cho mượn chùa để tổ chức cuộc lễ. Ngày nay sao Hoà Thượng lại đổi ý?" Không một chút ngần ngại, Hoà Thượng chậm rãi đáp: "Tôi là người phạm, làm sao mà nói chuyện với Thần Tiên được?"¹³³

¹³³ Lời của cụ Đoàn Văn Bản, theo Giáo Sư Trần Văn Quế thuật lại.

Nghê Hoà Thượng thốt lên những lời ấy, tất cả những vị trong nhóm Tu Tiên có mặt tại đó đều chung hững bất nhẫn ..., biết không còn hi vọng gì nữa. Không những Hoà Thượng đòi chùa lại mà thôi, mà lại còn vô đơn kiện phái Tu Tiên, đòi trục xuất ra khỏi chùa Từ Lâm Tự lập tức. Lẽ tất nhiên là Chính Quyền Thuộc Địa rất lấy làm vui mà làm cho Hoà Thượng vừa lòng và ra lệnh cấp bách "đến ngày 13 tháng 2 Đinh Mão (1927), tất cả quả Càn Khôn, cốt Phật Tổ, Toà Bát Quái ... phải dời đi cho hết."¹³⁴

Trước đó chừng một tháng, ngày 19 tháng Giêng năm Đinh Mão, Đức Lý Thái Bạch giảng đàn cho biết rằng:

*... chẳng vì Thánh Thất Như Nhãn phản ngôn mà trở phổ thông Thánh Giáo, cười ..., đã hiểu đời, còn mê muội, chẳng phân đặng chơn giả thế nào, thảm thay! Có một điều đáng trách là một Phái yêu dấu của Chí Tôn dám cả gan nghịch Thiên mà phải đoạ trầm luân muôn kiếp. Xét theo công tu, khó ngăn giọt lụy. Chí Tôn đau đớn bấy nhiêu. Biết bao phen Lão cầm viết toan bôi xoá cho rồi trọn Phái oan nghiệt mà Chí Tôn nằng nằng xin Lão để cho Người độ rồi ...*¹³⁵

B) Trả chùa - Chon Thánh Địa

Việc Hoà Thượng Như Nhãn quyết định đổi ý, Thiêng Liêng đã rõ, và cũng trong kỳ đàn ngày 19 tháng Giêng nói trên, Đức Lý Đại Tiên ra lệnh cho Hội Thánh:

... ngày nay, Lão nhứt định trả chùa lại", và dạy thêm "... Chư Đạo hữu phải hiệp sức nhau dựng lập thành Toà Thánh, chi chi cũng ở tại Tây Ninh này mà thôi vì là Thánh Địa, vả lại, phong thổ thuận cho nhiều nước ngoại quốc đến đây học Đạo. Lão muốn nơi khác mà Chí Tôn không chịu ... Thượng Trung Nhứt phải làm thế nào chùa đất đủ ra ít nữa là năm mươi mẫu là cả trọn

¹³⁴ Tiểu Sử Đức Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhứt - Diễn Văn tại Đạo Đức Học Đường, ngày 14 tháng 7, Kỷ Ty (18 tháng 8, 1929), trang 47.

¹³⁵ Hương Hiếu, Đạo Sử II, 1968, trang 222.

*Bạch Ngọc Kinh và cho đủ Thánh Địa ấy. Hiền hữu đi chọn đất về cho Lão hay. Cầu khẩn Chí Tôn nghe.*¹³⁶



..... Đền Thánh
(Ảnh của Toà Thánh)

Tỉnh Tây Ninh cũng khá rộng lớn, Hội Thánh đi đây đi đó tìm mãi mà không thấy một nơi nào vừa ý, nên rất ưu tư. Thấy thế, Đức Chí Tôn ngày 20 tháng Giêng năm Đinh Mão (20 tháng 2, 1027) giá lâm, xác định lại cho Hội Thánh an lòng rằng Tây Ninh thật là Thánh Địa, và cùng một lúc chỉ đích xác làng Long Thành là nơi lập Toà Thánh. Đức Chí Tôn lại còn giảng dạy như sau:

¹³⁶ Hương Hiếu, *Đạo Sĩ II*, 1968, trang 222.

Các con nghe. Nơi nào Thầy ngự, thì nơi ấy là Thánh Địa. Thầy đã ban sắc cho Thân Hoàng Long Thành thăng lên chức Văn Xương, vào trấn nhậm làng Hiệp Ninh, dạy độ dân về Đạo. Thầy ban trọn quyền thưởng phạt đặng răn làng ấy cho đến ngày ăn năn cải hoá ... Vậy thì làng Long Thành, các con khá an lòng.

Còn Toà Thánh thì Thầy muốn cho có nhơn lực hiệp cùng Thiên ý, ấy là hạnh của Thầy. Các con cũng nên xem gương mà bắt chước.

Từ khi Thầy đến lập Đạo cho các con đến giờ, Thầy chưa hề một mình chuyên quyền bao giờ. Các con lựa chọn nơi nào mà Hội Thánh vừa lòng thì đẹp lòng Thầy. Các con phải chung hiệp nhau mà lo cho hoàn toàn Toà Thánh. Chi chi cũng tại Tây Ninh đây mà thôi. Các con đã hiểu Thánh ý Thầy. Phải cần kiệm, Mọi sự chi về phương tiện mà thôi.¹³⁷

Dù được Đức Chí Tôn chỉ dẫn rõ ràng như thế, nhưng Hội Thánh cũng không thể tìm được một miếng đất để mua. Chư Ngài đi hỏi các người quen biết điềm chỉ dùm, nhưng không có một ai biết đâu có đất bán cả. Hội Thánh đi đầu này đầu nọ, như 'đi bắt Lạc Mạo Phong', như đi bắt mây bắt gió, chẳng biết chỗ nào là chỗ nào. Trong khi lúng túng lo nghĩ đó thì may thay Đức Lý Thái Bạch giáng đàn mách bảo giúp. Nhờ thế mà Hội Thánh tìm được mười một mẫu đất đã khai khẩn thành ruộng ròi của ông Phạm Văn Trình tại vùng Cà Ná đang muốn bán.

Kiểm được đất ròi, Hội Thánh liền thiết đàn như đã được dạy trước kia, và Đức Lý Thái Bạch giáng đàn giải nghĩa cái địa hình địa thế của nơi ấy như sau:

Lão khen Thái Thơ Thanh ... Lão cắt nghĩa vì sao cuộc đất ấy là Thánh Địa.

Sâu hơn ba trăm thước như con sông giữa trung tim đất giáp lại trùng giữa sáu nguồn làm như sáu con rồng

¹³⁷ Thánh Ngôn Hiệp Tuyển và Tân Luật Pháp Chánh Truyền, Toà Thánh Tây Ninh, 1972, trang 77 - 78.

doanh nhau. Nguồn nước ấy trùng ngay đỉnh núi gọi là Lục Long Phò Ấn. Ngay miếng đất đó dựng ba đầu: một đầu ra giếng mạch ao hồ, hai đầu nữa bên cụm rừng bên kia ...

Còn phải xin khai khẩn miếng đất rừng bên kia nữa mới trọn.¹³⁸

Được Ôn Trên chấp thuận và được cho biết nơi đó là linh địa, Hội Thánh mừng lắm, liền điều đình mua ngay miếng đất mười một mẫu ấy để dời Thánh Thất về lập tức vì lệnh trực xuất của chính quyền quá ư cấp bách.

Nhưng rồi miếng đất này cũng chưa đủ, trở thành quá hẹp cho số tín đồ càng ngày càng đông. Hội Thánh liền điều đình mua thêm được hai sớ đất nữa của ông Aspar, Hội Cựu Chiến Binh Pháp: một lô ba mươi mẫu và một lô bảy mươi mẫu. Tất cả trước sau trong ngoài, Hội Thánh mua được một trăm bốn mươi mẫu, cũng đúng như Thiêng Liêng đã dạy. Giấy tờ mua đất do bà Lâm Ngọc Thanh và ông Nguyễn Ngọc Tương đại diện Hội Thánh đứng tên ký giấy, đóng bách phân trước bạ.

C) Di chuyển Thánh Thất Gò Kén về Long Thành

Mua đất được rồi, Hội Thánh cấp tốc sắp xếp để dời Thánh Thất về nơi mới tạo được. Nhưng trước khi di chuyển về Thánh Địa, Đức Lý Thái Bạch giảng dạy:

Hình Phật Thích Ca trước Hiệp Thiên Đài đó, phải làm thế nào cho đừng hư gãy, vì Chí Tôn đã trấn thần chính nơi tay Người, nghe. Quả Càn Khôn cũng vậy; khi tháo ra rồi ráp lại y như vậy. Khi tháo ra, phải cầu Lão đưa Thần một đôi, rồi mới đặt tay người vào, nghe à.

Dặn đến Thánh Thất Mới,¹³⁹ phải cầu Chí Tôn trấn thần lại nữa.¹⁴⁰

¹³⁸ Hương Hiếu, *Đạo Sử II*, 1968, trang 225.

¹³⁹ Vì danh từ "Thánh Thất Mới" này mà có danh từ "Chùa Mới", là Thánh Thất Gò Kén hay Chùa Gò Kén.



Trượng Đức Phật Tổ
(Ảnh của Toà Thánh)

Quả Càn Khôn và các vật khác di chuyển tương đối dễ dàng. Chỉ có tượng Đức Phật Thích Ca 'vì nặng quá bởi con ngựa Kiền Trác của Đức Phật cỡi lớn và dài, nên ... phải kết hai cái xe bò lại để thỉnh cốt Phật lên. Đi từ 6 giờ chiều tới 2 giờ khuya mới đến Thánh Địa (ngay cửa Hoà Viện bây giờ) ... Nên Phật Tổ được an vị giữa hai cụm rừng gần Cây Ba Nhánh'.¹⁴¹

Di chuyển hoàn thành như ý nguyện là nhờ công lao của ông Cao Quỳnh Cư, sau này được Thiên Phong là Thượng Phẩm Hiệp Thiên Đài, một chức sắc rất cao trọng. Cảnh cực khổ nhọc nhằn này, Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung có ghi như sau:

*... y lời ... khăn vái, thăm thiết bầy đêm dòi cốt Phật.
Trời vẫn vũ tổ cuộc bi ai, thương bầy con đở. Đất rung*

¹⁴⁰ Hương Hiếu, *Đạo Sĩ II*, 1968, trang 226.

¹⁴¹ Hương Hiếu, *Đạo Sĩ I*, 1968, trang 54.

rinh đường đưa cốt Phật qua miền Chùa Mới.¹⁴² Từ Gò Kén qua tới đây, Đạo hữu nam nữ lao nhao lố nhố, chen chặt đường sáng đêm.¹⁴³ Qua tảo Thìn (khoảng 7 - 9 giờ sáng) Chư Phật được yên nơi yên chỗ, đều cũng ở ngoài rừng trống, dãi nắng dầm mưa.¹⁴⁴

Việc di chuyển các cái từ Gò Kén đến Thánh Địa được hoàn tất tốt đẹp; quả Càn Khôn cũng như tượng Phật Thích Ca cũng được an toàn. Hội Thánh rất hoan hỷ, và thấy nhẹ lòng rất nhiều, vì lẽ trong lúc sửa soạn thỉnh tượng Phật thì Chánh Tham Biện nay được gọi là Tinh Trưởng, cho một toán lính mặc quần áo màu thâm núp dưới đường mương ngoài lộ chong súng chực sẵn hễ khi được lệnh thì nổ súng hạ sát ngay. Chánh Quyền Thuộc Địa không cho hội họp đông, chỉ đến những ngày lễ lớn thông lệ trong Cao Đài cũng phải xin phép trước ít nhất hai mươi bốn tiếng đồng hồ.

Ông Lê Văn Trung cũng cho biết thêm rằng sau khi di chuyển về Thánh Địa thì “người phá rừng, đánh gốc bứng chòi, kẻ đồ gỗ, đánh tranh, tạm một liều tranh che cốt Phật. Mái tranh thưa thớt, bóng trắng Rằm rọi thấu lòng son, vách tre xịch sặc, ngọn gió thổi lồng tạt xương trắng ... Ấy cảnh chùa nguồn Đại Đạo hồi năm Đinh Mão. Còn kê chi sao xiết việc đặng cay ngằn đường đón ngõ!”¹⁴⁵

D) Xây cất Tổ Đình Đại Đạo

Ngày nay, có mấy ai người Việt cũng như người ngoại quốc đến miền Nam xứ Việt mà không nghe, không biết đến 'Toà Thánh Tây Ninh', Tổ Đình của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ?

Đây là một vùng bao la man mát, chiếm một diện tích 20,383 mẫu Tây, có một dân số đông gấp bội dân số Châu Thành Tây Ninh, được sắp xếp theo một kiến trúc đặc biệt theo

¹⁴² Tương truyền rằng lúc tượng Phật đang được di chuyển trên đường về Thánh Địa thì trên trời có ánh sáng chớp nhoáng liên tiếp cho đến khi tới Thánh Địa mới hết.

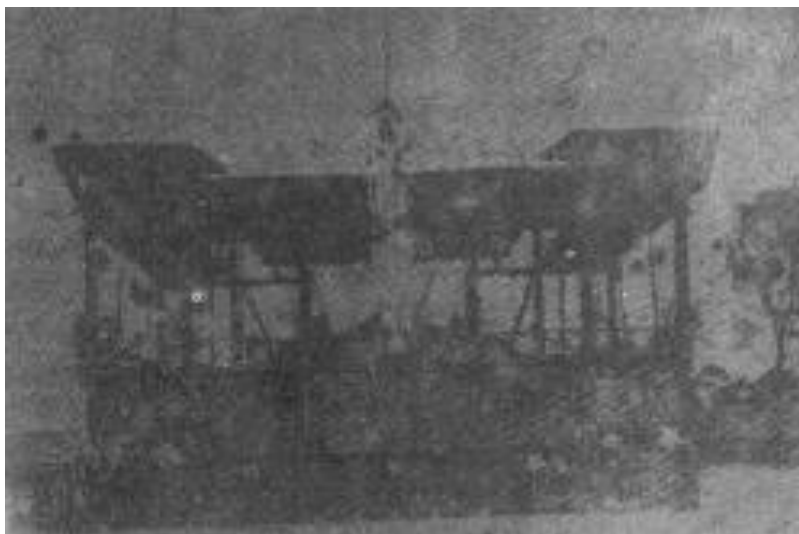
¹⁴³ Số tín hữu bây giờ lên hơn bốn chục ngàn người.

¹⁴⁴ *Tiểu Sử Đức Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhựt*, năm 1973, trang 47.

¹⁴⁵ *Tiểu Sử Đức Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhựt*, năm 1973, trang 47.

hình Bát Quái, với đường xá ngay thẳng, xẻ dọc xẻ ngang, cây cối mát mẻ với dinh thự nguy nga đẹp đẽ, có Thánh Đường, có Đền Thờ Phật Mẫu, có Văn phòng, có Đại học, có Đài Phát Thanh, Tu Viện, Tịnh Trường, chợ búa phố xá. Các cái đều được sắp xếp theo một hệ thống rất có trật tự ngăn nắp.

Tất cả những cái ghi trên đều là công trình vĩ đại của tất cả chư Tiên Khai nói chung, nam cũng như nữ, và của nhị vị Tiên Khai Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc nói riêng, Tất cả cũng là công nghiệp của tín đồ Cao Đài trong nước từ Cà Mau Bạc Liêu cho đến Đồng Nai miền Thượng. Đây cũng là sức lực của hàng trăm người tâm Đạo Cam Bốt. Đây là mồ hôi, nước mắt, thân xác, của, công, tiền của tất cả nhơn sanh chan rưới, biến chốn rừng thiêng nước độc này thành ra một kỳ tác. Tất cả được như thế là cũng vì mấy chữ 'thương Thầy mến Đạo', 'Cao Đài Đại Đạo', hoặc 'Một nước nhỏ nhen trong vạn quốc, mai sau làm chủ mới là kỳ', hoặc 'nước Việt Nam Thánh Địa', hoặc 'Hào Nam Bang, Hào Nam Bang, Tiểu quốc táo khai Hội Niết Bàn', v.v...



Đền Thánh đang xây cất
(Ảnh của Toà Thánh)

Thương Thầy mến Đạo là của người phàm, mà Cao Đài Đại Đạo là của Trời. Trời người hiệp nhứt mới thành Thánh Địa Tây Ninh, mới thành hòn ngọc rực rỡ sáng chói mà không một nơi nào trên hoàn vũ này có được. Rồi đây, một ngày nào đó trong tương lai, tất cả những ai muốn học Đạo phải tập trung về nơi Long Thành, tỉnh Tây Ninh, Nam Việt Nam, nơi Tổ Đình Đại Đạo, như Đức Lý Đại Tiên Trưởng Thái Bạch đã tiên tri. Đây là cái rún của vũ trụ.

Nhớ lại sáu mươi năm về trước, Bàu Cà Na là rừng sâu nước độc, ít ai để chân đến. Đây là nơi lam sơn chướng khí, âm u, ẩm ướt. Đây là vùng rừng rậm người Pháp thường đến để săn bắn thú dữ (big game): cọp, beo, voi, gấu, ... Đây cũng có tiếng rầm độc mà nước cũng độc. Ít ai đến đó mà không bị rét rừng. Bàu Cà Na là nơi thú dữ đến uống nước, nên có bao nhiêu người tán thây nơi đó vì cọp dữ. Vì thế Bàu Cà Na cũng được gọi là Bàu Cọp.

Nơi này, nhà không có bao nhiêu, lưa thưa mấy cái đây đó ngoài ven rừng. Đường xá cũng chưa làm, chỉ một đường mòn độc lộ mà thôi. Thật là một nơi hoang vu hẻo lánh. Khi ban sơ khởi sự phá rừng thì chừ vị Tiên Khai (Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc và Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư) lên đây không có nơi trú ngụ nên tạm sửa cái chuồng bò của chủ bán đất còn để lại, quét dọn rửa ráy sạch sẽ, phân ra làm ba ngăn: chỗ thì để cho người làm công quả ở, chỗ thì để chứa những dụng cụ phá rừng cần thiết như máy đánh gốc, xuống cuốc, lòi tói, v.v... chỗ thì dành làm kho dự trữ thực phẩm như gạo, muối, ... còn một bên thì chừ Tiên Khai chống cây lên làm gác, lót ổ tời nằm cho đỡ đau lưng. Rồi từ đó lần lần phá rừng đến đâu thì cất nhà đến đấy đặng an vị chừ Thiêng Liêng và làm chỗ cho non sanh đến sùng bái.¹⁴⁶

Công quả của tín đồ toàn cả miền Nam, từ đồng bằng đến miền Thượng, thật là nhiều không sao kể xiết. Cơm gạo muối dưa các nơi từ Lục Tỉnh mang đội đến Tây Ninh bằng đủ cách, đủ phương tiện. Có người đi xe, có người đi thuyền, có

¹⁴⁶ Hương Hiếu, *Đạo Sĩ I*, 1968, trang 96 - 100.

người đi bộ băng rừng lội suối như trường hợp của người Khmer, bất chấp luật cấm của nước nhà mà vượt biên sang để hiến công quả cho Phật. Công đức của người Tàn (Khmer) thật là đáng kể. Năm 1947, Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc, một hôm vui miệng có kể câu chuyện như sau:

Việc khai phá rừng già không phải là việc dễ. Nhon công phải đương đầu với muôn ngàn nỗi gian lao khổ ải. Khó chịu nhất là bệnh sốt rét chối nước. Chư tín hữu người Việt ở Lục Tỉnh lên làm công quả không chịu nổi với trận giặc rét này. Công quả được ít ngày thì các vị ấy lần lượt xin về hết. Nếu tình thế ấy cứ liên tục thì không biết đời nào mới khai phá xong khu rừng!

Nhưng may thay, Ôn Trên chuyển số người Tàn Nhân (Cao Miên) đến làm công quả có đến vài trăm người. Họ là những người lực lưỡng, chịu nắng chịu mưa giỏi, lại quen với thứ sống trong rừng, nên họ làm việc đặc lực lắm. Có điều đặc biệt là trong số hai trăm nhon công ấy¹⁴⁷ lại có một người là cốt của một vị Thần. Mỗi buổi sáng đến giờ làm việc, vị Thần nói trên nhập vào cốt, mặt đỏ phùng phùng, tay cầm cây gõ to, nhảy lên đám cây dầu to đến cả ôm người và dài đến mươi mấy thước bị đốn ngã nằm ngổn ngang, và rất uy nghi ra lệnh cho đoàn nhon công khiêng các cây súc ấy sắp lại ngay hàng thẳng lối. Công việc mỗi ngày đều như thế cả, không sai chạy! Như thế mà vị Thần không biết mệt, nhưng trái lại xác của vị Thần thì quá mệt, quá khổ, cho nên một bữa nọ, trước giờ làm việc, xác của Thần tự động chạy trốn ra Bến Kéo. Tức thì khi nghe tiếng "beng" kiếng báo hiệu giờ làm việc, vị Thần liền mau mau nhập lại xác chạy trở về chỗ cũ, tiếp tục công việc như trước.

Nhờ công quả của Tàn Nhon nên việc khai hoang mới được mau chóng như thế.

¹⁴⁷ Theo Tiền Khai Hương Hiếu thì số người Tàn lên tới ba trăm người. Lờ Tiền Khai phải đúng, vì chính Tiền Khai phải nấu cơm cho người này ăn thì phải rõ số người hơn ai hết.

Khai phá rừng gần xong xuôi thì khởi sự lần hồi xây cất Toà Thánh tạm thời, theo lệnh của Đức Chí Tôn mà lập Hậu Điện, Đông Lang, Tây Lang, Trù Phòng, Trường Học, v.v... tất cả đều bằng tranh. Rồi lại đào giếng để có nước mà dùng thường xuyên mà nay hãy còn lại di tích mấy cái giếng gần Toà Nội Chánh. Đức Lý Đại Tiên Trưởng bỏ ra thật nhiều thời giờ chỉ dẫn rãnh mạch và tử mĩ. Ngày 27 tháng Giêng Đinh Mão (28 tháng 2, 1927) Ngài chỉ dạy:

... Thánh Thất tạm phải cất ngay miếng đất trong, còn Hiệp Thiên Đài tạm phải cất trước Thánh Thất tạm. Đạo hữu phải khai phá đám rừng trước miếng đất ấy.

Như vậy ngay trung tim rừng, cách miếng đất trống chừng ba thước rưỡi, đóng một cây cọc đo Hiệp Thiên Đài như vậy: Ngoài Bàu Cà Na đo chừng ba mươi thước đóng một cây cọc, ấy là khuôn viên Toà Thánh. Lảo lại dặn: Từ cây cọc bên phía miếng đất phải đo vô Bàu Cà Na hai mươi bảy thước Lang Sa, nghe à. Tư vuôn hai mươi bảy thước mỗi góc của Bát Quái Đài, nghĩa là hình nhà tròn có tám nóc cao từ đất lên thêm chín thước Lang Sa, làm chín góc rộng bao nhiêu tùy ý. Trên Điện Bát Quái Đài bề cao chín mét,¹⁴⁸ hình nóc tròn mô lên chỉ tám nóc cho phân minh. Trên đầu Đài phải để cây đèn xanh. Kế nữa là Chánh Điện bề dài tám mươi một mét. Lảo phải vẽ mới dựng.

Kế nữa, Hiệp Thiên Đài tứ vuông hai mươi bảy mét hai từng (chắc có lẽ ba từng: lời của Soan già), mỗi từng chín mét. Hai bên Hiệp Thiên Đài, bên mặt thì có 'Lôi Âm Cổ Đài', bên tả thì có 'Bạch Ngọc Chung Đài'. Lảo phải vẽ mới dựng.

Hộ Pháp, Thượng Phẩm, nội trưa này phải cắm một cây viết vào đầu cơ, lấy một miếng giấy lớn vào Điện phò loan cho Lảo vẽ.

Bình, Thanh phải có mặt, còn kỳ dư không cho ai vào Điện hết, nghe à.

¹⁴⁸ Mét là phiên âm tiếng Pháp 'Mètre', là thước của Pháp bằng chừng 39.37 inches của Mỹ.

Phải mua khoảnh đất Bàu Cà Na làm Động Đình Hồ, nghe à.¹⁴⁹

Vài ngày sau, Đức Lý Đại Tiên lại giảng đàn, dặn thêm:

... Cười ... Hoạ đồ của Lão, Chí Tôn chê và trách rằng hao phí vô nên nặng lắm. Chí Tôn sửa lại: Mỗi cấp ba tấc Tây mà thôi. dưới đất lên năm tấc, chín cấp ba tấc là hai mét bảy mươi, cộng là ba mét hai mươi. Còn mười mét thì chỉ đầu trong nền Bát Quái Đài. Trên đầu song chỉ nóc mười ba thước mới khỏi nước động mà phải mực. Nóc của Đại Điện và Hiệp Thiên Đài cũng y như mực vậy. Phải làm plafond.¹⁵⁰ Hai Đài Chuông Trống cao hơn nóc Hiệp Thiên Đài sáu thước.

Đèn xanh ngay giữa Đại Điện làm hình Long Mã Phụ Đồ. Điện Bát Quái Đài để cây đèn vàng nơi nóc. Hiệp Thiên Đài để cây đèn đỏ.¹⁵¹

Chẳng mấy lâu sau, vào ngày mùng 7 tháng 2 Đinh Mão (8 tháng 3, 1927), Đức Chí Tôn lại giá lâm, bổ túc thêm và chỉnh hoạ đồ của Đức Lý vẽ hôm trước:

Thơ, con làm ơn lo Thánh Địa, lập Thánh Thất. Con thấy sự khổ trước mắt đó, thấy chưa con? Song may một điều là Chánh Phủ tin cậy được hai vợ chồng con. Vậy con phải liệu biện đặng phổ thông Đạo, con nghe ... Tượng Thầy chẳng giống chi hết. Thầy vốn vô hình ảnh. Thầy tốt đẹp chưa ngòi bút phàm nào vẽ đặng. Nhưng vẽ như Tượng bên hữu Thầy đó tốt hơn là Tượng Ngũ Chi.¹⁵²

Cư, con vẽ Thánh Thất phải. Song nơi để con Long Mã, con nên làm một cái đài nhỏ có cửa sổ cho hơi không khí thông thương vô Đại Điện tốt hơn.

Cư, Thơ bạch:

¹⁴⁹ Hương Hiếu, *Đạo Sử II*, 1968, trang 226.

¹⁵⁰ Plafond là tiếng Pháp có nghĩa là trần nhà (ceiling).

¹⁵¹ Hương Hiếu, *Đạo Sử II*, 1968, trang 230.

¹⁵² Hương Hiếu, *Đạo Sử II*, 1968, trang 229.

Xin đức nền Toà Thánh bề cao chín mét, theo kiểu của Đại Tiên cho.

-Tốn kém nhiều lắm, con ôi!

Bính, con nên đo từ mé rừng dưới vào cho tới năm mươi mét, bỏ niềng trảng vào cho tới năm mươi mét, rồi kế tám mươi một mét, rồi kế hai mươi bảy mét. Làm như vậy Thánh Thất nằm trọn vào rừng mà thành ra như bao quanh một vườn thiên nhiên rất đẹp.

Thầy tưởng khi con cũng đã thấy sai. Con cứ lấy đường con cắt, đo vô rừng hai mươi bảy mét mà phát trổng thì Chùa nằm tại chỗ. Còn khi cắt, con nhắm thế nào cho nóc Bát Quái Đài và Hiệp Thiên Đài cho ngay mặt trời phía Tây thì trúng. Con nhớ nghe.¹⁵³

Nhưng lòng ưu ái của Ông Trên đến đó cũng chưa hết, nên trong một đàn khác Đức Chí Tôn lại chỉ thêm như vậy:

Thơ, Thái Bạch muốn lập Thánh Thất coi cho tốt đẹp, chẳng tưởng sự khổ nhọc các con, Thầy chẳng đành. Thoảng như tốn kém nhiều, các con coi theo họa đồ tính làm theo thước mộc, nghe à.

Tắc, con vẽ trúng, nhưng con Long Mã làm sao cho ba ngọn đèn bằng nhau.

Sau khi thêm bớt dẫn đo các cái xong, Đức Chí Tôn lại còn khuyến cáo chư đệ tử như sau:

Các con lo làm, có Thái Bạch xem sóc các con. Nhớ rằng danh Đạo do nơi Toà Thánh. Làm thế nào danh các con cũng Vạn Quốc thì làm.

Vòn vẹn chỉ có mấy lời: "danh Đạo do nơi Toà Thánh. Làm thế nào danh các con cũng Vạn Quốc thì làm". Nhưng mấy lời ấy đã đặt một trách nhiệm vô cùng trọng đại nặng trĩu trên vai chư Tiên Khai về mặt Đời Đạo liên hệ đến danh dự của cả một dân tộc đối với cả nhân sinh thế giới trong một thời gian dài đằng đẵng hơn bảy trăm ngàn năm. Chỉ có tâm hồn người đại chí,

¹⁵³ Hương Hiếu, *Đạo Sử II*, 1968, trang 229.

đại hùng, đại lực mới dám dẫm đưng một cách có ý thức cái trách nhiệm quá trọng đại đó. Đây là một thiên trách đòi hỏi một đức tin trọn vẹn, một đức tin phi thường mãnh liệt.

Trong những tâm hồn phi thường của những ngày đó, xét qua một cách khách quan dưới các khía cạnh gia cảnh, xã hội, tài chánh, tâm lý, chắc có lẽ phải là Ngài Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư. Không có Ngài, công nghiệp khai sơn phá thạch mấy trăm mẫu rừng sâu nước độc có thể diễn tiến và kết quả như đã diễn tiến và đã kết quả được như thế này chăng?

Thật khó tìm được một nhân vật tận tụy cho Cơ Đạo như Ngài vậy!

Nhưng một câu hỏi: Cái chi làm động cơ thúc đẩy ngày này qua ngày nọ, triền miên không dứt, cái tinh thần quật khởi đó của chư Tiên Khai? Và câu trả lời thật quá rõ rệt và thâm thúy: Vì tinh thần ái quốc thuần túy bất vị kỷ, vì tình thương dân tộc, thương đất nước, thương giống nòi Việt chúng hết sức chân thành của chư Ngài, từ các Ngài cho đến chư vị đã can đảm ký tên và đứng tên trong tờ Khai Tịch Đạo. Đối với đất nước dân tộc mỗi vị một vẻ, nhưng mười phen vẫn vẹn mười. Thật là đáng kính, đáng mến!

Thật thế. như chúng ta đều biết, thời kỳ cuối nhị thập niên và cả thời gian tam thập niên là cao trào của tinh thần và hoạt động ái quốc ở nước nhà. Trong toàn cả xứ Việt Nam, từ Bạc Liêu Cà Mau cho đến Cao Bằng Lạng Sơn, dân tâm, dân chí, dân khí ấp ủ đã quá lâu, nay hầu như sắp bùng nổ, và sẽ bùng nổ, trong nỗi ngoài tiếp, và có thể có một trường sát sanh vô tiền khoáng hậu sẽ xảy ra, nếu Đức Chí Tôn không đến kịp thời khai nên Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, mà kết quả là đã cứu vớt được không biết bao nhiêu người tài đức và sanh linh trong nước.

Như trước kia đã ghi, Chư Tiên Khai là những vị chân thành yêu nước. Trong những vị ấy, có rất nhiều vị và tín hữu rất khích lệ với phong trào Tây Du của cụ Phan Châu Trinh và cuộc Đông Du của cụ Phan Bội Châu, cũng như trước kia đã có liên hệ đến nhóm Cần Vương vậy. Lòng của chư vị không khi nào yên ổn được nếu nước nhà vẫn còn ở trong tình trạng nô lệ

ngoại bang. Vì thế cho nên chư Ngài rất có cảm tình và sẵn sàng yểm trợ những phong trào đó. Tôi sẽ trở lại vấn đề này trong những trang tới đây.

E) Công cuộc xây dựng bi ngưng trê

Với bối cảnh dân tâm, dân chí, dân khí của đất nước như thế, chư Tiên Khai để hết tâm trí vào việc lập Toà Thánh tạm thời. Nhưng chắc có lẽ tâm tư của chư vị không thể nào ngoài tâm tư của những hàng trí thức sĩ phu thời ấy. Làm thế nào độc thiện an nhân trong lúc mà đồng bào hãy còn hi hục trong cảnh lâm than, làm thân nô lệ? Làm sao chư vị có thể đứng ra ngoài vòng của hầu hết những bạn bè thân hữu mà tâm tư tất cả đều hướng về mỗi một mục phiêu mà thôi? Thêm vào đó còn có những chánh sách chống báng, thâm vận đe dọa, cạm bẫy hằng ngày của Chánh Quyền Thuộc Địa. Dù thế, công việc phá rừng và xây cất vẫn tiến hành đều đều, trong khi tâm hồn rất xốn đau, lương tâm cắn rứt, tâm trí u hoài. Dường như Thiêng Liêng đã thấu hiểu được những gì thâm kín, áp ủ, xốn đau trong lòng các Ngài.

May thay, trong khi đau buồn khổ tâm như thế thì Bát Nương giáng đàn đêm 18 tháng 10 Mậu Thìn (1928) tiết lộ rằng sau khi vua Quang Trung đại thắng quân nhà Thanh, nhà Thanh rất bức tức vì qua bao nhiêu năm mà vẫn không tiêu diệt được một nước nhỏ bé như nước Việt Nam trong khi đã thắng và đồng hoá các tiểu quốc chung quanh họ. Nay, nhà Thanh trở lại không dùng đường lối quân lực nữa mà lại áp dụng một phương cách khác: Ếm các long mạch ở Việt Nam vì họ cho rằng vì đó mà Việt Nam đã trở thành một linh địa sản xuất được những thiên tài mà Trung Hoa không thể nào chế ngự được. Họ dùng một chiến dịch thần linh có tính cách trường kỳ để đợi thời cơ thuận lợi cho ý đồ thôn tính của họ. Nếu chính sách đốt sách, chôn học trò, giết thầy tu của Tần Thi Hoàng đối với nước Việt trước kia là độc ác bao nhiêu thì chánh sách án phá linh địa để diệt chủng này cũng độc ác và tàn nhẫn bấy nhiêu. Nhưng đối với một dân tộc đã ác độc và tàn nhẫn trong suốt lịch sử bang giao của họ thì đối với họ có chi gọi là ác độc và tàn nhẫn?

Trong cái cãm thù đó triều đình Mãn Thanh sai một thầy địa lý đại tài bí mật sang Việt Nam để ếm cho bằng được cái long mạch quan trọng nào đó, mà dường như Ngô Biền đã thất bại trước kia khiến cho Việt Nam vẫn sản xuất được những nhân kiệt tài ba xuất chúng. Kỳ này họ muốn có một kết quả chắc chắn vĩnh cửu nên sau này, vào đầu thế kỷ thứ hai mươi, một phù thủy khác lại được lên lút gửi sang Việt Nam với một lá phù nữa để ếm thêm, tăng cường cuộc ếm đối cũ trước kia.

Chắc Bát Nương còn tiết lộ nhiều chi tiết khác nữa nhưng chúng ta không được biết. Chỉ biết rằng Bát Nương có cho Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc biết rằng một ngày nào đó việc ếm đối này phải được giải toả. Chắc có lẽ nhờ sự tiết lộ này mà chừ Tiên Khai nán ná đợi 'Thiên thời, Địa lợi, Nhân hoà' nên dẫn lòng ân nhân chờ đợi. Nhờ thế mà một số lớn người chí sĩ Cao Đài được tránh khỏi cái đại nạn thảm hại vào tay Chánh Quyền Thuộc Địa Pháp. Tự hỏi: Có phải đây là một cách Ôn Trên cứu độ những người tài đức hiếm có ở trong một nước nhỏ bé như nước Việt Nam chăng? Có thể lắm. Vô Vi hành sự làm sao người phạm thấu hiểu nổi!

Trong lúc dẫn lòng nán đợi, Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung, Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc, Đức Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư và một vài vị tín cẩn họp mặt với nhau để tìm cách giúp đỡ những chương trình hoạt động của các nhóm cách mạng hầu giữ ngọn lửa thiêng phục quốc. Chừ vị đặc biệt đề ý tới những nhà ái quốc và những nhóm chân chính đang tranh đấu cho đất nước hiện giờ ở nước ngoài, thứ nhất là khôi Phục Quốc Hội, nghĩa là nhóm Đông Du, do Kỳ Ngoại Hầu Cường Để lãnh đạo, hiện giờ đang hoạt động ở Nhật Bản.

Nhờ sự giúp đỡ thêm này, đặc biệt là về mặt tài chánh, nhóm Phục Quốc Hội mới tăng cường các hoạt động cách mạng ở Nhật, Trung Hoa, Đài Loan, Triều Tiên, Hương Cảng, và Thái Lan. Cùng một lúc gia tăng chương trình huấn luyện cán bộ quân sự ở Nhật Bản cũng như ở Trung Hoa. Đường dây liên lạc giữa quốc nội và quốc ngoại trở thành hết sức chặt chẽ, gắn bó, gây được nhiều tin tưởng trong toàn xứ Việt Nam. Từ đây cho đến ngày chấm dứt Đệ Nhị Thế Chiến, hai mẫu tự 'C' và 'Đ' đã làm cho người Việt cùng người ngoại quốc nói chung,

và người Pháp nói riêng, rất hoang mang, không biết đó là Cường Đê hay Cao Đài, hoặc giả Cường Đê và Cao Đài cùng là một mà thôi.

Càng hoang mang. Chánh Quyền Thuộc Địa càng khắt khe làm khó dễ Cao Đài chừng nấy. Họ dùng tất cả các thủ đoạn xoa dịu, mua chuộc, phong quyền, cấp tước, đe dọa, bắt bớ, tù rac, nhưng vô hiệu quả. Phong trào Phục Quốc càng ngày càng gia tăng như chúng ta hằng biết, và mối liên lạc giữa trong và ngoài nước càng thêm chặt chẽ, và sự thật là chặt chẽ hơn lúc nào hết. Càng bóp nghẹt thì sức chống đối càng mãnh liệt.

Trong tinh thần khó khăn ấy, sự viện trợ tài chánh của Cao Đài vẫn tiến hành tốt đẹp. Ở trong nước, Hội Thánh đã chấp thuận việc này và được giữ như một mật sự. Còn ở nước ngoài thì nghe đồn rằng 'Kỳ Ngoại Hầu được những điền chủ trong Nam giúp đỡ'. Ngoài ra còn có nhiều quý khác nữa, như Quý Kiến Thiết Quốc Gia do hội viên của các nơi đóng góp. Lực lượng của Phục Quốc Hội lúc ấy rất hùng mạnh và rải rác tất cả Á Châu. Nhựt Bản hồi ấy cũng được tiếng nâng đỡ những phong trào giành độc lập của những nước Đông Nam Á và Nam Á. Và Kỳ Ngoại Hầu Cường Đê có tin đồn là đã kết hôn với Công Chúa của Nhựt Hoàng và đã sanh được một trai tên là Minami Ichiro.

Nhưng những tiếng đồn ấy cũng không thể nào đánh lạc hướng được Chánh Quyền Thuộc Địa, và bị khai thác triệt để. Chánh Quyền Thuộc Địa mua chuộc, xúi giục một số người nhẹ dạ, nông nổi và vô ý thức trong Đạo vạch lá tìm sâu như chất vấn chư vị Tiên Khai nói chung và nhị vị Cao Thượng Phẩm và Phạm Hộ Pháp nói riêng về một vài ngân khoản chi tiêu trong Hội Thánh, vu khống rằng chư vị lạm dụng công quỹ cho việc riêng tư cá nhân mình. Sự việc này đặt nhị vị Cao Thượng Phẩm và Phạm Hộ Pháp vào một thế hết sức khó khăn và tế nhị. Nói thật ra thì Chánh Quyền Thuộc Địa lợi dụng khai thác ngay. Còn nếu không nói ra thì cũng như thú nhận. Nhị vị đã rón hết sức trình bày sự việc, nhưng không mang lại được sự thoả mãn. Rồi những người chất vấn đó lại có những hành vi bất khả ái và có những thái độ hăm dọa như người không có

Đạo. Dù thế, việc tài trợ cho Phục Quốc Hội cũng được giữ bí mật, nhưng tình hình nội bộ trong Cao Đài rất bất ổn, có thể nói khản trương.

Thấy thế và không để cho Chánh Quyền Thuộc Địa nắm lấy cơ hội mà phá hại Cơ Đạo, nhị vị Cao Thượng Phẩm và Phạm Hộ Pháp buộc ra khỏi Tây Ninh. Đức Cao Thượng Phẩm lui về Thảo Xá Hiền Cung, nay là Thánh Thất Châu Đạo Tây Ninh. Còn Đức Phạm Hộ Pháp thì về Bình Trung (Thủ Đức) để rồi sau này về làng Phú Mỹ (Mỹ Tho) lập Khố Hiền Trang mà hành đạo. Nhờ thế mà Cơ Đạo được yên ổn trở lại, sự bí mật cũng được giữ trọn vẹn, và hơn hết là chủ mưu của Chánh Quyền Thuộc Địa không mang ra thực hiện được một cách trọn vẹn.

Ngài Cao Thượng Phẩm về Thảo Xá, buồn chán tình đời đen bạc phủ phàng. Và từ đó sức khoẻ của Ngài cũng sút kém dần. Thất Nương có giáng cơ cho bài thơ sau đây:

THI

*Nghĩ giận mà ra bắt mực cười
 Nhờ ai an vị lại an nơi
 Trăm năm chưa giữ bền thân sống
 Một kiếp đã gây lắm tội đời
 Phàm Phật ngôi Tiên ai dẫn nẻo
 Ngai Thần vị Thánh kẻ toan đời
 Nhấn lời nói với phường đen bạc
 Đến cửa Thiêng Liêng ngó Mặt Trời.¹⁵⁴*

Và đến năm sau (1929), Đức Cao Thượng Phẩm được Đức Chí Tôn triệu hồi về Tiên cảnh, hưởng thọ được 42 tuổi. Ngài qui vào Ngọ Thời ngày mùng 1 tháng 3 Kỷ Tỵ (1929). và đại liệm vào Tý Thời ngày ngày đó (mùng 1 rạng mùng 2), đúng 12 giờ khuya hôm đó.

Ngày mùng 8, 8 giờ sáng, khi di chuyển Liên Đài ra Bửu Tháp, Đức Ngài cho hai bài thơ sau đây:

¹⁵⁴ Hương Hiếu, *Đạo Sĩ I*, 1968, trang 55.

THI

*Xủ áo trần hoàn đã rãnh tay
Thung dung nhờ núp bóng Cao Đài
Rừng tòng nhứt rọi khi mờ tỏ
Sớm lạt trắng lòng kẻ tỉnh say
Phi thị mặc đời nơi quán tục
An nhàn rãnh dạ khách Thiên Thai
Ngậm cười nêu quạt cho sanh chúng
Biển khổ ngày qua đếm một ngày.*

*Ngành lại mà đau cảnh đoạn tràng
Cõi Thiên mừng đặng dứt dây oan
Nợ trần đã phủi lòng son sắt
Ngôi vị nay vinh nghĩa đá vàng
Cõi tạm chơn thành lòà nhứt nguyệt
Phơi gan chí sĩ nhuộm giang san
Bốn mươi hai tuổi sanh chưa phí
Để mắt xanh coi nước khải hoàn.¹⁵⁵*

Vào giờ Tý ngày mùng 7 tháng 3 Kỷ Tỵ (16 tháng 4, 1929)
Đức Chí Tôn giảng cơ có dạy:

Thầy đã nói rằng Thượng Phẩm phải về Thầy trước các con, nhưng mà hại thay, vì biếng nhác các con không đọc Thánh Ngôn của Thầy mà kiếm hiểu.

Tất, con có nhớ Thầy nói với các con rằng Đạo vốn vô vi, nếu Thượng Phẩm không trở lại Thiêng Liêng chi vị, thì ai đem các chơn hồn các con vào cửa Thiên dùm đó con. Lại nữa, các con vốn là để dẫn đường cho cả chúng sanh, thay mặt cho Thầy nơi thế này về phần đời, còn phần Đạo cũng có đôi đũa con mới đặng cho, cười... Con đừng phiền mà trách mấy anh con, nhứt là

¹⁵⁵ Hương Hiểu, *Đạo Sư I*, 1968, trang 70.

đừng nói rằng chúng nó giết Thượng Phẩm, nghe, vì Thiên Cơ đã định. Các con biết chi mà hờn trách lẫn nhau.

Thơ, con phải xây cái tháp của Thượng Phẩm phía trước cây ba nhánh, phải dạy mặt về Đông, giống như ngõ vào Điện mà hầu Thầy vậy. Song ba tầng phải lợp ngói như nóc chùa của Đường Nhơn vậy nghe.



Bửu Tháp Đức Cao Thượng Phẩm
(Ảnh của Tòa Thánh)

Rồi ngày mùng 9 tháng 3 Kỷ Tỵ (18 tháng 4, 1929) Đức Lý Giáo Tông về cơ báo:

Hộ Pháp, hiền hữu nói cùng chư chức sắc Cửu Trùng Đài rằng Lão có gặp Thượng Phẩm trước Linh Tiêu Điện, nhưng Người mắc lo kiến diện nên chưa nói chi đặng với Lão hết. Vậy đợi vài ba tuần nữa Lão sẽ phân định.

Đây nhắc lại việc Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc về Phú Mỹ (Mỹ Tho) lập lên Khố Hiền Trang mà tu hành. Vào đêm mùng 8 tháng 2 Kỷ Tỵ (1929), Bát Nương giáng cơ báo Đức Hộ Pháp rằng nay đã đến lúc phải giải toả việc êm đỗi của triều đình Mãn Thanh, và chỉ dẫn cho Đức Hộ Pháp phải đấm trách đi thâu hồi các pháp ấy gọi là Long Tuyền Kiếm. Bát Nương hướng dẫn:

Đức Ngài và một tín hữu, từ Khố Hiền Trang đi thuyền theo kinh chợ Thầy Yến về hướng Đông Bắc độ năm ngàn thước, gặp một làng cát, rời thuyền lên bờ đi bộ, băng qua cánh đồng sinh lầy, nắng lác khoảng bẩy trăm thước, gặp một gò đất độ bẩy trăm thước vuông chạy dài theo chiều Đông Tây. Từ mực nước ở đầu gò hướng Đông đo vào bẩy mươi thước, chọn đường trung tâm, đào xuống bẩy thước ba tấc, gặp một phiến đá lớn. Khiêng miếng đá ấy lên, đào thêm xuống ba tấc, gặp một khối đá khác. Trên mặt khối đá ấy có một hình nhon bằng đồng đen cao một tấc tám, một lưỡi dao gầy cán để lên sáu con cò tương, hai con sĩ, hai con xe, một con chót, và sáu đồng tiền kèm để sáu góc ứng với cung Chấn, Càn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài. Còn hai cung Cấn, Khảm để trống. Khiêng khối đá ấy lên, ở dưới có cái hộp bọc chì dài chín tấc, rộng ba tấc, cao một tấc tám. Đức Ngài cho biết bên trong hộp ấy có thanh Long Tuyền Kiếm và đạo linh phù. Vừa lấy hộp Long Tuyền Kiếm khỏi lòng đất thì một mạch nước trắng xoá phun lên. Đức Ngài hành phép giải khai long mạch, và chỉ dạy tín hữu đào một con rạch dẫn nước từ long mạch

ra sông, để được châu lưu khắp giang san Việt¹⁵⁶ mà hạnh hưởng.

Nay không biết thanh Long Tuyên Kiếm ấy cất ở nơi nào, nhưng cũng có người cho biết rằng trước biến cố năm 1975 thanh kiếm ấy hãy còn và được Đức Hộ Pháp giữ từ lâu tại một nơi.

Cũng vào năm 1929 này, sau khi thấy được Đức Cao Thượng Phẩm đắc vị và linh hiển, và Đức Hộ Pháp giải toả Long Tuyên Kiếm, người tín đồ Cao Đài mới hiểu rõ và ý thức được nỗi oan tình do một số người tạo ra trước kia, nên đồng mời Đức Hộ Pháp trở về Tây Ninh. một hành động có thể nói là để ăn năn sám hối những việc lỗi lầm và những mối nghi ngờ của mình đối với nhi vị Đại Thiên Phong.

Cái đi của Đức Cao Thượng Phẩm đã làm được những huyền diệu là làm cho đồng đạo hồi tâm và suy nghĩ lại, và như thế đã giúp hàn gắn lại sự nứt rạn trong Cơ Đạo. Nay người tín hữu Cao Đài mới rõ ra rằng hành động của những phần tử quá khích, nông nổi như bọn Nguyễn Phát Trước tự Cựu Tư Mật ở Cầu Kho gây phong trào hạ uy tín của nhi vị Thiên Phong Phạm Hộ Pháp và Cao Thượng Phẩm hoàn toàn là hành động vu khống, đặt điều, vô ý thức, đã vô tình hay hữu ý để cho thực dân lợi dụng. Nguyễn Phát Trước là nhóm du đảng 'Anh Chị' đứng bên xe, đương thời khét tiếng trong Sài Gòn Chợ Lớn. Thế mà cũng có nhiều người Đạo nghe theo! Bài học có học được chăng, và còn nhớ chăng?

Như thế Chính Quyền Thuộc Địa cũng đã thành công một phần nào trong 'ý đồ gây xáo trộn nội bộ Cao Đài', ý đồ cô truyền 'chia rẽ để trị'. Trang sử này không phải mới, nhưng cũng thấy cần nên viết lại để nhắc nhở và hăm nóng một thủ đoạn thường dùng của kẻ phá hoại trong thời kỳ vàng thau chì sắt lẫn lộn như thời kỳ này ở trong cái xã hội được gọi là tự do này. Hãy nên xem xét cho thật chu đáo để 'chọn mặt gởi vàng'; không khéo bị làm mưu của kẻ xảo quyệt, bịp bợm, mà rồi ta sẽ vô tình bị ở vào cái tình trạng mà Đức Lê Văn Duyệt Đại

¹⁵⁶ Theo lời của Lê Ngọc Minh, Châu Đạo Long Khánh, Toà Thánh Tây Ninh, 1970. **Đặc San Hội Yến Diêu Trì**, trang 31.

Tiên cho là 'ta tự chặt tay ta để ta tự thành người phé nhọn'. Mà hễ thành người phé nhọn thì đâu có làm được chuyện để thành công trong ý đồ.

Đúng thế, từ ngày Đức Cao Thượng Phẩm và Phạm Hộ Pháp đi rồi thì công việc xây cất Toà Thành không còn ai đảm đương nổi, không còn ai tiếp tục được, nên bị bỏ dờ, gián đoạn, ngưng trệ ... Đức Phạm Hộ Pháp trở lại Tây Ninh vào năm 1929, nhưng hiện tình lại chịu ảnh hưởng của bao nhiêu sự thay đổi. Đức Cao Thượng Phẩm, cây cột trụ của cuộc xây cất, không còn nữa. Tình hình khủng hoảng kinh tế đã khởi sự. Rồi năm năm sau, năm 1934, Đức Quyền Giáo Tông cũng được Đức Chí Tôn triệu hồi nữa. Còn ở ngoài thì thực dân Pháp tiếp tục ngấm phá Đạo, mua chuộc những phần tử kém tâm đạo, háo danh, háo lợi, háo quyền. Các việc xây cất phải đợi đến năm 1935 mới khởi sự lại được. Thật là vô phúc cho Đạo và cho đất nước nhơn sanh mất bao nhiêu thời giờ và bao nhiêu tinh thần tích cực.

Tiết II: Lập Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

Trong buổi sơ khai này, Đức Chí Tôn chọn người để lập Hội Thánh đầu tiên cho Cơ Đạo. Nhưng những người phàm mà Thượng Đế chọn cho Hội Thánh Đại Đạo này, theo những tiết lộ của Thiêng Liêng, là những chơn linh của Thần Thánh Tiên Phật đã được Thượng Đế cho lệnh hạ trần trong kỳ Tam Nguơn Mặt Thế này để độ rỗi quần sanh. Những trường hợp điển hình như của Ngài Lê Văn Trung là chơn linh của Đại Tiên Lý Thiết Quả,¹⁵⁷ như Đức Cao Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư là chơn linh của Đại Tiên Hớn Chung Ly.¹⁵⁸ Cả hai đều là nhơn vật trong Bát Tiên, mà chúng ta đều biết. Còn Tiên Khai Nữ Đầu Sư Lê Hương Thanh là chơn linh của Long Nữ theo Đức Quan Thế Âm Bồ Tát,¹⁵⁹ cùng đồng hành với ông Nguyễn Ngọc Thơ là chơn linh của Văn Thù Bồ Tát v.v... Tất cả đều

¹⁵⁷ *Tiểu Sử Đức Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhật*, năm 1973, trang 189.

¹⁵⁸ Hương Hiều, *Đạo Sử I*, 1968, trang 88.

¹⁵⁹ Hương Hiều, *Đạo Sử II*, 1968, trang 216.

lãnh lĩnh của Đức Chí Tôn giáng trần giúp khai lập nền Đại Đạo. Nếu tôi không lầm thì Ngài Ngô Văn Chiêu phải là chơn linh của một vị Phật mà Thượng Đế muốn lập vị cho đứng đầu Tam Giáo.¹⁶⁰ Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc là Hộ Pháp trên Thượng Giới, và cùng với Ngài Cao Thượng Phẩm là cặp Phò Loan đương nhiên của Đức Chí Tôn để 'phong thánh' chư Đại Thiên Phong Chức Sắc đầu tiên của nền Đạo.

Hội Thánh Đại Đạo đầu tiên được Thượng Đế phong nên được gọi là Thiên Phong. Nhưng sau này, khi tình trạng nội bộ cũng như ở ngoài đời được ổn định, thì thành phần của Hội Thánh chắc phải được bầu cử đúng như Pháp Chánh Truyền đã định. Sự việc này thành tựu được thì Cơ Đạo mới hết chình nghiêng, và đất nước mới được an bình thanh lạc.

Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ gồm có ba Đài, gọi là Tam Đài: Cửu Trùng Đài, Hiệp Thiên Đài, và Bát Quái Đài. Tưởng cũng nên để một ít thời giờ duyệt lại Tam Đài này và một vài đối chiếu trong ấy để được rõ ràng hơn.

A) Bát Quái Đài cũng được gọi là Vô Vi Đài, là cơ quan lập pháp tối cao, tối hậu, tối thiêng liêng của Đại Đạo, đặt dưới quyền chưởng quản của Đức Chí Tôn, với sự phụ giúp của Tam Giáo, Tam Trấn, và chư Đấng Thiêng Liêng trong Ngũ Chi Đại Đạo. Đây là nơi có Toà Tam Giáo Vô Vi, một Toà Tối Cao Pháp Viện cầm quyền quyết định tối hậu cho Hành Pháp cũng như cho Tư Pháp, từ Cửu Trùng Đài đến Hiệp Thiên Đài cho tất cả các việc nhỏ lớn trọng khinh trong toàn Đạo. Đây là quyền độc đoán trong Đại Đạo. Chí Tôn giao cho trọng trách gìn giữ bảo vệ Pháp Luật Thiên Điều, và ngự nơi Hiệp Thiên Đài để bảo tồn chơn truyền Chánh Giáo. Giáo Chủ của Tam Giáo là Thích Ca Mâu Ni, Lão Tử, và Khổng Phu Tử cho Thích, Đạo, Nho. Còn Tam Trấn cũng được gọi là Tam Trấn Oai Nghiêm gồm có chư Đức Quan Thế Âm Bồ Tát, Lý Thái Bạch Đại Tiên, và Quan Thánh Đế Quân, đại diện Tam Giáo Chủ theo thứ tự ghi trên.

Còn Ngũ Chi là Phật Đạo, Tiên Đạo, Thánh Đạo, Thần Đạo, và Nhơn Đạo.

¹⁶⁰ Hương Hiếu, *Đạo Sĩ I*, 1968, trang 115.

Bát Quái Đài đặt tại Toà Thánh là nơi thờ phượng Đức Chí Tôn cùng tất cả chư Thiêng Liêng ghi trên, và cũng là nơi để chư Thiêng Liêng điều khiển, và nơi mà các chơn hồn người trong Đạo Cao Đài được đưa vào Bạch Ngọc Kinh để được phán xét công tội hầu định vị. Bát Quái Đài như thế là Bạch Ngọc Kinh ở thế gian và được Phật Giáo gọi là Niết Bàn vậy.

Rốt lại Bát Quái Đài là linh hồn của Đạo như ta đã biết.

B) Cửu Trùng Đài là xác thịt, là hình thể của Đạo, là nơi Đức Chí Tôn lập ra để cho tín đồ Cao Đài tu hành, lập công bồi đức để tiến đoạt phẩm vị thiêng liêng của mình. Đây là cơ quan hành pháp của Đại Đạo, thi hành các luật pháp để độ rỗi quần sanh. Cửu Trùng Đài chỉ có quyền về phần xác mà thôi, chứ không có quyền về phần hồn.

Dưới Cửu Trùng Đài có Toà Tam Giáo.

Cửu Trùng Đài được đặt dưới quyền chưởng quản của một Giáo Tông, và được điều hành bởi nhiều Giáo Phẩm gọi là Chức Sắc mà số lượng đã được Pháp Chánh Truyền ấn định bất di bất dịch. Chức Sắc chia ra ba Phái: Thái, Thượng, và Ngọc. Phái Thái mặc Thiên Phục màu vàng tượng trưng cho Thích Giáo. Phái Thượng mặc Thiên Phục màu xanh tượng trưng cho Lão Giáo. Phái Ngọc mặc Thiên Phục màu đỏ tượng trưng cho Nho Giáo. Ba Phái đều đồng quyền với nhau.

Có hai Cửu Trùng Đài: Nam Phái và Nữ Phái. Nam Phái cho tín đồ nam; Nữ Phái cho tín đồ nữ. Nhiệm vụ như nhau, nhưng tổ chức Cửu Trùng Đài Nữ Phái hơi khác một chút.

1) Nhiệm vụ

Pháp Chánh Truyền đã định rất rõ ràng nhiệm vụ của mỗi Chức Sắc Cửu Trùng Đài tưởng không cần phải nhắc lại, nhưng Đức Chí Tôn có dạy tổng quát về nhiệm vụ của tất cả chín phẩm trong Cửu Trùng Đài, từ Tín Đồ lên tới Giáo Tông, tương ứng với Cửu Trùng Thiên hoặc Cửu Thiên Khai Hoá như sau:

Nói về Cửu Phẩm Cửu Trùng Đài là nơi hành pháp tại thế, tượng trưng cho Cửu Trùng Thiên hay Cửu Thiên

Khai Hoá, hay Cứu Phàm Thân Tiên. Vì vậy, các con cần phải học để làm tròn sứ mạng nơi người.

Các con mà Thầy sắp vào trong chín ngôi, trong chín bậc, từ Tín Đồ đến Giáo Tông, mỗi bậc cũng như mỗi nấc thang, hay cái thang chín nấc để bắt liên cho thế gian cùng Thiên Đình gặp nhau, đưa chúng sanh hiệp về cùng Thầy. Ấy là Cơ Tận Độ, thì hàng phẩm Thiên Phong nó có ý nghĩa là cái nấc thang này liên với nấc kia, để cho nhơn sanh bước lên chín cõi Trời về nơi Thiên Quốc. Nên mặc dù một Tín Đồ đi nữa cũng phải làm nấc chót mà rước cả chúng sanh từ vật chất, thảo mộc, thú cầm, hoá nhơn, nguyên nhơn đoạ lạc. Cứ mỗi cấp đã dành là từng bậc cho nhơn sanh để bước, cho vạn loại lên đường, mà cũng là nơi các Đấng Thiêng Liêng đến để khai hoá, giáo hoá lập pháp môn Tận Độ.

Vì vậy mà người của con phải hạ mình cứu độ bao nhiêu chúng sanh trầm luân. Nếu các con không phải cái đà mỗi cấp thì lấy đâu cho nhơn sanh về tận đến Thầy, mà Thầy có gấn nhiệm vụ vào mỗi con cũng chỉ trông mong bao nhiêu đó.

Các con mỗi một chức phận, dù ở bậc nào cũng có một trọng trách, một ý nghĩa như nhau. Đã nói Cứu Trùng Đài là nấc thang chín bậc, là chín phẩm Thân Tiên, mặc dù chức trọng danh thường, cũng ngang về phân giá trị. Có thang không có người dắt cũng khó mà lên, có người dắt mà không có thang thì nương đâu mà bước?

Vì vậy mà Chức Sắc có hai phần: phần Đạo và phần Đời, để đủ pháp quyền mà tận độ. Đạo là phần khai hoá, thì các con bất cứ hạng nào cũng đều có bổn phận dìu dắt chúng sanh, lòng thương đời phải tha thiết cùng chúng sanh.

Đã nói các con vì Thầy mà đến nơi này để cùng Thầy khai Đạo, hoặc các con vì tội lỗi mà ở nơi này, cũng phải cùng Thầy mà học Đạo, để rồi trở về hội hợp cùng Thầy. Kẻ thánh đức bị lu, người thiện lương còn tở,

cũng đều lập công tu hành. Có công không hạnh, không thành. Có hạnh không công, không lập. Muốn thành lập nơi mình nên Tiên, Phật, Thánh, Thần đều phải đủ hạnh đức. Vì vậy mà Thầy chia ra hai việc phải làm là tự giác và giác tha. Giác tha để mà tự giác, hay tự giác để giác tha không phải tuần hoàn vô căn địa. Nên hai phần nhờ lẫn nhau qua lại, xuống lên, nối tiếp, có động tịnh mà thành tựu là giác hạnh viên mãn. Muốn được vậy, con nên nghĩ lại cho nhiều. Cái tước, cái quyền để thêm sức mạnh mà tu, không phải gắn vào để chùng bầy vô vị.

Các con là Thần, Thánh, hay Thần Thánh ngự trong lòng các con, các con phải trọn thanh cao. Thân các con phải đủ đầy trong sạch để làm thang cho người bước, để vớt rước kẻ vè, mà các con là một cái đà để cho các đà khác đề lên. Là Thầy thì Thầy lại hạ mình dưới hết cho các con bước lên mà đi. Thế các con chớ nên hà hoạn so đo, nói hơn nói thiệt. Các con cố gắng đi làm tròn nhiệm vụ.

Nơi Cửu Trùng Đài, con phải tìm hiểu mà liên hệ bản thân và tìm nơi đó để khai thông đạo mạch.

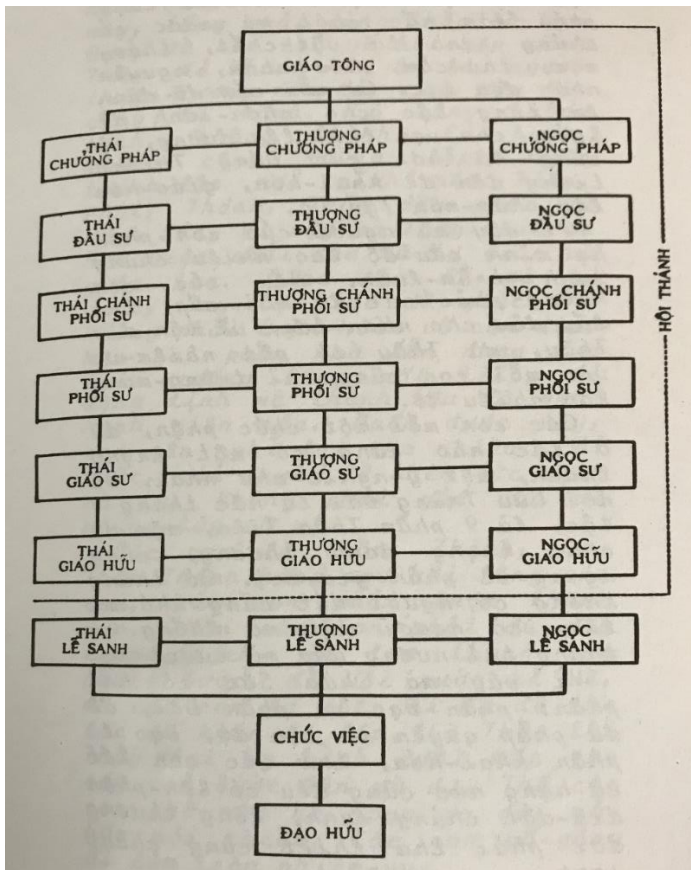
Lời chỉ dạy của Chí Tôn hướng về cho tất cả Cửu Phẩm, nghĩa là luôn cho cả Tín Đồ. Như thế chúng ta thấy rằng trong các tôn giáo hiện giờ, chỉ có người tín đồ Cao Đài mới có được một Thiên trách, và như thế cũng được đặc vị Tiên Thánh nếu hành tròn phận sự như Đức Chí Tôn đã dạy. Dầu cao dầu thấp, giá trị phụng sự nhơn sanh vẫn bằng nhau. Thiên trách vẫn là một cho người Cao Đài dù có ở trong hoặc không có ở trong Hội Thánh.

2) Tổ chức Cửu Trùng Đài Nam Phái: Phân Công Phân Quyền

Pháp Chánh Truyền đã được phát ban, nhưng đó là Thánh ý phải được luôn luôn tựa vào để tổ chức cơ cấu Đạo. Và vì thế nên phân phân công phân quyền thực tế trong Cơ Đạo, hay nói khác hơn là Nội Quy của tổ chức Đạo chưa có. Thêm vào đó

lại còn có sự việc là Cơ Đạo từ ngày khai lập tại thế không có hoặc chưa có một vị lãnh đạo, nghĩa là Giáo Tông người phạm, để điều động toàn Cơ Đạo. Thực dân Pháp lợi dụng chỗ yếu đó mà phá bĩnh bằng cách chia rẽ nội bộ để thống trị. Cũng vì thế cho nên ngày mùng 3 tháng 10 Canh Ngọ (22 tháng 11, 1930) Đức Giáo Tông Vô Vi Lý Thái Bạch mới ra một số Nghị Định phân quyền và phân công thật rõ ràng hơn, và cùng một lúc khởi sự rất khẩn trương về phần thi hành kỷ luật mà các người phạm pháp sẽ bị trừng phạt.

TỔ CHỨC CỬU TRÙNG ĐÀI



Đạo Nghị Định Thứ Nhất

Điều thứ nhất.- Các Chức Sắc Hội Thánh Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài phải tuân y Pháp Chánh Truyền và Tân Luật mà hành đạo theo trách nhiệm của mỗi người; lớn chẳng giành quyền nhỏ, nhỏ chẳng đặng lấn quyền lớn.

Điều thứ nhì.- Chư Chức Sắc Thiên Phong phải tuân theo trật tự lớn nhỏ phải phân minh, chẳng đặng phạm thượng, làm nhơ danh của Đạo.

Điều thứ ba.- Cả Chức Sắc Hội Thánh Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài phải ban hành nghị định này, kể từ ngày Rằm tháng 10, ai phạm tội giải ra Tòa Tam Giáo.

Đạo Nghị Định Thứ Nhì

Điều thứ nhất.- Ban quyền hành cho Thượng Đẩu Sư (Thượng Trung Nhựt; lời của Soạn giả) thay mặt cho Lão mà thi hành các phận sự Giáo Tông về phần xác, còn phần thiêng liêng có Lão.

Điều thứ nhì.- Chức Sắc Cửu Trùng Đài duy bậc Chánh Phối Sư phải tòng quyền mà hành chánh chính trị của Đạo, song đặng thế mặt cho Đẩu Sư đương buổi Người cảm quyền Giáo Tông cho Lão.

Điều thứ ba.- Mỗi việc chi thuộc về quyền chính trị đều giao cho Chánh Phối Sư.

Điều thứ tư.- Chánh Phối Sư đặng trọn quyền thông công cùng Chánh Phủ và nhơn sanh, nhưng buộc phải có hội viên nhơn sanh và Hội Thánh chăm nom cơ hành động.

Đạo Nghị Định Thứ Ba

Điều thứ nhất.- Chánh Phối Sư Nam hành chánh riêng Nam Phái; Chánh Phối Sư Nữ hành chánh về Nữ. Nam Nữ phân quyền.

Điều thứ nhì.- Chức Sắc hành chánh các nơi, chia quyền theo đẳng cấp như vầy:

Phối Sư phải ở Toà Thánh

Giáo Sư làm đầu một Tỉnh

Giáo Hữu làm đầu một Họ

Lễ Sanh làm đầu một Quận

Chánh Trị Sự làm đầu một Xóm cùng Thông Sự

Điều thứ ba.- Cả Chức Sắc có địa phận đặc biệt, chẳng đặng qua khỏi ranh đất trách nhiệm của mình mà gây điều ganh lẫn.

Điều thứ tư.- Cả Chức Sắc phải tùng lệnh Hội Thánh, chẳng đặng tự chuyên mà cải sửa chơn truyền của Đạo.

Điều thứ năm.- Những Chức Sắc phạm tội về Nghị Định này phải bị giải ra Toà Tam Giáo.

Đạo Nghị Định Thứ Tư

Điều thứ nhất.- Thượng Chánh Phối Sư có quyền xem xét các nơi, chăm nom đạo hữu.

Điều thứ nhì.- Ngọc Chánh Phối Sư đặng quyền trị Chức Sắc phân Đạo và phân Đồi, coi chơn truyền Hội Thánh, buộc Chức Sắc làm y phận sự.

Điều thứ ba.- Thái Chánh Phối Sư đặng quyền điều đình sự phổ độ. Tài liệu của Đạo đều nơi người làm chủ, định lương hướng cho Chức Sắc Thiên Phong, lo về tài chánh.

Điều thứ tư.- Thượng Chánh Phối Sư đặng quyền thay mặt cho toàn Đạo mà giao thông cùng Chánh Phủ và cả tín đồ. Quyền giáo dục nhơn sanh nơi tay người nắm. Làm chủ toạ Hội Nhơn Sanh.

Điều thứ năm.- Ngọc Chánh Phối Sư cầm quyền sửa trị cả Chức Sắc. Tín đồ thì quyền tập trung cũng nơi người nắm chắc.

Điều thứ sáu.- Thái Chánh Phối Sư đặng quyền cầu xin Chức Sắc hành đạo tha phương, song tại nơi người điều độ, làm chủ toạ của Hội Thánh.

Điều thứ bảy.- Cả quyền hành đã phân định trong Cửu Viện đều y như trước.

Đạo Nghị Định Thứ Năm

Điều thứ nhất.- Buộc cả Chức Sắc đã thọ phong phải phé đời hành Đạo.

Điều thứ nhì.- Những Chức Sắc trọn hiến thân cho Đạo mới đặng kê vào Hội Thánh, còn những kẻ ngoài vòng thì chẳng đặng dự vào chính trị của Đạo.

Điều thứ ba.- Vì công khai Đạo của nhiều người, nên cho những kẻ nào đặng Hội Thánh nhìn rằng hữu công của Đạo vào hàng Chức Sắc Hàm Phong.

Đạo Nghị Định Thứ Sáu

Hai vị Thiên Phong Giáo Tông và Hộ Pháp phải điều đình Hiến Pháp, sửa trị Đạo mình cho hiệp Pháp Chánh Truyền, nên đồng ký tờ này mà ước hẹn.

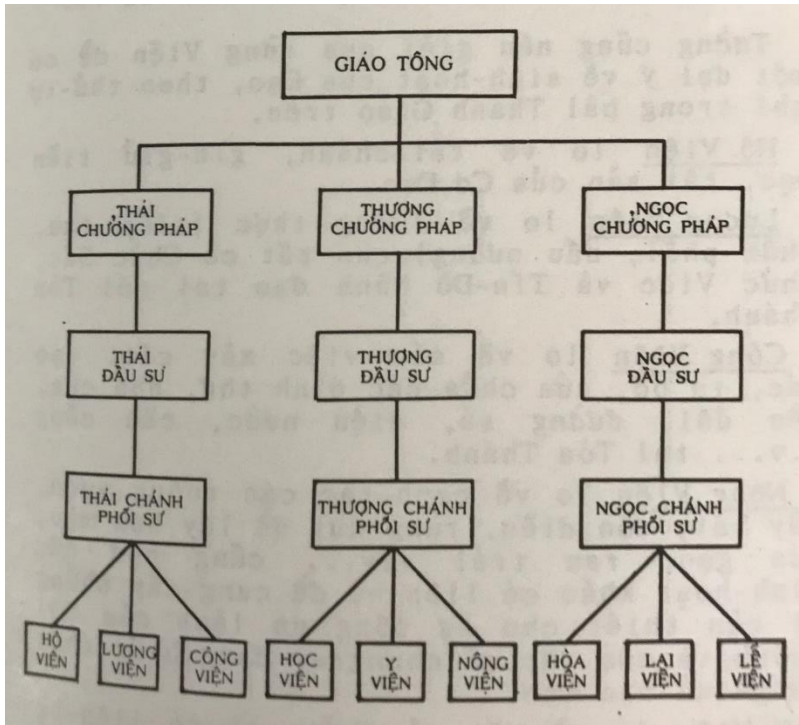
Tất cả các Đạo Nghị trên đều được ban hành vào ngày Rằm tháng 10 Canh Ngọ (1930), ngày Khai Minh Đại Đạo. Sau này còn hai Đạo Nghị nữa ban hành vào năm 1934 (Giáp Tuất).

Tất cả tám Nghị Định được trong Đạo gọi là Bát Nghị Định.

a) Tổ chức Cửu Viện hay Toà Nội Chánh

Như chúng ta đã thấy ở Đạo Nghị Định Thứ Nhì ghi trên thì 'mỗi việc chi về quyền chánh trị đều giao cho Chánh Phối Sư', nghĩa là tất cả hành chánh Đạo, mà trong Đạo Cao Đài gọi là chánh trị Đạo, đều ở trong tay Chánh Phối Sư. Chánh Phối Sư có trách nhiệm thi hành tất cả những gì từ Đầu Sư đưa xuống, và như thế điều hành và điều khiển Toà Hành Chánh, mà trong Đạo gọi là Toà Nội Chánh. Toà Nội Chánh có chín Viện nên gọi là Cửu Viện.

HỆ THỐNG HÀNH CHÁNH CỨU TRÙNG ĐÀI TRUNG ƯƠNG



Cửu Viện là Hộ Viện, Lương Viện, Công Viện, Học Viện, Y Viện, Nông Viện, Hoà Viện, Lại Viện, Lễ Viện. Mỗi Chánh Phối Sư trách nhiệm ba Viện, như Đức Lý Giáo Tông đã dạy:

THÁI: Hộ, Lương, Công, Ngoại chủ trương

THƯỢNG: Học, Y, Nông chấp phương cương

NGỌC: Hoà, Lại, Lễ quyền cai quản

CỬU VIỆN phân qua khá khán tường.

Dịch ra chữ Nôm như sau:

Phái THÁI coi sóc bên ngoài lo cho ba Viện: Hộ, Lương, Công

Phái THƯỢNG chấp chương ba Viện: Học, Y, Nông.
làm cho mạnh lên

Phái NGỌC cai quản ba Viện: Hoà, Lại, Lễ

CHÍNH VIỆN đã phân qua, nên biết rõ.

Tương cũng nên giải qua từng Viện để có một đại ý về sinh hoạt của Đạo, theo thứ tự ghi trong bài Thánh Giáo trên.

Hộ Viện lo về tài chánh, gìn giữ tiền bạc tài sản của Cơ Đạo.

Lương Viện lo về lương thực (tiếp thu, phân phối, nấu nướng) cho tất cả Chức Sắc, Chức Việc và Tín Đồ hành đạo tại nơi Toà Thánh.

Công Viện lo về các việc xây cất, tạo tác. tu bổ, sửa chữa các dinh thự, nhà cửa, đèn đài, đường sá, điện nước, cầu cống, v.v... tại Toà Thánh.

Nông Viện lo về canh tác các ruộng vườn, rẫy bãi, đồn điền, rừng núi để lấy hoa màu, lúa gạo, rau trái, v.v... cũng như các sinh hoạt khác có liên hệ để cung cấp những gì cần thiết cho sự sống an lành của Hội Thánh và của tất cả những ai đang hiến thân công quả cho Đạo.

Y viện lo về tất cả những gì có liên hệ đến sức khoẻ trong Hội Thánh như thuốc men, bệnh viện, cứu trợ v.v.... cho tất cả Chức Sắc, Chức Việc và những ai đang hành đạo công quả tại Toà Thánh trong ấy gồm có những người già yếu, cô đơn, mồ côi, hoạn nạn hoặc nghèo khó v.v...

Học Viện lo về phần văn hoá Đạo, cũng như về việc giáo huấn cho người Đạo đúng theo giáo lý và chủ trương của Đạo. Cũng phụ trách việc huấn luyện Chức Sắc, Chức Việc và những người có liên hệ với giáo lý, luật pháp, nghi lễ, hành chánh trong Đạo.

Ngoài ra Học Viện cũng đảm trách các dụng cụ văn phòng cũng như văn phòng phẩm để cung cấp cho các văn phòng ở Hội Thánh.

Hoà Viên lo về các việc hoà giải các việc xích mích, kiện thưa nhỏ của Chức Sắc nhỏ với tín đồ, và có quyền răn dạy và phán xét các vụ phạm luật Đạo thường thường.

Lai Viên lo về các việc bổ nhiệm, thuyên chuyển các Chức Sắc. Là nơi tập trung các văn thư Đạo từ Trung Ương gửi đi địa phương, cũng như từ địa phương gửi về Trung Ương. Cũng đảm trách tổng đạt đi các nơi liên hệ ở Trung Ương và địa phương.

Lễ Viên lo về tất cả các tế lễ cử hành tại Toà Thánh cũng như ở các địa phương. Phải trách nhiệm tổ chức, sắp xếp thế nào để giữ chơn truyền của Đạo. Các tế lễ này cũng gồm có tất cả các việc có liên quan với Quan Hôn Tang Tế sự.

b) Tổ chức văn phòng mỗi Viên trong Cửu Viên

Tổ chức này gồm có trên hết một Thượng Thống. Dưới Thượng Thống có một Phụ Thống. Dưới Phụ Thống có một Quản Văn Phòng. Dưới Quản Văn Phòng có một Bí Thư và nhiều Phụ Trách.

Văn phòng này được tổ chức giống theo mẫu của tổ chức văn phòng Chánh Phối Sư, mà ta sẽ đề cập đến ngay sau đây.

c) Tổ chức văn phòng Chánh Phối Sư

Trên hết có Chánh Phối Sư. Ngay dưới là một Tổng Quản Văn Phòng. Và dưới cũng có một Bí Thư và một số Phụ Trách.

Số Phụ Trách là tùy theo nhu cầu của văn phòng.

d) Tổ Chức Hành Chánh Địa Phương

Ngày mùng 3 tháng 10 Canh Ngọ (1930) Đức Lý Giáo Tông nghị định:

- *Chánh Phối Sư nam hành chánh riêng nam phái; Chánh Phối Sư nữ hành chánh về nữ. Nam Nữ phân quyền.*

- Chức Sắc hành chánh các nơi, chia quyền theo đẳng cấp như vậy:

Phối Sư phải ở Toà Thánh

Giáo Sư làm đầu một Tỉnh

Giáo Hữu làm đầu một Họ

Lễ Sanh làm đầu một Quận

Chánh Trị Sự làm đầu một Xóm cùng Thông Sự

- Cả Chức Sắc có địa phận đặc biệt, chẳng đáng qua khỏi ranh đất trách nhiệm của mình mà gây điều ganh lẫn.

- Cả Chức Sắc phải tùng lệnh Hội Thánh, chẳng đáng tự chuyên mà cải sửa chơn truyền của Đạo.

- Những Chức Sắc phạm tội về Nghị Định này phải bị giải ra Toà Tam Giáo.

Cách tổ chức hạ tầng cơ sở được sắp xếp như sau:

Tại một xã Đạo có một Chánh Trị Sự làm đầu, giúp sức có Thông Sự làm đầu một xóm. Xã nào có ba mươi đạo hữu trở xuống thì được phép hiệp với đạo hữu làng kế cận dưới quyền một Chánh Trị Sự. Chánh Trị Sự và Thông Sự phải do chư đạo hữu công cử có Giáo Hữu hay Lễ Sanh sở tại thị chứng ... Tờ vi bằng công cử phải làm hai bản, một bản gửi về Toà Thánh, một bản để lại Thánh Thất...

Mỗi năm hai kỳ, Rằm tháng Giêng và Rằm tháng 7, mấy người được đem vào bộ phái nhơn sanh sẽ nhóm nơi Thánh Thất sở tại, có Chức Sắc hay Chủ Thánh Thất toạ chủ mà bàn tính các việc nơi đó...

Kỳ nhóm Rằm tháng Bẩy mỗi năm, Hội ngánh nhơn sanh công cử người thay mặt về Toà Thánh mà họp Đại

Hội Trưởng, Từ Hàng, Phó Từ Hàng, Thủ Bồn, và bốn hội viên lo về Nông, Công, Lương, và Phòng Trù.

Ngoài những Chức Sắc Chức Việc đã được ghi trên, còn có một vài Phận Sự khác mà ít ai để ý tới, dù rằng cũng có một vai trò cần thiết trong việc cúng kiến. Ấy là Phận Sự Lễ Sĩ. Lễ Sĩ là người trong Đạo được trúng tuyển trong một kỳ thi đặc biệt về Nhạc Lễ và được Hội Thánh cấp văn bằng chứng sự việc ấy. Lễ Sĩ phụ trách các việc hiến dâng lễ phẩm tại Đền Thánh, các Thánh Thất, Thánh Tịnh địa phương, nhưng không có quyền tham dự vào các chánh trị Đạo hoặc luật pháp trong Đạo.

Theo quyền ưu tiên thì Lễ Sĩ đứng dưới Lễ Sanh, nhưng đứng trên Chánh Trị Sự.

e) Tổ chức Cơ Quan Phở Tế

Cửu Trùng Đài còn có một Cơ Quan nữa gọi là Cơ Quan Phở Tế với trách nhiệm cứu độ những người đã lầm đường lạc lối, hoặc bị những trở lực đạo đời làm mất đức tin, làm cho tâm đạo bị mờ ám. Cơ Quan Phở Tế cũng có trách nhiệm mang chơn lý Đạo mà giải cho những người hồi đầu hướng thiện, nhập môn cầu Đạo, hoặc những người ăn năn hối ngộ muốn trở về Chánh Đạo v.v... Phở Tế cũng có nghĩa giúp nhơn sanh trong cơn hoạn nạn, cần đến sự giúp đỡ, vỗ về, an ủi ...

Cơ Quan này là một trong những mối mâu thuẫn giữa các Chi Phái khác với Tây Ninh. Tôi sẽ trở lại Cơ Quan này ở một phần sau.

3) Tổ Chức Cửu Trùng Đài Nữ Phái

a) Thành phần Chức Sắc

Ngày 14 tháng 10 Bính Dần (18 tháng 11, 1926). trong ngày Khai Minh Đại Đạo, Đức Chí Tôn giảng đàn tại Thánh Thất Gò Kén và sau khi Khai Tịch Đạo cho Nữ Phái, Đức Chí Tôn phong bà Lâm Thị Thanh phẩm Giáo Sư, lấy Thiên Ân là Hương Thanh; Ca Thị phẩm Phó Giáo Sư, lấy Thiên Ân là Hương Ca, và dạy:

*Đường thị đã thọ mạng Thiên Sai, cứ giữ địa vị mình,
còn cả chư Ái Nữ, Thầy sẽ lập Đại Hội có đủ mấy vị,
rồi sẽ phong sắc một lần ...¹⁶²*

Mãi tới mùng 10 tháng Giêng Đinh Mão (11 tháng 2, 1927), Đức Chí Tôn giáng cơ phong Thánh cho Nữ Phái, và có dạy:

"Hòn ngọc" đẹp để quý báu đường này, Thầy đến cho các con, các con lại kiêu căng, trẻ nhúm. Thầy đã chán mắt thấy Phái Nữ hành đạo thế nào. Biết bao phen Thầy buồn mà buồn rồi lại giận, muốn chẳng lập Nữ Phái mà làm gì. Nhưng trai hay gái cũng đồng con, Thầy không nở đành lòng từ bỏ. Thầy lại thương con nên lắm phen lấy khảo trừ công cho con trở lại phẩm cũ. Bởi một lời đã hứa với Quan Âm. Thầy mới nhất định dành phần công quả ấy cho con.

Con ôi! Thầy thấy con đau thảm bấy nhiêu, một phen lầm lỗi, lẽ nào bỏ nghiệp muôn năm. Con coi đó mà coi, Thầy thương con là bao nhiêu. Thầy giữ Nữ Phái lại cũng vì con. Thầy kêu nó không đến, Thầy dạy nó không nghe, muốn phạt cho đáng kiếp mà bụng cũng chẳng đành.

Con là chị. Thầy đến lập Tam Kỳ Phổ Độ chỉ dụ một chữ Hoà. Con liệu đũa nên dùng đẹp lòng con, kêu lên cho Thầy phán đoán...¹⁶³

Tiền Khai Hương Hiếu có dẫn giải bài Thánh Giáo trên như sau:

Hồi mở Đạo, chư vị Nữ Phái Sài Gòn chưa hiểu Đạo cao lắm. Cũng vì có bốn phận tề gia nội trợ nên sự hành đạo bê trễ, vắng mặt mấy kỳ đàn, nên bị Thầy quở.

Bài Thánh Giáo trước đây, Đức Chí Tôn nói với bà Nữ Đầu Sư Lâm Hương Thanh. Do bài Trường Thiên của Đức Phật Bà cho biết chơn linh của bà Nữ Đầu Sư Lâm Hương Thanh là Bà Long Nữ hầu Phật Bà Quan Âm Bồ

¹⁶² Hương Hiếu, *Đạo Sĩ II*, 1968, trang 19.

¹⁶³ Hương Hiếu, *Đạo Sĩ I*, 1968, trang 116.

Tát. Lúc Bà Long Nữ tình nguyện lãnh lệnh nơi Ngọc Hư Cung xuống thế độ Nữ Phái, Bà Long Nữ hứa với Phật Bà, nên Thầy mới nhứt định dành phần công quả lại cho bà Nữ Đầu sư Lâm Hương Thanh.

Xin xem kỹ câu văn Thầy nói: "một phen làm lỗi, lẽ nào bỏ nghiệp muôn năm", nghĩa là Thầy định lập Tam Kỳ Phổ Độ mười ngàn năm nay, không vì sự lỗi của Nữ Phái mà bỏ cho đành.

Nhận xét lòng bác ái Thầy vô tận vô biên. Thầy quả mà Thầy thương, rồi lại ban thưởng nữa. Nên Thầy kêu bà Đầu Sư lập thông qui kêu tên Nữ Phái cho Thầy chấm phong.

Tóm lại, nhờ bà Nữ Đầu Sư, tất cả Nữ Phái có hầu đàn đêm 14 tháng Giêng năm Đinh Mão (15 tháng 2, 1927) đặng thọ phẩm tước hết.¹⁶⁴

Đức Chí Tôn phong tất cả chín mươi bốn vị: hai Phối Sư, tám Giáo Sư, hai mươi tám Giáo Hữu, năm mươi sáu Lễ Sanh.

Và cả Hội Thánh Nam Phái tung hô mừng lớn rằng:

"Vinh diệu thay cho Nữ Phái!"¹⁶⁵

Sau đó, Chư Tiên Khai Nam Phái cầu xin Thầy ban Đông Quyền cho Nữ Phái, là cũng cho được phong đến phẩm cao nhất của Cửu Trùng Đài là Giáo Tông. Nhưng Thầy dạy:

Thiên Địa hữu Âm Dương. Dương thanh tác sanh. Âm thanh tác tử. Cả Càn Khôn thế giới nhờ Dương thanh mới bền vững; cả chúng sanh sống nhờ Dương Quang. Ngày nào mà Dương Quang đã tuyệt, Âm khí lấy lừng ấy là ngày Càn Khôn thế giới phải chịu trong hắc ám mà bị tiêu diệt.

Nam ấy là Dương. Nữ ấy là Âm. Nếu Thầy cho Nữ Phái cầm quyền Giáo Tông, làm chủ nền Đạo thì là Thầy cho Âm thắng Dương, nên Đạo ắt bị tiêu tan ám muội.¹⁶⁶

¹⁶⁴ Hương Hiếu, *Đạo Sử II*, 1968, trang 216 - 217.

¹⁶⁵ Hương Hiếu, *Đạo Sử I*, 1968, trang 220.

Dù thế, chư Tiền Khai Nam Phái cũng nài nỉ Thầy ân phong phẩm kè Giáo Tông. Nhưng Thầy lại dạy:

Chưởng Pháp cũng là Giáo Tông, mà còn trọng hệ hơn, là vì người thay mặt cho Hộ Pháp nơi Cửu Trùng Đài. Thầy đã chẳng cho ngôi địa vị Giáo Tông, thì lẽ nào cho ngôi địa vị Hộ Pháp, con.

Bởi chịu phân rũi sanh, nên cam phạt thiết thời; lẽ Thiên Cơ đã định. Thầy chỉ cậy con để dạ thương yêu binh vực thay Thầy kéo tội nghiệp.¹⁶⁷

Nghe Thầy giảng dạy như thế, chư Tiền Khai không còn dám nài nỉ và cam phạt vậy.

Như thế ta thấy Cửu Trùng Đài Nữ Phái khác hơn Cửu Trùng Đài Nam Phái ở chỗ không có phẩm Giáo Tông và phẩm Chưởng Pháp, và chỉ có phẩm Đầu Sư là cao nhất. Cửu Trùng Đài Nữ Phái cũng không có ba Phái: Thái, Thượng, Ngọc, nên chỉ có một Đầu Sư chịu mệnh lệnh của Giáo Tông và Chưởng Pháp Nam Phái.

Các phẩm khác đều có đầy đủ như bên Nam Phái, với một Chánh Phối Sư mà thôi. Các phẩm đều có quyền hạn và nhiệm vụ như bên Nam Phái.

Ngoài các phẩm trên cần phải ghi một Phận Sự, dù khiêm tốn nhưng rất cần thiết: ấy là Phận Sự Giáo Nhi.

Giáo Nhi là Phận Sự có nhiệm vụ dạy dỗ các Đồng Nhi Nữ đọc kinh. Muốn được gọi Giáo Nhi, người này phải hội đủ một số điều kiện gần giống như Lễ Sĩ bên Nam Phái: Phải trúng tuyển một kỳ thi đặc biệt về lễ nhạc, và được Hội Thánh cấp văn bằng; phải tuyên thệ thủ trình hành đạo trọn đời để hiến thân cho Hội Thánh. Giáo Nhi được bổ nhiệm đi các Thánh Thất để hành đạo.

¹⁶⁶ *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển và Tân Luật Pháp Chánh Truyền*, Tòa Thánh Tây Ninh, 1972, trang 287.

¹⁶⁷ *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển và Tân Luật Pháp Chánh Truyền*, Tòa Thánh Tây Ninh, 1972, trang 287.

Theo quyền ưu tiên trong nghi lễ thì Giáo Nhi trên phẩm Chánh Trị Sự, nhưng dưới phẩm Lễ Sanh.

Giáo Nhi cũng như Lễ Sĩ không được dựa vào các việc hành chánh, luật pháp trong Đạo.

b) Nữ Đầu Sư Đường

Nữ Đầu Sư điều khiển tất cả tín đồ Nữ Phái, và văn phòng được gọi là Nữ Đầu Sư Đường được tổ chức theo mẫu của Tòa Nội Chánh Cửu Trùng Đài Nam Phái, nghĩa là có Cửu Viện.

Dưới Đầu Sư có một Chánh Phối Sư trông nom Cửu Viện. Cửu Viện được tổ chức cũng giống như Cửu Viện bên Nam Phái, và mỗi Viện của Cửu Viện cũng được tổ chức và có quyền hạn như Viện bên Nam Phái.

Dưới Chánh Phối Sư có Phối Sư lãnh lĩnh thi hành các việc, và dưới Phối Sư có những Chức Sắc khác như bên Nam Phái.

C) Hiệp Thiên Đài là cơ quan làm trung gian gắn liền Cửu Trùng Đài với Bát Quái Đài, tức là hữu hình với vô vi, hoặc xác và hồn. Pháp Chánh Truyền đã nói rõ rằng Cửu Trùng Đài cầm quyền độ rỗi, còn Bát Quái Đài cầm quyền siêu rỗi, thì tức thị Hiệp Thiên Đài là bán hữu hình đài: phàm trần và thiêng liêng. Hồn với xác khi nào cũng phải liên nhau như bóng với hình, cũng như Trời với người phải luôn luôn tương hiệp thì cần khôn vũ trụ quần linh vạn loại mới được an lạc thanh bình. Hiệp Thiên Đài là Đạo, và Cửu Trùng Đài là Đờ. Đờ Đạo phải tương ứng, tương hiệp thì Đờ mới có quyền và Đạo mới có sức. Quyền sức có đủ mới tiến, và có tiến thì mới có đến, có đến mới có thành, có thành mới có đắc, có đắc mới có đạt. Vai trò của Hiệp Thiên Đài thật là vô cùng quan trọng, quan trọng cho đến đời mà Đức Chí Tôn huân thị cho chư Chức Sắc, khi lập Pháp Chánh Truyền Hiệp Thiên Đài, rằng "hễ trọng quyền thì ắt trọng tội".

Hiệp Thiên Đài là Chơn Thần, là 'Vía' của Đạo, nơi mà Đức Thượng Đế Chí Tôn ngự để giáo Đạo cho trần gian; cũng

là nơi để người bị cáo trong Đạo chống án lên để phá án Tòa Tam Giáo Cửu Trùng Đài.

1) Nhiệm vụ: Có hai nhiệm vụ:

a) Nhiệm vụ phạm trần là bảo pháp, tức là gìn giữ tất cả giáo pháp, luật lệ Đạo đã được Bát Quái Đài truyền ra hoặc đã chấp thuận, để giữ chơn truyền chánh pháp hầu tránh tình trạng thất chơn truyền mà trước kia đã tạo ra tình trạng Thánh Giáo trở thành Phạm Giáo đưa chúng sanh vào con đường tội ác. Có thể nói đây là vai trò Tư Pháp của Đạo, và như thế cần phải hết sức công bình, vô tư, như Đức Chí Tôn đã phán "Thầy khuyên các con lấy tánh vô tư mà hành đạo".

b) Nhiệm vụ thiêng liêng: Hiệp Thiên Đài là nơi Đức Chí Tôn và chư Thiêng Liêng thường đến ngự để giáng cơ ban hành luật Đạo, để Giáo Tông đến để cầu thông công với Bát Quái Đài, tức là với Đức Chí Tôn và chư Thiêng Liêng. Đó cũng là nơi Đức Chí Tôn và chư Đấng Thiêng Liêng đến để ban truyền Thánh Ngôn Thánh Giáo và cũng là cửa Trời để rước các nguyên nhân trở về cữ vị.

Nơi đây là để Thiên Nhơn hiệp nhứt, để cho Đời Đạo được tương quan chặt chẽ, các mối liên hệ được quây quần chằng chịt với nhau, để các việc của Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài được thông suốt, để cho các việc của Người được hoà đồng với Thiên Ý, hầu giúp cho nhơn sanh được an lạc thanh bình trên căn bản Tử Bi, Bác Ái, Công Bình của Đại Đạo. Cũng vì thế cho nên Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài luôn luôn phải gắn bó với nhau, không có một việc gì xảy ra ở Cửu Trùng Đài mà Hiệp Thiên Đài chẳng biết, và trái ngược lại.

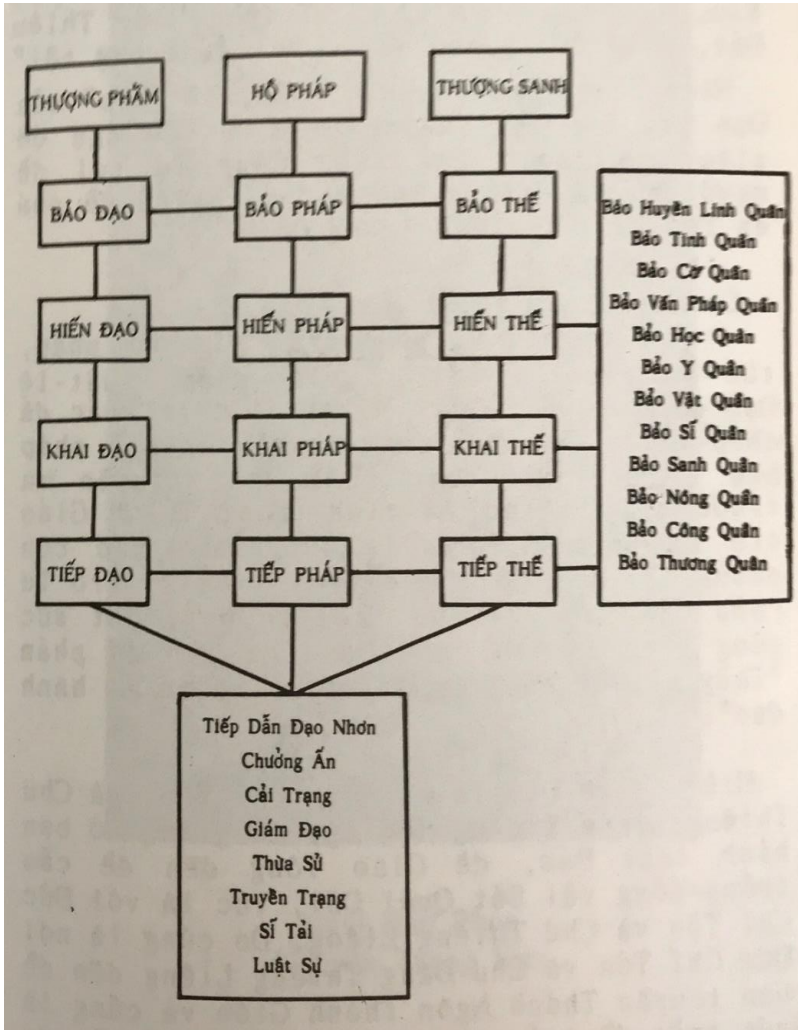
Trong hành sự, Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài là tả phù hữu bật của Bát Quái Đài vậy, bất câu trong trường hợp nào.

2) Tổ chức Hiệp Thiên Đài

Hiệp Thiên Đài được đặt dưới quyền chưởng quản của Hộ Pháp, và được chia ra làm ba Chi: Pháp, Đạo, Thế. Hộ Pháp chưởng quản luôn Chi Pháp. Chi Đạo thì dưới quyền của

Thượng Phẩm, đứng bên phải của Hộ Pháp. Chi Thế thì dưới quyền của Thượng Sanh, đứng bên tả của Hộ Pháp. Dưới ba phẩm này có mười hai phẩm nữa đặt ra để trợ tá gọi là Thập Nhị Thời Quân. Tổ chức này được qui định rõ ràng trong Pháp Chánh Truyền Hiệp Thiên Đài mà ta đã thấy rồi.

TỔ CHỨC HIỆP THIÊN ĐÀI



Pháp Chánh Truyền Hiệp Thiên Đài tương đối ngắn hơn Pháp Chánh Truyền Cửu Trùng Đài, và rất vắn tắt, làm cho người đọc thoáng qua cho rằng không quan trọng lắm. Nhưng sự thật thì khác hẳn, Đây là cơ quan Đạo rất trọng hệ. Phân quyền cho Thập Nhị Thời Quân, Thầy chỉ vòn vện dạy "Bảo là gìn giữ. Hiến là dâng. Khai là mở (bày ra). Tiếp là rước". Chức Sắc cũng thế. Nhưng Đức Chí Tôn rất nghiêm nghị dạy rằng hễ trọng quyền thì ắt có trọng phạt.

Tuồng cũng nên để một ít thời giờ để bàn về nhiệm vụ và quyền của chư Chức Sắc và của Thập Nhị Thời Quân để được chi tiết hơn, hầu giúp hiểu thêm guồng máy hành chánh trong Đạo.

a) Chức Sắc

Hiệp Thiên Đài gồm có ba Chi: Chi Đạo, Chi Pháp, và Chi Thế, và được tổng chương quản bởi một Hộ Pháp.

- Hộ Pháp, một vị, chương quản luôn cả Chi Pháp, gìn cơ mâu nhiệm bí pháp (Đạo), bảo vệ luật Hội Thánh, giữ chơn truyền không để Cơ Đạo qui phạm. Có phận sự thiêng liêng là đưa chơn hồn sanh linh vào Bát Quái Đài để được định vị.

- Thương Phẩm, một vị, chương quản Chi Đạo, cầm quyền về phần Đạo, binh vực cho Chức Sắc và Tín Đồ trong khi tổ tụng, trưởng phòng cải án. Về phần thiêng liêng, Thương Phẩm có phận sự binh vực và bảo vệ cho các chơn linh được an vị, "khép cửa Thiên Môn không cho các chơn linh thối bước, và điều khiển việc thăng đọa của chơn linh".

- Thương Sanh, một vị, chương quản Chi Thế, lo về phần Đời. Là chủ phòng biện lý, công cáo uỷ viên về các trường hợp phạm luật Đạo, có quyền xem xét hành đạo của Chức Sắc và làm những đề nghị thích nghi. Có quyền tố cáo Chức Sắc hoặc những ai làm phương hại hoặc ngăn trở đường hoặc lòng tu tiến của nhơn sanh.

b) Thập Nhị Thời Quân

Như trên đã nói, dưới ba phẩm này có mười hai vị Thời Quân trợ tá. Đó là: Bảo Pháp, Hiến Pháp, Khai Pháp, Tiếp Pháp cho Chi Pháp. Chi Đạo có Bảo Đạo, Hiến Đạo, Khai Đạo, Tiếp Đạo. Còn Chi Thế thì có Bảo Thế, Hiến Thế, Khai Thế, và Tiếp Thế. Mỗi Chi có bốn vị: Bảo, Hiến, Khai, Tiếp, vậy là $3 \times 4 = 12$, là con số dành riêng cho Đức Thượng Đế.

Tường cũng nên ghi xuống đây guồng máy hành chánh để thấy được thủ tục hành đạo ở cấp này, lấy tỉ dụ có sự việc tố cáo một Chức Sắc. Cáo trạng đó phải theo thủ tục hành chánh sau đây:

Cáo trạng phải gửi đến Tiếp Thế. Tiếp Thế trích yếu vấn đề ghi vào sổ bộ để theo dõi, rồi chuyển cáo trạng lên Khai Thế.

Khai Thế thụ lý vấn đề, một mặt thông báo nội vụ cho Cửu Trùng Đài tường, một mặt xin Hộ Pháp họp Chư Thánh Hiệp Thiên Đài để định đoạt. Khi Chư Thánh Hiệp Thiên Đài quyết định thụ lý vấn đề thì Khai Thế chuyển hồ sơ nội vụ qua Hiến Thế.

Hiến Thế lo điều tra bổ túc hồ sơ. Tất cả hồ sơ của Hiến Thế phải được bảo mật, không ai có quyền đòi hỏi hay bắt buộc Hiến Thế phải tiết lộ, cho xem hoặc cung cấp những tài liệu đó. Khi hoàn tất hồ sơ Hiến Thế chuyển qua Bảo Thế.

Bảo Thế phải tuyệt đối bảo mật nội vụ, rồi chiếu theo luật Đạo, thảo tờ buộc tội, soạn dâng tất cả hồ sơ nội vụ và tờ buộc tội lên Thượng Sanh để người đến trước Toà Tam Giáo buộc tội.

Khi bị điều oan ức hay muốn khiếu nại điều chi thì nộp tờ khiếu nại hay minh oan cho Tiếp Đạo.

Tiếp Đạo xem nội vụ có oan ức chi không? Có đáng binh vực hay không? Nếu thấy có oan tình cần phải binh vực thì chuyển hồ sơ nội vụ lên Khai Đạo.

Khai Đạo tiếp được hồ sơ nội vụ, một mặt gửi thơ qua Toà Tam Giáo xin đình án tối đa mười lăm ngày, một mặt xin

Hộ Pháp hợp Chư Thánh Hiệp Thiên Đài chấp nhận thụ lý vấn đề thì hồ sơ nội vụ chuyển qua Hiến Đạo.



Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu
(Ảnh trích trong Lịch Sử Đạo Cao Đài,
tác giả Đồng Tân)

Hiến Đạo phải điều tra bỏ tước hồ sơ. Tất cả hồ sơ của Hiến Đạo phải được bảo mật, không ai có quyền đòi hỏi hay bắt buộc Hiến Đạo phải tiết lộ, cho xem, hoặc cung cấp những tài

liệu đó. Khi hoàn tất hồ sơ, Hiến Đạo chuyển hồ sơ qua Bảo Đạo.

Bảo Đạo cũng phải bảo mật nội vụ, rồi chiếu theo luật Đạo làm tờ lý đoán binh vực. Đoạn dâng tất cả hồ sơ nội vụ và tờ lý đoán binh vực lên Thượng Phẩm để người ra trước Toà Tam Giáo bào chữa hoặc minh oan.

Tiếp Pháp có nhiệm vụ tiếp nhận hồ sơ cáo trạng từ Chi Thê, hay hồ sơ khiếu nại từ Chi Đạo, xem có đáng thụ lý không. Nếu đáng thụ lý thì chuyển hồ sơ nội vụ sang Khai Pháp.

Khai Pháp xem vấn đề có cần đưa ra Hội Chư Thánh Hiệp Thiên Đài thụ lý không. Nếu cần, một mặt thông báo nội vụ cho Cửu Trùng Đài tường, một mặt xin Hộ Pháp họp Chư Thánh Hiệp Thiên Đài để quyết định. Nếu Hội Chư Thánh Hiệp Thiên Đài chấp nhận thụ lý thì chuyển hồ sơ nội vụ sang Hiến Pháp.

Hiến Pháp mở cuộc điều tra bổ túc hồ sơ. Tất cả hồ sơ của Hiến Pháp phải được bảo mật, không ai có quyền đòi hỏi hay bắt buộc Hiến Pháp phải tiết lộ, cho xem hoặc cung cấp những tài liệu đó. Khi hoàn tất hồ sơ, Hiến Pháp chuyển qua Bảo Pháp.

Bảo Pháp phải tuyệt đối bảo mật nội vụ, làm tờ định án, đoạn dâng tất cả hồ sơ nội vụ và tờ định án lên Hộ Pháp để người đến trước Toà Tam Giáo định án.

c) Thập Nhị Bảo Quân

Ngoài những phẩm trên, còn có Phận Sự khác nữa mà người trong Đạo cũng như ngoài Đời ít được nghe tới. Tưởng cũng nên ghi xuống đây để được có một tổng ý về Đài này. Mười hai vị Thời Quân trên được sự phụ tá của mười hai Phận Sự nữa gọi là Thập Nhị Bảo Quân gồm:

Bảo Huyền Linh Quân - chuyên về Thần Linh Học

Bảo Tinh Quân - chuyên về Thiên Văn Học

Bảo Cơ Quân	- chuyên về Luật Pháp
Bảo Văn Pháp Quân	- chuyên về Nghệ Thuật
Bảo Học Quân	- chuyên về Giáo Dục
Bảo Y Quân	- chuyên về Y Học
Bảo Vật Quân	- chuyên về Vạn Vật và Kỹ Nghệ
Bảo Sĩ Quân	- chuyên về Văn Chương
Bảo Sanh Quân	- chuyên về Xã Hội
Bảo Nông Quân	- chuyên về Nông Nghiệp
Bảo Công Quân	- chuyên về Công Chánh
Bảo Thương Quân	- chuyên về Kinh Tế

Như trên đã cho thấy, công việc của Hiệp Thiên Đài quá nhiều và quá nặng, phải đòi hỏi nhiều nhân sự hơn, nên đêm Rằm tháng 2 Ất Hợi (20 tháng 3, 1935) Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc có cầu xin thêm nhân sự. Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn (Victor Hugo) chấp thuận cho thêm Chức Sắc thuộc Bộ Pháp Chánh để phục vụ Hiệp Thiên Đài. Các phẩm ấy là: Tiếp Dẫn Đạo Nhơn, Chưởng Ấn, Cải Trạng, Giám Đạo, Thừa Sứ, và Truyền Trạng.

Vào ngày 23 tháng 5 Bính Tý (11 tháng 7, 1966) Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc lập thêm phẩm Luật Sư.

Tương cũng nên xét qua nhiệm vụ của các phẩm này để được trọn vẹn trong phần các Phận Sự ở Hiệp Thiên Đài.

- Tiếp Dẫn Đạo Nhơn có phận sự tiếp đón và dẫn giải cho những ai muốn học hỏi tìm tòi về Đạo, để cho những người đó thấu hiểu một cách đúng đắn, rõ ràng, không sai lạc. Trong ý đó, Tiếp Dẫn Đạo Nhơn cũng có nhiệm vụ đi dự các hội nghị

quốc tế về tôn giáo của các tôn giáo bạn khi có lệnh để làm cho người ngoài hiểu một cách rõ rệt nền Chánh Giáo. Người cũng phải ưu tư về vấn đề truyền bá Đại Đạo ra năm châu bốn biển.

- Chương Ân là người nắm giữ Ân và chủ tọa những phiên toà Đạo.

- Cải Trang là người được giao phó trách nhiệm biện hộ bình vực cho người tín đồ bị cáo.

- Giám Đạo là những Phận Sự có trách nhiệm thanh tra luật pháp Đạo.

- Thừa Sứ là Phận Sự có trách nhiệm ghi chép sử Đạo.

- Truyền Trang là Phận Sự có trách nhiệm chuyển giao các đơn từ, cáo trạng, văn kiện pháp lý.

- Sĩ Tải là Phận Sự có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ, các văn kiện, văn thư trong Đạo.

- Luật Sư là những Tín Đồ mới nhận vào còn đang học tập về giáo lý và luật pháp Đạo. Đây là Phận Sự thấp nhất trong Hiệp Thiên Đài.

3) Những cơ quan khác trong Hiệp Thiên Đài

Ngày 14 tháng Giêng Mậu Dần (14 tháng 2, 1938), sau hai ngày hội của chư Chức Sắc Thiên Phong Toàn Thể Chánh Trị Đạo, Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc tuyên bố: *Ngày nay trong nền Đại Đạo của Đức Chí Tôn đã có cho Hội Thánh một bộ Đạo Luật nữa. Bộ Đạo Luật ấy được mang danh là ĐẠO LUẬT mà theo đó thì nền hành chánh Đạo được cải tổ thành bốn cơ quan: Hành Chánh, Phước Thiện, Toà Đạo, và Phổ Tế.* Đạo luật phải được thi hành vào ngày Rằm tháng Giêng Mậu Dần, nghĩa là ngay lập tức. Ngoài ra những cơ quan trên, sau này lại còn có Ban Thế Đạo, và Đại Đạo Thanh Niên Hội và Đoàn Hướng Đạo Cao Đài.

Đạo Luật bị các chi phái khác chỉ trích, cho Đức Hộ Pháp canh cải chơn truyền của đạo Cao Đài, tự mình lập ra chứ không có Thánh Ngôn nào dạy như thế, và hệ thống này khác biệt với hệ thống hành chánh trước kia, nghĩa là trái với Pháp

Chánh Truyền và các Đạo Nghị Định năm 1930. Đức Hộ Pháp lại còn bị nghi ngờ hơn nữa vì năm trước đã nắm quyền Nhị Hữu Hình Đài, một sự việc bị nhiều người, trong ấy có một số Chức Sắc Hiệp Thiên Đài Tây Ninh, không mấy hưởng ứng. Cũng vì những lẽ này mà các chi phái to nhỏ rằng Hiệp Thiên Đài có ý lấn áp Cửu Trùng Đài, nắm hết quyền hành. Cửu Trùng Đài rất lấy làm nhạy cảm về phần này, cảm thấy Hiệp Thiên Đài Tây Ninh đã làm những việc không đúng, không nên, không phải.

Những tiếng to nhỏ này trong nền Đạo đã được chú vị trong Hiệp Thiên Đài Tây Ninh, như Thượng Sanh Cao Hoài Sang, Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu, Hiến Pháp Trương Hữu Đức, lưu tâm rất nhiều. Thật thế, sau khi Đức Hộ Pháp lưu vong sang Kampuchia thì chú vị Thiên Phong này cố tìm cách để chỉnh đốn nền hành chánh Đạo lại như trước.

Quyển sách nhỏ hẹp này, với nội dung quá tổng quát và đại cương, không phải là nơi để khảo cứu vấn đề này, dù công nhận rằng đây là một đề tài lý thú và hào hứng đối với những học giả chuyên môn về Cao Đài Giáo.

Dưới đây là ý nghĩa của những cơ quan nói trên, ghi xuống để có một ý niệm lịch sử; tất cả đều lấy theo Tờ Kiết Chứng chánh thức của Toà Thánh Tây Ninh:

a) Cơ Quan Hành Chánh. "Hành Chánh là cơ quan đề thi hành các luật lệnh của Hội Thánh hoặc của chúng sanh dâng lên mà đã có Quyền Chí Tôn phê chuẩn, nghĩa là buộc chúng sanh phải tuân y Luật Pháp mà đi trên con đường Đạo Đức cho đặng thông dong, hoà bình, trật tự, hạnh phúc an nhàn, tức là thật hành cả khuôn viên luật pháp cho ra thiết tướng".

b) Cơ Quan Phước Thiện. "Phước Thiện là cơ quan bảo tồn sanh chúng trên đường sanh hoạt nuôi sống thi hài tức là cơ quan giải khổ cho chúng sanh, tầm phương bảo bọc những kẻ tật nguyền, cô độc, dốt nát, ít oi, hoặc giúp tay cho bên hành chánh thi hành Luật Pháp cho đặng dễ dàng trọn vẹn".

Tổ chức này gồm có mười hai phẩm gọi là Thập Nhị Đẳng Cấp Thiêng Liêng như Minh Đức, Tân Dân, Thính Thiện, Hành Thiện, Giáo Thiện, Chí Thiện, Đạo Nhơn, Chơn Nhơn, Hiền Nhơn, Thánh Nhơn, Tiên Tử, và Phật Tử, từ dưới đếm lên. Các phẩm này chia ra làm hai phần:

1) Từ Minh Đức lên Chơn Nhơn, mỗi cấp được định tùy theo công nghiệp hành đạo phước thiện.

2) Từ Hiền Nhơn dĩ thượng là những phẩm có trách nhiệm giúp Hội Thánh gìn giữ Chơn Pháp, nên phải do Cơ Bút định đoạt phong nhiệm.

Sau đây là phận sự và ý nghĩa của mỗi phẩm:

1. Phật Tử là phẩm cao nhất trong Hội Thánh Phước Thiện, đồng quyền cùng Đức Chí Tôn để cai quản cả Thần Thánh Tiên Phật trong vũ trụ.

2. Tiên Tử là phẩm sáng suốt hoàn toàn, học đủ lục thông, và sẽ vâng lệnh Đức Chí Tôn để làm một vị Giáo Chủ nhơn loại.

3. Thánh Nhơn là phẩm đã thông ba giới (Thượng Giới, Trung Giới, Hạ Giới), và sẽ đi khai Đạo một nơi để độ rỗi nhơn sanh.

4. Hiền Nhơn là phẩm đã diệt được thất tình, không còn nhiễm trần thế, cõi lòng đã thanh tịnh.

5. Chơn Nhơn là phẩm đã học được Tân Pháp, nên phải đi hành Đạo đúng theo Tân Pháp để cứu nhơn sanh.

6. Đạo Nhơn là phẩm còn đang học Đạo và hành pháp; phải về Hội Thánh để thọ Tân Pháp Bí Truyền.

7. Chí Thiện là phẩm đã đạt được phẩm hạnh cao nhất của đường thiện, đã trở thành một người thiện hoàn toàn.

8. Giáo Thiện là phẩm đang đi dạy việc thiện cho người, giúp nhơn sanh tìm đường thiên lý tức Đạo Trời.

9. Hành Thiện là phẩm đang làm việc thiện để cứu khổ những kẻ đang lâm khổ, tật nguyên, bệnh hoạn v.v...

10. Thính Thiện là phẩm đã trong sạch trong tinh thần, đã từ chối tất cả những thú vui vật chất ở đời, để tai luôn luôn nghe

và tâm luôn luôn cảm những việc lành hầu phân biệt chánh tà, thiện ác.

11. Tân Dân là phẩm đã từ bỏ được thói hư tật xấu của người đời (rượu chè, cờ bạc, tiền bạc ...) để trau dồi tánh hạnh, hướng nội sửa lòng để luôn luôn tự xét mình hầu mỗi ngày mỗi tấn tiến.

12. Minh Đức là phẩm đang trau dồi đức hạnh của mình càng ngày càng được sáng láng, tốt lành, và luôn luôn trọng đức hơn tiền tài.

Số Phận Sự trong mỗi phẩm không như định như ta đã thấy ở tổ chức Cửu Trùng Đài. Dù sao, mười hai phẩm trong Hội Thánh Phước Thiện cũng chưa được phong hoặc bổ nhiệm đầy đủ. Phẩm cao nhưt hồi năm 1975 là Hiền Nhơn, và cũng là Phận Sự đang điều hành Hội Thánh. Thật sự Hội Thánh đã lập ra nhưng chưa hành đạo đúng mức.

c) Toà Đạo là để "định án những người phạm luật pháp" và hình phạt ra thế nào?

Những vị nào phạm Luật Pháp thì chiếu theo thập hình của Đức Lý Giáo Tông mà định tội. Kẻ phạm phải chịu hai quyền luật:

- Luật : là Tân Luật và Luật Hội Thánh
- Pháp: là Pháp Chánh Truyền và Đạo Nghị Định.

Nghĩ vì Toà Đạo là một cơ quan bảo thủ Chơn Truyền y theo khuôn viên Đạo Pháp, bảo đảm sanh chúng, trị loạn, phò nguy, gìn cân công lý cho toàn cả chúng sanh đang sống một cách thung dung thơ thới dưới luật công bình của Đạo.

Toà Đạo lập ra cốt yếu để bình vực những người bị uất ức, trừng phạt những người phạm Luật Pháp, gìn giữ quyền hành phân minh, đặng cấp trật tự cho nên chánh trị Đạo.

Trách nhiệm trọng hệ hơn hết của Toà Đạo là vô tư vô vị.

Về những hình phạt, hãy xem Chương Năm Tiết IV Hình Phạt sau đây.

d) Cơ Quan Phổ Tế (Xem Chương Năm Tiết II phần I.B.2.e ở trên)

Ngày nay ta thường nghe tên những cơ quan sau đây được đề cập đến là Ban Thế Đạo, Bộ Pháp Chánh, Đại Đạo Thanh Niên Hội và Đoàn Hướng Đạo Cao Đài. Vậy cũng nên ghi qua về những cơ quan và danh từ này:

e) Ban Thế Đạo được Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc lập lên mục đích là để giúp những người chưa có thể phê đời để hy thân trọn vẹn cho Đạo mà sở thích là các việc đời, làm thế nào cho đời được đạo đức hoá như Thiên Ý mà tương đắc với Đạo, hầu trợ giúp Cơ Đại Đạo hoàn thành sứ mạng trong lần ân xá kỳ ba này của Thượng Đế, đúng theo lập trường của Đại Đạo qua hai câu liễn của Thượng Đế ân ban được thấy ở cửa Chánh Môn Tòa Thánh:

CAO THƯỢNG CHÍ TÔN ĐẠI ĐẠO HOÀ BÌNH DÂN CHỦ MỤC

ĐÀI TIỀN SÙNG BÁI TAM KỲ CỘNG HƯỞNG TỰ DO QUYỀN

Dịch ra Nôm đại ý như sau:

Đại Đạo của Đức Chí Tôn rất mực cao thượng sẽ mang lại hoà bình trên căn bản dân chủ

Nhơn sanh hãy tôn sùng trước Đền Đức Chí Tôn để tất cả cùng đồng hưởng quyền tự do

Ngoài ra, những người hành đạo trong Ban này cũng phải luôn luôn lưu tâm đến chủ trương của Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc đưa ra là: Bảo Sanh, Nhân Nghĩa, Đại Đồng.

Như thế Ban Thế Đạo có trọng trách diu dắt những người có sở thích hành hiệp ngoài đời cho được đủ tư cách, đức độ, nhân phẩm, tâm tánh ... những điều kiện cần thiết để phụng sự quốc gia, dân tộc, xã hội, loài người đúng theo Bát Chánh Đạo của nhà Phật.

Ban Thế Đạo được trực thuộc dưới Chi Thế của Hiệp Thiên Đài, và gồm có những Chức Sắc sau đây, kể từ trên xuống dưới:

1. Phu Tử là người có chí lớn an bang tế thế, chịu ăn nắng nằm sương để diu dắt nhân loại trên con đường Chơn Giáo. Là các bậc đại phu, có đức hạnh cao thượng và có công giúp đời.
2. Đại Phu là các Quốc Sĩ đã có dày công phổ biến giáo lý của Đạo, thâm phục nhơn tâm, đầy đủ đức hạnh.
3. Quốc Sĩ là những người có công giúp Đạo giúp đời, có đại công với đất nước, và được mọi người thương mến kính phục. Cũng là những người có tài ba lỗi lạc, đã dày công giúp Đạo và đời, đầy đủ đức hạnh, được dân chúng ái mộ, và có văn bằng chứng minh.
4. Hiền Tài là những bậc trí thức, sĩ phu. Trí thức thì được chọn trong làng đạo hữu, công tư chức còn đang làm việc hoặc đã về hưu, nhưng phải bốn mươi tuổi trở lên. Còn Sĩ Phu thì phải hai mươi một tuổi trở lên, và ít nhất phải có bằng Tú Tài toàn phần.¹⁶⁸

Cơ quan này được đặt dưới quyền chưởng quản của Chi Thế của Hiệp Thiên Đài là Đức Thượng Sanh có một vị Chưởng Quản Ban Thế Đạo có quyền điều khiển điều hành trực tiếp một Ban Quản Nhiệm Trung Ương gồm có một Tổng Quản Nhiệm đứng đầu với hai vị Phó Tổng Quản Nhiệm trợ tá.

Dưới Ban Quản Nhiệm Trung Ương có tám Ban: Ban Giáo Lý, Ban Văn Hoá, Ban Xã Hội, Ban Thanh Sát, Ban Ngoại Vụ, Ban Kinh Tài, Ban Quốc Chính, và Ban Kế Hoạch và Tổ Chức. Tám Ban này hành đạo dưới sự điều khiển của ba vị trong Ban Quản Nhiệm Trung Ương.

Văn phòng riêng của Ban Quản Nhiệm Trung Ương có một Văn Phòng coi lo về giấy tờ, các việc hành chánh, và một Thủ Bồn để giữ tiền bạc, của cải của Ban.

¹⁶⁸ Đinh Văn Khá, *Đại Lễ Vía Đức Chí Tôn*, Tây Ninh, 1975, trang 79 (mimeographed)

f) Bộ Pháp Chánh là một cơ quan của Hiệp Thiên Đài lập ra để trông nom, theo dõi và kiểm soát Luật Đạo được thi hành nghiêm chỉnh đúng theo tinh thần của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ hầu bảo thủ chơn truyền của Đạo.

Để thi hành nhiệm vụ đó, Bộ Pháp Chánh có quyền kiểm soát sinh hoạt, hành vi, hạnh đạo của các Chức Sắc phở tế có được đặc nhơn tâm và có hiệu quả theo đúng đường lối chỉ thị của Hội Thánh. Cơ quan này được quyền nghị án, cảnh cáo hoặc trục xuất, tùy theo tội nặng hay nhẹ. Cơ quan này cũng có thẩm quyền sưu tra công nghiệp của Chức Sắc với đề nghị cho thăng hoặc không cho thăng cấp.

Như trên cho thấy, quyền hạn của Bộ Pháp Chánh rất lớn, thẩm quyền rất to và rộng, nên chi Thiêng Liêng cũng có dạy:

*Pháp luật vô tư, đạo giáo từ oai từng lý
Chánh tông bất dịch chơn truyền thiện ác tùy hình.*

Dịch đại ý ra Nôm như sau:

Pháp luật không thiên vị ai, mà hình phạt của Đạo Giáo thì hiền lành nhưng cũng phải tùy theo lẽ phải.

Chánh Giáo không khi nào thay đổi chơn truyền, nhưng hình phạt thì phải tùy việc thiện hay ác.

Bộ Pháp Chánh được đặt dưới quyền chưởng quản của một vị Thời Quân, Chi Pháp Hiệp Thiên Đài. Dưới vị Chưởng Quản có một vị Trưởng Phòng, và dưới vị Trưởng Phòng là một vị Quản Văn Phòng.

Vị Quản Văn Phòng có một vị Bí Thư trợ tá và một số Phụ Trách.

Ngoài ra, Trưởng Phòng điều khiển ba Phòng sau đây:

- Phòng Minh Tra (kiểm soát)
- Phòng Thẩm Vấn
- Phòng Nhân Viên

Bộ Pháp Chánh là một cơ quan rất quan trọng trong Hiệp Thiên Đài, vậy tưởng cũng nên ghi xuống toàn văn kiện cơ quan cho được thật rõ ràng.

Thông Tri của Bộ Pháp Chánh:

Đức Chí Tôn đến lập Tam Kỳ Phổ Độ, nay lại lập thêm Pháp Chánh Truyền và Tân Luật để khếp con cái của Ngài vào khuôn viên đạo đức. Hiệp Thiên Đài có trách nhiệm nắm giữ Luật Pháp ấy đặng làm qui củ chuẩn thẳng trong nền Chánh Giáo. Nếu chẳng vậy thì mạnh ai nấy tự động theo ý riêng mình, như chúng ta đã thường mục kích trong cửa Đạo, làm cho loạn lạc chơn truyền, rồi Chánh Giáo có thể qui phạm mà chớ!

Cũng vì lẽ ấy mà Đức Chí Tôn mới lập cơ quan Pháp Chánh Truyền Hiệp Thiên Đài để bảo thủ chơn truyền bằng cách trông nom gìn giữ toàn Đạo tránh khỏi phạm Thiên Điều, vì mỗi khi có đạo hữu nào phạm pháp thì buộc Bộ Pháp Chánh Hiệp Thiên Đài phải can thiệp liền để xét xử về mặt hữu hình tại thế gian này. Như vậy, tội phạm sẽ được giảm bớt hoặc miễn liền về mặt thiêng liêng.

Điều khó nghĩ cho Bộ Pháp Chánh là một mặt Đức Chí Tôn dạy phải thương yêu nhau, mặt khác lại đặt ra có pháp luật để răn trị. Mà hễ áp dụng hình phạt thì tổn thương đến tình thương yêu. Cũng may, hình phạt nặng hơn hết trong Đạo chỉ đến "trục xuất" là cùng. Tuy nhiên, hễ là người biết tự trọng, dầu ngoài đời hay là trong Đạo cũng vậy, khi bị phạt bất luận nặng hay nhẹ cũng lấy làm xấu hổ là thường và ân hận suốt đời. Thành thử ai nấy đều cố gắng giữ mình cho khỏi phạm luật, nhứt là người Đạo lại càng sợ hình phạt hơn hết.

Vì lẽ ấy mà Hộ Pháp đã có bài giảng giải:

Pháp Chánh Truyền Hiệp Thiên Đài là gì?

Hình phạt Luật Pháp là gì?

Trước khi đăng tải bài này, tôi xin toàn thể Chức sắc và đạo hữu lưu ý về việc trau dồi phẩm giá của mình cho

xứng đáng là môn đệ của Đức Chí Tôn. Phải khắc kỷ phục lễ cho ra người đạo mạo làm gương sống cho Đạo lẫn đời. Nếu không giữ gìn đạo hạnh, làm những việc tội lỗi thì Pháp Luật không thể vị tình, áp dụng đến hình phạt làm cho bất mãn rồi trở lại oán trách than van.

Thử hỏi, như vậy có phải là gây rối cho Đạo không?

Dưới đây là bài giảng của Đức Hộ Pháp:

Bài giảng của Đức Hộ Pháp

(Thời Tý, mùng 1 tháng 7, Mậu Tý -- 5 tháng 8, 1948)

Bản Đạo giảng:

- *Pháp Chánh Truyền Hiệp Thiên Đài là gì?*

- *và Hình Luật Tam Giáo là gì?*

Từ thử đến giờ, chúng ta thường quen gọi là Toà Hiệp Thiên Đài hay là Toà Tam Giáo, nên đã hai mươi ba năm Đạo mà chúng ta vẫn chưa biết chỗ mát của mình. Đức Chương Đạo Nguyệt Tâm Chọn Nhơn buổi nọ giảng bút hỏi Bản Đạo một câu bằng Pháp văn: "Expliquez étymologiquement le mot Toà" (Vậy chớ theo ngữ nguyên tiếng Toà nghĩa là gì?)

Bản Đạo trả lời: Thưa Ngài, kêu Toà là nơi định án xử tội kẻ phạm pháp luật.

Ngài cười và nói: Trật. Gọi Toà là khi nào nơi Toà nhà, hay Toà lâu đài gì đó, chớ tiếng Toà không có định nghĩa gì về phương diện Pháp Chánh cả.

Bản Đạo thừa dịp nhờ Ngài dạy nữa.

Ngài nói: Cái tiếng của Chí Tôn đã đem đến đặt để nó khéo léo hay ho biết bao nhiêu. Nghĩa lý rất thâm diệu, mà tại sao lại không dùng? Đức Chí Tôn đến lập Pháp Chánh Truyền giao cho Hiệp Thiên Đài gìn giữ, trong đó có diệu pháp của Chí Tôn đến lập vị cho con cái của Người tại thế gian này. Ngài muốn xác thệ của con cái Ngài tổng hợp lại cho có trật tự, có đẳng cấp tức nhiên

là lập Thánh Thể của Ngài, các phẩm trật liên quan với các phần tử tức nhiên Hội Thánh tổng hợp là Thánh Thể của Ngài. Ngài lập Pháp Chánh Truyền cốt yếu ban quyền hành cho Thánh Thể của Ngài mà đạt quyền được tức nhiên về với Ngài được. Ấy vậy Pháp Chánh Hiệp Thiên là phương định vị, lập quyền đặng hiệp một con cái của Chí Tôn vậy.

Tôi hình luật Tam Giáo: Từ thử Tam Giáo có Nho, Thích, Đạo. Luật Tam Giáo có hữu hình, có luật hình, vì cũ nói "án", nên nói là "phạm luật điều" mà thôi. Luật hình ấy gồm có cả tôn chỉ của Tam Giáo đem đặt tại thế này cho thiên hạ thật hành, nhưng lần lần càng xa khuôn luật.

Ấy vậy có hai phần:

1. Pháp Chánh Hiệp Thiên
2. Hình Luật Tam Giáo

Tuy hai phần khác thể, nhưng cũng đều giao cho Hiệp Thiên Đài chương quản. Nếu muốn gọi cho trúng thì gọi 'Pháp Chánh Hiệp Thiên Đài' là đủ nghĩa.

Bản Đạo giảng nghĩa: Pháp Chánh Hiệp Thiên Đài là cốt yếu của Đức Chí Tôn đến thế ban quyền hành cho Thánh Thể của Ngài. Ngài buộc quyền Thiêng Liêng kia hễ con cái của Ngài đắc phẩm hữu vi ở dưới thế này được toàn vẹn thì cũng phải nhìn nhận phẩm ấy ở cõi hư linh kia. Bản Đạo tưởng nếu không phải tay của Chí Tôn thì không có quyền buộc các đấng cầm quyền chánh trị của Càn Khôn Thế Giới là chư Thần, Thánh, Tiên, Phật phải nghe theo như vậy bao giờ.

Ta cứ suy nghĩ: một Ông Cha thương con nói: Tao đi với con tao. Tao định cho nó làm Tể Tướng tại thế gian này, thì cái triều chánh phải nhìn nó là Tể Tướng chớ không phép cãi, chỉ vâng mạng lệnh Tể Tướng của nó mà thôi. Thiết tướng nếu không phải nhà vua thì không ai biểu như vậy mà dân phục lệnh. Nếu không phải Chí Tôn đến lập thì không ai đến đây mà có quyền buộc

Cửu Thiên Khai Hợp Hoà nhìn nhận Thánh Thể của Ngài được.

Tại sao Ngài giao cho Hiệp Thiên Đài?

Nếu cả Pháp Chánh đó không có người cầm thực hiện thì cả giá lẫn thể thống đều mất hết; từ ngôi Giáo Tông xuống ngôi Đầu Sư, giữa có ngôi Chương Pháp, nếu không phải Pháp Chánh Hiệp Thiên Đài nắm giữ họ tông lung tông hoái, tông nói mãi mãi làm cho loạn Đạo theo tám thảm kịch ta đã thấy diễn đi diễn lại nhiều lần.

Mà thử hỏi tại sao họ tông không được? Là tại Hiệp Thiên Đài cầm luật chắc chắn không cho loạn hàng thất thủ được. Họ tông mặc họ. Hiệp Thiên Đài cứ nắm giữ chặt chẽ mà định phẩm con cái của Đức Chí Tôn mà thôi. Nếu chẳng vậy, nghĩa là nếu Hiệp Thiên Đài để họ tự do hành động thì phải đắc tội với Chí Tôn, vì Chí Tôn đã giao cho gìn giữ Thánh Thể của Ngài định vị cho con cái của Ngài, y như đã giao cho gìn giữ cái kho tàng đã định chia cho đũa lớn bao nhiêu, đũa con út bao nhiêu, rồi Hiệp Thiên Đài để cho người mạnh giựt giành tài sản của mấy người khác. Hỏi vậy người lãnh nhiệm chia của ấy sẽ bị hành phạt như thế nào? Nếu không có người cầm giữ kho đó dựng phân phát công bình cho con cái của Ngài, thì sợ e thiên hạ giựt giành hết mà con cái của Ngài không hưởng được gia tài dành để cho họ mà chớ!

Ấy vậy, hàng phẩm mà Pháp Chánh đã định cốt yếu hiệp con cái Chí Tôn lại làm một cùng Ngài. Mà muốn cho dựng hiệp cùng Ngài, thì Ngài để cho Hiệp Thiên chương quản giữ gìn nghiêm Luật Pháp Chánh đó. Một người về Đạo là Thượng Phẩm cầm quyền luật Đạo định phẩm vị. Một người về Thế tức là Thương Sanh đem con cái Đức Chí Tôn vào cửa Đạo, diu dắt con cái Ngài không ai dựng phép ngăn đường đón ngõ. Đại nghiệp của Chí Tôn để tại mặt thế này cho toàn cả nhân loại không ai có quyền dành hưởng một mình. Định luật như vậy mới là công bình và chánh đáng.

Bản Đạo lập lại: Pháp Chánh cốt yếu lập quyền cho con cái Đức Chí Tôn có hàng phẩm quyền hành, thứ tự, đẳng cấp giao cho Hiệp Thiên Đài sắp đặt không cho loạn hàng thất thứ. Nếu loạn hàng thất thứ thì Đạo tiêu diệt.

Bây giờ nói qua Hình Luật Tam Giáo. Cao Đài không phải lấy nguơn chất của Tam Giáo làm căn bản, mà chỉ lọc lược chơn truyền của các tôn giáo trên quả địa cầu này mà tổng hợp lại. Tại sao lại kêu Hình Luật Tam Giáo mà thôi? Bởi ngày nay Tam Giáo qui nhứt. Các tôn giáo trên thế gian này thì nhiều mà không ngoài khuôn viên của ba Đạo lớn. Có thay đổi chẳng là vì châm chế bớt ngoại dụng, chớ bên trong đều do theo Hình Luật đó.

Hình Luật Tam Giáo để định án chẳng? Thiên hạ sẽ nói Đạo gì mà có Toà Án? Người ta làm. Và chẳng người chỉ có qui ở cái Tâm, và hạ sanh tại đây ít nữa phải có căn duyên sao đó mà mình không biết đó thôi. Bản Đạo dám chắc: dầu một vị chí Phật đến tại thế gian này thì hài xác thịt cũng quên hết tiền kiếp, cửa huệ quang bị bí lối, không tự biết mình, không tự hiểu phẩm vị mình. Hễ mang xác phàm thì cái gì cũng là phàm hết. Duy có Đấng Toàn Năng, Toàn Tri, Toàn Thiện, Toàn Mỹ là Chí Tôn mới tránh khỏi chuyển kiếp luân hồi mà thôi. Ngoài ra, không vị Phật nào tránh khỏi luân hồi cả. Các chơn hồn ở các Cung, các Động, hoặc ở Ngọc Hư Cung đến đây có mạng lệnh đến tạo hình thể của Đức Chí Tôn đó là những vị đại diện. Còn tất cả bao nhiêu chúng sanh đều có căn nguyên tức nhiên là có tội, phải đến đây đặng trả quả kiếp luân hồi.

Chí Tôn muốn cho con cái của Ngài nên Thánh thì phải làm sao? Phải đem cả thầy vô đây, tắm rửa cho sạch sẽ, làm cho thiên hạ muốn gần, vì thương mến kính khen mà gần, vì đặng tôn sùng yêu ái mà gần. Hình Luật Tam Giáo là nước cam lồ tắm rửa linh hồn vậy.

Chơn truyền từ trước tới nay Chí Tôn để tại mặt thế trong các Đạo Phật, Tiên, Thánh là phương để gội rửa

linh hồn mà thôi. Nhứt là Công Giáo có phép xưng tội là một bí pháp. Nhưng ta không hiểu tại sao Chí Tôn lại không truyền chơn pháp. Ta nghĩ, có lẽ Đức Chúa Jesus Christ đã ban quyền cho những đại diện của Ngài tức làm người cầm quyền Hội Thánh có năng lực xá tội. Nhưng trong hai đảng là kẻ xá tội và kẻ xưng tội, cũng có lẽ có người không thật tâm xưng tội, hoặc người không xứng đáng là người xá tội.

Nếu xét ra người đến xưng tội và người xá tội cũng đều là phạm cả, chưa biết người này có tha tội được người kia chăng. Thảng không đủ quyền tha tội lại càng mang thêm tội hơn nữa. Hễ có tội tức có hình, có hình tức có phạt, có phạt phải thành án, mà án tiêu mới hết tội. Nếu mình không tự hạ mình và không có đủ can đảm cung khai thì chịu lấy. Biết mình có tội lại sợ nhục cái thân danh phạm thể thì hỏng cả phẩm vị tinh thần tức là phạm vị thiêng liêng thì rất đáng tiếc. Nếu biết trọng linh hồn thì không ngần ngại gì mà không đến mấy vị Đại Thiên Phong cầm quyền Pháp Chánh kia cung khai đi rồi. Hễ lên án quệt lọ cho mình, không lẽ đem ra pháp trường xử trảm, tội có quá nặng đi nữa, dầu Pháp Chánh Hiệp Thiên Đài có trực xuất đi nữa cũng không hại gì.

Nếu mình biết ăn năn tự hối, tự tu thân, tự giác tánh thêm nữa đặng đền tội, mình tự một mình dầu Hội Thánh không biết tới, mình cũng vẫn tin rằng có Đức Chí Tôn chứng lòng trọn hiếu với Đức Chí Tôn, Ngày kia về cửa Thiêng Liêng, chư Thần, Thánh, Tiên, Phật đẹp dạ hả lòng tiếp rước trọng thể hơn nhiều người. Trọn gìn đạo đức thì phẩm trật đã cao siêu từ trước giáng sanh lập vị. Danh vị tạo được của kẻ bình thường đâu bằng của kẻ biết ăn năn sám hối.

Thảng như bị trực xuất mà tự mình biết lập vị mình, thể gian không hiểu thì còn có Đức Chí Tôn hiểu. Lập tâm mà tu thì cửa Hư Linh không đóng được. Nhưng kẻ ấy do Đức Chí Tôn sắp đặt hàng thứ, nên nói: "Cửa Hư Linh không ưa kẻ tàn bạo phá cửa chun vô". Thảng

như mình không đủ can đảm chịu án mà mình tự tu sửa lấy mình được, dầu trong Đạo Cao Đài dạy không hiểu biết thì Chí Tôn cũng hiểu biết. Anh em không hiểu mình mà ông Cha hiểu mình là đủ rồi. Sợ mình quá phạm mà phải thất đạo, phải luân hồi mãi mãi đó thôi.

Bần Đạo dám nói rằng trong Càn Khôn này số hoá nhơn còn ít hơn là nguyên nhơn bị đoạ trần chỉ luân hồi chuyển kiếp đặng đền tội nhiều phen, chỉ vì quyến luyến phạm chất, không có can đảm thú tội trước Đức Chí Tôn và chư Thần Thánh Tiên Phật. Nếu không muốn đọa để thú tội với Đức Chí Tôn, thì hiện giờ mình biết đến thú tội với chư Đại Thiên Phong Hiệp Thiên Đài cầm quyền Pháp Chánh đó đi, rồi quyết chắc đã đền xong tội phạm, ắt cửa Thiêng Liêng cũng khó định nghiêm hình. Vì cố nhiên là một án chẳng có hai hình.

Ngày giờ nào nhơn sanh chưa có can đảm thú tội của họ, thì Hư Linh vẫn còn chối họ mãi thôi.

Toà Thánh ngày 28 tháng 11, 1964 Dương Lịch

Hiển Pháp - Chương Quản Bộ Pháp Chánh (Ấn ký)

g) Đại Đạo Thanh Niên Hội được lập ra để cho các tầng lớp thanh niên trong Đạo có cơ hội đoàn kết và hiểu nhau hơn nữa. Đã là một tổ chức Đại Đạo thì hội này cũng hướng về mục tiêu liên giao với các tổ chức thanh niên khác ở thế giới và các tôn giáo bạn để tạo tình tương thân hoà ái, trao đổi kiến thức và kinh nghiệm đời đạo, hầu thể hiện tình thương giữa con cái của Thượng Đế, Cha chung của vạn loại, và hơn hết là để tạo nền tảng cho đại đồng huynh đệ đúng như tôn chỉ của Đại Đạo.

Đây cũng là vườn ươm cây để đào tạo mầm non trên đường đạo đức hầu tiếp nối tiên hoá cho Cơ Đạo về sau này. Và đây cũng là nơi để cho tất cả những tiềm tàng tài đức của nhơn sanh được có môi trường nảy nở tăng tiến tốt đẹp.

h) Đoàn Hướng Đạo Cao Đài là một tổ chức khác nữa của Hiệp Thiên Đài lập ra qui tụ những thanh niên trong

Đạo thích về sinh hoạt thuần túy theo tiêu chuẩn Hướng Đạo Quốc Tế.

D) Đối Chiếu Các Phẩm Trong Ba Cơ Quan: Cửu Trùng Đài, Hiệp Thiên Đài, Phước Thiện

Để có một ý niệm về các phẩm tương đương của ba cơ quan: Cửu Trùng Đài, Hiệp Thiên Đài, và Phước Thiện, tưởng cũng nên làm một bảng đối chiếu các phẩm ấy.

<u>Cửu Trùng Đài</u>	<u>Hiệp Thiên Đài</u>	<u>Phước Thiện</u>
Giáo Tông	Hộ Pháp	Phật Tử
Chương Pháp	-Thượng Phẩm -Thượng Sanh	Tiên Tử
Đầu Sư	Thập Nhị Thời Quân	Thánh Nhơn
Chánh Phối Sư	Tiếp Dẫn Đạo Nhơn	Hiền Nhơn
Phối Sư	Chương Ấn	Chơn Nhơn
Giáo Sư	-Giám Đạo -Cải Trạng	Đạo Nhơn
Giáo Hữu	-Thừa Sứ -Truyền Trạng	Chí Thiện
Lễ Sanh	Sĩ Tải	Giáo Thiện
Chánh Trị Sự	Luật Sự	Hành Thiện
-Phó Trị Sự -Thông Sự		Thính Thiện
Tín Đồ		-Tân Dân -Minh Đức

Tiết III: Đại Hội - Quyền Chí Tôn - Quyền Vạn Linh

Đến đây chúng ta thấy Cơ Đạo đã có Luật, đã có Hội Thánh với Tam Đài và Chức Sắc Chức Việc được trong Đạo gọi là Thánh Thể Đức Chí Tôn, và một số khá đông tín đồ. Tưởng cũng nên xét qua cách thức Đại Hội của Hội Thánh để thấy cái quyền lực của Thánh Thể, và ý thức được guồng máy hành chánh làm thế nào để được thông suốt từ hạ tầng lên đến Hội Thánh, và trái ngược lại từ Hội Thánh đến vạn linh sanh chúng.

Đức Thượng Đế giá lâm ngày 23 tháng 12, 1931 tại Thảo Xá Hiền Cung và giảng như sau:

Các con nghe lời Thầy dặn cần yếu này mà làm. Nhớ rằng toàn Thế Giới Càn Khôn chính có hai quyền: Trên là quyền hành Chí Tôn, dưới là quyền hành của chúng sanh.

Thầy đã lập hình thể hữu vi của Thầy, nghĩa là Hội Thánh của Đại Đạo ngày nay rồi thì Thầy cũng phải ban quyền hành trọn vẹn của Thầy cho hình thể ấy, đặng đủ phương tận độ chúng sanh. Còn các con cả thầy đều đứng vào hàng sanh chúng, dưới quyền hành chuyển thế của Đời, nghĩa là toàn nhơn loại đồng quyền cùng Thầy mà Tạo Hoá Vạn Linh vốn là con cái của Thầy. Vậy thì Vạn Linh cũng có thuở đoạt vị vào hàng Thần Thánh Tiên Phật đặng.

Trong quyền hành ấy, có nhiều đẳng cấp, nên khỏi phải chiu phạm người. Ấy vậy, người là chủ quyền của Vạn Linh. Thầy nói rõ quyền Chí Tôn là Thầy, quyền Vạn Linh là sanh chúng. Ngày nào quyền lực Chí Tôn đặng hiệp một cùng Vạn Linh thì Đạo mới ra thiết tướng. Thầy đã ban quyền hành Chí Tôn của Thầy cho hai đứa làm đầu Hội Thánh là Giáo Tông cùng Hộ Pháp. Vậy thì quyền hành Chí Tôn của Thầy đặng trọn vẹn khi Giáo Tông cùng Hộ Pháp hiệp một. Còn cả nhơn loại thì là quyền Vạn Linh.

*Quyền hành Chí Tôn của Thầy duy có quyền hành Vạn
Linh đối phó mà thôi.¹⁶⁹*

Theo Thánh Lệnh của Đức Lý Giáo Tông, có ba Đại Hội để định đoạt cho các công việc của Đại Đạo: Thượng Hội, Hội Thánh, và Hội Nhơn Sanh. Ba Đại Hội hiệp lại là Hội Vạn Linh.

A) Thượng Hội gồm có mười Chức Sắc lớn trong Đạo, tức là chư Đức Hộ Pháp, Thượng Sanh, Thượng Phẩm của Hiệp Thiên Đài, và chư Đức Giáo Tông, ba vị Chưởng Pháp và ba vị Đầu Sư bên Cửu Trùng Đài. Hội vào ngày Rằm tháng Giêng mỗi năm.

B) Hội Thánh gồm có tất cả các Chức Sắc ở Hội Thánh, tức là các Phẩm từ Giáo Hữu trở lên. Hội vào ngày Rằm tháng 7 mỗi năm. Chủ tọa là Thái Chánh Phối sư.

C) Hội Nhơn Sanh gồm có các Chức Sắc, Chức Việc ở địa phương. Dự Hội Nhơn Sanh có những đại biểu nhơn sanh công cử ở các Hộ Đạo. Hội vào ngày Rằm tháng 10 mỗi năm. Thượng Chánh Phối Sư chủ tọa.

Thành phần tham dự Đại Hội Nhơn Sanh được qui định như sau:

Người thay mặt sẽ chọn trong hàng Chánh Phó Trị Sự, Thông Sự hay là trong Hàng Tín Đồ cũng được, miễn là người có đạo đức, trí thức thì tốt. Mỗi Hộ cử từ một tới năm người thay mặt là nhiều, tùy số tín đồ nhiều ít. Định như vậy:

Hộ có từ 500 đạo hữu sắp xuống cử 1 phái viên

Hộ có từ 500 đạo hữu tới 1500 cử 2 phái viên

Hộ có từ 1501 đạo hữu tới 2500 cử 3 phái viên

Hộ có từ 2501 đạo hữu tới 3500 cử 4 phái viên

Hộ có từ 3501 đạo hữu sắp lên cử 5 phái viên ¹⁷⁰

¹⁶⁹ Hương Hiếu, *Đạo Sử II*, 1968, trang 286-287.

¹⁷⁰ Đồng Tân, *Lịch Sử Đạo Cao Đài*, quyển II, trang 266.

Tiết IV: Hình Phạt

Sau khi phong chức, phong tước, lập luật, tổ chức Cơ Đạo, phân công phân quyền, Thiêng Liêng cũng phải nghĩ đến những trường hợp phạm pháp, phạm luật. Nên sau khi ban hành Đạo Nghị Định, Đức Lý Giáo Tông cũng cho ban hành Thập Hình như sau:

A) Phạm Pháp tức là phạm Pháp Chánh Truyền và Đạo Nghị Định.

Đệ nhứt hình: Trục xuất

những ai:

- không tuân Pháp Chánh Truyền và Đạo Nghị Định
- phản loạn Chơn Truyền
- chia phe phân phái và lập tả đạo bàng môn

Đệ nhị hình: Giáng cấp tới Tín Đồ, hay buộc hành đạo ngoại quốc

những ai:

- thuyên bỏ không đi
- không trọn phước đời hành đạo
- bỏ bê phận sự

Đệ tam hình: Giáng từ đương quyền xuống tới hai hay một cấp

những ai:

- làm như danh Đạo
- mượn danh Đạo tạo danh đời
- lợi dụng danh Đạo làm điều bất chánh

Đệ tứ hình: Ngưng quyền từ ba tới năm năm

những ai:

- lấn quyền, giành quyền

- phạm thượng
- tự chuyên sửa cải chơn truyền

Đê ngũ hình: Ngưng quyền từ một tới ba năm, vào Tịnh Thất

những ai:

- mê hoặc chúng sanh
- cám dỗ

B) Phạm Luật tức là phạm Tân Luật và Luật Hội Thánh

Đê nhứt hình: Trục xuất

những ai:

- không tuân Tân Luật và Luật Hội Thánh
- Công kích Hội Thánh
- Nghịch mạng

Đê nhị hình: Giáng cấp tới Tín Đồ

những ai:

- tư thông
- dấy loạn chúng sanh

Đê tam hình: Giáng một hay hai cấp

những ai:

- tham lam tài chính
- giả mạo văn tự

Đê tứ hình: Ngưng quyền từ ba tới năm năm

những ai:

- khi thị Hội Thánh
- lập quyền riêng

Đê ngũ hình: Ngưng quyền từ một tới ba năm

những ai:

- phạm Ngũ Giới Cấm

Đê lục hình: Phạt vào Tịnh Thất từ một tháng tới một năm, và hành chánh như thường

những ai:

- cương ngạnh

Đê thất hình: Thuyên bỏ đi nơi khác

những ai:

- phạm Tứ Đại Điều Qui

Đê bát hình: Phải về Toà Thánh đặng gần Giáo Tông và Hộ Pháp cầu học Đạo

những ai:

- bê trễ phận sự

- biếng nhác

Đê cửu hình: Phải ăn năn sám hối, thọ tội cùng chúng sanh

những ai:

- ganh ghét

- hung bạo

- xu phụ

- đồ kỵ

Đê thập hình: Phải hầu kẻ đức hạnh của Hội Thánh đặng cầu học Đạo

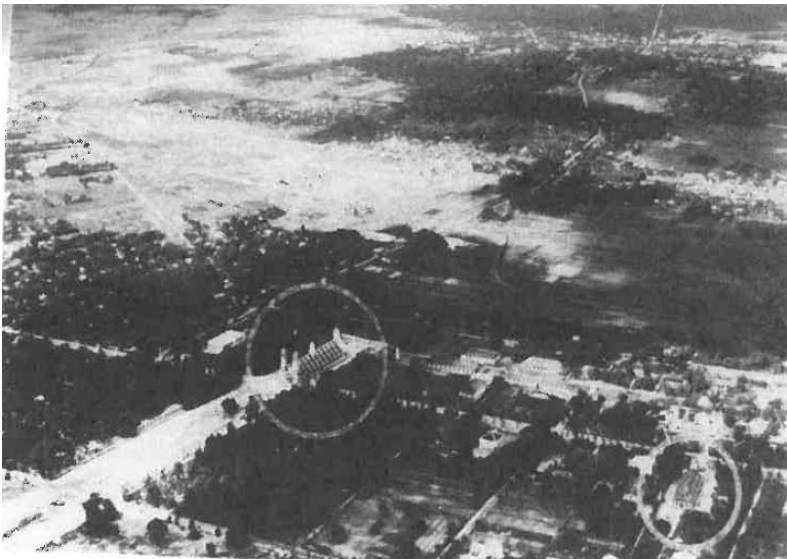
những ai:

- phạm Thế Luật

Tiết V: Thánh Địa Đại Đạo tại Tây Ninh

Trước khi tìm hiểu vấn đề này, tưởng cũng nên phân biệt Thánh Địa, Toà Thánh, Hội Thánh, và Đền Thánh hay

Thánh Đường. Trong những năm đầu khai Đạo, Đức Chí Tôn và chư Thiêng Liêng có dạy rằng Việt Nam là Thánh Địa, một danh từ có thể lầm lẫn với danh từ Thánh Địa là tất cả vùng đất mà Toà Thánh Cao Đài có thẩm quyền ở tại tỉnh Tây Ninh. Trong những trang tới, danh từ Thánh Địa được dùng theo nghĩa thứ nhì, nghĩa là tất cả vùng đất của Toà Thánh tọa lạc tại Tây Ninh, và cũng được gọi là Tổ Đình Đại Đạo gồm có tất cả Ngoại Ô và Nội Ô.



Ảnh Châu Vi Toà Thánh chụp từ trên không
Vòng tròn lớn là Đền Thánh, vòng tròn nhỏ là Đền Phật Mẫu

Còn Toà Thánh là một danh từ tổng quát dành cho tất cả vùng Đạo nằm trọn vẹn trong Nội Ô, nghĩa là trọn trong khuôn hàng rào xi măng, với tất cả dinh thự, văn phòng, Thánh Đường, cây cối, đường phố v.v... Cũng có nghĩa là Cơ Quan Tổng Quản Trị của Cơ Đạo, và như thế trùng nghĩa với danh từ Hội Thánh. Dù thế, trong khi nói chuyện có liên hệ với Cao Đài, danh từ Toà Thánh có thể thay thế bằng hai chữ "Tây Ninh", và phải được hiểu như thế.

Danh từ "Hội Thánh" thì thâm hẹp hơn vì đề cập một cách rõ ràng rằng là Cơ Quan Điều Hành Điều Khiển, Lập Luật, Thi Hành Luật Lệ, Chi Thị tối cao của Cơ Đạo v.v...

Với sự phân biệt đó, với tánh cách tiện dụng, nơi đây chúng ta tìm hiểu Thánh Địa Đại Đạo mà công việc tạo tác đã bị ngưng trệ vì sự rời khỏi Toà Thánh của nhị vị Cao Thượng Phẩm và Phạm Hộ Pháp vào năm 1928.

Với sự rời khỏi Thánh Địa của nhị vị Đại Thiên Phong ấy, Toà Thánh không có ai hướng dẫn nên Đức Chí Tôn cho lệnh Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhựt phải trở về để cáng đáng các việc. Nhưng đạo sự quá nhiều, và thêm vào đó còn có tình trạng khủng hoảng tinh thần của tín hữu lúc đó vì việc của hai vị Cao Thượng Phẩm và Phạm Hộ Pháp, Ngài Thượng Đầu Sư cũng cảm thấy quá bách chiết. Dầu thế Cơ Đạo vẫn tiến triển tốt đẹp, phát huy rất mau và mạnh làm cho Chánh Quyền Thuộc Địa rất ngạc nhiên, càng lo ngại và càng tìm hết cách phá rối.

Năm Kỷ Ty (1929) có hai sự việc rất quan trọng xảy ra cho Cơ Đạo:

1) Ngài Cao Thượng Phẩm được Đức Chí Tôn triệu hồi, như đã ghi trước kia. Đây là lần đầu tiên trong Đại Đạo, một Đại Thiên Phong đã trọn hiến thân cho Đạo qui liễu. Đám tang được cử hành rất trọng thể, và người trong Đạo và ngoài Đạo đến dự nhiều không thể tưởng tượng được. Và trước đó, không mấy lúc sau khi Ngài qui liễu, thì Ngài lại giảng đàn cho những bài thơ chứa đựng những gì thị phi ở thế gian, làm cho người người thấy cái huyền diệu của sự ra đi của Ngài. Rồi Đức Chí Tôn cũng giảng đàn thố lộ cho biết là Ngài Cao Thượng Phẩm đã trở về Thượng Giới để lo điều độ đồng đạo theo tiền định, như Thượng Đế đã tiên tri trước kia.

Ngài Cao Thượng Phẩm đã đắc Đạo, và tất cả người trong Đạo thấy tâm tư mình cắn rứt, ăn năn hối ngộ đã làm một việc không nên, không phải. Hối ngộ nhưng đã trễ rồi, và chắc có lẽ tất cả tinh thần này đều hướng về Ngài Phạm Hộ Pháp chăng?

2) Cũng trong năm này, Ngài Phạm Hộ Pháp lại được Bát Nương hướng dẫn thân hồi được thanh Long Tuyên Kiếm, khai thông long mạch, giải toả toàn diện cái phép phù ếm của nhà Thanh, hoàn đất nước trở lại cái đặc ân Linh Địa của nó. Và Ngài được mời thỉnh trở về Tây Ninh lại, một cử chỉ của người Đạo biết ăn năn sám hối, biết học một bài học, nghĩa là biết tu. Thật đáng khen vậy! Nhưng thực dân đã xâm nhập rồi!

Cái ra đi của Ngài Cao Thượng Phẩm đã mang lại cho Cơ Đạo những huyền diệu mà chỉ có người trong Đạo mới thấu hiểu nổi mà thôi. Cũng nhờ thế mà Toà Thánh mới lấy lại được một phần còn con nào cái đã có từ trước đó, nhưng chỉ được cho một thời gian ngắn ngủi mà thôi. Ngài Phạm Hộ Pháp mới khởi sự trở lại khai phá rừng núi để xây cất tạm những gì cần thiết để che mưa che nắng, để có nơi sùng bái chiêm ngưỡng nhứt thời cho bản đạo và cho người mới đến cầu Đạo, và cùng một lúc tiếp tục chương trình phổ độ của Đức Chí Tôn không cho gián đoạn. Đến năm 1930, số tín đồ lên tới ba trăm năm mươi ngàn người.

Trước sự phá hoại không ngừng, ngầm hay nổi, trực tiếp hay gián tiếp, chánh trị hay hành chánh, của thực dân, chư Tiên Khai cố gắng hết sức để chấn chỉnh lại, điều hoà hoá tình trạng nội ngoại của Cơ Đạo đã bị dao động, đã bị khảo liên miên, hết việc này đến việc khác. Có thể nói rằng năm 1932 - 1933, nội bộ Cơ Đạo khởi sự bị đại khảo. Đến năm 1934, Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhựt, nay đã là Quyền Giáo Tông từ năm 1930, cũng được Đức Chí Tôn triệu hồi. Hội Thánh nay không có người lãnh đạo, và hơn nữa dường như đã bị thực dân thâm nhập vào những nơi then chốt.

Trong tình trạng nội bộ bị đại khảo, chia rẽ, bất hoà, tín đồ hoang mang tản mát, phe này phái nọ, kỷ luật bất tuân, tôn ti bất chấp, thực dân gia tăng phá hoại, Ngài Phạm Hộ Pháp làm một quyết định hi hữu bất ngờ làm ai ai cũng hết sức ngạc nhiên: Phải khởi công xây cất Toà Thánh thực thọ cho Cơ Đạo, không còn trì hoãn được nữa.

Và Ngài chọn và định ngày mùng 8 tháng 4 Ất Hợi (1931) phải khởi sự.¹⁷¹

Nghê như thế, ai ai cũng bàn bàn tính tính, hết sức e dè; trong quỹ của Toà Thánh chỉ có một đồng tám cắc Việt Nam, không một tác sắt, không một hột xi măng, không một viên gạch, không đồ án¹⁷²... Nhưng Ngài Phạm Hộ Pháp đã nhứt quyết.

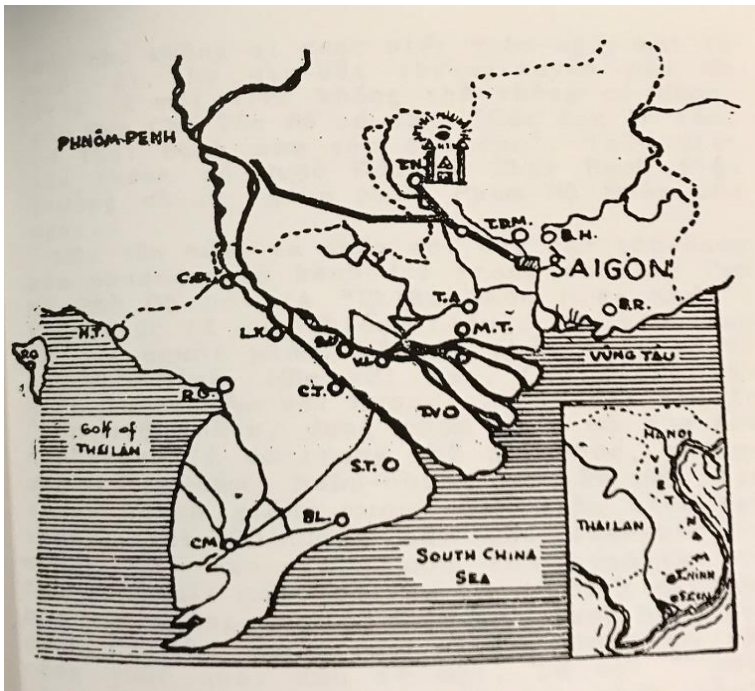
Đúng vào ngày mùng 8 tháng 4 Ất Hợi, lưỡi cuốc đầu tiên đã chọt sâu vào lòng đất Thánh, đào móng khởi công kiến trúc Toà Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Trong Hội Thánh không có gì cả, nhưng có Ngài Hộ Pháp. Và Ngài Hộ Pháp có ý chí cương quyết và đức tin trọn vẹn nơi Thượng Đế Chí Tôn và nơi nhân sanh, có thái độ quật cường của một người có lý tưởng, vẫn giữ như lúc nào một niềm tin tưởng mãnh liệt rằng "Hoàng Thiên bất phụ hảo tâm nhơn". Đứng trước một ván cờ như Cơ Đạo lúc đó, Ngài Hộ Pháp phải am tường: rằng người ta mãi mãi phá hoại, đúng; rằng người ta mua chuộc và bị mua chuộc, đúng; rằng người ta có đủ phương tiện và lực lượng, đúng; rằng người ta bất chấp Trời Đất Thiêng Liêng, đúng; rằng người ta có thể bắt hại mình bất cứ lúc nào, đúng; rằng mình sẽ thất bại, chưa chắc! Để đối phó, Ngài tâm tư: thì ta phải xây dựng cho bằng được; thì trong nhơn sanh cũng có người ý thức và can trường, họ không thể bị mua chuộc; thì mình có chính nghĩa và tinh thần; thì mình có Thượng Đế và Thiêng Liêng; thì mình phải chứng tỏ bất khuất để bao nhiêu Phạm Công Tắc khác xuất hiện mà tiếp nối đại sự; thì mình phải hy sinh để quật cường đức tin của đồng đạo hững hờ, để cho đồng đạo mộc mạc thấy được đâu là phải đâu là không, đâu là thiệt đâu là giả, đâu là đại sự, đâu là tiểu sự.

Huyền diệu thay, kể từ ngày nhát cuốc đầu tiên xé lòng đất, tín đồ tụ tập ngày đêm về Toà Thánh, kể hành hương, người công quả, tiền bạc, của cải, ngày giờ, thực phẩm, vật liệu ... đổ xô về Tây Ninh, từ các nơi ở miền Nam xứ Việt, từ đồng

¹⁷¹ Đến năm 1935, số tín hữu lên hơn một triệu người.

¹⁷² *Hội Yến Diêu Trì*, Đặc San Hội Yến Diêu Trì, Châu Đạo Long Khánh, Toà Thánh Tây Ninh, 1970, trang 23 -29, đặc biệt trang 32.

bằng đến miền Thượng, để rồi lần lần Toà Thánh thành hình trong niềm hân hoan của tất cả, luôn cả những ai đã bài bác và phá hoại. Huyền diệu ở nơi ý chí cương quyết, tinh thần bất khuất, đức tin trọn vẹn nơi Thượng Đế Chí Tôn và ở nơi tâm đạo chơn thành của đạo hữu nhơn sanh. Những cái đó đã mang lại niềm tin tưởng và vững dạ cho người thành thật thiết tha với đại cuộc. Có phải đây là một trường hợp điển hình tinh thần thẳng vật chất, thẳng mưu mô, đạo đức thẳng bạo lực? Với tinh thần đó, với đức tin đó, với lòng thành đó, Thiêng Liêng đã vận chuyển các việc và đã hộ trì.



Miền Nam với Thánh Địa
(Ảnh của Toà Thánh)

Nhưng đối với người Cao Đài chân chính, đây đâu có chi gọi là lạ. Vì lẽ từ ngày khai Đạo cho đến nay, những việc gì có liên hệ mật thiết với công cuộc khai Đạo đều có sự yểm trợ vô vi, có bàn tay vô hình luôn diu dắt và đưa đẩy. Nếu không

có sự chỉ dẫn hằng ngày một của Thiêng Liêng thì có thể nào một người phạm hệ thống nổi việc xây cất một cơ sở to tát như thế này, trên một khoảnh đất hơn một trăm bốn mươi mẫu Lang Sa, mà không có một đồ án nào cả? Mỗi buổi sáng Ngài Phạm Hộ Pháp cho lệnh làm việc ngày đó, chứ không ai được biết việc ngày mai là việc gì. Sự diu dặt thường xuyên của Ôn Trên là một việc không thể không có được, như Đức Chí Tôn đã có dạy: "Các con lo làm, có Thái Bạch xem xét các con". Toàn diện Toà Thánh đã được Lý Thái Bạch Tiên Trưởng đồ án giúp Ngài Phạm Hộ Pháp mỗi ngày.

Một lần nữa, ta thấy nơi đây cái tác dụng của phương pháp hành đạo trong thời kỳ Tam Kỳ Phổ Độ này là "Thiên Nhân Hiệp Nhứt": Kiến trúc là của Thiêng Liêng, còn kiến tạo là của người phạm. Hẳn là phải thế. Vô với Hữu Hình, Hồn với Xác, Cửu Trùng với Hiệp Thiên, Âm với Dương... hai cái thể ấy hỗn hiệp nhau, đụng chạm nhau mà hoá hoá sanh sanh là do trong chỗ điều hoà, tương ứng tương cảm, huân chung đậm ấm mới tạo thành nghìn giống muôn vẻ, thiên hình vạn trạng. Khí âm dương bắt đầu sanh hoá ra muôn loài vạn vật, muôn loài vạn vật cứ hoá sanh mãi mãi, đời nọ sang đời kia, không bao giờ ngừng nghỉ. Đó là một sanh hai, hai sanh ba, ba sanh vạn vật, nhưng vạn vật cũng phải quay đầu về một, là vì: "nhứt bản tán vạn thù, vạn thù qui nhứt bản". Nhứt bản ấy là Thái Cực, mà Thái Cực là Thượng Đế vậy.

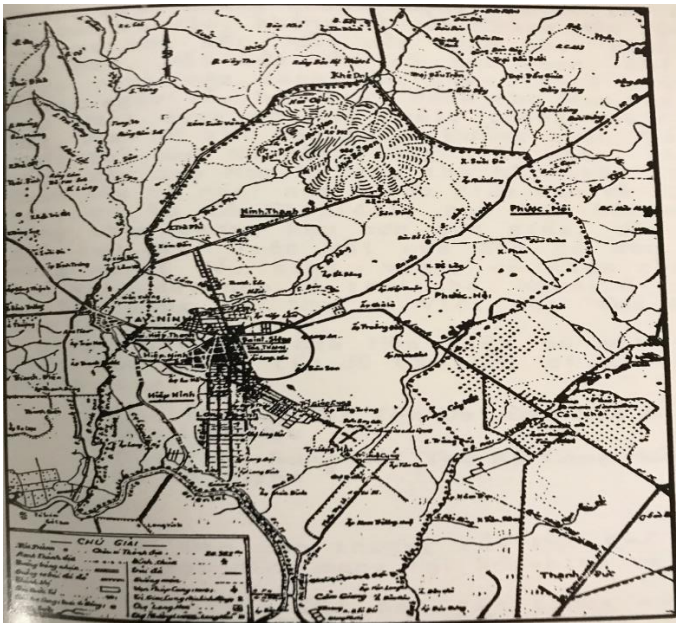
Đức Lý Giáo Tông giúp đỡ, diu dặt, chỉ dẫn, khuyến khích, và Hội Thánh thực thi Thiên ý, và những chi xây dựng lên từ đây sẽ là vĩnh viễn, không còn có tánh cách tạm thời như trước kia nữa. Nhưng các việc không được tiến triển nhanh như ý muốn, vì sau lưng Cơ Đạo vẫn luôn luôn lảng vảng hình bóng phá hoại của Chính Phủ Thuộc Địa, của thực dân và của những kẻ thiên kiến thấy những tư lợi nhứt thời, bất chấp quyền lợi tối cao của đất nước và dân tộc. Ta phải đợi cho đến năm 1955 mới thấy được Toà Thánh nói chung, và Thánh Đường nói riêng, khánh thành một cách chánh thức.

Trong những trang tới đây, chúng ta sẽ ghi lại những phần chính của Toà Thánh như các vùng Ngoại Ô, Nội Ô, và Đền Thánh. Trong mỗi phần, cũng sẽ ghi những chi tiết chính

liên hệ đến văn hoá Đại Đạo, dành nhiều điểm khác cho một công cuộc nghiên cứu khác.

A) Ngoại Ô Thánh Địa

Như trước đã ghi, Ngoại Ô Thánh Địa là một cơ sở rộng hai mươi ngàn hai trăm tám mươi ba (20,283) mẫu Lang Sa¹⁷³ (năm mươi ngàn ba trăm sáu mươi sáu chặm ba trăm chín mươi ba acres Mỹ -- 50,366.393 acres), toạ lạc tại tỉnh Tây Ninh, xây theo hình đồ Bát Quái, trong ấy gồm có mười tám Phận Đạo. Mỗi Phận Đạo lại chia ra làm nhiều Hương Đạo. Mỗi Hương Đạo có một vị Đầu Hương Đạo coi sóc một trăm lẻ tám nóc gia. Đầu Hương Đạo thường là một Chánh Trị Sự.



NGOẠI Ô và THÁNH ĐỊA
(Ảnh của Toà Thánh)

¹⁷³ Có nơi ghi hai mươi ngàn ba trăm sáu mươi ba (20, 363), nơi khác hai mươi ngàn ba trăm tám mươi hai (30,382) mẫu Tây. Những con số cho Nội Ô và Ngoại Ô không được đúng lắm.

Mười tám Phận Đạo được chia ra làm ba Thành: Trung Ương, Nam, Bắc. Mỗi Thành có sáu Phận Đạo. Mỗi Thành đặt dưới quyền cai trị của một Phó Khâm Thành được gọi là Phó Khâm Thành Trung Ương, Phó Khâm Thành Nam, Phó Khâm Thành Bắc, thường là phẩm Giáo Hữu hay Lễ Sanh.

Tất cả Ngoại Ô Thánh Địa được một Khâm Thành cai trị, thường là phẩm Giáo Sư.

Nơi đây có chợ là Chợ Long Hoa, bán toàn là rau trái và những thực phẩm chay mà thôi.

B) Nội Ô Thánh Địa

Nội Ô Thánh Địa là một vùng đất rộng một trăm mẫu Tây, tọa lạc tại làng Long Thành, quận Phú Khương, tỉnh Tây Ninh, như Đức Chí Tôn đã định trước. Tất cả Nội Ô đều nằm trọn trong một khuôn rào gạch xi măng trong Thánh Địa. Chung quanh tường rào có tất cả mười hai cửa ra vào, không kể cửa Chánh Môn rộng và cao hơn hết. Mỗi cửa cách nhau khoảng ba trăm mét. Mỗi cửa đều có tam quan: chính giữa rộng hơn dành cho quan khách trong những ngày lễ, bên trái dành cho Nam Phái, bên phải dành cho Nữ Phái. Trong Đạo Cao Đài, nam nữ khi vào Thánh Đường hoặc Thánh Thất thì nam nữ rất riêng biệt nhau, theo như ngày xưa nam nữ thọ thọ bất thân. Tam quan đều có nóc: nóc ở cửa giữa cao và rộng hơn, có ba Cổ Pháp;¹⁷⁴ nóc hai bên cao bằng nhau nhưng hẹp hơn cửa giữa, đều có giỏ lam.¹⁷⁵ Trên mỗi cửa đều có đúc ba vòng vô vi đỏ, xanh, vàng, có chạm rồng, hoa sen, dây nho và trái nho. Ngang ở trên có hai hàng chữ Nho và Việt đề: "Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ".

¹⁷⁴ Ba Cổ Pháp là Quyền Xuân Thu, Cây Phất Chủ, và Bình Bát Du.

¹⁷⁵ Giỏ Lam là giỏ đựng hoa lam.



CHÁNH MÔN
(Ảnh của Đặng Văn Thử)

Riêng hai bên cửa Hoà Viện có một câu liễn mà người tín đồ Cao Đài ai ai cũng thuộc lòng:

Cao thượng Chí Tôn Đại Đạo Hoà Bình Dân Chủ Mục

Đài Tiên Sùng Bái Tam Kỳ Cộng Hưởng Tự Do Quyền

Dịch nôm:

Đại Đạo cao thượng của Đức Chí Tôn có mục đích mang lại hoà bình và dân chủ

Đến trước Đài bái lạy trong kỳ ba này tất cả sẽ được hưởng quyền tự do

Cửa Hoà Viện này, trước khi Chánh Môn chưa hoàn thành, được xử dụng tạm như cửa chánh, nên được gọi là Cửa Số Một. Nếu đi nghịch kim đồng hồ (xem hình), nghĩa là từ cửa Hoà Viện đi theo hướng Tây thì cửa kế là Cửa Số 2. Tới góc tường, đi xuống về hướng Nam thì gặp Chánh Môn. Qua Chánh Môn đi thẳng xuống hướng Nam nữa là gặp Cửa Số 3 v.v... Vậy Cửa Hoà Viện là cửa Cực Bắc của vùng Thánh Địa.

Đường v.v... Ngoài ra cũng còn có Huê Viên, rừng thiêng và ao hồ làm cho Thánh Địa có vẻ u nhàn tịnh mịch và mát mẻ.

Trật tự trên các đường đều có nhân viên của Thánh Vệ gìn giữ. Trật tự trong các đền đài, dinh thự thì được nhân viên của Bảo Thể coi sóc. Còn an ninh chung quanh tường rào là về phần của Ban Tuần Cảnh. Các việc an ninh phòng ngừa những vụ rối loạn trong Nội Ô được Ban Phòng Bảo đảm trách.

Đại để cách sắp xếp và tổ chức Nội Ô Thánh Địa hiện là như thế. Chắc rồi sau này, tùy nhu cầu mà sửa đổi chấn chỉnh thêm nữa.

Tiết VI: Đền Thánh (Thánh Đường)

A) Vị Trí của Thánh Đường

Đền Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ được xây cất trong Nội Ô Thánh Địa, tọa lạc nơi Đức Chí Tôn đã chọn là làng Long Thành, quận Phú Khương, tỉnh Tây Ninh. Trong tinh thần nâng cao quy chế của làng này, Đức Chí Tôn đã ban sắc phong Thần Hoàng làng Long Thành lên chức Văn Xương, trấn nhậm làng Hiệp Ninh để dạy dỗ dân chúng làng này về đạo đức.¹⁷⁶

Đền Thánh cách Chánh Môn chừng ba trăm (300) mét, cách Cửa Số 1 (Cửa Hoà Viện) chừng một trăm năm chục (150) mét, cách Động Đình Hồ (Bàu Cà Na trước kia) chừng năm trăm (500) mét, và cách xa tỉnh lỵ Tây Ninh chừng năm cây số ngàn.¹⁷⁷ Trước Đền Thánh có tượng Đức Phật Sĩ Đạt Ta và người hầu trung tín Xa Nặc. Và hai bên Thánh Đường có hai rừng thiên thật đẹp.

Đền Thánh cửa chánh hướng về hướng Tây.

Thánh Đường khởi sự xây móng vào năm 1935, khởi xây cất vào năm 1936, và hoàn thành vào năm 1947. Thánh Tượng an vị ngày mùng 8 tháng Giêng Đinh Hợi (1947),

¹⁷⁶ *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển và Tân Luật Pháp Chánh Truyền*, Toà Thánh Tây Ninh, 1972, trang 77.

¹⁷⁷ Cây số ngàn là kilômetre (kí-lô-mét) của Pháp, bằng 0.62137 mile của Mỹ.

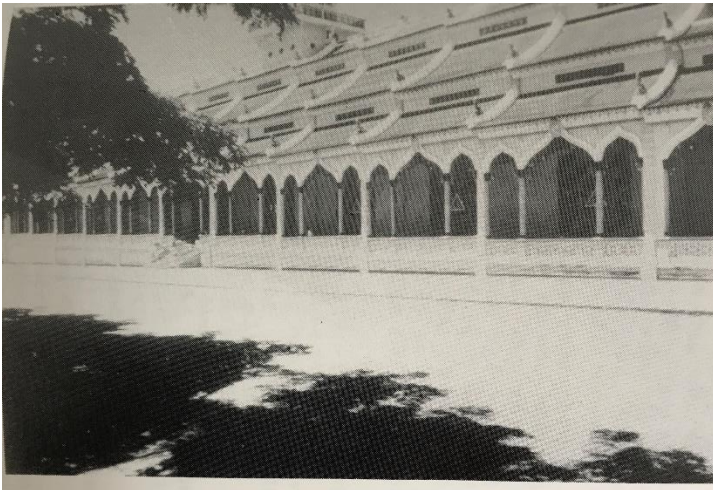
nhưng phải đợi mãi cho đến năm 1955 mới được chánh thức khánh thành.

Trước khi khánh thành, có một số Phận Sự đề nghị hoãn lại để các việc được hoàn tất trọn vẹn, nhưng Ngài Phạm Công Tắc nay là Hộ Pháp, có khuyến cáo rằng nếu không khánh thành bây giờ thì sẽ không khi nào khánh thành vì không có ai trấn thần cho. Thật thế, sau đó rồi Ngài Phạm Hộ Pháp phải tự lưu vong sang nước Khmer, và qui liễu tại nước này, không hồi quốc được nữa.

B) Ngoại Diên của Đền Thánh

Thánh Đường được kiến trúc theo hình con Long Mã: mặt tiền ngó ra Chánh Môn là đầu, Cửu Trùng Đài là thân, và Bát Quái Đài là đuôi của Long Mã. Đền cao ba mươi sáu mét, dài một trăm bốn mươi mét, ngang bốn mươi mét.

Nóc Đền Thánh được lợp bằng ngói do những đồng nam và đồng nữ, và được chống đỡ bởi khá nhiều cột tròn: mặt tiền có mười cột, Hiệp Thiên Đài mười cột, Cửu Trùng Đài mười tám cột, Bát Quái Đài mười cột, và chung quanh mái hiên một trăm mười hai cột.



Mái Hiên - Hàng cột chung quanh Đền Thánh

Chung quanh Đền Thánh đều có tượng Thiên Nhân, mỗi tượng được đúc ngay giữa một khung tam giác có mười sáu tia sáng chiếu ra, có những hình dây nho, trái nho, hoa sen, lá sen, gương sen, màu sắc rất rực rỡ.

Đứng xa trông vào toàn diện thì Đền Thánh rất yểu điệu mảnh mai và nho nhã. Lại gần thì thấy nhiều màu sắc, đẹp mắt vô cùng. Hơn nữa, đứng ngang hông ngó vào thì thấy Đền Thánh có Tam Đài rõ rệt: Bát Quái Đài, Cửu Trùng Đài, và Hiệp Thiên Đài, mà kiến trúc của mỗi Đài đều có đặc điểm riêng biệt. Vì thế cho nên Tam Đài được nổi bật lên một cách rõ ràng:

1) Bát Quái Đài có kiến trúc giống như Bát Quái Đồ Thiên, xây ba tầng.¹⁷⁸ Trên chót có ba tượng Phật: Brahma, Shiva, và Krishna, mỗi vị Phật trông qua một hướng.

Phật Brahma thì day mặt về hướng Tây, Phật Shiva day mặt về hướng Bắc, và Phật Krishna day mặt về hướng Nam.

Ba tầng tượng trưng cho một phần tôn chỉ của Đại Đạo là Tam Giáo Qui Nguyên: Nho Giáo, Lão Giáo, và Thích Giáo.

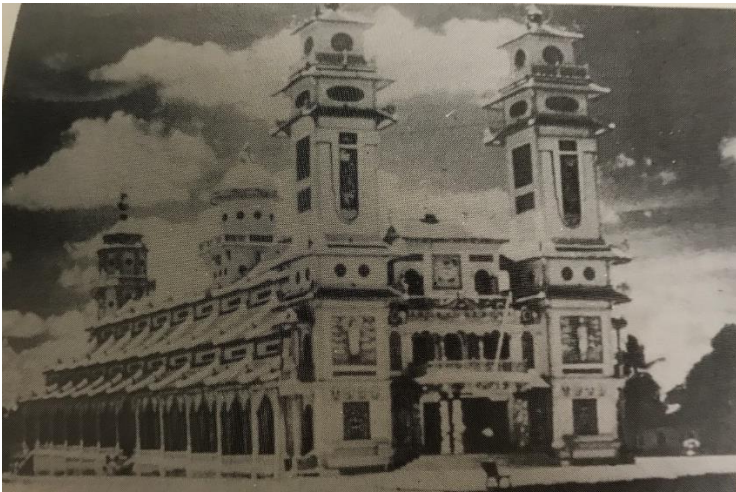
Bát Quái Đài cao ba mươi thước Tây.

2) Cửu Trùng Đài dài nhứt, nối liền Bát Quái Đài với Hiệp Thiên Đài, trông như thân con Long Mã, mà vẩy trên nóc vươn lên từng đợt. Ngay chính giữa nóc, có hình tròn xây cao lên hai mươi bốn thước thành một đài mà trong Đạo gọi là Nghinh Phong Đài. Trên đài này có tượng một con Long Mã mang một tấm đồ, đứng trên một nửa quả địa cầu, đang chạy từ hướng Đông sang hướng Tây mà đầu thì ngoảnh lại hướng Đông. Con Long Mã này được trong Đạo gọi là Long Mã Phụ Hà Đồ.

3) Hiệp Thiên Đài cũng là mặt tiền của Đền Thánh trông thẳng ra Chánh Môn. Hai bên có hai lầu cao ba mươi sáu

¹⁷⁸ Bát Quái Đồ Thiên là cái hình hoạ đồ tám góc của Trời. Đức Chí Tôn có dạy: "Thái Bạch sẽ lập Thánh Thất theo kiểu vở Thiên Đình". (Hương Hiếu, *Đạo Sử II*, 1968, trang 138).

thước giống như hai cái tai khổng lồ của con Long Mã. Hai lầu đều kiến trúc giống nhau, có sáu tầng chia ra rất rõ rệt. Lầu bên trái là lầu trống gọi là Lôi Âm Cổ Đài, mà trên chót vót có hình một Giỏ Lam. Bên mặt, song song với bên trái, có lầu chuông gọi là Bạch Ngọc Chung Đài mà trên chót vót có hình một hồ lô và một cây gậy bằng xi măng. Tầng thứ nhì của Lôi Âm Cổ Đài có tượng Bà Nữ Đầu Sư Lâm Hương Thanh, và bên tầng nhì của Bạch Ngọc Chung Đài có tượng của Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung.



ĐỀN THÁNH
(Ảnh của Toà Thánh)

Ở giữa hai đài chuông trống, có một đài thấp hơn, mà trên có tượng Đức Phật Di Lạc ngồi trên lưng con Bạch Hồ. Dưới có hình ba Cổ Pháp, và hàng chữ Nho và Việt đề: "Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ". Dưới nữa là tượng Thiên Nhân đúc ngay giữa một cái khung, hai bên có hai chữ: Nhân Nghĩa. Hai bên dài xuống có câu liễn bằng chữ Nho:

Hiệp Nhập Cao Đài Bá Tánh Thập Phương Qui Chánh Quả

Thiên Khai Huỳnh Đạo¹⁷⁹ Ngũ Chi Tam Giáo Hội Long Hoa

Dịch nôm ra như sau:

Hợp nhau vào Đạo Cao Đài, trăm họ ở mười phương trở về nẻo chánh

Trời mở Đạo Huỳnh hiệp năm chi ba tôn giáo mở Hội Long Hoa

Sau rớt, ở dưới nữa thì có một bao lon nhô ra phía trước gọi là Bao Lon Đài, hình bán nguyệt, có tám khung có hình tám vị danh nhân, và được chống đỡ bởi bốn cột tròn, hai cột có chạm rồng và hai cột chạm hoa sen nổi. Phía ngoài đó, ở dưới cùng, bên trái có tượng Ông Ác, và bên phải có tượng Ông Thiện.

C) Nội Tâm Của Đền Thánh

1) Hiệp Thiên Đài

Muốn hiểu được Nội Tâm hoặc Nội Diện của Đền Thánh thì ta phải khởi sự từ mặt tiền đi vào trong, từ năm bậc thang trước Đền Thánh.

Năm bậc thang cách nhau mỗi bậc hai tấc rưỡi (trừ bậc thang chót cao năm tấc từ mặt đất lên), tượng trưng cho Ngũ Chi Đại Đạo là Nhơn Đạo, Thần Đạo, Thánh Đạo, Tiên Đạo, và Phật Đạo. Đi hết năm bậc thang đó thì đến thêm Đền Thánh, mà một bên có tượng Ông Ác và bên kia có tượng Ông Thiện. Đây cũng khởi sự phần Hiệp Thiên Đài. Phía trước mặt có một cái cửa, trên cửa có hình một bàn tay nắm chặt một cái cân. Bước khỏi cửa này, ta vào một khoảng trống gọi là Tịnh Tâm Điện, và hai bên có thang bằng đá mài đưa lên tầng lầu Hiệp Thiên Đài. Trước mặt có một vách tường chắn ngang. Trên

¹⁷⁹ Huỳnh Đạo cũng được gọi là Huỳnh Lão là pháp môn luyện Đạo của vua Huỳnh Đế và Lão Tử chủ trương.

vách tường có vẽ hình Tam Thánh. Sau bức tường đá là phần Nội Tâm của Thánh Đường, nghĩa là bên trong thật sự của Tam Đài Đền Thánh: Hiệp Thiên Đài, Cửu Trùng Đài, và Bát Quái Đài.

Lầu Hiệp Thiên Đài này không lớn lắm, chừng ba mét bề dài, bốn mét bề ngang. Nơi đây là để Hiệp Thiên Đài cầu cơ nhờ Thiêng Liêng dạy việc, và cũng là nơi thờ Chức Sắc cao cấp Hiệp Thiên Đài đã về Thầy. Hai bên lầu, có hành lang chạy dài thẳng đến Bát Quái Đài. Trong ngày lễ lớn bốn đạo quá đông không có chỗ đứng đủ thì những Lễ Sanh nam nữ có thể lên đứng dài hai bên hành lang này châu lễ.

Ngay sau bức tượng phía trong Tịnh Tâm Điện là Nội Tâm Hiệp Thiên Đài. Nơi đây có ba cái Ngai, hình toà sen xây trên năm cấp bằng đá mài, mỗi cấp cách nhau chừng ba tấc Tây. Chiếc Ngai chính giữa là của Đức Hộ Pháp, chiếc Ngai bên tả là của Đức Thượng Phẩm, và chiếc bên hữu dành cho Đức Thượng Sanh. Ba Ngai này được đặt trên cấp cao nhất. Sau lưng Ngai của Đức Hộ Pháp có chữ "KHÍ" (..) bằng chữ Nho. Dưới Ngai này có đúc một con rắn khổng lồ có bảy đầu uốn quanh chân Đức Hộ Pháp: ba đầu thì ngừng lên ở phía sau lưng, còn bốn đầu kia thì hạ xuống ở hai bên Ngai. Rắn này được trong Đạo gọi là Thất Đầu Xà.

Bốn cấp kia thì dành cho Thập Nhị Thời Quân.

Hiệp Thiên Đài là nơi mà chư Chức Sắc Hiệp Thiên Đài đến đứng hầu lễ Đức Chí Tôn trong các ngày Vía hoặc các ngày lễ.

2) Cửu Trùng Đài

Hết phần Hiệp Thiên Đài, trông thẳng ra phía trước về hướng Bửu Điện là phần Nội Tâm Cửu Trùng Đài, rất dài và rộng lớn. Phần này, theo chiều dài, chia ra làm ba căn: căn giữa rộng lớn nhiều hơn hai cái hai bên. Hai căn hai bên bằng nhau. Hai hàng cột chạy theo bề dài chạy thẳng một hàng đến phần Bát Quái Đài, chia nội tâm ra ba căn này một cách rõ rệt. Căn giữa cũng được gọi là Chánh Điện

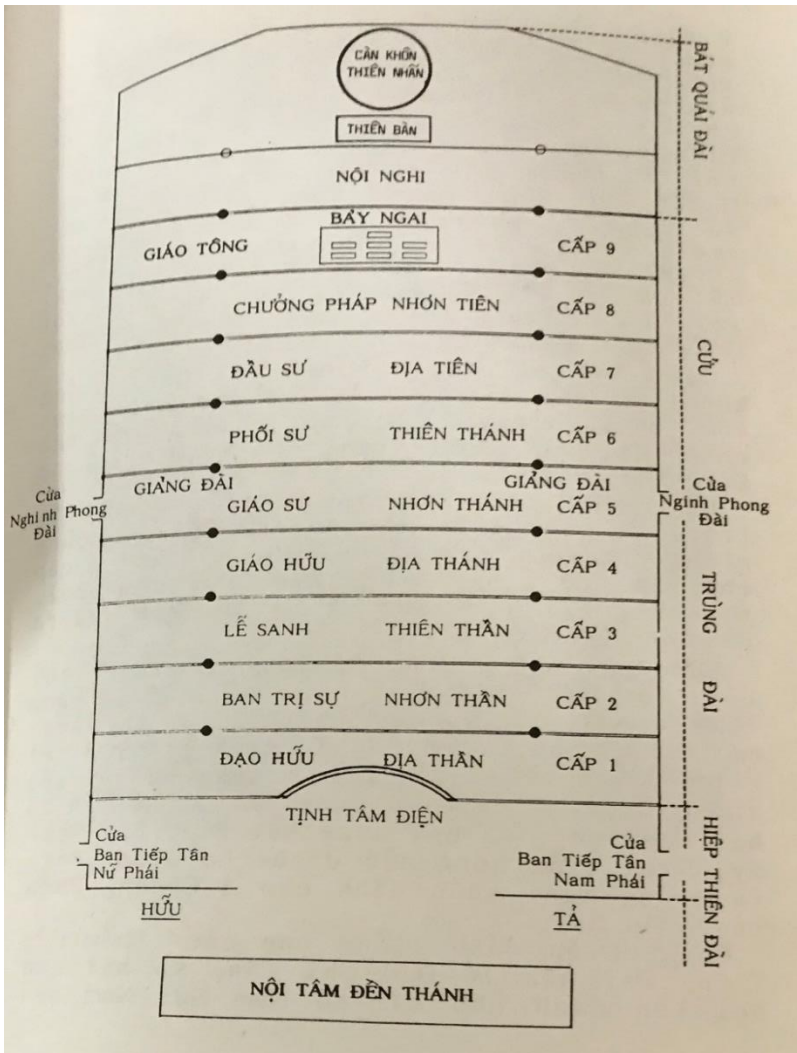


HIỆP THIÊN ĐÀI VỚI CHỮ KHÍ

Nhìn chung, phần này rộng thênh thang. Nếu không có hai hàng cột chia đèn này ra làm ba gian thì phần Cửu Trùng Đài thật là to rộng. Trông lên trần nhà, gian chánh có vòm trời tròn có chín cảnh trời liên tiếp nhau, càng vào trong càng cao dần lên, có chạm sáu con rồng trên một nền trời xanh biếc, chung quanh có những cụm mây trắng với rất nhiều tinh tú lấp lánh bằng pha lê. Ở dưới sân nhà thì lót bằng đá hoa mài màu sắc rực rỡ, chia ra làm chín bậc, càng vào trong càng theo mỗi bậc mà cao dần lên, tương đương với chín cảnh trời trên trần nhà. Tất cả là để tượng trưng cho chín tầng trời gọi là Cửu Trùng Thiên, hoặc Cửu Thiên Khai Hoá, hoặc Cửu Phẩm Thần Tiên.

Trần nhà hai căn hai bên thì bằng phẳng không có chi cầu kỳ lắm, chỉ có khắc hình lân, qui, phụng, để hợp với rồng ở trần nhà chánh điện mà tượng trưng cho Tứ Linh: Long, Lân, Qui, Phụng.

Hai hàng cột hai bên gian chánh đều tròn, có chạm rồng uốn quanh. Cột nào cũng giống cột nào, trừ ra hai cột hai bên ở cấp thứ năm (từ ngoài Hiệp Thiên Đài đếm vào) thì rồng lại há miệng và có sáu gạt đưa ra để đỡ hai Giảng Đài.



Bước tới bậc thứ chín, tận ở phía trong thì có bầy cái ngai, rất uy nghi, sơn son thếp vàng chạm trổ Tứ Linh, được xếp thành ba hàng: một cái ở hàng trong ngay chính giữa, ba cái ở hàng nhì, và ba cái nữa ở hàng ngoài, sắp thành ba cấp trước sau ngay nhau. Hai bên có hai cặp long và hai hàng Bát Bửu. Bầy ngai ấy, ngai giữa hàng đầu dành cho Giáo Tông, và những ngai khác dành cho ba Chưởng Pháp và ba Đầu Sư.

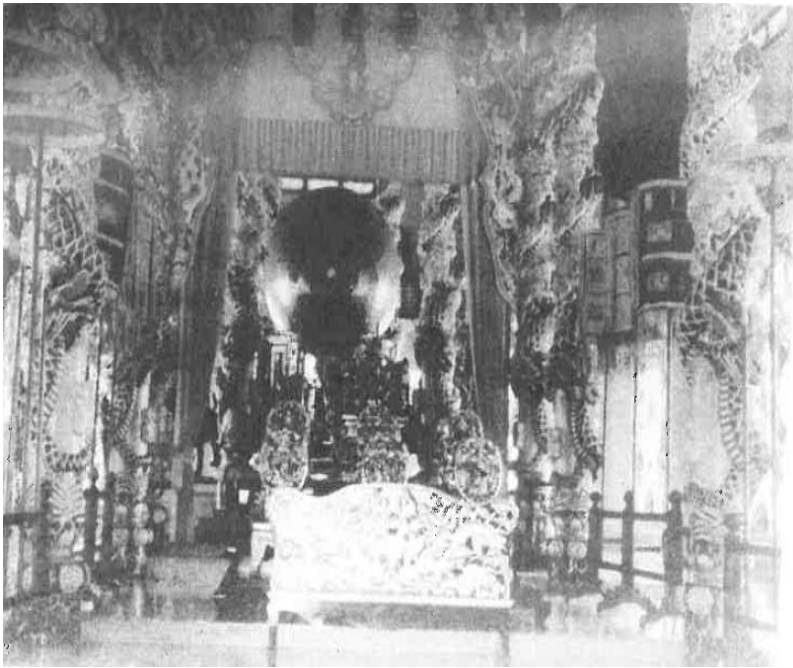
Chánh Điện dành riêng cho các phẩm Cửu Trùng Đài hầu lễ Đức Chí Tôn, và hai căn hai bên dành cho tín đồ nam nữ: Nam bên hữu, Nữ bên tả, từ ngoài trông vào Bửu Điện.



CỬU TRÙNG ĐÀI
(Ảnh của Toà Thánh)

3) Bát Quái Đài

Đi hết bậc thứ chín Cửu Trùng Đài, bước lên một nấc thang nữa thì có một khoảng trống mừng tượng như một cấp ở Cửu Trùng Đài, thường dành làm nơi Nội Nghi khi có lễ lớn hoặc khi lập đàn cầu cơ của Hội Thánh. Trên phần này có đúc ba tấm màn bằng xi măng sắp theo chiều ngang: màn giữa màu xanh có tượng Tam Giáo, Tam Trấn Oai Nghiêm, và Ngũ Chi Đại Đạo. Màn bên phải màu vàng có tượng Bát Tiên, và bên trái có hình Thất Thánh.



BÁT QUÁI ĐÀI
(Ảnh của Toà Thánh)

Bát Quái Đài hình tám góc (bát giác), chung quanh có tám cột chạm trở hình rồng màu sắc rực rỡ. Đài xây thành mười hai tầng: tầng dưới rộng nhứt, và càng cao lên càng hẹp dần. Trên tầng cao nhứt có đặt quả Càn Khôn, nghĩa là một Quả Địa Cầu khổng lồ. Trên ấy có ba ngàn không trăm bảy mươi hai (3072) ngôi sao và một Thiên Nhân trông thẳng ngay

ra gian chánh Cửu Trùng Đài. Thiên Nhân rất tinh thần, sáng chói bởi một ngọn đèn đặt giữa trong lòng quả Càn Khôn ấy. Quả Càn Khôn này được tám con rồng trắng nâng chịu đỡ lên.

Dưới quả Địa Cầu có ba bàn thờ cũng tám góc. Bàn thờ giữa có bốn Long Vị thờ chư Phật Thích Ca Mâu Ni, Lý Thái Bạch Kim Tinh, Chúa Jesus Christ, và Khương Thái Công. Bàn thờ bên trái thờ Đức Khổng Phu Tử (Khổng Thánh) và Quan Thánh Đế Quân (Quan Vân Trường). Còn bàn thờ bên tay mặt thì thờ Đức Thái Thượng Đạo Tổ và Quan Thế Âm Bồ Tát. Trên mỗi bàn thờ đều có lư hương ngay giữa, hai cây đèn hai bên, bình bông và đĩa trái cây đặt phía trong cùng.

Ngoài ra ba bàn thờ trên, ngay dưới Thiên Bàn, cũng hướng thẳng ra gian chánh Cửu Trùng Đài, còn đặt một Thiên Bàn thờ Đức Chí Tôn. Trên Thiên Bàn có sắp xếp những phẩm vật như nơi Thiên Bàn các Thánh Thất.

Tiết VII: Một Số Hình Tượng và Long Vị ở Ngoài và Trong Đền Thánh

Đền Thánh có ba Đài, như chúng ta đã biết. Ấy là Tam Bửu: Bát Quái Đài là Linh Hồn, Cửu Trùng Đài là Hình Thể, Hiệp Thiên Đài là Chơn Thần.

Như Trời có Nhật, Nguyệt, Tinh; thì Đất có Thủy, Hoả, Phong; Người có Tinh, Khí, Thần; Đạo có Tam Giáo: Phật, Tiên, Thánh. Ba hiệp một mới thành hình thể, mới có sự khôn ngoan và sáng suốt được. Như con người thiếu Linh Hồn là phải chết, thiếu Chơn Thần là phải điên, thiếu Hình Thể là không thành người.

Ấy vậy, vật bất ly thân. Hôm nay, Toà Thánh là thay thế Hình Thể Đức Chí Tôn tại thế cho chúng sanh đến mà nhìn Thầy (tức Chí Tôn) để được cứu vớt trong lần thứ ba theo lời tiên tri của Chúa Jésus đã nói:

Trong hai ngàn (2000) năm thì sẽ có Chúa xuống thế. Nhưng Ngài đến như kẻ trộm đi ban đêm. Ngài sẽ huyền diệu hơn Ta, nhiều người kính mến hơn, và không chịu

đổ máu như Ta. Khi Ngài đến có nhiều tiếng còi kêu la inh ỏi trên không trung.

Hình tượng trong và ngoài Đền Thánh có ý nghĩa sâu xa về đạo lý mà tích truyện lấy từ ngàn xưa của văn hoá các dân tộc để tượng trưng cho ý nghĩa Đại Đồng Thế Giới với một Văn Hoá Đại Đạo cho toàn cả nhân loại. Sau đây là một số hình tượng trong và ngoài Đền Thánh được giải nghĩa một cách sơ lược tổng quát.

A) Ở Ngoài Đền Thánh

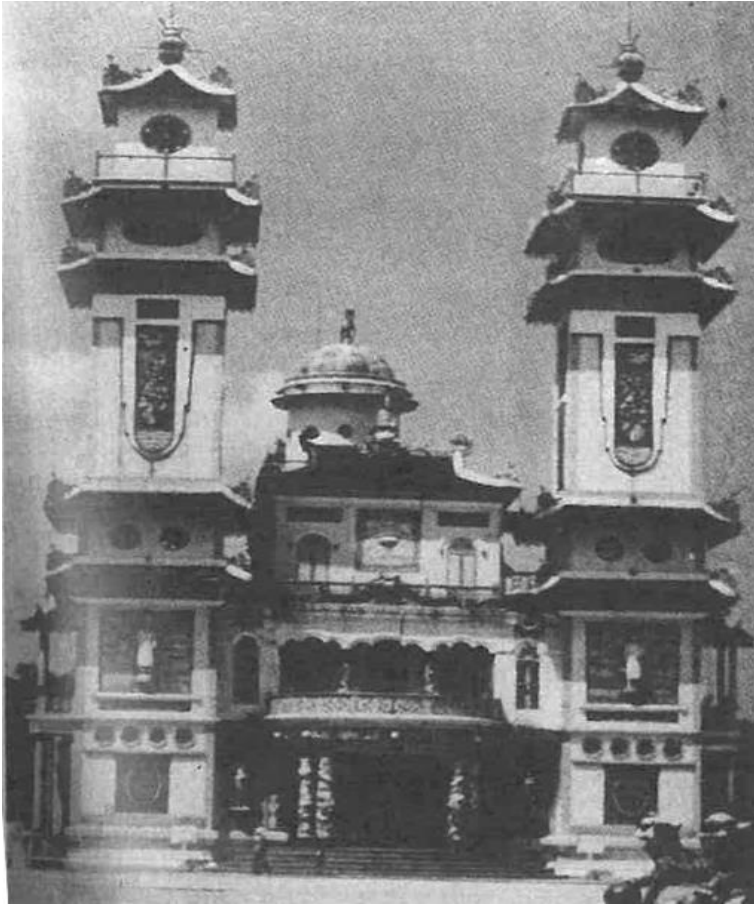
1) Lôi Âm Cổ Đài: (Lôi là sấm; Âm là tiếng vang; Cổ là trống; Đài là cái tháp cao) Cái tháp trong ấy có trống đánh lên tiếng vang rền cả bốn phương như tiếng sấm.

2) Bạch Ngọc Chung Đài: (Bạch là trắng; Ngọc là đá ngọc; Chung là chuông; Đài là cái tháp cao) Cái đài cao trong ấy có chuông bằng ngọc trắng.

3) Giò Lam là cái giò đựng hoa lam. Đây là bửu pháp của Bà Long Nữ, đệ tử của Đức Nam Hải Quan Âm Như Lai ở Phổ Đà Sơn, chơn linh của Tiên Khai Lâm Hương Thanh, vị Nữ Đầu Sư đầu tiên của Đại Đạo. Bà Long Nữ vâng lệnh Đức Chí Tôn xuống thế để độ Nữ Phái.

4) Hồ Lô là cái bầu đựng rượu. Đây là Bửu pháp của Lý Thiết Quả trong Bát Tiên, chơn linh của Tiên Khai Lê Văn Trung, Quyền Giáo Tông Đại Đạo đầu tiên.

5) Đức Di Lạc là Đức Phật vâng lệnh Đức Phật Mẫu, trong lúc sơ khai tạo Thiên lập Địa, mà quả Địa Cầu 68 này chưa có nhơn loại, làm chủ Bát Nhã Thuyền chở một trăm ức nguyên nhân xuống thế. Trong Đạo thường nói rằng trải qua hai thời kỳ Long Hoa Đại Hội, Thượng Nguơn và Trung Nguơn, chỉ độ rồi được tám ức, còn lại chín mươi hai ức hiện còn đang rải rác ở trần này chưa về ngôi vị cũ được. Trong tám ức đó, có sáu ức do Phật Giáo độ và hai ức do Lão Giáo độ. Nay Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Chí Tôn đại nguyện mang tất cả chín mươi hai ức nguyên nhân trở về hồi cựa vị.



MẶT TIỀN ĐỀN THÁNH

Nay cuối Tam Nguơn, bước đầu tứ chuyển lại nhằm thời kỳ Đại Ân Xá, Đức Di Lạc lại được lệnh của Ngọc Hư Cung làm chủ Bát Nhã lần nữa để rước chín mươi hai ức nguyên nhân nói trên, và độ rỗi chúng sanh. Ngài cũng đặc lệnh Đức Chí Tôn chủ tọa Đại Hội Long Hoa để phán xét toàn cả chúng sanh trong kỳ Đại Luân Hồi này.

Nay được người trần gọi là Phật Maitreya, "ngày nay ở nơi Hồn Nguơn Thượng Thiên, còn cả hành tàng Càn Khôn Vũ

Trụ, giờ Ngài đang cầm quyền cả vật loại ... Hồn Nguơn Thiên thuộc Tạo Hoá, thuộc Tăng",¹⁸⁰ và được đặt dưới quyền của Đức Chí Tôn. Trong Kinh Đại Tường có câu như sau:

*Hồn Nguơn Thiên dưới quyền Giáo Chủ
Di Lạc đương thâu thủ phổ duyên
Tái sanh sửa đổi chơn truyền
Khai cơ tận độ cứu tuyền diệt vong
Hội Long Hoa tuyển phong Phật vị
Cõi Tây Phang đuổi quỷ trừ ma
Giáng linh Hộ Pháp Di Đà
Chuyển cây Ma xử đuổi tà trọc tinh
Thâu các Đạo hữu hình làm một
Trường thi Tiên Phật dượt kiếp khiên
Tạo đời cải dữ ra hiền
Bảo sanh năm giữ diệu huyền Chí Tôn.¹⁸¹*

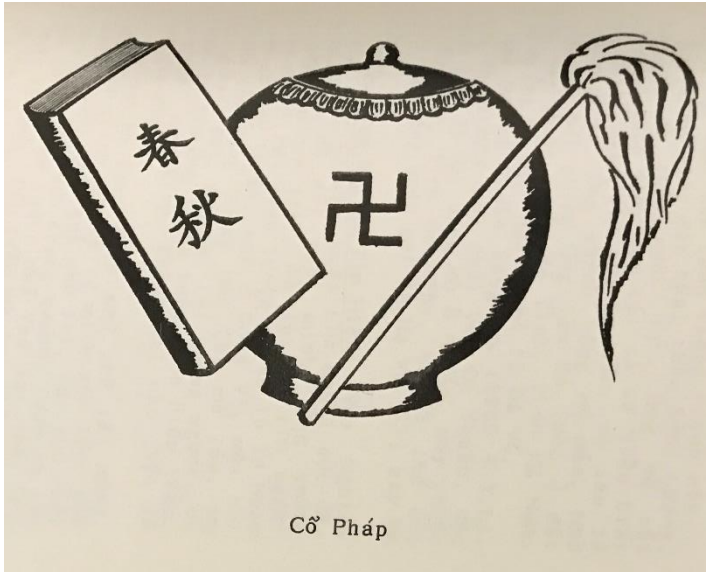
Ở đây, Đức Di Lạc Vương cõi Bạch Hổ trên nóc Thánh Đường vì tại nơi đây sẽ cử hành Đại Hội Long Hoa. Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ khai lập Hội năm Dân, nên có sự hiện diện của con hổ. Màu trắng vì đây là màu của Đại Đạo, mà cũng là màu trắng ra đời để cứu thế và để hoà hợp các tôn giáo.

6) Ba Cổ Pháp: (Cổ là xưa; Pháp là huyền diệu, nhiệm màu. Cổ Pháp là phép nhiệm màu hồi xưa) là Quyển Xuân Thu, Cây Phát Chủ, và Bình Bát Du.

a) Quyển Xuân Thu là bộ sách mà ta thường thấy Đức Quan Vân Trường cầm đọc ở trong tượng. Sách này dùng để tiêu biểu cho Nho Giáo. Vì lẽ Đức Khổng Phu Tử sáng tác ra bộ sách này, còn lại những sách kia như Kinh Lễ, Kinh Thư, Kinh Dịch, Kinh Thi là Ngài san định lại.

¹⁸⁰ *Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp*, Toà Thánh Tây Ninh, 1970, Quyển I, trang 116 - 117.

¹⁸¹ Cũng nên xem *Thánh Giáo Sưu Tập 1966*, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, 1966, trang 93 - 97.



b) Cây Phát Chủ và Long Tu Phiến là hai bửu pháp Đức Cao Thượng Phẩm cầm trong tay, mà ý nghĩa rất là huyền bí. Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc có giảng như sau:

Nay Đức Thượng Phẩm thuộc về người Thiêng Liêng thì Ngài lại có nhiệm vụ 'cứu rỗi phần hồn của chúng sanh'. Trong tay Ngài sẵn có hai món cổ pháp là: Long Tu Phiến và Phát Chủ ...

- Long Tu Phiến: Về pháp thể thì dùng ba mươi sáu lông cò trắng kết thành một cây quạt. Còn về pháp linh thì Đức Thượng Phẩm giảng cơ dạy như vậy: 'Long Tu Phiến là cây quạt do điện khí của Tam Thập Lục Thiên kết thành. Quạt ấy tiết ra một điện lực có ảnh hưởng đến cuộc tấn hoá của quần linh. Chọn thần nào trong sạch thì nương theo đó mà siêu nhập Cực Lạc thế giới.

Trái lại, chọn thần nào luyến ái tà mị thì lánh xa mà đi lần đến U Minh cảnh giới. Có cả 'thu' và 'đẩy' của Long Tu Phiến với chọn thần đều do luật 'đồng khí tương cầu' mà thành tựu. Nghĩa là chọn thần đạo đức thì

Long Tu Phiến hấp dẫn đến gần và đưa vào Cực Lạc thế giới. Còn chơn thần trọng trược thì Long Tu Phiến đẩy ra xa, và lần hồi đi đến cảnh U Minh đen tối.

- Phát Chủ là điển khí của Thất Bửu Diêu Trì kết hợp dùng để trau rửa chơn thần trở nên thanh khiết.¹⁸²

Phát Chủ tượng trưng cho Lão Giáo.

c) Bình Bát Du là cái bình hình như cái thõ mà các tu sĩ Phật Giáo dùng để đi khát thực. Bình Bát Du tượng trưng cho Phật Giáo.

Xuân Thu, Phát Chủ, Bát Du tượng trưng cho Tam Giáo vậy.

7) Nhân Nghĩa là một trong tôn chỉ quan trọng nhất của Đại Đạo. Đức Chí Tôn có dạy:

*Nhơn là đầu hết các hành tàng
Cũng bởi vì Nhơn dân hoá quan
Dân trí có Nhơn nhà nước trị
Nước nhà Nhơn thiết một cơ quan.*

Con người mà không nhân nghĩa thì không còn đứng vào đâu được, không có ích cho cá nhân mình mà lại còn có hại cho người khác. Không Nhân Nghĩa thì có khác chi loài cầm thú.

8) Tám khuôn hình trước Bao Lơn Đèn Thánh: là vua Hạ Võ trị Thủy, vua Nghiêu tìm Hiền, Thoại Hứa và Hữu Sào, Phạm Lãi và Tây Thi, Khương Thượng và Võ Kiệt, Bá Nha và Tử Kỳ, Sào Phủ và Hứa Do, và Châu Mãi Thần. Sự tích tóm tắt như sau:

a) Hạ Võ trị Thủy nhằm đời vua Đế Thuấn (2155 - 2205 trước Tây Lịch). Nước bị nạn lụt, nước rất lớn làm ngập cả mặt đất, dân tình rất nên khổ sở. Vua truyền lệnh cho ông Cỗn trị nạn lụt để cứu dân, nhưng ông Cỗn không thành công nên vua cho vời con ông Cỗn là ông Vũ đến thay thế lãnh trọng trách này.

¹⁸² Hương Hiếu, *Đạo Sĩ I*, 1968, trang 86 - 87.

Ông Vũ đốc thúc dân khai thác sông Lương, sông Vị để tháo nước lụt. Ông Vũ rất tận tình chăn dân, đem tất cả sự hiểu biết của mình, ngày đêm chuyên cần và sau mười ba năm ròng rã, ông thành công mỹ mãn. Nhờ thế vua mới phong ông làm Bá Tước ở đất Hạ, nay thuộc huyện Vũ Tỉnh, tỉnh Hà Nam. Từ đó Ông Vũ được gọi là Bá Vũ.

Sau vua Đế Thuấn băng hà (2205 trước Tây Lịch), thì Bá Vũ được nối ngôi vua Đế Thuấn, đổi quốc hiệu là Hạ, đóng đô ở An Ấp, nay thuộc huyện Giai, tỉnh Sơn Tây. Và vì thế cho nên ông cũng được gọi là Hạ Vũ¹⁸³ hay Hạ Võ.

b) Vua Nghiêu tìm Hiền: Vua Nghiêu trị vì được bảy mươi năm, muốn tìm người đức độ, hiền triết để nối ngôi mình. Ông không truyền cho con trai, mà lại đi tìm người hiền triết. Một quan trong triều là Tư Nhạc tiến cử ông Thuấn, quê ở sông Vị, một chi nhánh của sông Hoàng Hà. Cha mù loà, mẹ không hạnh đạo, em trai lại ngang ngược, du đảng. Dù thế ông Thuấn luôn luôn hiếu thảo, hoà nhã, cung kính, không khi nào thất lễ với gia đình.

Vua Nghiêu nghe được như thế rất mừng nên thân chinh đến để tự mình xét lấy. Đến nơi thì thấy thật quả như lời, lại còn thấy chim chóc bay lượn chung quanh, lượn cỏ tha mời an vui thơ thới. Nhà vua lại thấy ông Thuấn rất mực thâm trầm mà lại khôn ngoan, ôn hoà và rất lễ độ, nên biết là một hiền nhân. Vua dò xét xong, rất là bằng lòng, và mời ông Thuấn và nhường ngôi báu lại. Vua lại mang hai công chúa là Nga Hoàng và Nữ Anh mà gả cho nữa.

Vua Nghiêu là con thứ của vua Đế Cốc, được cha phong ấp ở đất Đào rồi sau này ở đất Đường, nên khi lên ngôi lấy hiệu là Đào Đường. Còn vua Thuấn họ Diêu, con cháu dòng họ Mạc, và khi lên ngôi lấy hiệu là Hữu Ngu.¹⁸⁴

Vì câu chuyện trên mà trong Đạo có câu "truyền hiền bắt truyền tử", và thường nhắc đến thời Đường Ngu là thế.

¹⁸³ Theo Khổng Tử - *Kinh Thư*, Thảm Quỳnh dịch, 1965, trang 41 và 79.

¹⁸⁴ Theo Khổng Tử - *Kinh Thư*, Thảm Quỳnh dịch, 1965, trang 42 - 43.

c) Thoại Hứa và Hữu Sào: cũng có nơi gọi là Toại Nhân và Hữu Sào, hai vị Tổ công nghệ đầu tiên trong lịch sử Á Đông, mà cũng là hai vị vua trong đời Thượng Cổ của nước Trung Hoa, trước hơn cả Phục Hy và Thần Nông. Ông Hữu Sào dạy dân cất nhà ở và làm gỗ. Còn Thoại Hứa tìm cách để trồng lúa, dạy dân nấu chín đồ ăn và tạo đồ kim khí. Hai vị vua này đã có công rất lớn mở mang khai hoá dân tộc Trung Hoa và đưa ra khỏi tình trạng ăn lông ở lỗ.¹⁸⁵

d) Phạm Lãi và Tây Thi: là hai nhân vật đời Xuân Thu Chiến Quốc. Phạm Lãi tự Thiệu Bá là quan đại phu của nước Việt dưới đời vua Câu Tiễn có mang đại thù với nước Ngô. Phạm Lãi bèn dâng mỹ nhân kế, chọn một cô gái đẹp tuyệt vời gọi là Tây Thi, đem dâng cho Phù Sai, vua nước Ngô. Phù Sai mê đắm Tây Thi mà phớt bỏ việc nước. Vua Câu Tiễn nước Việt lợi dụng cơ hội đem quân báo thù và tiêu diệt nước Ngô.

Tây Thi làm xong sứ mạng và gặp lại người tri ngộ Phạm Lãi. Hai người thực hiện lời hứa hẹn trong buổi hội ngộ sơ giao và dùng thuyền nhỏ đi Tam Giang rồi vào Ngũ Hồ. Từ đó, không còn ai biết tông tích hai người đó nữa.¹⁸⁶

e) Khương Thượng và Võ Kiệt: là hai nhân vật sống vào cuối đời Thương. Khương Thượng tên Khương Tử Nha là một kẻ sĩ sống trong cảnh thanh bần, cất am ở Bàn Khê và thường ngồi câu cá ở sông Vị để chờ thời.

Lúc ấy, có người tiều phu tên là Võ Kiệt gánh củi đến nghỉ nơi Bàn Khê, thấy Tử Nha ngồi câu cá mà không được con nào, rồi lại thấy lưới câu ngay đứt chứ không uốn cong thì lấy làm ngạc nhiên hỏi lý do tại sao. Tử Nha liền trả lời: "Câu thời câu vận chớ có câu cá đâu". Võ Kiệt vừa cười vừa nói: "Ông đến tuổi đó mà còn câu thời câu vận, thật nặc cười". Khương Thượng bảo: "Người chớ cười ta. Hôm nay người gánh củi xuống chợ bán, đụng người mà phải thường mạng".

Thật như lời, Võ Kiệt gánh củi xuống chợ đụng nhằm người ta té chết, lính bắt giải đến vua Văn Vương. Vua Văn Vương về

¹⁸⁵ Phan Khoang, *Trung Quốc Sử Lược*, 1958, trang 7.

¹⁸⁶ Từ Phát, *Điện Tích Dân Giải*, 1958, trang 95 - 112.

một vòng tròn rồi giam Võ Kiệt trong vòng ấy. Võ Kiệt khóc và tâu vua rằng: "Tôi còn mẹ già không có ai nuôi. Xin cho về nuôi mẹ ba năm sau sẽ xuống mà thọ tội". Vua Văn Vương nghe thấy thế biết Võ Kiệt là người có hiếu nên cho về nuôi mẹ.

Lúc này Khương Thượng gần đến lúc ra công hầu.

f) Bá Nha và Tử Kỳ: Bá Nha là người đời Chiến Quốc, họ Du, huý là Thuy, tự là Bá Nha. Người là một văn nghệ sĩ phong lưu tài tử, có ngón đàn tuyệt diệu. Còn Tử Kỳ là một tiều phu ở chân núi Mã Yên, thôn Tập Hiền, họ Chung, huý là Huy, tự là Tử Kỳ. Người là một hiền sĩ ẩn dật nơi sơn dã, nhưng rất uyên thâm về âm nhạc.

Bá Nha làm quan nước Tần, nhân lúc đi sứ nước Sở về đến cầu sông Hán Vương, nhằm tiết Trung Thu, trời trong trăng sáng, Ngài bèn bảo cấm thuyền lại nghỉ. Đang lúc trăng thanh gió mát, Ngài cảm hứng lấy đàn lên dây, khảy một bản nhạc. Đang khảy bỗng nhiên đàn đứt dây. Ngài cảm biết ngay chắc có người nghe lén. Ngài sai tả hữu lên bờ tìm kiếm xem xét có chi bất hảo.

Tử Kỳ ngồi trên bờ núi Mã Yên lên tiếng. Bá Nha liền hỏi có biết bản nhạc Ngài đang khảy chăng. Tử Kỳ chẳng những biết bản nhạc Bá Nha đang khảy và biết luôn cả lịch sử của cây đàn của Bá Nha đang sử dụng, mà lại còn đoán được cả tâm trạng của Bá Nha tùy từng khúc nhạc trầm bổng, nhặt khoan. Hai người trò chuyện, đối đáp với nhau rất là tâm đầu ý hiệp, bèn kết nghĩa anh em và trở thành hai người bạn tri âm, và hẹn năm sau sẽ gặp lại cũng tại nơi đây, cũng vào ngày này.

Đúng ngày hẹn, Bá Nha đến cấm thuyền dưới bến, chờ mãi mà không thấy Tử Kỳ. Ngài buồn, bèn lấy đàn lên dây, khảy một bài, nhưng tiếng đàn sao lại u buồn ai oán đến thế. Ngài biết ngay là Tử Kỳ bị nạn, nên cùng tùy tùng lên bờ tìm kiếm. Đến núi Mã Yên mới hay rằng Tử Kỳ đã thác. Ngài đến nơi mộ thăm bạn tri âm, rồi liền đập vỡ cây đàn, cho rằng từ nay không

còn ai biết thưởng thức ngón đàn và lãnh hội nhạc của mình nữa.¹⁸⁷

g) Sào Phủ và Hứa Do: Đây là lúc Hứa Do gặp vua Nghiêu đi tìm hiền.

Hứa Do là một hiền sĩ sống ẩn dật trong núi. Một ngày nọ Hứa Do mang bầu xuống khe gần đó lấy nước. Cũng vào trong lúc đó vua Nghiêu ăn mặc cái trang như người dân thường đang đi tìm người hiền đức để truyền ngôi báu, bỗng thấy Hứa Do đang lấy nước dưới khe. Vua liền xem tướng mạo Hứa Do và hỏi: "Nhà ngươi làm chi thế?". Hứa Do trả lời: "Ta không màng công danh phú quý nên ra ở ẩn nơi đây, vui thú thanh nhàn. Đói thì ăn trái, khát thì uống nước khe. Ta muốn tự do thông thả, tha hồ ngao du đây đó".

Vua Nghiêu nghe như thế lấy làm bằng lòng, cho Hứa Do là một ẩn sĩ hiền triết, rất lấy làm thần phục và tỏ ý muốn truyền ngôi báu cho Hứa Do. Nghe như thế, Hứa Do bực tức, liền đập nát bầu nước, bịt chặt hai lỗ tai lại và chạy một mạch thật xa, nhưng hãy còn nghe văng vẳng trong tai những lời nói của vua Nghiêu. Hứa Do bèn xuống suối gần đó lấy nước rửa hai lỗ tai. Vừa lúc đó, có một người chăn trâu tên là Sào Phủ cũng vừa dẫn trâu đến uống nước. Thấy Hứa Do rửa tai lia lịa, rửa lâu quá, da đã đỏ ửng mà vẫn không chịu thôi, lấy làm ngạc nhiên và hỏi: "Anh Hứa Do làm gì mà rửa tai hoài vậy?". Hứa Do trả lời: "Ta đã chán danh lợi đi ẩn dật mà hôm nay lại gặp vua Nghiêu muốn truyền ngôi cho ta, làm cho tai ta bị bần vì những lời danh lợi đó. Ta rửa này giờ mà những lời ấy của vua Nghiêu vẫn còn văng vẳng bên tai, nên ta nhứt định phải rửa cho đến khi nào hết nghe thì thôi". Nghe như thế Sào Phủ bèn mừng nói: "May quá đi, nếu tôi không hỏi anh thì trâu của tôi đã uống nước rửa tai bần thì vì danh lợi đó rồi". Nói xong, liền dắt trâu lên dòng nước trên cho uống.

h) Châu Mãi Thân: là một hàn sĩ ở nước Lỗ đời nhà Hán. Ông là người rất hiếu học, lúc nào cũng chuyên cần học tập: lúc chăn trâu, lúc gánh củi, khi đi, khi đứng, khi ngồi. Khi nào cũng đọc sách, ngâm thơ, vinh phú, ít nghĩ đến việc giàu

¹⁸⁷ Phan Thế Roanh, *Điện Cổ I*, 1954, trang 51.

nghèo. Ông có vợ khi còn nghèo, ông thường vào rừng đốn củi để đổi lấy gạo ăn. Khi gánh củi, ông cũng treo sách trên gánh vừa đi vừa học. Đến bốn mươi chín tuổi mà danh phận chưa thành, nghèo túng, hẩm hiu. Vợ thấy thế tỏ vẻ khinh khi và định bỏ ông ra đi. Ông hết lời khuyên nhủ vợ: "Ta thấy đến năm năm mươi, ta sẽ nên sự nghiệp. Nay ta đã bốn mươi chín rồi, nàng đã chịu khó với ta từ lâu, hãy nán đợi một năm nữa, ta sẽ báo đáp ơn cũ tình xưa". Người vợ không khứng chịu, bỏ đi lấy chồng khác.

Thật thế, đến năm năm mươi tuổi ông thành tài và được vua Hán Võ Đế phong cho làm Thái Thú ở đất Cối Kê là nơi quê nhà. Người vợ nghe được, nên đến năn nỉ xin trở lại nối nghĩa cũ tình xưa. Ông cầm tô nước, đổ xuống đất và nói: "Tình ta với nàng như bát nước đầy, nàng không nghĩ mà đổ đi. Nàng hãy hót nước vào bát này đầy được như cũ thì sẽ nối lại tình xưa".

Người vợ nghe thế, xấu hổ quá liền bỏ đi. Châu Mãi Thần thấy thế, thương tâm, cho người theo chu cấp đầy đủ, luôn cả cho người chồng của bà nữa. Một tháng sau, người vợ quá hổ thẹn, lương âm quá cần rút, không còn chịu nổi nữa, liền tự tử chết. Ông cho đem xác chôn ở bên đường và dựng mộ bia như sau:

Thanh thuở tri biên mộ nhứt khu

Thiên niên mai cốt bất mai tu

Đình ninh kỹ giả nhơn gian phụ

Tự cố tào khang đáo bạc đầu.

9) Ông Thiên Ông Ác: trong thời cổ của Ấn Độ, có một vị vua tên là Tỳ Kheo Vương Đế sanh đặng hai trai. Trai lớn tên là Tỳ Văn rất hiền đức nhơn hậu, và trai nhỏ là Tỳ Vũ (Võ) rất hung ác bạo tàn. Vua Cha muốn truyền ngôi cho con trai lớn, nhưng sợ đứa trai nhỏ động lòng làm quấy.

Vua Tỳ Kheo mới sai Tỳ Vũ qua nước Hạ Châu để chiêu mộ anh tài. Khi Tỳ Vũ đi rồi, Vua Cha mới truyền ngôi lại cho người con trai lớn là Tỳ Văn. Còn vua cha thì đến Âm Vân mà tu niệm. Tỳ Vũ đi mộ anh tài trở về thấy anh mình lên ngôi kế vị cha. Tỳ Văn mới nói lại cho em rằng: "Vì cha muốn xuất gia

đi tu niệm, nên truyền ngôi lại cho anh. Nay cha đang ngự tại Âm Vân". Tỳ Vũ nghe anh nói như vậy mới bảo rằng: "Anh hiền lành lắm, làm vua trị dân không sợ. Vậy anh nên đưa cho em Ngọc Ân để em sửa trị thiên hạ mới sợ". Tỳ Văn không chịu, sợ thất tín và thất hiếu với cha nên ôm Ngọc Tỷ chạy lên Âm Vân mà trình lại với cha. Vua cha thấy con có hiếu, giữ chữ tín và trọn thành nên độ cho về Tây Phương đấng Phật.

Tỳ Vũ đến Âm Vân thấy sự việc như thế cũng ăn năn hối ngộ, rồi cũng bỏ hết ngôi vàng điện ngọc mà đi tu. Sau Tỳ Vũ cũng được đấng Đạo thành chánh quả.

Ông Thiện là Tỳ Văn, và Ông Ác là Tỳ Vũ, nhị Phật tượng đặt trước Đền Thánh để ngụ ý khuyên chúng sanh nên tu hành, nên bỏ dũ về lành, để rồi được đấng Đạo thành chánh quả như Tỳ Văn và Tỳ Vũ, tu nhưt kiếp ngộ nhưt thời vậy.

10) Cân Công Bình: Tượng cũng nên nhắc lại vị trí cái cân này để có thể hình dung Ngoại Diện và Nội Tâm Đền Thánh. Khởi sự từ phía trước Đền Thánh. Khi ta bước qua khỏi năm bậc thềm, đến bậc thứ năm thì ngay phía trên cửa, có hình một bàn tay nắm chặt một cái cân. Bước qua cửa đó đi vào thì là Tịnh Tâm Điện.

Nay ta thử giải nghĩa cái cân trên đây. Cái cân đây là Cân Công Bình của Trời Đất. Còn bàn tay nắm chặt cái cân là tay của Thượng Đế cầm cân Công Bình ấy, nghĩa là công bình tuyệt đối, dành cho tất cả nhơn sanh, từ Đông sang Tây, bất luận màu da sắc tóc. Như thế, Cân Công Bình này chỉ có Thiêng Liêng cầm được mà thôi, vì hễ còn phàm tâm thì không khi nào công bình tuyệt đối được.

Theo Cao Đài Giáo, hễ hữu hình thì hữu hoại. Thế chi khi con người chết thì thân xác con người cũng tan rã, chỉ còn lại linh hồn bất tiêu bất diệt, mang theo cái tội cái phước con người đã tạo ra khi còn ở thế. Cái hồn đó phải chịu dưới sự trừng phạt theo luật công bình của Đức Chí Tôn Thượng Đế. Bất câu người nào sau khi chết rồi cũng phải được luật Thiên Điều phán xét.

11) Rồng và Hoa Sen trên cột: Rồng là Long, Hoa sen là Liên Hoa. Rồng và Hoa Sen tượng trưng cho Long Hoa, là một Đại Hội Phán Xét Cuối Cùng dưới quyền chủ tọa của Đức Di Lạc Vương theo lệnh của Đức Chí Tôn Thượng Đế, và được cử hành trong tương lai tại Việt Nam. Đức Chí Tôn đã nói về Đại Hội khi mới thành lập Cơ Đại Đạo ở Việt Nam.

*Hảo Nam Bang! Hảo Nam Bang!
Tiểu Quốc tảo khai Hội Niết Bàn
Hạnh ngộ Cao Đài truyền Đại Đạo
Hoả phùng Ngọc Đế ngự trần gian
Thi ân tế chúng thiên tai tận
Nhược thiệt nhược hư vạn đại an
Chí bửu nhơn sanh vô giá định
Năng tri giác thể sắc cao ban.*

Một trong những cứu cánh của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là độ rỗi chúng sanh, và đưa đến Đại Hội Long Hoa; Đức Chí Tôn có cho bài thơ sau:

*Ngọc Hoàng Thượng Đế vẫn thần thông
Điểm Đạo nhơn sanh thoát nã nòng
Mở cuộc Long Hoa chiêu thánh đức
Hưng truyền chơn lý thuyết cao phong.*

Vì thế mới là Luật Công Bình của Trời Đất, và cũng vì thế cho nên con người có thể tiến hoá mà cũng bị thoái hoá nữa, tùy theo tội phước mình làm ra. Thượng Đế bảo nhơn sanh tu hành là vì lẽ đó.



CỘT RỒNG VÀ HOA SEN
(Ảnh của Toà Thánh)

12) Khuôn hình tam giác, Thiên Nhân, Tia sáng, v.v...

Chung quanh Thánh Đường, trên tường có nhiều khuôn hình tam giác, trong ấy, ngay chính giữa có Thiên Nhân với mười sáu tia sáng, bao quanh bởi hoa sen, lá sen, gương sen. Tất cả đều được tạo ra với ý nghĩa trong Đạo.

a) Khuôn tam giác với các đường thẳng nét tượng trưng cho Tam Giáo: Nho, Lão, Thích mà Đức Chí Tôn đã qui nguyên để lập Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Những đường nét thẳng là để tượng trưng rằng các tôn giáo đều có luật pháp riêng của mỗi nơi, quy củ chuẩn thẳng của mỗi nơi, mà người Cao Đài phải hằng ghi nhớ và kính trọng.

b) Thiên Nhân tượng trưng cho Thượng Đế Chí Tôn, hữu hình hoá Đấng Tạo Hoá vô hình, hàm ý rằng nay Thượng Đế đã hoàn Thần lại cho con người, sau khi đã bị đánh tẩn khi Cơ Đạo bị bế, để luyện Đạo hầu đắc quả. Không Thần thì không luyện Tinh, Khí được.

c) Mười sáu tia sáng, chín tia trên tượng trưng cho Cửu Thiên Khai Hoá, và bảy tia dưới tượng trưng cho Thất Tinh.

13) Bông sen, Ngó sen, Gương sen, Lá sen được sắp xếp chung quanh khuôn Thiên Nhân để tượng trưng sự tạo lập vũ trụ. Thiên Nhân là Thái Cực; hai bụi sen là Lương Nghi (bụi ở phía trên là Dương, bụi ở phía dưới là Âm); bốn búp sen hai bên là Tứ Tượng, tám lá sen ở chung quanh là Bát Quái; mười hai ngó sen là Thập Nhị Khai Thiên (Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi); mười cái bông sen là Thập Phương Chư Phật.

Vậy tất cả khung Thiên Nhân tượng trưng cho việc Đức Thượng Đế đã qui Tam Giáo, lập Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ để cứu độ quần sanh ra khỏi nơi bể khổ, giáo huấn chúng sanh giảm bớt những dục vọng ở phàm trần này bằng cách diệt lần thất tình lục dục, để rồi lần bước lên Cửu Thiên Khai Hoá để trở về hiệp lại với Trời là nơi nguồn gốc nguyên thủy.

14) Dây nho, Trái nho, Lá nho tượng trưng cho Tam Bửu: dây nho là Tinh; rượu nho là Khí; trái nho là Thần. Luyện

Đạo thể nào cho Tinh hoá Khí, Khí hoá Thần, Thần hườn Hư, Hư hoàn Vô mới đắc Đạo. Tam Bửu là cơ siêu phàm nhập thánh, hết sức quan trọng cho những người đã đến Thượng Thừa vào được phân tối cao trong Đạo là tịnh luyện.

15) Long Mã Phù Đồ (Long Mã là con long mã; con thú thần thoại mình giống như mình ngựa, đầu giống như đầu rồng, xương cổ dài, cao chừng tám thước rưỡi thước mộc, mình có vẩy như vẩy rồng mà nhúng xuống nước thì không ướt, và trên thân mình có một bản Cổ Đồ).

Vì trên lưng có tám Cổ Đồ nên Long Mã được gọi là Long Mã Phù Đồ, hay có thể gọi tắt là Long Đồ.

Cổ tích là ngày xưa vua Phục Hy (4449 trước Tây Lịch), thi tổ của Hán Tộc, một hôm thấy xuất hiện trên sông Hoàng Hà, một con sông lớn ở miền Bắc nước Trung Hoa, một con Long Mã có mang trên lưng một bản đồ xưa (Cổ Đồ). Ngài thấy trên mai có những điểm thường thấy ở trên ngựa. Có tất cả năm mươi lăm điểm đen trắng sắp xếp như sau:

một (trắng) với sáu (đen) ở bên dưới

hai (đen) với bảy (trắng) ở bên trên

ba (trắng) với tám (đen) ở bên trái

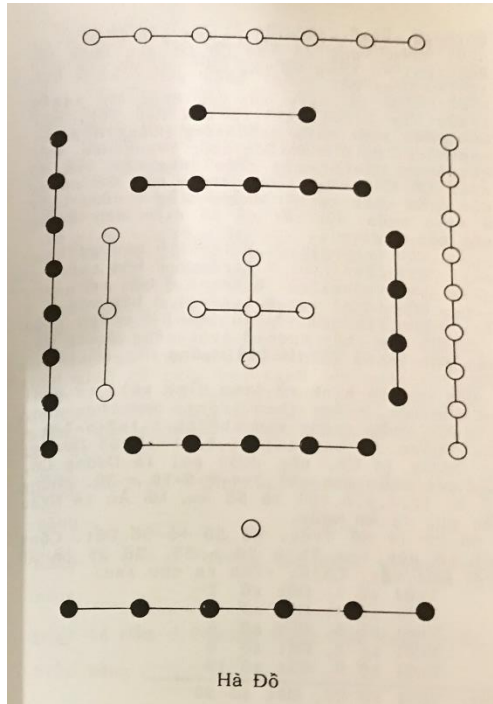
bốn (đen) với chín (trắng) ở bên mặt

năm (trắng) với mười (đen) ở chính giữa

Cổ Đồ này thấy được ở trên sông Hoàng Hà nên gọi là Hà Đồ (Hà là Hoàng Hà; Đồ là Cổ Đồ).

Căn cứ vào hình vẽ (xem hình vẽ), từ dưới ta đếm lên, trắng theo trắng, đen theo đen, thì các điểm trắng như thế này: $1+3+5+7+9 = 25$. Những số này (1, 3, 5, 7, 9) là số Dương mà Dương là Cơ, nên được gọi là Dương Cơ. Còn các điểm đen thì $2+4+6+8+10 = 30$. Những số đó (2, 4, 6, 8, 10) là số Âm. Mà Âm là Ngẫu nên gọi là Âm Ngẫu.

Số 25 là Số Trời. Số 30 là Số Đất. Cộng hai số này lại $25 + 30 = 55$. Số 55 là Số Trời Đất vậy. Chiết tính ra như sau:



Trời số 1, Đất số 2

Trời số 3, Đất số 4

Trời số 5, Đất số 6

Trời số 7, Đất số 8

Trời số 9, Đất số 10

Cộng: Trời số 25, Đất số 30









Và ta thấy Trời, 5 số; Đất, 5 số. Dịch Hệ Từ Thượng viết: Cơ Ngẫu tương đắc phối hợp nhau mới sanh hoá hoá, chứ một Cơ hoặc một Ngẫu không cũng không sanh hoá được. Cái

số Trời Đất 55 đó là huyền diệu biến hoá, hành động như qui thần.¹⁸⁸

Vua Phục Hy xem những điểm đen trắng đó trên Hà Đồ mà làm ra Tiên Thiên Bát Quái và sáu mươi bốn trung quái để lập thành nguyên lý biến dịch của vũ trụ, một triết lý cao siêu mà hiện giờ thế giới Đông Tây hãy còn nghiên cứu.

Về việc vua Phục Hy lập ra Tiên Thiên Bát Quái thì Hệ Từ Hạ cho biết rằng "... Phục Hy cai trị thiên hạ, ngừng lên thì xem tượng ở trên trời, cúi xuống thì nhìn phép ở dưới đất, xem cái văn vẽ của chim muông cùng sự thích nghi của Trời Đất, gần thì lấy ở thân mình, xa thì lấy ở vật, thế rồi mới làm ra tám quẻ để thông suốt cái đức thân mình để chia cái tính của muôn vật".¹⁸⁹

Tám quẻ đó là tám quẻ có trước khi Trời Đất được phân định nên gọi là Bát Quái Tiên Thiên, gồm có Kiền (hoặc Càn), Khôn, Đoài, Tốn, Ly, Khảm, Chấn, Cấn.

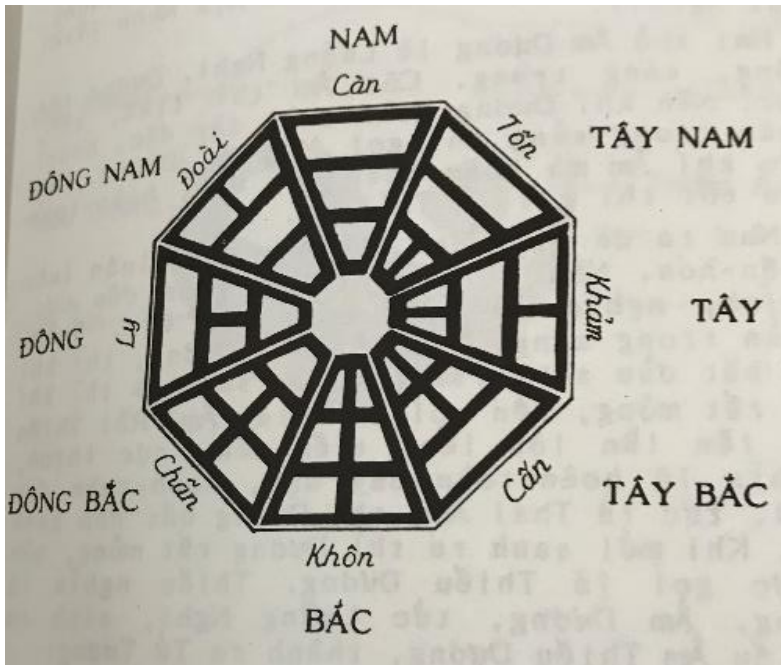
Kiền là Trời ở phương Nam được tiêu biểu bằng	
Khôn là Đất ở phương Bắc được tiêu biểu bằng	
Đoài là Đầm ở phương Đông Nam được tiêu biểu bằng	
Tốn là Gió ở phương Tây Nam được tiêu biểu bằng	
Ly là Mặt Trời ở phương Đông được tiêu biểu bằng	
Khảm là Mặt Trăng ở phương Tây được tiêu biểu bằng	
Chấn là Sấm ở phương Đông Bắc được tiêu biểu bằng	
Cấn là Núi ở phương Tây Bắc được tiêu biểu bằng	

Thứ tự trong các quẻ trong tám quẻ được sắp xếp như sau: Kiền được lập đầu tiên, rồi đến Đoài, Ly, Chấn, Tốn, Khảm, Cấn, Khôn, theo cái lý đương nhiên:

¹⁸⁸ Khổng Tử, *Kinh Chu Dịch Bản Nghĩa - Kinh Hạ*, 1968, trang 289 - 290.

¹⁸⁹ Khổng Tử, *Kinh Chu Dịch Bản Nghĩa - Kinh Hạ*, 1968, trang 318.

"Kiền là Trời, nguồn gốc gây ra mầm sinh của muôn vật nên xuất hiện đầu tiên. Đã có Trời tức phải có sương mù nên Đoài kế tiếp Kiền. Có hơi nước thì phải có khí nóng đổi lại nên Ly tiếp theo Đoài. Hơi nước và khí nóng sẽ phát động nên Chấn tiếp theo Ly. Sự phát động sẽ gây ra gió nên Tốn tiếp theo Chấn. Có gió, hơi nước sẽ lưu chuyển nên Khảm phải tiếp theo Tốn. Nước lưu chuyển làm đất lồi lõm nên Cấn tiếp theo Khảm. Khôn ở cuối cùng vì là cùng đích của sự tuần hoàn thành vật chở đỡ bao dung mọi vật.¹⁹⁰



BÁT QUÁI TIÊN THIÊN

¹⁹⁰ Nguyễn Hữu Lương, *Kinh Dịch với Vũ Trụ Quan Đông Phương*, Sài Gòn, 1972, trang 163.

Cũng trong tám quẻ của Bát Quái Tiên Thiên, quẻ nào cũng có ba gạch hoặc liền (☰), hoặc đứt (☷). Gạch liền chỉ về Dương, gạch đứt chỉ về Âm. Mỗi một gạch hoặc liền hoặc đứt gọi là một hào. Ba gạch tượng trưng Tam Tài nghĩa là Thiên Địa Nhân (Trời Đất Người).

Hai thể Âm Dương là Lưỡng Nghi. Dương thì động, sáng trong. Còn Âm thì tĩnh, tối đục. Nếu khí Dương hoàn toàn dày đặc, hoàn toàn trong sáng thì gọi là Thái Dương. Còn nếu khí Âm mà hoàn toàn dày đặc, hoàn toàn đen tối thì gọi là Thái Âm.

Như ta đã biết hai thể Âm Dương luôn luôn biến hoá. Nên khi khí Dương tiến đến cực thịnh, nghĩa là hoàn toàn dày đặc, hoàn toàn trong sáng, tức là Thái Dương, thì khí Âm bắt đầu sanh ra. Khi mới sanh ra thì khí Âm rất mỏng, nên gọi là Thiếu Âm. Rồi Thiếu Âm lần lần lớn lên, tiến đến cực thịnh, nghĩa là hoàn toàn dày đặc, hoàn toàn đen tối, tức là Thái Âm, thì Dương rất mỏng nên được gọi là Thiếu Dương. Thiếu nghĩa là mỏng. Âm Dương, tức Lưỡng Nghi, sinh ra Thiếu Âm Thiếu Dương, thành ra Tứ Tượng.

Tứ Tượng được vẽ như sau:

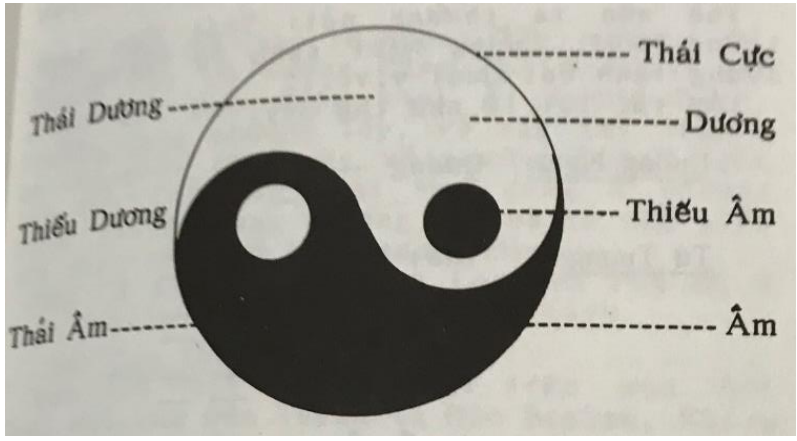
Thái Dương ☰

Thiếu Dương ☱

Thái Âm ☷

Thiếu Âm ☶

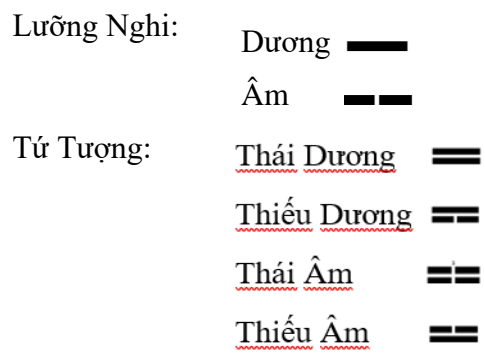
Vua Phục Hy (4449 trước Tây Lịch), Thi Tổ của Hán Tộc, tựa vào Tứ Tượng mà sắp xếp các hào và thêm một hào nữa lên Tứ Tượng mà lập thành các quẻ trong Bát quái. Như trên đã nói, Quẻ nào cũng có ba hào: hào trên là Trời (Thiên), hào dưới là Đất (Địa), hào giữa là Người (Nhân). Thiên Địa Nhân là Tam Tài.



THÁI CỰC - LƯƠNG NGHI - TỨ TƯỢNG

Thế nên ta thường nói: Thái Cực sanh Lương Nghi, Lương Nghi sanh Tứ Tượng, Tứ Tượng sanh Bát Quái v.v...

Tóm tắt lại là như thế này:



Bát Quái:

Kiên ☰Đoài ☱

Ly ☲

Chấn ☳Tôn ☶Khâm ☵Cấn ☴Khôn ☷

Con Long Mã chạy về hướng Tây, mà đầu thì ngoảnh lại về hướng Đông, có ý nghĩa là trước kia Đạo được khai ở phương Đông, truyền sang phương Tây và sau khi truyền cả thế giới thì quay về phương Đông. Ngày nay Đức Chí Tôn khai Đạo cũng ở phương Đông, truyền sang phương Tây và cả thế giới rồi phục hồi trở lại phương Đông.

Đây là ý nghĩa và tích Long Mã Phù Đồ ở trên Nghinh Phong Đài của Đền Thánh.

16) Tam Thể Phật

Tam Thể Phật mà ta thấy trên nóc Bát Quái Đài của Đền Thánh là Đức Brahma, Shiva, và Krishna.

Theo Cao Đài thì ba vị Phật này được linh Đức Cao Đài giáng trần để thi hành thiên trách trong ba Nguơn: Thượng, Trung, Hạ, tương ứng với Nguơn Thánh Đức hay Nguơn Vô Tội, Nguơn Tranh Đấu hay Nguơn Tiêu Diệt, và Nguơn Tận Diệt hay là Nguơn Bảo Tồn.

a) Phật Brahma: Ở Thượng Nguơn thì có Đức Phật Brahma. Ngài là chơn linh của Thượng Đế, đứng trên lưng con thiên nga hay cùng Càn Khôn Thế Giới để tuần hườn xem xét, và vận chuyển Nguơn Hội này. Đức Phật Brahma tượng trưng cho Ngôi Phật giống như Ngôi Cha bên Thiên Chúa Giáo. Đây là Ngôi Thái Cực đó vậy.

b) Phật Shiva giáng thế vào thời kỳ Trung Nguơn là Nguơn Tranh Đấu tức là Nguơn Tiêu Diệt. Ngài thổi sáo để cảnh tỉnh, kêu gọi nhơn sanh hồi đầu hướng thiện, diu dắt người ra khỏi bể khổ trầm luân. Ngài đứng trên mình con rắn thật đầu xà, ngụ ý rằng con người phải cố gắng mà diệt cho hết thất tình.

Nếu diệt hết thất tình thì con người trở lại an bình, thơ thới, yên tĩnh, an lạc. Vì thế nên Đức Phật Shiva cũng luôn luôn ưu tư đến thân tâm của nhơn sanh, tìm cách che chở và hộ trì cho nhơn loại.

Ngài là vị Phật phá huỷ, nhưng phá huỷ để xây dựng cái mới mẻ hơn, tốt lành hơn, sáng lạn hơn, đẹp đẽ hơn, đạo đức hơn. Nếu sáng tạo hoặc thay thế là cần thiết thì sự huỷ diệt cũng cần thiết như thế: diệt là cái quả của cái đã sáng tạo rồi mà cũng là cái nhân của cái sẽ sáng tạo ở ngày mai.

Đức Phật Shiva tượng trưng cho Ngôi Tảng, giống như Ngôi Thánh Thần bên Thiên Chúa Giáo. Đây là Ngôi Tứ Tượng đó vậy.

c) Phật Krishna giáng thế vào Hạ Nguơn Tận Diệt mà cũng là Nguơn Bảo Tồn. Đức Phật đi cùng các nơi trong vũ trụ thế giới, trên con Giao Long để cứu vớt các linh hồn nhẹ nhàng trong sạch, công dày quả đủ để được đưa về Thượng Giới.

Phật Krishna tượng trưng cho Ngôi Con tức là Ngôi Pháp tức là Ngôi Lưỡng Nghi.

Theo quyển Bhagavad Gita, một thi phẩm gồm bảy trăm câu thơ do tác giả Vyasa sáng tác hồi thế kỷ thứ năm trước Tây Lịch thì Phật Krishna thế thiên hành hoá để độ rồi nhơn sanh được giải thoát. Ngài là hoá thân quan trọng nhất trong mười kiếp hoá thân của Vishnu. Cũng vì thế cho nên người ta thường dùng hai danh xưng Krishna và Vishu lẫn lộn nhau. Thật sự Đức Phật Krishna nên được coi như là Đức Phật Hoàn Thiện (The Completer).

Tóm tắt lại, ba vị Phật đứng trên nóc Bát Quái Đài ngụ ý rằng luôn luôn có sự tuần hoàn trong vũ trụ của ba vị Phật ấy

đã được lệnh của Thượng Đế mà rước tất cả những ai đã có công tu hành công viên quả mãn, dù ở nơi ngỏ hẻm hang cùng nào cũng vậy.

Ba vị Phật này thống ngự nơi tầng Hồn Nguơn Thượng Thiên, nơi toàn chơn toàn thiện toàn mỹ.

B) Ở trong Đền Thánh

Ở phía trong Đền Thánh cũng có một số hình tượng mà ý nghĩa cũng cần phải hiểu biết.

1) Thất Đầu Xà, rắn bảy đầu, đeo sát theo con người để cắn dở. Bảy đầu tượng trưng cho Thất Tình: ba đầu ngưỡng lên là Hỉ, Lạc, Ái là ba mối lành. Bốn đầu cúi xuống là Ô, Nộ, Ai, Dục là bốn đầu xấu. Thất Tình, như chúng ta biết, hằng cắn dở để lôi cuốn con người phải chịu đọa đày nơi trầm luân khổ ải. Vì thế cho nên, trong các tôn giáo đều có lời giảng dạy phải diệt Thất Tình nếu muốn đắc đạo.

2) Chữ Khí (氣) là hư vô chi khí tức là khí sanh quang. Con người nhờ khí sanh quang mà sống. Ấy vậy, khí sanh quang là Trời.

Đức Chí Tôn có dạy rằng trong buổi hạ nguơn này, Hiệp Thiên Đài, là nơi Thầy ngự, vì thế cho nên chữ Khí ở nơi Hiệp Thiên Đài. Hơn nữa chữ Khí ở sau hết, nghĩa là Trời đứng sau hết vì lẽ rằng trong các thời kỳ mở Đạo trước, các vị Giáo Chủ đứng trước môn đệ để diu dắt. Môn đệ đứng sau, nên không người quan sát trông nom cho nên chơn truyền mới thất. Vì chơn truyền đã thất nên nhơn sanh tu thì nhiều mà đắc thì chẳng đặng bao nhiêu. Trong kỳ tam nguơn này, Đức Chí Tôn đứng sau mà độ rỗi và trông chừng chín mươi hai ức nguyên nhơn và quần linh.

3) Cửu Phẩm và các Ròng

Cửu Trùng Đài có chín cấp tương ứng với Cửu Phẩm Thần Tiên là: Địa Thần, Nhơn Thần, Thiên Thần; Địa Thánh, Nhơn Thánh, Thiên Thánh; Địa Tiên, Nhơn Tiên, Thiên Tiên. Trên cõi Cửu Thiên Khai Hoá, tức là chín tầng trời, mỗi cõi có sáu

Rồng tuần du tế soát trong ấy ngày đêm. Nếu có động tịnh chi thì sáu Rồng về Bạch Ngọc Kinh mà tâu rồi và thông báo.

4) Cột Rồng

Trong Đền Thánh có hai mươi tám cột rồng, tượng trưng cho Bạch Ngọc Kinh. Khi Đức Chí Tôn ngự triều thì có Thần, Thánh, Tiên, Phật đứng châu. Đền thờ Đức Chí Tôn hiện nay có Rồng ở các cột là để tượng trưng cho Thần, Thánh, Tiên, Phật đang châu Đức Chí Tôn.

Nhưng Rồng đó cũng ám ý sự thành kính trân trọng đối với Đức Chí Tôn.

5) Rồng nhiều màu

Như chúng ta đã biết, có ba Hội lập Đạo, Nhứt Kỳ Phổ Độ Thanh Vương Đại Hội thì màu xanh, có Đức Nhiên Đăng làm Chủ Hội. Nhị Kỳ Phổ Độ Hồng Vương Đại Hội thì màu đỏ, có Đức Di Đà làm Chủ. Tam Kỳ Phổ Độ Bạch Vương Đại Hội, thì màu trắng, có Đức Di Lặc làm Chủ điểm Đạo.

Nay là Tam Kỳ Phổ Độ, nên Rồng trắng ở tại Bát Quái Đài. Ấy là thời kỳ của sắc trắng. Rồng vàng đứng chung quanh Bát Quái Đài thay thế cho chư Phật chứng Hội Long Hoa. Vì thế cho nên, cây cột chính giữa trước cửa Đền Thánh, hai cây cột Rồng, hai cây cột Bông Sen ấy là cho biết sau này sẽ có Đại Hội Long Hoa tại Toà Thánh tại Tây Ninh, Việt Nam.

Ở tại cửa có hai câu liên:

***Hiệp Nhập Cao Đài Bá Tánh Thập Phương Qui Chánh Quả
Thiên Khai Huỳnh Đạo Ngũ Chi Tam Giáo Hội Long Hoa***

6) Rồng há miệng

Há miệng là tiêu biểu cho việc truyền bí pháp. Trong thời kỳ Tam Nguơn này Đức Chí Tôn, Thần Thánh Tiên Phật dùng huyền diệu Tiên gia giảng cơ dạy Đạo cho chúng sanh để làm lành lánh dữ hầu thực hiện Nhơn Nghĩa, Bác Ái, Công Bình cho khỏi tội tình trầm luân khổ hải. Thiêng Liêng kêu gọi chúng sanh hồi đầu hướng thiện, mà nếu nhơn sanh không thực

hiện giác ngộ để sau này có mắc tội thì đừng trách: "Phật giả vô ngôn" nữa.

7) Quả Địa Cầu

Vào gần tới Nội Điện Bát Quái Đài ta thấy một Quả Địa Cầu khổng lồ ngay trước mắt. Quả Địa Cầu này cũng được gọi là Quả Càn Khôn mà Đức Chí Tôn đã dạy tạo ra khi ban sơ mới lập Đạo.¹⁹¹

Đức Chí Tôn là Chúa Tể Càn Khôn, cai quản Càn Khôn Vũ Trụ, nên Thiên Nhân phải vẽ trên quả Càn Khôn. Và mỗi khi Đức Chí Tôn giáng trần thì ngôi của Ngài là tại nơi ngôi sao Bắc Đẩu, nên Thiên Nhân được vẽ tại nơi đó.

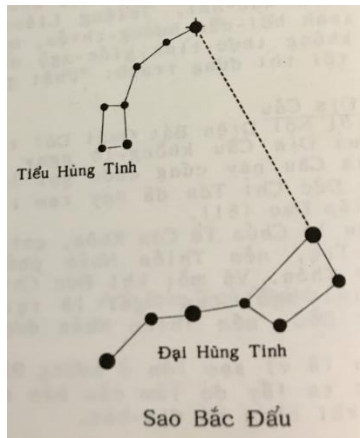


QUẢ CÀN KHÔN
(Hình của Toà Thánh)

¹⁹¹ *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển và Tân Luật Pháp Chánh Truyền*, Toà Thánh Tây Ninh, 1972, trang 38.

Sao Bắc Đẩu là vì sao lớn ở hướng Bắc mà thường thường ta lấy đó làm căn bản để đi trên biển cả khi chưa có địa bàn.

Sao Bắc Đẩu được mắt thấy rõ rệt trên vòm trời đêm khi trời tối, vì có hai chòm sao hai bên thường được gọi là hai bánh lái: một chòm lớn hơn gồm có bảy ngôi sao gọi là Đại Hùng tinh, và một chòm nhỏ gồm có bảy ngôi sao gọi là Tiểu Hùng Tinh, giống cái bánh lái của chiếc thuyền.



Cái quản Bắc Đẩu là Bắc Đẩu Tinh Quân có giáng cơ cho bài thi sau đây:

*Cầm cân Tạo Hoá ở trên trời
 Sao Đẩu xưa nay chiếu sáng ngời
 Nửa điểm phải chăng đều xét thấu
 Trăm bề hoạ phước thấy cho đời
 Tuy là sống thác quyền nơi đấy
 Song cũng hư nên chắc tại đời
 Khuyên đó hỏi lòng không hổ thẹn
 Lựa là quì lạy nhọc cầu mơi.*

Quả Địa Cầu chúng ta đang ở đây là Quả Địa Cầu 68. Thầy dạy:

Thầy đã lập Đạo nơi cõi Nam này là cốt để ban thưởng một nước từ thuở đến giờ hằng bị lầm con thanh nô của Thầy. Thầy lại tha thứ, lại còn ban thưởng một cách vinh diệu.

Từ tạo Thiên lập Địa, chưa nước nào dưới quả Địa Cầu 68 này dựng vậy; cốt để ban thưởng các con, thì các con hưởng phần hơn là đáng, lẽ nào Thầy để phần nhiều cho các nước khác sao!¹⁹²

Tại một nơi khác, Đức Chí Tôn cũng có dạy về quả địa cầu trên nữa là quả Địa Cầu 67, nơi mà những linh hồn của người đạo đức sau này sẽ được chuyển đến, thổ lộ cho ta một sự mâu nhiệm của Thượng Đế.

Các con đã sanh ra tại thế này, ở tại thế này, chịu khổ nào tại thế này. Thầy hỏi: các con chết rồi, các con ra thế nào? Các con đi đâu?

Chẳng một đũa hiểu dựng cơ mâu nhiệm ấy. Thầy dạy: Cả kiếp luân hồi thay đổi từ trong nơi vật chất mà ra thảo mộc, từ thảo mộc đến thú cầm, loài người phải chịu chuyển kiếp ngàn năm, muôn muôn lần, mới đến địa vị nhơn phẩm.

Nhơn phẩm nơi thế này lại còn chia ra phẩm giá mỗi hạng. Đứng bậc đế vương nơi trái địa cầu này chưa dựng vào bậc chót của Địa Cầu 67. Trong Địa Cầu 67, nhơn loại cũng phân ra đẳng cấp dường ấy.

Cái quý trọng của mỗi địa cầu càng tăng thêm hoài cho tới Đệ Nhứt Cầu, Tam Thiên Thế Giới. Qua khỏi Tam Thiên Thế Giới thì mới đến Tứ Đại Bộ Châu. Qua Tứ Đại Bộ Châu mới vào dựng Tam Thập Lục Thiên. Vào Tam Thập Lục Thiên rồi phải chuyển kiếp tu hành nữa

¹⁹² Hương Hiếu, *Đạo Sư I*, 1968, trang 115.

*mới đặng lên Bạch Ngọc Kinh là nơi Đạo Phật gọi là Niết Bàn đó vậy.*¹⁹³

Rồi Đức Chí Tôn cũng cho biết tương lai của quả Địa Cầu 68 này:

Đây Thầy luận qua quả Địa Cầu 68 của các con; nó gần ngày tiêu diệt.

Thầy không nỡ để cho các con chung chịu vùi lấp trong cuộc tang thương, nên phải giáng thế độ đời, thả Linh Thoàn mà đưa về Bồng Lai Tiên Cảnh.

Cái quả địa cầu của các con ở đây nó gần đúng thời kỳ tan rã, ấy là Thiên Thơ Thầy định trước ngày giờ, mà cũng vui cho các đấng chúng sanh được trở bước lên một nấc thang cao vợi. Hệ thế giải này tiêu diệt thì linh hồn nhơn loại tấn hoá sang qua quả Địa Cầu 67 là nơi tiền định của Đạo mầu.

Thầy mới đến đây lần chót mà đem các con sang qua thế giải nhẹ nhàng. Còn những đứa mê muội, ngộ ngang, tội tình thì lại bị tiêu tan ra gió bụi. Các con phải có ngày tận tuyệt. Đứa nào thuận Thiên cơ biết đạo đức thiện từ thì Phật Tiên chực rước. Còn đứa nào ác độc trược trần khó mà an thân ngày chót.

Nạn tiêu diệt lẽ nào? Các con có biết chăng?

Một ngày kia, những con nào biết đạo đức, ăn chay lạt, thân thể nhẹ nhàng hiệp một với khí Tiên Thiên thì lúc dương sanh mới có thể chịu nổi với khí ấy mà còn vững vàng sống đặng. Còn những con vô đạo bị cả khí Hậu Thiên nên tới ngày âm tuyệt dương sanh ấy, chúng nó sẽ không bao giờ hứng chịu nổi khí chơn dương, nên phải đứt hơi lìa mạng.

Vậy thì ngày nay, thế giải đã đúng luật tuần hoàn, Thầy đến đặng sẽ đem các con vào một thế giải khác mà cho an nghỉ hầu tầm cơ siêu xuất đến cảnh Thần Tiên.

¹⁹³ Thánh Ngôn Hiệp Tuyển và Tân Luật Pháp Chánh Truyền, Tòa Thánh Tây Ninh, 1972, trang 60.

*Các con chẳng nên khinh lời ấy là dị đoan. Một ngày kia sẽ có.*¹⁹⁴

8) Hai Đài Thuyết Đạo - Sáu Chia của Rồng

Có cổ tích như sau:

Vua Phổ Dư lập đài tế cáo Trời Đất khi Đức Khổng Phu Tử đi truyền giáo Đạo Nho. Vua Phổ Dư người tánh tình tàn bạo, không ưa tôn giáo, không thích tu hành, cũng không ưa thầy tu, nên khi thấy Đức Khổng Tử bèn ra lệnh bắt giam vào ngục thất. Khổng Phu Tử bị giam hơn hai năm mới được phóng xá. Vua cấm trong nước nếu ai theo Đạo của Đức Khổng Phu Tử thì bị tru di. Vua bèn ra lệnh sáu điều như sau:

- Mắt ta không muốn thấy mặt Khổng Phu Tử
- Tai ta không muốn nghe những lời Khổng Phu Tử bày
- Mũi ta không chịu hơi hôi tanh của Khổng Phu Tử
- Lưỡi ta không chịu nói với Khổng Phu Tử
- Thân ta không muốn thân thích với Khổng Phu Tử
- Ý ta không cho Khổng Phu Tử qua nước lần thứ hai

Nếu cãi lệnh ta sẽ gia hình, không bao giờ dung thứ.

Bởi vua Phổ Dư vô đạo, tánh chất bạo tàn nên Trời phạt trong nước nguy biến, không thể nào cứu nguy được. Vua bèn lập đài giữa trời để cầu nguyện. Tướng tinh của vua Phổ Dư là con Thanh Đầu Long (Rồng Xanh), quỳ dưới đài cầu nguyện. Lời cầu nguyện thấu đến Ngọc Hư Cung, nên Thương Đế sai ông Hứa Chơn Quân xuống đứng trên đài cho biết rằng: "Áy tại vua vô đạo, không kể Thánh Hiền, nên Trời phạt như vậy. Nếu nhà vua muốn trong nước mưa thuận gió hoà, dân an cư lạc nghiệp thì qua nước Lỗ tìm Khổng Phu Tử rước về mở Đạo dạy dân thì trong nước hết tai nạn". Đức Hứa Chơn Quân nói xong liền dâng vân bay mất.

¹⁹⁴ *Đại Thừa Chơn Giáo*, Cao Đài Đại Đạo Chiếu Minh, 1950, trang 418 - 420.

Vua Phổ Dư liền cho người qua nước Lỗ thỉnh Đức Khổng Phu Tử để mở trường giáo đạo dạy dân. Không bao lâu trong nước được mưa thuận gió hoà, dân an cư lạc nghiệp. Vua Phổ Dư thấy vậy liền truyền lệnh trong dân gian nếu ai không theo học Đạo của Khổng Phu Tử thì bị gia hình trọng trị.

Sáu cái chia của Rồng tượng trưng cho Lục Căn: Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Ý, và cũng nhắc bài học trong sáu điều của vua Phổ Dư mà phòng thân.

9) Tứ Linh là bốn con vật chí linh: Long, Lân, Qui, Phụng. đứng đầu tất cả các loài thú. Thêm vào Tứ Linh còn có con Hạc.

a) Lân cũng được gọi là Kỳ Lân, một con thú đầu có một sừng mà mình có vẩy rồng. Kỳ Lân xuất hiện khi có Minh Vương hoặc Thánh Nhơn ra đời, như hồi đời vua Nghiêu vua Thuấn lên ngôi thì có Lân Phụng đến châu. Bà mẹ của Đức Khổng Phu Tử cũng thấy lân đến trước mặt mà hạ sanh được Đức Ngài.

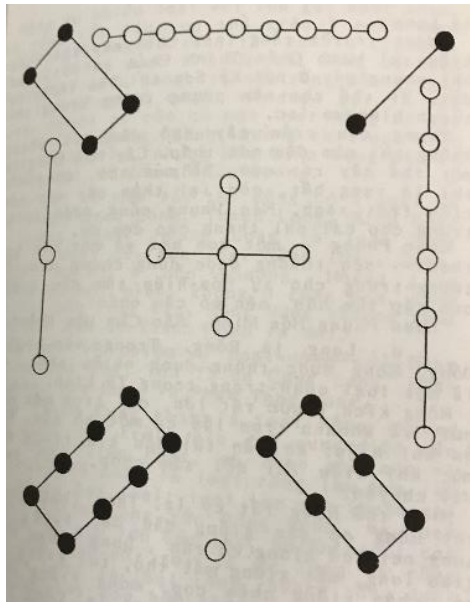
b) Qui là con rùa. Con rùa được coi như là con vật sống rất lâu. Nếu Qui sống trên năm ngàn năm thì được gọi là Thần Qui, và nếu sống trên mười ngàn năm thì được gọi là Linh Qui.

- Thần Qui được xem là loài vật đứng đầu cho ba trăm sáu mươi loài giáp trùng (loài có vỏ như cua đinh, ba ba hay đồi mồi). và tương truyền rằng hễ Thần Qui sống nơi rừng nào thì rừng ấy không có cây cỏ độc, không có chim dữ hoặc hùm beo răn rết ...

- Linh Qui thì có năm sắc; lưng thì tượng trời, bụng thì tượng đất, trông mắt tả thì tượng mặt trời, trông mắt hữu thì tượng mặt trăng, ngàn năm biến hoá, biết được lẽ mầu nhiệm trong trời đất.

Theo sách Sử Ký thì Qui có tám loại tất cả: Qui Bắc Đẩu, Nam Thần, Ngũ Tinh (Kim, Mộc, Thủy, Hoả, Thổ), Bát Phong (gió tám hướng), Nhị Thập Bát Tú, Nhật Nguyệt, Cửu Châu, và Ngọc Qui.

Người xưa thường dùng mai rùa để bói toán, một việc làm có tính cách mầu nhiệm thiêng liêng. Tuy nhiên, tính cách thiêng liêng của con Qui không phải chỉ có thế mà nó bắt nguồn từ khi vua Vũ tìm thấy con Linh Qui mang trên lưng tấm đồ bí mật, xuất hiện trên sông Lạc (vì thế nên được gọi là Lạc Thu). Con Linh Qui mang trên lưng bốn mươi lăm điểm trắng và điểm đen mà phương vị được sắp xếp như sau: đầu đội chín (trắng), chân đạp một (trắng), bên trái mai mang ba (trắng), bên phải mang bảy (trắng), vai bên trái mang bốn (đen), vai bên phải mang hai (đen), chân trái mang tám (đen), chân phải mang sáu (đen), ở giữa mai mang năm (trắng).



Lạc Thu

Các điểm đen đều là số chẵn (2, 4, 6, 8) được gọi là số Âm hay số Đất. Nếu cộng các số ấy lại ta được: $2 + 4 + 6 + 8 = 20$.

Các điểm trắng đều là số lẻ (1, 3, 5, 7, 9) được gọi là số Dương hay số Trời. Nếu cộng các số ấy lại ta được: $1 + 3 + 5 + 7 + 9 = 25$.

Như vậy, số Trời là 25, và số Đất là 20. Nếu cộng hai số ấy lại, ta được 45. Số 45 là của Lạc Thu.

Vua Vũ đem áp dụng chín số của Lạc Thu (1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9) để sắp đặt Cửu Trù Hồng Phạm (Cửu Trù là chín điều, chín loại, hay chín mục; Hồng Phạm là phép lớn). Cửu Trù Hồng Phạm là một thiên khảo luận bàn về luân thường đạo lý xã hội, chính trị, giáo dục của Trời Đất và Người. Lấy đó lập phép Tỉnh Điền là phép chia ruộng làm chín khu giống như hình chữ Tỉnh (田), xây Kinh Thành Lạc Ấp. Lạc Ấp là kinh đô của nhà Chu chia làm chín khu.¹⁹⁵

c) Phụng hay Phượng là một loài chim chúa các loài chim, thường được vẽ trên tranh gọi là Phụng Hoàng Bách Điều, nên Phụng cũng được gọi là Phụng Hoàng. Có lông ngũ sắc rất long lanh, chỉ thích đậu trên cây ngô đồng, luôn luôn đi có cặp. Con trống gáy thì con mái hoạ theo; chỉ có loài phụng mới có con mái gáy mà thôi. Khi hai con gáy và hoạ thì các loài chim khác đều bay đến châu chung quanh. Con mái gọi là Loan.

Tương truyền rằng loài chim này khi xuất hiện thì Minh Quân Thánh Chúa ra đời, như khi phụng gáy ở núi Kỳ Sơn thì Văn Vương ra đời. Vì thế cho nên phụng tượng trưng cho thanh bình an lạc.

Phụng đậu trên cây ngô đồng vì phụng không khi nào đậu nơi thấp. Cây ngô đồng là một thứ cây rất cao, hễ mùa thu, đông đến thì lá rụng hết, còn lại thân cây cao vút trên trời xanh. Nên phụng cũng được tượng trưng cho cái chí thanh cao đẹp đẽ.

Loan phụng - một con hót và một con hoạ theo - nên thường được dùng chung nhau để tượng trưng cho sự hoà hiệp tâm đầu ý hợp của các cặp tân hôn, nên có câu chúc:

¹⁹⁵ Tu Trai Thi, *Qui Hạc là gì?*, Văn Hoá Nguyệt San số 43 và 44, năm 1959, trang 952 - 957 và 1105 - 1110.

"Loan Phụng Hoà Minh, Sắc Cẩm Hảo Hiệp".

d) Long là rồng. Trong văn hoá Á Đông, rồng được thông dụng nhiều nhất, và là một loại quan trọng trong Tứ Linh.

Rồng kích thước rất lớn, dài tròn một dãy núi, và khoanh tròn lấp cả một hố sâu. Khi ẩn khi hiện; khi ẩn thì đầu kín trong mây mù; khi hiện thì nổi sấm chớp, trời rung đất chuyển.

Hình thể rồng rất kỳ lạ. Theo thần thoại thì rồng có đầu giống đầu đà, sừng giống sừng nai, cổ giống cổ rắn, tai giống tai bò, chân giống chân cạp, móng giống móng chim ưng, và vây giống vây cá ly. Cũng theo thần thoại thì rồng có tám mươi một vây. Số 81 là 9 nhân cho 9. Số 9 là Dương cực thịnh, lớn nhất. Vì vậy rồng được tượng trưng cho cái gì uy mãnh, và tượng trưng cho phần Dương. Trong ngôn ngữ của ta có rất nhiều danh từ được xếp với chữ Long cho những cái gì mãnh dũng, oai nghi...

Rồng có nhiều loại với tên gọi khác nhau, và sống rất lâu, có thể trên một ngàn năm. Nếu rồng không có sừng thì gọi là Lý Long. Sau khi sống được năm trăm năm thì rồng có sừng được gọi là Cù Long. Nếu sống đến một ngàn năm thì rồng có cánh và được gọi là Ứng Long. Ngoài ra còn có một loại rồng có vây gọi là Giao Long. Bình thường thì loại Giao Long có tám mươi một vây. Nhưng nếu Giao Long nào có chín mươi chín vây thì đã đến số Cửu Dương.

Nếu xét về màu sắc thì rồng có năm loại là Hắc Long, Bạch Long, Thanh Long, Xích Long, và Hoàng Long. Hoàng Long là loại rồng vàng, trưởng của bốn loại rồng (Hắc, Bạch, Thanh, Xích) ở bốn phương. Hoàng Long thường đi một mình, không ở cùng bọn cùng đàn với bốn loại kia. Rồng vàng thường xuất hiện khi nào có Thánh Nhơn ra đời.

Nếu xét về nhiệm vụ hoạt động của rồng thì có bốn thứ: Thu Thiên Cung Long, Hành Võ Long, Địa Long, và Phục Tạng Long.

Thu Thiên Cung Long là loại rồng thường sống trên cõi trời, gìn giữ cung điện của Thần Thánh Tiên Phật, và theo phò các vị này. Hành Võ Long là loại rồng làm mưa làm gió, và có hai loại: loại làm mưa thuận gió hoà là Thiên Long tức là Rồng Lành, và loại làm mưa to gió lớn bão lụt, khiến người đời điêu linh khổ sở, gọi là Ác Long là rồng ác. Địa Long là loại rồng thường sống dưới đất sâu, hay đào hầm khoét hang khiến đất lún xuống thành sông thành biển. Phục Tạng Long là loại rồng chuyên giữ nhiệm vụ bảo vệ kho tàng của vua Chuyển Luân Thánh Vương và các nhà đại phước đức.

Tóm lại, trong Đại Đạo dùng Tứ Linh để trang hoàng là muốn nói lên tôn chỉ của Đạo là thương yêu hoà hiệp, thuận theo ý Trời để hạnh hưởng an lạc thái bình ngàn năm muôn thuở, là để cho giới Trung Thiên này được thành một nơi thanh cao, thiên đường tại thế, trên dưới thuận hoà, vui tươi hạnh phúc.

10) Bát Tiên là tám vị Tiên gồm có Lý Thiết Quả, Hón Chung Ly, Lâm Thế Hoà, Trương Quả Lão, Hà Tiên Cô, Lữ Đồng Tân, Hà Tương Tử, và Tào Quốc Cự.

a) Lý Thiết Quả huý là Huyền, tự là Ngung Dương, một người tư chất thông minh, phong cách nghiêm trang. Đến năm hai mươi tuổi thì Lý Ngung Dương chán danh lợi nên bỏ vào núi học đạo Tiên với Lão Tử.

Vì Lý Ngung Dương thường ôm cái bầu và đặc biệt sử dụng cây gậy sắt nên người đời đặt tên ông là Lý Thiết Quả, và dần dần gọi trại là Lý Thiết Quài.

Ông là vị Tiên thứ nhứt trong Bát Tiên.

b) Hón Chung Ly họ Chung Ly, huý là Quyền, một vị đại tướng đời nhà Hán, quê ở đất Yên Đài. Chung Ly Quyền được Lý Thiết Quả giả dạng làm một tên sai mắt xanh dẫn đường đến động của Đông Huê, một đạo sĩ đời Thượng Cổ đã tu luyện thành Tiên, để được truyền đạo. Từ đó, Chung Ly Quyền liền đổi lại là Vân Phòng. Về sau Chung Ly Vân Phòng được Thượng Tiên Vương Huyền Phủ rồi Huê Dương Chơn Nhơn truyền thêm đạo Tiên. Cuối cùng Chung Ly Vân Phòng

lượm được một quyển kinh ở trong núi rồi noi theo đó mà tu luyện.

Ông là vị Tiên thứ hai trong Bát Tiên, thường sử dụng cây phất chủ.

Vì Chung Ly Vân Phòng là một đại tướng triều Hón (Hán) nên người đời thường gọi ông là Hón Chung Ly.



BÁT TIÊN
(Ảnh của Đỗ Phú Đường)

c) Lâm Thế Hoà: vốn là Xích Cước Đại Tiên trên Thượng giới đầu thai xuống cõi trần, thường mặc áo rộng, buộc dây lưng màu thật lớn thắt lộn, một chân mang giày một chân đi đất, và thường cầm cây tám bằng bằng ngọc sanh, tức cặp phách, dài ba thước, vừa đi vừa nhịp vừa ca. Các bài ca của ông đặc biệt ở chỗ thường có ngụ ý khuyên đời.

d) Trương Quả Lão: vốn là con doi trắng từ khi mới tạo thiên lập địa, nhưng nhờ tu luyện lâu năm nên được thành người. Trương Quả Lão theo đạo với Huyền Khuru Chơn Nhơn ở núi Trung Điều, thường cõi lừa trắng đi dạo chơi, nhưng đặc biệt là cõi ngược. Lừa của ông bằng giấy nhưng khi nào muốn cõi thì ông phun nước và hoá phép sẽ biến thành lừa thật.

e) Hà Tiên Cô: quê quán ở Quảng Châu, huyện Tăng Thành, tên thật là Tố Nữ. Lớn lên Hà đến ở khe Vân Mẫu và không chịu lập gia đình. Sau Hà Tố Nữ được Lâm Thế Hoà cùng Lý Thiết Quả truyền đạo và trở thành vị Tiên thứ năm thường gọi là Hà Tiên Cô.

f) Lữ Đông Tân: tên thật là Lữ Nham, tự là Đông Tân, biệt hiệu là Thuần Dương, vốn là Huệ Dương Chơn Nhơn đầu thai. Ông là con Thư Sử Lữ Nghị và cháu nội của Lê Thị Lang Lữ Vị, quê quán tại Hải Châu, huyện Vĩnh Lạc. Là người thông minh, học rộng, ông thi đỗ luôn hai khoa Tú Tài và Cử Nhân, nhưng đến khoa Tiến Sĩ thì lại rớt mãi nên ông chán công danh, quyết chí tâm tiên học đạo. Lữ Đông Tân gặp Huỳnh Long Chơn Nhơn ở núi Lu Sơn truyền gươm phép, rồi gặp Hồn Chung Ly truyền đạo. Sau tu luyện thành vị Tiên thứ sáu.

Lữ Đông Tân thường cầm ống tiêu đi khắp nơi để chữa bệnh cho người nghèo và độ những người lành.

g) Hàn Tương Tử sinh vào đời Đường, vợ là cháu gọi Hàn Dũ bằng chú. Hàn Tương Tử chán công danh phú quý nên bỏ nhà lên non gặp được Hồn Chung Ly và Lữ Đông Tân truyền đạo, sau thành vị Tiên thứ bảy.

h) Tào Quốc Cựu: vốn là em ruột của Tào Thái Hậu đời Tống, húy là Hữu Thường, người hay làm phước. Ngày

kia, Tào Hữu xuất hết tài sản bố thí cho dân nghèo rồi bỏ vào núi tu hành, gặp Hón Chung Ly và Lữ Đổng Tân truyền đạo nên thành Tiên và thường được gọi là Tào Quốc Cựu.

Tám vị Tiên trên đây, mỗi vị cỡi một con thú khác nhau: Lý Thiết Quả cỡi voi, Hón Chung Ly cỡi tứ bất tướng, Lữ Đổng Tân cỡi hạc, Trương Quả Lão cỡi lừa, Tào Quốc Cựu cỡi mai hoa lộc, Lâm Thê Hoà cỡi trĩ, Hoà Tương Tử cỡi công, và Hà Tiên Cậ cỡi phụng.¹⁹⁶

11) Thất Thánh gồm có Lý Tịnh, Kim Mộc, Na Tra, Dương Tiễn, Lôi Chấn Tử, Vi Hộ là những nhân vật trong truyện Phong Thần.

Đức Lý Giáo Tông có giảng về Thất Thánh như sau:

Bởi vì bấy ông Thánh đứng trong đời mạt Trụ hưng Châu, trong lúc lập Bảng Phong Thần, bấy ông này đầy đủ công nghiệp tâm đức, vượt khỏi bảng Phong Thần vào trường Phong Thánh.

Cả nhơn sanh ngày nay gắng làm sao cho đầy đủ công nghiệp tâm đức để vượt khỏi trường Phong Thánh bước vào địa vị tối cao để chẳng uổng kiếp sanh của chúng ta trong vòng Chí Tôn hoằng khai Đại Đạo mới không hổ mặt với các bậc Tiên Bối.¹⁹⁷

a) "Lý Tịnh, Kim Tra, Mộc Tra, và Na Tra

Lý Tịnh là một quan tổng binh ở ải Trần Đương, đời Trụ Vương. Trước kia Lý Tịnh có đi tu và theo học đạo với Độ Ách Chơn Nhơn ở núi Côn Lôn, nhưng sau vì phạm tội nên bị đuổi về. Vợ là An Phu Nhân.

Hai vợ chồng có hai con trai là Kim Tra và Mộc Tra. Kim Tra là học trò của Văn Thù ở núi Ngũ Long, động Vân Tiêu. Còn Mộc Tra là học trò của Phổ Hiền ở núi Cửu Cung, động Bạch Hạc. Về sau hai vợ chồng lại sanh thêm một con trai thứ ba là Na Tra. Lúc thọ thai Na Tra, Lý Phu Nhân chiêm bao thấy một

¹⁹⁶ Đinh Văn Khá, *Đại Lễ Vía Đức Chí Tôn*, Tây Ninh, 1975, trang 134 - 135 (mimeographed)

¹⁹⁷ Thiên Giang, *Lược Thuật Tòa Thánh Tây Ninh*, trang 60.

lão râu dài vào phòng ném lên mình phụ nhân một vật lạ nhưng bà không biết là vật gì. Khi sanh Na Tra thì Na Tra tay cầm Càn Khôn Quyện (quyện là chiếc vòng), còn lưng buộc Hồn Thiên Lãng (dây lưng đỏ).

Na Tra vốn là Linh Châu Tử, đệ tử của Thái Ất ở núi Càn Nguơn, động Kim Quang đầu thai.

b) Dương Tiên: là học trò của Ngọc Danh Chơn Nhơn.

c) Lôi Chấn Tử: là con nuôi của Vân Trung Tử ở núi Chung Nam. Vì Lôi Chấn Tử ăn nhầm hai trái hạnh nên mọc hai cánh dài.

d) Vi Hộ: là học trò Đạo Hạnh Thiên Tôn ở núi Kim Đình, động Ngọc Ốc, thường sử dụng cây Giáng Ma Xử".¹⁹⁸

Trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, tín đồ một khi nhập môn, minh thệ trước Thiên Bàn rồi, và giữ trọn luật Đạo thì được đổi phẩm Thần rồi. Nhưng "Thần" vẫn chưa khỏi vòng luân hồi, nên tín đồ được khuyến khích, nâng đỡ để làm thêm công quả, tu hành lần lần đến Thượng Thừa để lần vào Thiên Đạo mà đắc phẩm Tiên, Phật, hạnh hưởng an lạc miên trường nơi cảnh Thượng.

12) Giáo Chủ Tam Giáo

Như chúng ta đã biết Giáo Chủ của Tam Giáo là : Tây Phương Thích Ca Mâu Ni, Giáo Chủ Thích Giáo, Thái Thượng Đạo Tổ là Giáo Chủ Lão Giáo, và Khổng Thánh Tiên Sư là Giáo Chủ Thánh Giáo hoặc Nho Giáo.

a) Tây Phương Giáo Chủ Thích Ca Mâu Ni của Phật Giáo sanh vào khoảng 580 trước Tây Lịch. Thân sinh là vua Suddhodana (Tịnh Phạn Vương) của nước Kapilavastu (Ca Tỳ La Vệ), một nước ở miền Bắc nước Ấn Độ, cách thành

¹⁹⁸ Theo *Truyện Phong Thần Diễn Nghĩa*, Tô Chân dịch, Sài Gòn, 1961.

Cũng nên xem: (1) Nguyễn Hữu Lương, *Kinh Dịch và Vũ Trụ Quan*, 1972, trang 74 -75 và trang 278 - 280.

(2) Đỗ Đình Tuân, *Dịch Học Nhập Môn*, 1973, trang 63 - 71.

Benares chừng một trăm dặm Anh. Thân mẫu là Maha Maya (Hoàng Hậu Ma Da), công chúa của vua Anu (A Nậu), nước Koli (Câu Ly). Tên của Ngài là Shiddarta (Tất Đạt Ta) họ Gautama (Cồ Đàm), của dòng Sakya (Thích Ca). Thường thường sau tên Sakya thêm phẩm vị Muni (Mâu Ni) có nghĩa là Thầy Cả.

Sách còn ghi lại rằng Ngài rất đẹp trai và được vua cha rất nuông chiều; đến năm mười sáu tuổi lập gia đình, lấy công chúa Yasodhara ở nước láng giềng và sanh đặng một trai tên là Rahula (La Hầu La). Tương truyền rằng khi Ngài mới sanh ra, vua cha cho thầy bói tử vi coi vận mạng tương lai. Thầy bói nào cũng nói rằng hoàng tử nếu tiếp nối ngôi cha thì sẽ trở thành một đại hoàng đế thống nhất cả nước Ấn Độ, danh vang lừng lẫy. Còn nếu phé đời hành đạo thì sẽ là một vị cứu thế.

Trong tình trạng khó định đó, vua cha nhứt quyết hướng hoàng tử về sự nghiệp nối ngôi về sau này, và làm tất cả những gì để cho hoàng tử đừng khi nào nghĩ đến việc phé đời. Vua cha lập ba dinh, mang vào bốn mươi ngàn mỹ nữ và ra lệnh không cho hoàng tử liên lạc chi với đời ở ngoài hoặc thấy những cái khổ của đời như bệnh tật, già cả, chết chóc v.v... Mỗi lần hoàng tử ra khỏi thành nội thì cho dọn đường sá, không cho thấy bất câu một việc chi xấu xa, hoặc thấy dân chúng làm than khổ sở.

Nhưng rồi, dường như Thiên định, một hôm hoàng tử đi chơi ngoài thành lại gặp một người già, răng long tóc bạc, lưng còm, tay chống gậy, chân đi từng bước một cách nặng nề. Rồi lần sau, hoàng tử lại vô tình gặp một người nằm ở góc đường, lở lói đầy ruồi mòng bần thũ. Rồi lần thứ ba Ngài lại thấy một thầy ma chết bỏ đày không ai ngó ngàng chăm sóc. Rồi lần thứ tư, Ngài lại gặp một thầy tu áo nâu đầu trọc, tay cầm bình bát để khát thực.

Những cảnh huống ồm đau, già yếu, chết chóc đã làm cho hoàng tử suy tư rất nhiều, và đưa Ngài đến một quyết định phé đời tìm chơn lý, nơi mà đời không còn sống chết bệnh tật, khổ đau thể xác. Những dạ tiệc thâu đêm, mỹ nữ sắc màu rực rỡ, lầu đài châu báu không còn ý nghĩa gì với Ngài nữa. Những danh vọng địa vị cũng không cảm lòng Ngài được.

Rồi một đêm nọ, vào lúc Ngài được hai mươi chín tuổi, Ngài quyết chí. Khi quá nửa đêm, vợ con và tất cả đều yên nghỉ, Ngài từ biệt vợ con lần chót, lên ngựa bạch ra khỏi thành nội cùng một người trung tín Xa Nặc. Trời sáng đến Ngài trao đổi quần áo với Xa Nặc, truyền cho hắn cỡi ngựa trở về trình lại với vua cha, còn mình thì cạo đầu, đi thẳng vào rừng sâu tìm chơn lý.

Sách có chép rằng "sáu năm trường, tu khổ hạnh trong rừng sâu. Ngày không dám ăn no bụng, đêm chẳng dám ngủ thẳng giấc, và luôn luôn thi hành pháp môn khổ hạnh, có khi thì đứng một chân ngoài trời nắng, lúc thì ngồi kiết già suốt đêm dưới bóng cây, mãi đến thân thể còn da bọc xương, tinh thần rất suy yếu, có lần Ngài phải ngất xỉu đến bất tỉnh, nhờ có năm vị đệ tử giải cứu. Thật tinh thần quá suy nhược, thân thể quá tiêu tụy mà Chánh Đạo chưa tầm được.

Có lẽ Ngài tự nghĩ rằng: Phép tu quá khổ khắc này không đem lại kết quả gì. Ngài bèn từ bỏ Khổ Hạnh Lâm, đi đến bờ sông Ni Liên, tắm rửa sạch sẽ trong người mát mẽ và cảm thấy khoan khoái. Rồi có hai nàng con gái chăn trâu đem dâng sữa và mật. Ăn uống xong, Ngài cảm thấy sức khoẻ, tinh thần hồi phục và sắc đẹp hơn và tươi tỉnh lại như xưa.

Từ đây, Ngài quyết không khổ khắc nhục thân như trước nữa, song chẳng phải hoàn tục mà quyết theo đường Trung Đạo để tìm chơn lý. Trung Đạo là gì? Là không quá khắc khổ, mà cũng chẳng phóng túng, tức không thái quá, chẳng bất cập, gọi là Trung Đạo.

Ngài bèn đến gốc cây Bồ Đề ngồi thiền định, và nguyện rằng: Ngày nào chưa thành đạo thì không rời khỏi chỗ này. Lời đại thệ nguyện này giúp Ngài đủ nghị lực thắng phục Ma Vương và đến nửa đêm thì đạt ngộ Chánh Giáo. Phổ Diệu Kinh chép rằng:

Trong khi ngồi lặng dưới gốc cây Bồ Đề, Bồ Tát trải qua bốn bậc thiền định là:

1. Ý đã thanh tịnh, vị chi nhứt thiên

2. Tinh thần thủ nhứt chuyên tâm bất diệt, vị chi nhị thiên

3. Lòng đã bình tĩnh, thấy rõ chơn tướng mọi sự vật, vị chi tam thiên

4. Tâm không ý thiện, không phụ ác, không khổ, không vui, bình thản như không, tịch nhiên bất biến, vị chi tứ thiên

Đó là Đạo Vô Vi Cứu Thế.

Ngài còn có thể hồi ức các việc kiếp trước như từ hiếu, nhân nghĩa, lễ tín, đã từng trung chánh thủ thân, hư tâm học Thánh. Làm sáu bậc vô cực như: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh thần trí huệ, làm những việc từ bi hỉ xả, tùy thời phổ hoá quần linh.

Theo sách Phạm Ngữ thì lúc bấy giờ Bồ Tát:

1. Thông rõ các việc kiếp trước

2. Trừ khử các ác căn trong lòng

3. Lý hội thập nhị nhơn duyên là cái lưới giam hãm chúng sanh trong vòng sanh tử

4. Phát minh Tứ Diệu Đế là bốn phép mầu giải thoát

Tóm lại, đời sống Thích Ca Mâu Ni Phật chia ra ba giai đoạn:

1. Hai mươi chín năm sống một cuộc đời vương giả là thời kỳ ngũ dục cụ lạc, lại cũng là thời kỳ hướng ngoại tìm hiểu lẽ tự nhiên của sự vật bên ngoài vũ trụ.

2. Sáu năm khổ hạnh trong rừng sâu là thời kỳ hướng nội giới để tìm hiểu lẽ huyền nhiệm của tâm linh siêu nhiên.

3. Bốn mươi năm truyền giáo phổ hoá quần sanh. Đến tám mươi tuổi thì viên tịch vào Niết Bàn cảnh an nhàn cụ lạc.

Thuyết Đạo lần đầu tiên, Phật nói Tứ Diệu Đế là: khổ đế, tập đế, diệt đế, và đạo đế.



ĐỨC PHẬT THÍCH CA MÂU NI
(Ảnh của Đỗ Phủ Đường)

1. Khổ đế

Chúng sanh trong vòng sanh tử, thọ khổ triền miên, nhưng tóm lại mà nói thì cả Bát Khổ là sanh khổ, lão khổ, bệnh khổ, tử khổ, cái gì không ưa mà phải hợp là khổ, cái gì ưa mà phải lìa xa là khổ, cái gì muốn mà không được là khổ, cái gì không muốn mà phải gần gũi là khổ. Nói tóm lại chúng sanh sống triền miên trong ngũ trược là khổ.

2. Tập đế

Tham dục tức nguyên nhân gây nghiệp chướng. Nguyên nhân của sự khổ là tham sống, tham sướng, cần thoả mãn. Tại sao? Bởi vì trong lúc tham cầu sự sống cho nhục thân nếu ngược lại nhục thân bị chết thì cái lòng tham sống ấy giục thúc người ta phải lo tạo một nhục thân khác để sống cho vừa lòng tham. Thế nên nói rằng: Tham dục là hột giống sanh kiếp luân hồi.

3. Diệt đế

Muốn hết khổ thì phải tuyệt diệt tất cả lòng tham dục, khiến cho tâm thanh tịnh vô vi thì tự nhiên thấy Phật tánh.

4; Đạo đế

Đạo diệt khổ tức Bát Chánh Đạo là:

- a. Chánh kiến: trong thấy ngay thẳng
- b. Chánh tư duy: suy nghĩ ngay thẳng
- c. Chánh ngữ: nói ngay thẳng
- d. Chánh nghiệp: làm việc ngay thẳng
- e. Chánh mạng: mưu sanh ngay thẳng
- f. Chánh tinh tấn: mong tiến ngay thẳng
- g. Chánh niệm: tưởng nhớ ngay thẳng
- h. Chánh định: ngẫm nghĩ ngay thẳng

Trong Bát Chánh Đạo có hai pháp môn quan trọng hơn hết là Chánh Kiến và Chánh Định. Chánh Kiến nghĩa là trông thấy

ngay thẳng tức tri kiến Phật. Mà muốn tri kiến Phật phải thực hành Chánh Định cho đến viên mãn.

Vã lại sự vật ở đời không có thực thể. Chúng nó do Nhơn duyên hiệp mà sanh, mãi đến khi Nhơn duyên tan thì tử. Sách Phật gọi đó là ảo hoá, và đó cũng là cái yếu lý vô thường, vô ngã của nhà Phật.

Ấy vậy nên kẻ hành giả phải dám nhìn thẳng vào sự thật của sự vật, tìm kiếm cái chơn tướng của nó, chứ chẳng khá nhận lầm cái ảo hoá. Sách Phật cho rằng nhằm cái ảo hoá là chơn tướng của sự vật là cái nhận thức của chúng sanh. Và nếu theo cái ảo hoá mà hành động thì gây ra Nhơn quả. Mà Nhơn quả là nguyên Nhơn sanh kiếp luân hồi.

Thế nên, kẻ học phải vượt qua những ảo hoá của sự vật tìm đến chơn tướng của nó. Biết được như thế gọi là Giác. Trái lại thì là Mê. Mà Giác là Phật, Mê là chúng sanh.

Chúng sanh vì mê lầm ngộ nhận những ảo hoá ấy là chơn tướng rồi theo đó mà hành động. Sự hành động ấy càng nhiều thì sẽ càng nhận chìm mình vào trong luật Nhơn quả, luân hồi, sanh tử, tử sanh, không biết đâu là bờ bến. Đó là nguyên nhân thất chơn đạo trầm khổ hải. Đức Thích Ca Mâu Ni Phật tuyên bố rằng: Ngài tìm bệnh của chúng sanh để cho thuốc mà thôi, chớ không bàn luận việc xa xôi.

Bệnh chúng sanh là gì?

Bệnh ấy là luân hồi sanh tử. Mà nguyên Nhơn sanh kiếp luân hồi là Thập Nhị Nhơn Duyên kể như sau:

1. vô minh; 2. hành; 3. thức; 4. danh sắc; 5. lục nhập; 6. xúc; 7. thụ; 8. ái; 9. thủ; 10. hữu; 11. sinh; 12. lão tử.

... Chúng ta thấy cái đại Nhơn duyên sanh kiếp luân hồi là vô minh. Nay muốn khám pháp tuyệt trừ nghiệp vô minh thì phải dùng phép Chánh Kiến, nghĩa là, trông thấy ngay chánh mạng danh là Tri Kiến Phật, cũng như chúng ta dùng cái sáng để trị cái tối. Sáng càng thêm thì tối càng bớt, mãi đến hoàn toàn thì hết rồi. Cho nên nói rằng: mê là chúng sanh. giác là Phật.

Có điều nên nhớ lại tuy nói tuyệt trừ hết nghiệp vô minh thì giác ngộ, nhưng vô minh là một nhơn duyên trong số mười hai nhơn duyên. Ấy vậy nên muốn tuyệt trừ vô minh thì phải ý hội cả mười hai nhơn duyên kia nữa cũng như dùng Chánh Kiến để trừ vô minh nhưng phải ý hội cả Bát Chánh Đạo thì mới thông đạt cái đại lý của vô minh.

Đại để Phật Pháp là thế nhưng Đức Thích Ca thường hay tùy khả năng của kẻ học để khai thị cho họ, thành thử trong bốn mươi năm truyền giáo Ngài để lại không biết bao nhiêu giáo pháp. Và mỗi câu của Phật nói về sau người ta giảng diễn thành một pháp môn tu tập. Nhơn đó mà Phật Pháp trở nên mênh mông bao la như rừng như biển.¹⁹⁹

Đến năm 480 trước Tây Lịch, Ngài viên tịch. Đức Phật vì ăn nhầm một đĩa nấm tại nhà một người thợ rèn tên là Cunda. Trước khi Ngài từ trần, Ngài dạy những người chung quanh Ngài nói lại với Cunda rằng trong đời Ngài có hai bữa cơm mà Ngài cho là một đại hồng ân được ban cho Ngài: một bữa cơm trước kia đã phục hồi lại sức khoẻ cho Ngài để Ngài đạt được chơn lý, và một bữa cơm nữa là bữa cơm của Cunda đã giúp mở cửa Niết Bàn cho Ngài.²⁰⁰

Đây là đề an ủi người thợ rèn quá hối hận, quá đau khổ.

b) Thái Thượng Đạo Tổ là Giáo Chủ Lão Giáo, cũng được gọi là Thái Thượng Lão Quân hoặc Thái Thượng Lão Tổ. Trong Đạo Cao Đài thì thường gọi Đức Thái Thượng mà thôi, và niệm Thái Thượng Đạo Tổ Tam Thanh Ứng Hoá Thiên Tôn.

Ngài quê quán ở xóm Khúc Nhơn, làng Lê, huyện Khố, nước Sở (nay là tỉnh Hồ Nam), vào đời Xuân Thu (722 - 481 trước Tây Lịch) có lẽ khoảng năm 604. Đời sống cũng như cái chết của Ngài cũng không được ghi lại rõ ràng, hầu như hoàn toàn huyền thoại, khó cho ta tưởng tượng được. Có nơi ghi rằng thân mẫu Ngài mang thai tám mươi năm và khi hạ sanh

¹⁹⁹ Tiếp Pháp Trương Văn Tràng, *Bài Thuyết Pháp tại Thiền Lâm Tự*, Tây Ninh, ngày mười bốn tháng tư Giáp Thìn (25 tháng 5, 1964).

²⁰⁰ Huston Smith, *The Religions of Man*, N.Y. 1958, từ trang 90.

thì Ngài tóc đã bạc phơ và đã thành người đầy đủ kiến thức, thâm trầm sâu sắc. Cũng có nơi khác ghi rằng Ngài làm việc trong một thư viện và sống một cuộc đời rất đơn giản và khiêm tốn; chắc có lẽ sự việc sau này dễ tin hơn.

Tương truyền rằng khi trở về già Ngài chán thế sự nên cỡi trâu đi về hướng Tây Tạng, và khi đến Đèo Hán Khẩu có quan giữ cửa ải khuyên Ngài trở lại, đừng đi đâu nữa. Nhưng Ngài không chịu nên người giữ cửa ải khẩn khoản Ngài nên để lại cái chi lưu niệm về thuyết sống của Ngài và về cuộc đời của Ngài.

Ngài bằng lòng và ba ngày sau trở lại trao cho quan giữ cửa thành một quyển sách nhỏ với năm ngàn chữ viết bằng tay gọi là Đạo Đức Kinh.

Đời Đức Lão Tử chỉ gói ghém có chừng ấy thôi, trong năm ngàn chữ! Có mỗi một mẫu chuyện trong đời Ngài còn ghi lại khá rõ rệt là Ngài sống cùng thời với Đức Khổng Tử. Đức Khổng Tử nghe đến danh Ngài rất nhiều nên tìm đến gặp Ngài một lần. Sau khi gặp Ngài, học trò hỏi Đức Khổng Tử về Đức Lão Tử thế nào, thì Đức Khổng Tử có vẻ đăm chiêu, do dự nhưng rất khâm phục và kính mến Ngài, và nói: "Về loài chim, tôi biết nó có cánh để bay; về loài cá thì tôi biết nó có kỳ để lội; về thú rừng, tôi biết nó có chun để chạy. Nhưng chun thì bị bẫy, kỳ thì bị lưới, cánh thì bị tên. Nhưng có ai biết giống rồng làm sao lướt mây lướt gió mà bay lên trời chăng? Hôm nay, ta đã gặp Ngài Lão Tử. Hôm nay ta đã thấy một con rồng".

Triết lý của Đức Lão Tử quá siêu thâm, nhưng chúng ta có thể tóm tắt đại khái như sau:

Lão Tử cho ĐẠO là một nguyên lý tuyệt đối huyền diệu, do đó mà sinh ra Trời Đất và vạn vật. Đạo vốn là đơn nhưt; nhưt khí hư vô sinh ra âm dương, âm dương sinh ra Trời Đất và khí. Trời Đất và khí sinh ra vạn vật, vạn vật sinh ra khắp vũ trụ thế gian rồi lại quay trở về với Đạo. Trở về với Đạo rồi lại hoá ra vạn vật, cứ đi đi về về mãi thế trong cuộc tuần hoàn theo lý tự nhiên. Đạo là một nguyên lý siêu hình hoàn toàn huyền diệu và bất khả tư nghị, không dùng lý trí mà biện pháp

được phải dùng tâm mà thôi. Đạo Đức Kinh, Chương I, Ngài có viết về chữ ĐẠO:

Đạo khả đạo phi thường ĐẠO

Danh khả danh phi thường DANH

nghĩa là:

Đạo nói ra được không còn phải là Đạo thường nữa

Danh mà gọi ra được không còn phải là Danh thường nữa.

Còn về chữ ĐỨC thì Đức Lão Tử dùng với cái nghĩa siêu hình chứ không phải nghĩa luận lý thông thường. Vì Lão Tử cho rằng ĐỨC là nguồn gốc sinh ra Trời Đất vạn vật, là mầm sống ngấm ngấm. Ngài nói "Đạo sinh chi, Đức súc chi" nghĩa là Đạo sinh đó, Đức nuôi đó, cấp dưỡng đó, nuôi nấng đó, đùm bọc đó, dưỡng nuôi đó, chở che đó. Xem đó thì Đạo sinh, Đức dưỡng, nên mới được gọi là Huyền Tản (Mẹ Nhiệm Mâu).

Đức Lão Tử chủ trương hai con đường đối nghịch, một con đường đi ra (Đạo sinh nhất, nhất sinh nhị, nhị sinh tam, tam sinh vạn vật) thì động, và một con đường trở về (phản phục) là tịnh. Lão Tử viết:

"Vạn vật tịnh tác, ngô dĩ quan phục. Phù vật vân vân, các phục qui kỳ căn", nghĩa là vạn vật cũng đều sanh ra, ta lại thấy nó trở về gốc. Ôi mỗi vật trùng trùng đều trở về cội rễ của nó (Đạo Đức Kinh, Chương 16). Mà cội rễ gốc nó là Tịnh, là Nguyên Lý Vô Vi. Lão Tử viết: "Quy căn viết Tịnh, thị vị viết Phục Mạng. Phục Mạng viết Thường". nghĩa là: trở về cội rễ gọi là Tịnh, ấy là Phục Mạng. Mà Phục Mạng gọi là Thường...

Muốn suốt đời không nguy khốn thì con người phải đạt đến Đạo Thường Vô Vi. Vì Đạo Thường là bất biến, vốn thanh tịnh vô vi, nắm cả giềng mối luân chuyển của vạn vật trong vũ trụ. (Tập San Cao Đài Giáo Lý, Tây Đức, số 8, năm 1988, trang 9 - 10).

Về Đạo Vô Vi Nhi Vô Bất Vi, Đức Lão Tử có giảng cơ dạy như sau:

Này chư hiền đệ, hiền muội: "Đạo vô vi nhi vô bất vi". Những hình thức tổ chức và trật tự để điều hành cho đúng lý tình, nhơn tâm, thể đạo. Còn Đạo thì trường lưu bất tận. Bởi vô vi nên vô hình, vô tướng, vô xứ, vô thính, không thể nắm, bắt, trông, nhìn, cân, đo, thì có chi mà dùng lại hoặc tới lui cao thấp. Bởi vô bất vi cho nên vạn vật mới hoá sanh vô cùng, vô tận, mà kết chung lại nhập vào hư vô chi khí. Lão phân như vậy để chư hiền đệ hiền muội nhìn vào công trình, công quả, công phu trong quá trình tu luyện để nhận chân sự mạng của chính mình mà phải hiểu Đạo cùng với trách nhiệm hành Đạo một cách thâm sâu hơn nữa. Người tu hành không có hạn định vì như sự sống, cơm ăn nước uống. Người học Đạo cũng không thoỉ chuyển vì như hơi thở của sanh mạng. Dầu thời gian năm tháng nhiệm kỳ có hạn định ít hoặc nhiều, nhưng với chư Thiên Ân cầu tu giải thoát, chớ nên vì những chương ngại nhỏ mà quên tánh mạng là việc lớn. Tam Kỳ tận độ, chư Thiên Ân hiền đệ hiền muội thiếu công, thiếu đức, thiếu tài, cơ hội Thiêng Liêng tạo thành để cho mọi người bồi công lập đức với tài năng hữu hạn, thì chớ nên quên lúc ban đầu khởi hành như thế nào để đặt lại cho chính mình một tâm chí kiên trì ngược dòng về bến giác.

Qua Đạo Đức Kinh, Đức Lão Tử cũng dạy về cái Đạo Vô Vi Như Vô Bất Vi rằng " Vô vi là không phải không làm gì hết mà phải luôn luôn làm vì Đạo Pháp trường lưu bất tận như khí hư vô vạn chuyển không ngừng để nuôi dưỡng, bảo tồn vạn loại không bao giờ ngưng nghỉ, như con người phải thở phải ăn để sống. Nhưng làm việc hữu ích cho muôn loài mà không bao giờ kể ơn, kể công, không màng ai biết mình. Trời có nói gì đâu. Hành động với tinh thần vô ngã, vô danh, vô công, vô cố, vô chấp, mới là thực hành đúng theo cái đạo Vô Vi Nhi Vô Bất Vi". (Tập San Cao Đài Giáo Lý, Tây Đức, số 8, năm 1988, trang 12).

Đức Lão Tử hằng dạy người phạm phải tu tánh luyện mạng để đắc nhứt mà trở về với Đạo. Ngài giảng trần qua nhiều kiếp, mà một kiếp trong đó đã được dẫn dạy trong câu kinh Tiên Đạo "Nhị Ngoạt Thập Ngũ phân tánh giảng sanh", và mang nhiều danh xưng từ đời Hiên Viên Huỳnh Đế như Quảng Thành Tử, Huỳnh Thạch Công, Lão Tử, Trang Tử, Đông Phương Sóc, và nay được trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ niệm danh "Thái Thượng Đạo Tổ Tam Thanh Ứng Hoá Thiên Tôn". Ngài cũng giảng trần dạy pháp cho người Cao Đài, mà chúng tôi là một trong những người có diễm phúc thọ pháp phần nào, với danh xưng là Đông Phương Chuông Quán hoặc Đông Phương Lão Tổ. Ngài giảng cơ dạy tu như sau:

Này chư môn đồ! Nhị ngoạt thập ngũ phân tánh giảng sanh, đó mới là một kiếp mà thôi. Lão đến chứng tâm thành của chư môn đồ hiển lễ.

Lão từ Nhứt Khí Tiên Thiên biến hoá. Chư môn đồ cũng do từ đó mà sơ sanh. Chư môn đồ hãy lo tu tánh luyện mạng để hoàn thành sứ mạng của người giác ngộ. Lão vẫn mong đợi ngày trùng hoan cùng chư môn đồ nơi Cung Đầu Xuất. (Đàn Cơ, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, ngày 14 tháng 2 Giáp Dần - nhằm ngày 7 tháng 3, 1974).

Cung Đầu Xuất là Bạch Ngọc Kinh, nơi Đức Thượng Đế và chư Phật Tiên hằng ngự.

c) Khổng Thánh Tiên Sư cũng được gọi là Đức Khổng Tử, hoặc Khổng Tử, hoặc Khổng Thánh, là Giáo Chủ của Thánh Giáo hoặc Nho Giáo.

Ngài sanh vào khoảng năm 551 trước Tây Lịch, tại tỉnh Sơn Đông (Trung Hoa), là dòng dõi của Vi Tử Điền từ đời nhà Thương (1776 trước Tây Lịch). Đến Tổ thứ sáu của Ngài thì được vua ban cho họ Khổng, và sau này đời nhà qua nước Lỗ.

Thân mẫu Ngài sợ không con nối dòng nên lên núi Ni Khuru cầu tự và sanh được Ngài. Có một số huyền thoại về Đức Khổng Tử. Tương truyền rằng một hôm thân mẫu thấy một con thú lạ giống như con bò nghé có sừng, mình có vẩy rồng, đến

trước bà, ngó bà rồi quì xuống nhả ra một cây thước bằng ngọc, trên có đề mấy chữ: "Thủy Tinh Chi Tử, Kế Suy Châu Vi Tố Vương", nghĩa là "Con của vì sao Thủy Tinh nổi truyền cho nhà Châu đã suy vong mà làm vua không ngôi".²⁰¹ Sau mới biết con thú lạ đó là con kỳ lân.

Khi Ngài mới sanh ra thì trên nhà có ba con rồng bay đến bao quanh và sau đó có năm ông lão tìm đến viếng.

Cũng có nơi tả hình tướng Ngài rất khác người thường. Ở giữa đỉnh đầu lõm xuống và xung quanh thì nổi hẳn lên giống như núi Ni Khuru, nên song thân Ngài đặt cho tên là "Khuru" tự "Trọng Ni". Môi Ngài như môi trâu, bàn tay như bàn tay cọp, vai như vai chim uyên, xương sống như xương sống rùa. Ngài có tướng Ngũ Lộ: mắt lớn, hàm lộ, răng hô, tai to, mũi rộng.

Khi Đức Khổng Tử lên ba thì thân phụ Ngài qua đời, để Ngài lại cho mẫu thân nuôi nấng dạy dỗ. Đường như gia đình không được dư giả lắm nên thân mẫu phải tảo tần nuôi và dạy con khôn lớn. Chừng Ngài lớn lên đôi chút thì phải cực rồi, làm tất cả những công việc gì mà duyên may đưa đến để giúp mẹ trong việc sinh sống. Nhờ thế mà Đức Khổng Tử sớm được kinh nghiệm đời một cách rất thiết thực. Đồng thời, mẫu thân, bà Nhan Thị, lại là một người mẹ rất hiền đức, cần cù chăm lo dìu dắt dạy dỗ. Ngài là một người rất hiếu học. Đến độ chừng hai mươi tuổi, Ngài bắt đầu bước chân vào quan trường.

Kiến thức rộng rãi cộng với kinh nghiệm sống thực tiễn dày dặn đã giúp Ngài được thăng cấp rất mau từ Đại Thần về Công Chánh đến Đại Thần về Tư Pháp, để rồi đến tột đỉnh trong quan trường là đảm nhiệm trọng trách Tể Tướng trong triều nước Lỗ. Sự thành công rực rỡ này tạo nơi Ngài một niềm tin mãnh liệt về sứ mạng an bang tế thế mang lại trật tự, thịnh vượng và an vui cho xã hội. Ngài bảo: "Nếu một vị vua nào biết mà nhờ đến ta, thì trong mười hai tháng, kiến thiết quốc gia đã bắt đầu thấy có kết quả, và ba năm sau chương trình sẽ hoàn thành".

²⁰¹ Tài liệu của Toà Thánh Tây Ninh, không có tác giả (mimeographed).

Nước Vệ, dân số càng ngày càng tăng mà đời sống càng ngày càng xuống, dân tình khổ cực nghèo đói, người ta hỏi Ngài có giải pháp chi. Ngài bảo: "Làm cho dân giàu lên".

Người ta lại hỏi nữa: Rồi sao nữa?

Ngài trả lời: "Giáo huấn họ".

Ngài đang làm quan nước Lỗ. Vua nước Lỗ tiếm ngôi lên hoàng đế, thấy tài đức của Ngài biết không thể nào yếm được, nên buộc lòng phải vắn ý Ngài làm thế nào để trị dân. Ngài lạnh lùng trả lời: "Phải trị mình trước đã".

Nếu là một người khác thì đã bị tử hình rồi. Nhưng vì danh tiếng, tài đức của Ngài đã được bốn phương hiểu biết, nên vua phong cho Ngài một chức cao mà không cho việc làm, nghĩa là an trí Ngài. Biết ngay đó là ý đồ hạ Ngài nên Ngài từ chức.

Tuổi đã năm mươi và dường như được tiếng gọi của nội tâm thúc giục, Đức Khổng Phu Tử "cảm thấy sứ mạng thiêng liêng" nên từ quan, dành mười ba năm tới, châu du các nước tìm minh vương để mang thuyết trị dân của mình ra mà áp dụng hầu xương minh Thánh Giáo. Nhưng Ngài đã bị thất vọng ê chề, và trở về quê cũ mở trường thu học trò, truyền dạy giáo thuyết của mình, cùng một lúc san định Lục Kinh. Dù thế, có lần Ngài được mời trở lại đảm trách quốc sự trong một đời vua mới nước Lỗ, nhưng Ngài cảm thấy niên kỷ đã cao nên từ khước.

Đây là thời kỳ Xuân Thu Chiến Quốc; nước loạn lạc, dân lầm than. Một hôm có người đến báo cho Ngài biết có Kỳ Lân xuất hiện. Ngài mừng quá,²⁰² nhưng một vài ngày sau đó có người đến báo cho Ngài biết rằng Kỳ Lân đã bị thợ rừng giết chết rồi. Nghe được tin ấy, Ngài bèn ôm mặt khóc to rằng: "Đường Ngu thời hê! Lân Phụng du. Kim phi thời hê, lại hà cầu! Lân hê! Lân hê! Ngã tâm ưu!", nghĩa là đời Đường và đời Ngu [Vua Nghiêu hiệu Đạo Đường, và vua Thuấn có họ là Hữu Ngu] là hai đời thịnh trị thì có lân phụng xuất hiện đến châu.

²⁰² Tương truyền rằng khi có Kỳ Lân xuất hiện thì có Thánh Chúa ra đời, và đời được thịnh trị an lành. Kỳ Lân là điềm lành.

Nay đâu phải thời bình, ai bảo nguoi đến? Lân ôi! Lân Ôi!
Lòng ta thảm thiết vậy! Đây là chuyện Khổng Tử khóc lân mà
ta thường nghe nói.



ĐỨC KHỔNG PHU TỬ

Đức Không Phu Tử cho đó là điềm bất hạnh, và linh cảm rằng mối Đạo của Ngài đã đến ngày cáo chung: "Ngô Đạo cùng hĩ! Ngô Đạo cùng hĩ!". Rồi Ngài khóc than thảm thiết cho đến sưng húp hai mắt. Thấy thế, đệ tử bèn kiếm một con bò nghé, kết tiền điều lên tất cả mình con bò, dắt đến thưa cùng Ngài rằng: "Kỳ Lân đã sống lại". Ngài mở mắt xem và than rằng: "Ôi, con bò kết nhiều tiền điều gọi là Lân".

Từ đó sức khoẻ Đức Không Phu Tử càng sa sút lần, và Ngài qui liễu vào năm 479 trước Tây Lịch, hưởng thọ được bảy mươi ba tuổi.

Đức Không Phu Tử chủ trương phải học hỏi cách vật trí tri đến nơi đến chốn, ôn cố tri tân để mang sự học và kinh nghiệm thực tiễn của mình ra để giúp nước giúp xã hội nhân quần, chứ không phải để tranh giành chức tước, địa vị hoặc tư lợi, chứ không phải ra làm quan để hống hách hiếp đáp dân tình -- vị tha bất vị kỷ. Học thì phải hỏi. Hỏi rồi phải tập. Tập rồi mới hành. Khi hành thì phải chánh. Có chánh thì nước mới yên, dân mới mạnh, xã hội mới có trật tự, an ninh, thanh bình, con người mới trở lại đạo đức, nhân nghĩa, thuần phong mỹ tục.

Vì thế học đối với Đức Không Phu Tử là quan trọng, mà cách học lại khác đi: Học Hỏi, Học Tập, Học Hành để rồi Trị cho Chánh.²⁰³ Cũng vì những lẽ đó mà Ngài đòi hỏi mong vọng rất nhiều nơi những đệ tử ưu tú của Ngài. Cũng vì thế cho nên cách dạy của Ngài cũng khác, và đòi hỏi nơi Ngài rất nhiều công phu và mệt nhọc. Tất cả nền Đại Học với bao nhiêu Khoa Môn đều tập trung vào một người: Đại Học là Ngài, Ngài cũng là Đại Học, dường tượng như Triết gia Socrates ngày xưa vậy. Ngài giảng và dạy Sử, Địa, Văn Chương, Thi Phú, Chính Trị Học, Hành Chánh, Toán Học, Thiên Văn, Địa Lý, Nhạc Lễ, Triết Học, cho đến việc Bần Cung, Kỵ Mã v.v... và v.v...

Phương pháp giáo hoá của Ngài cũng giống như Socrates. Ngài không thuyết, nhưng Ngài nói chuyện, khảo

²⁰³ Vì ý nghĩa trong Đạo như thế đó, nên guồng máy cai trị trong Đạo gọi là Chánh Trị Đạo, trong nghĩa Bát Chánh Đạo của Phật Giáo, khác với ý nghĩa Chánh Trị dùng ở ngoài đời.

luận về tất cả những vấn đề mà đệ tử hỏi Ngài, hoặc những vấn đề Ngài hỏi đệ tử. Ngài không thuyết, nhưng trích Thánh Hiền và đặt câu hỏi.

Mỗi một đệ tử của Ngài, trong tâm khảm và ước vọng của Ngài, là một sứ giả sau này có sứ mạng an bang tế thế, mang lại trật tự, an lạc thanh bình cho nhơn loại.

Nhưng đừng tưởng Ngài là một người vị tha bất vị kỷ suông trên lý thuyết mà thôi (altruist). Ngài cũng rất thực tế. Có người không tin nổi thuyết của Ngài nên châm biếm rằng: "Nếu có người hô hoán lên rằng có người té xuống giếng, thì tôi chắc con người tâm vị tha bất vị kỷ của Ngài sẽ nhảy ùm xuống giếng để cứu vớt người đó, phải vậy chăng? Đức Khổng Phu Tử chính ngay rằng: "Dù người đó là có tâm địa vị tha bất vị kỷ đi nữa, cũng phải xét lại cho chắc thật có người té xuống giếng không đã".

Cũng có người khác gọi Đức Khổng Phu Tử là Thánh, là Hiền. Ngài bảo: "Làm sao tôi dám cho phép tôi được coi như Thánh như Hiền. Có lẽ người ta phải nên nói rằng ta mỗi ngày hằng cố gắng, không khi nào ngừng, để thành, và chưa khi nào tự mãn".

Đức Khổng Phu Tử là một học giả uyên bác, có một địa vị xã hội cao quý như thế, nhưng Ngài hành sự rất mực trung dung trong các việc cũng như sự suy xét của Ngài. Nhờ thế mà không khi nào Ngài quá khích trong bất cứ một việc gì, một hành động nào hoặc một suy xét nào. Ngài cũng không khi nào tự cao tự đại, ngòì trong tháp ngà, mà trái lại Ngài thích liên giao, thích thù tạc với người ngoài, thích chia sẻ những lúc vui buồn ngậm thi vịnh phú với bạn bè. Ngài cũng một đôi khi uống một vài chun rượu với anh em nhưng không khi nào quá độ. Đệ tử của Ngài có ghi rằng: "Khi rảnh rỗi Tôn Sư thật là bình dân và vui tính. Người rất khả ái nhưng cương quyết, uy nghi, bệ vệ nhưng vui vẻ".

Đức Khổng Phu Tử khi nào cũng nghĩ đến người dân thường, luôn luôn bình vực họ với vua chúa, với giới thượng lưu lúc đó. Ngài không khi nào chế giễu bất cứ một ai, chí đến những đệ tử yếu kém của Ngài. Có lần Ngài nghe Tử Cống chế

giữ một đồng môn. Ngài liền bảo: "Phải rồi, Tử Cống nó rất hoàn toàn rồi, nên mới còn đủ thời giờ để làm một việc như thế, chứ ta đây đâu có thời giờ dư dả như thế".

Với tất cả tài ba lỗi lạc của Ngài, Ngài chỉ hé môi nói một câu thì tiền tài quyền thế sẽ được mang đến dâng cho Ngài. Nhưng Ngài vẫn chỉ thanh bần để giữ chữ Nhân, Nghĩa, Tín, Thành. Ngài không khi nào tiếc sự chọn lựa cương quyết sống như thế: "Với cơm lạt nước trong, lấy tay làm gỏi, ta vẫn có niềm vui trong những cái đó. Tiền tài, của cải và danh vọng có được bởi những phương cách bất chánh, đối với ta, cũng như mây bay gió thoảng".

Đức Khổng Phu Tử để lại cho nhân sanh một nền Thánh Giáo tập trung vào những bộ Ngũ Kinh Tứ Thư. Ngũ Kinh gồm có: Kinh Lễ, Kinh Dịch, Kinh Thư, Kinh Thi, và Kinh Xuân Thu. Kinh Xuân Thu là bộ sử thời Chu (722 - 481 trước Tây Lịch) chính tay Ngài trước tác. Còn mấy bộ kia Ngài có công san định lại. Tứ Thư gồm có: Bộ Luận Ngữ, Trung Dung, Đại Học và Mạnh Tử.

Tất cả là một kho tàng vô giá cho những người đặc biệt chú ý về bổn phận người đời nói chung.

13) Đức Hồng Quân Lão Tổ: là Đấng phân định Âm Dương, khai nên Trời Đất. Đức Ngài là Trời biến thân làm Thầy Tam Giáo. Ngài lập ra ba tôn giáo: Nho, Thích, Đạo có tượng trưng những dụng cụ bí pháp làm biểu hiệu cho tôn giáo. Đức Ngài là Ngươn Tổ của loài người.

14) Ngũ Chi Đại Đạo là:

a) Nhơn Đạo: Từ Ngôi Giáo Tông là Anh Cả của Đạo, là người cầm giềng mối và chương quản Cửu Trùng Đài. Đó là Đức Lý Đại Tiên Trưởng Thái Bạch Kim Tinh. Đức Ngài là người công bình chánh trực nên Đức Chí Tôn chọn Ngài làm Nhứt Trấn Oai Nghiêm kiêm nhiệm Giáo Tông cho nên Đại Đạo.

b) Thần Đạo: Đức Khương Thượng (Khương Thái Công) là Giáo Chủ, và đặc lệnh Đức Thượng Đế Chí Tôn lập bảng Phong Thần nhà Châu.

c) Thánh Đạo: Đức Chúa Jê-sus Christ là Giáo Chủ, Ngài vâng lệnh Đức Chúa Trời (Thượng Đế) xuống thế chuộc tội cho nhân loại trong Nhị Kỳ Phổ Độ. Ngài mở Đạo Thánh bên Âu Châu. Đạo Thánh cũng cùng một căn bản với Nho Giáo.

d) Tiên Đạo: Đức Lão Tử là Giáo Chủ. Ngài lập Đạo Tiên (Đạo Lão) tại Trung Hoa để phổ hoá chúng sanh vào đời nhà Thương.

e) Phật Đạo: có Đức Thích Ca là Tây Phương Giáo Chủ. Ngài lập Đạo Phật tại nước Ấn Độ để độ rỗi chúng sanh.

15) Tam Trấn Oai Nghiêm là ba vị Thiêng Liêng đặc biệt Đức Cao Đài Thượng Đế để cai trị quán xuyên toàn Cơ Đại Đạo trên phương diện vô vi. Chư Thiêng Liêng là: Lý Đại Tiên Thái Bạch Kim Tinh là Nhứt Trấn Oai Nghiêm. Thường Cư Nam Hải Quan Âm Như Lai là Nhị Trấn Oai Nghiêm, và Quan Thánh Đế Quân là Tam Trấn Oai Nghiêm.

a) Lý Thái Bạch Kim Tinh

Đức Lý Thái Bạch Kim Tinh Đại Tiên là Nhứt Trấn Oai Nghiêm kiêm Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Vậy Ngài là ai? Sau đây là tiểu sử.

Đức Lý Đại Tiên, họ Lý tên Bạch, là cháu chín đời của vua Lương Võ Chiêu Hưng Thánh Hoàng Đế Lý Cao, đời nhà Đường, triều vua Huyền Tôn, sanh tại đất Cẩm Châu, hạt Tứ Xuyên.

Một hôm thân mẫu của Ngài nằm mộng thấy sao Trường Canh sa vào người, và thọ thai sanh ra Lý Bạch. Sao Trường Canh cũng có tên là sao Thái Bạch, vì thế nên lấy hiệu là Thái Bạch.

Ngài sanh ra phong tư tuấn mỹ, cốt cách thanh kỳ. Lúc mười tuổi đã thuộc rành thơ sử, mở miệng thành văn. Người đương thời đều lấy làm kinh dị và cho Ngài là Tiên giáng sanh nên mới gọi Ngài là Lý Trích Tiên.

Ngài rất thích rượu. Có thể nói rượu là lý sống của Ngài. Không màng công danh phú quý, chỉ có một cái mộng là lê gót đỏ đây khắp cả sơn xuyên thủy tú, từ thôn quê đến thị thành, chỗ nào có tiếng là danh sơn thắng cảnh, có rượu ngon, hào hoa phong nhã thì có Ngài. Cái hào hoa phong nhã đó, thử hỏi cho đến ngày nay có mấy ai so sánh được?

Một hôm nghe đồn đất Hồ Châu có thứ rượu gọi là Ô Trinh rất quý, trần gian có một. Không quản ngàn dặm xa xôi, Ngài tìm phương đến cho được xứ này. Vừa đến, việc làm đầu tiên là tìm một tửu quán có thứ rượu lừng danh này để nếm cái vị độc nhứt vô nhị, để thưởng thức cái mùi trần gian hạn hữu đó, để ngây ngất trong kỳ vọng đã đạt. Rồi càng uống càng hùng, thi thơ càng tuyệt, càng cường càng nhiệt. Giọng ngâm thơ càng lúc càng cao, bất chấp cả thể sự chung quanh.

Trong lúc đó tình cờ có Quan Tư Mã Ca Diệp nhân du qua đây nghe lời ca thoát trần nên cho tùy tùng vào xem xét. Khi được hỏi qua sự nghiệp, danh họ, thì Trích Tiên ứng khẩu một bài tứ tuyệt:

Cư Sĩ sen sanh Lý Trích Tiên
 Vui tên quán rượu mấy mươi niên
 Đất Hồ Tư Mã nài chi hỏi
 Vốn thiệt Tây Đài chuyên hậu duyên.

Nghe bài tứ tuyệt, Quan Tư Mã cả kinh, nghĩ chắc trong bụng rằng đây chắc là Lý Bạch, người danh hơn lừng tiếng ở Tứ Xuyên, bèn mời về tư dinh cực kỳ hậu đãi luôn mười ngày liên tiếp. Quan Tư Mã và Lý Trích Tiên ngày ngày chúc tửu ngâm thơ thật là tương đắc. Nhưng rồi cái tánh phong lưu lại nổi lên, Ngài lại muốn rời đất Hồ Châu để nhân du lâm sơn thắng cảnh tìm mùi cay nồng của hảo tửu. Biết rằng nài nĩ cũng vô ích với người lãng sĩ, nên Ca Diệp mới ngỏ lời: "Tôi thấy tài cao của Túc Hạ, nếu muốn bằng vàng, nương khoa hoạn làm lối xuất thân thì dễ như thò tay ra lấy đồ trong túi. Sao Túc Hạ không đến kinh đô thi thố tài năng một phen xem sao?"

Lý Bạch đáp: "Ngu Hạ không nuôi cái mộng công danh. Và lại, hiện nay triều đình rối loạn, kẻ tà mi chuyên

quyền. Ai lòn cúi thi ngồi đặng ngôi cao. ai đúc lót thì đồ đầu khoa bảng. Bạch này vi lẽ ấy mà phóng túng tâm tư trong cuồng thi mạng tửu, và cũng để tránh cái ngạo khí của bày khảo quan ngu ngốc ngông nghênh.

Ca Diệp thể hiện tất lòng mà khuyên giải: "Mặc dù hiện tình đùng như lời Túc Hạ vừa giải bày. Nhưng tôi thiết nghĩ, với tài cao của Túc Hạ vang danh khắp chốn, ai ai đều biết, tôi dám chắc khi Túc Hạ vào đến kinh đô sẽ có nhiều người sẵn sàng tiến dẫn".

Nề dạ tất thành của người bạn quá hậu với mình, Lý Bạch hướng về Trường An để du ngoạn kinh thành để vừa lòng người thiện ý. Đang du ngoạn ngang qua cửa Cung Tử Cự, Ngài tình cờ gặp Hàn Lâm Học Sĩ Hạ Tri Chương. Vừa xưng danh xong thì hai người rất mừng rỡ vì đã nghe danh nhau từ lâu nhưng chưa hề đặng gặp nhau. Danh nhân đã gặp danh nhân nên rất tương đắc. Lý Bạch được mời về nhà họ Hạ và kết nghĩa anh em. Từ đó, họ Lý lưu lại nhà họ Hạ đàm luận văn chương, ngâm thơ vịnh phú.

Nhân dịp đó có khoa thi sắp mở tại Trường An. Hạ Tri Chương nói với họ Lý: "Khoa thi kỳ này anh ruột của Dương Quý Phi là Dương Quốc Trung làm chức Thái Sư lãnh phần Chủ Khảo, và Thái Úy Cao Lự Sĩ đảm trách nhiệm vụ Giám Thị khoa trường. Hai vị này toàn là người tham nhũng nhưng anh có biết được họ. Anh sẽ viết một phong thư, em nên đem đó ra mắt họ và đăng tên ứng thí xem sao. Mong rằng họ sẽ nể mặt anh mà chẳng khước từ".

Lý Bạch nể tình người anh kết nghĩa mà bất đắc dĩ phải đi ra mắt quan chủ khảo và giám thị khoa thi. Hai quan họ Dương và Cao xem qua mấy lời giới thiệu của Học Sĩ Hạ Tri Chương và không nói chi, nhưng cười bảo rằng: "Không biết Hạ Tri Chương nợ Lý Bạch bao nhiêu mà gởi cho chúng ta một phong thư như tình như nghĩa suông như thế này. Được rồi, chúng ta sẽ nhớ tên Lý Bạch và cho hắn rớt đi cho rồi, hay đỡ chẳng cần biết tới làm gì!"

Khi vào trường thi, với tài học có thừa nên vừa ra đầu đề chốc lát thì họ Lý đã lên nộp bài trước hơn các thí sinh khác.

Họ Dương vừa thấy tên Lý Bạch thì bảo ngay: "Tài học như thế này chỉ đáng mài mực cho ta mà thôi". Còn Cao Lự Sĩ cũng giả vờ xem qua rồi bảo: "Tài học như thế này chỉ đáng cởi giày cho ta mà thôi", và truyền cho quân lính đuổi ra khỏi khoa trường.

Lý Bạch cả giận, bỏ về nhà Hạ Tri Chương và bảo với anh rằng: "Một ngày nào đó họ Dương phải mài mực và họ Cao phải cởi giày cho em, thì em mới hả dạ để đền đáp lại tâm thịnh tình của anh".

Ít lâu sau đó, có Sứ của Quốc Phiên mang đến triều đình một quốc thư bằng Phiên ngữ, mà cả triều không ai đọc được. Vua Huyền Tôn cả giận, phiên muện, và rất ưu tư và cho bá quan văn võ sáu hôm phải dịch cho ra thư của Phiên Sứ, bằng dịch không được thì cho tất cả về an trí. Tất cả bá quan trong triều đều lo lắng, ai ai cũng sợ mất chức, mất quyền, mất lợi, mất danh. Trong lúc đó, Hàn Lâm Học Sĩ Hạ Tri Chương sau khi ở triều đình về nhà, mặt dầu dầu không biết xoay sở thế nào nên kể tự sự cho người em kết nghĩa họ Lý nghe cái vấn đề nan giải ở triều đình.

Đức Lý nghe qua, cả cười và nói: "Chớ chi tài học chỉ đáng mài mực và cởi giày này có mặt ở tại triều thì có đâu anh và Hoàng Thượng phải phiên muện đến thế!". Nghe được như thế, Hạ Tri Chương cả kinh và cả mừng, hỏi Lý Bạch: "Quả em có đọc được Phiên ngữ chăng?"

Lý Bạch trả lời gọn lỏn: "Có"

Hạ Tri Chương mừng quá, như được cứu tinh. Ngày hôm sau vào chầu vua Huyền Tôn và báo tin mừng ngay lập tức. và tâu vua xin vời Lý Bạch vào triều dịch Phiên thư. Hoàng đế chuẩn ý và sai Sứ đến nhà họ Hạ triệu Lý Bạch. Nhưng Lý Bạch nói với thiên Sứ rằng: "Tôi vốn người xứ xa, tài hèn sức mọn, quê mùa mộc mạc, áo vải quần bô, không danh không vị, không kiến thức không năng lực, dám đâu khinh xuất thọ chiếu, quyết không dám vâng mạng đâu". Thiên Sứ về tâu lại.

Huyền Tôn liền hỏi Hạ Tri Chương vì lý do tại sao. Hạ Tri Chương quì tâu: "Lý Bạch chưa hết buồn vì bị đánh hồng

trong khoa thi rồi và cảm thấy thẹn mặt gặp lại những vị giám khảo ở tại triều, nên không lãnh chiếu. Hoàng Thượng mở lượng ân ban đặc phong thưởng và phủ úy cho người, tự nhiên sẽ lãnh chiếu ra mắt tại triều”.

Huyền Tôn chấp thuận và đặc cách phong Lý Bạch Đệ Nhứt Cấp Tiến Sĩ, ban áo mào và truyền cho Hạ Tri Chương mang chiếu triệu Lý Bạch vào triều hầu lệnh. Lý Bạch vào triều tạ ơn vua và đọc Phiên Thư một loạt, giải nghĩa thông suốt rành mạch từng chữ từng câu làm cho Huyền Tôn rất hài lòng. Huyền Tôn liền truyền Lý Bạch viết thư phúc đáp.

Lý Bạch tuân lệnh, nhưng quì tâu: "Thần chân mang giày, không được thanh khiết, như thế không trọn lễ đối với bửu vật Thánh Thư. Xin Hoàng Thượng cho phép cởi giày, nhiên hậu tuân lệnh. Thần cũng tâu lên Hoàng Thượng, xin Hoàng Thượng cũng tha cho cái tội cuồng vọng: Số là trước kia, tại nơi trường thi, thần bị Dương Thái Sư đánh hông và Cao Thái Úy đuổi về nên tinh thần của thần bị chạm và lòng của thần dao động bất an. Bởi thế cho nên thần ngưỡng vọng Hoàng Thượng hạ truyền cho Dương Thái Sư mài mực và cho Cao Thái Úy cởi giày cho thần, khiến cho khí hùng của thần phấn khởi và tâm của thần được an định, nhiên hậu sẽ cầm bút phúc thư chắc chắn không phạm uy linh của Hoàng Thượng".

Nghe thế, Huyền Tôn cũng không biết tính sao, mà nay lại phải cân đến tài học và kiến thức của Tân Tiến Sĩ nên cũng chịu lòng chấp thuận, hạ truyền cho Dương Thái Sư mài mực và Cao Thái Úy cởi giày cho Lý Tiến Sĩ thừa hành mạng lệnh.

Lý Tiến Sĩ, tay vượt râu, tay múa bút, thảo một hơi không ngừng nghỉ một giây phút nào, và dâng bản phúc thư lên Huyền Tôn. Hoàng Đế nhìn tuồng chữ, so sánh nét bút với Phiên thư thì cả mừng và khen ngợi không hết lời. Vua liền truyền lệnh cho đóng ấn niêm phong và cho đòi Phiên Sứ vào nghe mấy lời huấn dụ, rồi giao phúc thư cho ra về.

Bột Hải Quốc Vương Phiên Quốc nhận được phúc thư, đọc qua hết sức khâm phục lời lẽ, tinh thần trong ấy và lại được Phiên Sứ thuật lại những người tài đức xuất chúng phi thường của Trời cho hạ giới giúp nhà Đường, nên không dám khinh

thường nữa. Từ đó Quốc vương cho mang triều cống lễ vật quý báu tạ tội với Huyền Tôn mà thần phục, và vẫn hồi nên bang giao cổ truyền của hai nước.

Một hôm Lý Tiên Sinh ngồi thuyền chơi trăng, cuộc rượu đang hứng thú thì đâu từ không trung có tiếng nhạc vang rền, và giữa dòng sông có một con cá kinh to tướng nổi lên mặt nước. Và giữa trời hiện ra Tiên đồng cầm phướn đến trước Ngài Lý Bạch bạch rằng: "Phụng chỉ Ngọc Đế, xin rước Tinh Quân về ngôi cũ".

Địa phương báo cáo về triều và Đường Túc Tôn truyền lập đền thờ "Lý Trích Tiên Tử" nơi bờ sông để thờ phượng. Mỗi năm đều có lễ tưởng niệm.

Năm Bính Dần (1926), Đức Thượng Đế Chí Tôn tá danh Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát hạ trần khai lập nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ tại Việt Nam và Đức Lý Thái Bạch Kim Tinh đắc lệnh cầm quyền Nhứt Trấn Oai Nghiêm, đại diện cho Tiên Giáo, kiêm nhiệm Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ cho đến ngày nay.

Ngày mười tám tháng Giêng Đinh Mão (19 tháng 2, 1927) Ngài giảng bút cho bài thơ khoán thủ sau đây:

THÁI hoà Đường thanh Đạo Nam khai
BẠCH tú Thiên đăng đắc cầm hoài
KIM tác liên tâm cơ hậu thế
TINH thần lộ điển chiếu vân đài.²⁰⁴

b) Thường Cư Nam Hải Quan Âm Như Lai (Quan Âm Bồ Tát)

Đức Quan Thế Âm cũng thường được gọi là Quán Tự Tại, Từ Tâm, Bất Sát, đã giảng trần nhiều lần, nhiều kiếp, có rất nhiều danh hiệu khác nhau, và lại còn hiện ra qua nhiều hình tướng khác nhau, để tìm phương cứu độ nhơn sanh. Trong Cao Đài Giáo thì cho Đức Bồ Tát trước kia là công chúa Diệu Thiện,

²⁰⁴ Theo Tài liệu của Toà Thánh Tây Ninh, không tên tác giả (mimeographed).

con của vua Sở Trang Vương. Công chúa là người hiền đức, trinh liệt, tu hành đắc đạo thành Phật Quan Âm Như Lai. Khi còn sanh tiền, công chúa rất thương người mền vật, và sau khi thành chánh quả rồi thì thường cứu vớt chúng sanh. Cũng vì thế mà Đức Chí Tôn chọn để giữ Phật Đạo làm gương cho nữ phái.

Ở một thế hệ khác nữa thì Đức Phật Quan Âm được người Ấn Độ gọi là Avalokiteswara, có nghĩa là một vị Phật thường nghe và quán xét những âm thanh than xiếc khổ hạnh làm than của nhơn sanh bị hoạn nạn tai ương, và vận chuyển thần thông mà cứu độ họ. Bài kinh Cứu Khổ của Đức Quan Âm là bằng chứng.

Người Việt thường kể chuyện Quan Âm Thị Kính, và câu chuyện này được phổ thông rất nhiều. Tường cũng nên ghi lại đây. Dưới đây là của Đạo Tử Diệu Chơn Ngô ở Minh Lý Thánh Hội viết bằng bài thi thượng lục hạ bát như sau:

Ngày xưa tôi mới lên năm
 Mẹ tôi kể chuyện Quan Âm Phật Bà
 Có người thiếu phụ mẫn mà
 Tên là Thị Kính, nét na dịu hiền
 Có chồng, gia đạo ấm êm
 Vợ ngoan dâu thảo đã yên phận mình
 Tam tùng tứ đức vẹn gìn
 Bà con thân thuộc, xóm giềng mền thương
 Một hôm chồng ngủ trên giường
 Nàng ngồi kế cận bên chàng vá may
 Chợt thấy râu mọc không ngay
 Le the cầm dưới một vài sợi thôi
 Kéo con sấn có đây rồi
 Vội vàng cầm lấy hốt thôi râu chàng
 Giựt mình choàng dậy, hoảng hồn
 Không suy cặn kẻ cho tường ửng oan
 Nắm tay vợ, miệng la vang

Trời ơi! Ác phụ rõ ràng hại ta
 Mẹ chồng chạy đến chưởi la
 Mày toan cắt cổ con bà hay sao?
 Chưởi mắng, đánh đập phủ đầu
 Không nghe nàng tỏ trước sau sự tình
 Không nghe giải thích biện minh
 Kêu ca sự thật ngay tình ức oan
 Cả nhà đổ tội tội nàng
 Tay đánh miệng chưởi, phũ phàng thương ôi!
 Có miệng nói chẳng nên lời
 Thôi liều phạt bạc mặc người giết tha
 Đánh mắng rồi đuổi khỏi nhà
 Than ôi! Thân gái biết là về đâu?
 Nỗi lo cha mẹ buồn rầu
 Thôi thì mình phải lo âu phận mình
 Nỗi oan nàng muốn quyên sinh
 Nhưng ơn cú dục sinh thành nặng mang
 Ơn cha nghĩa mẹ chứa chan
 Nữ để tre phải khóc mắng cho đành!
 Quyết lòng nguyện với cao xanh
 Qui y thí phát, âm thanh gọi mình
 Nương cửa Phật, học kệ kinh
 Tu: nhờ cội phúc; thoát tình: dây oan
 Nhưng mình là gái hồng nhan
 E khi gặp nỗi khó khăn tu trì
 Vậy thời đổi lột nữ nhi
 Giả trai để được yên khi tu hành
 Thế rồi, ý quyết tâm thành
 Cải trang ra một trai lành khô ngô
 Đến chùa xin được vào tu
 Qui y Tam Bảo công phu sớm chiều
 Nâu sòng, kinh kệ, giới điều

Pháp danh Thầy đặt kêu là Kính Tâm
Một hôm sáng sớm ngày Rằm
Hái hoa cúng Phật, lễ hằng lâu nay
Thị Mầu bỗng đến nơi đây
Trộm nhìn "Chú Tiểu" lòng ngây ngất lòng
Người đâu xinh đẹp lạ thường!
Vì sao sớm vội tu hành, uổng thay!
Thôi thôi! đó hãy cùng đây
Kết duyên chồng vợ, se dây tơ hồng
Tuổi xuân sao sớm nguội lòng
Tình tôi chan chứa mặn nồng ái ân
Tội chi xa lánh cõi trần?
Đời tươi đẹp, chớ dấn thân cửa chùa!
Kính Tâm chẳng muốn hơn thua
Niệm Phật rảo bước vào chùa dâng hương
Thị Mầu từ đây vấn vương
Lòng yêu "Chú Tiểu" tư tương đêm ngày
Thị Mầu lãng mạn lắm thay
Lén trao trình tiết tố trai trong nhà
Trãi qua ngày tháng dần dà
Đủ ngày đủ tháng nay đã sanh con
Làng bắt tra hạch Phú ông
Hỏi con gái lão, vậy chồng nàng đâu?
Và hỏi sản phụ Thị Mầu
Nàng bèn quì gối, dập đầu xin thưa:
Kính Tâm hiện tăng ở chùa...
Tôi đi lễ Phật, bỏ bùa cho tôi
Là cha đưa trẻ trong nôi
Quan truyền Hoà Thượng đến nơi quan đường
Kính Tâm cũng bị bắt luôn
Khảo tra nát thịt, máu tuôn dầm dề
Vị Tiểu khai: chẳng biết gì

Thị Mầu vu không, tôi thì chịu oan
 Hoà Thượng nước mắt chứa chan
Thương thay đệ tử ung oan chưa tường
 Từ bi xúc động lòng thương
Xin quan làm phúc mở đường nhiều sinh
 Bần tăng là kẻ tu hành
Lời không xảo mị, lượng tình thứ tha
 Cho Bần tăng lãnh đẽ mà
Dạy răn giảng giải chánh tà về sau
 Trách nhiệm tôi chịu phần nào
Xin quan tha thứ ơn sâu ghi lòng
 Làng bèn phạt vạ phú ông
Trâu nợ tiền bạc nộp xong tha về
 Kính Tâm yên lặng chẳng hề
"Oan như Thị Kính", một bề làm thình
 Hoà Thượng cũng khổ tâm mình
Mang lời chịu tiếng, thanh minh ngõ ngang
 Ngài kêu "Chú Tiêu" dạy rằng:
Oan ung chưa biết, có chẳng chưa tường
 Mặc dầu thầy cũng xót thương
Nhưng vì tránh tiếng Phật đường thị phi
 Vậy con tạm ở ngoài kia
Sớm hôm niệm Phật tu trì dung thân
 Lạy thầy đáp nghĩa gia ơn
Rời ra ở tạm mái hiên chái ngoài
 Thị Mầu thật quả ác thay!
Một hôm bông trẻ bỏ rày trước sân
 Rồi cao giọng bảo Kính Tâm
Con thầy, tôi trả khá chăm nuôi dùm
 Nói rồi quày quả lui chum
Bỏ trẻ nằm đó, đứng dung trở về
 Kính Tâm đau khổ nào nề:

Kêu mình nuôi trẻ lấy gì độ no?
Sữa đâu trẻ bú bây giờ?
Vả lại nuôi nó tiếng như quá rồi!
Con thầy nên thầy phải nuôi
Chối cái đâu nữa? Ôi thôi, oan tình
Nhưng kìa tiếng khóc sơ sinh
Như cắt, như xé, như phanh can trường
Ôi tình thương! Ôi, lòng thương!
Thà rằng cam chịu trăm đường khổ thân
Lòng nào để trẻ chết dần
Lạnh lùng, đói khát, bất nhân sao đành!
Nghĩ rồi, miệng niệm hồng danh
Thích Ca Phật chứng lòng thành Kính Tâm
Nàng bồng con trẻ vô trong
Dễ dàng, sẵn sóc mà không ngại ngừng
Khát sữa, trẻ khóc chẳng ngừng
Nàng bồng con trẻ ra đường van xin
Gọi người bố thí chút tình
Cho con bú thép, phước lành Trời ban
Người qua kẻ lại trên đàng
Dừng chân xỉ vả “Tu gian! tu tà!”
Sao không cỡi chiếc áo già
Trả lại cho Phật mà ra khỏi chùa
Nhục nhả như vậy chưa vừa?
Quả tang ra đó, còn lừa được ai?
Không dung mà lãnh con người
Nếu chẳng máu mủ thì nuôi làm gì?
Nhiều kẻ mai mỉa xâm xì
Đến đâu cũng bị đuổi đi phủ phàng
Con nít chạy theo có đàn
Mắng nhiếc chọc ghẹo sẵn sàng nhiều câu
Có người thấy trẻ khóc lâu

Khóc khàn cả cổ, sữa đầu đỡ lòng
 Nghĩ thương thiếu phụ đến bông
 Vạch vú cho bú no lòng cũng may
 Nước cháo cho uống qua ngày
 Lần hồi chịu đựng đắng cay muôn phần
 Nhai cơm sữa cháo cầm chừng
 Nhịn ăn, nhịn uống để phần cho con
 Dần dần trẻ đã trọng hơn
 Kính Tâm xán bệnh một hôm nằm vùi
 Chú trẻ buồn rầu không vui
 Xắn bản bèn gọi cha nuôi không rồi
 Thấy cha không nước không nôi
 Không cơm không thuốc cậu ngồi thở than
 Cậu đi khát thực trong làng
 Dem về đỡ ngật cha chàng lúc đau
 Nhưng cha thọ thực được đâu
 Bệnh thêm trầm trọng khó hầu vượt qua
 Nay con nay bệnh của cha
 Chắc là khó sống để mà nuôi con
 Vậy con khá lấy bút nghiên
 Viết cho sư cụ dâng lên ngài tường
 Di ngôn vừa thảo đủ trưng
 Kính Tâm tịch diệt như đương giấc nồng
 Hào quang sáng rực trên không
 Mùi thơm bát ngát như xông hương trầm
 Thương thầy chú bé đạo đồng
 Vội vàng lên bạch Sư Ông hay liền
 Vừa khóc vừa chạy như điên:
 Cha ôi! Cha chết, con nguyện theo cha!
 Sư Ông nước mắt chan hoà
 Đọc lời di chúc đề qua chuyện mình
 Sư phụ! Con xin trần tình

Cùng là cha mẹ nơi mình chịu oan
Vì cọng râu phải vỡ tan
Tình chồng nghĩa vợ đôi đàng rẽ phân!
Quyên sinh thì lỗi hiếu thân
Giả trai thí phát dưới chân Phật Đài
Nghiệp oan chưa dứt buông tha
Cho nên con chịu oan gia Thị Mầu
Xin cha mẹ chớ thăm sầu
Và tha cho trẻ on sâu chưa đền
Nguyện cầu cha mẹ bình yên
Thọ lâu trăm tuổi, thác lên Thiên Đàng
Con thơ sanh dưỡng đạo đồng
Con ngoan ở với Sư Ông tu trì
Các ni khâm liệm mới hay
Kính Tâm là gái giả trai rõ ràng
Thế mà vu khống cho nàng
Nàng cam im lặng chịu oan nhục nhằn
Cả chùa cảm động vô ngần
Nhân dân làng xóm khó ngăn lệ tràn
Kéo nhau đến lễ cả ngàn
Chư Tôn Hoà Thượng lập đàn cầu kinh
Kính Tâm đắc đạo chơn linh
Quan Âm Bồ Tát tầm thỉnh độ đời.

Đến năm 1926, Đức Quan Thế Âm được đắc lệnh của Đức Cao Đài lãnh trách nhiệm Nhị Trấn Oai Nghiêm của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, đại diện cho Phật Giáo.

c) Quan Thánh Đế Quân

Theo Toà Thánh Tây Ninh thì Quan Thánh Đế Quân họ Quan tên Võ, tự là Vân Trường, tục danh là Quan Công. Ngài sanh nhằm triều vua Hoài Đế, đời Đông Hán. Quê quán của Ngài là Bộ Dòng Châu thuộc tỉnh Sơn Đông.

Lúc nhỏ Ngài rất ham học, thích đọc kinh Xuân Thu. Lúc ấy nhà Hón suy vi, hoạn quan kết bè lũ chuyên quyền bên trong. Bên ngoài thì đảng Huỳnh Côn dấy loạn. Ngài vẫn võ song toàn, luôn luôn đi châu du để tìm hào kiệt hầu mưu việc lớn.

Ngày kia, Ngài gặp một người tướng mạo đường đường xưng là Lưu Bị tự Huyền Đức, kim chi ngọc diệp của nhà Hón, và một vị nữa tướng mạo hùng cường, tự xưng là Trương Phi, tự là Dục Đức. Ba vị mới hiệp nhau bàn về thời cuộc, được tâm đầu ý hợp, bèn cùng nhau vào vườn đào của họ Trương, giết trâu tế Trời Đất rồi cùng nhau thề đồng sống thác đào viên kết nghĩa. Từ đó, ba anh em mới khởi sự mộ quân chờ ngày khởi nghĩa.

Trương Phi là bậc giàu có hơn hết trong ba anh em, chịu xuất tiền mua ngựa và rèn khí giới.

Lúc ấy, Huỳnh Côn thanh thế rất mạnh, lấn uy thế triều đình, nên ba anh em đứng ra dẹp loạn cứu dân. Giác Huỳnh Côn do Trương Giác làm đầu có yêu thuật, nhưng bị ba anh em đánh tan vỡ. Nhờ công ấy nên được vua Hiến Đế triệu vào yết kiến và để lời khuyến dụ. Vua nhìn Huyền Đức là chú họ nên từ đó được gọi là Lưu Hoàng Thúc và được phong làm Tả Tướng Quân.

Một bữa nọ vua ngự giá đi săn ở Hứa Điền, có Tào Tháo và ba anh em và tướng sĩ theo phò giá. Thấy có một con thỏ chạy ngang qua. Nhà vua trưng cung bắn tên vàng ba phát, con thỏ bị trúng tên chết ngay tại chỗ. Tướng sĩ bèn quì bên vệ đường mà chúc tụng. Lúc ấy Tào Tháo bèn lướt ngựa tới để nhận sự chúc tụng ấy. Ngài Văn Trường thấy thế, nộ khí xung thiên, hoành thanh long đao định giết Tào Tháo. Hoàng Thúc nháy mắt ra dấu không cho, vì sợ hư việc lớn. Ngài Văn Trường muốn giết Tào Tháo để trừ cái họa Tào Tháo có ý muốn tiếm vị vua sau này.

Lúc thất thủ Hạ Bì thì ba anh em chạy lạc nhau. Ngài Quan Văn Trường phò nhị tẩu chạy đến Thệ Sơn, nhưng Tào Tháo biết được liền cho Trương Liêu ra khuyến dụ đầu hàng. Thế cùng lực tận, Ngài Quan Văn Trường liền tương kế tựu kế

và đưa ra ba điều kiện: hàng Hớn bắt hàng Tào; chớ cho người lân la phá nhĩ tẩu; khi được biết hoàng huynh ở đâu thì được tự do đi tìm anh.

Tào Tháo giục hưỡn cầu mưu, buộc lòng nhận ba điều kiện ấy. Quan Vân Trường đầu hàng. Về đến dinh, Tào Tháo liền hạ lệnh truyền Ngài cùng ở chung với nhĩ tẩu, cốt ý là làm cho loạn đạo quân thần, mất tình nghĩa đệ huynh. Quan Vân Trường biết ác ý của Tào Tháo nên ngồi ngoài phòng của nhĩ tẩu canh chừng, đốt đuốc đọc sách lớn tiếng cho ai ai cũng đều nghe, hầu cho nhĩ tẩu an nghỉ. Cùng một lúc, Ngài cũng dùng Thanh Long Đao chém một góc tường cho trống ra để cho ai ai đều thấy rõ ràng sự việc và cách hành sự quang minh chính đại của Ngài.

Nhưng Tào Tháo vì quá ngưỡng mộ và kính trọng cái tài đức của Quan Vân Trường nên vẫn tiếp tục dụ Ngài cho bằng được. Tào Tháo làm ra mặt đối đãi với Ngài rất trọng vọng: ba ngày một tiểu yến, bảy ngày một đại yến. Lên ngựa thì thưởng vàng, xuống ngựa thì thưởng bạc. Thấy râu Ngài dài liền truyền lệnh may bọc để bọc râu của Ngài. Để đáp lại việc hậu đãi đó, Quan Vân Trường ra trận giết hai tướng của giặc cho Tào Tháo là tướng Nhan Lương và Văn Xú của Viên Thiệu. Thấy thế Tào Tháo cũng phải khâm phục Ngài hơn nữa và tỏ ra hết sức chu đáo trong việc đối xử với Ngài.

Khi được tin Hoàng Thúc đang ở Hà Bắc với Viên Thiệu thì Ngài từ giả Tào Tháo ba lần, nhưng Tào Tháo cố ý tránh mặt mỗi lần, cốt ý là lưu Ngài ở lại. Nhưng sau lần thứ ba, Ngài liền gói ấn Hớn Thọ Đinh Hầu cùng vàng bạc châu báu của Tào Tháo ban cho bấy lâu nay, niêm lại kỹ càng giao cho người trả lại cho Tào Tháo. Thấy khó thể cầm Ngài lại được, Tào Tháo liền hạ lệnh đem dâng cho Ngài một cái cẩm bào và vàng bạc lụa là rất nhiều. Ngài tất tất đều trả lại hết, chỉ nhận cái áo cẩm bào mà thôi, nhưng cũng không xuống ngựa để nhận, chỉ ngồi trên lưng ngựa lấy Long Đao vớt áo cẩm bào rồi nghiêng mình tạ ơn từ giả Tào Tháo và đi luôn không ngoảnh lại.

Sau đó một thời gian khá lâu, nhà Thục và nhà Ngô liên kết với nhau để chống Ngụy. Tào Tháo bị mắc liên hưỡn kế mà

thua trận Xích Bích, kéo tàn binh chạy về Hứa Xương. Quan Vân Trường được lệnh đem binh phục tại Huê Dung Đạo mà Quân Sư Gia Cát Lượng đoán biết trước rằng Tào Tháo sẽ chạy qua. Đúng thế, Tào Tháo dẫn tàn binh chạy đến Huê Dung Đạo, người hết lương, ngựa hết cỏ, binh sĩ hết sức.

Tào Tháo gặp thấy Quan Vân Trường, hồn phi phách tán, hạ mình kể lễ sự hầu đãi trước kia và xin tha dung cho. Quan Vân Trường, con người nghĩa khí, thấy tình cảnh ấy cảm lòng chẳng đành bèn tha Tào Tháo để rồi về chịu tội với Khổng Minh Gia Cát Lượng. Quân Sư chiếu theo quân lệnh truyền đem ra chém đầu. Các tướng can gián đến đâu cũng không được. Trương Phi thấy thế khóc lóc, rồi đến Huyền Đức cũng phải can thiệp hết lời nên Quan Vân Trường mới khỏi tội chết. Các tướng sĩ và triều thần từ đó thấy thấy đều không một ai dám vi lệnh.

Sau lại được lệnh ra trấn thủ Kinh Châu. Lỗ Túc là Đô Đốc Giang Đông mời Ngải đến dự yến. Ngải nhận lời đi thuyền sang dự hội (Đón đao phó hội), với một số ít tùy tùng. Hết tiệc, Lỗ Túc nhắc việc Lưu Hoàng Thúc mượn Kinh Châu, và nay ngỏ lời đòi lại. Quan Vân Trường chưa kịp trả lời thì Châu Xương (cũng gọi là Châu Thương) lên tiếng rằng: Đất trong thiên hạ, ai có tài đức thì nấy được, hà tất một mình Ngô Chúa hay sao. Quan Vân Trường nghe thế, biến sắc trừng mắt đứng dậy, lấy cây Thanh Dao Châu Xương đang cầm, giả giận nạt lớn: Ấy là việc quốc gia đại sự, sao ngươi dám nhiều lời, hãy đi phứt đi. Châu Xương hiểu ý, liền xuống dưới mé sông phất cờ đỏ ra lệnh. Quan Bình thấy có hiệu liền cho chèo thuyền qua rước. Cùng lúc, Quan Vân Trường tay mặt cầm Long Đao tay trái nắm tay Lỗ Túc mà nói rằng: Nay Đô Đốc thỉnh tôi qua đây để dự tiệc, xin đừng nói đến việc Kinh Châu. Tôi đã say, e sinh ra thất lễ. Vậy xin mời Đô Đốc qua Kinh Châu, chúng ta sẽ thương nghị.

Lỗ Túc bị kéo tới mé sông, hồn bất phụ thể. Những kẻ tùy tùng của Lỗ Túc như Lữ Mông và Cam Minh muốn ra lệnh ám hại Quan Vân Trường, nhưng sợ Lỗ Túc bị hại nên đành phải chịu để cho Quan Vân Trường kéo Lỗ Túc đến tận mé

sông. Đến nơi, Quan Vân Trường liền buông Lỗ Túc ra rồi thi lễ cáo từ, lên thuyền rời bến.

Khi làm Đô Đốc Kinh Châu và Tương Châu, Quan Thánh lúc phá Phàn Thành, dùng kế đập đập ngăn nước sông làm cho bầy đạo binh Cu Cam bên Tào Tháo đều bị chết chìm không biết bao nhiêu mà kể, còn hai tướng Du Cam thì bị bắt giam và Bằng Đức thì bị chém đầu vì không chịu đầu hàng. Binh tướng Tào Tháo từ đây khi nghe đến tên Ngài thì kinh tâm tán đờm.

Khi trấn Kinh Châu, có lần Tôn Quyền muốn lấy Kinh Châu nên sai Lục Tồn thay thế Lữ Mông ra đối phó với Quan Thánh. Lục Tồn dùng mưu: khi gặp Quan Thánh thì hết sức nhỏ nhẹ khiêm tốn. Quan Thánh cho Lục Tồn là bạch diện thư sinh mà khinh địch nên thất thủ Kinh Châu. Ngài bỏ Kinh Châu chạy qua Mạch Thành. Ngô Quyền cho Gia Cát Cẩn dụ hàng. Ngài không khứng. Sau này Ngài bị lâm vào quĩ kế của Lữ Mông phục binh tại Lâm Thợ. Quan Thánh bị phục kích, người ngựa sa xuống hầm mà bị bắt. Cả Ngài với Quan Bình kháng khái không chịu đầu hàng, nên đều bị hại, nhằm ngày 18 tháng 10 năm Kiến An thứ 24, thọ đặng năm mươi tám tuổi.

Quan Bình, người con nuôi, cùng với Châu Xương, cùng tử tiết theo Quan Thánh. Còn con ngựa Xích Thố bị Ngô Chúa bắt đi, nhưng cũng nhịn ăn mà chết theo.

Sau này tam vị: Quan Công, Quan Bình, và Châu Xương hiển Thánh tại chùa Ngọc Tuyền Sơn, nhờ vị Hoà Thượng Phổ Tịnh thuyết pháp về các việc oan trái nên tỉnh ngộ mà qui y theo Phật Pháp. Sau Quan Công được chứng quả Già Lam Bồ Tát, rồi quả Tây Thiên Cổ Phật, và Quan Thánh Đế Quân.

Quan Thánh lúc sanh tiền có được ba người con: hai trai là Quan Hưng và Quan Sách, và một gái.

Đức Quan Thánh có cho bài thi sau đây:

*Linh hiển bốn mùa độ chúng dân
Tà ma khiếp vía ẩn tàng thân
Muôn trùng lộ thượng đài thăm thăm*

*Dạy dỗ dân Trời biết nghĩa nhân
 Mười ái Diêm Phù xem thiện ác
 Một thiên Minh Thánh gọi nhuần ân
 Chín trùng bố đức an lê thứ
 Bốn biển thi nhơn viễn cận thân.*

Giải thích bài thi trên:

*Bốn mùa linh hiển là chữ THẦN
 Tà ma khiếp vía là chữ OAI
 Muôn trùng thượng lộ là chữ VIỄN
 Dạy dỗ dân Trời là chữ TRẦN
 Mười ái Diêm Phù là chữ QUAN
 Một thiên Minh Thánh là chữ THÁNH
 Chín trùng bố đức là chữ ĐẾ
 Bốn biển thi nhơn là chữ QUÂN*

(THẦN OAI VIỄN TRẦN QUAN THÁNH ĐẾ QUÂN)²⁰⁵

Ngày mùng 2 tháng 11 Tân Vi (1931), Ngài có giảng cơ và có giảng như sau:

Phàm làm người sanh tại thế gian gồm đủ Ngũ Luân, Tam Cang, Ngũ Thường, sanh tại thế cũng là làm đặng bực hiền lương, còn tu thì thành chánh quả.

Ngũ Luân là: Quân Thần, Phụ Tử, Phu Thê, Huynh Đệ, Bềnh Hữu.

Ngũ Thường là: Tại minh minh đức; tại tân dân; chí u chí thiện.

Làm tôi ngay vua, làm con thảo cha, phu phụ, huynh đệ thuận, bềnh hữu tín, mới gọi là hiền lương quân tử.

Ta sanh nhằm đời chinh chiến, chẳng đặng thái bình các trấn xưng hùng. Huỳnh Côn khởi nghĩa, trào đình thất chánh, Đổng Trác lộng quyền, làm cho thiên hạ

²⁰⁵ Theo Tài liệu của Toà Thánh Tây Ninh, không tên tác giả (mimeographed).

đảo điện, trung ít, nịnh nhiều, quân nhược, thần cường, bại hoại phong cương; nhưng Ta cũng nắm giữ hai chữ Nghĩa Phương làm gốc, từ Đào Viên kết nghĩa, huynh đệ đồng tâm cộng phò Hớn Thất. Ta chinh Đông phật Bắc, chỉ nguyện tạo bình thiên hạ, trừ nịnh an bang, không ngờ công việc lỡ làng, tam phân đánh túc, cũng nơi thiên định, rất đỗi là Gia Cát Khổng Minh hữu vương tá chi tài, năng tri quá khứ vị lai, đề binh khiến tướng, phật Ngụy hưng Lưu, chưa tới lúc xuất kỳ sơn mà người đã qui vị, ấy cũng bởi khí số Hớn trào dĩ tuyệt.

Ta từ bé chí trưởng, hằng giữ tam cương ngũ thường chẳng sót. Từ ngày ra phò Lưu phật Ngụy, ghè phen cay đắng, nhiều lúc vinh vang như là:

Khi Hạ Bì: Tào A Nan vô cùng trọng đãi, lúc Đông Ngô mắc kế, Ngô Hầu hết lòng giao nghĩa kết thân mà Ta chẳng chịu uỷ tử tham sanh, ham điều vinh hiển mà lỗi đạo quân thần, thất lời thề ước, cho nên Ta khi qui vị Thiên Đình ban ơn khỏi luân hồi tại thế.

Ta khuyên thiện nam tín nữ khá lo tu bồi đạo đức, sửa mình cho tròn ngũ lý, cuộc thế chó mè, ngũ uẩn đều không, thời tu ắt thành chánh quả.

Thi rằng:

*Làm trai giữ vẹn đạo năm hằng
Chánh kỹ dạy người mới rõ căn
Ngũ uẩn giai không gần Phật Thánh
Huyền cơ tỏ rạng tợ vàng trắng.²⁰⁶*

Người đời phục Ngài không phải vì Ngài là một danh tướng, mà chính vì phong cách quân tử với đầy đủ các đức tính nhân, nghĩa, trí, dũng của Ngài. Và cũng vì những đức tính này mà Ngài là Tam Trấn Oai Nghiêm của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ từ năm 1926.

²⁰⁶ *Kinh Tam Nguơn Giác Thế*, Cao Đài Đại Đạo Chiếu Minh, 1953, trang 36 - 37.

16) Hình Tam Thánh: trong bức họa treo ở Tịnh Tâm Điện, người quan văn Việt Nam là Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm (Thanh Sơn Đạo Sĩ), người đội mũ, nâng nghiên mực là Tôn Dật Tiên cũng được gọi là Tôn Văn (Trung sơn Chơn Nhơn), người Pháp trong Hàn Lâm Viện Pháp là Victor Hugo (Nguyệt Tâm Chơn Nhơn).

Có nơi giải thích rằng trước khi khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ tại thế gian, nhơn sanh làm lắm tội tình, nên Thiên Điều đem ra trị tội. Nhơn sanh kêu nài mãi, không chịu thọ hình, bảo rằng: "Các tôn giáo ngáy trước Chí Tôn đã bế, còn Phật giả vô ngôn, không có lời dạy bảo gì cho nhơn sanh cả, mà Chí Tôn cũng không khai một mối Đạo nào, thì nhơn sanh không thể nào biết tựa vào đâu mà làm lành lánh dữ đúng như Thiên Điều, để khỏi phải phạm tội.

Trước sự bế tắc đó, tam vị Thanh Sơn Đạo Sĩ, Nguyệt Tâm Chơn Nhơn, và Trung Sơn Chơn Nhơn mới đứng ra giữa Đức Chí Tôn và nhơn sanh làm trung gian ký một tờ hoà ước gọi là Đệ Tam Thiên Nhơn Hoà Ước, mà theo đó thì Trời sẽ ân xá nhơn sanh một lần chót là lần thứ ba vậy, và ngược lại nhơn sanh cũng phải thờ kính vâng lệnh Trời.

Đến năm 1926, Đức Chí Tôn khai lập Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ tại thế, và phong cho ba vị làm Thiên Sứ, đốc lĩnh hướng dẫn dắt nhơn sanh từ Á sang Âu phải làm điều thiện tránh điều ác, trên căn bản Nho Tông hầu thực hiện bác ái, công bình khắp thế gian. Vì thế cho nên Tôn Trung Sơn Chơn Nhơn cầm nghiên mực, tiêu biểu cho việc Chí Tôn dùng Nho Tông để chuyển thế trong kỳ ba này, nghĩa là lập lại một đời mới lấy Nho Giáo làm căn bản. Hơn nữa, nghiên mực cũng tượng trưng cho sự thoả hiệp của cả thế giới từ Đông sang Tây.

Cũng có nơi khác nói rằng theo Cao Đài Giáo thì quả địa cầu 68 mà chúng ta đang sống đây đã trải qua kiếp thứ nhì của nó. Nguyệt Cầu mới thiết là di hài của quả địa cầu trong lần chuyển kiếp thứ nhứt. Nơi Nguyệt Cầu các sinh vật đều bị tiêu diệt, nhưng đó cũng là nơi mà chư Đấng Thiêng Liêng tạm nghỉ trước khi đầu thai xuống quả địa cầu.

Theo thần thoại thì xưa kia Nguyệt Cầu được gọi là Cung Quảng Hàn hà Bạch Vân Động, được một giáo chủ và hai đệ tử chưởng quản. Vị giáo chủ đó là Bạch Vân Hoà Thượng, mà khi giáng trần xuống Địa Cầu này lấy tên là Nguyễn Bình Khiêm. Còn một đệ tử thì đầu thai nơi Pháp quốc và lấy tên trong kiếp trần này là Victor Hugo. Còn người đệ tử thứ hai thì đầu thai xuống nước Trung Hoa và lấy tên ở kiếp trần là Tôn Dật Tiên.

Khi Tam Vị còn ở trên Cung Quảng Hàn, vì thấy nhơn sanh đi lầm đường lạc lối phạm nhiều tội lỗi, nên đến trước Đức Chí Tôn và chư Đấng Thiêng Liêng xin tình nguyện phổ độ nhơn sanh lần cuối cùng. Tam Vị cùng ký một hoà ước làm trung gian giữa Trời và Người, gọi là Đệ Tam Thiên Nhơn Hoà Ước v.v..²⁰⁷

17) Bát Bửu

Hai bên bầy ngai sơn son thếp vàng chạm long, lân, qui, phụng có hai hàng Bát Bửu. Bát Bửu là tám món quý báu:

- a. Cuốn thư và thanh kiếm
2. Đàn nguyệt và hai ống sáo
- c. Bàu rượu
- d. Túi thơ
- e. Lẵng hoa
- f. Quấn bút và hoa mai
- g. Kim khánh
- h. Quạt và hoa sen.

²⁰⁷ Thiên Giang, *Lược Thuật Toà Thánh Tây Ninh*, trang 30.

Cũng nên xem: (1) *Đức Hộ Pháp*, Tài Liệu, Cơ Quan Phát Thanh Phổ Thông Giáo Lý, Toà Thánh Tây Ninh, số 19, năm 1970.

(2) *Giải Thích Nội Tâm Ngoại Tâm*, Toà Thánh Tây Ninh (mimeographed).

Phần Sáu

GIAI ĐOẠN LẬP PHÁI

Tiết I: Các Chi Phái trong Đạo

Trước khi vào đề, tôi xin phép được kể một chuyện có thật đã xảy ra gần đây ở trên đất Mỹ.

Một hôm nọ, một cậu em gặp một bà người Việt ở trong một tiệm thương mại. Cậu em tính tình vui vẻ, bà này thì hay thương mến các cháu. Cậu em vừa mỉm cười vừa hỏi bà:

- Thưa bà, bà có biết tại sao người mình đi đâu cũng chia rẽ, làm cái gì cũng chia rẽ, ở đâu cũng chia rẽ không?

Bà có vẻ thích thú về câu hỏi của cậu nọ, cũng mỉm cười và hoà giọng nói:

- Cháu nói thế, chứ đâu có tệ dữ vậy.

Cậu nọ thấy được dịp liền bắt ngay cơ hội nói luôn:

- Bà coi kìa, người Mỹ, người Tây, người Tàu, cho đến người Miên, người Lào cũng không có dữ vậy. Chớ nói gì đến người Nhật, người Do Thái thì thôi khỏi nói rồi. Bà có đồng ý với cháu không?

Cậu không cần đợi bà kia trả lời, liền tiếp theo:

- Bà cứ ngó chung quanh mình ở Mỹ này, từ mười mấy năm qua. Bà coi có phải đúng như vậy không? Mà tại sao vậy hở bà? Nhiều khi cháu ngượng quá, nên cháu không dám nói mình là người Việt nữa. Tại sao bà hở? Đố bà biết được?

Bà gật đầu nhẹ nhẹ nói:

- Ồ, cháu nói cũng có phần đúng đó. Vỡ thì tại sao? Cháu nói cho bà nghe đi.

Cậu em cười ha hả, khoái chí nói hơi lớn tiếng:

- Bà thua cháu rồi. Dễ lắm, không có chi khó hết, tại bà không để ý đó thôi...

- Thì cháu nói cho bà nghe nào, lại còn dài dòng văn tự nữa!

Bà muốn coi cậu em này lý sự ra sao, vì thường thường khi cậu đến tiệm là cũng kiếm chuyện này chuyện nọ để nói cho vui. Cậu hay lý sự lắm, nhiều khi ngang như cua.

Cậu đưa tay ra dường như cắt nghĩa cho bà:

- Thưa bà, chia rẽ là ở trong xương trong tuỷ của mình. Ông bà cha mẹ tổ tiên của mình để lại cho mình đó. Đây là cái phong tục ngàn đời của mình, phong tục chánh cống, thuần tuý Việt Nam, một trăm phần trăm, thưa bà...

Bà thấy cậu ba hoa quá nên cắt lời:

- Cháu cứ đặt chuyện hoài. Có đâu thế. Phong tục gì kỳ cục vậy, mà ở đâu chớ? Cháu thấy ở đâu?

- Thưa bà, bà có nhớ chuyện ở Động Đình Hồ, Lạc Long Quân lấy bà Âu Cơ đẻ ra một trăm trứng, sanh ra năm mươi trai và năm mươi gái...

Bà liền cắt lời cậu ngay và nói:

- Thôi, tôi biết cậu muốn nói gì rồi. Cậu muốn nói năm mươi lên núi, năm mươi xuống biển chớ gì phải không?

Cậu cười ngoặt ngoẹo:

- Đúng rồi. Bà hay quá, Bà nghĩ coi phải không? Minh khởi sự bằng chia rẽ rồi mà, và cứ thế mà tiếp tục cho đến ngày nay. Qua bên Mỹ cũng vẫn như thế thôi. Cháu không biết ở Pháp ra sao, nhưng cháu có thể đoán chắc rằng người mình ở Pháp hay ở bất cứ một nơi nào cũng chia rẽ, chia rẽ và chia rẽ.

Bà cụ không nói gì nhưng trầm ngâm đăm chiêu gật đầu. Mặt bà hơi dầu dầu, một vẻ buồn tủi hồ thắm thía.

Câu chuyện nói đùa để cười chơi, nhưng găm lại trong ấy có cái chi mà mình không thể nào chối cãi được: Trong mỗi câu chuyện nói đùa đều có một phần sự thật. Mà sự thật khi nào cũng phũ phàng. Biết đâu bà ấy lại không có cái kinh nghiệm phũ phàng đó của con Rồng cháu Tiên?

Sự thật là tánh chia rẽ ở đâu cũng có. Nhưng đối với những dân tộc mới vừa ra khỏi ách đô hộ thì vấn đề chia rẽ được hiển hiện một cách rõ ràng và lan tràn hơn. Nước nào may mắn được một vị lãnh đạo cương quyết, có ảnh hưởng sâu rộng thì việc chia rẽ trong xã hội ấy thường được khắc phục. Nhưng khi vị lãnh đạo ấy vì một lẽ nào không còn nữa, thì việc chia rẽ lập nhóm lại nổi lên, mà hình thức thường là những đảng chính trị. Ít có nước nào độc lập sau Đế Nhị Thế Chiến mà được có may mắn có lưỡng đảng.

Chắc có lẽ đó là tình trạng tâm lý chung những người uất ức vì bị đàn áp quá lâu nay được dịp nên bùng nổ một cách vô trật tự, vô tổ chức, vô lý trí, như con chim bị nhốt trong lồng quá lâu, nay được sổ lồng thì cứ thế mà bay chứ không cần phải tính toán mục đích hay phương hướng bay về đâu. Có lẽ sau một thời gian khi đã nư hả dạ rồi thì mới chịu ngừng lại mà lấy lại bình tĩnh để suy nghĩ và định hướng.

Tâm trạng này chắc hẳn là tâm trạng của chư Tiên Khai Tiên Bối trong lúc sơ khai của nền Đạo. Như đã nói trước kia, chư vị là những nhà ái quốc chân thành đang vùng vẫy từ lâu để tìm lối thoát ra khỏi ách đô hộ, nay gặp được Đạo Cao Đài, nơi duy nhất mà tâm tư thâm kín của chư Ngài được thông cảm, chia sẻ và yểm trợ, dù mỗi vị mỗi ý niệm, mỗi vị mỗi hoài bão, Chỉ có nơi Cao Đài Giáo là quý vị trông thấy được cái ánh sáng duy nhất cho một tương lai độc lập tự do, vinh quang rực rỡ cho dân tộc đất nước. Chư vị cũng thấy lòng mình nao nức vì chỉ có Cao Đài là nơi mà chư vị có thể xuất thân "làm một việc chi cho vĩ đại", như một Tiên Bối²⁰⁸ đã thố lộ. Cao Đài Giáo là nơi dung võ chung cho tất cả người trí thức có lương tâm, cho tất cả người thương dân thương nước, cho tất cả người chống thực dân đô hộ, cho tất cả những ai có lòng muốn hành tròn Nhơn Đạo ở miền Nam xứ Việt. Cao Đài Giáo lại hoạt động công khai, nhưng vô cùng tế nhị, nhằm vào đường trường của sự việc mà chư vị tin tưởng mãnh liệt có sự hộ trì của Ôn Trên.

²⁰⁸ Tiên Bối là Giáo Sư Trần Văn Quế, Thánh danh Huệ Lương.

Những tâm lòng nhiệt thành này, theo lẽ phải cần được một lực lượng tinh thần phi thường nào đó tập trung lại, kết hợp lại, để tạo một cái thế cho Đạo có thể tiến tới mục phiêu chung. Nhưng vô phúc thay, cái lực lượng tinh thần ấy lại không hiện diện được, nên những tâm lòng nhiệt thành đó cũng bị tản mát đi để trở thành những nhóm nhỏ nhỏ riêng biệt nhau. Mà những cái gì hẹp hòi của cá nhân đương nhiên nổi bật lên để lấp đầy cái cao thượng lớn lao của việc chung. Vì thế mà Cơ Đạo bị mất sức và bị chinh nghiêng trong biển phàm tâm của con người dục vọng.

Phàm tâm lan tràn đưa đến phóng túng. Mà phóng túng thì bất chấp luật lệ, kỷ cương, giềng mối, tôn ti, trật tự, tổ chức trung ương. Nay chỉ còn chờ được một cơ hội thuận lợi thì phàm tâm dấy loạn lên mà đưa đến đảo điên điên đảo. Trường hợp này đã đến với việc thành lập một vài chi phái đầu tiên, mở màn cho các việc chinh nghiêng trong Cơ Đạo mà chúng ta đã thấy trong sáu mươi năm qua.

Tất cả cũng bởi phàm tâm quá nặng, cái "ta" quá to, và không vâng lời Thầy dạy biểu. Nhưng cái khổ lại là của tất cả nhơn sanh gánh chịu. Một bài học đích đáng cho tất cả toàn Đạo: đừng khi nào tách rời, đừng khi nào chia chi lập phái, đừng khi nào chia rẽ trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, đặc biệt là Cơ Đạo được Thượng Đế chuởng quản. Các việc chi sai lạc, nếu có, đều có Ngài phán đoán, sửa chữa chỉnh đốn theo một thời biểu mà tự Ngài định đoạt để cho đúng với Thiên Cơ, hầu tất cả chúng sanh đều được hưởng hồng ân đó.

Cũng đừng nổi loạn rồi tựa vào câu "Thuận nhơn tâm, ất thuận Trời". Vì "nhơn tâm" thì phải "nhơn tâm" nào chớ không phải nhơn tâm của kẻ làm loạn, của kẻ chia rẽ, của kẻ bội tín, của kẻ vô nhân vô nghĩa, vô đạo, vô thần, của kẻ không tuân luật Đạo, của kẻ không hành theo Ngũ Giới Cấm Tứ Đại Điều Qui, của kẻ đầu môi chót lưỡi ,, Người thế nào, và tâm thế nào, mới được chứ?

Theo đây là một số chi phái ghi theo thứ tự mẫu ABC: Bạch Y Liên Đoàn Chơn Lý, Cao Thượng Bửu Toà, Cầu Kho Chiếu Minh Tam Thanh (Cao Đài Đại Đạo Chiếu Minh), Ban Chính Đạo, Liên Giao Chi Phái, Minh Chơn Đạo, Minh Chơn

Lý, Toà Thánh Nhị Giang, Nữ Chung Hoà, Cơ Quan Qui Thống Tam Kỳ Nguyên Nguyên Bản Bản, Hội Thánh Tam Quan, Tây Tôn Vô Cực, Toà Thánh Thiên Khai Huỳnh Đạo, Thông Thiên Đài, Tiên Thiên, Toà Thánh Tiền Giang, Nhóm Tịnh Luyện, Toà Thánh Tây Ninh, Trung Hoà Học Phái, Cơ Quan Truyền Giáo Trung Việt, Nhóm Tuyệt Cốc, v.v... Thêm vào đó còn có một tổ chức cuối cùng được Đức Chí Tôn sắc lệnh lập lên: Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam.

Trong những chi phái vừa kể trên, có một số mười hai chi phái mà trong Đạo thường coi như được Ôn Trên lưu ý hơn, lấy số 12 là số đặc biệt dành cho Đức Chí Tôn. Nhưng về mười hai chi phái đó, trong Đạo cũng như tất cả sử gia, đều không đồng quan điểm.

Theo kinh nghiệm hành đạo của cá nhân người viết mấy hàng này thì tất cả các chi phái, nơi nào có con cái của Thầy thì Thầy cũng ban đồng tình thương mà độ rỗi. Thầy nhận việc chia chi rẽ phái như một việc đã rồi, và Thầy chỉ còn trọng tâm vào việc phổ độ Nhơn sanh mà thôi. Còn cái nghiệp của đục vong phạm tâm làm ra thì cái quả phải trả vậy.

Có lẽ đây là mười hai chi mà hoạt động hành đạo nổi nhất.

1. Chiếu Minh Tam Thanh
2. Cầu Kho
3. Minh Chơn Lý
4. Ban Chinh Đạo
5. Tiên Thiên
6. Minh Chơn Đạo
7. Tam Kỳ Nguyên Nguyên Bản Bản
8. Tây Tôn Vô Cực
9. Bạch Y Liên Đoàn
10. Cơ Quan Truyền Giáo Trung Việt
11. Thông Thiên Đài

12. Tây Ninh

Chúng ta sẽ tìm hiểu những chi phái trên một cách đại lược để có một tổng ý. Sau đó chúng ta sẽ xét đến những cố gắng thống nhất các chi phái, và tại sao cơ thống nhất không thực hiện được.

1) Bach Y Liên Đoàn Chơn Lý được chur vị ở phái Tiên Thiên lập lên do cơ bút, đặt trụ sở tại Thánh Thất Mong Thọ, tỉnh Rạch Giá (sau này đổi ra Kiên Giang). Thánh Thất này sau được nâng lên thành Hội Thánh gọi là Hội Thánh Bạch Y, chuyên lo việc phổ độ nhơn sanh và được tổ chức theo Tân Luật Pháp Chánh Truyền, nhưng chủ trương mặc đạo phục trắng và bịt khăn đồng trắng mà thôi, không lễ phục cũng như áo màu nào khác. Được thành lập trước Đệ Nhị Thế Chiến (1939- 1945).

Chur vị có công thành lập chi này là quý ông Hội Đồng Địa Hạt Tô Bửu Tài và Nguyễn Văn Tông. Ông Hội Đồng Tông là người có sứ mạng từ ngày khai lập chi này là đi dự lễ các Hội trong Tam Giang để biên chép các Thánh Giáo được chur Thiêng Liêng ân ban, và sưu tầm những Thánh Giáo Thánh Ngôn ở các chi phái để giữ làm tài liệu sử Đạo cho hậu thế. Nhưng không may ông Hội Đồng Tông cũng là một nạn nhân của thời cuộc, nên khi đi mang theo một hoài bảo vô cùng tốt đẹp. Rồi những tài liệu đã góp nhặt được cũng theo những lúc hỗn độn của thời cuộc mà không còn thấy đâu nữa. Một kho tàng vô cùng quý giá cho sử Đạo đã mất, không khi nào tìm lại được nữa. Thật đáng tiếc!

Cũng đáng thương và đáng kính một Anh Lớn đã có một nhiệt tình ít thấy trong Đạo.

2) Cao Thượng Bửu Toà được xây cất tại Bạc Liêu, là Toà Thánh Hậu Giang, do ông Trần Văn Tìa, đạo danh Chơn Sắc, chủ trương. Sau này ông Tìa được đặc vị là Đông Thắng Chơn Như.

Ngày 18 tháng 8 Bính Ngọ (2 tháng 10, 1966), Đức Đông Thắng Chơn Như giáng đàn cũng tại Cao Thượng Bửu Toà giảng dạy về Cao Thượng Bửu Toà như sau:

Danh là Cao Thượng Bửu Toà ý nghĩa sâu sắc và hay biết bao nhiêu, mà Tệ Huynh có thể định nghĩa theo sự hiểu biết của mình như sau:

CAO là Đạo Cao Đài, mà THƯỢNG là trên hết. Người nào đạo Cao Đài phải luôn luôn cao vọng học hỏi cho nên người đạo đức gương mẫu, là bậc thượng trên, là đàn anh, là hướng đạo, là Chức Sắc Thiên Phong, phải có tác phong thanh cao của kẻ bề trên, để làm gương mẫu cho hàng tín hữu.

Còn BỬU TOÀ là toà nhà quý báu. Quý báu nơi đây không có nghĩa là toà nhà đó phải được xây bằng kim cương mã não, xa cừ pha lê, mà sự quý báu đây là toà nhà đạo đức, là bóng mát che phủ người lữ hành những khi nắng hạ, là mái nhà che mưa những lúc mưa dầm, đêm thu mờ mịt, là toà nhà nhân nghĩa đạo đức, trong đó có cả tình thương, có khoan dung, có tha thứ, có phục thiện, có xây dựng, có cứu giúp người đói cơm khát nước, có cứu khổ kẻ lương thiện hoặc quê mùa chất phác, bị hàm oan, nạn tai lúc rủi.

Tóm lại, (người) CAO THƯỢNG BỬU TOÀ là người có đủ điều kiện tinh thần đạo đức, tác phong của bậc hiền nhân quân tử, đứng được ở trong cái toà nhà đó để cứu độ nhơn sanh.

Song song với danh từ đó lại còn câu kinh thứ nhứt của Cao Đài, đó là:

'ĐẠO GỐC BỞI LÒNG THÀNH TÍN HIỆP'.

Đạo là danh từ, lòng thành tín hiệp là hành động. Mỗi mỗi việc làm đều phải có lý của nó. Thí dụ như người bệnh cần thuốc. Bệnh là điểm tựa, là sự vật. Thuốc là cứu cánh. Nếu thuốc không trị được bệnh thì thuốc không có nghĩa gì nữa. Như đói lòng nhờ cơm. Nếu cơm thiu, cơm hẩm, không giúp được người đói thì cơm không còn ý nghĩa gì nữa.

Còn đạo, nếu thiếu lòng thành, thiếu tín nhiệm, thiếu đức tin, thiếu hiệp hoà, thì đừng nói tới đạo đức gì nữa.

Hỏi vậy Đạo là gì?

Đạo là bản thể vũ trụ, tối cao tối thượng, mà Đạo cũng là nguồn sống của vạn vật chí linh. Do đó, là những bậc Thánh Triết Hiền Nhân Quân Tử mới dám xả thân cầu đạo, đem sự tín ngưỡng, đem hành động nghĩa nhân đạo đức gây được uy tín trong nhân gian để đem họ hiệp về con đường đạo là nguồn sống. 'Thiên đạo đắc tán, hành đạo giả thuận, thuận Thiên giả tồn, nghịch Thiên giả vong'.

Ngược lại, nếu không lòng thành, không hành đạo, làm sao có uy tín với nhân gian. Mà khi mất uy tín với nhân gian thì làm sao ai dám đến hiệp với mình. Mà khi không ai hiệp với mình, làm sao kêu họ về với Đạo, để trở lại bốn nguyên. Do đó, hàng hướng đạo phải tâm niệm câu nhứt tụng đó để làm kim chỉ nam cho việc hành đạo, lãnh đạo nhơn sanh.

Còn danh từ TOÀ THÁNH, HỘI THÁNH là gì?

TOÀ là toà nhà chứa đựng. THÁNH là bậc Thánh Triết hiền nhân quân tử.

Hỏi vậy ai là bậc Thánh Triết? Không phải từ trên trời rơi xuống, mà chính là người sống ở thế gian. Làm được những việc như Thánh Hiền Tiên Phật đã làm, đó là những bậc Thánh Triết hiền nhân. Tuy còn mang nhục thể nhưng với hành động đó, cứu cánh của hành động đó, hợp với lòng Trời, thuận lòng người, đem ích lợi cho nhân sanh, đó là Thánh.

Nếu từ các hàng Giáo Phẩm, Chức Sắc, Chức Việc, học và hành đúng theo luật qui điều, đó là hàng Thánh ở thế gian. Các bậc Giáo Phẩm trong Đại Đạo đã từng ở nội Thánh Đường, đến chiêm ngưỡng Chí Tôn tại Toà Thánh là bậc Thánh rồi, còn gì nữa. Chỉ tiếc thay, những tác phong, những hành động, những đức độ chưa thể hiện đúng với cương vị của mình, nên đã từng thấy các hàng Thánh đó khó mà ở yên trong Toà Thánh và Hội Thánh.

Còn *HỘI THÁNH* là gì? Là nơi mà các vị Thánh nhơn hội hiệp lại bàn tính những việc có ích nước lợi dân, cứu độ vạn linh. Nếu không có những hành động đó thì danh từ *HỘI THÁNH* chỉ là một danh từ nay đổ mai sụp, một khẩu đảo với nhau, vì chưa đúng cương vị của hàng Thánh Hiền.

Tệ Huynh cũng còn nhớ lại lúc sanh tiền, cũng có lắm khi quá dễ dãi, có lúc lại quá khắc khe, cũng có lúc xem thường cương vị của mình, nên hậu quả cũng còn lưu lại đến ngày nay.

Trước kia nếu Tệ Huynh biết sẽ xây ra có sự như vậy thì không xây dựng lên trụ tướng của Cao Thượng Bửu Toà này, mà chỉ để có tiền và nhân lực vật lực đó dùng vào ngay những công tác từ thiện xã hội. Nếu biết trước và làm việc đó thì đâu còn để hậu hoạn lại cho anh em như trước hiện tình. Đó cũng là một trách nhiệm của Tệ Huynh vẫn còn dang dở.

Lâu ngày gặp nhau, nửa mừng nửa tủi, nửa lo ngại cho cơ Đạo sở tại mà Tệ Huynh đã nói khá nhiều.

Giờ đây Hội Thánh đã có pháp luật, qui điều đã sẵn, Thánh Ngôn Thánh Giáo cũng đã dạy rồi, nhưng nhận thấy anh em làm không đúng hoặc không làm, thử hỏi Tệ Huynh phải sắp bày hay phải nói gì hơn?

Sau cùng, Tệ Huynh chỉ khuyên anh em có một chữ 'HOÀ' để làm kỷ niệm cho ngày hội ngộ kẻ hiền người u.

THI

Chữ HOÀ khuyên nhớ hỏi anh em
 Hoà được tránh cơn gió tạt rèm
 Hoà nhã dung hoà cơn khẩu đảo
 Rán làm ơn nói với cho xem.

BÀI

Lời Tệ Huynh anh em suy nghĩ

Phân tách ra từ tí từ ly
Dung hoà thương mến nhau đi
Để đưa thuyền Đạo qua khi rối loạn
Hoà có được an bang tế thế
Hoà có rồi huynh đệ mới thương
Hoà rồi chung bước một đường
Hoà xây dựng Đạo hoằng dương giúp đời
Hoà không được, kẻ nơi người ngã
Hoà không xong, tan rã sớm chiều
Thiếu Hoà như thiếu tình yêu
Cảnh này rồi phải tiêu điều cho coi
Hoà tránh được kẻ xoi người móc
Hoà tránh khỏi kẻ thọc người bơi
Không Hoà khó lãnh Đạo Trời
Không Hoà đạo nghiệp rã rời còn chi!
Không Hoà bị thế khi đời thị
Không Hoà đời khinh bỉ chê cười
Rằng: "Tu còn lại móc bơi"
Át làm những việc trò cười thế gian.
Hoà xây dựng huy hoàng đạo nghiệp
Khắp đó đây chung tiếp nhiều tay
Kẻ xây người dựng Đạo Thầy
Mới mong thấy được một ngày vinh quang
Rằng: "Đạo Trời phổ tràn quốc nội
Rồi mai sau ra tới ngoại bang"
Nếu trong chẳng được vẹn toàn
Làm sao ra được phổ ban nước ngoài
Hỡi Hường Đạo! Nào ai thương Đạo
Hỡi Thiên Phong! Hoài bảo nào ai?
Khá nên chung trí chung tay
Dung hoà tác hiệp nay mai cứu đời
Miệng hằng nói "Thay Trời hành Đạo"

*Mà sao còn khảo đảo nhau chi
Hoà đi, khuyên hãy hoà đi
Thuyền từ rước khách qua khi hãi hùng.²⁰⁹*

Thật thế, kẻ viết mấy hàng này có đồng chứng đàn này nơi này, thầy Toà Thánh Cao Thượng Bửu Toà ở vào một tình cảnh rất đau lòng, dù rằng rất nguy nga đồ sộ, dường như không còn ai để ý ngó ngang đến cả, và rất thấm thía những lời của Đức Đông Thắng Chơn Như.

3) Cầu Kho là phái do một số Chức Sắc và tín đồ thành lập ra khỏi hàng ngũ Toà Thánh Tây Ninh đầu tiên nhứt, trách cứ Toà Thánh về phần hành chánh điều hành điều khiển cơ Đạo nên không tuân lệnh của Tây Ninh, và đứng riêng rẽ hành đạo trong vùng Sài Gòn.

Vào khoảng năm 1930, chư vị Giáo Sư: Vương Quan Kỳ, Đoàn Văn Bản, Trần Quang Minh, Nguyễn Văn Khai, Nguyễn Văn Quyến, Hà Văn Lương; chư vị Lễ Sanh: Trần Văn Tân, Trần Văn Quế, Nguyễn Văn Phùng, Lương Văn Bồi, Phan Trường Mạnh; chư vị Trương Kế An, Phan Trường Thọ, Nguyễn Ngọc Đồi, Lê Thiên Lộc v.v... là những vị có liên hệ đến việc thành lập phái này. Sau khi chư vị quá vãng rồi thì phái Cầu Kho cũng lần lần theo thời gian mà bị quên hẳn đi, cho đến ngày ông Phan Thanh tái lập lại thành Thánh Thất Nam Thành, hiện đặt tại số 224-226 Đại Lộ Nguyễn Cư Trinh, Sài Gòn. Dù tái lập lại nhưng cũng không được phát triển cho lắm.

4) Chiếu Minh Tam Thanh chuyên về tịnh luyện, là phân tối thượng thừa của cơ Đại Đạo. Những người được tuyển vào đây phải là những người có căn duyên về việc hành pháp rất nên khổ hạnh. Vì thế, số tín đồ trong chi này rất ít, độ chừng vài trăm mà thôi, so với số hơn ba triệu tín đồ bên phân Phổ Độ.

²⁰⁹ *Thánh Giáo Sư Tập 1966 - 1967*, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, 1967, trang 66 - 70.

Chi này được lập ra để diu dắt một nhân vật đại nguyên căn, Ngài Ngô Văn Chiêu, để sau này lãnh trách nhiệm tối trọng đại trong nền Đại Đạo là phẩm Giáo Tông. Có thể nói sứ mạng của Ngài Ngô quan trọng cho đến đời mà chính Thượng Đế tự mình diu dắt, huấn luyện và dạy dỗ mà rồi sau này không có một người thứ hai được cái ân huệ đó. Phẩm Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đòi hỏi những điều kiện phi thường cho một tương lai phi thường của sanh chúng và của địa cầu này trong giai đoạn đặc biệt mà chính Thượng Đế cũng phải tự khai mở.

Chi này được lập từ năm 1920, trước hơn chi nào trong cơ Đại Đạo, dưới sự chương quản của Ngài Ngô Văn Chiêu, sau này đắc Đại Tiên vị, thường được trong Đạo gọi là Đức Ngôi Hai Ngô Đại Tiên. Toà Thánh đặt tại Dương Đông (Phủ Quốc), và Tổ Đình tại Cần Thơ. Sau này chi này còn chia ra mấy nhánh nữa như Chiếu Minh Long Châu và Cao Đài Thượng Đế Giáo Hội hay Chiếu Minh Đàn.

5) Ban Chính Đạo Bến Tre (1933) được thành lập lên do chư Ngài Nguyễn Ngọc Tương, Lê Bá Trang, và Nguyễn Văn Lai, tất cả là những Đại Thiên Phong ở Toà Thánh Tây Ninh. Chi này lập lên, như danh xưng đã ám ý, là để chỉnh lại mối Đạo cho đúng như lúc đầu Đức Chí Tôn khai mở, cho rằng Tây Ninh đã canh cải. Ngài Nguyễn Ngọc Tương sau này cũng được tôn lên làm Giáo Tông, và Ngài Lê Bá Trang được phong là Chương Pháp. Trụ sở đặt tại làng An Hội, tỉnh Bến Tre. Nếu Tây Ninh bị coi như đã canh cải Đạo, thì sau này Bến Tre cũng như Tây Ninh đã làm một số canh cải.²¹⁰

Trong cơ Đạo có hai chi lớn nhất, có thể nói lớn tương đương bằng nhau là chi Tây Ninh và chi Bến Tre. Nhưng Bến Tre có lẽ được lòng của các chi phái khác hơn là Tây Ninh một ít. Nhưng sau khi ngày Lê Bá Trang qui vị ngày 30 tháng 5 Bính Tý (17 tháng 7, 1935), và Ngài Nguyễn Ngọc Tương qui liễu năm 1951 sau một thời gian nhập đại tịnh tại nhà Thiên Lý Mật Truyền từ năm 1942, Ban Chính Đạo cũng xuống dốc lần lần.

²¹⁰ Đồng Tân, *Lịch Sử Đạo Cao Đài*, quyển II, trang 401.

Theo quyển nhật ký của Ngài Nguyễn Ngọc Tương thì trong thời gian đại tịnh từ ngày 22 tháng 2 Nhâm Ngũ (1942) đến ngày 14 tháng 3 Nhâm Ngũ (28 tháng 4, 1942), Ngài được thọ phong là "Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Lý Giáo Tông Từ Bi Cứu Thế Thiên Tôn", và tự cho là chơn linh của Đức Lý Đại Tiên phân thân giáng trần chuyển thế độ đời.²¹¹



Đức Giáo Tông NGUYỄN NGỌC TƯƠNG
Phái Chính Đạo Bến Tre trước kia
(Ảnh trích trong Lịch Sử Đạo Cao Đài, soạn giả Đồng Tân)

6) Liên Giao Chi Phái thật sự chỉ là một ban, như danh từ đã ám chỉ, lập lên để liên giao hành đạo về quan hôn tang tế giữa các Thánh Thất Thánh Tịnh biệt lập ở ngoại ô đô thành Sài gòn và các vùng lân cận. Trụ sở đặt tại Thánh Thất Bình Hoà (Gia Định), mà cũng là nơi mà Đức Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương và Lê Bá Trang dùng để làm nơi liên lạc với Toà

²¹¹ Đồng Tân, *Lịch Sử Đạo Cao Đài*, quyển II, trang 402.

Thánh Tây Ninh trong những năm cuối thập niên 1920 khi chư Ngài này khởi sự bất đồng với Tây Ninh.

7) Minh Chơn Đạo (Hậu Giang) (1935) phát xuất từ phái Minh Chơn Lý từ khi phái này canh cải sâu xa nền tảng Đại Đạo từ cách thờ phượng cho đến giáo lý, được thành lập bởi chư Ngài Đại Thiên Phong như Ngọc Chương Pháp Trần Đạo Quang, Ngọc Đầu Sư Nguyễn Văn Thiệu, Chương Quản Hiệp Thiên Đài Thiên Sư Nguyễn Hữu Phùng, Viện Trưởng Ngoại Giao Cao Triều Phát. Đây là những Chức Sắc có tên tuổi trong Đạo nói chung, và ở miền Hậu Giang nói riêng.

Lúc ban sơ, trụ sở đặt tạm tại Chùa Minh Sư của ông Trần Đạo Quang tại Giá Rai (Cà Mau), sau này mới xây Toà Thánh Ngọc Minh tại Giồng Bướm (Giá Rai), cũng được gọi là Toà Thánh Hậu Giang. Gần Toà Thánh có Ngũ Hành Toà dành làm Hiệp Thiên Đài. Lúc này ông Cao Triều Phát được phong là Thái Chương Pháp kiêm Chương Quản Hiệp Thiên Đài. Cửu Trùng Đài thì nhị vị Ngọc Chương Pháp Trần Đạo Quang và Ngọc Đầu Sư Ngọc Thiệu Nhựt chương quản.

Phái này hoạt động rất mạnh và rất có hiệu quả ở vùng Hậu Giang với một số khá nhiều Thánh Thất và khá đông tín hữu cùng tất cả các tỉnh Hậu Giang, gần ngang hàng với Tây Ninh, Bến Tre, và Tiên Thiên.

Sau khi Nhật Bản bị đảo chánh thì Toà Thánh Ngọc Minh bị quân đội Pháp ném bom rất nặng nên bị hư hỏng rất nhiều. Tín đồ của Minh Chơn Đạo bị chết rất nhiều và tản mát đi tất cả các nơi. Ngài Cao Triều Phát phải cộng tác với Việt Minh để giúp đỡ cho tín đồ. Sau khi đất nước bị chia hai, Ngài Cao Triều Phát bị tập kết ra Bắc Việt và qui liễu năm sau.

8) Minh Chơn Lý (1931) được thành lập là do sự bất đồng giữa ông Phủ Nguyễn Văn Ca và chư Ngài Phạm Công Tắc và Lê Văn Trung, tất cả đều là Đại Thiên Phong ở Toà Thánh Tây Ninh. Sự bất đồng này khởi mầm từ năm 1930.

Ông Ca lôi cuốn được một vị Đại Thiên Phong khác ở Tây Ninh là ông Chương Pháp Trần Đạo Quang. Rồi Thánh Thất Cầu Kho cũng đồng ý cộng tác với ông Ca, tách rời ra

khỏi Toà Thánh Tây Ninh. Một số Thánh Thất hiện đang ở trong hệ thống Tây Ninh thấy thế cũng bỏ Tây Ninh mà theo Minh Chơn Đạo. Sự việc này, sau việc Đức Ngô Văn Chiêu không nhận phẩm Giáo Tông trong năm đầu của cơ Đạo, làm rúng động cơ Đạo và Tây Ninh. Việc nứt rạn cơ Đạo này đã quá rõ rệt, thành một sự thực hiện nhiên không phương chối cãi. Việc ông Ca ra khỏi hàng ngũ Toà Thánh Tây Ninh, mà Đức Chí Tôn gọi là "phản Đạo", là một biến cố không nhỏ, nên Minh Chơn Lý lúc đầu thật là nhộn nhịp và được một số khá đông Chức Sắc cũng như tín đồ gia nhập. Nhưng sau đó rồi, chừng một năm sau, thì ông Ca bắt đầu đi lạc hướng, theo con đường tà đạo. Và cũng vì sự việc này mà nảy sanh ra Minh Chơn Đạo mới vừa ghi trên. Chư Đại Thiên Phong cũng rút đi nơi khác, và nhóm Cầu Kho cũng tách lia để trở về Cầu Kho hành đạo ở địa phương mình như trước kia.

Vào khoảng năm 1935, Thiền Sư Nguyễn Hữu Phùng, Chưởng Pháp Hiệp Thiên Đài, chấp cơ sửa đổi lại cách thờ phượng lễ bái, nghi lễ v.v... Nay không còn thờ Thiên Nhân nữa mà thờ Trái Tim và Thập Ngũ Linh Đấng. Giáo lý thì được giải thích một cách hết sức hoang đường.²¹² Đức Chí Tôn trong một đàn cơ tại Tây Ninh ngày 14 tháng 7 năm 1932 có dạy về trường hợp này như sau:

Thầy đến cùng các con chỉ trông cậy một điều là làm phương nào các con đừng thiệt lòng thương yêu hoà thuận cùng nhau. Thầy đã hết lời khuyên dạy buổi đầu, lại để tiên tri dặn bảo mà các con chẳng biết vâng lời, cứ gây đoan những điều hờn giận, đối trá gạt nhau, đôi phen lại dám mượn danh Thầy làm lợi khí. Thầy hỏi thẳng Ca nó phản Đạo là tại cơ nào, nói cho Thầy nghe thử.

.....

Không phải vì vậy mà thôi, mà tại gương xấu của các con phản phúc nhau, nhục nhã lẫn nhau, mưu hại lẫn nhau. giành giật quyền hành, gây điều bất chánh, đến đổi Hiệp Thiên Đài cũng thế.

²¹² Đồng Tân, *Lịch Sử Đạo Cao Đài*, quyển II, trang 391 - 393.

*Tất, con nghe cho rõ: Nhiều đũa dùng cơ bút làm ngọn
đao thương đặng sát phạt, mắng chửi nhau, ngày nay
mới làm mới oan khiến cho Tà Thần bắt chước.*

*Hại thay cho một nền tôn giáo chọn chánh đường này
bị phạm tâm của các con đã ra ô trước...²¹³*

Phái Minh Chơn Lý lúc ban sơ lấy danh xưng là Đại Đạo Tam Kỳ Minh Lý Hội, rồi sau đổi ra là Minh Chơn Lý Hiệp Ngũ Chi, đặt trụ sở lần đầu tiên tại Tam Bình (Tam Giang), sau dời về Toà Thánh Trung Ương tại Thánh Thất Định Tường. Nay phái này cũng không còn là bao lớn, có chi Chơn Lý tại Cầu Vĩ (Cầu Vĩ Minh Chơn Lý cũ, Mỹ Tho), và Toà Thánh Cao Đài Việt Nam tại Bến Tranh (Mỹ Tho).

9) Toà Thánh Nhi Giang đặt trụ sở tại Châu Đốc, tỉnh An Giang. Toà Thánh này cùng các Toà Thánh khác đều có Luồng Đài (Cửu Trùng và Hiệp Thiên). Toà Thánh hoạt động trong vùng thối, không lớn lắm.

10) Nữ Chung Hoà được thành lập do lệnh cơ bút của Diêu Trì Kim Mẫu và Lê Sơn Thánh Mẫu (Lê Sơn Thánh Mẫu là hiện thân của Đức Diêu Trì Kim Mẫu giáng trần). Trụ sở đặt tại Minh Tân Giáo Điện, tại Bến Vân Đồn (Sài gòn). Mục đích là để cho nữ phái khắp nơi có môi trường trau dồi đạo hạnh, truyền dạy giáo lý với nhau. Sau này Nữ Chung Hoà được dời về Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, tại chợ Thái Bình (Sài gòn) để thực hiện chương trình này.

11) Cơ Quan Qui Thống, trụ sở đặt tại Thánh Tịnh Thiên Thai, làng Mỹ Phước Tây, quận Cai Lậy (Mỹ Tho). Cơ Quan này lập lên có lẽ với mục đích thống nhất cơ Đạo, như danh xưng ám chỉ? Vì không chắc về mục đích này nên xin liệt kê vào đây để làm tài liệu sưu tầm về sau.

12) Tam Kỳ Nguyên Nguyên Bôn Bôn (1935) cũng phát xuất từ phái Minh Chơn Lý, sau khi phái này canh cải sâu rộng do Thiên sư Nguyễn Hữu Phùng bày ra qua cơ bút, giống

²¹³ Thánh Giáo của Đức Chí Tôn ngày 11 tháng 6 Nhâm Thân (14 tháng 7, 1932).

như trường hợp của Minh Chơn Đạo ở Hậu Giang vậy. Luôn đây cũng nên ghi lại rằng cũng vì việc canh cải này mà chư vị Trần Văn Quê, Lê Kim Ty bỏ theo phái Tiên Thiên. Chư vị Vương Quan Kỳ, Đoàn Văn Bản bỏ về lại Thánh Thất Cầu Kho. Chư vị Cao Triều Phát, Nguyễn Văn Thiệu thì tách ra lập thành Minh Chơn Đạo ở Hậu Giang. Và chư vị Nguyễn Văn Kiên, Nguyễn Văn Phấn ... rời bỏ đi lập phái Tam Kỳ Nguyên Nguyên Bốn Bốn.

Phái này chủ trương tìm đến chỗ vô hình, cho đó là nguyên bản của nền Đại Đạo. Vì thế cho nên cách thờ phượng cũng rất siêu tượng, không có hình tượng dấu hiệu chi cả trên Thiên Bàn. Mục đích là tu hành để đi đến trình độ siêu thoát, đến chỗ minh tâm kiến tánh mà tự giải thoát lấy mình.

Đặt trụ sở tại châu thành Tân An, với một lối kiến trúc đặc biệt không giống Thánh Thất trong Đại Đạo. Số người theo phái này không có bao nhiêu, và sau này khi ông Nguyễn Văn Kiên được bầu lên làm Hội Trưởng Cao Đài Đại Đạo Liên Đoàn, thì phái này cũng tàn lụn lần trong dĩ vãng.

13) Hội Thánh Tam Quan được thành lập sau khi Liên Hoà Tổng Hội chấm dứt nhiệm vụ và giải tán. Ban đầu họp tại Thánh Thất Cầu Kho. Phái này không có hoạt động chi nhiều, và cho đến ngày đại biến cố năm 1975 ở nước nhà, chỉ lo củng cố tổ chức nội bộ mà thôi.

14) Tây Tông Vô Cực. Tông được sáng lập do Ngài Thiện Pháp Nguyễn Bửu Tài cũng theo cơ bút, đặt trụ sở tại Thánh Tịnh Tây Tông Vô Cực Cung, tại làng Chệt Sậy, thuộc quận Châu Thành tỉnh Bến Tre (Kiến Hoà). Phái này lấy tên Tây Tông để đối chiếu lại phái Đông Tông, tức là phái tu đơn của Ngài Ngô Văn Chiêu từ Phú Quốc đổi về Sài Gòn là phía Đông của Lục Tỉnh miền Nam.

Cũng như phái Tiên Thiên, phái này chuyên về tu đơn luyện thuộc theo lối kim đơn xưa kia, gồm có những vị trường chay tuyệt dục, ly gia cắt ái, theo tối thượng nhưt thừa. Phái này cũng có nghiên cứu, soạn thảo những sách vở tu đơn bằng Việt ngữ để giúp những ai muốn đi theo con đường tu này.

Tiếp tay với Ngài Thiện Pháp Nguyễn Bửu Tài có chư vị Đãi, Tãi. Phái này cũng không có được nhiều tín đồ lắm.

15) Toà Thánh Thiên Khai Huỳnh Đạo mới thành lập sau này, nên chưa có hoạt động chi nhiều. Đặt trụ sở tại 78-A đường Phan Thanh Giản, Gò Vấp (Gia Định).

16) Thông Thiên Đài do một số người trí thức trong Toà Thánh Tây Ninh lập ra như Bác Sĩ Nguyễn Văn Nhã, Đốc Phủ Lê Quang Hộ, đại diện chủ Quách Quang Nghĩa, Đốc Học Chiêu, Nguyễn Trung Thắng, Đốc Công Lê Quang Nghị, Lê Quang Tinh. Cũng còn có những vị khác nữa như ông Hội Đồng Thạnh, Cầm Đình Nam Đức Chiêu Đình, Quãng Vân, Mộng Trường Vân v.v... Hai con của Ngài Bảo Văn Pháp Quân Cao Quỳnh Diêu là Huệ Chương (ông Thân) và Nguơn Ngọc (ông Đức) làm đồng loan. Đấng chỉ đạo vô vi của phái này là Liễu Nhứt Chơn Nhơn. Phái này dường như được Ngài Phạm Công Tắc rất nể, và theo Anh Chị Lớn trong Đạo, thì phái này đúng lý sẽ thay thế Ban Hiệp Thiên Đài của Toà Thánh Tây Ninh, vì phần nhiều chư Ngài trong phái này trong buổi sơ khai không chịu về Tây Ninh hành đạo.

Trụ sở đặt tại Thánh Thất Đồng Sơn, tổng Hoà Đông Thượng, thuộc tỉnh Gò Công. Nhưng chư vị trong phái này, sau này rồi cũng tản mác các nơi, và Thánh Thất Đồng Sơn không có hoạt động chi khác hơn là cúng kiến mà thôi.

17) Tiên Thiên (1932) do một vị Giáo Hữu của Toà Thánh Tây Ninh, Ngọc Chính Thanh tên đời là Nguyễn Văn Chính, lập ra. Ông Chính rất thích luyện đạo và có lập đàn cơ riêng cho mục đích này, trái với lệnh của Toà Thánh. Lúc ban đầu, trụ sở đặt tại Thánh Tịnh Thiên Thai, làng Phước Mỹ Tây, quận Cái Bè thuộc tỉnh Mỹ Tho (Định Tường). Sau này lập Toà Thánh Trung Ương tại Châu Minh, quận Sóc Sãi, thuộc tỉnh Bến Tre (Kiên Hoà), cách tỉnh lỵ khoảng ba mươi cây số ngàn, thường được gọi là Toà Thánh Châu Minh.

Giáo Hữu Chính sau này được cơ phong là Ngọc Chương Pháp, được sự kết hợp của chư Ngài có tên tuổi như Nguyễn Văn Tông, Lê Kim Ty, lập nên phái này lấy tên là Tiên

Thiên Đại Đạo. Đặc điểm của phái này là không dùng đạo phục màu sắc, mà toàn là màu trắng, và tu theo cách tịnh luyện với một phần phù phép. Lúc ban đầu phái này rất được thanh hành, và người đến Thánh Tịnh để tịnh luyện khá đông. Ảnh hưởng của phái này rất lan rộng trong hầu hết các thành phần trí thức trong Đạo, đàn cơ rất hấp dẫn và rất linh hiển. Ảnh hưởng Đạo rất mạnh đối với những Thánh Thất rải rác ở Lục Tỉnh gọi là Thất Thập Nhị Tịnh.

Nhưng rồi sau này cơ bút cũng dạy lập lên Cao Đài Đại Đạo Liên Đoàn để hợp nhứt các chi phái Đạo. Tổ chức này thu hút được một số người kỳ cựu và trí thức trong Đạo. Nhưng cũng vì sự thành lập tổ chức này mà phái Tiên Thiên lần lần xuống dốc, vì lực lượng bị phân tán và tín đồ tản mác khắp nơi. Thêm vào đó còn có những năm chinh chiến ở trong nước làm cho hư hại cơ sở của phái này rất nhiều.

Mấy năm trước khi đại biến năm 1975 ở nước nhà, phái này rất cố gắng xây dựng lại tổ chức Hội Thánh theo Tân Luật Pháp Chánh Truyền, và tìm cách lấy lại ảnh hưởng trước kia, đặc biệt đối với Thất Thập Nhị Tịnh, nhưng kết quả không được là bao. Phái Tiên Thiên này chỉ còn lại một tiếng vang mà thôi.

18) Toà Thánh Tiên Giang cũng ráng cố gắng tổ chức Lương Đài như các nơi khác. Trụ sở đặt tại Thánh Tịnh Minh Kiến Đài, làng Hạnh Thông Tây, quận Gò Vấp (Gia Định). Toà Thánh Tiên Giang được thành lập sau này.

19) Nhóm Tinh Luyện do ông Nguyễn Ngọc Lịch, tục gọi là Biện Lịch, chủ trương. Như danh xưng ám chỉ, nhóm này chuyên lo tịnh luyện. Không có bao nhiêu tín hữu, và cũng không hoạt động chi mạnh mẽ; ít được ai biết.

20) Toà Thánh Tây Ninh là nơi Đức Chí Tôn đã chọn lựa làm Toà Thánh và Tổ Đình vĩnh viễn cho toàn cả cơ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, là nơi xuất phát ra tất cả những Chức Sắc Đại Đạo, mà một số sau này tách rời ra để lập lên những chi phái, là nơi mà Đức Chí Tôn ân ban Pháp Chánh Truyền, và Tân Luật được chấp nhận, là nơi đã được chư Thiêng Liêng

sắp xếp xây dựng kiến trúc, và cũng là nơi tập trung tất cả quyền hành cai trị Đạo và bửu pháp vô vi v.v... Thế mà Tây Ninh đã bị đặt vào cái thế của một chi, như Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc sau này về đàn cơ xác nhận như thế. Tại sao?

Các sử gia Cao Đài lấy cái lẽ chánh là vì Tây Ninh cũng thay đổi canh cải như những nhóm chi phái khác, nên lấy năm 1938 là năm mà Tây Ninh bị đặt vào cái thế của một chi. Ông Đồng Tân trong quyển Lịch Sử Cao Đài, Quyển Hai, có ghi như sau: "Thêm vào đó, ông Phạm Công Tắc đã canh cải chơn truyền hành chánh đạo ... như việc cải tổ nên hành chánh đạo thành bốn cơ quan: Hành Chánh, Phước Thiện, Toà Đạo, và Phổ Tế. Việc canh cải này được ông tuyên bố trong ngày Vía Đức Chí Tôn năm Mậu Dần (1938) và thi hành ngay lễ Thượng Ngươn năm này".²¹⁴

Việc cải tổ hành chánh đạo chắc có lẽ không phải là vấn đề căn bản, mà việc đặt những cơ quan đó ở những nơi nào, hoặc dưới Cửu Trùng Đài hoặc dưới Hiệp Thiên Đài để cho đúng với tinh thần của Pháp Chánh Truyền, mới là căn bản. Dù sao Tây Ninh cũng như các nơi khác được coi như là một chi, không nơi nào được coi như là Toà Thánh của toàn cơ Đạo, dù rằng có nhiều nơi tự xưng là Toà Thánh chánh, vì lẽ không có nơi nào nói mà toàn đạo nghe theo, nơi nào nói nơi ấy nghe. Và cũng vì thế cho nên chi nào cũng như chi nào, mãi tranh giành ảnh hưởng, đâm chân lên nhau và làm những điều ít đạo hạnh, gây ra bao nhiêu hậu quả cho nền Chánh Đạo.

21) Trung Hòa Học Phái do quý Ngài Cao Triều Phát, Phan Lương Hiền, Phan Trường Mạnh, và Huỳnh Văn Thảo chủ trương, với mục đích là qui tụ các thanh niên trong cơ Đạo bất câu chi phái để diu dắt chúng trên con đường đạo đức, và giúp đỡ chúng hành đạo theo thuyết Trung Thứ của Nho Giáo. Để thực hiện mục đích đó, Ngài Cao Triều Phát lập lên một tổ chức gọi là Thanh Niên Đạo Đức Đoàn, và đặt trụ sở lúc ban sơ tại Thánh Tịnh Minh Đức của bà Ngọc Nhiên Hương ở Rạch Giá. Sau này, đoàn thanh niên này được tiếp tục hoạt động tại

²¹⁴ Đồng Tân, *Lịch Sử Đạo Cao Đài*, quyển II, trang 403.

Tam Giáo Điện, Chùa Minh Tân ở Bến Vân Đồn, nhưng không mạnh mẽ như trước kia.

Trung Hoà Phái đã nổi tiếng một thời ở Hậu Giang.

22) Cơ Quan Truyền Giáo Trung Việt hay Hội Thánh Truyền Giáo Trung Việt hay Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài (1956)

Chủ trương của cơ quan này là Ngọc Chánh Phối Sư Trần Văn Quế, thánh danh Huệ Lương. Cơ quan này thật ra là một biến thể của phái Tiên Thiên ở trong Nam do các ông Lê Trí Hiền, Nguyễn Quang Châu, Huỳnh Ngọc Trác, Trần Nguyên Chất sáng lập và lãnh đạo. Trụ sở trước kia đặt tại Trung Thành Thánh Thất, ở ngoại ô thị trấn Đà Nẵng. Cơ quan này hoạt động ở các tỉnh miền Trung nói chung, từ tỉnh Quảng Nam lẫn ra tỉnh Thừa Thiên, vô đến tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên nói riêng. Nhưng sau đó bị Việt Minh phá hại, giết chóc rất nhiều, làm tan rã hết hàng ngũ.

Sau nay Việt Minh tập kết năm 1954 theo Hiệp Định Genève, tín hữu cơ quan này rải rác các nơi "nhóm Đại Hội quyết định đưa Cơ Quan Truyền Giáo lên bậc Hội Thánh, là vì phái này đã mong mỏi sự xuất hiện của một Hội Thánh duy nhất mà không thấy".²¹⁵

Sau khi xây cất xong Đền Thánh Trung Hưng Bửu Toà, cơ quan này bèn tổ chức lễ khánh thành vào năm 1956, và từ đó mang những danh xưng kể trên, được dùng lẫn lộn với nhau. Trong Đạo thường nói cơ quan này có sứ mạng ba mươi năm.

Cơ quan này không lớn lắm, và tín đồ cũng không có bao nhiêu, phần lớn tập trung ở miền Trung xứ Việt.

23) Nhóm Tuyệt Cốc hay Tích Cốc

Vào năm 1934, có một số chừng mười người trong số những người đang tu tịnh tại một nhà tịnh ở tại Toà Thánh Tây Ninh do Ngài Lê Văn Trung đặt tên, nghe lời một đạo hữu tên

²¹⁵ Trần Văn Quế, *Để Tìm Hiểu Các Chi Phái trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ*, Đại Đạo Nguyệt San, Toà Thánh Tây Ninh, 1964, số 6, trang 12.

Nguyễn Ngọc Điền, tự xưng là Nguyên Soái Điền, chủ trương không ăn cơm, chỉ ăn rau cỏ để đắc đạo, lại hay lên đồng. Vào khoảng tháng Chạp năm Quý Dậu (1934), nhóm người này về Toà Thánh Tây Ninh, mặc áo dài, nhảy lên ngai trên bầy cái ngai trong Đền Thánh dành cho chư Đại Thiên Phong Chức Sắc từ phẩm Giáo Tông. "Khi bắt xuống thì tinh thần thất đảm, miệng chỉ niệm Mô Phật ... sau này bận toàn trắng đến dinh Thống Soái Nam Kỳ đòi trả nước Nam lại, và treo cờ, bị Tây bắt bỏ nhà thương điên."²¹⁶

Bảng danh sách trên chắc có lẽ còn thiếu sót. Dù sao trong vòng nửa thế kỷ và ở trong một mảnh đất nhỏ bé từ miền Nam đến miền Trung nước Việt mà có đến hơn hai mươi chi phái và hàng trăm Thánh Thất Thánh Tịnh biệt lập của một cơ Đạo mới thành lập thì thấy cũng quá nhiều. Tại sao lại có việc chia chi lập phái như thế? - Một câu hỏi thường được đặt ra mà ít khi được trả lời một cách rõ ràng.

Từ trước đến nay, ít người Cao Đài muốn thảo luận sâu vào vấn đề này một cách công khai và cởi mở vì lẽ dễ hiểu: người chủ trương lập chi phái thì đứng núp sau lưng "đàn cơ" mà biện minh trách móc. Người không chủ trương thì hoang mang hoặc không dám bàn, sợ thất kính hoặc tạo khẩu nghiệp. Người tín đồ thì chẳng hiểu bề trong nên chỉ biết đi theo người lãnh đạo ở địa phương mình. Thành phần trí thức hiểu biết thì đâm ra ngượng ngịu, tủi thẹn rồi xa Đạo, hoặc trở lại 'tu tại gia' không muốn tham gia vào việc Đạo. Còn Hội Thánh thì không muốn phơi bày việc không tốt đẹp trong nội bộ cho tín đồ và người ngoài biết, mong vọng có một sự hồi tâm, hoặc sự hộ trì thực tiễn của Thiên Liêng để vấn đề được dàn xếp ổn thoả êm đẹp.

Sự thật được Đức Chí Tôn dạy dỗ rất rõ ràng. Nhưng dục vọng phạm tâm đã làm cho con người mờ ám. Tưởng cũng nên ghi lại Thánh Giáo của Đức Chí Tôn ngày 11 tháng 6 Nhâm Thân (14 tháng 7, 1932) đã trích ở đoạn trên [Mục 8] Minh Chơn Lý]:

²¹⁶ Đồng Tân, *Lịch Sử Đạo Cao Đài*, quyển II, trang 406.

Thầy đến cùng các con chỉ trông cậy một điều là làm phương nào các con đừng thiệt lòng thương yêu hoà thuận cùng nhau. Thầy đã hết lời khuyên dạy buổi đầu, lại để tiên tri dặn bảo mà các con chẳng biết vâng lời, cứ gây đọan những điều hờn giận, dối trá gạt nhau, đôi phen lại dám mượn danh Thầy làm lợi khí. ... gương xấu của các con phản phúc nhau, nhục nhã lẫn nhau, mưu hại lẫn nhau. giành giật quyền hành, gây điều bất chánh ... Nhiều đứa dùng cơ bút làm ngọn đao thương đặng sát phạt, mắng chửi nhau, ngày nay mới làm mối oan khiến cho Tà Thần bắt chước.

Hại thay cho một nền tôn giáo chơn chánh đường này bị phạm tâm của các con đã ra ô trược.

Cái giả tâm của nhiều đứa làm cho trở ngại đường Đạo ... Thầy đã thấy trong Thiên Thơ tội tình mỗi đứa. Thái Bạch đã giao cho Ngọc Hư Cung rồi, đã đủ mặt Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài.

Sau bài Thánh Giáo này các chi phái vẫn tiếp tục được thành lập mãi đến năm 1954. Thật đáng tiếc! Sau này, đến năm 1962, Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc, sau khi quá vãng, về đàn minh bạch thêm nữa một cách hết sức rõ rệt để khuyến cáo thế hệ kế tiếp "xe trước đã đổ, xe sau phải tránh".

Chư hiền đệ muội! Công quả khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ có thể nói là Bản Đạo đã đóng góp được hai phần ba công quả ấy. Nhưng buồn vì nước nhà chủ quyền không được bảo đảm kể từ thuở khai Đạo. Các đàn anh cũng vì lẽ ấy bị chi phối rất nhiều.

Từ chỗ vị kỷ, vị danh, vị lợi, cũng như tự ái, tự đại, tự tôn, nên đã gây ra cảnh chia ly phân tán, đã để lại một gánh nặng cho đoàn hướng đạo ở hậu sanh. Đó là điều đáng buồn mà cũng là kinh nghiệm quý giá cho đàn em trong mai hậu. Nếu mình, mỗi người biết đặt đạo lý Chí Tôn, quyền pháp và nhân sanh lên trên hết, và tự trọng vì danh dự của quốc gia dân tộc và đạo pháp thì không có kẻ hờ nào để bạo quyền chuyên chế, ngoại nhập khuynh đảo để rẽ chia.

Vết xe trước đã sụp đổ, đoàn xe sau nên tránh. Kẻ ra đàn anh chịu phần trách nhiệm rất lớn trong sự mạng. Chính vì thế mà trong hàng Tiên Bối, người nào không làm đúng Thiên ý sẽ bị triệu hồi để dẫm nhận phạt sự khác. Tuy về nơi Tiên Phật Cảnh, nhưng chưa được hưởng ngôi vị của mình, phải còn có nhiệm vụ đến khi nào mục đích của Chí Tôn khai Đạo được hoàn thành, các hàng Tiên Bối ấy sẽ tùy công đức mà định vị.

Vậy chư hiền đệ muội cũng xem gương ấy mà ghi lòng trong thời kỳ hành đạo. Chúng Tiên Huỳnh luôn hộ trì các đoàn hướng đạo trong chánh lý chánh nghĩa, và cũng kháo đảo những hàng hướng đạo đi trái đường hướng của Đại Đạo. Nếu cần, sẽ bị triệu hồi gấp ...²¹⁷

Nay chư Tiên Khai đã về Tiên cảnh, khỏi màn vô minh, thấy cần phải vạch ra cho người sau biết để tiếp nối tiến hoá Đạo sự. Ngoài Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc cũng còn có Đức Đại Tiên Ngô Văn Chiêu tâm tư tại sao không nhận phẩm Giáo Tông Đại Đạo. Như thế đã giải toả được cho thế hệ sau bao nhiêu thắc mắc, bao nhiêu hoang mang, và hơn hết, bao nhiêu ưu phiền luyến tiếc, không hiểu tại sao cơ Đạo bị chinh nghiêng như thế này.

Tiết II: Hoạt Động Thống Nhất Cơ Đạo

Nếu trong Đạo có những hành động chia rẽ thì cũng có những hoạt động đối ngược là thống nhất. Trước nhất, như chúng ta đã thấy việc Đức Thượng Đế đã giáng đàn trách mọc nặng nề việc ông Ca "phản Đạo", rồi từ đó Đức Thượng Đế, Đức Diêu Trì Kim Mẫu, và chư Thiêng Liêng khuyên răn dạy dỗ rất nhiều về việc Hoà Hiệp Thương Yêu, Quyền Pháp Đạo, danh dự và quyền lợi đất nước dân tộc v.v... Những Thánh Giáo này rải rác cùng tất cả miền Nam xứ Việt ở tất cả các chi các phái.

²¹⁷ *Đàn Cơ Tiên Bối Luận Đàm Đạo Sự*, Thánh Tịnh Ngọc Minh Đài, Sài Gòn ngày 16 tháng 5, 1969.

Việc chia rẽ này đã chi phối chư Tiên Khai rất nhiều, và tín đồ không ít. Dù không được bàn tán sâu rộng, trong Đạo vẫn nặng trĩu trong lòng những nỗi ưu phiền, buồn tủi âm thầm. Trớ trêu thay, không một vị lãnh đạo chi phái nào không nói "muốn thống nhất". Nhưng những cuộc vận động không mang lại kết quả nào cả. Trớ trêu hơn nữa là chính một số những vị hoạt động thống nhất cũng là những vị lập thêm chi phái. Ai ai cũng đồng ý để Thầy định đoạt, nhưng như ta đã thấy trước kia, Thầy đã tiên tri và đã dạy mà chẳng ai "vâng lời".

Hễ còn mang xác phàm thì cái gì trong con người cũng phàm cả. Kính Thầy thì có kính, nhưng cũng còn có nhiều 'bị' và 'tại' của cái phàm và cũng còn nhiều lý luận 'logic' tích cực và tiêu cực của phàm nữa. Thống nhất là của Trời (divine), là lý tưởng, mà chia rẽ là phàm phu tục tử. Thế mới biết học làm Trời vô cùng khó khăn, làm người cũng không dễ, mà làm phàm phu tục tử là lẽ thường. Đạo Cao Đài muốn mang con người ra khỏi chỗ tầm thường của phàm thế đó để tạo nơi cõi Trung Thiên này một cõi thiên đàng tại thế, lập lại những ngày Nghiêu Thuấn an lạc thanh bình vỗ bụng ngậm cơm cho con người.

Sau đây là những cố gắng thống nhất cơ Đạo:

A) Các Tổ Chức Thống Nhất

1) Cao Đài Đại Đạo Liên Đoàn (1936)

Phái Tiên Thiên trong giai đoạn này có lập nhiều đàn cơ, trong ấy có một số rất linh diệu do Liên Hoa làm đồng tử. Trong một số những đàn đó Ôn Trên có dạy lập một tổ chức gọi là Cao Đài Đại Đạo Liên Đoàn, đặt trụ sở tại Thánh Thất Cầu Kho. Một số nhơn vật được bầu lên trong một ban chương quản gồm có chư vị: Đốc Phủ Nguyễn Văn Kiên (Hội Trưởng), Cao Triều Phát (Phó Hội Trưởng), Đoàn Văn Bản (Phó Hội Trưởng), và một số người nữa. Nhưng tổ chức này không đi được đến đâu, vì có bất đồng ý kiến trong nội bộ chương quản ghi trên.

2) Liên Hoà Tổng Hội (1936)

Vì tổ chức Cao Đài Đại Đạo Liên Đoàn chưa làm được việc gì mà đã bị chết, nên Ôn Trên cho lệnh dạy chư vị: Nguyễn Phan Long, Đoàn Văn Bản, Trần Quang Nghiêm, Trần Văn Quế, hiệp với chư Chức Sắc Chức Việc Thánh Thất Cầu Kho và các Thánh Tịnh của phái Tiên Thiên để lập ra một cơ quan gọi là Liên Hoà Tổng Hội, với trách nhiệm là tổ chức các hội gọi là Hội Long Vân để vận động đi tới việc hoà hiệp giữa các chi phái. Có tất cả mười hai Long Vân Hội, và không có một kỳ hội nào mang lại kết quả như ý muốn. Các chi phái đi hội thì có, nhưng hiệp thì luôn luôn thờ ơ lạnh nhạt. Ôn Trên có tiên tri "kêu gọi hiệp mà thử lòng người" và lòng người được thể hiện cho đến ngày nay: Chia rẽ dường như là cái bệnh trầm kha của dân tộc, của người Việt, mà tự mình mình chữa không được. Chỉ có sức mạnh, hoặc huyền diệu Thiêng Liêng mới chữa được thôi. Nếu như thế, thì chắc có lẽ đất nước dân tộc còn phải đau khổ nhiều hơn nữa và lâu hơn nữa. Thật đau lòng!

Ôn Trên có dạy Liên Hoà Tổng Hội phải được giải nhiệm kỳ Long Vân Hội thứ mười hai, dù chi phái có hội hiệp hay không hội hiệp cũng thế, và có tiên tri rằng:

Liên Hoà vị hiệp Đạo lương vong

Lãnh tụ Khâm sai thọ nạn hồng.

Thật đúng như lời, sau Long Vân Hội thứ mười hai, thì Đệ Nhị Thế Chiến bùng nổ và Cơ Đại Đạo lâm đại nạn, cùng chung chịu số phận với nhơn sanh đất nước. Quân đội Nhật chiếm đóng Đông Dương, các Thánh Tịnh Thánh Thất bị đóng cửa, việc hành đạo trở nên vô cùng khó khăn, các Chức Sắc Đại Thiên Phong các chi phái đều bị đầy tù, an trí các nơi như Bà Rá, Lao Bảo, Dakto, Côn Đảo, Phú Bài, Madagascar, đúng như lời Ôn Trên đã tiên tri.

Tưởng cũng nên ghi lại đây mười hai Hội Long Vân để làm tài liệu:

a) Long Vân đệ Nhứt Kỳ lập tại Trước Lý Minh Đài, tại Thánh Thất của ông Tư Mắt (Phú Thọ, Chí Hoà)

- b) Long Vân đệ Nhị Kỳ lập tại Thánh Thất Thái Bửu Quan ngoại ô châu thành Bạc Liêu.
- c) Long Vân đệ Tam Kỳ lập tại Thánh Thất Trước Mai (làng Thới Lai, Quận Ô Môn, tỉnh Cần Thơ).
- d) Long Vân đệ Tứ Kỳ lập tại Thánh Tịnh Ngọc Minh Đài (Vĩnh Hội, Long Kiến, Sài Gòn).
- e) Long Vân đệ Ngũ Kỳ lập tại Thánh Tịnh Minh Đức (Bến Sỏi, Tây Ninh).
- f) Long Vân đệ Lục Kỳ lập tại một Thánh Thất nhỏ của phái Tiên Thiên ở Tiền Giang (không nhớ tên)
- g) Long Vân đệ Thất Kỳ lập tại Toà Thánh Châu Minh (Sóc Sãi, Bến Tre)
- h) Long Vân đệ Bát Kỳ lập tại Trung Thành Thánh Thất, ngoại ô Đà Nẵng, Trung Việt.
- i) Long Vân đệ Cửu Kỳ lập tại Thánh Tịnh Bát Bửu Điện (Trảng Bàng, Tây Ninh)
- j) Long Vân đệ Thập Kỳ lập tại Thánh Tịnh Kiêm Thành Long (Mỹ Tho)
- k) Long Vân đệ Thập Nhứt Kỳ tại Tây Tông Vô Cực Cung (làng Chệt Sậy, Bến Tre)
- l) Long Vân đệ Thập Nhị Kỳ lập tại Thanh Tịnh Minh Kiến Đài (làng Hạnh Thông Tây, Gò Vấp, Gia Định), ngày Rằm tháng 2 Canh Thìn (1940).²¹⁸

3) Cơ Quan Cao Đài Hiệp Nhứt (1945 - 1947) do chư vị Cao Triều Phát, Lê Kim Ty, Bùi Văn Nhân, nhưng rồi cũng không đi đến đâu. Ông Lê Kim Ty qui liễu năm 1948, và Cơ Quan cũng tàn tạ luôn theo.

4) Cơ Quan Cao Đài Qui Nhứt (1952) được tổ chức sau khi ông Nguyễn Bửu Tài được trả tự do ở Côn Đảo, cùng với chư vị: Trần Văn Tĩa, Phan Khắc Sửu, Nguyễn Văn Phụng,

²¹⁸ Trần Văn Quế, *Để Tìm Hiểu Các Chi Phái trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ*, Đại Đạo Nguyệt San, Toà Thánh Tây Ninh, Năm thứ 2, số 8, trang 27.

Phan Trường Mạnh, Lê Minh Tông, Trần Văn Quế ... là những người có tên tuổi trong Đạo, nhưng cũng không quật khởi được tâm đạo của nhơn sanh.

5) Cơ Quan Cao Đài Thống Nhất (1953) được tổ chức do lệnh cơ bút, tại Tam Giáo Điện, Minh Tân, Bến Vân Đồn, Vĩnh Hội, với một ban điều động gồm có chư vị Nguyễn Phan Long (Hội Trưởng), Phan Khắc Sửu (Phó Hội Trưởng), Trần Văn Quế (Tổng Thư Ký). Sau một giai đoạn hoạt động, Cơ Quan này họp Đại Hội tại Toà Thánh Châu Minh (Tiên Thiên) thành lập Ban Chương Quản như sau: Ông Nguyễn Bửu Tài (Hội Trưởng Danh Dự), Phan Khắc Sửu (Chánh Hội Trưởng), Nguyễn Trung Hậu (Phó Hội Trưởng Nhất), Lê Quang Nghi (Phó Hội Trưởng Nhì), và một ban Cố Vấn gồm có rất nhiều chi phái tham dự, nhưng rồi Cơ Quan cũng loanh quanh lẩn quẩn ở vùng Sài Gòn, Chợ Lớn và các Thánh Tịnh của phái Tiên Thiên mà thôi.

Từ năm 1936 cho đến năm 1953, với bao nhiêu cố gắng và hoạt động đó. Cơ Đại Đạo chia rẽ cũng vẫn hườn chia rẽ. Buồn hơn nữa, vào năm 1956, như ta đã thấy trước kia, lại thêm một chi phái nữa: Hội Thánh Truyền Giáo Trung Việt. Nhưng cũng may, và rất hoan hỷ ghi xuống rằng từ đây cho đến năm 1975, khi đất nước bị đại nạn, không có thêm một chi phái nào nữa!

B) Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý - Cao Đài Giáo Việt Nam

Cơ Quan này cũng do lệnh Ôn Trên mà lập ra với mục đích để siết chặt dây liên ái về phương diện tinh thần giữa các Hội Thánh, chi phái và các Thánh Thất Thánh Tịnh biệt lập. Lúc ban sơ, trụ sở đặt tại Tam Giáo Điện, chùa Minh Tân, 221 Bến Vân Đồn, Vĩnh Hội, Sài Gòn, và lấy danh xưng là Cơ Quan Liên Giao Hành Đạo.

Cho đến 1965, Cơ Quan này chưa tổ chức được, nên chưa có hoạt động chi thật sự. Năm này thừa lệnh Ôn Trên trụ sở dời về 165E đường Cống Quỳnh, Sài Gòn, gần chợ Thái

Bình, lấy danh xưng là Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam do Đức Chí Tôn ân ban ngày mùng một tháng Giêng Ất Ty (01 tháng 2, 1965). Mục đích được đề ra là "Cơ Quan là của toàn Đạo do Ôn Trên chỉ định lập ra để tổ chức các phương cách, phương pháp và phương châm với mục đích phổ thông và phổ biến trong nhơn sanh một giáo lý Cao Đài thuần nhất".

Một Thánh Dụ Qui Điều được ông Đại Sứ Đỗ Vạn Lý, thánh danh Minh Lý, thừa sắc lệnh của Ôn Trên, soạn thảo và được Đức Đại Tiên Lê Văn Duyệt chính duyệt, và Đức Lý Giáo Tông chấp nhận ngày 13 tháng 2 Bính Ngũ.²¹⁹ Và Ngọc Hư Cung cũng có ân ban Thánh Dụ

Ngọc Hoàng Thượng Đế Kim Viết Cao Đài Giáo Đạo Nam Phương.

Thầy các con.

Thế vận tuần hườn, Thiên cơ dĩ định, Thầy khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ tại Việt Nam là nơi các con cái của Thầy đang gặp gỡ nhau trên phương diện đạo lý, cũng là cơ hội hoằng dương chánh pháp cho Tam Giáo Đạo trùng hưng, hầu cứu rỗi nhơn sanh trong kỳ Hạ Nguơn mạt kiếp. Các con vì chí trung kiên với Đạo, thọ lãnh sứ mạng của Thầy mà tiếp nối công việc giúp đời hành đạo, trong khi các môn đệ của Thầy đã dày công nhọc sức, trải bốn mươi năm, nắm giữ đạo luật phổ độ nhơn sanh, xây dựng Thánh Thể của Thầy trên đất Việt Nam, để làm nơi dẫn dắt nhơn sanh đến tìm Thầy trong sự dưỡng dục quân sanh mà an tâm định mạng, thì quyền pháp và phẩm vị là để sắp một hệ thống trong Thánh Thể hầu hiểu rõ giáo lý cao siêu của Đại Đạo, mà Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý là bộ máy tinh vi ráp bằng gan, bằng óc, bằng kiên tâm, đạo tâm để phát tiết

²¹⁹ Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ:

Giờ này, Bản Đạo lãnh lệnh Linh Tiêu Bửu Điện cùng Cộng Đồng Tam Giáo, nhơn danh Giáo Tông Đại Đạo, đến chấp nhận Bản Dự Án Qui Điều Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý mà Đức Lê Đại Tiên đã duyệt khán một lần chót, và ban Sắc Lệnh tại Nam Thành Thánh Thất, Năm Đạo 41, Bính Ngũ (Thánh Dụ Qui Điều, 1965, trang 19).

những động năng hầu thực hiện chơn lý thuần nhất của Đại Đạo cho Nhơn sanh lãnh hội.

Các con là đoàn người khai sơn phá thạch, để các nguyên nhân tìm vào cửa Đạo, hầu đem Đạo Cao Đài truyền bá mọi nơi cho vạn linh rõ biết mà trở lại cùng Thầy. Trong khi các con thi hành sứ mạng, trên phải đức độ khoan dung, dưới phải khiêm cung hoà ái, giữ đạo hạnh, rèn luyện đạo tâm, thương yêu, kiên nhẫn, tri thủ, hi sinh, hầu cứu rỗi linh hồn của con khỏi sa đọa, và cứu rỗi cho mọi người. Đó là con đã hoàn thành sứ mạng.

Lời nguyện khẩn cầu của vạn linh đã thấu đến Ngọc Hư Cung hiệp cùng Thiên điển, viết ra lời Thánh Dụ hôm nay, thì các con là sứ mạng từ trên Thầy ban xuống, từ dưới nhân sanh dâng lên, các con hãy chú trọng.

Thầy sẽ cho chư Phật Tiên Thánh Thần đến giúp đỡ các con và toàn Đại Điện sẽ ủng hộ các con trong chí thành tâm đạo.

*Ngọc Hư Cung ân tứ*²²⁰

Một Ban Thường Vụ gồm có một Tổng Lý Minh Đạo, một Hiệp Lý Minh Đạo, một Tham Lý Minh Đạo, và một Tổng Thư Ký được lập ra để điều hành, điều khiển Cơ Quan. Dưới đó có một số Văn Phòng Vụ Trưởng, các Ban, Giáo Sĩ, Tu Sĩ v.v... Tổng Lý Minh Đạo, Hiệp Lý Minh Đạo, Tham Lý Minh Đạo, và Tổng Thư Ký là Tứ Trụ của Cơ Quan, mà ba vị đứng đầu là những vị làm chánh sách và vạch đường lối, còn Tổng Thư Ký là chấp hành.

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý theo lệnh Ôn Trên là Cơ Quan cuối cùng của Cơ Đại Đạo ở tại Việt Nam, với một nhiệm kỳ hai mươi năm kể từ năm 1965, như Ôn Trên đã định. Thật thế, đến năm 1985, sai lệch một vài năm, tất cả những vị có trọng trách trong Cơ Quan đều được Đức Chí Tôn gọi về, hoặc ra đi hết. Có thể nói, đến đây là hết một nguồn sáu mươi

²²⁰ *Thánh Dụ Qui Điều*, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, Sài Gòn, 1965, trang 19.

năm của Cơ Đại Đạo hành đạo trong nước Việt Nam, chấm dứt một giai đoạn đầu tiên của đời sống của Cơ Cao Đài Giáo. Hai mươi năm đã được Đức Chí Tôn ấn định cho Cơ Quan là hai mươi năm vót vát cho Cơ Đạo sau sự thất bại của những cố gắng thống nhất trước đó.

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý được tổ chức trên căn bản kinh nghiệm đã thâm nhập được sau bốn mươi năm hành đạo của người Việt Nam, giữa người Việt Nam với nhau, với một mong vọng nó sẽ giúp giải quyết một vài vấn đề căn bản của Cơ Đại Đạo của Việt Nam hầu tạo được cái mẫu chốt hay cái thể cho việc hoằng dương Chánh Đạo ở nước ngoài trong mai hậu. Cái lẽ dễ hiểu nhất là vì nước Việt Nam là một thí điểm cho một cái pháp vô vi cần phải được hữu hình hoá hay cụ thể hoá ở nước Việt Nam, lấy sự thành công ở đó làm cái mẫu để phát huy cái thể của Đại Đạo ở các nơi khác.

Cái thể ấy, nếu không có được trong từng bực hữu hình thì Ôn Trên sẽ vận chuyển vô vi để Cơ Đại Đạo được hoàn thành sứ mạng của nó ở quả địa cầu 68 này như đã Thiên định. Và nếu để Ôn Trên vận chuyển thì Việt Nam cũng không qua khỏi được cái nạn phải trả cho xong cái cộng nghiệp của mình theo định luật của Thiên Điều. Như thế thì cái đại công quả của Đức Chí Tôn đã đặc biệt dành cho dân tộc Việt đã mất cơ hội ngàn năm một thuở để được làm hầu trả cái cộng nghiệp đó.

Vì lẽ đó mà Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý được thành lập hơi khác các chi, các phái, các nhóm khác trong Đạo từ trước tới giờ. Đây cũng là một lẽ mà phần này được xem xét riêng biệt, chứ không đề cập chung với những phần trước. Nơi đây cũng nên ghi nhận ngay một việc là Cơ Quan này cũng nhằm vào mục đích thống nhất Đạo chứ không phải không. Nhưng phương pháp để đi đến mục đích đó không trực tiếp như những Hội Long Vân hoặc những nhóm khác. Cơ Quan hướng về cơ thống nhất một cách gián tiếp, coi đó như là một kết quả đương nhiên của chương trình phổ thông một giáo lý Cao Đài thuần nhất mà tất cả toàn Đạo đồng phải chấp nhận.

Cái khác biệt của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý là Cơ Quan chỉ là một cơ quan thôi. Như một cơ quan thì nó không phải là, cũng như không có quyền hạn của một Hội Thánh,

Thánh Thất, Thánh Tịnh, không nằm trong luật Đạo, dù rằng Cơ Quan rất kính trọng và tuân theo Tân Luật và Pháp Chánh Truyền. Cơ Quan không có Phận Đạo riêng của mình, không có tín đồ riêng của mình, không nhập môn, không tắm Thánh, không có Chức Sắc, không tùy ai mà cũng không lãnh đạo ai. Chỉ có một Văn phòng với một số Phận Sự và đạo tâm tình nguyện. Là một Cơ Quan nên cũng không có phép và không có quyền hành quan hôn tang tế sự. Cơ Quan chỉ có một nơi nhỏ thờ phượng Đức Chí Tôn và cúng tứ thời (chapel). Vì thế Cơ Quan không có cái chi để tranh giành, để chống đối, để giành dân lẫn đất, không có cái chi để có thể cho mình lớn hơn hay nhỏ hơn ai cả. Cơ Quan cũng không có sổ Công Nghiệp để đem dâng trình cho ai để lên phẩm, lên vị, lên chức. Phận Sự niên kỷ cao thì được gọi là Đạo Trường, hoặc Đạo Huynh, Đạo Tử, còn nhỏ tuổi hơn thì Đạo Đệ, Đạo Muội. Cơ Quan chỉ chú trọng vào tinh thần, vào giáo lý, vào phụng sự Thượng Đế để giúp đỡ tất cả các chi phái, các nhóm, và nhơn sanh. Tất cả cái chi trong Đạo: của cải, Thánh Đường, Thánh Thất, Thánh Tịnh, Văn Phòng, Tín Đồ, nhơn sanh v.v... là của Thượng Đế tất cả. Phận Sự trong Cơ Quan chỉ còn có một cái giống với tất cả các chi các phái và nhơn sanh ở nơi có Thập Tam trong người mình (Thất Tình Lục Dục). Vì thế mà Ôn Trên bắt buộc các Phận Sự phải "Vô Ngã Kiềm", do Ôn Trên xét và kiểm cho mỗi cá nhân. Nhưng đó cũng là vấn đề nội bộ thôi.

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam chỉ là một cơ quan thôi, không có lợi mà cũng không có quyền, nên không cạnh tranh, không giành giật, không dẫm chân lên ai cả, chỉ cho, chỉ hiến dâng chứ không lấy, không thâm nhập của ai trừ ra của Thiêng Liêng mà thôi, cũng không ăn bánh vẽ mà cũng không cho ai bánh vẽ. Cơ Quan chỉ có tinh thần và tinh thần mà thôi.

Cơ Quan làm việc cho Thượng Đế, theo ý muốn của Ngài, vì thế cho nên là của toàn Đạo, là của toàn nhơn sanh trong vũ trụ. Trước cái không thành công của Cao Đài Giáo Việt Nam, Cơ Quan là một "mẫu chốt", hay nói rõ hơn: Giáo Lý Đại Đạo là "mẫu chốt", và Cơ Quan là một "bộ máy tinh vi" lấy tinh thần Cao Đài Giáo Việt Nam nối với tinh thần Đại

Đạo, lấy tinh thần Đại Đạo nối với tinh thần của vũ trụ hoàn cầu, lướt qua cái không thành công hoặc chưa thành công của Cao Đài Giáo ở Việt Nam vậy.

Nếu giáo lý là một cây cầu nối liền các chi phái ở Việt Nam thì giáo lý, theo lẽ cũng phải là cây cầu nối liền Cao Đài Giáo Việt Nam với các tôn giáo bạn ở Việt Nam và ở cả thế giới năm châu bốn biển vậy.

Cũng vì lẽ tinh thần này và phương châm hoàng dương Chánh Đạo như thế này nên Cơ Quan không nên chấp lăm về phương diện hình thức bề ngoài đã được thể hiện và áp dụng các nơi, dù rằng mong mỏi các nơi đều thể hiện một hình thức thuần nhất trong Đạo đúng theo tinh thần Pháp Chánh Truyền Tân Luật, và những điều đã được Đức Chí Tôn dạy dỗ, tức là Chơn Truyền Chánh Pháp. Cũng vì lẽ này nên Cơ Quan cũng lấy phương pháp song tu cho những Phận Sự và cho luôn những ai muốn cùng theo phương pháp đó. Song tu là vừa tu phước vừa tu huệ, nghĩa là phổ độ cùng với vô vi.

Đến năm 1985 là chấm dứt nhiệm vụ của Cơ Quan theo Thiên ý. nhưng Thiên ý chưa nói rõ ràng "chấm dứt nhiệm vụ ở Việt Nam mà thôi, hoặc hoàn toàn vĩnh viễn ở các nơi khác nữa. Người viết mấy hàng này tưởng rằng ý của Ông Trên là chấm dứt nhiệm kỳ của Cơ Quan ở Việt Nam, chứ các nơi khác, nghĩa là ở ngoài nước Việt Nam, vẫn còn phải tiếp tục hành đạo trên con đường tinh thần đó cho đến khi nào Đại Đạo hoàn thành sứ mạng và trở về Thánh Địa và Tổ Đình ở Việt Nam. Còn trong trường hợp mà Thiên ý là chấm dứt vĩnh viễn nhiệm kỳ của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý vào năm 1985, thì một viên ảnh gian lao, điều đứng cho toàn nhơn sanh có lẽ khó tránh khỏi.

Cái quan trọng của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý ở Việt Nam thật không thể nào tả được, trong ý nghĩa rằng nó là cái phương châm chót và duy nhất sau mười hai Hội Long Vân được áp dụng để cứu vớt cái không thành công của Cơ Đạo ở thí điểm Việt Nam, và là cái phép Thánh chót để cứu vớt toàn thể nhơn sanh ra khỏi cái đại thống khổ hữu hình trong tương lai ở thời kỳ mạt kiếp này trước thời kỳ Đại Hội Long Hoa. Cũng vì cái lẽ quan trọng ấy mà từ ngày khánh thành Cơ Quan

cho đến nay, Đức Chí Tôn, Phật Mẫu, chư Thiêng Liêng, và tất cả chư Tiên Khai ở các Chi Phái đều giáng cơ ở tại đây để dạy Đạo và diu dắt những Thiên Ân Sứ Mạng. Cho đến Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc cũng nói rõ rằng không giáng cơ ở Toà Thánh Tây Ninh vì Toà Thánh đã bị đặt vào cái thế của một Chi, và Đức Hộ Pháp nhờ Cơ Quan chuyển lời về cho Toà Thánh, nếu cần.

Quan trọng như thế, nhưng có được mấy ai ý thức và thấu đáo nổi? Cái thương của Thượng Đế là cái thương vô vi, không lời, nhưng rất trọn vẹn, mà con người phạm thì cảm được, ý thức được ở tâm mà thôi, nếu tâm đó thật là đạo đức, thật là tin tưởng, thật là chí thành chí kính. Khi ban sắc lệnh cho Cơ Quan, Đức Chí Tôn đã có nói rõ:

*Thầy sắc ban Văn Phòng Giáo Lý
Cho con nào có chí hy sinh
Vì Chánh Đạo, dám quên mình
Dem tài phục vụ nhơn sanh buổi này
Thầy không mượn lâu dài Chùa Thất
Mượn lòng con chơn thật mà thôi
Không chức sắc, không vị ngôi
Mà còn khổ cực, còn hồi gian nan
Trước liệu lượng, sau toan hứa hẹn
Lãnh lệnh Thầy, đừng thẹn với Thầy
Thủy triều vận tải Đông Tây
Danh con được rạng, Đạo Thầy hoằng dương.²²¹*

Đức Ngô Đại Tiên giáng đàn ngày 13 tháng 2 Bính Ngọ (4 tháng 3, 1966) tại Sài Gòn có giải thích danh từ ‘Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam’ như sau:

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý là bộ máy điều hoà rộng khắp cả.

²²¹ *Thánh Giáo Sư Tập* 1965, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, 1965, trang 19.

Giáo Lý là dạy lẽ phải. Chữ Lý nơi đây cần hiểu rõ thêm rằng: Trời thuở chưa dựng nên Trời Đất, ở trong khoảng không gian có một khối khí thanh mờ mịt yên lặng trống không mà vẫn vẫn khắp chốn. Trong cái khối ấy có một điểm sáng, đó là Lý, mà cũng gọi là ngôi Thái Cực.

Lý biến hoá âm dương. Âm dương ngưng tụ tạo thành càn khôn vạn vật. Lão Tử tạm gọi là Đạo. Vì sự cao siêu màu nhiệm biến hoá vô cùng, gương kêu là Đạo. Lý là Đại Đạo. Lý Đạo hay là Đạo Lý vẫn ở khắp mọi nơi.

Quân minh, thần trung là Đạo Lý. Phụ từ, tử hiếu là Đạo Lý. Phu thê tương ái, huynh đệ tương thân, bằng hữu tương tín là Đạo Lý. Đạo Lý không những ở trong hình thức tu hành mà thôi, lai còn ở trong khắp vạn vật chí linh. Có Đạo Lý thì cỏ cây sanh trưởng thấu tàng. Có Đạo Lý thì vật mới được noãn khai thấp hoá. Có Đạo Lý thì người mới được tấn thối trường tồn, vẫn vẫn...

Đạo Lý vẫn ở trong các sinh hoạt, từ cái hết sức lớn đến cái hết sức nhỏ. Đạo Lý là sự hằng sống của muôn loài vạn vật. Đạo Lý là sự điều hành càn khôn vũ trụ, năm tháng ngày giờ ...

Còn năm chữ 'Cao Đài Giáo Việt Nam':

Cao Đài là một tá danh của Thượng Đế khi đến mở Đạo tại Việt Nam. Nay để chỉ sự ứng dụng của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý.

Còn chữ 'Giáo' sau này là tôn giáo hay là đạo giáo, chứ không phải là dạy. Tôn giáo là cửa vào Đại Đạo, vào Chơn Lý.

Còn hai chữ 'Việt Nam' là thời kỳ thứ ba mà cũng là thời kỳ chót Thượng Đế đến đây mở Đạo. Việt Nam là cái rún của Năm Châu, tất cả đâu đâu cũng đổ dồn về rún. Từ Phật, Pháp, Tăng, Nho, Lão, Thích đều cũng đi

vào ngưỡng cửa đó để nhìn chung Lý Đạo là lý duy nhất của Thượng Đế.

Đài cũng là cái đài. Cái đài tối cao trọng đại, chứa đựng từ bi, cảm ứng, trung thứ, tam qui ngũ giới, tam nguồn ngũ hành, tam cương ngũ thường. Đài là nơi, là vị trí tập trung tất cả các xu hướng đạo giáo hay tôn giáo, phát tiết ra từ nơi đây với bao nhiêu sự mâu nhiệm cao siêu huyền bí.

Vì sự kiện trọng đại như vậy nên người tin đồ của Thượng Đế không phân chấp ngã nhĩ, chẳng luận sắc tóc màu da, không chia chi rẽ phái, không nhìn nhận sự chia rẽ giữa các hình thức tôn giáo, vì chỉ có một bàn tay của Thượng Đế, tùy thời kỳ, tùy trình độ địa phương, tùy duyên nghiệp, đến mở Đạo cứu đời.

Người tin đồ Cao Đài luôn luôn tôn trọng các xu hướng tín ngưỡng, đem tình thương hoà đồng khắp cả mọi giới, đem thiện cảm gieo rắc mọi nơi, để người người đều nhìn nhận cái Lý duy nhất là cứu thế qua khỏi cơ tận diệt, hầu xây dựng hoà bình hạnh phúc nhơn loại dưới ngưỡng cửa Đài Cao.

C) Tại Sao Không Thống Nhất Được?

Tại sao lại không thống nhất được? - Một câu hỏi đã làm hoang mang rất nhiều những người làm đạo đi sau có cảm tưởng dường như càng vận động thống nhất, càng có sự dạy dỗ, khuyên lơn, khuyên cáo của chư Thiên Liêng chừng nào thì sự chia rẽ càng trầm trọng chừng nấy. Có lẽ những người hành đạo đi sau bức tức hơn là hoang mang, bức tức cho sự việc, vì sự việc đã biến thành những chướng ngại vật cho sự tiến triển của cơ Đạo mà mình muốn để vào một tay xây dựng.

Những nguyên nhân mà Đức Hộ Pháp đã tóm tắt trong Thánh Giáo năm 1969 cho Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam thật rất đầy đủ và rõ ràng, mà người tín hữu Cao Đài đã hiểu như vậy từ trước kia, nhưng thấy quá táo bạo mà sợ thất kính không dám hở môi thôi. Những nguyên nhân đó đã chia rẽ nội bộ cơ Đạo, chia rẽ lẫn nhau, thì chính

những nguyên nhân đó cũng là những vách tường ngăn cách không cho thông nhứt. Nhưng ở tận đáy, ở dưới cùng các nguyên nhân đó còn có một nguyên nhân căn bản mà Chí Tôn luôn luôn nhắc nhở, xây dựng, khuyến khích, và lấy đó làm nòng cốt cho việc khai Đạo kỳ này, ấy là tình thương. Thấm thía ôi là thấm thía lời than thở của Thầy:

Thầy đến cùng các con chỉ trông cậy một điều là làm phương nào các con đặng thiết lòng thương yêu hoà thuận cùng nhau.

hoặc trong câu:

*Thầy không mượn lâu dài Chùa Thất
Mượn lòng con chơn thật mà thôi.*

Thầy chỉ trông có một điều là thiết lòng, là chơn thành mà thôi. Với Thầy, Thầy muốn ở các con một tấm lòng, nhưng không phải bất cứ tấm lòng nào, mà tấm lòng chơn thật mà thôi; trước mắt Thầy cũng thế, sau lưng Thầy cũng thế, có Thầy cũng thế, không có Thầy cũng thế. Còn giữa các con Thầy thì Thầy cũng muốn thấy con cái Thầy thương yêu hoà thuận với nhau, nhưng không phải thương yêu hoà thuận đầu môi chót lưỡi, thương yêu hoà thuận trên giấy tờ, văn hay chữ tốt, mà thiết lòng, vâng, thiết lòng nghĩa là thương yêu hoà thuận.

Nếu cái thiết lòng đó có, nếu cái chơn thành đó có, và nếu cái tình thương yêu hoà thuận đó thật có, thì các nguyên nhân mà Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc nêu trên kia chắc có lẽ đã được giải quyết từ lâu rồi. Vì lẽ tình thương chơn thành (thiết lòng thương yêu) sẽ khắc phục một cách dễ dàng những "chỗ vị kỷ, vị danh, vị lợi, cũng như tự ái, tự đại, tự tôn". Hễ thiết lòng thương thì sẽ hiến dâng trọn vẹn, mà hiến dâng trọn vẹn thì cái 'ta' chỉ còn là để phục vụ cho cái tình thương đó mà thôi. Thương ở đây là thương Đạo, thương Thượng Đế, thương nhơn sanh, thương con cái Đức Chí Tôn, thương anh chị em của mình, thương đồng chủng nhơn loại, thương quần sanh, thương đất nước dân tộc. Mà hễ thiết lòng thương rồi thì tự nhiên là thiết lòng tin. Mà thiết lòng tin thì không còn tí gì nghi ngờ nữa - cái mà Thầy thường dạy trong Đạo ở những ngày đầu.

Nghi kỵ là một nguyên nhân nữa để chia rẽ nhau. Mà nghi kỵ là do bởi mất chữ tín với nhau -- là bội tín, là thất tín mà ra. Thật thế, lúc mới khai Đạo, tất cả các chư vị Tiên Khai đều cùng nhau chung tay góp sức để giúp Thầy lập Đạo, tin tưởng nơi nhau, một lòng một dạ, chia ngọt xẻ bùi, chi chi cũng cùng nhau bàn thảo, rót hết cả tâm thành với nhau, bày tỏ cùng nhau bao điều thâm kín tâm tư trước những trở lực bao quanh tứ phía, che chở cho nhau trước những cạm bẫy đầy đây hàng ngày một của thực dân đô hộ v.v..., nói một cách khác, tin nhau như thể tay chân. Rồi đến một lúc nào đó, thỉnh linh có việc "mặt nhứt hồi mô thấy xẻ hai ... bụng muốn phân chia hỏi bởi ai?". Câu hỏi này bắt đầu đặt một dấu hỏi trong lòng những đồng môn của Thượng Đế. Dấu hỏi đó cứ theo cái đà nút rạn kể từ Thánh Thất Cầu Kho, Ban Chính Đạo, Tiên Thiên v.v... mà lớn dần lên cho đến đôi mối nghi kỵ càng ngày càng ăn sâu vào tâm tư, trước nhứt, của những vị đứng đầu các Chi Phái, rồi sau nữa của người Cao Đài nói chung trong toàn Đạo.

Một khi mối nghi kỵ đã nảy nở trong lòng người thì một vấn đề tâm lý đã được đặt thành. Rồi từ đó đến sau, không một ai tin ai nữa, dầu có nói bao nhiêu lời, dầu có viết bao nhiêu chữ, dầu có họp bao nhiêu phiên lần đi nữa. Vấn đề tâm lý này không thể nào giải quyết được, nếu không được mang ra mổ xẻ một cách khách quan chân thành. Từ năm 1935 cho đến bốn mươi năm sau, nghĩa là năm 1975 trước khi đất nước bị lâm vào đại nạn ngày 30 tháng 4, vấn đề tâm lý này không được mang ra một lần nào để giải quyết, vì một lẽ nào đó, nên vấn đề thống nhứt cũng không thể thực hiện được.

Thế cũng chưa hết, vấn đề tâm lý này đã được nảy sanh ra rồi để lại sanh ra những vấn đề tâm lý phụ thuộc (by-products) mà về lâu sau này đã trở thành một mạng nhện bện tâm lý nan y, bao trùm tất cả những cái "tự ái, tự đại, tự tôn" đã được ghi trên. Bệnh tâm lý này hết phương cứu chữa, bệnh chia rẽ đến đây khó mà làm gì được.

Nếu những bệnh tâm lý này mà không được cứu chữa sớm đi thì một ngày nào đó sẽ biến chứng thành bệnh phụ phụ thuộc (by-by-products) và cứ theo cái luật đó mà biến chứng

mãi cho đến khi nào không thể làm gì được nữa, để rồi cuối cùng bệnh nhân sẽ bị tiêu diệt.

Đứng về một khía cạnh khác nữa thì cũng thấy hiện diện trong Cơ Đạo suốt thời gian những bệnh khác nữa rất thường tình trong nhơn sanh trên tất cả cõi dinh hoàn là: "vị kỷ, vị danh, vị lợi", mà trong Đạo thường đề cập đến một vài phương diện gọi là "cân đai áo mao", "chức tước", "lấy danh Đạo tạo danh đời", và "làm lãnh tụ" là nổi nhứt chẳng trong phần chia Chi lập Phái. Các bệnh kia còn có thể chữa được, khó chữa nhưng cũng còn có thể chữa được, chứ bệnh cuồng vọng "làm lãnh tụ" thì thật vô cùng khó khăn, thật là nhiều, quá nhiều, lan tràn trong xã hội Việt, chỉ có chức "lãnh tụ" mới giải quyết được cái bệnh "lãnh tụ" mà thôi.

Cứ phóng tầm mắt chung quanh chúng ta trong Đạo cũng như ngoài đời thì thấy rõ, không cần phải biện chứng gì cả. Trong Đạo thì chỉ trông vào thành phần các Chi Phái, và phẩm vị của thành phần đó thì thấy rất rõ ràng. Chỉ đến tìn đồ cũng chưa an phận tu hành để tăng tiến mà còn muốn làm "Nguyễn Soái" để rồi bị bỏ vào nhà thương điên.

Trái ngược lại, khi viết đến đây, nhớ lại Đức Ngô Đại Tiên không nhận phẩm Giáo Tông để "quyết xuất thế để tìm đến bậc siêu đẳng pháp môn, hầu giúp vào Cơ Đại Đạo để cứu cánh dân tộc trong khi còn đô hộ", và nhị vị Tiền Khai Phạm Hộ Pháp và Cao Thượng Phẩm vì "đặt đạo lý Chí Tôn, quyền pháp, và nhơn sanh lên trên hết, và (vì) tự trọng, vì danh dự của quốc gia dân tộc và đạo pháp" mà bước ra khỏi Toà Thánh Tây Ninh để tu tịnh nơi Khổ Hiền Trang và nơi Thảo Xá, không để cho thực dân mưu hại Cơ Đạo. Những cử chỉ vô tư kỷ đó thật là cao thượng, đáng kính, đáng phục vô cùng. Những cử chỉ đó khác hẳn với thường tình làm cho ta hết sức hãnh diện và cảm động.

Nếu ai cũng muốn làm lãnh tụ hết thì làm sao có một lãnh tụ cho tất cả được? Mà không có một lãnh tụ cho tất cả được thì Cơ Đạo không khi nào thống nhứt được. Mà vấn đề chọn một vị lãnh tụ cho tất cả, theo lẽ phải, không thành một vấn đề, vì lẽ ngoài đời cũng như trong Đạo, có đầy đủ phương pháp để giải quyết nó một cách dễ dàng nếu thành tâm muốn.

Thành vấn đề là vì nơi đây không chịu đặt ra, hoặc không muốn đặt ra để giải quyết, nghĩa là không muốn vấn đề được giải quyết.

Đó cũng là một lẽ nữa làm cho Cơ Đạo không thống nhất được.

Những lẽ khác nữa làm cho Cơ Đạo không thống nhất được nằm trong những gì Thầy và Đức Hộ Pháp đã ghi trong hai bài Thánh Giáo đã trích trước kia. Nếu lấy từng chữ trong hai bài Thánh Giáo ấy mà minh chứng thì chắc phải mất rất nhiều thời giờ và bút mực. Đây không phải là nơi làm việc đó. Nơi đây chỉ vồn vện nêu lên một vài ý kiến, mong nhận mạnh một vài khía cạnh để làm bài học để thực tập ngay bây giờ.

Sự hiện diện của phạm tâm trong Đạo là để cho người phạm thẳng để bước lên con đường Đạo, chứ phạm tâm không thể nào cản ngăn được những gì Trời Đất đã định, cũng như Thượng Đế đã nói với Monet: "*Con tưởng Thượng Đế không làm được cái gì Thượng Đế muốn hay sao?*" Câu hỏi này cũng được đặt với tất cả những ai đã có lòng chia rẽ trong Đạo, chia rẽ dầu lớn dầu nhỏ.

Chia rẽ có thể làm chậm sự tiến triển của Đại Đạo, chứ không khi nào phá hại được Đạo, vì chương quản của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là Thượng Đế. Mà Thượng Đế là vô vi. Vô vi thì có ai phạm tục phá được đâu. Hơn nữa, vô vi này là vô vi Thượng Đế thì tất nhiên tuyệt đối. Phá thì được chớ hại thì chắc không được rồi!

Ngoài ra những nguyên nhân trên đã làm cho Cơ Đạo không thống nhất được, còn có một vài trở trêu, tương cũng cần ghi riêng biệt ra để lưu ý.

Trước nhất, chính những vị đã tự tách rời ra khỏi Tây Ninh để lập Chi Phái cũng là những vị hô hào hoạt động mạnh nhất cho Cơ Thống Nhất. Nhưng trở trêu thay, chư vị càng hô hào chừng nào, càng hoạt động mạnh chừng nào, lâu chừng nào, lại càng bị nghi ngờ nhiều chừng nấy. Cái lẽ tự nhiên là vì cái gút tâm lý nêu trên không được cởi tháo; cái mê hồn trận nghi ngờ đã đưa chư vị vào một cơn gió trời quay tít không còn

lối thoát nữa. Vì thế cho nên mãi cho đến năm 1954 hầy còn lập Hội Thánh để khánh thành vào năm 1956!

Thứ đến là sau này khi thấy việc thống nhất thành một việc Đạo rất thời trang được ai ai cũng đề ý đến, nên có những cá nhân tranh giành đề hoạt động, tạo thành một phong trào "thống nhất ngầm chống thống nhất" với ý đồ là để Chi Phái mình được cái danh dự làm việc đó. Vì thế mà có những mưu mô, giữ miếng mà Thầy đã phiến trách trước kia. Bên ngoài thì hắc cần bạch y gặp nhau thì bầy bụi, chào chào mừng mừng vui vẻ, nhưng bên trong thì phân ai nấy lo lắng, miếng ai nấy giữ. Có nhiều khi vì quá say mê trong dục vọng mà đâm ra ruồng rẫy xua đuổi ngầm ngấm tể nhị, để lại cho đồng đạo một cái vị hoặc một cái hậu đắng chua. Thống nhất cho Cơ Đạo thì quý hoá vô cùng, nhưng thống nhất cho quyền lợi hoặc cá nhân mình thì gây ra tình trạng "thống nhất phản thống nhất", nghĩa là làm cho chia rẽ càng thêm chia rẽ.

Tiết III: Hậu Quả của Việc Chia Chi Lập Phái

Việc chia Chi lập Phái đã gây rất nhiều dao động trong Đạo lúc ban đầu; những gì Thầy đã nói về việc này như tranh chấp, giành giật, tiếng to tiếng nhỏ, người phải người quấy, "tại" chỗ này "bị" chỗ kia v.v... đã làm cho các Chi Phái càng ngày càng xa nhau, hồ không đào mà sâu. Nhưng rồi với thời gian, các dao động ấy bề ngoài cũng lắng dịu dần, nhưng bề trong những khác biệt được tao ra ở mỗi nơi để các chi phái càng ngày càng cách biệt nhau như ta đã thấy ở nội bộ mỗi nơi, mà Thầy hằng nói bóng là "các con cái của Thầy đang cùng có hành chánh ở địa phương mình".

Sau bao lần vận động thống nhất không thành công, và sau bao năm kinh nghiệm trong việc chia Chi lập Phái, dường như phần nhiều cũng cảm thấy cái khôn mà không ngoan của việc chia rẽ, dầu cái "ta" cũng hầy còn quá nặng trong người. Một Tiên Bối,²²² trong lúc đó hầy còn đang tiên, có thốt ra những lời nói rất chí lý, phản ảnh rất trung thực những kinh

²²² Giáo Sư Trần Văn Quế

nghiệm đau buồn của một cuộc đời lặn lội trong cái mê hồn trận chia rẽ mà chính mình cũng có đặt tay vào để xây lập:

... mỗi Chi Phái sống riêng rẽ không khi nào đủ nonh lực, tài lực, vật lực mà làm một công việc chi cho vĩ đại ... sự chia Chi rẽ Phái đã phân tán một cách khốc liệt nhân lực, tài lực, vật lực của Đạo Thầy, điều mà người hữu tâm vì Đạo rất lấy làm đau đớn ... Rốt cuộc Chi Phái Đạo Thầy tuy đông, tổng số tín đồ tuy lớn mà không được người kính nể là tại vậy.

Vì không biết đoàn kết giữa nhau, các Chi Phái sẽ lần lượt bị bẻ gãy, bị diệt vong một cách đau đớn. Cái gương bẻ gãy đũa vẫn sờ sờ đó ... Câu "đoàn kết là sống, chia rẽ là chết" đáng được ... chúng ta nhớ luôn ... Nếu một Chi Phái tạm thời được để yên thì đừng vội cho là địa vị của mình đã vững chắc, mà trái lại cần phải nhớ đến cái lẽ: "môi hở thì răng lạnh" xưa nay người đời thường nói ...

Vì sống lẻ loi riêng biệt các Chi Phái sẽ tự mình đi đến chỗ suy đồi để rồi tự diệt. Nhưng khổ nỗi, tội trạng ấy toàn thể nonh sanh sẽ chịu. Trong bài Sám Hối Long, Đức Tể Thiên Đại Thánh có nói như vậy:

*Đời Chiến Quốc giựt gành cũng phải
Đạo cạnh tranh mới trái lắm đũa!*

A... B... một Chúa hai Cha

C... D... tắt đuốc cửa nhà một ngôi

Đạo như thế để ngôi khoanh ngó

Nhót nonh sanh vào rọ làm môi

Cũng vì lộc cả cao ngôi

Hại nonh sanh chịu đứng ngôi không yên.²²³

Trong khi bài Thánh Giáo của Đức Phạm Hộ Pháp đưa ra ánh sáng những nguyên nhân sâu xa của việc chia Chi lập Phái thì những hàng trên đây nói lên tiếng nói về những hậu quả đau

²²³ Trần Văn Quế, *Để Tìm Hiểu Các Chi Phái Trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ*, Đại Đạo Nguyệt San, Toà Thánh Tây Ninh. 1965, số 8, trang 30.

đón, tai hại của việc các Chi Phái sống riêng rẽ không đoàn kết với nhau, mà người viết mấy hàng trên có kinh nghiệm trực tiếp trong cả một cuộc đời hành đạo chẳng chịt bởi những gì mà Thầy gọi là phạm tâm: hờn giận, dối trá, gạt găm nhau, phản phúc lẫn nhau, nhục nhã lẫn nhau, mưu hại lẫn nhau, giành giật quyền hành, gây điều bất chánh v.v... Đó cũng là lời than tiếc, thất vọng của hành giả sau bốn mươi năm hành đạo trong cái mê hồn trận câu kết. chia rẽ, thống nhứt bất thành, và khi bóng xế tà đã phủ lên đời mình, khi chân mỗi góit dùn, mới nảo nề ý thức rằng nhứt kỹ không thể nào "làm một việc chi cho vĩ đại" được, và tai hại hơn nữa sẽ đi tới chỗ tự diệt, còn các Chi Phái sẽ "bị diệt vong một cách đau đớn". Đó cũng là tiếng kêu gọi cảnh tỉnh từng hồi của người Huynh Trường đã làm, đã thấy, đã biết, đã khô ... thúc giục những ai còn ảo tưởng mau hồi đầu trở lại con đường "đoàn kết".

Nhưng đây chỉ là để "đoàn kết" thôi, chứ chưa nhứt thiết là để "thống nhứt", và cũng vì thế cho nên Chi Phái vẫn tồn tại, tinh thần "thống nhứt" không thể quật khởi nổi hầu đến chỗ thực hiện được. Nếu "đoàn kết" có thực hiện được, những gì mong ước "vĩ đại" cũng không thể thực hiện được. Và tất cả cũng đều đi đến chỗ tàn tạ, diệt vong như ta đã thấy ngày nay.

Đoàn kết là "hiệp", thống nhứt là "hoà". Thầy đã dạy và nay đã được thực nghiệm là "hiệp" mà không "hoà" thì rồi "hiệp" cũng tan. Không "hoà", đại sự không thể thành được.

Cái hậu quả của sự chia Chi lập Phái không phải dành cho những cá nhân chủ trương chia rẽ mà lại còn làm khổ cho cả nhơn sanh, làm cho Cơ Đạo chính nghiêng cho đến ngày nay, tạo ra thêm bao nhiêu vấn đề nan giải khác nữa.

Thật thế, sau khi Ban Chính Đạo thành hình thì một phong trào tranh chấp, giành giật, giành dân lấn đất, gây một dao động kinh khủng với chư Đại Thiên Phong Chức Sắc và với tất cả toàn thể tín đồ, tạo thành từ đó những sụp đổ khác nữa một cách hết sức hiển nhiên. Trong lịch sử sáu mươi năm qua, đây là một biến chuyển tiêu cực lớn nhất trong Cơ Đạo.

Tranh chấp giữa Bến Tre và Tây Ninh bao trùm toàn diện Cơ Đạo, thử thách tất cả các phương diện tinh thần, vật

chất, tổ chức, và nhơn sanh trong Cơ Đạo, tạo ra một tiền lệ đương nhiên cho bất kỳ ai có dục vọng cao độ đến mức cảm thấy có thể thách đố như trường hợp một Giáo Hữu muốn làm Chương Pháp, hay một tín đồ muốn làm Nguyên Soái vậy.

Cái hậu quả đất chày, núi sụp, tuyết băng là từ đạo đó mà ra, và tạo ra sau này những cuộc động đất nhỏ nhỏ con con, nhưng cũng không phải không có tính cách thao túng, tiêu cực trong toàn thể Cơ Đạo từ miền Trung tới tất cả miền Nam.

Còn Tây Ninh sau đó rồi phản ứng cũng không kém phần mãnh liệt, cho đâu đâu cũng là bàng môn tả đạo, cho đâu đâu cũng là nhánh nhóc, cho đâu đâu cũng là giả. Tín đồ muốn về Tây Ninh thì phải nhập môn lại; có người tín đồ nhập môn hai ba lần trong Đạo. Chư vị ở tại Tây Ninh quên bẵng đi rằng Tây Ninh là nơi Thầy chọn cho toàn Đạo, chứ không phải cho Tây Ninh không mà thôi. Đó là mồ hôi, nước mắt, tiền bạc, công, của, ngày, giờ, niềm tin, nỗi tưởng của tất cả người Đạo trong nước và ngoài nước. Các Chi Phái tách rời Tây Ninh vì những lẽ mà họ cho là có liên hệ với tổ chức, với hành chánh, với chơn truyền, với hành đạo v.v... chứ không khi nào phủ nhận Tây Ninh là Tổ Đình, là Toà Thánh, là Thánh Địa của Cao Đài Giáo. Gần như toàn thể tín đồ đều ví người hành đạo ở Tây Ninh như người trông ngón tay chỉ mặt trăng rồi cho ngón tay là mặt trăng. Người Đạo về cư ngụ hoặc hành đạo tại Tây Ninh tưởng mình là Tây Ninh, rồi có thái độ, lời ăn tiếng nói, đạo hạnh làm cho đồng đạo buồn rất nhiều trong mấy chục năm qua.

Sau một ngươn sáu mươi năm hành đạo của Cơ Cao Đài Giáo Việt Nam, nay trông lại thì thật quả những gì đã làm cho Cơ Đạo chinh nghiêng là những gì Đức Phạm Hộ Pháp đã xác nhận trong Thánh Giáo năm 1969, và cũng gần hết là những gì đã xảy ra giữa Bến Tre và Tây Ninh. Ai phải ai không, ai lỗi ai không, không phải là vấn đề. Vấn đề là Đức Hộ Pháp xác nhận những điều mà người bồng đạo Cao Đài đã từng chất chứa trong thâm tâm từ mấy chục năm qua không tiện nói ra. Xác nhận thế mới thật là "một bài học quý giá", rất thiết thực, rất rõ ràng, không nửa úp nửa mở, không lý thuyết suông cho người đời đang ở trong vòng vô minh này. Đây mới thật là

thái độ của một Anh Lớn, một Tiên Khai, mà tất cả các đàn em hậu tiến hàng mong mỗi từ mấy chục năm qua nơi chư vị, đặc biệt nhứt đây là tiếng nói của một thành phần trong Hội Đồng Tiên Bồi ở Thượng Giới, trong ấy có cả Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương của Chi Bến Tre nữa.

Dù sao đi nữa, những sự chia rẽ khởi sự là do chư vị tách rời khỏi Tây Ninh mà ra. Chính chư vị phải nói lên tiếng nói đó để người đi sau được chắc chắn an lòng, lấy đó làm bài học vô cùng quý giá cho cá nhân mình. Cái đau khổ trong vấp ngã của Tiên Khai cũng chính là cái hy sinh của chư Ngài để cho người kế tiếp được hưởng mà thậm cảm tri ân học một bài học đích đáng.

Những vụ tranh chấp quyền hành, chức tước, giành dân lấn đất ... giữa nhân vật có trọng trách trong một tôn giáo chân chánh, thiêng liêng, cao thượng, làm cho một số người thật tâm cầu Đạo đâm ra chán ngán, ê chề và luống tiếc. Số người này không đông lắm nhưng rất quan trọng về bề sâu của Cơ Đạo. Ấy là thành phần thượng lưu trí thức, có kiến thức rộng rãi, chuyên nghiệp v.v... nghĩa là thành phần có "tài" trong xã hội. Sử Đạo còn ghi lại danh sách những vị có tên tuổi đứng vào bực nhứt, có thể nói chín phần mười đã đứng trong hàng ngũ Cao Đài kể luôn cả thân mẫu của Hoàng Đế Bảo Đại. Họ thất vọng rất nhiều, rồi lần lần xa Đạo để sau này không còn có mặt nữa. Con cháu của họ và gia đình của họ cũng trở thành thờ ơ lạnh nhạt với Đạo.

Việc Đạo cũng như việc đời, nếu bề rộng có mà bề sâu không có thì tổ chức cũng không tiến xa được. Không bề sâu là phiếm diện, mà phiếm diện thì Cơ Đại Đạo không khi nào đạt được mục phiêu đã được Ôn Trên ấn định, và rồi sẽ cằn cỗi lần lần theo thời gian. Một ngươn hành đạo cũng quá đủ để chứng minh sự việc này, cần gì phải ghi lại nữa mà mất thời giờ. Chỉ cần nhắc lại và nhấn mạnh rằng Cơ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ cần người có đạo đức, có tài, có thật tài, có chân tài, cần học giả, chuyên viên, cần các thứ tài từ cái tài thật nhỏ cho đến cái tài thật to, không có một thứ tài nào mà Cơ Đạo không cần. Thầy thường khuyên dạy người Cao Đài phải để tâm trau dồi kiến thức, học hỏi, tìm tòi, cách vật trí tri cho đến nơi đến

chón, không nửa chừng ba mớ. Thầy cũng dạy phải trau giồi nghề nghiệp của mình cho đến chữ "thiện", cho đến chỗ "nhứt nghệ tinh, nhứt thân vinh", cũng muốn cho người Đạo, người Việt Nam ra khỏi cái nạn chậm tiến trong tư tưởng cũng như trong nghề nghiệp mà tiến lên hàng các dân tộc tân tiến ở các nước khác trên thế giới, tránh cái hại của tình trạng "lỡ quan, lỡ lính, lỡ làng", tránh cái nạn "ăn cần nói bừa", "ngang như cua", không xứng đáng người Dân Được Chọn. Dù sao, Việt Nam là Thánh Địa của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, nghĩa là của nhân loại, của thế giới, thì người hướng đạo phải ra người hướng đạo, người tín đồ phải ra người tín đồ, người được chọn phải ra người được chọn. Ngày nay, ở nước ngoài, người trong Đạo tự cho mình là tài đức, là trí thức, là lãnh tụ, thì phải làm sao để người nước ngoài đừng châm biếm là "high school intellectuals", và phải luôn luôn trau giồi đạo, đức, tài, cách vật trí tri và cao hơn nữa để tất hiệu cùng Thầy, và tất trung với đất nước dân tộc. Thầy có dạy:

Dừng để tiếng trò cười Chơn Lý

Dừng cho ai khinh bỉ Tam Kỳ

Con ôi! Tào Hoá tiểu nhi

Ai tuân thì được, ai khi thì làm

Ai mà có chút dã tâm

Mượn danh Chơn Lý, mưu tâm phải vương.

Trong khi đi hành đạo đây đó ở nước nhà, thường được nghe nói "đức thặng tài", khi thành phần có tài trên được đề cập đến. Ấy là đúng lắm, nhưng đúng theo cái ý nghĩa rằng trên đường Đạo, đức là quan trọng nhứt. Đó là tất cả cái phần chánh của người tu -- mọi người tu -- cần phải luôn luôn lo trau giồi. Đối với người tu, tâm và đức là hai phần tối cần phải để ý tập luyện. "Đức thặng tài" là ý muốn nói rằng hễ người nào bước vào đường tu hành rồi thì phải chăm lo trau giồi cái đức, cái tâm hơn, chứ đức thặng tài không có ám chỉ khinh rẽ hoặc không cần đến tài, và cũng không ám chỉ không cần trau giồi cái tài.

Đức là Đạo, tài là đời. Đạo đời phải tương ứng tương trợ thì Đại Đạo mới hành tròn sứ mạng được, thì đất nước dân

tộc mới vinh quang rực rỡ được. Tài để giúp cái đức hành cái Đạo. Đạo để giúp cái tài tiến tới cái đức. Đây mới là trọn vẹn của chữ "tu". Đây mới là khôn và ngoan. Đây mới sống để tu và tu để sống. Tài và đức phải tương ứng tương trợ để sự sống được vững tiến trên đường tiến hoá, để con người thành con người theo ý của Chí Tôn.

Chắc cũng vì lẽ đó mà Toà Thánh Tây Ninh đặt ra phẩm Hiền Tài, lập ra Trung Học, Đại Học. Nếu Cơ Quan Phước Thiện lập ra để tạo môi trường trau dồi cái đức thì trường học trong Đạo lập ra cũng để trau dồi cái tài. Đây là chương trình dài hạn của Toà Thánh tạo người đạo đức, mà thường được gọi là 'tạo Tăng', trong cái nghĩa đức và tài. Chương trình này đòi hỏi ngày giờ, và chọn lọc. Vì thế cho nên trong những ngày đầu của Cơ Đạo, thành phần thượng lưu trí thức sẵn có thật là cần thiết. Nhưng rất tiếc rằng Cơ Đạo mới vừa chớm vững để phát khởi thì cơ nứt rạn đã bắt đầu gây những trở ngại cho đường tiến, mà Thầy đã nói rằng nếu không có những trở ngại gây ra bởi phạm tâm thì nội trong vòng năm năm cả thế giới đều biết đến Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ!

Những thành phần có trọng trách có tài đó bị phân tán, người theo Chi này, người theo Chi nọ, người bỏ hàng ngũ, người lánh mặt không muốn liên hệ với một đoàn thể đầy đầy phạm tâm như thế. Người có tài ngoài Đạo thấy thế cũng lánh mặt luôn. Cơ Đạo bị yếu đi rất nhiều, làm cho việc phổ truyền chơn Đạo mất hiệu lực của nó.

Sự việc này cộng với tình trạng chinh chiến liên miên trong nước ở những thập niên 1930, 40, 50, 60, 70 đã ảnh hưởng hết sức nặng nề chương trình giáo hoá tín đồ Cao Đài. Không thống nhất tổ chức thì không có chi thuần nhất trên tất cả các phương diện. May thay, cũng còn có đàn cơ, và nhờ Ôn Trên diu dắt nên căn bản cũng còn giữ được phần nào. Nhưng cũng phải nói có nhiều nơi không được nghiêm chỉnh lắm. Dù thế, những sự chênh lệch và thiếu sót rất rõ rệt trong toàn Cơ Đạo tạo ra bao điều khó khăn cho hiện tại.

Trong phần giáo hoá này, thấy cũng nên nêu lên một hậu quả vô cùng tai hại, ấy là những thế hệ sau bị đầu độc bởi tư cách chia rẽ của thế hệ trước ở các Chi Phái.

Như đã ghi trước kia, việc chia rẽ sâu rộng nhưt do nhóm Ngài Nguyễn Ngọc Tương và Lê Bá Trang gây ra đã mở màn cho việc thành hình những Chi Phái khác trong Đạo. Tây Ninh phản ứng mạnh mẽ, và từ đó các Chi Phái bắt đầu đóng khung. Chi nào theo chi nấy, sống, học, hành giữa bốn bức rào của Chi mình, nói một cách trừu tượng. Số đông tín đồ bị đóng khung trong ý thức hệ đó mà lớn lên và tư tưởng trong cái giới hạn đó. Tây Ninh, vì tâm lý trông ngón tay chỉ mặt trăng rồi cho ngón tay là mặt trăng, nên càng đóng khung hơn nữa, và tín đồ càng bị cô lập trong tư tưởng và giáo huấn. Ban Chính Đạo vì tâm lý chính đạo chống Tây Ninh nên tín đồ Bến Tre đương nhiên và mặc nhiên chống đối trên tất cả phương diện bất chấp lý trí. Sự việc này đã đưa các Chi Phái tranh đua nhau mà tạo cho Chi mình một vài ưu điểm để được khác biệt, như đạo phục, màu sắc, nghi thức thờ phượng, cúng kiến, tổ chức, v.v... tạo thành những dị biệt mà về lâu sau này đã thành Chi-Phái-tính, mất hẳn tính chất thuần nhưt trong lúc ban đầu của Cơ Đạo. Vô tình hay hữu ý, thế hệ sau đã được giáo huấn, bị ảnh hưởng sâu xa trong dị biệt đó mà trở thành những khó khăn vô cùng phức tạp, vô cùng nan giải.

Sự chia rẽ đó, trong một nguồn sáu mươi năm qua, đã ảnh hưởng ít nhưt hai thế hệ nữa: đời con và đời cháu. Mong rằng người trong các Chi Phái không có cái hãnh diện treo giữa nhà mình cái bảng "Ngũ Đại Đồng Đường", vì như thế thì tương lai thông nhưt Cơ Đạo thật là đen tối và kéo dài không biết bao nhiêu năm nữa.

Cái hậu quả không giáo huấn, hoặc giáo huấn thiếu sót, chệnh lệch này, không những cho một thế hệ mà cho một số thế hệ sau hiện đang hành đạo ở trong cũng như ngoài nước, gây ra rất nhiều hậu quả. Chứng minh là trong Đạo hiện giờ cũng có phong trào "trăm hoa đua nở", "buông xả", hoặc thờ "Tượng Ngũ Chi", là cái tiếp nối của cái Chi-Phái-Tính và cái giáo huấn vô tình hay hữu ý, hoặc của những ảnh hưởng do việc chia Chi lập Phái mà ra.

Kinh Nghiệm cho thấy rằng một khi Chi-Phái-tính hay đầu óc chia rẽ đã thành một vấn đề tâm lý, một nếp sống, thì việc chân chính thật khó khăn vô cùng. Trong trường hợp này,

Cơ Thống Nhất, sau bao nhiêu năm và bao nhiêu lần vận động, không thành tựu được cũng vì cái lẽ đó. Phải đợi đến một dao động nào hoặc một biến cố nào khủng khiếp mới có thể tạo được một hồi tâm, hoặc mới có thể sửa chữa cái nếp sống quen thuộc đó. Nếu đó là đúng thì hiện tình trong Đạo tất cả chư Tiên Khai và Tiên Bối hữu trách đều quá vắng, và sau một đại nạn vô tiền khoáng hậu của đất nước vào năm 1975, thì mong người Cao Đài ở quốc nội cũng như quốc ngoại sửa chữa cái nếp cũ đã xếp trong sáu mươi năm qua, và cũng cố gắng đừng gieo cái mầm chia rẽ vào đầu óc trong trắng của thế hệ sau, hãy giúp Cơ Đạo và làm gương cho cộng đồng đồng bào đồng đạo các nơi, mà hiện trạng không được sáng sửa cho lắm.

Một khi Cơ Thống Nhất bị phá sản thì hậu quả không thể nào kể ra cho hết được. Trên đây chỉ là một vài sự việc nổi bật hơn hết, chưa kể đến việc ngoại lai và vô thần xâm nhập khuynh đảo. Ngoài những hậu quả trên, còn một hậu quả nữa cần phải được nêu lên, dấu đó vẫn còn là một vấn đề lý thuyết. Nếu Cơ Cao Đài Giáo Việt Nam không bị chia Chi lập Phái, không chia rẽ nghĩa là thống nhất như thuở ban sơ, thì có lẽ cái đại nạn tháng Tư năm 1975 có thể không xảy ra được, có thể tránh khỏi, và tất cả chúng ta không phải ăn tạm ở nhờ như thế này. Người vô tư, khách quan trong nhận định và ước lượng không thể nào phủ nhận việc này được. Và như thế, người Cao Đài phải tự ăn năn sám hối mà đừng khi nào tách rời, đừng khi nào chia rẽ, đừng khi nào chia Chi lập Phái nữa, trong bất cứ trường hợp nào; toàn Đạo phải tin tưởng trọn vẹn vào một việc: Có Thầy, có Thiêng Liêng chứng quản Cơ Đạo. Cứ một lòng theo Hội Thánh, một Hội Thánh duy nhất của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ - nói đây có nghĩa là Tây Ninh mà thôi - bất cứ như thế nào, tối hậu sẽ có Thầy. Vì lẽ duy nhất là sự nguyên vẹn của Cơ Đại Đạo là đại sự, là điều kiện tối cần thiết, không có không được, để đi đến mục phiêu tối cao tối thượng của Thượng Đế đã đề ra cho Cơ Đại Đạo.

Người viết mấy hàng này không thấy một lý lẽ chính đáng nào để biện minh cho ôn hoà được việc chia rẽ, chia Chi lập Phái. Nếu không đồng ý với nhau cho tới mức không thể ngồi chung với nhau được, thì cách xử sự tốt đẹp nhất là nói

lên tiếng nói thành tâm thiện ý rồi bước ra, nếu mình muốn, về nhà đóng cửa lại tu hành tịnh luyện. Như thế mới phải, mới nên, mới xây dựng, mới đúng với chữ tu hành. Chứ bước ra để lập một tổ chức khác hầu chống lại cái tổ chức trước kia của mình thì chắc chắn sẽ tạo ra điều sút mẻ, tạo ra sự chia rẽ hữu hình thật sự khó bề sửa chữa về sau. Hậu quả rất là tai hại, như ta đã thấy rồi trong sáu mươi năm qua trong Đạo và bao nhiêu lần trong lịch sử nước nhà.

Còn nếu muốn chỉnh lại những việc mình cho là sai lầm trong việc điều hành điều khiển Cơ Đạo thì có không biết bao nhiêu phương cách tốt đẹp, đây ý nghĩa xây dựng, hợp với câu kinh đầu của bài kinh đầu của Đạo là "Đạo, gốc bởi lòng Thành, Tín, Hiệp", đồng thời giữ vững được sự nguyên vẹn của nền Đạo. Làm cái chi mà không giữ được, không tạo được tinh thần Thành, Tín, Hiệp thì không giữ gốc Đạo rồi vậy. Mà không giữ gốc Đạo thì không thể nào sống được, tồn tại được, chứ đừng nói tới việc tăng tiến được. Căn bản giữ Đạo là ở chỗ đó vậy. Căn bản thương Đạo, thương dân, thương nước, thương người là ở chỗ đó vậy.

Còn nếu nói rằng vì "đã mong mỗi sự xuất hiện của một Hội Thánh duy nhất mà không thấy" nên lập lên một Hội Thánh khác nữa, ngoài cái Hội Thánh gốc của Cơ Đạo, thì chính mình đã vi phạm luật Đạo như bao nhiêu người khác, vì Cơ Đạo không được phép có nhiều Hội Thánh. Hoặc giả cho Hội Thánh của mình là Hội Thánh duy nhất vì một lẽ nào, thì lại càng không đúng lý nữa, càng chứng tỏ cái phạm tâm của mình, và càng làm cho Cơ Đạo xáo trộn và phân tán hơn nữa.

Chia rẽ là không thống nhất, là phản thống nhất. Chia rẽ mà còn nói đến thống nhất chắc hẳn là có tư tâm, tư ý, tư lợi, tư quyền, tư kỷ. Tách rời ra khỏi Tây Ninh để lập ra một Hội Thánh khác, và sau khi gây dựng bề thế tổ chức xong xuôi, rồi trở lại kêu Tây Ninh thống nhất, thì thật quả là chôn sâu cái tinh thần thống nhất bất vụ lợi, vì Thầy, vì Đạo, vì nhơn sanh. Không trách, vì cái lẽ nói khác, nghĩ khác, làm khác đó - nghĩa là không đạo hạnh - nên Cơ Đạo không thống nhất được, và bị chinh nghiêng trong sáu mươi năm qua.

Muốn Đạo thành, muốn đất nước dân tộc vinh quang, nhơn sanh được hoà bình cơm no áo ấm thì đừng khi nào làm cho Cơ Đạo bị chia rẽ, bắt câu trong trường hợp nào. Muốn Cơ Đạo giữ được sự nguyên vẹn thì đừng tách rời, đừng sang ngang để chia Chi lập Phái. chống đối với tổ chức gốc của Cơ Đạo. Đạo thành thì tất cả được thành và được hưởng. Đạo không thành thì con người và vạn linh phải theo guồng máy của phàm tâm con người tạo thành mà tự tiêu diệt. Sống là do tự quyết của mình, mà chết cũng là do phàm tâm của mình. Thượng Đế muốn cứu nhơn sanh, nhưng nhơn sanh không theo lời dạy của Thượng Đế mà theo tiếng gọi của phàm tâm thì Thượng Đế cũng không biết làm sao. Hoà hiệp là theo Thượng Đế, chia rẽ là theo tánh phàm.

Tiết IV: Những Kinh Sách Quý Báu Trong Cao Đài Giáo

Một hôm trong một đàn cơ có người bạch với Đức Chí Tôn, than phiền rằng có người lập lên Thánh Thất Thánh Tịnh bừa bãi, không tuân luật lệ của Đạo, thế mà cũng được Ôn Trên chứng cho. Đức Chí Tôn liền giảng giải rằng con cái của Thầy, chúng nó dựng Thánh Tượng của Thầy lên thờ phượng, thì Thầy chẳng lẽ phạt bỏ chúng nó được. Thầy thương con cái như thế thì ai còn dám nghĩ đến việc trách móc. Thầy dạy chúng ta phải thương, và thương gần như tất cả.

Còn đối với việc lớn hơn việc Thánh Thất Thánh Tịnh, như một Chi Phái chẳng hạn, thì Thầy đã nói khi lúc ban sơ khai Đạo rằng "*Con nào muốn ăn ngọt thì Thầy cho ngọt. Con nào muốn ăn mặn thì Thầy cho mặn. Con nào muốn ăn cay thì Thầy cho cay. Lên rừng thì Thầy cho củi. Xuống biển thì Thầy cho muối, nghe con*". Chư Tiên Bồi vì một lẽ nào đó tách rời ra để lập một Chi Phái, cũng như ta đã thấy hơn hai mươi Chi Phái đã được thành lập, thì Thầy cũng chịu lòng con cái Thầy để mà vận dụng những tư ý đó để chuyển thế thời. Thầy là toàn chơn, toàn thiện, toàn mỹ, nên việc chuyển thế này Thầy sẽ có đủ hết những phương pháp để vận chuyển. Đức Đại Tiên Ngô Văn Chiêu lúc sanh tiền cũng thường nói để chứng minh sự việc này "*Cao Đài ứng hoá theo lòng chúng sanh, Đố ai có*

biết cái danh Cao Đài?" Cũng vì lẽ đó mà Đức Chí Tôn thường dạy rằng trong các Chi Phái cũng có Thầy trong đó.

Vì vậy cho nên trong bất cứ Chi nào cũng có người thành tâm tu niệm và cũng có người dối đời. Nếu trong Chi nào có người chơn tu nhiều thì Thiên Liêng thường ban ân huệ bằng cách dùng cơ bút mà dạy Đạo, hoặc cho kinh điển mà trong Đạo thường gọi là tả kinh, để ban ơn công trình và khuyến khích tu học cho địa phương đó. Nhờ thế cho nên hiện nay trong Đạo có được nhiều kinh sách quý giá ²²⁴ như:

A) Toà Thánh Tây Ninh thì có

1. Bài Ngu Đồi (lời văn Động Đình Hồ)
2. Tân Luật Pháp Chánh Truyền
3. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển
4. Bài Tán tụng Công Đức Đức Điều Trì Kim Mẫu
5. Nữ Trung Tòng Phận
6. Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo
7. Nguyệt San Đại Đạo có một số Thánh Giáo

B) Phái Chiếu Minh Tam Thanh thì có

1. Đại Thừa Chơn Giáo (tạo tại Trước Tiệt Tàng Thơ)
2. Kinh Tam Nguơn Giác Thế (Chiếu Minh Tam Giáo, Xóm Chài)
3. Kinh Cảm Ứng dịch ra quốc ngữ (cũng của Xóm Chài)

C) Cao Đài Thượng Đế Hội Giáo (Cần Thơ) thì có

1. Chiếu Minh Đàn, loại Thánh Ngôn Hiệp Tuyển

²²⁴ Trần Văn Quế, *Để Tìm Hiểu Các Chi Phái Trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ*, Đại Đạo Nguyệt San, Toà Thánh Tây Ninh. 1965, số 8, trang 27.

D) Minh Chơn Lý (Mỹ Tho) trong khoảng năm năm đầu thì có

1. Kinh Tu Chơn Thiệp Quyết
2. Chánh Giáo Thánh Truyền
3. Chánh Tà Yêu Lý
4. Giác Mê Khải Ngộ (theo Phú Lối Văn)
5. Phú Xuyên Chân Liên Hườn Điền
6. Nguyệt San Đuốc Chơn Lý (có một số Thánh Giáo)

E) Phái Tiên Thiên thì có

1. Tiếng Trống Giác Mê
2. Minh Giác Thánh Truyền
3. Thi Văn Diệu Kỳ
4. Ngọc Minh Kinh
5. Diệu Minh Kinh
6. Bát Bộ Chơn Kinh
7. Thánh Đức Chơn Kinh (tả tại Trước Lý Minh Đài)

F) Hội Thánh Truyền Giáo Trung Việt thì có

1. Kinh Tận Độ

G) Hội Thánh Tam Quan thì có

1. Kinh Tam Thừa Chơn Giáo

H) Phái Cầu Kho thì có

1. Revue Caodaique (Pháp văn), có một số Thánh Giáo

I) Liên Hoà Tổng Hội thì có

1. Ba năm đầu: Nguyệt San Đại Đạo (có một số Thánh Giáo)

2. Sau đó: Nguyệt San Đại Đồng (có một số Thánh Giáo)

J) Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam thì có

1. Tập San Cao Đài Giáo Lý (có một số Thánh Giáo)

2. Thánh Giáo Suu Tập:

a. 1965

b. 1966

c. 1966 – 1967

d. 1968 – 1969

e. 1970 – 1971

f. 1972 – 1973

Trên đây là một số ít kinh điển được biết, chắc hẳn còn rất nhiều nữa chưa được biên khảo. Thêm vào đó còn có không biết bao nhiêu Thánh Ngôn Thánh Giáo cần phải sưu tập để phong phú hoá sản nghiệp chung của Đại Đạo, hầu có thêm tài liệu để học hỏi, tu hành, và nghiên cứu. "Chung nhau thì giàu, chia nhau thì khó" như ta thường nói. Cũng vì tài liệu không có đủ, vì không tập trung được, nên không thể nghiên cứu đầy đủ như ý muốn. Đây cũng là một cái lẽ tại sao người ngoài, trong ấy có cả các học giả hoặc chuyên môn về đạo giáo, trong nước cũng như ngoài nước, ít biết đến Đạo nhà, hoặc có một quan niệm rất sai lầm về Cao Đài Giáo, làm cho việc hoằng dương càng khó, dù rằng Cao Đài Giáo là một tôn giáo lớn trong xứ.

Cho đến ngày nay vẫn còn thấy nhiều nơi cho Cao Đài Giáo là Phật Giáo Chân Hưng (Buddhisme Renové), và nhiều nơi ở các nước ngoài nói chung và ở Mỹ nói riêng cho Cao Đài Giáo là một sect. Rất sai lầm, nhưng họ chỉ có biết từng ấy thì không thể trách họ được. Người Cao Đài phải gột bỏ cái tánh Chi Phái, và coi tất cả những kinh sách và Thánh Ngôn Thánh Giáo được công nhận có giá trị là của cải của Đạo như Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc có về đàn xác nhận là "*cái chi ở trong Đạo là của toàn Đạo*", trong ấy chắc chắn có những tài liệu

vừa đề cập đến bất chấp Chi này Phái nọ. Bây giờ chỉ có hai chữ Cao Đài và Đại Đạo mà thôi, mà Cao Đài và Đại Đạo là một.

Trong Đạo cũng như ngoài đời, tình thương khi nào cũng đòi hỏi chúng ta cố gắng đi tìm kiếm tài, đức, hạnh để gìn giữ, bảo bọc, tung tiu, trường dưỡng, hầu được vận dụng và tận dụng cho đến kỳ cùng để cho dân tộc được nhờ, đất nước được vinh quang, Đạo được hiểu biết và hoằng dương, và nhân sanh được an bình thanh lạc. Tình thương nước yêu nòi tha thiết cũng như mối thương Thầy mến Đạo chân thành của chúng ta không khi nào cho phép chúng ta gạt bỏ, đè nén, đàn áp, bôi lọ, hoặc hạ giá tài, đức, hạnh của mỗi cá nhân và của mỗi địa phương, mà làm lãng phí cái tiềm tàng của quê hương xứ sở để rồi chính cá nhân mình cũng bị tủi hận đau khổ. Bốn ngàn năm lịch sử văn hiến nước nhà có đến giờ này đều chứng minh điều đó một cách hùng hồn. Điều cần yếu và duy nhất là phải thống nhất, thống nhất trên tất cả mọi phương diện.

Được như thế Đạo mới cứu đời được, ta mới cứu ta được, hơn loại mới cứu hơn loại, và Đức Chí Tôn Thượng Đế mới tựa vào đó mà hô trì cho nước ta, dân ta, cá nhân ta được người khác thương, kính, nể, trọng, để rồi lời tiên tri của Thượng Đế được sớm thành tựu: "*Ngày kia, một nước trong vòng nô lệ, vì Ta mà làm chủ hơn loại*", và "*Hoà bình sẽ trở lại với hơn loại như đã từng hứa hẹn*".

Tiến lên khi nào cũng khó và đòi hỏi bao nhiêu hy sinh, cố gắng, tận tụy, gò bó, nhẫn nại, bền gan, trật tự, kỷ luật, và tổ chức hợp quần. Xuống dốc thì quá dễ dàng, nhưng nguy hiểm, có khi nguy đến tính mạng nữa là khác, không kể những cái đáng tiếc nữa.

*Này Lê Lợi, này Triệu, Trưng
Anh linh tổ quốc mới ngàn ấy sao?
Rằng: Nhược tiểu Trời cao nâng đỡ
Giống Rồng Tiên tạm bợ chi ai
Vinh quang lớp áo bên ngoài
Phanh phui gan tác hình hài cho cam*

*Đã không phải chim lông cá chậu
Thì thôi đừng tranh đấu phan phui
Khôn ngoan rồi đại mấy hồi
Tay mình mình chặt ra người phé nhân.²²⁵*

Ôi! Thảm thía thay và phủ phàng thay sự thật! Thà làm con dân của một nước được kính trọng còn hơn làm lãnh tụ của một nước bị khinh khi rẻ rúng. Thà không có Đạo nhà còn hơn có mà không giữ. Trung Vương Nữ Thánh Việt Nam có giảng cơ dạy như sau:

*Tâm sự người xưa có những gì
Những gì để lại lúc ra đi
Dở trang thanh sử chưa nguôi dạ
Nhìn áng dư đồ lệ thấm mi
Nước được mấy tay ngửa trị loạn
Nhà còn bao kẻ biết an nguy
AO TA, TA TẮM ĐỪNG CHÊ ĐỤC
MỚI CÓ NGÀY KIA DỰNG NGHĨA KỲ.²²⁶*

Những cố gắng trên đây -- những gì đã thành tựu rồi cũng như những gì chưa thành tựu -- là những đại hoài bảo của chư Tiên Khai và Tiên Bối, thêu dệt một tấm tranh sự nghiệp vĩ đại, duy nhứt trong lịch sử nhân loại, vô tiền khoáng hậu, lưu lại không những cho người Việt mà lại còn cho tất cả quần linh để tiếp nối tiến hoá. Đây là những căn bản hữu hình cộng với một số vô vi, dù rằng không được như ý mong vọng của Thượng Đế, để cho người trần thế lấy đó mà tiên thân. Sự thành quả không trọn vẹn đó chứng minh một cố gắng vô bờ bến của đoàn người đi trước tạo sự nghiệp cho kẻ đi sau, và cũng chứng minh con đường đến chân thiện mỹ hãy còn diệu vợi, mà chúng ta,

²²⁵ Đại Tiên Lê Văn Duyệt.

²²⁶ *Thánh Giáo Sư Tập 1970 - 1971*, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, 1971, trang 107.

những kẻ đi sau, may mắn thay có được những vị Hướng Đạo không những ở hiện giờ mà lại còn ở tương lai, không những ở cõi trần tục này mà lại còn ở nơi cõi vô vi thượng giới. Cái cực khổ là của người đi trước, mà cái may mắn là của kẻ đi sau.

Những cái chưa thành quả trong nguơn sáu mươi năm rồi là những trách nhiệm của nguơn này và của tương lai, như những lượn sóng ở ngoài khơi tiếp nhau lăn cuộn vào bờ, không khi nào ngừng nghỉ cho đến thất ức niên dư, bất chấp không gian và thế hệ. Trách nhiệm là trách nhiệm chung để hoàn thành một sứ mạng chung để cùng chung được hưởng. Lỗi phải, hay dở, khôn dại, tài bất tài, tại bị v.v... là những bài học vô cùng quý giá dành cho toàn Đạo để học hỏi hầu thi hành một sứ mạng mà cứu cánh chỉ có Toàn Chân Toàn Thiện Toàn Mỹ mới ý thức nổi mà thôi. Mà Toàn Chân Toàn Thiện Toàn Mỹ là Thượng Đế Chí Tôn vậy.

Sáu mươi năm hành Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ được như thế này là một hi hữu vô tiền khoáng hậu cho dân tộc Việt từ ngày khai quốc cho đến ngày nay, là một tổng kết cho tất cả tài, đức, tâm, trí của một dân tộc. Đây là kết tinh của khí thiêng đất nước dân tộc Việt hiến dâng cho toàn cả nhân loại quần linh. Một chương sách đã viết rồi cho một quyển sách dày hàng thất ức niên dư, mà dân tộc Việt, qua chư Tiên Khai và Tiên Bồi, là thế hệ khai sơn phá thạch. Tiếp nối tiến hoá là của thế hệ này và cả các thế hệ sau và sau nữa của Việt Nam cũng như của cả dân tộc khác trên thế giới.

Kể từ ngày hành lễ Khai Minh Đại Đạo năm thứ sáu mươi một, khi nói tới Việt Nam thì nghĩ ngay đến Cao Đài Giáo. Khi nói đến Cao Đài Giáo thì phải nghĩ ngay đến Quốc Đạo. Mà khi nói đến Quốc Đạo thì phải nghĩ ngay đến sứ mạng của Thượng Đế Chí Tôn đã giao phó cho là: Đại Đạo, hoà bình, dân chủ, tự do, đã được Thiên định trong hai câu của Đức Chí Tôn ân tứ:

**CAO THƯỢNG CHÍ TÔN HOÀ BÌNH DÂN CHỦ MỤC
ĐÀI TIỀN SÙNG BAI TAM KỲ CỘNG HƯỞNG TỰ DO
QUYỀN**

Đó là ý Trời. Đó là Thiên định. Dân Tộc Được Chọn, Đất Nước Được Chọn phải có bổn phận thực hiện những Thiên Ân đó, sớm muộn gì rồi tối hậu cũng thành công vì luôn luôn có Trời Đất hộ trì:

*Rằng: Nhược Tiểu Trời Cao nâng đỡ
Giống Rồng Tiên tạm bợ chi ai.*

Đây là đối nội. Còn đối ngoại thì cũng kể từ năm Đạo thứ sáu mươi mốt, Cao Đài Giáo phải quật khởi khai sơn phá thạch, như chư Tiên Khai Tiên Bồi trước kia cũng phải đặt một nền móng vững chãi và chơn thành cho Cơ Đại Đạo ở toàn cả thế giới này, cũng đúng như ý Trời là "nơi nào có dấu chân người Việt Nam thì Đại Đạo mới thành".

Cao Đài Giáo Việt Nam muốn làm việc đó, thiết tưởng cũng phải xem xe trước để phòng hờ cho xe ngày nay. Kinh nghiệm xe trước là không chịu thống nhứt vì "chỗ vị kỷ, vị danh, vị lợi ... nên đã gây ra cảnh chia ly phân tán ... Đó là điều đáng buồn và cũng là kinh nghiệm quý giá cho đàn em trong mai hậu. Nếu mình, một người biết đặt Đạo lý Chí Tôn, quyền pháp và nhơn sinh lên trên hết, và tự trọng vì danh dự của quốc gia dân tộc và đạo pháp thì không có kẻ hở nào để bạo quyền chuyên chế, ngoại nhập khuynh đảo dễ rẽ chia. **VẾT XE TRƯỚC ĐÃ SỤP ĐỔ, ĐOÀN XE SAU NÊN TRÁNH**".

Nói thì dễ, làm rất khó. Nhưng khó không phải là không được. Muốn được thì mỗi cá nhân phải gò bó mình để tu và hành những điều khuyên cáo dạy dỗ ghi trên. Thiên Ý là phi thường. Phi thường thì phải khó, vì không khó thì sao được phi thường. Thành công không khó thì thành quả không danh dự, mà danh dự là cái gì phải có cho quốc gia dân tộc và cho đạo pháp. Có khó mới tạo Tiên tác Phật được. Không khó là thường tình, mà thường tình không phải là Thần Thánh Tiên Phật. Không phải là Thần Thánh Tiên Phật là không nằm trong hoài bảo của Chí Tôn Thượng Đế, là không Cao Đài. Không phải Cao Đài thì Đại Đạo không thành được. Đại Đạo không thành được thì cứu cánh của việc khai Đạo của Chí Tôn cũng không thực hiện được. Mục đích của việc khai Đạo không thực hiện được thì hoà bình, dân chủ, tự do không có được. Hoà bình,

dân chủ, tự do không thực hiện được là vi lệnh của Thượng Đế, là nghịch Thiên, mà nghịch Thiên là giả vong, là tận diệt.

Tóm tắt lại, muốn khỏi tận diệt, muốn tròn bổn phận với sứ mạng giao phó thì người Cao Đài phải thiệt ra người Cao Đài, đúng như Ngũ Giới Cấm, Tứ Đại Điều Qui, và Tân Luật đã dạy. Nếu không thì Đoàn Xe Này Cũng Sụp Đổ Như Đoàn Xe Trước vậy.

Người Việt Nam, đất nước Việt Nam đã được Thượng Đế chọn. Thượng Đế cũng đã định Tây Ninh là Toà Thánh duy nhất, là Tổ Đình duy nhất. Việt Nam là Thánh Địa Đại Đạo, rún của vũ trụ năm Châu bốn Biển. Đại Đạo là của tất cả toàn linh nhân loại, tất cả thế giới, mà người Cao Đài Việt Nam phải có trách nhiệm hoằng khai, hay ít nhất phải có cái đại hãnh diện và danh dự dân tộc mà đặt nền móng vững chắc, trong lành, xứng đáng, tốt đẹp, thuận lợi cho việc hoằng khai này.

Thượng Đế lại dạy: Đại Đạo thành thì hoà bình sẽ trở lại với cả nhân loại, như đã hứa từ lâu.

Thượng Đế cũng lại dạy: Cao Đài Giáo là QUỐC ĐẠO của dân tộc đất nước Việt Nam, mà Thượng Đế là Chương Quân. Và nhờ thế mà Việt Nam sẽ được trở thành hùng cường và biết làm chủ, không còn làm tớ nữa.

Chi Phái, Chòm Nhóm, không phải là ý muốn của Thượng Đế. Thống Nhất và Hiệp Hoà mới là ý muốn của Thượng Đế. Một Dân Tộc, Một Đất Nước, Một Quốc Đạo, Một Tổ Chức, hành theo Thiên Ý thì đặc kỳ sở vọng trong đại hoài bảo, hay ít nhất trong thành ý Bảo Sanh, Bảo Quốc, Bảo Đạo.

Một sứ mạng vĩ đại! Một tương lai cực kỳ rực rỡ, vinh quang chưa từng có từ ngày khai quốc! Một cơ hội vàng son vô tiền khoáng hậu trong lịch sử văn minh của nhân loại!

Cơ hội này mà mất đi thì vĩnh viễn không khi nào trở lại cho dân tộc nữa. Ôi! Tha thiết là tha thiết.

Thầy ước mong sao các con lớn nhỏ đều MỘT Lòng, có MỘT Chí Hướng quây đáu HIỆP NHỨT cho thuận với Thiên Cơ ...

Vậy, ngày hôm nay là ngày các con cần phải HIỆP HOÀ, để cùng nhau gánh gồng Đạo cả, hầu ngày sau tế độ Á, Âu ...

*Thầy đã cạn lời với các con
Ráng tìm suy nghiệm phận hành tròn
Con ơi! Máy Tạo vô cùng tận
Trẻ gắng vững tâm sẽ được còn
Ngày khổ cận kề nhiều ách nạn
Cơ nguy thống thiết chịu tiêu mòn
Tinh thần THỐNG NHỨT bền như thạch
Kiên trì bước qua cảnh héo hon.*

Và Thượng Đế còn khuyến cáo:

... kẻ nào cưu tâm chia phe phân phái là đưa thù nghịch của Thầy. Con hiểu à! ²²⁷

Và Chư Tiên Khai Tiên Bồi còn nhắc nhở:

*Hội hiệp hồng dương mới Đạo Trời
Đồng tâm phổ hoá khắp nơi
Tiền huynh hậu đệ chung vai gánh
Bối cảnh ngày nay chó TÁCH RỜI. ²²⁸*

Quá khứ, ta không thể làm gì được. Nhưng tương lai ta có thể gây dựng được. Điều kiện: Phải thống nhất.

Tất cả cái gì cũng có sẵn hết, chỉ còn chờ cho Cơ Đạo THỐNG NHỨT mà thôi, hầu có điều kiện để tiến, để Đại Đạo được hồng khai. Tương lai của dân tộc đất nước, của non sanh đang tựa vào cái đại hùng, đại lực, đại chí của Nước Được Chọn, của Dân Tộc Được Chọn.

Việt Nam ơi! Việt Nam ơi!

²²⁷ Thánh Ngôn Hiệp Tuyển và Tân Luật Pháp Chánh Truyền, Tòa Thánh Tây Ninh, 1972, trang 47.

²²⁸ Thánh Giáo, ngày 29 tháng 10, 1970.

TỔNG KẾT LUẬN

Lịch sử một ngàn sáu mươi năm qua là lịch sử về niềm tin trọn vẹn, chơn thành, nhiệt huyết nơi Đức Chí Tôn Thượng Đế, của chư Tiên Khai Tiên Bối, và cũng là lịch sử của những huyền diệu thiêng liêng rất tế nhị và độc đáo trong việc khai minh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, một nền tôn giáo vĩ đại chưa từng thấy trong lịch sử nhân loại, mà không đổ một giọt máu, không hy sinh một mạng người, không tranh chấp, không mâu thuẫn, không giáu giếm ... nghĩa là hoàn toàn đạo đức, hoá giải và công khai một đoạn sử nhân loại đầy bạo tàn, vô nhân đạo, bất thành, bất tín, giả dối, trá trở, mạnh được yếu thua, khôn sống mống chết ... hay nói khác hơn là một thời kỳ quá ích kỷ, mà tình thương chỉ còn là một hơi ấm giữa lòng miếng than đã tắt lạnh ở ngoài, mà tôn giáo và lý tưởng thanh cao chỉ còn là dụng cụ hữu hiệu cho cá nhân và tập đoàn dục vọng lợi dụng để tự biến thành ra chuyên nghiệp: chuyên nghiệp bóc lột, chuyên nghiệp nô lệ hoá, chuyên nghiệp đô hộ, chuyên nghiệp đàn áp, chuyên nghiệp chuyên chế, chuyên nghiệp mị dân, ... mà khoa học không còn để giúp con người tìm chơn lý, hướng thượng, hướng thiện, mà lại đưa con người đến vật chất, bỏ tinh thần, đề cao duy vật, chế giễu duy linh. Nói tóm lại, thời kỳ này là thời kỳ bạo tàn chế ngự đạo đức, tới mức độ tận diệt, làm Thượng Đế phải chau mày và chư Phật Tiên Thánh Thần phải rơi lụy mà giáng trần để cứu rỗi.

Còn chứng minh nào cho những huyền diệu của Thượng Đế Chí Tôn hùng hồn hơn, đẹp đẽ hơn, ngoạn mục hơn, rực rỡ hơn, hiển nhiên hơn là Toà Thánh Tây Ninh, một trăm bốn mươi mẫu Tây, sừng sững nguy nga, diễm nhiên trước lưỡi lê họng súng bom đạn của đoàn lê dương thực dân ô tạp, trước mưu mô xảo quyệt, cạm bẫy phá hoại hằng ngày hằng giờ của lòng tham vô tận và chính sách bạo ngược của thực dân, và trước tình trạng chia năm xẻ bảy trong nội bộ. Còn kiên gan, đại chí, nhiệt huyết nào tích cực hơn cái thi gan bất khuất của những tâm hồn chịu đựng nơi đây tam tai bát nạn, nơi nọ "phủ phàng của phường đen bạc", nơi kia lấy bạo lực và

số đông làm áp lực, nhưng Thánh Thể của Thượng Đế Chí Tôn vẫn được xây dựng và duy trì một cách trang nghiêm, nguy nga và lộng lẫy mà thể hiện nơi trần thế này cái nhân tố "Thiên Nhơn Hiệp Nhứt" của Nguơn Hội mới, manh nha cho một nền Văn Minh Nhân Bản: Văn Minh Đại Đạo hay Văn Minh Cao Đài tiếp theo, nếu không phải thay thế cho nền văn minh Tây Phương đang tàn tạ vì hành sai lạc Thiên Ý, mở màn cho kỷ nguyên bảy trăm ngàn năm tới, qua một chữ "Đại":

"Đại" là lớn. Đã rằng lớn thì còn chi lớn hơn nữa. Nó có thể bao quát cả Càn Khôn Vũ Trụ. Nó cao thượng vô hình, không có chi ở ngoài nó đặng. ²²⁹

Lịch sử sáu mươi năm qua, cũng như mãi mãi ở tương lai, là lịch sử của chữ "Đại" mà Thượng Đế Chí Tôn ân ban cho con người để theo đó mà hành hầu "đắc nhứt" để được "vĩnh kiếp trường tồn, diên niên bất hoại", để được hưởng thanh bình an lạc, hạnh phúc miên viễn. Sáu mươi năm qua là thời kỳ ĐẠI XÁC NHẬN (Assertion of the TRUTH) của Thượng Đế ở trần thế này: Đại Đạo, Đại Hiệp, Đại Hoà, Đại Đồng, mà những huyền diệu kia phải cho con người ý thức rằng đây không còn phải là những đề tài để tranh luận, biện bác.

Các con hơi nào nghe lời thế sự, một điều nào cũng chưa quyết đoán cho cùng phải quấy.

Khi Thích Ca truyền Đạo, dân Brahma cho là Bàng Môn, vì khác Thánh Giáo Phật Đạo. Khi Lão Tử truyền Đạo thì đời cho là phép mê hoặc. Khi Chúa Jesus truyền Đạo thì nhà Israel gọi cải Chánh Đạo đến đổi bất giết.

Các con muốn vừa lòng thiên hạ thì là giỏi hơn Thầy rồi. ²³⁰

Thượng Đế là phương số chung.

Chữ "Đại" là chìa khoá mở tất cả các bế tắc hiện tại của con người, là giải pháp cho tất cả các mâu thuẫn của nhơn loại,

²²⁹ Đại Thừa Chơn Giáo, (bản in 1950), trang 50.

²³⁰ Hương Hiếu, Đạo Sĩ II, 1968, trang 242.

là nguồn hoà bình an lạc cho thế giới. Theo thì hưởng của Trời cho, nghịch thì khổ về mình chịu lấy. Con người phải chọn lấy. Trời chỉ dẫn, con người phải tự quyết.

Chữ "Đại" là siêu khoa học.

Còn đối với dân tộc đất nước Việt Nam nói riêng, ngoài ra Thượng Đế còn ân ban cho một Quốc Đạo Cao Đài Giáo, để được hùng mạnh, cùng một lúc phục hồi, hệ thống hoá, và chinh đốn văn hoá cổ truyền nước nhà để Đất Nước Dân Tộc Được Chọn lên một địa vị đương nhiên xứng đáng là của Trời lập. Trời tổ chức, Trời diu dắt, Trời chỉ dạy, Trời điều khiển điều hành v.v... nói tóm lại là của Trời với một sứ mạng Trời đối với nhơn loại chúng sanh vạn vật, không một ai có thể tranh chấp bài bác.

Còn Nhạc Lễ là phép Nhà Nam, Thầy muốn giữ gìn sao cho trọn vẹn, các con hiểu.²³¹

Với QUỐC ĐẠO đó, Thượng Đế đã ân ban cho Dân Tộc Đất Nước Việt Nam những ý niệm tối cần thiết để làm tròn nhiệm vụ đã được giao phó. Ý Niệm Nhận Diện Bản Sắc (a Sense of Identification), Ý Niệm Cứu Cánh (a Sense of Purpose), Ý Niệm Phương Hướng (a Sense of Direction), Ý Niệm Chỉ Đạo (a Sense of Leadership), Ý Niệm Tổ Chức (a Sense of Organization). Cùng với những cái đó, Thượng Đế còn dùng huyền diệu lập Thiên Phẩm các cấp (Thiên Phong Chức Sắc), và thu nhận mấy triệu tín đồ, hầu mang lại cho một niềm tin tưởng nơi Quốc Đạo của mình, hãnh diện với văn hoá của mình, để an lòng hành tròn sứ mạng.

QUỐC ĐẠO là siêu phàm, là siêu lý trí, là của Thượng Đế chỉ định. Nhận hay không nhận là quyền của người dân Việt, nhưng sau đừng trách rằng Thượng Đế chẳng thương, chẳng thưởng.

Lịch sử QUỐC ĐẠO đã viết rồi một chương ngoạn mục. Thượng Đế đang chờ Người Dân Được Chọn viết nốt. QUỐC ĐẠO đang mong mỏi. Quốc Hồn đang kêu gọi. Quốc

²³¹ Hương Hiếu, *Đạo Sĩ II*, 1968, trang 242

Dân đang tha thiết. Chư Tiên Khai đã ra đi hết rồi, nhưng chẳng lẽ "Thái Sơn kỳ đòi hồ? Lương Mộc kỳ hoại hồ?"

Thượng Đế đã dạy:

*Một nước nhỏ nhol trong vạn quốc
Mai sau làm chủ mới là kỳ.*

Nước nhỏ nhen ấy là Việt Nam, đất tổ quê hương của chúng ta đó!

HẾT

Phụ Chương

**PHÁP CHÁNH TRUYỀN
CHÚ GIẢI**

PHÁP CHÁNH TRUYỀN

CỬU TRUNG ĐÀI

I.- QUYỀN HÀNH GIÁO TÔNG

PHÁP CHANH TRUYỀN.- Giáo Tông là anh cả các con.

CHÚ GIẢI.- Giáo Tông thay mặt cho Thầy, đặng bảo tồn chơn Đạo của Thầy tại thế, thì anh cả nhơn sanh đặng diu dắt các con của Thầy, dầu lớn tuổi hay nhỏ tuổi, quyền Thiêng Liêng đã định vậy.

Tuy trong Hội Thánh có chia ra hai phần hữu hình là Cửu Trung Đài và Hiệp Thiên Đài mà nơi Hiệp Thiên Đài, dầu cho Hộ Pháp vẫn phải là em của Giáo Tông, song Hộ Pháp phải nhỏ về phần hữu hình đã nói trên đây, chớ phần thiêng liêng thì đồng vị.

P.C.T.- Có quyền thay mặt Thầy mà diu dắt các con trên đường Đạo và đường đời.

C.G.- Giáo Tông đặng đồng quyền cùng Thầy mà dạy dỗ cả chư môn đệ của Thầy trong đường đạo đức, diu bước từng người, chăm nom sóc cho khỏi phạm Thiên Điều, thì là buộc tuân y Tân Luật. Ấy vậy dầu cho phẩm vị nào phạm tội, thì Giáo Tông cũng chẳng vì tình riêng gọi là tha thứ khoan dung, để lòng che chở, làm cho kẻ phạm phải mất Thiên vị, lại gây điều đồ kỵ của nhơn sanh, làm cho nhe giá trị của nền Chánh Giáo. Những sự đau thảm khó khăn của tín đồ tức là chúng sanh, những sự khổ hạnh của Hội Thánh, nghĩa là hàng Chức Sắc Thiên Phong, thì Giáo Tông phải liệu phương che chở an ủi làm cho đời khổ não hoá ra hạnh phúc; người nắm trọn quyền thể Thiên hành hoá, ấy là phận sự tối cao tối trọng của Đức Giáo Tông đó.

P.C.T.- Nó có quyền về phần xác chớ không có quyền về phần hồn.

C.G.- Hễ nói về phần xác là nói phần hữu hình, mà nói về phần hữu hình của chúng sanh tức là về phần Đời. Còn như nói về phần hồn tức là phần thiêng liêng ấy là phần Đạo.

Trên đây Thầy đã nói rằng: Có quyền diu dắt trong đường Đạo và đường Đời, thì Thầy đã chỉ rõ rằng, có quyền diu dắt cả các con cái của Thầy trên con đường Đạo Đức của chính mình Thầy khai tạo và trên con đường Đời cơ Đạo gây nên; chứ chẳng phải nói trọn quyền về phần Đạo và phần Đời, nghĩa lý phân biệt nhau duy có chữ ĐƯỜNG và chữ PHẦN, xin ráng hiểu đừng lầm hai chữ này.

Đây là Thánh Giáo của Thầy dạy Hộ Pháp khi Ngài hỏi Thầy về quyền của Giáo Tông.

- Hộ Pháp hỏi: "Thưa Thầy, theo như luật lệ Thánh Giáo Gia Tô Thầy truyền tại thế, thì Thầy cho Giáo Tông trọn quyền về phần hồn và phần xác; Người nhờ nương quyền hành cao trọng đó, Đạo Thánh mới có thể lực hữu hình như vậy. Đến ngày này, Thầy giảm quyền Giáo Tông của mấy con về phần hồn đi, thì con sợ e cho Người không đủ quyền lực mà độ rỗi chúng sanh chăng?"

Thầy đáp: "Cười! Ấy là một điều lầm lạc của Thầy, vì nặng mang phạm thể mà ra. Thầy cho một người phạm đồng quyền cùng Thầy về phần hồn thì nó lên ngai Thầy mà ngồi, lại nắm quyền hành Chí Tôn ấy đặng buộc cho nhơn sanh phải chịu lòn cúi trong vòng tội tở của xác thịt hơn nữa. Cái quyền quý hoá ấy, Thầy tưởng vì thương mà cho các con, nào dè nó là một cây gươm hai lưỡi để giục loạn cho các con.

Nay Thầy đến chẳng phải lấy nó lại, mà Thầy chỉ đến làm cho tiêu diệt cái hại của nó; nếu muốn trừ cái hại ấy thì chẳng chi hay hơn là chia đôi nó ra, không cho một người nắm thống.

Kể nào đã nắm trọn phần hữu hình và phần Thiêng Liêng, thì là độc chiếm quyền chính trị và luật lệ, mà hễ độc chiếm quyền chính trị và luật lệ vào tay, thì nhơn sanh chẳng phương nào thoát khỏi vòng áp chế.

Như Thầy để cho Giáo Tông trọn quyền về phần xác và phần hồn (nghĩa là Đạo với Đời) thì Hiệp Thiên Đài lập ra chẳng là vô ích lắm sao con? CỨU TRÙNG ĐÀI là Đời, HIỆP THIÊN ĐÀI là Đạo. Đạo không Đời không sức, Đời không Đạo không quyền. Sức quyền tương đắc mới mong tạo thời cải thế; ấy là phương hay cho các con liên hiệp cùng nhau, chăm nom săn sóc lẫn nhau, và giữ vẹn Thánh Giáo của Thầy cho khỏi trở nên phạm giáo."

P.C.T.- Nó đặng phép thông công cùng Tam Thập Lục Thiên và Thất Thập Nhị Địa đặng cầu rỗi cho các con.

C.G.- Thầy đã nói, đặng độ rỗi cho các con thì Thầy đã chỉ rõ rằng Giáo Tông có phần cầu rỗi mà thôi, chớ phần siêu rỗi là về quyền của Bát Quái Đài chưởng quản.

Đức Giáo Tông làm thế nào mà thông công cùng Tam Thập Lục Thiên, Tam Thiên Thế Giới, Thất Thập Nhị Địa, Thập Điện Diêm Cung mà cầu rỗi cho các tín đồ?

Người phải đến Hiệp Thiên Đài cầu huyền diệu cơ bút mới đặng. Xin trích lục ra đây đoạn Pháp Chánh Truyền Hiệp Thiên Đài là nơi của Giáo Tông thông công cùng Tam Thập Lục Thiên, Tam Thiên Thế Giới, Thất Thập Nhị Địa, Thập Điện Diêm Cung mà cầu siêu cho cả nhơn loại.

Ấy vậy về phần Thiêng Liêng là phần Đạo, thì Ngài chẳng có quyền hành chi hết, dầu cho dấng sơ cầu điều chi cùng Bát Quái Đài, thì cũng phải do nơi Hiệp Thiên Đài cả.

Hiệp Thiên Đài là trung gian để liên hiệp Giáo Tông cùng chư Thần Thánh Tiên Phật.

II.- QUYỀN HÀNH CHUỶNG PHÁP

P.C.T.- Chương Pháp của ba phái là Đạo, Nho, Thích.

C.G.- Nghĩa là mỗi Phái là một vị mà ba Đạo vẫn khác nhau, nội dung, ngoại dung, đều khác hẳn luật lệ vốn không đồng, chỉ nhờ Tân Luật làm cơ qui nhứt, cho nên Thầy mới nói:

P.C.T.- Pháp luật Tam Giáo tuy phân biệt nhau song trước mặt Thầy vốn coi như một.

C.G.- Vì coi như một nên Thầy mới đến cho nhơn loại lập Tân Luật thế nào cho phù hợp với nhơn trí, hiệp tánh với nhơn tâm, chung chịu một Đạo luật, có phương hành đạo chẳng nghịch với Thiên Điều, đặng lập vị dễ dàng, mới toàn câu phổ độ.

Buổi trước thì Thiên Điều buộc nhơn loại phải nâng cao phẩm hạnh mình cho bằng chư Thần Thánh Tiên Phật, đặng đoạt đức tánh mà lập vị mình. Còn nay thì các Đấng ấy lại hạ mình, đến cùng nhơn loại đặng dìu cả chơn hồn lên tột phẩm vị Thiêng Liêng, đến ngang bực cùng Thầy. Buổi trước thì khó, buổi mở thì dễ, ấy là lẽ tự nhiên; huống chi nhơn trí ngày nay đã qua khỏi nguon Tán Hoá²³² thì đã tăng tiến lên địa vị tối cao. Chủ nghĩa Cựu Luật của các tôn giáo không đủ sức kèm chế đức tin, mà hễ nhơn loại đã mất đức tin về Đạo Đức rồi thì cơ tự diệt vốn còn, mà cơ tự diệt còn thì nhơn loại khó tránh khỏi cái nạn giết lẫn nhau cho đặng. Đòi phải tuyền Đạo mới còn, mà Đạo cũng phải tuyền Đòi mới vững. Biết đâu Tân Luật ngày nay Thầy đã đến dạy chúng ta lập thành, trong thời gian tới nữa đây nó sẽ phải thay đổi cho phù hợp với nhơn trí Đạo, Đòi tương đắc mà dìu dắt cả nhơn sanh đời đời kiếp kiếp.

Thí dụ như có kẻ hỏi: "Sao Thầy không dùng Cựu Luật trong Tam Giáo đã có sẵn rồi, lại lập chi Tân Luật nữa mà buộc nhơn sanh phải yếm cựu nghinh tân vậy?"

Ta lại đáp: "Chính Thầy đã giảng cơ nói: Ngọc Hư Cung bác luật, Lôi Âm Tự phá cô; ấy vậy Cựu Luật thì Ngọc Hư Cung đã biếm bác, còn Cô Pháp thì Lôi Âm Tự đã phá tiêu. Vậy thì ngày nay Cựu Luật và Cô Pháp chẳng

²³² Thượng Nguon là Nguon Tạo Hoá; ấy là nguon Thánh Đức tức là nguon vô tội (Cycle de Création c'est à dire cycle de l'innocence). Trung Nguon là Nguon Tấn Hoá; ấy là nguon tranh đấu tức là nguon tự diệt (Cycle de Progrès ou cycle de lutte et de destruction). Hạ Nguon là nguon Bảo Tồn; ấy là nguon Tái Tạo, tức là nguon qui cố (Cycle de Conservation ou cycle de reproduction et de rénovation).

còn ý vị chi hết. Những bậc tu hành mà tưởng lầm phải tụng Cựu Luật hay là Cô Pháp thì trái hẳn với Thiên Điều của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ thể Thiên hành chánh.

Bởi có ấy nên Chí Tôn đã cấm Ngũ Chi phái Ngọc dùng cổ luật mà mê hoặc nhơn sanh nữa.

Hễ tụng Cựu Luật tức phải tụng Thiên Điều, mà hễ tụng Thiên Điều thì khó lập vị cho mình đặng".

Xin xem tiếp đây thì thấy rõ Thầy đã quyết định điều ấy.

P.C.T.- Vậy thì một thành ba, mà ba cũng như một.

C.G.- Ấy vậy Tân Luật đã gồm trọn Tam Giáo, tức là một thành ba, mà ba Cựu Luật của Tam Giáo hiệp nhau thì cũng như một, nghĩa là Tân Luật.

P.C.T.- Chúng nó có quyền xem xét luật lệ trong buổi thi hành hoặc là nơi Giáo Tông chuyển xuống, hay là Đầu Sư dâng lên.

C.G.- Nơi Cửu Trùng Đài có Đức Giáo Tông là người thay mặt cho các Đấng Thiêng Liêng đặng hành hoá. Giáo Tông có quyền lập luật, ấy là quyền cao trọng của các Đấng Thiêng Liêng cùng Chí Tôn ban cho nắm giữ. Và Đầu Sư là người thay mặt cho cả nhơn sanh, ấy là quyền cao trọng của nhơn sanh ban cho. Hai đàng phải tương đắc mới bền vững cơ "Tạo Thế", Trời người hiệp một.

Thường thấy Thiên Mạng hằng quá sức phạm thể còn phạm thể thì nghịch hẳn Thiên Mạng. Biết đâu một ngày kia Giáo Tông không lập ra luật lệ quá sức người phạm làm đặng, và Đầu Sư lại không xin một luật lệ quá phép Thiên Điều, thì hai đàng ắt phải nghịch lẫn nhau. Nếu không có Chương Pháp đứng trung gian thể quyền Hiệp Thiên Đài nơi Cửu Trùng Đài mà điều độ cho êm dềm hoà nhã thì nền Đạo phải chình nghiêng sanh ra rối loạn, thượng hạ khác nhau, phải mất trật tự mà gây nên đảng phái.

Ấy vậy Chương Pháp có quyền xem xét luật lệ trước buổi thi hành. Luật lệ nào không có ba ấn Chương Pháp thị nhận và Hiệp Thiên Đài phê chuẩn thì cả chư tín đồ của Thầy không tuân mạng. Hay! ²³³

P.C.T.- Như hai đàng chẳng tuân thì chúng nó phải dâng lên cho Hộ Pháp đến Hiệp Thiên Đài mà cầu Thầy sửa lại hay là tùy ý mà lập luật lại.

C.G.- Một Đạo luật nào của Giáo Tông truyền xuống mà nghịch với sự sinh hoạt của nhơn sanh, Đầu Sư đã đình quyết không thể thi hành đặng thì chính mình Đầu Sư phải đệ lên cho Chương Pháp mà cầu người sửa cái. Còn như Giáo Tông tiếp đặng một Đạo luật nào của Đầu Sư dâng

²³³ Ấy là lời khen của Đức Lý Giáo Tông.

lên mà phạm pháp Thiên Điều thì chính mình Giáo Tông cũng phải truyền xuống cho Chương Pháp xét nét. Hai bên không đặng ý quyền bỏ luật, làm cho thất thể đôi đảng; phải phải phân phân để cho Chương Pháp định liệu. Như quyết định mà hai đảng không thuận thì Người phải dâng lên cho Hộ Pháp đến Hiệp Thiên Đài cầu Thầy sửa lại, hay là Hộ Pháp luận ý đôi bên mà lập lại.

P.C.T.- Vậy chúng nó có quyền xem xét kinh điển trước lúc phổ thông. Như tháng có kinh luật chi làm hại phong hóa thì chúng nó phải trừ bỏ chẳng cho xuất bản.

C.G.- Nói rằng có quyền xem xét kinh điển trước lúc phổ thông thì tức phải kiểm duyệt các kinh điển ấy trước khi xuất bản. Ấy vậy, tuy kiểm duyệt thì tự quyền Chương Pháp định đoạt, bắt câu kinh sách nào mà làm cho hại phong hoá cũng là sai Đạo luật thì Ngài có quyền từ bỏ, không cho xuất bản. Song trước khi thị nhận cho xuất bản hay là không cho thì buộc Chương Pháp phải đệ lên Hiệp Thiên Đài cầu xin phê chuẩn mới đặng. Chẳng phải nói các kinh điển của người trong Đạo làm ra mà thôi, dầu cho người ngoại giáo làm ra đi nữa, nếu có thương phong bại tục thì buộc Hộ Pháp phải vùa giúp Chương Pháp mà lo trừ diệt cho đặng. Bởi vậy cho nên Thầy có nói câu này:

P.C.T.- Buộc cả tín đồ phải vừa sức mà hành sự trước mặt luật Đồi.

C.G.- Dầu cho luật lệ Đồi mà làm cho thống khổ hơn sanh thì Chương Pháp cũng liêu phương nài xin chế giảm. Cái quyền lực ấy phải nhờ nương Đạo quyền mới đủ mạnh, nghĩa là Đạo mạnh thì quyền người mới mạnh; mà Đạo mạnh thì mới mong tế độ hơn sanh khỏi đường Đồi thâm khổ. Vì vậy mà Thầy lại buộc phải nói thêm câu sau này nữa:

P.C.T.- Thầy khuyên các con răn xúm nhau mà giúp chúng nó.

P.C.T.- Mỗi Chương Pháp có ấn riêng.

C.G.- Thái Chương Pháp thì Bình Bát Vu.

Thượng Chương Pháp thì cây Phát Chủ.

Ngọc Chương Pháp thì bộ Xuân Thu.

Hiệp một gọi là Cổ Pháp. Ba cai Cổ Pháp ấy vốn của Hộ Pháp hằng kính trọng. Nơi mào tiêu phục của Người phải có ba Cổ Pháp ấy. Còn nơi mào Đại phục của Đức Giáo Tông thì lại có ba Cổ Pháp khác nữa, nghĩa là:

- 1) Long Tu Phiến
- 2) Thư Hùng Kiếm
- 3) Phát chủ

Ấy là Cổ Pháp của Thượng Sanh và Thượng Phẩm.

P.C.T.- Ba án phải có đủ trên mỗi luật mới đăng thi hành.

C.G.- Bất câu luật lệ hay là kinh điển nào, dầu đã đăng hai vị Chương Pháp phê chuẩn rồi mà thiếu một thì cũng không đăng phép ban hành; nghĩa là trên Giáo Tông không đăng phép thị nhận, dưới Đầu Sư không đăng phép thi hành.

Cửu Trùng Đài vẫn là chánh trị, mà Chương Pháp lại thuộc về luật lệ. Vậy thì Chương Pháp là người thay mặt Hiệp Thiên Đài nơi Cửu Trùng Đài. Ấy là Cơ Đạo cổ kim hi hữu.

III.- QUYỀN HÀNH ĐẦU SƯ

P.C.T.- Đầu Sư có quyền cai trị phần Đạo và phần Đời của chư môn đệ Chí Tôn

C.G.- Đây Thầy dùng chữ "phần Đạo" và "phần Đời" đăng định quyền hành của Đầu Sư, thì là Đầu Sư có trọn quyền về phần chánh trị của Cửu Trùng Đài và phần luật lệ của Hiệp Thiên Đài. Vậy thì Người đăng quyền thay mặt cho Giáo Tông và Hộ Pháp trước mặt nhơn sanh. Hễ thay quyền cho Giáo Tông và Hộ Pháp, tức là người của Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài. Bởi vậy buộc Đầu Sư phải tưng quyền cả hai mà hành chánh, chẳng đăng phép tự ý riêng mình mà thi thố điều chi không có lệnh Giáo Tông và Hộ Pháp truyền dạy.

P.C.T.- Nó đăng quyền lập luật, song phải dâng lên cho Giáo Tông phê chuẩn.

C.G.- Đầu Sư đăng quyền lập luật cho phù hợp cùng sự chánh trị của nền Đạo, thế nào cho thuận với nhơn tình và không nghịch cùng Thánh Ý. Mà phạm hễ thuận nhơn tình thì hằng nghịch với Thánh Ý luôn luôn, nên chi buộc Đầu Sư trước phải dâng lên cho Giáo Tông phê chuẩn, vì Giáo Tông là người thay quyền cho Thầy đăng điều đình chẳng cho nhơn sanh trái Thánh Ý.

P.C.T.- Luật lệ ấy phải xem xét một cách nghiêm ngặt, coi phải hữu ích cho nhơn sanh chẳng.

C.G.- Câu này đã chỉ rõ rằng: Phạm như Đầu Sư có lập luật lệ chi thì luật lệ ấy buộc phải cần ích cho nhơn sanh mới đăng. Nên chi Thầy có dặn:

"Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài phải xem xét cho nghiêm ngặt, điều chi không thật hữu ích cho nhơn sanh thì Đầu Sư không nên lập luật hay là phá luật."

P.C.T.- Giáo Tông buộc phải giao cho Chương Pháp xét nét trước khi phê chuẩn.

C.G.- Dầu cho luật lệ ấy đã thuận ý Giáo Tông đi nữa thì Giáo Tông cũng không quyền phê chuẩn tức thì, nhưng buộc phải giao lại cho Chương Pháp xét nét trước đã.

Trên đã có định quyền cho Chương Pháp rằng: Các luật lệ chẳng đủ bà vị phê chuẩn thì luật lệ ấy không được phép ban hành.

Vậy thì Đầu Sư và Giáo Tông chẳng đặng thuận tình với nhau mà trái nghịch cùng Pháp Chánh Truyền. Hễ đôi bên chẳng do Chương Pháp xét nét hành đạo thì là phạm pháp. Mà hễ phạm pháp thì dầu cho bực nào cũng khó tránh qua khỏi luật Toà Tam Giáo.

Buộc Đầu Sư phải tùng mạng lệnh của Giáo Tông truyền xuống mới đặng phép ban hành. Nên Thầy nói:

P.C.T.- Chúng nó phải tuân lệnh Giáo Tông, làm y như luật lệ Giáo Tông truyền dạy.

C.G.- Đầu Sư chỉ có tuân mạng lệnh Giáo Tông mà thôi, dầu cho Người thay mặt cho Hiệp Thiên Đài về phần luật lệ đi nữa thì luật ấy trước đã xét nét bởi Chương Pháp và phê chuẩn bởi Hiệp Thiên Đài rồi, tức là luật lệnh của Hiệp Thiên Đài sẵn định vào đó.

P.C.T.- Như tháng có luật lệ nào nghịch với sự sinh hoạt của nhơn sanh thì chúng nó được phép nài xin huỷ bỏ.

C.G.- Chẳng nói là Tân Luật ngày nay mà thôi; nếu sau Tân Luật này mà trở nên Cựu Luật đi nữa, nếu nghịch với sự sinh hoạt của nhơn sanh thì Đầu Sư cũng đặng phép nài xin huỷ bỏ.

P.C.T.- Thầy khuyên các con phải thương yêu nó giúp đỡ nó.

C.G.- Thầy nhủ lời khuyên cả Hội Thánh đôi bên để mắt vào trách nhiệm nặng nề của Đầu Sư mà thương yêu và giúp đỡ Người cho tròn phận sự.

P.C.T.- Thầy dặn các con như có điều chi cần yếu thì khá nài xin nơi nó.

C.G.- Thầy dặn cả chư môn đệ của Thầy, ấy là toàn cả chúng sanh, như có điều chi cần yếu thì khá nài xin nơi Đầu Sư, vì Người thay quyền cho Đạo trọn vẹn nơi thế này.

P.C.T.- Ba chi hơi khác, chớ quyền lực như nhau.

C.G.- Ba chi của Đạo là Nho. Lão, Thích. Ba chi này tuy khác mà quyền lực vẫn so đồng, bởi tùng theo Tân Luật. Ấy là một thành ba, mà ba cũng như một.

Ba vị Đầu Sư không ai lớn, không ai nhỏ. Hay!²³⁴ Quyền vốn đồng quyền. luật lệ nào của Giáo Tông truyền xuống hay là của nhơn sanh dâng lên mà đã có Chương Pháp và Hiệp Thiên Đài phê chuẩn thì dầu cho một người trong ba mà chịu vâng mạng thì luật lệ ấy cũng phải buộc ban hành. Hay ...³ Trừ ra khi nào ba người đồng không thể tuân mạng lệnh đặng, thì luật lệ ấy phải trả lại cho Giáo Tông; buộc Giáo Tông phải truyền xuống cho Chương Pháp xét nét lại nữa. Hay ...³ vì vậy mà Thầy nói:

P.C.T.- Như luật lệ nào Giáo Tông truyền dạy mà cả ba đều ký tên không tuân mạng thì luật lệ ấy phải trả cho Giáo Tông. Giáo Tông truyền lệnh cho Chương Pháp xét nét lại.

C.G.- Thầy đã nhứt định rằng: "Nếu cả ba đồng ký tên không vâng mạng đặng thì Thầy đã chắc chắn rằng luật lệ ấy quả nghịch với nhơn sanh; mà cần yếu hơn hết thì phải quyết định thế nào cho sự nghịch với nhơn sanh ấy có cơ hiển nhiên thì Đầu Sư mới đặng phép nghịch mạng bề trên, cầu nài bác luật. Thảng có một người trong ba mà tuân mạng lệnh đặng thì cũng chưa quyết đoán rằng luật lệ ấy đã nghịch hẳn với nhơn sanh, mà hễ nếu chưa nghịch hẳn cùng nhơn sanh thì buộc phải ban hành.

Quyền hành ấy, nghiêm khắc này, nghĩ ra cũng quá đáng, vì Thánh Ý muốn cho cả ba hiệp một mà thôi. Hay ...³

P.C.T.- Chúng nó có ba cái ấn riêng nhau, mỗi tờ giấy chi chi phải có ấn mới thi hành, nghe à!

C.G.- Ba ấn ấy là: Thái, Thượng, Ngọc; mỗi tờ giấy chi hễ định thi hành thì buộc phải có đủ ba ấn Đầu Sư mới đặng.

Trước khi Đầu Sư lãnh quyền chấp chánh buộc Người phải lập minh thệ nơi Toà Thánh, hằng giữ dạ vô tư hành đạo, y như Chức Sắc Hiệp Thiên Đài đã lập thệ.

QUYỀN THÔNG NHỨT.- Khi minh thệ rồi, Đầu Sư đặng cầm quyền luôn cả về chánh trị cùng luật lệ. Nhờ quyền lớn lao này, Đầu Sư sẽ có đủ thế lực mà ngăn ngừa tà quyền hại Đạo. Thảng gặp cơn nguy hiểm mà ba Chánh Phối Sư không đủ sức chống ngăn thì Đầu Sư đặng dùng quyền thông nhưt ấy mà điều khiển Hội Thánh. Cả Chức Sắc Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài phải phụng mạng, dầu cho Giáo Tông và Hộ Pháp cũng vậy ... Hay!³

IV.- QUYỀN HÀNH CHÁNH PHỐI SƯ

P.C.T.- Phối Sư mỗi phái có mười hai người, cộng là ba mươi sáu người. Trong ba mươi sáu vị ấy có ba vị Chánh.

²³⁴ Ấy là lời khen của Đức Lý Giáo Tông.

C.G.- Ba vị Chánh Phối Sư phải lựa cho đủ ba phái là: Thái, Thượng, Ngọc. Ba vị ấy chẳng phải làm đầu cho ba mươi ba vị Phối Sư kia mà thôi, mà lại là người thay quyền cho Đầu Sư mà hành sự, y như quyền Đầu Sư vậy.

Ấy là người thay mặt cho cả Hội Thánh Cửu Trùng Đài và cả nhơn sanh.

Người nắm trọn quyền hành sự nơi tay, chỉ từng lệnh Đầu Sư phán dạy thế nào thì phải tuân theo thế ấy, chẳng đặng cái mạng lệnh tự mình chế biến, nhứt nhứt đợi lệnh Đầu Sư. Song Đầu Sư cũng không đặng phép giành quyền hành sự của ba vị ấy. Hễ Đầu Sư lấn quyền hành sự mà không do nơi Chánh Phối Sư thì quá quyền mình, ắt phải phạm Pháp Chánh Truyền ... Hay.²³⁵

Đây xin nhắc lại khi Đức Chí Tôn ban lệnh lập Tân Luật, vì có nào Đức Giáo Tông lại giao cho Chánh Phối Sư xem xét chỉnh đốn trước khi dâng lên cho Ngài. Kế Chương Pháp kiểm duyệt rồi mới đệ lên cho Hiệp Thiên Đài phê chuẩn, sau rút Hộ Pháp phải đem luật ấy xuống Cửu Trùng Đài đọc mà ban hành.

Lại nữa, buổi ba vị Chánh Phối Sư dâng luật, Hộ Pháp và Thượng Phẩm phò loan cho Đức Giáo Tông giảng sửa (ngày 13 tháng Chạp năm Bính Dần). Ngài có truyền dạy ba vị Đầu Sư và Chương Pháp phải ngự trên ngai; đoạn đòi ba vị Chánh Phối Sư vào hành lễ, rồi kêu Chánh Phối Sư Thượng Tương Thanh mà dạy rằng: "Hiền hữu coi Lão hành sự đây mà bất chước". Ngài lại dạy ba vị Chánh Phối Sư mỗi người phải dâng luật thế nào cho đủ sáu bàn tay dâng luật ấy, chẳng cho hở, đặng dâng lại cho Đầu Sư. Đầu Sư cũng phải cho đủ sáu tay mà dâng lên cho Chương Pháp, rồi Chương Pháp cũng phải đủ sáu tay mà dâng lên cho Ngài. Khi ấy Ngài dạy phải đi ngay lên Đại Điện đưa qua khỏi đầu Hộ Pháp và Thượng Phẩm. Ngài hạ Ngọc Cơ xuống dưới, đặng đi ngay qua cho khỏi Ngài nữa. Hay ...⁴

Chương Pháp tiếp luật rồi, lại đưa ngay qua khỏi đầu Khương Thái Công và Thánh Chúa Jésus nữa. Sau Hộ Pháp có để lời than cùng Thầy về điều ấy thì Thầy cười mà phán dạy rằng: "Mắc Tiên vị của Thái Bạch còn ở dưới Thích Ca, Không Tử, và Lão Tử, bằng chẳng vậy thì bộ luật cũng đi ngang qua đầu các Đấng ấy nữa, vì nó là Thiên Điều đó con".²³⁶

Bộ Tân Luật để trước Tiên vị của Đức Giáo Tông một ngày một đêm, cho Ngài xét đoán; bữa sau Ngài giảng cơ than rằng: "Thiên Điều mâu nhiệm của Đạo còn thiếu sót lắm". Ngài cười rồi tiếp rằng: "Những điều ấy chưa hiền hữu biết đâu mà lập cho đặng ... Hại thay! Nếu chẳng có cơ mâu nhiệm bí mật ấy thì chẳng thành luật; nếu chẳng thành luật, thế nào thành Đạo". Ngài cười rồi tiếp: "Lão tâu cùng Đại Từ Đại Bi xin thêm vào luật những

²³⁵ Ấy là lời khen của Đức Lý Giáo Tông.

²³⁶ Cười ... Cái giá trị của Tân Luật đường đó, mà cả Hội Thánh coi rờ rúng chẳng kể, làm cho Lão phải từ ngôi Giáo Tông, đặng lấy Thiên Điều kháo tội. Ôi thôi! Biết bao kẻ bị đọa lạc vào Phong Đô, vì đó.

điều bí mật yếu trọng. Ấy vậy chư hiền hữu cũng phải cầu khẩn với Lão, nội hạ tuần tháng này thì khởi nguyện, dẫn các Thánh Thắt, các đạo hữu phải để lòng thành khẩn hiệp sức làm một với Lão mà nài xin Thánh Luật, nghe à (cười ...) Hễ Đạo trọng thì tức nhiên chư hiền hữu trọng; vậy thì chư hiền hữu biết mình trọng mà lo sửa vẹn người đời ... Từ đây Lão hằng giữ gìn cho chư hiền hữu hơn nữa; nếu tháng Lão ép lòng cảm quyền thượng phạt phân minh, là cố ý muốn giá trị chư hiền hữu thêm cao trọng nữa. Vậy Lão xin đừng để dạ phiến hà nghe!"

Ngài liền kêu hai vị Chương Pháp lên lấy bộ Luật xuống, dâng dâng qua cho Hiệp Thiên Đài, lại dạy Hộ Pháp và Thượng Phẩm xuống Cửu Trùng Đài đứng nơi vị mình. Hộ Pháp thì bắt ấn Hộ Pháp trên bộ Luật, còn Thượng Phẩm thì cầm Long Tu Phiến che trên ấn ấy, rồi dạy hai vị Chương Pháp như vậy: "Ta kỳ cho một tháng phải nạp luật".

Hai Chương Pháp lãnh kiếm duyệt luật trong một tháng đem nạp hồi cho Lý Giáo Tông; rồi Ngài mới cậy hai vị Đầu Sư thay mặt cho Ngài đệ lên Hiệp Thiên Đài dâng cho Hộ Pháp cầu Thầy giảng xuống sửa lại. Nhờ Ngài và Hội Thánh cầu khẩn, Thầy đã giảng bút truyền các bí pháp ấy cho Hộ Pháp.²³⁷

Coi theo đây thì thấy rõ: Đức Giáo Tông kêu Chánh Phối Sư Thượng Tương Thanh xem người hành sự mà bất chước, thì đủ chi rõ rằng Ngài ban quyền hành sự trọn vẹn cho Chánh Phối Sư, lại buộc cả ba đều để sáu bàn tay vào cho đủ, tức là buộc cả ba hiệp một mới đặng. Đầu Sư cũng vậy, mà Chương Pháp cũng vậy, phải hiệp một mới phù hợp câu Thánh ngôn 'Một thành ba, mà ba cũng như một'.²³⁸

Sao lại giao cho Chánh Phối Sư chính đốn Tân Luật, ngày sau có phải giao cho Chánh Phối Sư như vậy nữa chăng?

²³⁷ Mừng thay cho nhơn loại chút ít rồi, Hội Thánh chọn truyền Tân Pháp đã đạt đặng như phép Giải Oan, phép Khai Sanh Môn, Ban Kim Quan v.v..., lại còn nhiều bí pháp nữa mà Hộ Pháp chưa có lĩnh truyền và lại bị chúng sanh và Hội Thành còn mơ hồ không nạp dụng. Ngày nay chẳng biết các Đấng Thiêng Liêng và chư Thần, Thánh, Tiên, Phật tại Bát Quái Đài đã thọ lĩnh của Thầy mà hành pháp vì thuộc về quyền hành của các Đấng ấy; ngày nay mới tính sao? Trong các bí pháp có cơ mâu nhiệm đặc Đạo, bây giờ các Đấng ấy có cho hay là không? Thảm! (Cười), nếu Lão có phương chính đốn nền Đạo lại thì đặng, bằng chẳng vậy, thì không có một người đặc Pháp, Cửu Trùng Đài cũng đã yếm quyền Bát Quái Đài mà chớ. Thật vậy đó chút!

²³⁸ Ấy là cơ vô vi TINH-KHÍ-THẦN hiệp nhưt, chư hiền hữu có biết à! Ngọc là Tinh, Thượng là Khí, Thái là Thần, nếu cả ba không hiệp thì chẳng hề thành Đạo đặng, khá nhớ!

Trên kia đã nói Chánh Phối Sư là người thay mặt cho cả nhơn sanh giữa Hội Thánh, ấy là người làm chủ nhơn sanh trong nền Đạo.²³⁹ Hễ gọi là chủ nhơn sanh, ấy là nhơn sanh vậy.

Trong Bát Quái Đài kể từ Tiên vị đở lên cho tới Thần thì đã vào địa vị của các Đấng Trọn Lành "classe des Parfaits ou des Pures"; từ Thánh vị trở xuống nhơn vị thì vào hàng Thánh "classe des Épures"; từ thú cầm xuống vật chất thì hàng phạm tục "classe des Impures".²⁴⁰ Ấy vậy trong Bát Quái Đài từ bậc Thánh hồn thì còn phạm sự điều đình càn khôn thế giới, giao thiệp cùng các chơn hồn, còn ở trong vòng vật chất, nâng đỡ dạy dỗ cho phạm phạm tấn hoá lên cho tới Thánh vị. Hễ vào đặng Thánh vị rồi thì tự nhiên mình biết lấy mình, dầu phải bị đọa trần đi nữa cũng còn giữ vẹn Thánh Đức mà tu hành đặng đạt đến địa vị trọn lành, lên địa vị trọn lành rồi thì mới đồng quyền cùng Tạo Hoá, từ bi, tự tại bất tiêu bất diệt.

Trong Hiệp Thiên Đài thì có Hộ Pháp thay quyền cho các Đấng Thiêng Liêng và Thầy mà gìn giữ công bình tạo hoá, bảo hộ nhơn loại và vạn vật lên cho tới địa vị tận thiện tận mỹ; người thì tận thiện, còn vật thì tận mỹ, hay.⁹ Chẳng cần lấy sức mình mà lập, chỉ bảo hộ cho sự tấn hoá tự nhiên khỏi điều trở ngại, nếu nói có quyền bảo hộ thì phải có luật pháp, lấy luật pháp mà kềm chế nhơn sanh, cũng như các Đấng Trọn Lành lấy Thiên Điều mà cải sửa Càn Khôn Thế Giới.

Hộ Pháp là thể các Đấng Trọn Lành, hay⁹, Người lại giao quyền cho Thượng Phẩm lập Đạo, đặng diu dắt các chơn hồn lên tột phẩm vị của mình, tức là nâng đỡ bình vực cả Tín Đồ và Chức Sắc Thiên Phong ngồi an định vị, cũng như chư Thần, Thánh điều đình Càn Khôn Thế Giới cho an ninh hoà bình mà giúp sức cho vạn loại sanh sanh hoá hoá. Thượng Phẩm tiếp các chơn hồn của Thượng Sanh giao vào cửa Đạo, dầu nguyên nhân hay là hoá nhân cũng vậy, phải nhờ Người độ rồi. Thượng Sanh đặng mạng lệnh chuyển thể, điều độ nhơn sanh ra khỏi trầm luân khổ hải, hay,²⁴¹ bước Thượng Sanh phải gần kề vô Đạo đặng an ủi dạy dỗ, mà kể từ hạng vô Đạo trở xuống, cho tới vật chất thuộc về phạm, ấy vậy Thượng Sanh là thể Đồi, người đứng đầu của phạm phạm tục. Hay.¹⁰

Trong Cửu Trùng Đài thì có Đầu Sư thì đối với phẩm Địa Tiên, Chương Pháp thì đối với phẩm Nhơn Tiên, Giáo Tông thì đối phẩm Thiên Tiên; Tam Trấn Oai Nghiêm thay quyền Phật vị tại thế này. Ấy vậy, các Đấng ấy đối phẩm cùng các Đấng Trọn Lành của Bát Quái Đài. Giáo Tông giao quyền cho Đầu Sư, Đầu Sư lại phân quyền cho Chánh Phối sư, hay¹⁰ lập Đạo đặng

²³⁹ Đây cũng nên giải, vì có nào kể từ phẩm Chánh Phối Sư trở xuống, thuộc về thế, nghĩa là Đồi, và từ phẩm Đầu Sư đở lên thuộc về Thánh, nghĩa là Đạo, bên Hiệp Thiên Đài cũng có Đồi và Đạo, mà Bát Quái Đài cũng phải có vậy, mới nhằm cơ hiệp một Đồi cùng Đạo. Tức là trong Đạo có Đồi mà trong Đồi cũng có Đạo.

²⁴⁰ Ba khoản này Đức Lý Giáo Tông đều khen: Hay.

²⁴¹ Ấy là lời khen của Đức Lý Giáo Tông.

độ rồi nhơn sanh; cũng như Hộ Pháp giao quyền cho Thượng Sanh và Thượng Phẩm. Còn Chánh Phối Sư và Phối Sư đối phẩm Thiên Thánh, Giáo Sư đối phẩm Nhơn Thánh, Giáo Hữu đối phẩm Địa Thánh; Lễ Sanh đối phẩm Thiên Thần, Chánh Trị Sự, Phó Trị Sự và Thông Sự đối phẩm Nhơn Thần, chư Tín Đồ đối phẩm Địa Thần, hay.¹⁰ Ấy vậy, các vị ấy đối phẩm vào hàng Thánh của Bát Quái Đài là cầm quyền lập Đạo.

Kẻ Ngoại Giáo, Tà Đạo Bàng Môn, người vô Đạo, riêng nắm quyền hành thế tục, nghịch cùng chơn lý chánh truyền, mượn thế lực phàm tục mà diệt lành dưỡng dữ, mê hoặc nhơn sanh, lưu luyến trần thế, trên không biết trời, dưới không kính đất, lấy người làm lợi khí đặng vụ tất công danh, quyền quyền thế thế, chẳng kiên nể luân hồi, ham vật chất hơn tinh thần, lấy vinh hoa của kiếp sanh làm sở nguyện, như thú vật, cây cỏ, sắt đá, chỉ biết sống mà không biết sống làm gì, còn không hay mà mắt cũng không biết. Ấy là hạng phàm, gọi đời đó vậy (Hay ... Áng văn tuyệt bút Lão khen đa).¹⁰

Thầy đã dạy nhơn sanh tự lập luật lấy mình, mà Chánh Phối Sư hẳn là người thay mặt cho nhơn sanh, tức nhiên quyền hành lập luật là nơi tay Chánh Phối Sư đã đặng.

Quyền hành chánh trị về phần Đầu Sư, mà quyền hành sự về Chánh Phối Sư, bằng chẳng vậy thì ngôi Giáo Tông, Đầu Sư cũng không kiêng nể, vì đã nhứt thống quyền chánh trị và luật lệ. Lại nữa, Thầy đã định ngôi Giáo Tông thì Đầu Sư và Chương Pháp tranh cử đặng; nếu không giảm quyền Đầu Sư thì Chương Pháp mong chi đắc cử.

Chánh Phối Sư đã là người thay mặt cho nhơn sanh chỉ biết tuân lệnh mà thôi, chứ không phép cãi lệnh, có phép dâng luật lên cho Đầu Sư cầu xin chế giám chứ không đặng phép lập luật. Như ngày sau, nếu Thầy ban quyền cho nhơn sanh lập luật lại nữa, thì Người mới có quyền chỉnh đốn luật lệ như buổi này vậy. Vì vậy mà Thầy mới nói:

P.C.T.- "Ba vị Chánh Phối Sư đặng thế quyền Đầu Sư, song chẳng quyền cầu phá luật lệ".

C.G.- Hễ trái mạng lệnh Thiên Liêng, sửa cải luật lệ mà hành sự, hoặc thêm hoặc bớt, thì là phạm phép Thiên Điều làm cho Thánh Giáo trở nên Phàm Giáo. Nhơn sanh là Phàm, Hội Thánh là Thánh. Nếu không Hội Thánh phê chuẩn thì những điều chi sửa cải bởi Chánh Phối Sư, nghĩa là Nhơn Sanh, đều là Phàm cả; mà hễ Phàm thì khó mong lập vị Thánh cho đặng.¹⁰ Bởi có ấy nên Thầy không cho Chánh Phối Sư lập luật; ấy cũng là cơ mâu nhiệm, diệt Phàm của Đạo vậy. Hay¹⁰.

V.- QUYỀN HÀNH PHỐI SƯ

C.G.- Phối Sư là người lãnh quyền của Chánh Phối Sư ban cho, đặng đồng quyền đồng thế cùng Chánh Phối Sư khi người giao trách nhiệm cho mình; chẳng đặng làm điều chi không có lệnh của Chánh Phối Sư truyền

day; nhứt nhứt đều phải tuân mạng lệnh của Chánh Phối Sư khi đặng sai trần nhậm các nơi; mọi điều canh cải là phạm Pháp Chánh Truyền, ắt bị giải ra Toà Tam Giáo.

VI.- QUYỀN HÀNH GIÁO SƯ

P.C.T.- Giáo Sư có bảy mươi hai người, mỗi phái là hai mươi bốn người.

C.G.- Giáo Sư có bảy mươi hai người, chia đều ra mỗi phái là hai mươi bốn, không đặng phép tăng thêm hay là giảm bớt.

P.C.T.- Giáo sư là người dạy dỗ chư môn đệ trong đường đạo với đường đời.

C.G.- Đã biết rằng Giáo Sư thế quyền cho Đầu Sư và Phối Sư mà cai quản các Thánh Thất nơi châu thành lớn mặc dầu, nhưng Thầy định quyền cho Người có quyền dạy dỗ mà thôi, song quyền hành có rộng thêm đôi chút là dạy dỗ trọn cả đường Đạo và đường Đời. Nghĩ cũng chẳng chi làm lạ, vì cả Chức Sắc Hội Thánh Cửu Trùng Đài của Thầy lập phải tuý theo Tôn Chỉ Đạo, nghĩa là xu hướng về phần giáo dục mà thôi. Thầy đã xưng là Thầy đặng dạy dỗ, còn tên của Chức Sắc đủ chỉ rõ ràng phận sự giáo hoá là chánh vai của mỗi người. Như Giáo Hữu, Giáo Sư, Phối Sư, Đầu Sư, Giáo Tông, xem rõ lại thì tên mỗi vị chẳng mất chữ Giáo hay là chữ Sư. Cơ Đạo từ cổ chí kim vẫn vậy, lại hiệp lời này "Thiên mạng chi vị tánh, suất tánh chi vị Đạo, tu Đạo chi vị Giáo". Thầy chỉ cậy Hội Thánh Thầy đã đến lập thay quyền cho Thầy mà dạy dỗ cả con cái của Thầy, nghĩa là chúng sanh đặng lành; ấy là phận sự cần nhứt của Hội Thánh đó.

P.C.T.- Buộc chúng nó lo lắng cho các con như anh ruột lo cho em.

C.G.- Thầy buộc Giáo Sư phải lo lắng cho các Tín Đồ trong địa phận mình cai quản, như anh ruột lo cho em, nghĩa là thân cận với các Tín Đồ như anh em một nhà, cần lo giúp đỡ, phải đoạt tình thân thiết của mỗi người cho họ đủ yêu mến mà nương dựa nơi mình, hầu lừa thế chia vui sót nhọc, tình ái liên lạc thế nào phải cho ra người anh ruột của các Tín Đồ mới vừa lòng Thầy sở định. Hay.²⁴² Những tiếng anh ruột lo cho em là đủ nghĩa.

P.C.T.- Chúng nó cảm số bộ của cả Tín Đồ.

C.G.- Bộ sanh tử, Bộ hôn phối, Sở nhập môn hay là trực xuất của cả Tín Đồ đều về phần Giáo Sư nắm giữ. Giáo Sư là người thủ Bộ Đời của Đạo, quyền hành đã nhứt định; chẳng Chức Sắc nào đoạt đặng.

P.C.T.- Chúng nó phải chăm nom về sự tang hôn của mỗi đứa.

²⁴² Ấy là lời khen của Đức Lý Giáo Tông.

C.G.- Hễ thủ Bộ Đời thì chăm nom về tang hôn rất tiện. Quan, Hôn, Tang, Tế là điều cần nhứt của kiếp sống người đời, mà Thầy chỉ định giao cho Giáo Sư có sự tang hôn mà thôi; ấy vậy Giáo Sư đặng trọn quyền sắp đặt sửa đương thế nào cho hai lễ ấy đặng phù hợp với tục lệ của nhơn sanh, tùy theo phong hoá của các sắc người, song chẳng đặng làm cho thất thể Đạo, nghĩa là mỗi điều sửa cải phải do nơi Hội Thánh phê chuẩn. Thầy đã nói: "của mỗi đũa" tức nhiên mình cũng phải hiểu của mỗi nước.

P.C.T.- Như tại châu thành lớn thì mỗi đũa đặng quyền cai quản cúng tế Thầy như thế Đầu Sư và Phối Sư.

C.G.- Đây Thầy đã nói tại châu thành lớn thì chúng sanh cũng nên hiểu là địa phận thuộc về dưới quyền trách nhiệm của Giáo Sư cai quản, người đặng quyền cúng tế Thầy như Đầu Sư, Phối Sư thì tức nhiên phải tùng theo lễ phép của Đầu Sư và Phối Sư phán dạy. Ấy vậy lễ cúng tế chẳng phải trọn quyền của Người mà là của Hội Thánh sở định.

P.C.T.- Chúng nó đặng dâng sớ kêu nài về luật lệ làm hại nhơn sanh, hay là cầu xin chế giảm luật lệ ấy.

C.G.- Những Tân Luật hay là Cựu Luật mà đã rõ hại cho nhơn sanh thì Giáo Sư đặng phép kêu nài hay là cầu xin chế giảm.

P.C.T.- Chúng nó phải thân cận với mỗi môn đệ như anh em một nhà cần lo giúp đỡ, nghe à!

C.G.- Đây là một câu Thầy lập lại nữa, quyết định cho Giáo Sư phải thân cận với mỗi Môn Đệ của Thầy như anh em một nhà, cần lo giúp đỡ, nên chi Thầy mới gán hai chữ "Nghe à!" xin hãy coi đó mà để ý.

Giáo Sư đã là người thay quyền cho Đầu Sư và Phối Sư mà cai quản Thánh Thất và cúng tế Thầy, ắt buộc phải tùng quyền Phối Sư, chẳng đặng trái mạng lệnh Người, trừ ra các quyền hành riêng Thầy đã định, thì nhứt nhứt đều trật tự, do lệnh Phối Sư, không đặng phép tự mình sửa cải. Nếu sửa cải là phạm trật tự, mà phạm trật tự, nghịch Pháp Chánh Truyền, ắt bị giải ra Toà Tam Giáo.

VII.- QUYỀN HÀNH GIÁO HỮU

P.C.T.- Giáo Hữu là người phổ thông chơn đạo của Thầy.

C.G.- Muốn phổ thông chơn Đạo của Thầy, buộc Giáo Hữu phải học cho lâu thông chơn Đạo của Thầy. Ấy vậy, chức Giáo Hữu phải có khoa mục mới đặng. Cái phận sự phổ thông là một phận sự lớn lao quý trọng. Nếu chẳng biết Tôn Chi của Đạo cho thông suốt, lại đem xuồng truyền bá cho nhơn sanh những tư tưởng nghịch cùng chơn lý của Đạo, là hại Đạo. Huống chi Thầy đã nói Giáo Hữu là người thân cận của nhơn sanh hơn hết. Nếu chẳng lựa chọn kẻ hạnh đức tu tâm, có đủ tư cách mà bày

ương Đạo cho rõ ràng, nhơn sanh chỉ đề mắt vào đó mà khen hay là chê Đạo, vì sự chơn thật hay là giả dối, nhơn sanh chỉ coi đó mà quyết đoán. Trò phải như Thầy, mà Thầy thế nào thì trò phải thế nấy, nhơn sanh xem trò mà đoán Thầy. Cái thể thống của Đạo Thầy gọi là chơn thật thì phải hành Đạo thế nào cho ra chơn thật y như Thầy sở định. Bực trí thức muốn quan sát một nền Đạo nào thì chẳng cần biết hết Chức Sắc, chỉ lựa một phẩm vị yếu trọng hơn hết, là bực hạ thừa, mà so sánh tư cách hạnh đức đặng quyết đoán tôn chỉ nội dung của tôn giáo ấy.

Giáo Hữu là một phẩm vị rất yếu trọng. Ấy vậy, buộc Giáo Hữu phải thể Đạo cho xứng đáng tôn chỉ cao thượng của Đạo. Muốn cho xứng đáng thì phải thông suốt cả các chơn lý Đạo.

P.C.T.- Chúng nó đặng quyền xin chế giảm luật lệ.

C.G.- Giáo Hữu đặng quyền dâng sớ cho bề trên mà xin chế giảm luật lệ. Biết đâu ngày kia các vị ấy còn phải tuyên bố đi phổ thông chơn Đạo Thầy trong một nước, hay là một dân tộc nào mà phong hoá không thể tùng theo Đạo luật đặng. Nếu không chế giảm cho phù hợp thức lệ lễ nghi của sắc dân ấy, thì khó mà độ rỗi cho đặng. Thầy cho Giáo Hữu đặng quyền xin chế giảm luật lệ là vì vậy.

P.C.T.- Ba ngàn Giáo Hữu chia ra đều, mỗi phái là một ngàn, chẳng nên tăng thêm hay giảm bớt.

C.G.- Câu ấy đã nói rõ, chẳng cần phải giải. Song buộc phải nói rằng chức Giáo Hữu để cho cả các sắc dân toàn khắp Địa Cầu chớ không phải dành cho một nước Nam này mà thôi, dầu cho ngôi Giáo Tông ngày sau cũng có đủ các dân tộc khác cầm quyền chấp chánh. Hay.²⁴³

P.C.T.- Chúng nó đặng phép hành lễ khi làm chủ các chùa trong mấy tỉnh nhỏ.

C.G.- Hễ nói mấy tỉnh nhỏ đặng thì cũng nói mấy xứ nhỏ, mấy nước nhỏ đặng; mà mấy tỉnh nhỏ, mấy xứ nhỏ, mấy nước nhỏ thì phải tùng quyền mấy tỉnh lớn, mấy xứ lớn, mấy nước lớn. Tức nhiên Giáo Hữu phải tùng quyền Giáo Sư. Khi làm chủ các Thánh Thất thì Giáo Hữu đặng phép hành lễ y như Giáo Sư sở định, không đặng phép sửa cái, nhứt nhứt phải đợi lệnh Giáo Sư, nếu nghịch mạng thì phạm Pháp Chánh Truyền.

P.C.T.- Điều chi chúng nó xin thì buộc Giáo Tông phải cần miễn hơn hết.

C.G.- Đã nói Giáo Hữu là người thân mật với nhơn sanh hơn hết, mà kể từ phẩm Giáo Hữu đồ lên cho tới Giáo Tông thì xa lắm. Ấy vậy, Giáo Hữu thì gần với nhơn sanh còn Giáo Tông thì xa nhơn sanh. Nếu Giáo Tông

²⁴³ Ấy là lời khen của Đức Lý Giáo Tông.

muốn gần với nhơn sanh thì phải cần mẫn giao thân cùng Giáo Hữu. Giáo Hữu là người biết nhơn sanh hơn hết. Nếu Giáo Tông muốn biết nhơn sanh thì phải nghe lời Giáo Hữu.

Thánh Ý muốn cho Giáo Tông đặng gần nhơn sanh cũng như Giáo Hữu, cho nên dặn Giáo Tông phải cần mẫn xét nét mỗi điều của Giáo Hữu cần xin hơn hết. Song mỗi điều chi Giáo Hữu cũng không đặng phép loạn đẳng cấp, nghĩa là phải nương theo các phẩm cấp trên mình mà dâng sớ.

P.C.T.- Như điều chi mơ hồ thì chúng là kẻ sai đi kiểm duyệt.

C.G.- Chúng sanh là Thế, mà muốn cho biết Thế thì phải thân cận chúng sanh; gần chúng sanh thì mới biết đặng sự hạnh phúc cùng là sự uất ức của chúng sanh.

Người gần gũi chúng sanh là Giáo Hữu. Thảng như có điều chi làm cho Đạo và Đồi không tương đắc, sanh ra nghi hoặc mơ hồ thì không ai có thể quan sát và kiểm duyệt dễ dàng hơn Giáo Hữu, nên Thầy mới giao trách nhiệm riêng ấy cho là vì vậy. Hay.¹²

P.C.T.- Chúng nó phải tu hạnh đức, tư cách cho lắm mới đặng, vì chúng nó là người thân cận với nhơn sanh hơn hết, nghe à!

C.G.- Câu này trên kia đã giải rõ, đây chỉ nhắc câu quyết định "Nghe à!" của Thầy đó mà thôi. Xin khá để ý.

(Ôi! Cái trách nhiệm lớn lao ấy, v.v...)

VIII.- QUYỀN HÀNH LỄ SANH

P.C.T.- Lễ Sanh là người có hạnh, lựa chọn trong chư môn đệ mà hành lễ.

C.G.- Thầy đã nói Lễ Sanh thì phải lựa chọn người có hạnh hơn hết trong chư môn đệ của Thầy, ắt buộc phải hạnh nét hoàn toàn, hướng chỉ phải vào bực Lễ Sanh mới mong bước qua hàng Chức Sắc, thì Lễ Sanh tất phải là người xứng đáng có đủ tư cách học thức mà làm một vị Chức Sắc Thiên Phong ngày sau.

Tuy vẫn đã biết lúc Thầy lập Pháp Chánh Truyền thì Thầy dạy hành lễ đường ấy mặc dầu, là bởi lễ nghi phong hoá nhà Nam ta buộc phải vậy, chớ Lễ Sanh mà đối chức "Anh" (Brother) của Thánh Giáo thì phận sự cao trọng của Chức Sắc ấy là đường nào!

Sau đây buộc Lễ Sanh phải có cấp bằng nơi trường Đạo mới mong dự cử vào địa vị ấy. Vậy thì Lễ Sanh là người thay mặt cho Giáo Hữu, khi Giáo

Hữu vắng mặt, mà hành lễ cúng tế Thầy. Song phải tòng quyền Giáo Hữu mà hành sự.²⁴⁴

P.C.T.- Chúng nó đặng quyền đi khai đàn cho mỗi tín đồ.

C.G.- Lễ Sanh phải đi thăm viếng các nhà đạo hữu, thượng tượng khai đàn, dạy cho biết lễ nghi cúng tế Thầy, thay quyền cho Giáo Hữu.

Như ngày khi Đạo đã xuất dương ra ngoại quốc thì sẽ có nhiều dân tộc chẳng có thể thờ phượng như Nam, phận sự của Lễ Sanh đây mới ra sao? Tưởng chẳng chi khác hơn là đòi ra phân thăm viếng tín đồ, an ủi, dạy dỗ, chăm nom, diu dắt trong đường Đạo cũng như đường Đời, thay quyền cho Giáo Hữu.

P.C.T.- Thầy dặn các con hiểu rõ rằng Lễ Sanh là người Thầy yêu mến, chẳng nên hiếp đáp chúng nó.

C.G.- Thấy lòng bác ái của Thầy bất động lòng, vì Thầy đã biết rằng Lễ Sanh phải chịu tòng phục dưới quyền sai khiến, nên phải có hạnh đức mới biết an phận mình mà chịu phần lòn cúi quật hạ đặng. Thầy lại để lời dặn rằng Lễ Sanh là người yêu mến của Thầy, ấy là Thầy muốn không cho kẻ bề trên lấy quyền hiếp em dưới.

P.C.T.- Như vào đặng hàng Lễ Sanh mới mong bước qua hàng Chức Sắc.

C.G.- Câu này trên đã giải rõ, nên chẳng cần lập lại. Nhưng phải nhắc rằng Lễ Sanh hoặc đặng đắc cử hay là có khoa mục mới đạt vị.

P.C.T.- Kỳ dư Thầy phong thưởng riêng mới đi khỏi ngã ấy mà thôi, nghe à.....!

C.G.- Phải có cấp bằng Lễ Sanh mới vào hàng Giáo Hữu đặng. Kỳ dư Thầy giảng cơ phong thưởng riêng mới qua đặng Pháp Chánh Truyền, Thầy quyết định với tiếng "nghe à!" xin khá để ý.¹³

IX.- QUYỀN HÀNH CHÁNH TRỊ SỰ

C.G.- Chánh Trị Sự là Chức Sắc của Đức Lý Giáo Tông lập thành²⁴⁵ phải tòng quyền Lễ Sanh mà hành sự, đặng làm chủ trong địa phận Giáo Hữu và thay mặt cho Đạo làm anh cả trong phân địa phận ấy.

²⁴⁴ Ôi! Cái hại là do tại nơi lòng quá yêu của Chí Tôn phong thưởng ấy mà gây loạn động cho Chơn Truyền. Lão nhứt định cầu khẩn Chí Tôn chẳng cho như vậy nữa.

²⁴⁵ Đức Giáo Tông khen: "Phải".

Đây xin nhắc lời của Đức Lý Giáo Tông giảng bút giải nghĩa chức Chánh Trị Sự và nài Hộ Pháp ban quyền luật lệ Hiệp Thiên Đài cho Chức Sắc ấy²⁴⁶ đặng đủ thể lực mà làm cho hoàn toàn trách nhiệm.

Lời Đức Lý Giáo Tông nói: "Chánh Trị Sự là người thay mặt cho Lão làm anh cả cho chư Tín Đồ trong phần địa phận của nó. Lão muốn thế nào cho Lão có mặt khắp nơi, tận ven trời cùng góc bể. Lão tưởng Hiền Hữu cũng muốn vậy chớ.²⁴⁷ Trong nhơn sanh, hạng trí thức thì ít, hạng ngu muội thì nhiều, nếu chúng ta không có đủ sức điều đình thì khó mà rã chơn lý Đạo khắp nơi cho đặng. Càng thân cận với nhơn sanh lại càng chịu nhiều sự khó khăn rắc rối. Chúng ta phải liệu phương nào mà trừ diệt những sự khó khăn ấy khi mới nảy sanh ra thì nền Đạo mới khỏi loạn lạc. Vậy Lão xin Hiền Hữu ban quyền cho Chánh Trị Sự đặng phép xử trị, hầu có thể dạy dỗ sửa răn thay quyền cho chúng ta trong chốn thôn quê san dã".

Khi ấy Hộ Pháp đã chịu lời cùng Ngài²⁴⁸ và đã hiểu rõ ý tứ cao thượng ấy.

Sau Thầy lại giảng bút nữa cũng khuyên Hộ Pháp ban quyền.

Theo Thánh ý Đức Lý Giáo Tông thì quyền hành Chánh Trị Sự như vậy: Chánh Trị Sự phải chăm nom giúp đỡ sự sinh hoạt của môn đệ Thầy đã chịu dưới quyền Người điều khiển, giúp khó trợ nghèo, coi cả Tín Đồ như em ruột, có quyền xử đoán, như là việc bất bình nhỏ mọn xảy ra trong phần địa phận của mình, song phải tùng lệnh Giáo Hữu và Lễ Sanh cùng người Đầu Họ.

Người Tín Đồ mà phạm luật Đạo thì Chánh Trị Sự phải khuyên nhủ răn he ít nữa là đôi lần; thẳng như không biết ăn năn chừa cải thì tư tở về Thánh Thất sở tại cho Giáo Hữu đặng Người đòi đến mà dạy dỗ răn he. Như Giáo Hữu đã dạy dỗ răn he rồi mà còn tái phạm, thì Chánh Trị Sự có quyền đệ tở lên cho người Đầu Họ mà cầu xin Hội Thánh trừng trị hay là trục xuất, chiếu theo Tân Luật.

Tờ này phải làm ra hai bản, một bản tư về Hiệp Thiên Đài và một bản về Cửu Trùng Đài.

Như có điều chi sai luật Đạo mà Chánh Trị Sự đã nhiều phen tư tở cho Cửu Trùng Đài, song Cửu Trùng Đài im ản thì Chánh Trị Sự đặng phép tư tở thẳng lên Hiệp Thiên Đài kêu nài định đoạt.²⁴⁹

Cấm Chánh Trị Sự không đặng phép lấn địa phận của người đồng phẩm, không đặng đi nơi khác mà hành chánh. Buộc hành Đạo như vậy:

²⁴⁶ Cười.

²⁴⁷ Lão tưởng chư Hiền Hữu lại tưởng thế nào. Lão hỏi?

Thượng Trung Nhựt trả lời: "Bach Ngai, ấy là điều quý báu, từ xưa đến nay nhơn sanh không đặng hưởng ân huệ như vậy.

²⁴⁸ Lão khen trí nhớ của Hộ Pháp đó.

²⁴⁹ Đường ấy mới tránh sự áp quyền.

"Phải chia địa phận mình ra nhiều địa phận", tùy theo lớn nhỏ mà giao cho Phó Trị Sự.

Buộc Phó Trị Sự phải thay phiên nhau đăng nạp cho Chánh Trị Sự mỗi tháng ba mươi người công quả, tức là mỗi ngày phải có một người hầu việc cho Chánh Trị Sự. Chánh Trị Sự mới sai người đó đi khắp địa phận mà thăm viếng Tín Đồ về sự bịnh hoạn đói khổ. Hễ có một người trong địa phận bị tai nạn thì biểu người công quả ấy ở tại đó mà giúp đỡ săn sóc, hoặc bịnh hoạn phải lo nuôi dưỡng, hoặc nghèo nàn phải chung hiệp nhau mà gỡ khổ. Ấy là phận sự rất cao thượng của Chánh Trị Sự. Cái vẻ riêng tốt đẹp của Đạo do tại nơi đó.

Đức Lý Giáo Tông lại dạy rằng: "Vậy mới phải là anh em một nhà. cần lo giúp đỡ, chia vui sốt thảm, no đói có nhau, giữ quyền lợi cho nhau, không giành không giết, hễ đói thì mình chung nuôi, bị thất lợi thì mình phải giữ, hễ nhục thì mình chung chịu, ắt quyền hành mình phải trọng.

Trước khi lãnh trách nhiệm, buộc Chánh Trị Sự phải đến Thánh Thất sở tại mà lập minh thệ; phải thề rằng: "giữ dạ vô tư mà hành Đạo, dầu cha mẹ anh em vợ con cũng chẳng đăng phép tư vị, gìn dạ chơn thành, thề Thiên hành Đạo". Chánh Trị Sự là Đầu Sư em đó vậy.

X.- QUYỀN HÀNH PHÓ TRỊ SỰ

C.G.- Phó Trị Sự cũng là Chức Sắc của Đức Lý Giáo Tông lập thành.

Người đăng đồng quyền cùng Chánh Trị Sự, trong một địa phận của Chánh Trị Sự này cho cai quản. Người có quyền về chánh trị chứ không có quyền về luật lệ. Đăng phép sửa đương, giúp đỡ diu dắt dạy dỗ cho tín đồ trong địa phận trần nhậm, mà không dùng phép xử đoán. Buộc mỗi tháng, thay phiên với các Phó Trị Sự khác, mà dâng cho Chánh Trị Sự ba mươi người công quả đăng cho Chánh Trị Sự có thể sắp đặt việc giúp đỡ kẻ cô thế, bịnh hoạn, bị tai nạn, trong địa phận sở tại mình. Song khi đắc lệnh của Chánh Trị Sự dạy giao người công quả ấy nơi nhà người tín đồ nào thì phải chăm nom coi chừng có làm phận sự cùng chăng, hoặc có sơ sót điều chi phải cho Chánh Trị Sự hay đăng sửa đương chỉnh đốn lại. Mỗi ngày phải chạy tờ nhứt đề cho Chánh Trị Sự hiểu điều động tịnh trong địa phận của mình, như là những sự chi làm hại cho phương diện Đạo thì phải tức cấp cho Thông Sự hay đăng điều định thế nào cho an ổn. Những sự kiện thưa, những điều sai luật Đạo đã đăng tin quả quyết thì chẳng đăng pháp im ẩn, ngó lơ, buộc phải giao cho Thông Sự phán xử.

Cấm nhứt không cho Phó Trị Sự lấn quyền về luật lệ. Hay.²⁵⁰ Phó Trị Sự là Giáo Tông Em.

²⁵⁰ Ấy là lời khen của Đức Lý Giáo Tông.

XI.- QUYỀN HÀNH THÔNG SỰ

C.G.- Thông Sự là Chức Sắc của Lý Giáo Tông khuyên Hộ Pháp lập thành.

Thông Sự là người đồng thể cùng Phó Trị Sự trong địa phận của Phó Trị Sự cai quản. Song Người có quyền về luật lệ chứ không có quyền về chánh trị.

Thông Sự là người của Hiệp Thiên Đài để tòng quyền Chánh Trị Sự. Phạm sự của Người thì phải xem xét kiểm duyệt cử chỉ hành đạo của Phó Trị Sự. Mọi việc chi làm cho mất lẽ công bình nơi địa phận của Phó Trị Sự cai quản mà Hội Thánh không rõ thấu thì Thông Sự phải chịu phần trách nhiệm. Hay.¹⁹

Những điều chi sai luật Đạo chẳng y theo lệnh Hội Thánh tư truyền, hoặc sửa cải Tân Luật, hoặc cải lệnh hành chánh, Hay,¹⁹ nếu chẳng có phép của Chánh Trị Sự truyền dạy mà Phó Trị Sự tự chuyên thì hành, Hội Thánh lại không hay biết chi hết, thì nội tình ấy về phần Thông Sự.

Tuy người phải chịu dưới quyền Chánh Trị Sự mặc dầu, song đặng quyền sửa lỗi của Chánh Trị Sự. Thảng dư đã thấy lẽ vô Đạo hiển nhiên của Chánh Trị Sự thì Thông Sự đặng phép can gián sửa lỗi. Nếu đã nhiều phen mà Chánh Trị Sự chẳng nghe và đã có tư tở về Cửu Trùng Đài mà Cửu Trùng Đài im ản thì Người đặng phép chạy tở về Hiệp Thiên Đài mà cầu xin sửa trị. Người phải chăm nom binh vực những kẻ cô thế, bắt câu người có Đạo hay là người ngoại Đạo, hoặc là bị tai nạn tình linh, hoặc bị nghèo nàn đói khổ, hoặc bị bệnh hoạn cô thân, hoặc phải bị tha hương lữ thứ, hoặc bị yếu tha già thái,²⁵¹ Người đặng trọn quyền buộc Phó Trị Sự phải liệu phương giúp đỡ.

Bất kỳ Chức Sắc nào, dầu lớn nhỏ cũng vậy, khi Thông Sự có gặp²⁵² dịp cần dùng gấp rút trong khi hành chánh của Đạo thì buộc phải giúp đỡ binh vực. Những kẻ nào mà Thông Sự đã nhiều phen trách cứ về tánh cường ngạnh, không chịu giúp sức Người trong cơn gấp rút đã đủ chứng cứ thì Hiệp Thiên Đài sẽ xin Hội Thánh trừng trị. Trước khi lãnh trách nhiệm, buộc Thông Sự phải đến Thánh Thất sở tại mà lập minh thệ, y như Chánh Trị Sự. Thông Sự là Hộ Pháp em.

²⁵¹ Đòi có sưu thuế mà đặng tha đi là có tật nguyện, không phương bảo thân cho vẹn, còn lớn thí có bình tình phận sự mà bị thôi ra thì là lão thành cô độc.

²⁵² Đoạn này Đức Lý Giáo Tông hỏi rằng: "Nếu nói có việc thì dầu cho không nó cũng kiếm cơ đặng đưng ai sai nậy thì Hộ Pháp mới tính sao?" (Cười). Ngài thêm chữ 'gặp' vào nữa, nghĩa là thay vì 'có việc' Ngài đề 'có gặp việc'.

Thầy đã nói: "Nếu dưới mắt các con còn thấy một điều mất lễ công bình thì Đạo chưa thành lập."²⁵³

C.G.- Bực hạ đẳng nhơn sanh thường bị hiếp đáp vì mất lễ công bình hơn hết. Bởi cố ấy mà quyền của Thông Sự rất nên yêu trọng.

ĐẠO PHỤC CHỨC SẮC C ỬU TRÙNG ĐÀI NAM PHÁI

ĐẠO PHỤC GIÁO TÔNG

C.G.- Đạo phục của Giáo Tông có hai bộ, một bộ Đại Phục và một bộ Tiểu Phục.

Bộ Đại Phục toàn bằng hàng trắng, có thêu bông sen vàng từ trên tới dưới. Hai bên cổ áo mỗi phía có ba Cổ Pháp là: Long Tu Phiến, Thư Hùng Kiếm, và Phát Chủ. (Ấy là Cổ Pháp của Thượng Phẩm và Thượng Sanh trị thế). Đầu đội mũ vàng năm tầng hình Bát Quái (thể Ngũ Chi Đại Đạo) ráp tròn lại bít chính giữa; trên chót mũ có đề chữ Vạn, giữa chữ Vạn có Thiên Nhân Thầy, bao quanh một vòng Minh Khí; nơi ngạch mũ phải chạm ba Cổ Pháp cho rõ ràng, y như hai bên cổ áo đã nói trên kia. Tay mặt cầm cây gậy 0.90 mét, trên đầu gậy có chữ Vạn bằng vàng, nơi giữa chữ Vạn có Thiên Nhân Thầy bao quanh một vòng Minh Khí.²⁵⁴

Bộ Tiểu Phục cũng toàn bằng hàng trắng, có thêu chữ Bát Quái bằng vàng, cung Khảm ngay hạ đôn điện, cung Cấn bên tay mặt, cung Chấn bên tay trái, cung Đoài bên vai mặt, cung Tốn bên vai trái, cung Ly ngay trái tim, cung Khôn ngay giữa lưng. Đầu đội mũ Hiệp Chương (Mitre) cũng toàn bằng hàng trắng, bề cao ba tấc ba phân ba ly (0.333 m) may giáp mối lại cho có trước một ngạnh sau một ngạnh hiệp lại có một đường xếp (ấy là âm dương tương hiệp) cột dây xếp hai lại, nơi bên tay trái có đề hai dải thông xuông, một mí dài một mí ngắn (mí dài bề ngang 0.03 m, bề dài 0.30 m). Trên mũ ngay trước trán có thêu chữ CÀN. Chơn đi giày võ ưu toàn bằng hàng trắng, trước mũi có chữ Tịch Đạo Nam-Nữ; tỳ như Đức Lý Giáo Tông đương thời thì nơi trước mũi giày của Ngài phải có chữ Tịch Đạo là Thanh-Hương.²⁵⁵

²⁵³ Hay.

²⁵⁴ Thật đẹp.

²⁵⁵ Hay.

ĐẠO PHỤC CHƯỞNG PHÁP

I

C.G.- Đạo Phục của Thái Chưởng Pháp có hai bộ: một bộ Đại Phục và một bộ Tiểu Phục.

Bộ Đại Phục toàn hàng màu vàng (màu Đạo) có thêu chữ Bát Quái y như bộ Tiểu Phục Giáo Tông. Ngoài thì choàng Bá Nạp Quang màu đỏ, tức gọi là Khâu. Đầu đội mũ Hiệp Chưởng Hoà Thượng, tay cầm Bình Bát Vu, chon đi giày vô ưu cũng màu vàng, một sắc với áo, trước mũi có chữ Thích.

Bộ Tiểu Phục thì cũng màu vàng y như áo Đại Phục, ngoài không đắp Khâu, không đội mũ mà bịt khăn màu vàng chín lớp chữ Nhứt.

II

Đạo Phục của Thượng Chưởng Pháp có hai bộ: một bộ Đại Phục và một bộ Tiểu Phục.

Bộ Đại Phục thì toàn hàng trắng nơi trước ngực và sau lưng có thêu Thiên Nhân Thầy bao quanh một vòng Minh Khí. Đầu đội mũ Hiệp Chưởng (Mitre) màu trắng như kiềng mũ Tiểu Phục của Giáo Tông. Tay cầm Phát Chủ, chon đi giày vô ưu cũng màu trắng, trước mũi có chữ Đạo.

Bộ Tiểu Phục thì màu trắng y như áo Đại Phục, đầu không đội mũ mà bịt khăn màu trắng chín lớp chữ Nhứt.

III

Đạo Phục của Ngọc Chưởng Pháp có hai bộ: một bộ Đại Phục và một bộ Tiểu Phục.

Bộ Đại Phục thì toàn màu hồng (màu Đạo), nơi trước ngực và sau lưng có thêu Thiên Nhân Thầy bao quanh một vòng Minh Khí. Đầu đội mũ Văn Đẳng màu hồng, trên mũ ngay trước trán có Thiên Nhân Thầy bao quanh một vòng Minh Khí, và trên có sao Bắc Đẩu Tinh Quân. Tay cầm bộ Xuân Thu, chon đi giày vô ưu màu hồng trước mũi có chữ Nho.

Bộ Tiểu Phục thì cũng hàng màu hồng, y như áo Đại Phục, đầu không đội mũ mà bịt khăn màu hồng chín lớp chữ Nhứt.

ĐẠO PHỤC ĐẦU SƯ

I

C.G.- Đạo Phục của Thái Đầu Sư có hai bộ: một bộ Đại Phục và một bộ Tiểu Phục.

Bộ Đại Phục toàn hàng màu vàng (màu Đạo) nơi trước ngực và sau lưng có thêu sáu chữ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, bao quanh ba vòng vô vi, ngay giữa có một chữ Thái. Áo có chín dải, ngoài choàng Bá Nạp Quang màu đỏ y như Thái Chương Pháp. Đầu đội Bát Quái Mạo màu vàng có thêu đủ tám cung chung quanh; chơn đi giày vô ưu màu đen, trước mũi có chữ Thái.

Bộ Tiểu Phục thì cũng hàng màu vàng y như áo Đại Phục. Đầu không đội mũ mà bịt khăn màu vàng chín lớp chữ Nhứt.

II

Đạo Phục của Thượng Đầu Sư cũng có hai bộ: một bộ Đại Phục và một bộ Tiểu Phục.

Bộ Đại Phục thì toàn hàng màu xanh da trời (azur) (màu Đạo) nơi trước ngực và sau lưng có thêu sáu chữ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, bao quanh ba vòng vô vi cũng y như Thái Đầu Sư, song ngay giữa có đề chữ Thượng. Áo cũng chín dải; đầu đội Bát Quái Mạo y như của Thái Đầu Sư mà màu xanh da trời; chơn đi giày vô ưu màu đen, trước mũi có chữ Thượng.

Bộ Tiểu Phục thì cũng hàng màu xanh da trời y như Đại Phục; đầu không đội mũ mà bịt khăn màu xanh da trời chín lớp chữ Nhứt.

III

Đạo Phục của Ngọc Đầu Sư cũng có hai bộ: một bộ Đại Phục và một bộ Tiểu Phục.

Bộ Đại Phục toàn bằng hàng màu hồng (màu Đạo), nơi trước ngực và sau lưng có thêu sáu chữ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, bao quanh ba vòng vô vi cũng y như Thái Đầu Sư và Thượng Đầu Sư, song ngay giữa có đề chữ Ngọc. Áo cũng chín dải; đầu đội Bát Quái Mạo y như của Thượng Đầu Sư song màu hồng; chơn đi giày vô ưu màu đen, trước mũi có chữ Ngọc.

Bộ Tiểu Phục thì cũng hàng màu hồng y như áo Đại Phục; đầu không đội mũ mà bịt khăn màu hồng chín lớp chữ Nhứt.

ĐẠO PHỤC CHÁNH PHỐI SƯ VÀ PHỐI SƯ

C.G.- Đạo Phục cũng có hai bộ phân biệt nhau (Đại Phục và Tiểu Phục) như của vị Đầu Sư, song trước ngực và sau lưng có thêu Thiên Nhân Thầy bao quanh một vòng vô vi.

Chánh Phối Sư thì áo chín dải, còn Phối Sư ba dải. Chánh Phối Sư phái Thái thì choàng ngoài Đại Bá Nạp Quang màu đỏ, còn Phối Sư phái Thái thì Tiểu Bá Nạp Quang. Đầu đội Bát Quái Mạo y như của ba vị Đầu Sư song tùy theo sắc phái mình; chơn đi giày vô ưu màu đen, trước mũi không có chữ chi hết.

Còn Tiểu Phục cũng như Đại Phục; đầu không đội mũ mà bịt khăn tùy theo sắc phái mình, chín lớp chữ Nhứt.

ĐẠO PHỤC GIÁO SƯ

C.G.- Đạo phục của Giáo Sư cũng có hai bộ, một bộ Đại Phục và một bộ Tiểu Phục.

Bộ Đại Phục thì toàn bằng hàng tùy theo sắc phái, nơi trước ngực và sau lưng có thêu Thiên Nhân Thầy bao quanh một vòng vô vi, áo ba dải; đầu đội Thiên Nguơn Mạo Bát Quái tùy theo sắc phái, có thêu chữ Bát Quái chung quanh, trên chót mũ có Minh Chân Lý. Giáo Sư không đựng đi giày.

Tiểu Phục cũng như Đại Phục. Đầu không đội mũ mà bịt khăn tùy theo sắc phái mình, bảy lớp chữ Nhứt.

Duy có Giáo Sư phái Thái phái choàng ngoài một tiểu Bá Nạp Quang gọi là Khâu; đầu đội mũ Hiệp Chương của nhà Thiên, hai bên có thêu Thiên Nhân.

ĐẠO PHỤC GIÁO HỮU

C.G.- Đạo phục của Giáo Hữu có một bộ mà thôi, toàn bằng hàng, tùy theo sắc phái, không có thêu thùa chi hết; áo có ba dải. Đầu đội Ngưỡng Thiên Mạo, cũng tùy theo sắc phái. Cái mũ ấy bề cao phải cho đủ phân tấc là 0.150 m, ngay trước trán có thêu Thiên Nhân Thầy bao quanh ba vòng vô vi. Giáo Hữu chẳng đựng bịt khăn.

ĐẠO PHỤC LỄ SANH

C.G.- Đạo phục của Lễ Sanh cũng y như của Giáo Hữu, toàn bằng hàng tùy theo sắc phái, đầu đội Khôi Khoa Mạo toàn bằng hàng trắng, đầu cho phái nào cũng vậy. Ngay trước trán có thêu Thiên Nhân Thầy bao quanh một vòng Minh Khí. Lễ Sanh không đựng phép đi giày.

ĐẠO PHỤC CHÁNH TRỊ SỰ

C.G.- Chánh Trị Sự mặc Đạo phục y như Lễ Sanh, song toàn bằng vải trắng, nịt ngang lưng một sợi dây cũng bằng vải trắng cho thiết cứng như dây nịt, bề ngang 0.05 m. Áo Đạo cổ trị viền chỉ kim tuyến vàng, nơi tay trái có ba sắc Đạo bề ngang 0.60 m bề dài 0.10 m; đầu bịt khăn đen bảy lớp chữ nhơn, nơi khăn đen ngay giữa trán có thêu ba Cổ Pháp y như trên mũ Tiểu Phục của Hộ Pháp.

ĐẠO PHỤC PHÓ TRỊ SỰ

Phó Trị Sự mặc Đạo phục y như Chánh Trị Sự, song cổ trệt viền chỉ kim tuyến trắng; không đính phép nịt ngang lưng sợi dây như Chánh Trị Sự; áo có một dải, nơi tay trái cũng có ba sắc Đạo bề ngang 0.03 m bề dài 0.05 m; đầu bịt khăn đen bầy lớp chữ Nhon.

ĐẠO PHỤC THÔNG SỰ

C.G.- Thông Sự mặc Đạo phục toàn bằng vải trắng, không đính phép viền chỉ kim tuyến; hai bên cổ áo có thêu ba Cổ Pháp của Đạo y như của Hộ Pháp, nịt ngang lưng một sợi dây cũng bằng vải trắng cho thiết cứng như dây nịt, bề ngang 0.05 m; đầu bịt khăn bầy lớp chữ nhon, nơi khăn đen ngay giữa trán có thêu ba Cổ Pháp y như của Chánh Trị Sự.

PHÁP CHÁNH TRUYỀN CỬU TRUNG ĐÀI

Nữ Phái

(Trích y Thánh Ngôn của Giáo Tông Lý Thái Bạch)

Nữ Phái vốn của Đức Lý Giáo Tông lập thành.

Hộ Pháp nhắc lại lời Thầy nói cùng Chánh Phối Sư HUỚNG THANH rằng: Muốn phé Nữ Phái, song con cũng đồng con, hễ bao nhiêu nam tức cũng bao nhiêu nữ; Nam Nữ vốn như nhau, nên Thầy đến phong cho Nữ Phái buổi lập Pháp Chánh Truyền. Chẳng hiểu có điều chi huyền bí với Thầy cùng Ngọc Hư Cung nên Thầy mới đành lòng nói ra lời ấy, rồi lại cam lòng để cho Đức Giáo Tông dựng lập đặng tránh cho khỏi luật lệ Thiên điều hay chăng? Hễ càng suy nghĩ lại càng thêm sợ hãi ngày.

Xem lại Nữ Phái không biết trau giồi trí thức đặng làm trách nhiệm cho xứng vị mình, thì lại càng ăn năn thêm nữa!

Chính mình Cao Thượng Phẩm mới giảng cơ nói rằng nhờ Ngài cầu xin tha thứ cho Nữ Phái nơi Ngọc Hư, bằng chẳng thì đã bị phé; xin chừ Đạo tỳ để dạ lo lấy phận mình.

P.C.T.- Hội Thánh nghe Lão ban sắc phục cho Nữ Phái; nghe và từ đây xem sắc tốt ấy mà hành lễ theo đẳng cấp.

C.G.- Đức Giáo Tông đến kêu Hội Thánh Nam Phái nói rằng: Từ đây phải xem sắc tốt của Nữ Phái Ngài đến ban đặng hành lễ theo đẳng cấp.

Cái tiếng sắc tốt không, dầu ai đọc đến cũng thâm hiểu nghĩa lý sâu xa.²⁵⁶

Giáo Tông chỉ dặn xem sắc tốt ấy mà hành lễ theo đẳng cấp, ấy là Ngài buộc phải có trật tự cho lắm, vì vậy mà cũng chính mình Ngài đến lập lệ Nam Nữ Phái phân biệt nhau, chẳng đặng chung hiệp nhau về phần xác và phần hồn cũng vậy.

Hộ Pháp có hỏi Ngài về sự tôn ti phẩm trật, thì Ngài dạy rằng: Nam nữ vốn đồng quyền. Còn hỏi về Lễ Nghĩa giao thiệp về phần Đời thì Ngài dạy Giáo Hữu Nam Phái cũng chịu dưới quyền Giáo Sư Nữ Phái.²⁵⁷ Còn Lễ thì khi vào Đại Điện tỳ như Giáo Sư Nam Phái gặp Phối Sư Nữ Phái thì Nam phải đánh lễ Nữ trước, lớn nhỏ vẫn đồng quyền hành, tuy Chức Sắc.

²⁵⁶ Nếu chừ hiền hữu biết coi Nữ Phái như em thơ đại, chỉ biết mến đẹp ham xinh, liệu phương dụ dỗ như Lão vậy mới đáng làm trai con Thầy mà chớ.

²⁵⁷ Phái vậy.

P.C.T.- Nữ Phái phải tòng quyền Đầu Sư Nữ Phái, song Đầu Sư lại phải tòng quyền của Giáo Tông và Chương Pháp.

C.G.- Hội Thánh Nữ Phái phải tòng quyền Đầu Sư Nữ Phái, song cả thầy đều phải tòng quyền Giáo Tông và Chương Pháp.

Xem rõ lại thì Pháp Chánh Truyền truat quyền Nữ Phái không cho lên địa vị Chương Pháp và Giáo Tông.

Hộ Pháp để lời phân phiên cùng Thầy như vậy: Thừa Thầy, Thầy đã nói con cũng đồng con, Nam Nữ vẫn như nhau mà Thầy truat quyền của Nữ Phái không cho lên địa vị Chương Pháp và Giáo Tông thì con e mất lẽ công bình chẳng?

Thầy dạy: Thiên Địa hữu Âm Dương, Dương thanh tác sanh, Âm thanh tác tử. Cả Càn Khôn Thế Giới nhờ Dương thanh mới bền vững; và chúng sanh sống bởi Dương quang, ngày nào mà Dương quang đã tuyệt, âm khí lấy lừng, ấy là ngày Càn Khôn Thế Giới phải chịu trong hắc ám mà bị tiêu diệt. Nam âm Dương, Nữ âm Âm; nếu Thầy cho Nữ Phái cầm quyền Giáo Tông làm chủ nền Đạo thì là Thầy cho Âm thắng Dương, nền Đạo ắt bị tiêu tàn ám muội.

Hộ Pháp lại kêu nài nữa rằng: Thầy truat quyền Giáo Tông Nữ Phái thì đã đành, song quyền Chương Pháp thì tưởng đầu ban cho cũng chẳng hại.

Thầy dạy: "Chương Pháp cũng là Giáo Tông, mà còn trọng hệ hơn là vì Người thay mặt cho Hộ Pháp nơi Cửu Trùng Đài. Thầy đã chẳng cho ngôi địa vị Giáo Tông thì lẽ nào cho ngôi địa vị Hộ Pháp con. Bởi chịu phần rui sanh nên cam phận thiệt thòi. Lẽ Thiên Cơ đã định, Thầy chỉ cậy con để dạ thương yêu binh vực thay Thầy kéo tội nghiệp!"

QUYỀN HÀNH NỮ' ĐẦU SƯ'

C.G.- Nữ Đầu Sư quyền như Nam phái, song điều đình bên Nữ phái mà thôi, chẳng đặng xen lộn qua Nam, cũng như Nam chẳng xen lộn qua Nữ.

Mỗi điều chi thuộc về Nữ phái thì Giáo Tông và Hộ Pháp chỉ do nơi Nữ Đầu Sư.

Hộ Pháp có hỏi Thầy về cái ngai của Nữ Đầu Sư, thì Thầy dạy: "Toà Thánh dạy mặt ngay hướng Tây, tức là chánh Cung Đoài, ấy là cung Đạo, còn bên tay trái Thầy là cung Càn, bên tay mặt Thầy là cung Khôn; đáng lẽ Thầy phải để bầy cái ngai của phái Nam bên tay trái Thầy, tức bên cung Càn mới phải. Song chúng nó vì thể Nhơn Đạo cho đủ Ngũ Chi nên Thầy buộc phải để vào cung Đạo là cung Đoài, cho đủ số. Ấy vậy cái ngai của Đầu Sư Nữ phải phải để bên cung Khôn, tức là bên tay mặt Thầy." Hộ Pháp hỏi cái ngai ấy ra sao, thì Thầy dạy: "Giống y như cái ngai của Quan Thế Âm Bồ Tát,

nghĩa là một cái cắm đôn đê trong vườn Trước Từ trên Nam Hải, dưới chơn đạp hai bông sen nở nhụy.

P.C.T.- Đầu Sư Nữ phái chịu công cử theo luật Hội Thánh ban hành, theo luật lệ Hội Thánh phân cử về đường Đòi và đường Đạo.

C.G.- Đầu Sư Nữ phái phải tuân y Tân Luật của Hội Thánh về đường Đạo và đường Đòi, phải chịu dưới quyền Hội Thánh xử trị cũng như Nam phái vậy; dầu cho sự công cử lên các phẩm vị cũng phải tùng y như luật Hội Thánh ban hành; nhứt nhứt y quyền Nam phái, không điều chi cải sửa, dầu cho sự hành chánh cũng vậy.

Quyền hành sự cũng về nơi Chánh Phối Sư, Đầu Sư không đặng phép lấn quyền; hề lấn quyền thì phạm phép Chánh Truyền cũng như Đầu Sư Nam phái vậy.

P.C.T.- Đầu Sư Nữ phái mặc một bộ Đạo phục y như Đạo phục Đầu Sư Nam phái, phải đội một Ni Kim Cô như các Vãi Chùa toàn bằng hàng trắng, áo chín dải có thêu bông sen. Trên Kim Cô áo choàng từ đầu tới gót. Đội mào Phương Thiên. trên chót Phương Thiên ngay đầu tóc có Thiên Nhân Thầy bao quanh một vòng Minh Khí, đi giày vô ưu màu trắng trên chót có đề chữ HUONG, nghe à!

C.G.- Đầu Sư Nữ phái mặc một bộ Đạo phục toàn là hàng trắng có thêu bông sen, y như Đạo phục Đầu Sư Nam phái. áo chín dải, đội một cái Ni Kim Cô. Nghĩa là cái Ni Kim Cô bằng hàng trắng y của các vãi Chùa, có thêu bông sen, bao quanh đầu một cái Kim Cô bằng vàng; trên Ni Kim Cô ấy phải choàng cái mào Phương Thiên, nghĩa là: cái choàng bằng hàng cho thiết mỏng, trên chót thêm một cái mũ bằng vàng chụp trọn đầu tóc, chính giữa ngay trước mặt có chạm Thiên Nhân Thầy bao quanh một vòng Minh Khí; cái choàng của mào Phương Thiên phải cho thiết dài, ba thước ba tấc ba phân, vì mỗi phen lên ngự trên ngai thì phải có hai vị Lễ Sanh Nữ phái theo sau nâng đỡ chằng cho phết dưới đất; chơn đi giày vô ưu toàn bằng hàng trắng, trên chót mũi giày có thêu chữ HUONG là tịch Đạo.²⁵⁸ Nếu đội mào Phương Thiên đường ấy là phải bới đầu tóc ngay mô ác mới đặng (coi đẹp chứ hệ chi mà phòng ngại).²⁵⁹

Hương tâm nhứt phiến cận Càn Khôn

Huệ đức tu chơn độ dẫn hồn

Nhứt niệm Quan Âm thùy bảo mạng

Thiên niên đặng phái thủ sanh tồn.

Cũng như câu Nam phái:

²⁵⁸ Xin giải Tịch Đạo Nữ phái ở phần dưới đây.

²⁵⁹ Vì thấy cả Chức Sắc Nam Nữ đều chúm chím cười thảm nên Đức Lý Giáo Tông đề câu này.

*Thanh Đạo tam khai thất ức niên
Thọ như Địa huyển thanh hoà Thiên
Vô hư nhi phục nhơn sanh khí
Tạo vạn cổ đàn chiếu Phật duyên.*

Đương Đời này của Đức Lý Giáo Tông thì Nam lấy chữ THANH, Nữ lấy chữ HUƠNG làm Tịch, tức là cả Đạo hữu Nam Nữ từ Tín Đồ chí Thiên Phong đều trong đời Đức Lý Giáo Tông hành chánh đứng vào Tịch THANH, HUƠNG. Qua đời Giáo Tông khác thì Nam sẽ lấy chữ ĐẠO, Nữ chữ TÂM. Rồi cả chư Đạo hữu Nam Nữ sẽ lấy Tịch: ĐẠO, TÂM. Như vậy nói truyền hoài cho hết Tịch Đạo thì Thầy sẽ giáng cơ cho Tịch Đạo khác nữa. Lớn nhỏ, sau trước nhờ chữ Tịch Đạo mà phân biệt. (Hay!)

Có kẻ hỏi thí dụ như đời Giáo Tông, thì Tịch Đạo của chư Đạo hữu Nam Nữ đời trước, dầu Chức Sắc hay Tín Đồ cũng vậy, có phải buộc thay đổi Tịch Đạo không? Ta nói: Không! Vì chính mình Giáo Tông kế vị cũng phải giữ Tịch Đạo trước, kỳ dư những Tín Đồ của đời Ngài độ rồi, tức là chi tộc của Ngài, mới đặt thay đổi mà thôi. Còn những Chức Sắc cùng là Tín Đồ của Giáo Tông đời trước còn sót lại thì thuộc về chi tộc của Giáo Tông ấy không đặt phép thay đổi Tịch. (Hay)

Tỷ như có tân Giáo Tông sẽ lên kế vị cho Lý Giáo Tông thì cả Tín Đồ Nam Nữ mới nhập môn phải lấy Tịch ĐẠO, TÂM, dầu trong hàng Tín Đồ ấy sẽ có một chon linh xứng đáng địa vị Chánh Phối Sư mà Thầy giáng cơ phong chức đi nữa thì cũng chịu Tịch ĐẠO, TÂM như các Tín Đồ khác; chứ Chức Sắc và Tín Đồ trong đời Lý Giáo Tông còn lại thì giữ Tịch THANH, HUƠNG mà thôi, không đặt thay đổi.

QUYỀN HÀNH NỮ CHÁNH PHỐI SƯ VÀ PHỐI SƯ

C.G.- Y như quyền hành Chánh Phối Sư và Phối Sư Nam phái, song chương quản Nữ phái mà thôi.

P.C.T.- Phối Sư cũng mặc y phục như vậy, song không có mũo Phương Thiên, áo ba dải, nhưng trước ngực có thêu Thiên Nhân Thầy, bao quanh một vòng Minh Khí.

C.G.- Chánh Phối Sư mặc Đạo phục y như Đầu Sư, áo chín dải toàn bằng hàng trắng, nơi trước ngực có thêu Thiên Nhân Thầy bao quanh một vòng Minh Khí, áo có thêu bông sen y như của Đầu Sư vậy. Đầu đội Ni Kim Cô cũng như Đầu Sư, chon đi giày vô ưu có Tịch Đạo trước mũi, song không đặt phép đội mũo Phương Thiên.

Phối Sư cũng mặc Đạo phục y như Chánh Phối Sư, song áo có ba dải mà thôi. Chon cũng đi giày vô ưu có Tịch Đạo trước mũi.

QUYỀN HÀNH NỮ GIÁO SƯ

C.G.- Y như quyền hành của Giáo Sư Nam phái, song chương quản phần Nữ phái mà thôi.

P.C.T.- *Giáo Sư mặc áo ba dải, đội mũ Kim Cô bằng hàng trắng, không đi giày.*

C.G.- Giáo Sư mặc Đạo phục bằng hàng trắng trơn, không thêu bông sen, áo ba dải, đầu đội Ni Kim Cô bằng hàng trắng phải cho dài từ đầu tới gót y như của Đầu Sư và Phôi Sư, chơn không đi giày.

QUYỀN HÀNH NỮ GIÁO HỮU

C.G.- Y như quyền hành của Giáo Hữu Nam phái, song chương quản phần Nữ phái mà thôi.

P.C.T.- *Giáo Hữu mặc Đạo phục như Giáo Sư nhưng không đội mũ, giắt một bông sen, trên bông sen có Thiên Nhân Thấy.*

C.G.- Giáo Hữu mặc Đạo phục y như Giáo Sư, song trên đầu không đội mũ Ni Kim Cô, chỉ giắt một bông sen trên đầu tóc mà thôi, giữa bông sen có Thiên Nhân Thấy.

QUYỀN HÀNH LỄ SANH

C.G.- Y như quyền hành Nam phái, song chương quản phần Nữ phái mà thôi.

P.C.T.- *Lễ Sanh Nữ phái mặc Đạo phục như Giáo Hữu nhưng choàng ngang trên đầu một đoạn vải mỏng cột ra sau ót, thả một mí dài một mí vắn, ngay đầu tóc có giắt một cái bông sen*

C.G.- Lễ Sanh Nữ phái mặc Đạo phục y như Nữ Giáo Hữu, nhưng trên đầu thì choàng ngang một đoạn vải mỏng cột ra sau ót thả một mí dài một mí vắn, xuống cho tới khỏi trôn, ngay đầu tóc có giắt một bông sen trơn chớ không Thiên Nhân. (Phải sửa y phục của Lễ Sanh như vậy chớ phần nhiều người sai về liên hoa ấy lắm).

QUYỀN HÀNH CHÁNH TRỊ SỰ

C.G.- Y như quyền hành Chánh Trị Sự Nam phái, song chương quần phần Nữ phái mà thôi.

Chánh Trị Sự mặc Đạo phục y như Lễ Sanh, song toàn bằng vải trắng, nịt ngang lưng một sợi dây cũng bằng vải trắng cho thiết cứng như dây nịt (bề ngang 0.03 mét), áo Đạo cộc trịch viền chỉ kim tuyến vàng, nơi tay trái có ba sắc Đạo (bề ngang 0.06 mét, bề dài 0.10 mét), đầu để trần.

QUYỀN HÀNH PHÓ TRỊ SỰ

C.G.- Y như quyền hành Phó Trị Sự Nam phái, song chương quần phần Nữ phái mà thôi.

Phó Trị Sự mặc Đạo phục y như Chánh Trị Sự, song áo cổ trịch viền chỉ kim tuyến trắng, không đính phép nịt ngang lưng một sợi dây như Chánh Trị Sự, áo một dải, nơi tay trái cũng có ba sắc Đạo (bề ngang 0.03 mét, bề dài 0.05 mét).

QUYỀN HÀNH THÔNG SỰ

C.G.- Y như quyền hành Thông Sự Nam phái, song chương quần phần Nữ phái mà thôi.

Thông Sự mặc một bộ Đạo phục toàn bằng vải trắng, không đính phép viền chỉ kim tuyến, mà hai bên cổ áo có thêu ba cổ pháp của Đạo là Bình Bát Vu, Phát Chủ, và bộ Xuân Thu, y như hình trên mũ Tiều phục của Hộ Pháp, nịt ngang lưng một sợi dây cũng bằng vải trắng cho thiết cứng như dây nịt (bề ngang 0.03 mét)

Luật Công Cữ

CỦA CHỨC SẮC CỬU TRÙNG ĐÀI

(Nam Phái và Nữ Phái)

C.G.- Cả Chức Sắc Cửu Trùng Đài Nam Nữ đều phải thọ phong nơi Hiệp Thiên Đài hoặc bởi cơ bút, hoặc bởi khoa mục, hoặc bởi công cữ.

Nên khi công cữ phải có mặt Chức Sắc Hiệp Thiên Đài giữ lễ công bình cho khỏi điều tư vị, lại còn có phương thể hỏi Đức Giáo Tông cùng Thầy coi người đắc cử có phải chánh vị hay chăng, nên trước khi thọ sắc phải do nơi Đức Giáo Tông cùng Thầy mới đặng.

P.C.T.- ĐẤU SƯ muốn lên CHUỖNG PHÁP thì nhờ ba vị công cữ nhau.

C.G.- Ba vị Đâu Sư muốn lên Chuông Pháp thì cả ba người phải có mặt nơi Toà Thánh mà công cữ nhau trước mặt Hội Thánh Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài chứng kiến.

Phối Sư lên Chánh Phối Sư thì Pháp Chánh Truyền không quyết, tức là phẩm Chánh Phối Sư do nơi quyền Giáo Tông lựa chọn.

P.C.T.- PHỐI SƯ muốn lên ĐẤU SƯ thì 36 vị công cữ.

C.G.- Phối Sư muốn lên Đâu Sư thì cả 36 vị xúm nhau công cữ.

Tỷ như hai phẩm Đâu Sư bị khuyết thì phép chia thăm làm hai theo luật công cữ thường tình, nghĩa là mỗi người phải cho đủ 18 lá thăm hay là hơn mới đắc cử. Sự công cữ ấy phải tại nơi Toà Thánh, trước Hội Thánh Cửu Trùng Đài, có Hiệp Thiên Đài chứng kiến mới đặng.

P.C.T.- GIÁO SƯ muốn lên PHỐI SƯ thì 72 vị kia xúm nhau công cữ.

C.G.- Giáo Sư muốn lên Phối Sư thì nhờ 72 vị xúm nhau công cữ. Phép chia thăm cũng buộc theo luật thường tình. Sự công cữ ấy phải tại nơi Toà Thánh, trước Hội Thánh Cửu Trùng Đài, có Hiệp Thiên Đài chứng kiến mới đặng.

P.C.T.- GIÁO HỮU muốn lên GIÁO SƯ thì nhờ 3000 vị kia xúm nhau công cữ.

C.G.- Giáo Hữu muốn lên Giáo Sư thì cả ba ngàn vị kia xúm nhau công cữ. Phép chia thăm cũng buộc theo luật thường tình. Sự công cữ ấy

phải tại nơi Toà Thánh, trước Hội Thánh Cứu Trùng Đài, có Hiệp Thiên Đài chứng kiến mới đặng.

P.C.T.- LỄ SANH muốn lên GIÁO HỮU thì nhờ có cả Lễ Sanh xúm nhau công cử.

C.G.- Lễ Sanh muốn lên Giáo Hữu thì nhờ có cả Lễ Sanh xúm nhau công cử. Phép chia thăm cũng buộc theo luật thường tình. Nếu có bằng nhau, người nào hạnh đức nhiều thì cho đắc cử. Sự công cử ấy phải tại nơi Toà Thánh, trước Hội Thánh Cứu Trùng Đài, có Hiệp Thiên Đài chứng kiến mới đặng.

P.C.T.- MÔN ĐỆ muốn lên LỄ SANH thì nhờ cả Môn Đệ xúm nhau công cử. Kỳ dư Thầy giảng cơ phong cho người nào thì mới ra khỏi luật lệ ấy mà thôi.

C.G.- MÔN ĐỆ muốn lên LỄ SANH thì nhờ cả Môn Đệ xúm nhau công cử. Phép chia thăm cũng buộc theo luật thường tình. Sự công cử này các nơi Thánh Thất làm đặng; song khi đắc cử thì phải về Toà Thánh đặng thi lại, như đậu mới đặng lãnh chức, bằng rớt thì bỏ. Hay!²⁶⁰ Kỳ dư Thầy giảng cơ phong thường cho người nào thì mới khỏi luật lệ ấy mà thôi.

Hộ Pháp có hỏi Đức Lý Giáo Tông về sự công cử của Chánh Trị Sự, Phó Trị Sự, và Thông Sự, thì Ngài dạy như sau:

- Chức CHÁNH TRỊ SỰ thì nhờ cả Phó Trị Sự và Thông Sự xúm nhau công cử. Phép chia thăm cũng buộc theo luật thường tình. Sự công cử ấy phải tại nơi Thánh Thất sở tại, trước mặt người Đầu Họ, có các Chánh Trị Sự kia làm chứng mới đặng. Tờ phong sắc cho Chánh Trị Sự phải có Giáo Tông và Hộ Pháp ký tên mới đặng.

- TÍN ĐỒ muốn lên PHÓ TRỊ SỰ thì nhờ cả Tín Đò trong họ xúm nhau công cử. Phép chia thăm cũng buộc theo luật thường tình. Sự công cử ấy phải tại nơi Thánh Thất sở tại, trước mặt người Đầu Họ, có các Chánh Trị Sự làm chứng mới đặng. Tờ phong sắc cho Phó Trị Sự phải để cho Đức Giáo Tông ký tên mới đặng.

- TÍN ĐỒ muốn lên THÔNG SỰ thì nhờ cả Tín Đò trong họ xúm nhau công cử. Phép chia thăm cũng buộc theo luật thường tình. Sự công cử ấy phải tại nơi Thánh Thất sở tại, trước mặt người Đầu Họ, có các Chánh Trị Sự làm chứng mới đặng. Tờ phong sắc cho Thông Sự phải để cho Hộ Pháp ký tên mới đặng.

P.C.T.- Còn GIÁO TỔNG thì hai phẩm CHUÔNG PHÁP và ĐẦU SỰ tranh đặng, song phải chịu cho toàn Môn Đệ công cử mới đặng. Kỳ dư Thầy giảng cơ ban thường mới ra khỏi luật ấy.

²⁶⁰ Ấy là lời khen của Đức Lý Giáo Tông.

C.G.- Phạm Giáo Tông thì hai phạm Chương Pháp và Đầu Sư tranh đặng, song phải chịu toàn cả Hội Thánh Hiệp Thiên Đài, Cửu Trùng Đài và chư Tín Đồ đồng tâm công cử. Vậy thì buộc phải có người của Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài chứng kiến cho cả Tín Đồ công cử. Khi đắc số thăm, mỗi vị phải gởi về Toà Thánh có Thượng Hội kiểm soát. Bản Thượng Hội ấy phải chọn người của Hội Thánh Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài hiệp một kẻ từ Đầu Sư, Thượng Phạm, Thượng Sanh đở lên, trừ người ra tranh cử.

Khi đắc cử thì phải truyền tin ra cho khắp nhơn sanh đều biết hết.

Đắc cử quả quyết rồi, nghĩa là khi Hội Thánh đã đủ chứng chắc không điều chi bất công, thì Hội Thánh mới xúm nhau làm lễ đăng điện cho Ngài. Còn như có điều bất công thì buộc phải đình hoặc công cử lại hay là xét đoán lại.

Các Chức Sắc đều phải chịu theo luật công cử này. Kỳ dư Thầy giảng cơ phong thưởng cho ai mới ra khỏi luật.

PHÁP CHÁNH TRUYỀN

HIỆP THIÊN ĐÀI²⁶¹

Trước khi Thầy lập Pháp Chánh Truyền Hiệp Thiên Đài, Thầy kêu "Cà chur Môn Đệ khá tuần mạng" thì Thầy đã chỉ rõ rằng: Thầy lập Hiệp Thiên Đài rất trọng hệ là đường nào. Sự trọng hệ ấy là chi? Sau đây nên giải rõ:

Cơ Tạo Hoá chỉ có hai bí mật tối trọng, một là quan sát sự hữu hình, hai là xét đoán sự vô vi. Quan sát sự hữu hình thì dễ, mà xét đoán sự vô vi vẫn rất khó. Hữu hình với vô vi chỉ phân nhau màn bí mật, từ thuở tạo Thiên lập Đại, dầu cho bậc Trí Thức Nhơn Sanh đặng tấn hoá lên tới bậc Đại Giác đi nữa cũng chưa hề có phương thể hé trọn vẹn màn bí mật ấy mà dòm qua phía vô vi cho đặng. Nhưng nhơn sanh đã có sẵn nơi tay một cái chìa khoá, là xem cơ tương đặc của hữu hình và vô vi trong sự sinh hoạt của vạn vật. Vô vi và hữu hình phải hiệp làm một mới thuận theo Cơ Tạo. Trời Đất có Âm Dương, vạn vật có thể phách, nhơn loại có xác hồn. Sự sống của vạn loại trong Càn Khôn thể giải chỉ nhờ có vật chất (La matière) và tinh thần (L'essence) tương hiệp mới thành hình. Cả vật chất hồn, thảo mộc hồn, thú cầm hồn, Nhơn hồn, Thần hồn, Thánh hồn, Tiên hồn, Phật hồn, Thiên hồn đều khác đẳng cấp nhau, nên hình thể cũng biến sanh ra khác. Vật chất không giống thảo mộc, thảo mộc không giống thú cầm, thú cầm không giống người, người không giống Thần, Thần không giống Thánh, Thánh không giống Tiên, Tiên không giống Phật, Phật không giống Trời. Nói tóm một lời, hình thể tâm thần đều khác hẳn.

Vật chất (La matière) phải tùng lịnh tinh thần (L'essence) mà lập thành hình tượng. cái cơ hiển nhiên là hình thể của nhơn loại cũng phải tùng tinh thần mà biệt phân đẳng cấp. Kẻ hung bạo thì hình dung cổ quái, còn người lương thiện thì tướng hảo quang minh; nhờ đó mà cỗ nhơn xem tướng đoán tánh người.

Xác phải phù hợp với hồn, cũng như vật chất phải phù hợp với tinh thần. Vật chất vốn hữu hình mà tinh thần lại vô vi. Vô vi cùng hữu hình phải tương đặc; thấy hữu hình đoán vô vi, biết vô vi mới định quyết hữu hình.

Ấy vậy, Cửu Trùng Đài là xác, Hiệp Thiên Đài là hồn. Đã nói rằng Cửu Trùng Đài là Đồi, tức nhiên là xác của Đạo; còn Hiệp Thiên Đài là Đạo, tức nhiên là chơn thần của Đạo. Vậy là xác thật có định hạn lệ đẳng cấp, chớ chơn thần chẳng hề định hạn lệ đẳng cấp đặng. Nhiều Đấng Thiêng Liêng cao mà lại tái thể muốn ra hèn hạ, còn cũng có nhiều Đấng Thiêng Liêng thấp mà lại nhờ một phen đặc Đạo lập vị cao trọng tốt phẩm. Vậy thì Thiêng Liêng không có giới hạn, tức là Đạo không có giới hạn. Ấy là cơ bí mật của Đạo vậy.

²⁶¹ *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*, q.1, Toà Thánh Tây Ninh, 1973, đàn cơ ngày 21 tháng 1 năm Đinh Mão (13 tháng 2, 1927).

Chư hiền hữu cùng chư hiền muội sẽ thấy rằng: Thầy không quyết định trách nhiệm của mỗi người Chức Sắc Hiệp Thiên Đài. Bởi có mà gây nên lăm điều rắc rối trong phẩm trật của cả Thiên Phong. Nghĩa là: để tự nhiên có cả Chức Sắc Hiệp Thiên Đài lập vị mình thế nào cho xứng đáng cùng phẩm định.

Cửu Trùng Đài là Đồi, mà Hiệp Thiên Đài là Đạo. Cho nên buộc Đồi phải nương Đạo mà lập ra thiết tướng, mới mong độ rồi nhơn sanh chuyển cơ tạo hoá.

Cái hệ trọng là nếu không có Hiệp Thiên Đài thì không có Đạo. Trời Đất qua chớ Đạo không qua, nhơn loại tuyệt chớ Hiệp Thiên Đài không tuyệt. (Hay Lắm!)

Hiệp Thiên Đài là tay vén màn bí mật cho sự hữu hình và sự vô vi hiệp làm một, tức là tay làm cho Đạo và Đồi tương đắc vậy. Vì thế ấy mà Thầy giáng cơ buộc cả chư môn đệ Thầy chẳng khi nào đặng phép trái mạng lệnh của Thầy.

Dưới đây Thầy đã nói rõ:

P.C.T.- Hiệp Thiên Đài là nơi Thầy ngự cầm quyền Thiêng Liêng mỗi Đạo. Hễ Đạo còn thì Hiệp Thiên Đài vẫn còn.

C.G.- Thầy là Chúa cả Càn Khôn Thế Giới, tức là Chúa Tể sự vô vi, nghĩa là chủ quyền của Đạo; mà hễ chủ quyền của Đạo ngự nơi nào thì Đạo ở nơi ấy.

Thầy đã nói Hiệp Thiên Đài là nơi Thầy ngự, ấy là nơi Thầy cầm quyền Thiêng Liêng mỗi Đạo. Vậy Đạo còn thì Toà ngự của Thầy là Hiệp Thiên Đài vẫn còn. Hễ nói Đạo chẳng hề khi nào bị diệt, vì Đạo diệt thì là tận thế, vậy thì Đạo chưa tuyệt ắt Hiệp Thiên Đài cũng không tuyệt. (Hay lắm!)

P.C.T.- Thầy đã nói Ngũ Chi Đại Đạo bị qui phạm là vì khi trước Thầy giao Chánh Giáo cho tay phạm, càng ngày càng xa Chánh Giáo, mà lập ra Phạm Giáo, nên Thầy nhứt định đến chính mình Thầy đặng dạy dỗ các con mà thôi, chớ không chịu giao Chánh Giáo cho tay phạm nữa.

C.G.- Câu này Thầy đã nói rõ nghĩa, duy Thầy chỉ than rằng: Khi trước Thầy lỡ giao Chánh Giáo cho tay phạm, hễ càng lâu chừng nào thì Thánh Đức lại càng hao mòn mà phạm tâm lại tái phục, nhơn loại sửa cái Chánh Giáo cho vừa theo thể lực của nhơn tình mà lần lần làm cho Thánh Giáo trở nên phạm giáo. (Hay)

Nay Thầy nhứt định đến chính mình Thầy đặng dạy dỗ nhơn sanh mà thôi, chớ không chịu giao nên Chánh Giáo của Thầy cho tay phạm nữa.

Thảng như có kẻ hỏi: Như đã nói vậy, sao Thầy lại giao Chánh Giáo cho phạm là Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài, là ý nghĩa gì? Trong bài diễn văn của Hộ Pháp đọc tại Toà Thánh ngày 14 tháng 2 năm Mậu Thân có giải rõ rằng: Thầy đến qui các lương sanh của Thầy đã sai đến trước lại làm một

đặng lập Hội Thánh mà làm hình thể của Thầy, hầu tránh khỏi hạ trần trong lúc Tam Kỳ Phổ Độ này. (Hay) Hội Thánh ấy có hai phần tại thế: Phần hữu hình là Cửu Trùng Đài, tức là Đời, nghĩa là xác; một phần bán hữu hình là Hiệp Thiên Đài, nghĩa là nửa đời nửa Đạo, ấy là chơn thần; còn phần vô vi là Bát Quái Đài tức là hồn, ấy là Đạo.

Đã nói rằng Thầy là Chúa Tể của sự vô vi, ắt Bát Quái Đài thì Thầy là chủ, mà chủ Bát Quái Đài là chủ của hồn Đạo, hoà hiệp với xác bởi chơn thần. Ấy vậy chơn thần là trung gian của hồn và xác; xác nhờ hồn mà nên, thì Cửu Trùng Đài cũng phải nhờ Hiệp Thiên Đài mới mong thành Đạo. (Hay)

Như có kẻ hỏi nữa: Thầy là Chí Tôn, huyền diệu vô biên, mà lại nói Thầy không giao Thánh Giáo vào tay phàm nữa, sao lại cũng còn phải nhờ Hiệp Thiên Đài cũng là phàm vậy? Nếu không Hiệp Thiên Đài thì Thầy không thể lập Đạo sao?

Ta lại nói: Thầy là chúa sự vô vi, nghĩa là chúa các việc vô hình. Thầy lại ban cho người đủ khôn ngoan trí thức thiêng liêng đặng làm chúa của sự hữu hình, nghĩa là chúa cả vạn vật. Nếu muốn cho sự vô vi và sự hữu hình được tương đắc, thì cả hai ông chúa phải liên hiệp nhau mới đặng. Người có sức sửa cơ Tạo Hoá, song Tạo Hoá cũng tùy người mà làm cho vạn loại trở nên tận thiện tận mỹ.

Chịu dưới quyền Thiêng Liêng của Tạo Hoá, sanh sanh tử tử, luật lệ ấy vốn nơi Trời, số số căn căn Thiên Điều đã định; người chỉ đặng có một quyền tự lập, là mình làm chủ lấy mình, luân luân chuyển chuyển, giỏi cho đẹp để Thánh Đức căn sanh, đặng làm tốt phẩm vị thiêng liêng mới nhập vào cửa vô vi đặng nhập thể cùng Trời Đất.²⁶²

Quyền tự chủ ấy, vẫn đã định trước, làm cho nhơn sanh vui theo cơ Tạo Hoá, thì dầu Thầy cũng không cải qua đặng; vì hề sửa cải thì là mất lẽ công bình Thiêng Liêng đã định, làm chính nghiêng cơ thường phạt. Hễ có công thường tội trừng thì phải để rộng quyền cho người tự chủ.

Thiên cơ đã lập có Địa Ngục với Thiên Đàng, ấy cảnh thẳng cảnh đoạ.

Địa Ngục dành để cho kẻ bạo tàn, Thiên Đàng cho người đạo đức, thì cân công bình Thiêng Liêng đã sẵn. Ấy vậy chẳng buộc ai vào Địa Ngục, mà cũng chẳng nâng đỡ ai đến Thiên Đàng. Đồi đường hiển hiện, tự quyền người lựa chọn, siêu đoạ tại nơi mình, các Đấng Thiêng Liêng duy có thương mà chỉ dẫn.

Thầy đến, nếu dùng cả quyền Thiêng Liêng làm cho chúng sanh thấy đặng đủ đức tin, theo đường siêu mà bỏ nẻo đoạ, thì cả nhơn loại ắt xu hướng vào đường đạo đức, thì là Thầy nâng đỡ các chơn hồn vào Thiên Đàng, không cho vào Địa Ngục, (hay) thì sự công bình Thiêng Liêng bởi nơi nào bên vững. Thường phạt ra bất minh, ắt phải truất bỏ cơ luân hồi chuyển kiếp.

²⁶² Hay lắm, Lão khen đó.

Thầy cùng các Đấng Thiêng Liêng không nhơn thân phạm ngữ, thế nào mà thông công cùng cả chúng sanh, lại còn cao khó vói, khuất không rờ, chỉ nhờ lương sanh giúp công gây đạo đức. Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài là người giúp công cho Thầy và các Đấng Thiêng Liêng gây Đạo.

Luân hồi chuyển kiếp là cơ mầu nhiệm để cho các chơn hồn đặng cứu chuộc và tấn hoá. Nếu truất bỏ cơ mầu nhiệm ấy đi thì Đạo nơi nào mà bền chặt?

Nhơn loại có hoá nhơn, qui nhơn, nguyên nhơn, ấy là có phân đẳng cấp. Nếu Thầy dùng huyền diệu thiêng liêng mà làm cho nhơn loại cả thầy đều thấy đặng cơ mầu nhiệm của Đạo, đồng đặng đắc kiếp, thì phẩm vị thiêng liêng cũng không còn trật tự.

Trước đã nói Hiệp Thiên Đài là chơn thần, Cửu Trùng Đài là xác thịt, Bát Quái Đài là linh hồn. Hồn đặng tương hiệp cùng xác phải nhờ chơn thần. Chơn thần lại là bán hữu hình, tiếp vô vi mà hiệp cùng hình thể, cũng như Đạo tiếp Thánh Đức của các Đấng Thiêng Liêng mà rưới ban cho nhơn loại. (Hay). Nhơn loại đặng liên hiệp cùng Trời thế nào thì Cửu Trùng Đài phải liên hiệp cùng Bát Quái Đài thế ấy.

Bát Quái Đài là hồn của Đạo, mà Thầy đã nắm chặt phần hồn thì xác phải nương theo hồn, mới mong giữ bền sanh hoạt. Hồn Đạo Thầy đã nắm chặt rồi thì Đạo chẳng hề khi nào còn chịu dưới tay phạm nữa.²⁶³ Ấy vậy Thầy nói không chịu giao Thánh Giáo cho tay phạm là tại vậy.

P.C.T.- Lại nữa Hiệp thiên Đài là nơi của Giáo Tông đến thông công cùng Tam Thập Lục Thiên, Tam Thiên Thế Giới; Lục Thập Thất Địa cầu, Thập Điện Diêm Cung mà cầu siêu cho cả nhơn loại.

C.G.- Cầu này đã có giải rõ trong chú giải Pháp Chánh Truyền Cửu Trùng Đài Nam Phái, nên không cần nói lại.

P.C.T.- Thầy đã nói sở dụng thiêng liêng; Thầy cũng nên nói sở dụng phạm trần của nó nữa.

C.G.- Sở dụng thiêng liêng là Hiệp Thiên Đài, làm trung gian của Giáo Tông cùng chư Thần Thánh Tiên Phật, nghĩa là trung gian của Cửu Trùng Đài và Bát Quái Đài, vì Cửu Trùng Đài cầm quyền độ rỗi còn Bát Quái Đài cầm quyền siêu rỗi. (Hay). Cả chơn thần toàn trong thế giới đặng tương hiệp nhau chỉ phải nhờ nơi cửa Hiệp Thiên Đài, ấy là phần thiêng liêng; còn phần phạm trần thì cầm quyền luật lệ, cũng như Đạo có phép Thiên Điều, mà gìn giữ công bình thiêng liêng cơ Tạo, chế sửa Nguơn Tranh Đấu²⁶⁴ ra Nguơn Bảo Tồn³³ làm cho nhơn loại đặng hoà bình, lánh xa cơ tự diệt. (Hay).

²⁶³ Hay lắm! Hay lắm,

²⁶⁴ Nguơn Tạo Hoá, Nguơn Tấn Hoá, và Nguơn Bảo Tồn, đã giải trong bài chú thích Pháp Chánh Truyền Cửu Trùng Đài Nam Phái.

P.C.T. - Hiệp Thiên Đài dưới quyền Hộ Pháp chương quân, tả có Thượng Sanh, hữu có Thượng Phẩm. Phần của Hộ Pháp, chương quân về pháp.

C.G.- Vậy thì Hiệp Thiên Đài phải dưới quyền Hộ Pháp chương quân, cũng như Cửu Trùng Đài dưới quyền Giáo Tông và Bát Quái Đài dưới quyền Đức Chí Tôn làm chủ.

HỘ PHÁP là ai?

Huyền vi mâu nhiệm của Đạo có Thiên Điều, cơ bí mật của Đòi có Luật pháp. Hộ Pháp là người nắm cơ mâu nhiệm của Đạo, nắm Luật của Đòi, xử đoán chư Chức Sắc Thiên Phong và cả Tín Đồ, cùng là xin ban thưởng, công thưởng tội trừng nơi thế này. Hễ có phạm tội mới khỏi Thiên trị, phải chiếu luật cho toàn cả Tín Đồ khỏi bị Thiên Điều, giữ phẩm vị thiêng liêng mỗi Chức Sắc, ắt phải gìn giữ đạo đức của mỗi người. Người dùng hình phạm làm cho giảm tội thiêng liêng. Hay!²⁶⁵ Nắm cơ mâu nhiệm công bình mà đưa các chơn hồn vào Bát Quái Đài, hiệp cùng chư Thần Thánh Tiên Phật. Người nắm trọn cả luật Đạo và luật Đòi đặng xử đoán, làm chủ phòng xử đoán.

Dưới quyền Hộ Pháp có bốn vị:

Tiếp Pháp

Khai Pháp

Hiển Pháp

Bảo Pháp

Bốn vị đồng quyền cùng Hộ Pháp khi đặng lệnh người sai đi hành chánh, song mỗi vị có một phận sự riêng, quyền hành riêng là:

TIẾP PHÁP là người tiếp luật lệ, đơn trạng kiện thưa, có quyền xét đoán coi có nên phân định hay chăng. Những điều nào không đáng thì chiếu theo Đạo Luật, hoặc bỏ qua, hoặc trả lại cho Cửu Trùng Đài. Còn như đáng việc phải phân định thì phải dâng lên cho Khai Pháp định đoạt.

Dưới Cửu Trùng Đài có Toà Tam Giáo cũng như Bát Quái Đài có Toà Tam Giáo Thiêng Liêng. Khi nào có Toà Tam Giáo Cửu Trùng Đài xử đoán rồi mà người bị cáo còn uất ức hàm oan thì mới kêu nài đến Toà Hiệp Thiên Đài. Thảng như Toà Hiệp Thiên Đài đã xử rồi mà bị cáo còn uất ức nữa thì phải kêu nài lên Toà Tam Giáo Thiêng Liêng là quyền của Bát Quái Đài chương quân. Dầu cho lập Toà Tam Giáo dưới Cửu Trùng Đài hay là đệ lên cho Toà Tam Giáo Thiêng Liêng là Bát Quái Đài cũng đều do nơi Hộ Pháp.

²⁶⁵ Ấy là lời khen của Đức Lý Giáo Tông.

KHAI PHÁP khi tiếp đăng luật lệ, đơn trạng kiện thưa của Cửu Trùng Đài định xử hay là đã xử nơi Tiếp Pháp dâng lên, thì quan sát coi nên cho cả Chức Sắc Hiệp Thiên Đài biết cùng chăng. Như đăng việc thì tức cấp nhứt diện tờ cho Cửu Trùng Đài xin đình đãi nội vụ lại bao lâu tùy ý, song chẳng đăng phép quá 15 ngày, nhứt diện trình cho Hộ Pháp hay, đăng Hộ Pháp mời nhóm Hiệp Thiên Đài. Khi hội Hiệp Thiên Đài thì Khai Pháp phải khai rõ nội vụ ra cho Hiệp Thiên Đài quyết định. Như quyết định phải sửa cải luật lệ hay là buộc án thì Khai pháp phải dâng lại cho Hiến Pháp.

HIẾN PHÁP khi tiếp đăng luật lệ đơn trạng thì phải mở đường tra vấn cho mình lẽ nên hư phải trái, đủ chứng cứ rõ ràng, rồi dâng lên cho Bảo Pháp cho đủ nội vụ. Cẩm Hiến Pháp không được thông đồng cùng Hiến Đạo và Hiến Thế. Ấy vậy kể từ việc chi đã giao vào tay Hiến Pháp rồi, thì đã ra bí mật, dầu cho Chức Sắc Hiệp Thiên Đài cũng không đăng biết tới nữa.

BẢO PHÁP thì gìn giữ sự bí mật ấy cho kín nhiệm, làm tờ đoán xét và định án chiếu y luật Đạo rồi dâng lên cho Hộ Pháp đăng người phân xử.

Bảo Pháp là người đầu phòng văn của Hộ Pháp.

P.C.T.- Lo bảo hộ luật đời và luật đạo; chẳng ai qua luật mà Hiệp Thiên Đài chẳng biết.

C.G.- Nói tóm lại, Hộ Pháp là người bảo hộ luật Đời và luật Đạo, gìn giữ cho Đạo khỏi qui phạm, nâng đỡ cho Đời vào Thánh vị. Chẳng ai qua luật mà Hiệp Thiên Đài chẳng biết. Dầu toàn Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài sái luật thì Hộ Pháp phải phân xử cho phân minh. Vì vậy mà Thầy buộc cả chi Pháp phải thế giữ dạ vô tư mà hành chánh.

THƯỢNG PHẨM là ai?

Thượng Phẩm là người thay mặt cho Hộ Pháp, phải tùng lệnh Hộ Pháp mà hành chánh. Hễ bước chơn vào cửa Đạo thì là có Thiên Phẩm, mà hễ có Thiên Phẩm rồi thì Thầy lại đem lên cho tới Thượng Phẩm mới trọn nghĩa Phở Đệ.

Các chơn linh, dầu nguyên nhân hay là hoá nhân, đều nhờ Thượng Phẩm gìn giữ bình vực cho ngôi đăng an ổn địa vị mình, giúp đỡ cho đức hạnh trở thêm cao cho khỏi phạm luật lệ; xem sóc ngôi thứ chẳng cho giành giựt lẫn nhau, ắt giữ cho Cửu Trùng Đài đăng hoà nhã êm đềm, khép cửa Thiên môn, cấm đường không cho các chơn linh thối bước. (Hay). Phẩm trật nhờ Người mà đăng thăng lên hay là bị Người mà phải hạ.

Người nắm luật Đạo nơi tay mà bình vực cả chư Chức Sắc Thiên Phong và các Tín Đồ, chẳng cho ai phạm luật, vừa lo cho người đạo hạnh lên cho tột phẩm vị của mình.

Thượng Phẩm là chủ phòng cải luật, làm Trạng sư của Tín Đồ,

P.C.T.- Thượng Phẩm thì quyền về Đạo, dưới quyền:

Tiếp Đạo

Khai Đạo

Hiển Đạo

Bảo Đạo

Lo về phần Tịnh Thất, mấy Thánh Thất, đều xem sóc chur môn đệ Thầy, binh vực chẳng cho ai phạm luật đến khổ khổ cho đặng.

C.G.- Các Tịnh Thất đều về quyền của Thượng Phẩm cai quản. Cả Tín Đồ thì về phần Người binh vực, chẳng cho ai phạm luật đến khổ khổ cho đặng. Các Chức Sắc trần nhậm mấy Thánh Thất phải do nơi quyền Người thuyên bổ, liệu lượng tài sức mỗi người mà chỉ định phận sự (công bình vậy).

Thượng Phẩm là cây cờ của Đạo. Hễ Đạo nơi nào thì Thượng Phẩm nơi ấy.

Thượng Phẩm đối quyền với Chương Pháp bên Cửu Trùng Đài.

Hiệp Thiên Đài là luật lệ mà Thượng Phẩm là chánh trị. Ấy vậy Thượng Phẩm là người của Cửu Trùng Đài nơi Hiệp Thiên Đài.

Bốn vị Thời Quân của chi Đạo, đồng quyền cùng Thượng Phẩm khi Người ban quyền hành chánh, song mỗi vị có phận sự riêng, quyền hành riêng là:

TIẾP ĐẠO là người tiếp cáo trạng, án tiết thì phải quan sát trước coi có oan ức chi chẳng, đáng ra binh vực thì phải dâng lại cho Khai Đạo.

KHAI ĐẠO khi đặng tờ kêu nài cầu rỗi thì liệu như đáng rỗi thì phải nhứt diện tư từ qua cho Toà Tam Giáo Cửu Trùng Đài xin đình án bao lâu tùy ý, song chẳng đặng phép quá 15 ngày, nhứt diện dâng sớ cho Hộ Pháp cầu nhóm Hiệp Thiên Đài đặng định liệu. Như phải đáng bào chữa thì Khai Đạo phân giải giữa hội cho ra lẽ oan ung, Hiệp Thiên Đài cho lệnh thì mới dâng nội vụ lên cho Hiển Đạo.

HIỂN ĐẠO khi đặng tờ chỉ của Khai Đạo dâng lên, tức cấp phải tìm biết căn nguyên cho rõ ràng, Cấm không cho Hiển Đạo thông đồng cùng Hiệp Pháp và Hiến Thế. Sự chi đã giao vào tay Hiển Đạo rồi, thì đã ra bí mật, dầu cho Chức Sắc Hiệp Thiên Đài cũng không đặng biết tới nữa.

Hiển Đạo phải dâng nội vụ lên cho Bảo Đạo.

BẢO ĐẠO phải gìn giữ bí mật ấy cho kín nhiệm, làm tờ lý đoán binh vực chiếu y luật Đạo rồi dâng lên cho Thượng Phẩm đặng Người lo phương bào chữa.

Bảo Đạo là người làm đầu phòng văn của Thượng Phẩm.

Thượng Phẩm và tứ vị Thời Quân của chi Đạo phải thề giữ dạ vô tư mà hành chánh.

THƯỢNG SANH là ai?

Vật chất hữu sanh, thảo mộc hữu sanh, cầm thú hữu sanh, Nhơn loại hữu sanh, tức là chúng sanh. Trong chúng sanh có nguyên sanh,²⁶⁶ hoá sanh,²⁶⁷ và qui sanh.²⁶⁸

Tỷ như nguyên nhân là khi khai Thiên rồi thì đã có chơn linh ấy. Còn hoá nhân là chơn linh vật loại, đoạt đến phẩm vị Nhơn loại. Còn qui nhân là hai chơn linh vật loại đoạt đến phẩm vị Nhơn loại nhưng xu hướng ác hành mà bị đọa đầy vào qui vị.

Trong các kiếp hữu sanh, duy có phẩm người là cao hơn hết, nên gọi là Thượng Sanh.

Lập Tam Kỳ Phổ Độ này, Thầy đem các chơn linh, dầu nguyên Nhơn, qui sanh, hay hoá sanh, lên phẩm vị Nhơn loại mới trọn câu phổ độ.

Chơn linh các nguyên nhân bị đọa trần, qui Nhơn chuộc tội, hay là hoá Nhơn thăng cấp đều nhờ Thượng Sanh độ rỗi (ấy là thể độ) nên. Thượng Sanh làm chủ của Thế Đạo, nắm luật thể nơi tay mà diu dắt cả chúng sanh vào cửa Đạo.

Ai làm cho ngăn cản bước đường tu của thể gian thì Thượng SSanh đặng quyền kiện cùng Toà Thánh. Chư Chức Sắc phạm luật làm cho chúng sanh phải xa lánh Đạo thì Người có quyền trị tội tức thì.

Thượng Sanh làm chủ phòng Cáo Luật.

P.C.T.- Thượng Sanh thì lo về phần đời:

C.G.- Mỗi sự chi thuộc về Đời thì về quyền của Thượng Sanh.

Dưới quyền Thượng Sanh có bốn vị Thời Quân là:

Tiếp Thế

Khai Thế

Hiển Thế

Bảo Thế

Bốn vị Thời Quân chi Thế đồng quyền cùng Thượng Sanh khi Người ban lệnh hành chánh, song mỗi vị có một phận sự riêng, quyền hành riêng là:

Tiếp Thế khi đặng thể luật hay là trạng cáo chi của ngoại Đạo cùng là của Tín Đồ mà kiện thưa trách cứ Chức Sắc Thiên Phong, bắt câu phẩm vị nào, phải dâng lên cho Khai Thế.

²⁶⁶ Nguyên sanh là gốc từ Khai Thiên đã có.

²⁶⁷ Hoá sanh là Khai Thiên rồi mới biến hoá ra.

²⁶⁸ Qui sanh là hai phẩm kia phạm Thiên Điều bị sa đọa.

KHAI THẾ khi tiếp đặng đơn trạng chi chi của Tiếp Thế dâng lên, thì phải tìm hiểu các nguyên nhân coi có đáng buộc án cùng chăng. Như đặng thì nhứt diện tư tờ qua Cửu Trùng Đài cho biết nội vụ, nhứt diện đặng số cho Hộ Pháp cầu Người mời hội Hiệp Thiên Đài đặng định đoạt. Khi đặng lệnh của Hiệp Thiên Đài thì Khai Thế phải đặng nội vụ lên cho Hiến Thế.

HIẾN THẾ khi tiếp nhận nội vụ của Khai Thế dâng qua thì tức cấp phải đi tra xét cho đủ chứng cứ rõ ràng rồi dâng lên cho Bảo Thế. Cấm nhứt không cho Hiến Thế thông đồng cùng Hiến Pháp và Hiến Đạo. Mỗi việc chi hễ vào tay Hiến Thế rồi, thì đã ra bí mật, dầu cho Chức Sắc Hiệp Thiên Đài cũng không đặng biết tới nữa.

BẢO THẾ phải gìn giữ sự bí mật ấy cho kín nhiệm, rồi chiếu y theo Đạo luật và Thế luật mà làm tờ buộc án, kể dâng lên cho Thượng Sanh đặng Người đến Toà Tam Giáo Cửu Trùng Đài, Hiệp Thiên Đài, hay Bất Quái Đài mà buộc tội.

Bảo Thế là người đầu phòng văn của Thượng Sanh.

Thượng Sanh là cây cờ của thế tức là Đòi. Ấy vậy Đòi nơi nào thì Thượng Sanh nơi đó. Người có quyền xem xét kẻ hành Đạo, coi Thánh Đức có đặc non tâm cùng chăng. Nhược bằng kẻ ấy thể Đạo không đủ tư cách thì Người có quyền dâng số cầu xin thuyên bố.

Thượng Sanh đối quyền với Chương Pháp bên Cửu Trùng Đài.

Hiệp Thiên Đài là luật lệ mà Thượng Sanh là chánh trị, ấy vậy là người của Cửu Trùng Đài nơi Hiệp Thiên Đài.

Thượng Sanh và tứ vị Thời Quân về chi Thế cũng phải thế giữ dạ vô tư mà hành chánh.

Ngoài Pháp Chánh Truyền dưới quyền Hộ Pháp thì còn **BẢO VĂN PHÁP QUÂN** (Artset Belle Lettres) trước Thầy phong tạm làm Tiếp Lễ Nhạc Quân nay đã vào chánh vị đặng chỉnh đốn lễ nhạc lại cho hoàn toàn, cho tới ngày thành Đạo. **BẢO SANH QUÂN** (Assistance Publique) Thầy đương phong tạm làm Tiếp Y Quân đặng đợi tới ngày thành Đạo. **BẢO HỌC QUÂN** (Enseignement) và nhiều Chức Sắc khác nữa Thầy chưa lập.

Các vị ấy Hộ Pháp còn đương chờ đến.

P.C.T.- Thầy khuyên các con lấy tánh vô tư mà hành Đạo. Thầy cho các con biết trước rằng: Hễ trọng quyền thì ắt trọng phạt.

C.G.- Vì lời khuyên của Thầy mà Đức Lý Giáo Tông Ngài xin buộc cả Chức Sắc Hiệp Thiên Đài phải minh thế giữa Hội Thánh rằng: Lấy dạ vô tư mà hành Đạo, lại muốn tỏ ra rằng: Chức Sắc Hiệp Thiên Đài thật trọng quyền. Ngài mới ban dây sắc lệnh, buộc cả Tín Đồ và cả Chức Sắc Thiên Phong, hễ mỗi Chức Sắc Hiệp Thiên Đài mang dây sắc lệnh vào mình mà hành chánh nơi nào thì phải tuân mạng, dầu lỗi quấy cũng phải chịu theo, chỉ để cho Hội Thánh có quyết định tội, lại buộc cả Chức Sắc nào đã

thọ quyền của Hiệp Thiên Đài cũng phải minh thệ y như vậy mới đăng hành chánh. (Bảo Văn Pháp Quân cũng phải vậy nữa nghe).²⁶⁹

ĐẠO PHỤC CHỨC SẮC HIỆP THIÊN ĐÀI

ĐẠO PHỤC CỦA HỘ PHÁP

C.G.- Đạo phục của Hộ Pháp có hai bộ, một bộ Đại Phục và một bộ Tiểu Phục.

Bộ Đại Phục: Người phải mặc giáp, đầu đội Kim Khôi toàn bằng vàng. Trên Kim Khôi có thể Tam Sơn, giống như cái chia ba nhánh, chủ nghĩa là Chương Quân Tam Thiên bên Tây Phương Cực Lạc. Chơn đi hia, trên chót mũi hia có chữ PHÁP. Ngoài giáp thì choàng mảng bào, thể nào bên tả phải giáp, bên hữu thì mảng. tay hữu (bên Đạo, nghĩa là bên Thượng Phẩm) cầm Giáo-ma-Xử (thể, lấy Đờì chế Đạo) còn tay tả (bên Thế, nghĩa là bên Thượng Sanh) nắm râu chuỗi Từ Bi (thể, lấy Đạo chế Đờì) thành ra nửa Đờì nửa Đạo. Ngang lưng cột dây lĩnh sắc có ba màu Đạo (thể chương quân Tam Giáo nơi mình, nắm trọn Thế Pháp và Bí Pháp đăng qui nhưt, cái mỗi dây lĩnh sắc phải ngay chính giữa bụng).

Bộ Tiểu Phục thì toàn bằng hàng vàng (màu Đạo). Đầu đội Hồn Nguơn Mạo màu vàng, bề cao một tấc, ngay trước trán chính giữa có thêu ba Cổ Pháp của Tam Giáo là Bình Bát Vu, cây Phát Chủ, và bộ Xuân Thu; ngay trên ba cổ pháp ấy có chữ PHÁP. Chơn đi giày vô ưu màu trắng. nơi chót mũi giày có chữ PHÁP. Lưng nịt dây lĩnh sắc y như Đại Phục.

Khi ngồi Toà Tam Giáo thì phải mặc bộ Tiểu Phục, còn Đại Phục thì chỉ để khi ngự trên ngai mình.

ĐẠO PHỤC CỦA THƯỢNG PHẨM

C.G.- Đạo Phục của Thượng Phẩm cũng có hai bộ, một bộ Đại Phục và một bộ Tiểu Phục.

Bộ Đại Phục thì toàn bằng hàng trắng, ngoài mặc áo lá màu xanh có viền chỉ kim tuyến bạc. Đầu đội trần. Chơn đi giày vô ưu màu trắng, trước mũi giày có chữ ĐẠO. Lưng buộc dây lĩnh sắc y như của Hộ Pháp, song mỗi phải thả ngay bên hữu. Tay hữu cầm Long Tu Phiến (nghĩa là cái quạt kết đủ 36 lông cò trắng), trên đầu quạt ngay giữa có Phát Chủ (thể, quạt đưa các

²⁶⁹ Ấy là lời Đức Lý Giáo Tông dặn Bảo Văn Pháp Quân.

chơn hôn vào Tam Thập Lục Thiên, nghĩa là vào Thiên vị), tay tả nắm râu chuỗi Từ Bi, (thê, dâng Đạo vào cho Hộ Pháp).

Bộ Tiểu Phục cũng bằng hàng trắng. Lưng cột dây lĩnh sắc y như Đại Phục, đầu đội Hồn Nguơn Mạo màu trắng y như của Hộ Pháp, ngay giữa trán có thêu Long Tu Phiến, ngay trên hình Long Tu Phiến có chữ ĐẠO.

Khi đến Toà Tam Giáo thì phải mặc bộ Tiểu Phục, còn Đại Phục thì chỉ dùng khi đến ngự trên ngai mình.

ĐẠO PHỤC CỦA THƯỢNG SANH

C.G.-Đạo Phục của Thượng Sanh cũng có hai bộ, một bộ Đại Phục và một bộ Tiểu Phục.

Bộ Đại Phục cũng y như của Thượng Phẩm. Đầu bịt Thanh Căn (nghĩa là một bao đánh xanh). lưng mang dây Thần Thông (nghĩa là một đường lụa đỏ), và nịt dây sắc lĩnh y như của Hộ Pháp và Thượng Phẩm, song mỗi phải thả ngay về bên tả. Nơi lưng giắt Thư Hùng Kiếm (thê, tạo thế và chuyển thế), tay hữu cầm cây Phát Chủ (thê, đưa thế vào cho Hộ Pháp), tay tả nắm râu chuỗi Từ Bi (thê, dâng Đạo cho nhơn sanh). Chơn đi giày vô ưu màu trắng, trước mũi giày có chữ THẾ.

Bộ Tiểu Phục cũng y như của Thượng Phẩm, song ngay trước mào chính giữa có thêu Thư Hùng Kiếm và Phát Chủ, ngay trên hình Thư Hùng Kiếm và Phát Chủ có chữ THẾ. Lưng cột dây lĩnh sắc như Đại Phục.

Khi đến Toà Tam Giáo thì phải mặc bộ Tiểu Phục, còn Đại Phục thì chỉ dùng khi đến ngự trên ngai mình.

ĐẠO PHỤC CỦA THẬP NHỊ THỜI QUÂN

C.G.- Đạo Phục của Thập Nhị Thời Quân có hai bộ, một bộ Đại Phục và một bộ Tiểu Phục.

Bộ Đại Phục toàn bằng hàng trắng, cổ trệt viền chi kim tuyến bạc. Đầu đội mào quạ cũng bằng hàng trắng. Lưng nịt dây lĩnh sắc theo chi mình mà thả mối. Chơn đi giày vô ưu màu trắng.

Bộ Tiểu Phục cũng toàn bằng hàng trắng. Lưng nịt dây lĩnh sắc y như Đại Phục. Đầu đội mào cũng như Tiểu Phục của Hộ Pháp, Thượng Phẩm và Thượng Sanh, tùy theo chi mình mà để Cổ Pháp. Chơn đi giày vô ưu màu trắng.

Khi hành chánh thì mặc bộ Tiểu Phục còn Đại Phục thì dùng khi Đại lễ. Còn nhiều vị Chơn Quân khác hoặc đã đến rồi hoặc chưa đến, mà Đạo Phục còn để tạm hay là Thầy chưa quyết định, sau sẽ giải rõ.

ĐẠO PHỤC CỦA BẢO VĂN PHÁP QUÂN

C.G.- Bộ Đại Phục của Văn Pháp toàn bằng hàng trắng. Đầu đội Nhựt Nguyệt Mạo²⁷⁰ như các Chức Sắc Hiệp Thiên Đài, song hai bên ngay chính giữa có kết một bông sen năm cánh, trên mỗi bông thì thêu Thiên Nhân Thầy; ngay đường giữa trước mào cũng kết một bông sen nhưng khỏi thêu Thiên Nhân. Cả thầy là ba bông sen trên mào.

Lưng đai Bạch Tuyết Thần Quang bằng hàng trắng, bề dài ba thước ba tấc ba phân, bề ngang ba tấc ba phân ba ly, buộc mỗi chừa ra trước thế nào đủ thắt một bông sen năm cánh.

Chon đi giày vô ưu bằng hàng trắng, trước mũi mỗi chiếc cũng có một bông sen nhỏ hơn một tí.

ĐẠO PHỤC CỦA BẢO SANH QUÂN

C.G.- Bộ Đại Phục của Bảo Sanh Quân toàn bằng hàng trắng. Đầu đội Nhựt Nguyệt Mạo giống như các Chức Sắc Hiệp Thiên Đài, ngay giữa mào từ ba lên bốn phân thêu một Thiên Nhân; hai bên mào thêu hai Thiên Nhân nữa, cả thầy là ba. Vòng theo vành mào cột một sợi dây Tiên Thằng, bề ngang tám phân, bề dài hai thước, buộc thế nào chừa Thiên Nhân ngay giữa mào ra, cho hai mối thông xuống hai bên vai. Lưng đai Song Quang Thần Thông (nghĩa là một đường lụa trắng), kết hai bên hông hai vòng vô vi.

Chon đi giày vô ưu cũng bằng hàng trắng.

(Trích Thánh Ngôn Hiệp Tuyển)

²⁷⁰ Y theo Thánh Giáo ngày 13 Mars 1931 của Lục Nương Diêu Trì Cung dạy về mào của Thập Nhị Thời Quân thì cài vòng tròn úp lên đầu đội là "Thế Nhựt Hình", còn hình bán nguyệt của mào là "Thế Nguyệt Tượng". Vậy thì gọi là Nhựt Nguyệt Mạo.

Phụ Chương

SƠ LƯỢC VỀ SOẠN GIẢ



Đạo Trường MINH LÝ sáng lập và lãnh đạo Cơ Cao Đài Giáo Việt Nam Hải Ngoại, một tổ chức có pháp nhân hoàn toàn tôn giáo (Exclusively religious), với mục đích Giữ Đạo và Hoằng Đạo ở hải ngoại.

Trước kia khi còn ở nước nhà, đã thọ Thiên Phong Tham Lý, một trong ba địa vị lãnh đạo tối cao trong hàng Minh Đạo, đồng thời kiêm nhiệm quyền Tổng Thư Ký, trong Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam tại Sài Gòn, một tổ chức đạo chuyên về giáo lý Cao Đài và hành đạo trên hai bình diện: Ngoại Giáo Công Truyền và Nội Giáo Tâm Truyền, làm gạch nối giữa các Chi Phái Đạo và tôn giáo bạn ở nước nhà.

Được Đức Diêu Trì Km Mẫu gọi vào trường hành đạo, và được Đức Lý Đại Tiên Trưởng Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ giao cho trọng trách soạn bản Quy Điều Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, mà sau này được Ông Trên phê chuẩn và phát ban gọi là Thánh Dụ Quy Điều Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam.

GIÁO TÔNG ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

Giờ này, Bản Đạo lãnh lệnh Linh Tiêu Bửu Điện cùng Cộng Đồng Tam Giáo, nơn danh Giáo Tông Đại Đạo, đến chấp nhận Bản Dự Án Quy Điều Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý mà Đức Lê Đại Tiên đã duyệt khảm một lần chót.

Toàn thể Chức Chương hiện có và nơn viên hãy nghe đây:

SẮC LINH:

Chiếu các Sắc Lệnh dạy Tham Lý Minh Đạo soạn thảo Bản Dự Án Quy Điều,

Chiếu quyết định của Hội Đồng các hàng Tiên Bối Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ,

Chiếu đề nghị của Lê Đại Tiên,

GIÁO TÔNG ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

Thừa Sắc Lệnh Linh Tiêu Bửu Điện,

Thừa Thánh Sắc Cộng Đồng Toà Tam Giáo.

SẮC LỆNH:

Điều 1.- Nay chuẩn phê và phát ban Quy Điều cho Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam

Điều 2.- Tổng Lý Minh Đạo, Tham Lý Minh Đạo, Hiệp Lý Minh Đạo, Tổng Thư Ký sẽ được đặc cử hoặc do Thiêng Liêng chỉ định, chiếu nhiệm vụ thi hành Bản Qui Điều này.

SẮC CHỈ:

Tiếp Điền:

GIÁO TÔNG ĐẠI ĐẠO LÝ THÁI BẠCH - Bản Đạo chào chư Thiên Mạng, chào chư hiền đệ, hiền muội.

Vâng Sắc Chỉ đến ban phát phận sự cho Sứ Mạng Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý ..., và các Sứ Mạng Phận Sự nghe Bản Đạo phân dạy:

BÀI:

*Trời vốn Đấng Cha Chung muôn loại
Đạo là đường quang đại chánh trung
Trời khai Đạo cõi trần hồng
Người người đều sứ mạng chung hoá hồng.*

ĐỒ VANG LÝ

*Mấy mươi năm học trường thế sự
Đúng cơ duyên gìn giữ sơ đồ
Nguyên nhân chánh giác tìm vô
Chung tay xây đắp qui mô Đạo Trời.*

Hiền đệ, Bản Đạo thừa lệnh Chí Tôn trao nhiệm vụ Tham Lý Minh Đạo cho hiền đệ, và ban danh là Minh Lý.

Hãy thành tâm tạ ơn Chí Tôn, và đứng lên thi lễ cùng huynh đệ.

Còn đây là trách vụ Tổng Thư Ký là một trách vụ trọng yếu trong Cơ Quan mà Chí Tôn chưa chỉ định. Tổng Thư Ký phải có trí, tài, đức, hạnh trội hơn các cấp Vụ Trưởng của Cơ Quan, và sẽ giữ vững tinh thần lãnh đạo bất biến của các cấp Minh Đạo. Cơ Quan thiếu Tổng Thư Ký như một cái máy thiếu chiếc tay lái.

Vậy thì Bản Đạo thừa Thánh Ý Tổng Hội Cộng Đò ng Tam Giáo, uỷ thác cho Tham Lý Minh Đạo kiêm nhiệm quyền Tổng Thư Ký Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, cho đến khi nào Chí Tôn chỉ định.

...

Đàn tại Nam Thành Thánh Thất, Hợi Thời, ngày 14 tháng 2, năm Đạo thứ 41, Bình Ngũ.

GIÁO TÔNG ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

(Thánh Dự Qui Điều trang 29 -34)

Sau này được các nơi khác mời về thọ Thiên Phong Chương Pháp, Đầu Sư, hoặc Chương Quán phần Cửu Trùng Đài, và được Toà Thánh Tây Ninh đòi về để thọ Thiên Phong, nhưng đều từ khước tất cả, không nhận bất cứ một Phẩm nào của bất cứ một Chi nào.

Đạo Trưởng Minh Lý nhập môn tại Nam Thành Thánh Thất (Sài Gòn), và tại Toà Thánh Tây Ninh, và đã hành đạo từ Thừa Thiên đến Bạc Liêu Cà Mau, ở thành thị cũng như ở thôn quê miền Nam xứ Việt, bất câu Chi Phái, Thánh Thất Thánh Tịnh biệt lập. Đạo Trưởng đã mở phong trào liên giao rộng rãi, thường xuyên và chặt chẽ với các tôn giáo bạn trong nước.

Đạo Trưởng Minh Lý thọ pháp trực tiếp với Đức Đông Phương Chương Quán, nay được biết là Đức Thái Thượng Đạo Tổ, một trong nhiều kiếp của Đức Lão Tử.

Tên đời là Vạn-Lý, giòng họ Đỗ, một trong ba họ mà sử đã ghi: Tống, Huỳnh, Đỗ đã hiển nhiều công trạng oanh liệt cho dân tộc, từ đời nhà Nguyễn qua nhóm Đông Sơn ở các vùng Trà Vinh, Vĩnh Long, Sa Đéc, Châu Đốc, Mỹ Tho, Bến Tre v.v... Thân phụ là Thuần Hậu, người đã sáng lập ra pháp môn Thiên Vô Vi ở Nam Việt, hiện được phổ thông đây đó các nơi trên thế giới. Nay là Huyền Pháp Đạo Nhơn trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Đỗ Phủ Đường đặt tại Sa Đéc, với hẽm riêng biệt của họ Đỗ.

Hồi thiếu thời, noi theo dấu chân của Tổ Tiên và Tiên Nhân, đã lìa quê hương theo tiếng gọi của Phục Quang Hội của Kỳ Ngoại Hầu Cường Để ở Trung Hoa và Nhật Bản, tham gia vào phong trào cách mạng giành độc lập tự do cho đất nước, và cho các nước Đông Nam Á.

Cũng là Tổng Bí Thư cho Mặt Trận Đòi Độc Lập Cho Các Nước Đông Nam Á (Front For The Independence Of Southeast Asian Countries). Đồng thời, cũng ngầm ngầm yểm trợ các Hội Kín Giành Độc Lập cho Triều Tiên tại Nhật Bản.

Sau Đệ Nhị Thế Chiến, cuộc Cách Mạng này lan tràn sang đến Mỹ Quốc với sự hiện diện của cụ Đỗ ở miền Đông nước Mỹ, mở màn cho một kỷ nguyên mới cho tiếng nói quốc gia Việt Nam, mà cụ là phát ngôn viên đầu tiên và duy nhất. Báo New York Post gọi cụ là "The Apostle of Vietnam Nationalism". Được cố Tổng thống Ngô Đình Diệm tìm gặp, và sau ba ngày thảo luận, cụ đồng ý ra cộng tác, và vận động cùng một số anh chị em trẻ tuổi cho việc hồi hương chấp chánh của cố Tổng Thống. Cụ đại

diện cho cô Tổng Thống, khi cô Tổng Thống hoạt động ở chính trường Âu Châu trong lúc các cường quốc đang họp bàn chia đất nước nhà ra làm hai.

Sau đó cụ cùng một số anh chị em đã vận động trước kia cho cô Tổng Thống ở Mỹ tình nguyện hồi quốc để giúp nước. Cụ về từng sự tại Bộ Ngoại Giao, và sau một thời gian được bổ nhiệm Trưởng Nhiệm Sứ, Đại Sứ ở nước ngoài: Bắc Nam Mỹ, Nhật Bản, Ấn Độ, Nam Dương, v.v... trong cả hai thời kỳ Đệ Nhất và Đệ Nhị Cộng Hoà.

Sau ngày đại nạn của đất nước, cụ vẫn ở lại Việt Nam và lìa khỏi quê hương sau đó ít lâu, vượt biên cùng một số bạn Đạo.

Nay cụ Đỗ đã phé đời, ít khi lý đến thế sự, tu tâm dưỡng tánh, hành Đại Đạo giúp nhơn sanh nói chung, và tìm cách bảo trợ đồng bào Đạo tỵ nạn ở các trại Động Nam Á nói riêng. Bối cảnh kiến thức của cụ là Luật Học, Hoá Học, và Chánh Trị Học. Cụ là tác giả một số sách đã được xuất bản: *Aggressions by China, The Stork and The Shrimp, Tìm Hiểu Đạo Cao Đài*, v.v...
